JEFFERY DEAVER

KIM CƯƠNG ĐOẠT MẠNG

ORKID *dịch*

JEFFERY DEAVER

Orkid *dịch*

—★—

KIM CƯƠNG ĐOẠT MẠNG

• THE CUTTING EDGE •

(Lincoln Rhyme, #14)

BÁCH VIỆT & NXB LAO ĐỘNG

ebook©vctvegroup | 23-02-2021

Tặng đội Texas: Dan, Ellen, Wyatt, Bridget, Ingrid, Eric và những nàng cao bồi yêu thích của tôi Brynn, Sabrina và Shea.

Tôi trông thấy một thiên thần trong khối cẩm thạch và tạc mãi đến khi thả người tự do.

- MICHELANGELO -

I

ĐỊNH HÌNH

Thứ Bảy, 13 tháng Ba

CHƯƠNG 1

“Nó an toàn không?”

Anh cân nhắc một thoáng, “An toàn ư? Tại sao lại không cơ chứ?”

“Em chỉ hỏi thôi. Chỗ này cứ hoang vắng sao ấy.” Cô gái nhìn quanh tiền sảnh thiếu sáng và xập xệ, lớp vải nhựa lót sàn đã cũ và sờn đến nỗi trông cứ như đã bị đánh bằng giấy ráp. Họ là những người duy nhất ở đây, đang đứng trước cửa thang máy. Tòa nhà này nằm ngay giữa trung tâm quận Kim Cương của khu Midtown Manhattan. Vì hôm đó là thứ Bảy, ngày lễ Sabbath của Do Thái giáo nên rất nhiều cửa hàng và công ty đóng cửa. Cơn gió tháng Ba rú rít và rền rĩ.

Vị hôn phu của cô, William, nói, “Anh nghĩ chúng ta sẽ ổn cả thôi. Chỉ bị ám có một nửa.”

Cô cười, nhưng biểu cảm ấy nhanh chóng biến mất.

Hoang vắng, phải rồi, William nghĩ. Và u ám. Điển hình của những tòa văn phòng khu Midtown, được xây dựng từ những năm nào, ai mà biết được? Ba mươi? Hay bốn mươi nhỉ? Nhưng khó mà không an toàn được.

Mặc dù không hiệu quả cho lắm. Cái thang máy đâu nhỉ? Chết tiệt.

William nói, “Đừng lo. Không giống khu Nam Bronx đâu.”

Anna nói lí nhí, “Anh đã bao giờ đến Nam Bronx đâu.”

“Anh đi xem một trận Yankee rồi mà.” Anh đã từng đi đi về về *ngang qua* khu Nam Bronx trong cả mấy năm trời. Nhưng anh chưa từng nhắc đến chuyện đó.

Từ sau hai cánh cửa kim loại dày, động cơ bắt đầu quay và dây ròng rọc được kéo lên. Âm thanh kẽo kẹt, ken két làm nền cho chuyển động.

Thang máy. Chà, *cái đó* nghe không an toàn mấy. Nhưng làm gì có chuyện Anna chịu leo ba tầng thang bộ. Vị hôn thê có bờ vai rộng rãi, mái tóc vàng và cử chỉ hoạt bát của anh hoàn toàn khoẻ mạnh, nhờ có các phòng tập và nỗi ám ảnh đáng yêu của nàng với vòng Fitbit màu đỏ rực. Nàng không hề phản đối chuyện dụng sức với cái liếc cau có tuyệt vời kia; mà như nàng từng có lần nói ra, đàn bà con gái không leo cầu thang bộ ở những toà nhà như thế này.

Kể cả là để làm những công chuyện thú vị.

Một lần nữa thực tế lại trỗi dậy. “Anh chắc chắn đây là ý tưởng hay đấy chứ, Billy?”

Anh đã chuẩn bị sẵn. “Tất nhiên là có.”

“Nó quá đắt!”

Đúng là thế. Nhưng William đã tìm hiểu kĩ và biết anh đang mua được món hàng tốt với 16.000 đô-la. Viên đá mà Ông Patel đang đặt lên trên chiếc nhẫn vàng trắng cho ngón tay xinh đẹp của Anna là một giác cắt công chúa 1,5 cara, hạng F, có nghĩa là không màu theo đúng nghĩa đen, rất gần với hạng D lý tưởng. Viên đá được đánh giá là gần như không có khiếm khuyết - hạng IF, tức là chỉ có

vài lỗi vặt (Ông Patel giải thích rằng chúng được gọi là “các tạp chất”) mà chỉ có chuyên gia soi kính lúp mới phát hiện ra. Nó không hoàn hảo hay to lớn nhưng vẫn là một viên đá các-bon kì vĩ mà khi nhìn qua chiếc kính lúp của ông Patel, nó có thể làm bạn nghẹn thở.

Quan trọng hơn cả là Anna yêu nó.

Suýt thì William đã buột miệng, Ta chỉ làm đám cưới một lần trong đời thôi mà. Nhưng tạ ơn Chúa vì anh đã ngừng giữa chừng. Vì dù điều đó đúng trong trường hợp của nàng, với anh thì không. Anna không ngại quá khứ của anh, hay không tỏ ra *dấu hiệu* gì là nàng ngại, nhưng tốt nhất không nên khơi đề tài ấy lên (chính vì vậy mà anh phải chỉnh sửa lại câu chuyện năm năm lui tới Westchester.)

Cái thang máy ở chỗ chết tiệt nào ấy nhỉ?

William Sloane ẩn nút lần nữa, mặc dù nó đã sáng rồi. Và họ cùng cười trước hành động vô ích ấy.

Đằng sau họ cánh cửa dẫn ra phố mở ra và một người đàn ông bước vào. Đầu tiên anh ta chỉ là một cái bóng, do ánh sáng chiếu từ đằng sau qua cánh cửa kính cáu bẩn. William cảm thấy thoáng bất an.

Việc này có an toàn không… ?

Có lẽ mấy phút trước anh đã quá vội khẳng định chắc chắn. Mười phút nữa anh và Anna sẽ bước ra khỏi đây với số tiền đủ trả trước cho một căn nhà trên ngón tay nàng. Anh nhìn quanh và thấy phiền lòng vì ở đây chẳng có cái camera an ninh nào cả.

Nhưng người đàn ông lại gần hơn, mỉm cười lịch sự và gật đầu, rồi quay trở lại đọc tin nhắn của mình. Anh ta có nước da nhợt nhạt,

mặc chiếc áo khoác tối màu và đội mũ len, bên tay cầm điện thoại đang có cặp găng tay vải - tất cả những phụ kiện cần thiết cho ngày tháng Ba lạnh giá khác thường này. Và cả một chiếc cặp táp nữa. Anh ta làm việc ở đây… hoặc có lẽ cũng đang đi chọn nhẫn cho hôn thê *của mình* ở chỗ Patel. Không có mối nguy hiểm nào cả. Dẫu vậy, vốn cũng nghiện phòng tập và Fitbit, bản thân William cũng khoẻ mạnh cường tráng và có thể hạ đo ván một gã cỡ này. Anh đoán mọi đàn ông đều ôm ấp cái ảo tưởng này, không lúc này thì lúc khác.

Cuối cùng, thang máy cũng đến và hai cánh cửa ì ạch mở ra. Họ bước vào và người đàn ông ra dấu cho cặp đôi vào trước.

“Xin mời.” Giọng có trọng âm. William không thể đoán được quốc gia nào.

“Cảm ơn anh,” Anna nói.

Một cái gật đầu.

Đến tầng ba, cửa mở và người đàn ông lại dùng lòng bàn tay ra dấu. William gật đầu đáp lại, anh và Anna tiếp tục đi tới Patel Designs ở mãi cuối hành lang dài mờ tối.

Jatin Patel là một người đàn ông thú vị. Ông ta nhập cư từ Surat, miền tây Ấn Độ, cũng là thủ phủ đánh bóng kim cương của quốc gia này - và của thế giới hiện nay. Hôm cặp đôi tới đây để đặt hàng từ nhiều tuần trước, Patel mải mê kể chuyện, giải thích rằng phần lớn những viên kim cương làm trang sức đều được đánh bóng ở đó, trong những nhà máy nhỏ xíu hầm hập như khu tập thể, vừa nóng vừa bẩn thỉu và hệ thống thông gió thì không ra gì. Chỉ có những viên kim cương tốt nhất là vẫn được cắt ở New York hay Antwerp

hay Israel mà thôi. Nhờ tài năng của mình, ông ta đã nổi bật hơn hẳn so với đám thợ cắt còn lại - cả ngàn người ở Surat - và dành dụm đủ tiền để sang Mỹ mở một cửa hàng.

Ông ta bán lẻ đồ trang sức và kim cương - cho những cặp đôi như vợ chồng sắp cưới nhà Sloane chẳng hạn - nhưng nổi tiếng nhờ tài cắt những viên kim cương cao cấp từ đá thô.

Trong chuyến thăm lần trước, William đã rất thích thú tìm hiểu về ngành kinh doanh kim cương, thích đến nỗi thi thoảng Patel phải bớt lời và lái câu chuyện khỏi những câu hỏi ngây thơ của anh. Anh cho rằng giới kim cương là một thế giới ngầm và bí mật ở rất nhiều mặt. Hãy nhìn vào đám kim cương máu - những viên đá được các lãnh chúa và bọn khủng bố khai thác ở Châu Phi, rồi dùng lợi nhuận để tài trợ cho các tội ác khủng khiếp của chúng. (Viên đá hảo hạng William đang mua được đảm bảo rằng việc khai thác nó là hoàn toàn tuân thủ đạo đức. Mặc dù William không thể không thắc mắc điều đó đúng được mấy phần. Rốt cuộc, liệu đám hoa lơ xanh anh luộc tối qua có thực sự được trồng hữu cơ như tấm thẻ trong cửa hàng thực phẩm nọ đã hứa hay không?)

Anh để ý thấy người đàn ông đi cùng họ trong thang máy đã dừng ở ngay cánh cửa trước văn phòng Patel và đang bấm nút điện thoại nội bộ.

Vậy là anh ta đàng hoàng.

William tự trách vì đã lo ngại và bấm nút gọi Patel Designs. Giọng nói qua loa vang lên: “Vâng? Ai đấy? Anh Sloane phải không?”

“Vâng, chúng tôi đây.”

Có tiếng cạch ở cửa và họ bước vào.

Chính vào lúc đó, một ý nghĩ nảy ra trong đầu William Sloane. Như ở nhiều toà nhà kiểu cũ khác, cánh cửa dẫn vào mọi văn phòng ở tầng này đều có cửa lùa bên trên - làm bằng những ô kính nằm ngang. Ở đây chúng còn được mấy thanh chắn dày bao ngoài, vì vấn đề an ninh. Cái cửa phía trên cửa của Patel sáng lên, để lộ ánh đèn bên trong. Nhưng cánh cửa lùa kế bên - nơi gã đàn ông đi cùng thang máy đã dừng chân - thì lại tối om.

Công ty ấy đã đóng cửa.

Không!

Tiếng chạy bỗng dồn dập sau lưng họ, William hoảng hốt quay lại và thấy gã kia lao về phía họ, mặt nạ trượt tuyết đã che cả đầu. Hắn đẩy họ vào trong căn phòng nhỏ nơi Patel ngồi sau quầy. Kẻ xâm nhập di chuyển quá nhanh đến nỗi Anna bị đẩy ngã ngửa ra sàn, gào khóc. William quay sang nhưng đông cứng người khi gã đàn ông chĩa khẩu súng về phía anh - một khẩu súng lục đen ngòm.

“Chúa ơi, không! Làm ơn!”

Bất chấp tuổi tác và cái bụng phì nhiêu, Jatin Patel vẫn đứng dậy lẹ làng, định vươn tay tới một chỗ chắc là có nút cấp cứu. Ông ta không đến gần được. Gã đàn ông lao tới, vươn tay qua quầy và giáng khẩu súng vào mặt ông ta. Một âm thanh khủng khiếp vang lên. William nghe tiếng xương gãy dưới tác động mạnh.

Người bán kim cương thét lên. Nước da vốn luôn tái xám của Patel nay càng xám xịt hơn nữa.

“Nghe này,” William nói, “tôi có thể đưa anh tiền. Anh có thể lấy nhẫn của chúng tôi.”

“Lấy đi!” Anna nói. Rồi bảo Patel: “Đưa nó cho hắn đi. Cho hắn bất kì cái gì hắn muốn.”

Vẫn cầm khẩu súng, gã đàn ông vươn bàn tay đi găng ra sau rồi nện mạnh nó vào mặt Patel hết lần này đến lần khác. Ông già vừa khóc vừa van xin hắn dừng lại, sụp xuống một đống bất lực trên sàn và lẩm bẩm, “Tôi có thể lấy tiền cho anh! Rất nhiều tiền! Bất kể cái gì anh muốn! Làm ơn ngừng lại.”

“Để ông ấy yên,” Anna khóc.

“Im mồm!” Gã đàn ông nhìn quanh phòng. Một cái liếc nhanh lên trần nhà. Chiếc camera trên đó đang chĩa xuống chỗ họ. Rồi hắn ngắm nghía quầy hàng, chiếc bàn đằng sau nó và vài căn phòng mờ tỏ ở đằng sau.

Giơ một bàn tay về phía gã cầm sùng, lòng bàn tay ngửa ra để hắn an tâm rằng anh không gây nguy hại gì, William bước lại gần Anna. Cánh tay anh vòng qua eo vị hôn thê và giúp cô đứng dậy. Anh có thể thấy cô đang run rẩy.

Tên cướp giật một sợi dây đèn từ trên tường. Hắn lôi trong túi ra một con dao dọc giấy - loại dùng trong văn phòng - và ấn cho lưỡi dao trồi lên bằng ngón tay cái. Đặt khẩu súng xuống, hắn cắt sợi dây thành hai đoạn dài. Hắn đưa một đoạn cho Anna. “Trói tay nó vào.” Hắt cằm về hướng William. Lại là trọng âm đó. Người Âu Châu? Người Bắc Âu?

“Làm đi,” William nhẹ nhàng bảo cô. “Không sao đâu.” Anh thì thầm nói thêm, “Hắn đã có thể bắn chúng ta. Hắn không muốn làm thế. Cứ trói cổ tay anh đi.”

“Chặt vào.”

“Vâng, cô ấy sẽ làm.”

Bằng hai bàn tay run rẩy, cô làm thật.

“Nằm xuống.”

William nằm xuống sàn.

Tất nhiên hắn sẽ phải loại bỏ mối nguy lớn nhất - là anh. Rồi trong lúc vẫn liếc Patel, tên trộm trói cổ tay Anna và đẩy cô xuống sàn bên cạnh William, dựa lưng vào anh.

Một ý nghĩ lạnh gáy như dòng suối mùa đông ùa đến với anh. William chợt nhận ra tên đột nhập đã đeo mặt nạ trước khi vào trong này để tránh camera.

Nhưng lúc trước thì hắn không làm vậy. Vì hắn cần vài khách hàng đưa hắn qua ngưỡng cửa của tiệm Patel. Có thể hắn đang chờ một cặp đôi để bám theo họ tới một mục tiêu tốt để ăn cướp.

Camera an ninh trong tiệm Patel sẽ không ghi lại được đường nét khuôn mặt hắn.

Nhưng William và Anna lại có thể mô tả hắn.

Và điều đó có nghĩa là: Tên cướp phải trói họ lại để họ không thể phản kháng khi hắn giết họ.

Giờ gã đàn ông đang bước lại, đứng gần và nhìn xuống họ.

“Nghe này, làm ơn…”

“Suỵt.”

William cầu nguyện, Nếu chuyện ấy phải xảy ra, hãy để hắn bắn chúng con. Nó sẽ rất nhanh và không đau đớn. Anh kịp liếc nhìn một lần khi xoay đầu ngẩng lên thật mạnh. Và trông thấy gã đàn ông đã để lại khẩu súng trên quầy.

Tay súng ngồi xổm xuống chỗ họ, nắm lấy con dao.

Lưng William vẫn còn áp vào lưng Anna, và anh vừa khóc vừa vươn tay ra hết mức có thể. Tay anh tìm được tay nàng. Anh tự hỏi liệu đó có phải bàn tay trái của nàng, và cái ngón đeo nhẫn anh đang vuốt ve đây có phải là ngón tay mà chỉ thiếu chút nữa sẽ vinh dự được đeo viên kim cương giác cắt hảo hạng, 1,5 cara, chỉ có vài lỗi nhỏ và gần như không màu hay không.

CHƯƠNG 2

Cuộc đời cậu là thế.

Một ngày điển hình. Dậy lúc sáu giờ vào một ngày thứ Bảy, bạn có tin nổi không? Cậu giúp mẹ dọn sạch mọi cái giá trong nhà kho và bếp, để lau rửa và đặt lớp giấy lót mới. Rồi rửa xe - trong một ngày ẩm thấp, u ám nữa chứ! Cậu ôm bố mẹ chào tạm biệt, rồi bắt chuyến tàu từ nhà họ ở Queens đến mãi tận Brooklyn, để chạy việc vặt cho ông Patel.

Thêm một tuyến tàu khác nữa là tới Manhattan, công việc đánh bóng những viên đá đang chờ đợi cậu. Giờ cậu đã lên tàu, trong lúc nó ngúng nguẩy trên đường về phía bắc.

Thứ Bảy. Khi tất cả mọi người khác đang ăn bữa sáng muộn hoặc chơi thể thao hay xem phim… hoặc đi thăm viện bảo tàng.

Hay phòng tranh.

Bất công làm sao!

Ôi, thôi quên chơi bời đi. Vimal Lahori sẽ ổn cả - thực tế, cậu *thích* như thế hơn - sống trong cái hầm ẩm thấp của ngôi nhà của gia đình ở Queens.

Nhưng đó không phải là một lựa chọn.

Cậu kéo chiếc áo khoác len màu xám đậm sát người hơn trong lúc khẽ đung đưa theo chuyển động của tàu điện ngầm. Chàng trai hai mươi hai tuổi gầy gò nhưng không cao. Cậu đạt được chiều cao

1 mét 67 như hiện nay từ hồi tiểu học và đã có độ hai năm lợi thế so với các bạn nam cùng lớp, cho đến khi chúng đều cao bằng hoặc vượt cả cậu. Tuy nhiên, nhờ xu hướng dân tộc ở trường trung học của cậu, nơi những cái tên thuộc về Mỹ Latinh hay Đông và Nam Châu Á vẫn nhiều hơn tên người da đen hoặc Ăng-lô, cái sự thấp bé của cậu không khác biệt mấy. Nói thế không có nghĩa là thỉnh thoảng cậu không gặp trận đòn nào - mặc dù động cơ của các vụ tra tấn ác liệt nhất thường là vì gia đình cậu di cư từ Kashmir, một khu vực bị các đối thủ chung đường biên giới là Ấn Độ và Pakistan tranh chấp. Vimal tin rằng cậu là thằng bé duy nhất từng bị đánh vì vấn đề tranh cãi đường biên (trớ trêu thay lại là do hai nhóm anh chị lứa trên mà đáng lẽ tôn giáo của chúng - một theo đạo Hồi còn bọn kia theo đạo Hindu - phải khiến *chúng* thành kẻ thù không đội trời chung mới phải).

Mặc dù vậy mấy vết thương không đáng kể và cuộc xung đột nhanh chóng bị lãng quên, chủ yếu là vì Vimal gần như chẳng phải người Kashmir (thậm chí cậu còn không chắc đường biên giới của quê hương ông bà tổ tiên cậu nằm ở đâu). Quan trọng hơn, cậu có thể di chuyển dọc đường biên sân bóng y như cách một chú ong mật nhảy từ bông hoa này sang hoa kia; dù là ngày nào thì khả năng kiểm soát bóng cũng ăn đứt vấn đề địa chính trị.

Tàu sắp tới trạm dừng trên phố 42. Các bánh xe nghiến ken két và bốc khói, mùi mằn mặn lẻn vào trong khoang tàu. Vimal giở cái túi giấy mang theo và ngó vào trong. Nó đựng sáu cục đá. Cậu lấy ra một cục, một viên đá to gần bằng nắm tay cậu. Nó có màu xám và xanh lục đậm, các khía có tinh thể. Một đầu được cắt phẳng còn

đầu kia tròn. Mọi hòn đá trên Trái Đất, dù là to hay nhỏ, đều có thể được biến thành một thứ khác, với chút ý tưởng và sự kiên nhẫn, một nghệ sĩ có thể hình dung được nó sẽ trở thành cái gì. Nhưng cái này rất rõ ràng: một con chim, Vimal trông thấy ngay lập tức, một con chim đang ép hai cánh vào thân mình và cúi đầu xuống thấp để tránh gió lạnh. Cậu có thể đục sơ sơ hình dạng nó trong một ngày.

Nhưng hôm nay không phải là ngày đó.

Hôm nay là ngày làm việc. Ông Patel rất tài năng. Một thiên tài, nhiều người đã nói vậy, và Vimal biết đó là sự thật. Và có lẽ do quá tài năng, ông Patel cũng là một ông chủ khó tính. Vimal cần làm xong vụ Abington. Bốn viên đá, mỗi viên khoảng ba cara. Cậu biết công việc này sẽ tiêu tốn đến tám giờ đồng hồ, và ông già - ông ta đã năm mươi lăm tuổi - sẽ dành một phần lớn trong khoảng thời gian ấy để quan sát nỗ lực của Vimal dưới một cái kính. Rồi lại bắt cậu điều chỉnh. Thêm nhiều điều chỉnh nữa.

Và thêm nhiều nhiều lần nữa.

Cánh cửa tàu điện ngầm mở ra và Vimal đặt *Chú chim Cô độc, Tháng Giêng* - trở lại trong túi giấy. Đây là cái tên mà cậu đặt cho bức tượng đá sẽ chẳng bao giờ thành hiện thực. Cậu bước lên sân ga và trèo lên phố. Ít nhất hôm nay là thứ Bảy, lại có nhiều cửa hàng Chính thống giáo đóng cửa, nên quận Kim Cương sẽ yên bình hơn ngày thường, đặc biệt là trong tiết trời tháng Ba khó chịu này. Những khu phố ồn ào ở đó đôi khi làm cậu phát điên lên.

Theo bản năng, càng đến gần phố 47 Vimal càng trở nên cảnh giác - cũng như hàng trăm người khác làm việc ở nơi đây, một khu vực mà chính những người chủ cũng phải do dự khi quảng bá rộng

rãi. Đúng là trên các cửa hàng và công ty có khá nhiều chữ “Trang sức”, “Kim cương” và “Đá quý”, nhưng các tổ chức cao cấp hơn và vài nhà chế tác kim cương quan trọng còn lại trong thành phố này thì thích tự gọi mình bằng những cái tên như “Elijah Findings”, “West Side Collateral” và “Specialties In Style” hơn.

Những viên kim cương và đá quý trị giá hàng trăm triệu đô-la vẫn được lưu chuyển ra vào các cửa hàng và tiệm chế tác này mỗi ngày trong năm. Và trên toàn thế giới, cả những tên trộm cướp chỉ hơi khá khẩm thôi cũng biết thừa thực tế này. Chúng đều biết rằng cách tốt nhất để vận chuyển những viên đá quý hay vàng, bạch kim và các món trang sức hoàn chỉnh không phải là bên trong những chiếc xe bọc thép (mỗi ngày có quá nhiều chuyến ra vào đến nỗi dùng trọn một chiếc xe tải thì không hiệu quả về mặt kinh tế). Mấy chiếc cặp táp bằng nhôm cùng xích sắt móc vào cổ tay cũng chẳng khá hơn (quá dễ bị phát hiện và như bất kì bác sĩ nào có thể nói cho bạn biết, để cắt cụt hai bàn tay người bằng cưa sắt chưa mất tới sáu mươi giây, nhanh hơn nữa nếu bạn dùng cưa điện).

Không, cách tốt nhất để vận chuyển những vật giá trị như thế là làm đúng như Vimal đang làm đây. Ăn mặc tồi tàn - quần bò, giày chạy bộ, một chiếc áo cộc *Keep Weird and Carry On* và áo khoác len, trong lúc tay cầm một cái túi giấy nhờn mỡ.

Vì vậy, như cha của Vimal - bản thân ông cũng từng là một thợ cắt - khăng khăng yêu cầu, chàng trai trẻ phải liên tục đảo mắt tìm kiếm bất kì kẻ nào liếc một cách có chủ đích vào cái túi trong tay cậu hoặc có thể đang tiến lại gần mà vẫn tỏ ra đang *không* nhìn.

Tuy nhiên, cậu cũng không mấy lo lắng; ngay cả trong những ngày buôn bán kém sôi động như hôm nay cũng vẫn có các vệ sĩ hiện diện, trông họ có vẻ không trang bị vũ khí gì nhưng lại dắt các khẩu tự động hoặc súng lục bên trong đai quần. Giờ cậu đang gật đầu với một người trong số họ, một cô gái đứng ngay phía trước cửa tiệm kim hoàn, một phụ nữ gốc Phi với mái tóc màu tím cắt ngắn xoăn tít khiến Vimal kinh ngạc; cậu không hiểu làm thế nào cô ta duy trì được nó. Vốn tới từ một dân tộc gần như có một-kiểu-tóc-phù-hợp-cho-tất-cả (đen, dày và lượn sóng hoặc thẳng), cậu bị ấn tượng mạnh với tóc tai cô nàng. Cậu tự hỏi làm thế nào mình có thể biến nó thành đá.

“Chào Es,” cậu gọi và gật đầu.

“Vimal. Thứ Bảy ư? Ông chủ không cho cậu nghỉ ngày nào sao? Tệ nhỉ.”

Cậu nhún vai và trưng ra nụ cười méo mó.

Cô liếc nhìn cái túi mà theo chỗ cô được biết có thể chứa tới sáu viên đá nhãn hiệu Harry Winston giá mười triệu đô.

Cậu những muốn nói câu, Chỉ là bơ lạc với thạch ấy mà. Có thể cô ấy sẽ cười. Nhưng ý tưởng pha trò trên phố 47 mới xa lạ làm sao. Ở quận Kim Cương chẳng có nhiều sự hài hước lắm. Điều gì đó ở giá trị của các viên kim cương - hay có lẽ đúng hơn là tính gây nghiện của nó - khiến việc này luôn quá mức nghiêm trọng.

Bây giờ cậu đã vào trong toà nhà của ông Patel. Cậu không bao giờ chờ Thang Máy Củ Chuối - một cách gọi nhái theo kiểu Harry Potter mà cậu đã kể với Adeela và làm cô cười - mà lao thẳng về

phía thang bộ, bộ khung quắt queo của cậu không bị trọng lực ảnh hưởng, chân và phổi còn khoẻ mạnh sung sức nhờ môn bóng đá.

Đẩy cửa vào hành lang, cậu để ý thấy bốn trên tám cánh cửa vẫn còn tối. Như mọi khi cậu lại tự hỏi vì sao một người đã có cả núi tiền như ông Patel vẫn không đi tìm một văn phòng hào nhoáng ở nơi khác. Có lẽ là vấn đề tình cảm. Ông ta đã sở hữu cửa hàng này ba mươi năm rồi, khi chủ của toàn bộ tầng này còn là các nhà chế tác. Giờ ông là một trong vài người ít ỏi còn lại của toà nhà này. Vào những ngày như hôm nay thì lạnh còn từ tháng Sáu tới tháng Chín thì vừa nóng vừa bụi. Mùi thì phát kinh. Ông Patel không có phòng trưng bày và "nhà máy" thực ra chỉ là một cái xưởng, phòng nhỏ nhất trong ba phòng. Nếu xét đến sản lượng thấp nhưng chất lượng cao của ông ta, tất cả những gì ông cần chỉ là một chốn đủ rộng cho hai cái đĩa mài kim cương và hai chiếc máy cắt. Ông ta có thể chuyển tới bất kì chỗ nào.

Nhưng ông Patel chưa bao giờ chia sẻ lí do ở lại đây của mình với Vimal, vì ông ta chẳng bao giờ chia sẻ gì với cậu hết, trừ chuyện cầm cây cố định như thế nào, đặt đá lên để mài như thế nào và cần bao nhiêu bụi kim cương trộn với dầu ô liu để đánh bóng.

Nửa đường tới văn phòng, Vimal dừng bước. Mùi quái gì thế nhỉ? Sơn mới. Mấy bức tường trên tầng này chắc chắn là cần lớp áo mới rồi, từ nhiều năm nay rồi ấy, nhưng cậu không thấy có dấu hiệu nào cho thấy có bất kì công nhân nào đang sửa chữa chỗ này.

Trong *tuần* còn khó gọi đội thợ đến sửa cái gì. Ai đó thực sự tới đây vào đêm thứ Sáu hoặc thứ Bảy để sơn ư?

Cậu đi tiếp về phía cửa. Các văn phòng ở đây đều có cửa sổ con, mặc dù tất nhiên chúng có chấn song, và cậu có thể thấy bóng người bên trong cửa tiệm của ông Patel. Có lẽ họ là người mua, cặp đôi tới gặp ông để đặt hàng chiếc nhẫn đính hôn đặc biệt. William Sloane và Anne Markam - cậu nhớ tên bọn họ vì họ có vẻ tử tế, họ còn giới thiệu bản thân với Vimal - tay làm thuê - khi cậu rời cửa tiệm trong lần ghé thăm trước của họ. Tử tế, nhưng ngây thơ. Nếu họ đem chỗ tiền định tiêu tốn vào viên kim cương một cara rưỡi kia để đầu tư thì nó sẽ lớn lên đủ để trả tiền học đại học cho đứa con đầu lòng của họ. Thế nhưng họ lại bị chiêu trò quảng bá của ngành kim cương dụ khị, như cậu đã nghĩ.

Nếu Vimal và Adeela có bao giờ kết hôn - một chủ đề còn chưa được bàn tới, thậm chí còn xa mới được - nhưng nếu có thật, cậu sẽ mua cho cô một cái ghế bập bênh chuốt bằng tay để làm quà đính hôn. Cậu sẽ khắc cho cô một cái gì đó. Và nếu cô muốn có nhẫn, cậu sẽ làm cái gì đó từ lam thạch, với một cái đầu sói bên trên. Vì lí do gì đó mà sói lại là con vật yêu thích của cô ấy.

Cậu bấm mã trên khoá cửa.

Vimal bước vào trong và dừng giữa chừng, miệng há hốc.

Ba thứ lập tức thu hút sự chú ý của cậu. Đầu tiên là thi thể của một người đàn ông và một người đàn bà - William và Anna - trong tư thế vặn vẹo và đáng sợ, cứ như họ đã chết một cách đau đớn lắm vậy.

Thứ hai là bể máu đang lan rộng ra ngoài.

Thứ ba là hai bàn chân của ông Patel. Vimal không thể trông thấy phần còn lại của thi thể, chỉ có đôi giày đã mòn vẹt của ông chĩa lên trên. Bất động.

Từ trong xưởng ở bên trái phòng tiếp khách, một hình người hiện ra. Chiếc mặt nạ trượt tuyết che mất mặt hắn nhưng ngôn ngữ cơ thể bộc lộ ra là hắn đã bị giật mình.

Cả Vimal lẫn gã đàn ông đều đứng yên.

Rồi kẻ xâm nhập thả rơi chiếc cặp hắn đang cầm và rút khẩu súng từ trong túi ra nhắm bắn. Vimal lao đi theo bản năng, như thể cậu sẽ tránh được viên đạn, và giơ hai tay lên, như thể sẽ ngăn nổi nó.

Một chùm sáng bùng ra khỏi nòng súng và tiếng ồn làm Vimal điếc đặc. Cơn đau thấu tim gan xọc vào bụng và sườn cậu.

Cậu lảo đảo lùi vào hành lang mờ tối và bụi bặm, tâm trí chỉ độc một ý nghĩ điên cuồng: Thật là một chốn buồn thảm và tầm thường để chết.

CHƯƠNG 3

Anh đã không quay về thành phố đúng giờ.

Thất vọng não nề.

Lincoln Rhyme chỉnh cho chiếc xe lăn hiệu Merits Vision màu xám với thanh chắn màu đỏ của mình đi qua ngưỡng cửa dinh thự ở phía Tây Công viên Trung tâm. Ai đó từng nhận xét rằng chốn này khiến người ta liên tưởng tới Sherlock Holmes - bởi hai lẽ: Thứ nhất, dinh thự cổ bằng đá nâu sẽ khớp hoàn toàn với Anh Quốc thời Victoria (nó cùng niên đại), và thứ hai, phòng khách của nó chất đầy các công cụ và dụng cụ khám nghiệm hiện trường đến mức đủ làm vị thám tử người Anh phải kinh ngạc tột cùng.

Rhyme dừng ở ngưỡng cửa chờ Thom, trợ tá thon thả nhưng cơ bắp của anh. Cậu ta đang đậu chiếc Mercedes Sprinter dùng cho người khuyết tật ở ngõ cụt đằng sau dinh thự. Cảm nhận làn gió lạnh trên má, Rhyme xoay chiếc ghế và hẩy cánh cửa đã khép lại một phần. Nó bật mở trở lại. Là một người liệt tứ chi từ cổ trở xuống, anh đã khá quen với các phụ kiện công nghệ cao dành cho những người bất động: chuột cảm ứng, hệ thống nhận diện giọng nói và mắt, cánh tay giả và những thứ đại loại như vậy. Cuộc phẫu thuật và cấy ghép đã cho anh đôi chút kiểm soát với cánh tay phải. Nhưng rất nhiều tác vụ cơ học kiểu cũ, từ đóng cửa cho tới - ồ, lấy một ví dụ ngẫu nhiên thôi - mở một chai rượu scotch đơn cất vẫn còn ngoài tầm với của anh, theo nghĩa đen.

Thom quay vào một lát sau đó và đóng cửa. Cậu ta cởi áo khoác cho Rhyme - anh không chịu “mặc” một cái chăn để giữ ấm - và rời gót vào bếp.

“Ăn trưa nhé?”

“Không.”

Trợ tá gọi với lại, “Hỏi sai mất rồi. Ý tôi là, anh muốn ăn gì?”

“Không cần gì.”

“Không phải câu trả lời đúng rồi.”

“Tôi không đói,” Rhyme lẩm bẩm. Anh lúng túng cầm điều khiển tivi lên. Và bật kênh tin tức.

Thom lại gọi, “Anh cần ăn. Xúp. Ngày lạnh thế này. Xúp.”

Rhyme nhăn nhó. Tình trạng của anh rất nghiêm trọng, phải, và vài thứ cụ thể như áp lực lên da hoặc các chức năng cơ thể không được giải toả có thể mang đến hậu quả nguy hiểm. Nhưng đói không phải là nhân tố tiềm tàng nguy hiểm.

Trợ tá của anh đúng là con gà mái mẹ chết dẫm.

Sau vài phút Rhyme ngửi thấy mùi gì đó thơm thơm. Thom nấu món xúp khá ngon.

Anh quay lại với chiếc tivi hiếm khi xem. Thường thường anh xem tivi khi theo dõi một tin tức cụ thể nào đấy. Lúc này anh cũng mong ngóng nó: một câu chuyện liên quan đến chuyến đi Washington, DC đáng thất vọng, nơi anh và Amelia Sachs vừa từ đó về.

Tivi mở ra một kênh không phải bản tin hai mươi bốn giờ mà là một phim tài liệu. Một chương trình thực tế về các tội ác có thật, dù đã thêm mắm dặm muối, đang lên sóng. Kẻ thủ ác gầm ghè. Các thám tử có vẻ đăm chiêu. Âm nhạc ầm ĩ. Chuyên viên khám nghiệm thì đeo đồng hồ *bên ngoài* găng tay tại hiện trường.

Chúa Jesus ơi.

“Cậu đang xem cái thứ rác rưởi này đấy à?” anh hét lên với Thom.

Không ai trả lời.

Anh tìm được một kênh tin tức sau khi bấm mấy nút. Mặc dù ngay lúc này chẳng có tin tức gì mà chỉ là mấy màn quảng cáo cho thuốc kê theo đơn. Anh không hiểu những loại thuốc này làm được gì, ngoài việc biến mấy diễn viên từ những ông bà lão già nua nghiêm nghị thành những cặp đôi hạnh phúc và dường như bớt già hơn, cùng vui đùa hạnh phúc với lũ trẻ ở cảnh cuối, chứng bệnh không-thể-vui-vẻ-với-tụi-nhỏ của họ đã được chữa trị.

Rồi biên tập viên xuất hiện và sau vài tin tức địa phương, toàn chuyện chính trị, câu chuyện anh thực sự quan tâm xuất hiện ngắn ngủi: Bản tin về một phiên toà hiện đang diễn ra ở quận Đông của New York. Một gã trùm ma tuý Mexico, Eduardo Capilla, nổi danh với cái tên El Halcón, đã phạm sai lầm khi vào lãnh thổ Hoa Kỳ và gây dựng một mạng lưới buôn ma tuý lẫn rửa tiền, cùng hoạt động mại dâm trẻ em và buôn người.

Gã Mexico khá gian xảo. Mặc dù giàu gấp mấy lần một tỉ phú, gã vẫn bay trên một chuyến bay thương mại dọc bờ biển vào Canada

một cách hợp pháp. Sau đó gã thuê máy bay riêng tới một đường băng gần biên giới. Từ đó gã bay bằng trực thăng - một cách bất hợp pháp - vào một sân bay bị bỏ hoang ở Long Island và sống - theo nghĩa đen - dưới radar. Sân bay này chỉ cách khu nhà kho mà người ta đoán là gã định mua để biến thành tổng hành dinh cho hoạt động của gã ở Hoa Kỳ có vài cây số.

Mặc dù vậy cảnh sát và FBI* đã biết đến sự có mặt của gã và các đặc vụ lẫn cảnh sát đã tóm gọn gã ở đó. Một vụ đấu súng diễn ra, kết quả là chủ nhà kho cùng vệ sĩ của ông ta bị giết. Một cảnh sát bị thương nặng và một đặc vụ FBI cũng bị thương.

FBI là viết tắt của Federal Bureau of Investigation - Cục Điều tra Liên bang Hoa Kỳ

El Halcón bị bắt, nhưng trước sự thất vọng của công tố viên, đồng bọn người Mỹ của gã, kẻ mà gã định móc ngoặc để gây dựng đế chế ma tuý, đã không xuất hiện và người ta không bao giờ phát hiện ra danh tính kẻ đó; ông chủ danh nghĩa của nhà kho - kẻ bị giết trong vụ đấu súng - chỉ là một kẻ đứng tên thuê. Dù có đào bới bao nhiêu họ cũng không thể phát hiện được đầu mối thực sự ở Mỹ.

Lincoln Rhyme đã rất muốn được tham gia điều tra vụ án. Anh hi vọng được phân tích bằng chứng và đưa lời khai chuyên môn tại toà. Nhưng anh đã hứa gặp vài quan chức quan trọng ở Washington, D.C., vì vậy anh và Sachs vừa phải dành một tuần ở đó.

Đáng thất vọng, phải. Anh thực sự muốn giúp tống El Halcón vào tù. Nhưng còn có những vụ án khác.

Ngẫu nhiên, đúng lúc anh nghĩ tới đó thì điện thoại reo và số người gọi gợi ý rất có thể là nó đã đến.

“Lon,” Rhyme chào.

“Line. Anh về rồi à?”

“Tôi về rồi. Anh có gì xoắn não cho tôi hả? Có thứ gì thú vị không? Cái gì đó *thách thức?”*

Thanh tra Cấp Một Lon Sellito từng là đồng sự của Rhyme từ nhiều năm trước, khi Rhyme làm ở NYPD*, nhưng giờ đây họ rất hiếm khi giao thiệp và họ không bao giờ gọi nhau chỉ để tán gẫu. Những cuộc điện thoại từ Sellito thường là khi anh cần đến sự trợ giúp trong một vụ án.

NYPD là viết tắt của New York Police Department - sở cảnh sát thành phố New York

“Không biết liệu có vế nào như trên không. Nhưng tôi có một câu hỏi.” Viên thanh tra có vẻ hụt hơi. Có thể là một nhiệm vụ khẩn, có thể anh ta đang đi bộ từ cửa hàng tạp hoá về cùng một hộp bánh.

“Và?”

“Anh biết gì về kim cương?”

“Kim cương à… Hừm, để tôi nghĩ. Tôi biết chúng là các thù hình.”

“Là gì cơ?”

“Thù hình. Nó là một nguyên tố - trong từ nguyên tố hoá học - tồn tại ở nhiều hơn một dạng. Các-bon là một ví dụ hoàn hảo. Một ngôi sao trong giới nguyên tố, mà tôi nghĩ ngay cả anh cũng biết.”

“Ngay cả tôi.” Sellito càu nhàu.

“Các-bon có thể ở dạng tấm, bi cầu trũng, than chì hay kim cương. Tuỳ thuộc vào cách liên kết giữa các phân tử. Than chì có cấu trúc phân tử lục giác, còn kim cương là tứ diện. Nghe có vẻ là một chi tiết vụn vặt. Thế nhưng chính nó tạo ra sự khác biệt giữa một chiếc bút chì và Bảo vật Hoàng gia.”

“Line. Xin lỗi vì đã hỏi như thế. Đáng lẽ phải nói là: Anh đã bao giờ tham gia vụ nào ở quận Kim Cương chưa?”

Rhyme nghĩ lại những năm còn làm thanh tra, với tư cách đội trưởng đội khám nghiệm hiện trường của NYPD và sau này là cố vấn của họ. Có vài vụ liên quan đến khu vực Phố 47, Midtown. Tuy nhiên không có vụ nào liên quan tới các cửa tiệm kim cương hay bọn buôn ma túy cả. Anh nói với Sellitto như vậy.

“Chúng tôi cần chút giúp đỡ. Có vẻ như vụ cướp đã xoay sang hướng tồi tệ. Án mạng kép.” Một khoảng ngừng. “Thêm mấy rắc rối khác nữa.”

Không phải cụm từ cụ thể trong giới xử lý tội ác, Rhyme nhớ lại. Anh thấy tò mò.

“Anh quan tâm chứ?”

Vì vụ El Halcón đã trượt khỏi tay anh, câu trả lời là có. “Nhanh nhất là bao giờ anh tới được đây?” Rhyme hỏi.

“Cho tôi vào.”

“Cái gì?”

Rhyme nghe tiếng gõ từ sảnh trước. Còn trên điện thoại thì Sellitto đang nói, “Tôi đến rồi đây, đang ở ngoài. Tôi định sẽ nói

chuyện với anh về vụ này dù anh có muốn hay không. Thôi nào, mở cái cửa chết tiệt cho tôi. Ngoài này đang như là tháng Một đây này.”

“Xúp chứ?” Thom hỏi trong lúc đỡ chiếc áo khoác màu nâu xám của Lon Sellitto. Treo nó lên.

“Không. Mà khoan, loại nào đấy?” Rhyme để ý thấy Sellitto đã hếch mũi lên như thể đưa nó vào vị trí tốt hơn để ngửi mùi hương bốc ra từ trong bếp.

“Xúp bisque cà chua với tôm. Lincoln cũng sẽ ăn một chút đấy.”

“Không, tôi không ăn.”

“Có, có ăn.”

“Hừm.” Với dáng người đậm và lôi thôi - tính từ thứ hai mô tả quần áo chứ không phải chính con người anh - Lon Sellitto luôn có vấn đề với cân nặng, ít nhất là trong suốt khoảng thời gian Rhyme quen biết anh ta. Sau vụ đầu độc gần đây do một nghi phạm mà anh ta và Rhyme đang theo đuổi gây ra, anh suýt chết và đã sụt cân kha khá. Lon Sellitto gầy gò là một hình ảnh đáng báo động, anh ta đang vật lộn để tìm lại vóc dáng cũ. Rhyme hài lòng khi anh nói, “Được rồi.”

Anh cũng hài lòng vì áp lực về phía mình sẽ giảm đi. Anh không đói.

“Amelia đâu rồi?” Sellitto hỏi.

“Không có ở đây.”

Amelia Sachs đang ở Brooklyn, ở đó cô có một căn hộ gần nhà mẹ. Bà Rose đang hồi phục rất tốt từ cuộc phẫu thuật tim nhưng Sachs vẫn thường kiểm tra bà.

“Chưa về à?”

“Ý anh là sao?” Rhyme hỏi.

“Cô ấy đang trên đường về. Chắc sắp tới đây đấy.”

“Tới đây ư? Anh đã gọi cô ấy à?”

“Ừ. Mùi thơm đấy. Cậu ta có nấu nhiều xúp không?”

Rhyme nói, “Vậy là anh đã quyết định chúng tôi sẽ lo vụ này đấy.”

“Kiểu vậy. Rachel và tôi chỉ toàn ăn sẵn, Progresso, Campbell.”

“Lon?”

“Ừ thì, tôi đã quyết đấy.”

Món xúp đã ra. Hai bát. Của Rhyme được để trong một cái khay nhỏ gắn trên ghế; của Sellitto để trên bàn. Rhyme liếc bát mình. *Đúng* là mùi rất thơm. Có thể anh *cũng* đói thật. Thom thường nói đúng trong những vấn đề như thế này, dù Rhyme hiếm khi thừa nhận. Trợ tá của anh đề nghị xúc hộ nhưng Rhyme lắc đầu và thử dùng cánh tay phải. Rất khó để ăn xúp với một chi run rẩy nhưng anh vẫn hoàn thành việc đó mà không bị rớt ra chút nào. Anh mừng vì mình không thích món sushi; đũa không hề là dụng cụ ăn dành cho những người như Lincoln Rhyme.

Thêm một người nữa đến trước sự ngạc nhiên của Rhyme, rõ ràng anh này cũng do Lon Sellitto triệu tập cho vụ quận Kim Cương: Ron Pulaski. Rhyme nghĩ anh ta chỉ là Lính mới và gọi anh ta như

vậy, dù đã nhiều năm rồi anh ta không còn là lính mới nữa. Chính xác mà nói, viên cảnh sát tóc vàng, dáng người gọn gàng này thuộc biên chế của Đội tuần tra. Dù vậy các kĩ năng hiện trường của anh ta đã khiến Rhyme chú ý, và nhà tội phạm học khăng khăng đòi Sellitto tiến cử anh ta một cách không chính thức cho đội Trọng án - đội của Sellitto và Sachs.

“Lincoln. Lon.” Cái tên thứ hai được phát ra với âm lượng nhỏ nhẹ hơn chút đỉnh. Rốt cuộc Lính mới vẫn có cấp bậc thấp hơn Sellitto, cả số năm kinh nghiệm và tiếng tăm nữa.

Anh ta cũng phải chịu đựng một tình trạng đã đeo đuổi anh kể từ lần đầu anh cùng với Rhyme và Sachs làm chung một nhiệm vụ - một vết thương ở đầu. Vết thương đã khiến anh phải rời ngành một thời gian, và khi quyết định quay trở lại lực lượng sau những ngày đắn đo suy nghĩ, nó lại khiến anh khổ sở vì sự bất an và hoang mang thường có do một tổn thương ở não bộ.

Khi anh ta tiếp cận Rhyme và nhắc tới ý định bỏ nghề vì cảm thấy mình không thích hợp với các nhiệm vụ của cảnh sát, nhà tội phạm học đã quát, “Tất cả vấn đề nằm trong cái đầu chết tiệt của cậu đấy.”

Viên cảnh sát trẻ nhìn chằm chằm vào Rhyme còn anh thì nghiêm mặt lâu nhất có thể. Cả hai đều cười phá lên. “Ron, ai mà chẳng bị thương ở đầu, bằng cách này hay cách khác. Giờ tôi có một hiện trường cần cậu làm. Cậu sẽ đi lấy bộ dụng cụ khám nghiệm rồi kẻ ô chứ?”

Tất nhiên là anh ta đã làm vậy.

Lúc này Pulaski đã cởi chiếc áo choàng ngoài. Bên dưới nó, anh ta đang mặc bộ đồng phục dài tay màu xanh đậm của NYPD.

Thom cũng mời anh ta ăn và Rhyme suýt thì nói, “Đủ rồi đấy, chúng ta có phải là một cái bếp nấu xúp đâu,” anh nghĩ đó là cách nói kháy khá thông minh, nhưng dù sao Pulaski cũng đã từ chối.

Một lát sau tiếng gầm trầm trầm của ống bô một chiếc xe nhiều mã lực vọng qua cánh cửa đóng chặt. Amelia Sachs đã đến. Cô đẩy ít xăng lên động cơ và nó im hẳn. Cô bước vào nhà, treo áo khoác ngắn lên móc và điều chỉnh sợi dây lưng quanh chiếc quần bò để xoay bao súng Glock ra đằng sau cho thoải mái. Cô mặc chiếc áo len cao cổ và bên dưới nó, như Rhyme trông thấy lúc sáng nay khi cô thay quần áo, là một cái áo sơ mi lụa màu đen. Họ đã nghe bản tin thời tiết trên đài - hôm nay sẽ là một ngày lạnh khác thường trong tháng Ba, giống như tuần vừa qua. Ở Washington, DC họ đã chứng kiến cả ngàn bông hoa anh đào bị chết.

Sachs gật đầu với tất cả. Sellitto vẫy tay đáp lại và ồn ã ăn nốt bát xúp.

Khi đội phá án đã tề tựu gần đủ, và ăn uống no nê - Rhyme nghĩ thêm với kiểu châm biếm hài hước - Sellitto tóm tắt sự việc cho họ.

“Khoảng một giờ trước. Cướp của và án mạng liên hoàn. Khu Midtown Bắc. Tầng ba trong nhà số 58, phố 47 Tây. Cửa hàng Patel Designs, thuộc sở hữu của Jatin Patel, năm mươi lăm tuổi, là một trong những nạn nhân đã tử vong. Là thợ kim hoàn, và còn làm và bán đồ trang sức nữa. Khá nổi tiếng, theo như tôi được biết. Tôi không phải loại quan tâm đến trang sức nên ai mà biết được? Đội trọng án vào việc, và họ gọi tôi. Và tôi gọi các bạn.”

Thông thường Đội trọng án, dưới quyền chỉ huy của một Phó thanh tra từ Cục Thanh tra ở trụ sở One Police Plaza, không nhận các vụ án mạng hay trộm cướp ở từng địa bàn.

Lon Sellitto đã chú ý thấy cái liếc mắt trao nhau giữa Rhyme và Sachs. Giờ anh ta sẽ giải thích vì sao vụ này lại đặc biệt.

“Cảm giác từ các ông bạn của chúng ta ở Toà thị chính là chúng ta không hề muốn có một vụ cướp bạo lực diễn ra ở quận Kim Cương. Đặc biệt là nếu ông ta nghĩ đến nhiều cửa hàng hơn là một. Mọi người sẽ ngừng đi mua sắm. Không tốt cho ngành du lịch, không tốt cho nền kinh tế.”

“Các nạn nhân cũng không làm người ta vui vẻ gì, đúng không Lon?”

“Tôi chỉ đang kể cho anh những gì người ta kể cho tôi thôi, Line. Được chưa?”

“Cứ nói tiếp đi.”

“Giờ còn một vấn đề lắt léo nữa và chúng ta phải giữ bí mật về nó. Thủ phạm đã tra tấn Patel. Viên đội trưởng ở Midtown Bắc nghĩ là ông già không muốn từ bỏ những món đáng giá - mở két hay gì đó. Vì thế tên sát nhân đã dùng một con dao rọc giấy cắt da thịt ông ta cho đến khi ông ta chịu nói. Khá ghê đấy.”

Và cả những thứ khác nữa…

Rhyme nói, “Được rồi. Vào việc thôi. Sachs, hiện trường. Tôi sẽ gọi Mel Cooper. Cậu ở đây, Pulaski. Tạm thời tôi sẽ giữ cậu lại để dự phòng.”

Sachs lấy áo khoác xuống, mặc vào rồi kẹp thêm hai ổ đạn dự phòng vào hông trái. Cô hướng ra cửa.

Thom đi vào sảnh và mỉm cười với Sachs. “Ô, Amelia. Không thấy cô vào. Cô có đói không?”

“Có chứ. Lỡ cả bữa sáng lẫn bữa trưa.”

“Xúp không? Hoàn hảo cho một ngày lạnh.”

Cô dành cho anh ta nụ cười nhăn nhó. Đóng sầm cánh cửa của chiếc Torino Cobra, với động cơ 405 mã lực và cần côn bốn số qua khu Midtown Manhattan thì dù là loại nước uống nào, chứ chưa nói đến xúp nóng, cũng gây rắc rối lớn.

Cô lôi chùm chìa khoá từ trong túi ra và nói, “Có lẽ để sau.”

CHƯƠNG 4

Hiện trường tội ác ở cửa tiệm Patel Designs trên phố 47 khiến Amelia Sachs nảy sinh ba câu hỏi.

Một, thủ phạm đã bỏ lại cả trăm viên kim cương - vẫn còn nguyên trong tủ két mở toang - vậy thì thực ra hắn đã trộm cái gì? Nếu có.

Hai, tại sao Patel lại bị tra tấn?

Ba, kẻ nào đã gọi nặc danh đến báo cáo tội ác và mô tả khá chi tiết tên tội phạm? Câu hỏi này còn có vế sau nữa: Anh ta có còn sống không? Khi vừa đến cửa hàng ở tầng ba này cô đã ngửi và biết ngay là đã có nổ súng ở đây. Cô đoán nhân chứng đã bước vào đúng lúc vụ cướp đang diễn ra, bị bắn và bỏ chạy, dừng lại ở quầy điện thoại trả tiền dưới phố để gọi 911.

Cửa hàng này nhỏ và khoảng cách giữa khẩu súng và nạn nhân nhiều lắm cũng chỉ chừng ba tới bốn mét rưỡi. Khó mà bắn trượt được trong khoảng cách đó. Trong văn phòng hay ngoài hành lang cũng không có tí vụn vỡ nào. Nhân chứng gần như chắc chắn đã bị trúng đạn.

Trong bộ áo liền quần và đôi ủng màu trắng dành cho đội khám nghiệm hiện trường, Sachs bước quanh vũng máu khá lớn có hình gần giống hồ Michigan, và đặt các biển số để chụp ảnh - chúng là những tấm biển nhỏ đặt tại nơi tìm được các bằng chứng hoặc yếu tố quan trọng trong hiện trường. Cách kẻ ô bàn cờ, phương pháp

tiếp cận duy nhất mà cô dùng, phương pháp mà cô đã học được từ Rhyme, là việc đi từ đầu này đến đầu kia của hiện trường, rồi xoay người, bước một bước sang bên cạnh rồi đi ngược về điểm xuất phát, như cách người ta cắt cỏ vậy. Sau đó, bạn lại quay một góc chín mươi độ vào tìm kiếm trên hiện trường đó một lần nữa, "làm ngược lại," như Rhyme vẫn mô tả.

Lúc này cô đang làm các thủ tục thông thường: thu thập dấu vết, lấy mẫu dấu chân, tìm kiếm các vệt hằn và thấm những chỗ có thể thủ phạm đã để lại dấu vết ADN. Đứng chống tay lên hông một lát, cô quan sát sơ đồ cửa hàng mà theo ước tính của cô chỉ vào khoảng hơn tám mươi mét vuông. Cô liếc ra cửa trước lúc này đang được chặn mở bằng miếng cao su, để ý thấy một người bận đồ giống mình. Cô nói với anh ta, "Máy tính trong văn phòng ấy. Hãy cùng chắp ngón tay cầu nguyện nào."

Nhân viên ECT* - kỹ thuật viên thu thập bằng chứng - được đào tạo chuyên môn với các camera an ninh và thiết bị lưu trữ. Anh ta sẽ lấy ra những gì có thể từ ổ cứng trong văn phòng Patel; chỉ có một cái camera chĩa ra cửa trước từ đằng sau quầy. Có vẻ nó vẫn đang hoạt động, một cái mắt thần màu đỏ nhỏ xíu đang sáng đèn đầy vẻ trêu ngươi, và sợi dây cáp chạy từ đó tới máy tính bàn của người đàn ông. Chiếc máy tính đặt cạnh một cái máy in lớn và đáng ngạc nhiên là bên cạnh nó lại có một chiếc máy fax cổ lỗ sĩ. Camera không được kết nối với một trạm trung tâm mà chỉ với chiếc máy tính.

ECT là viết tắt của Evidence Collection Technician - Kỹ thuật viên thu thập bằng chứng

Dù vậy, bất kể hệ thống an ninh ở đây là gì, Sachs chắc chắn rằng chỉ cầu nguyện thôi là không đủ. Tên thủ phạm này không có vẻ là loại người quên xoá các đoạn phim an ninh. Tuy nhiên, như mọi cảnh sát đều biết, các đoạn phim số không bao giờ được xoá vĩnh viễn cả. Rất nhiều dữ liệu để buộc tội vẫn có thể bị đào lên - *nếu* ngay từ đầu chúng có tồn tại. Một chữ nếu to đùng.

Sachs đang điền chi tiết danh sách vật chứng trên những tấm thẻ khác nhau để gắn chúng vào từng vật, hoặc trong túi giấy, hoặc túi ni lông đang đựng chúng.

Tiếp theo. Phần khó khăn.

Cô đã để dành các thi thể cho đến phút cuối.

Bởi vì, nếu không cần phải xử lý chúng đầu tiên, bạn sẽ luôn trì hoãn việc đó lâu chừng nào tốt chừng nấy.

Hình ảnh ngay lập tức thu hút sự chú ý của cô khi cô mới bước vào, và vẫn còn làm cô cảm động, là những ngón tay của cặp đôi đã bị cứa cổ. Hai bàn tay họ bị trói quặt ra sau lưng và vào thời điểm nào đó, họ đã dịch lại gần nhau - gần như chắc chắn là ngay trước khi chết - và đan ngón tay vào nhau. Dù họ hẳn đã vật vã đau đớn do bị cắt cổ, những ngón tay ấy vẫn còn đan cài. Trong nỗi đau đớn của cái chết, họ đã tìm được chút an ủi nhỏ từ cái nắm tay. Hay là cô hi vọng như vậy. Sachs đã từng là cảnh sát đường phố, rồi thành thanh tra làm việc cho Đội trọng án từ nhiều năm nay. Trái tim con người ta sẽ sắt đá lại, như công việc này đòi hỏi phải thế. Nhưng những chi tiết như vậy vẫn có thể khiến một người muốn khóc, ngay cả khi chẳng còn giọt nước mắt nào gợn lên. Với nhiều cảnh sát,

việc này không bao giờ xảy ra. Cô nghĩ mình là một cảnh sát tốt hơn họ là vì thế.

Chủ cửa hàng, ông Jatin Patel, cũng chết do một vết cứa cổ. Mặc dù vậy, sự khác biệt nằm ở việc tra tấn. Bác sĩ của phòng pháp y, một phụ nữ gốc Á nhỏ nhắn, đã chỉ ra các vết cắt trên hai bàn tay, tai và mặt ông ta. Cả vết đánh bằng súng nữa. Các vết thương đều xảy ra trước khi chết.

Cả Patel lẫn cặp đôi đều không có vẻ bị mất đồ cá nhân, mặc dù trên người Patel và trong cửa hàng đều không thấy điện thoại di động của ông ta. Ít nhất, các món đồ thường thấy vẫn còn nguyên: Ví, túi xách, đồ trang sức hay tiền mặt. Cô chụp ảnh ba thi thể ở mọi góc, lật người để tìm sợi vải hay các dư chất khác và lấy mẫu tóc để loại trừ sau này. Cô lấy mẫu đất trong móng tay, dù rõ ràng là không có nạn nhân nào vật lộn với hung thủ. Chụp chiếu bằng đèn ALS* ở gần chỗ dây đèn buộc cổ tay họ cũng không cho thấy có dấu vân tay nào. Cô không trông đợi điều đó; trên cả hiện trường đã có rất nhiều vết đầu ngón tay đi găng tay, vài vết còn nhuốm máu, vì vậy cô biết gần như chắc chắn là hung thủ không để lại dấu vân tay nào.

ALS là viết tắt của Alternative Light Source, tạm dịch là nguồn sáng thay thế

“Xin lỗi,” giọng nói từ văn phòng vọng ra.

Sachs đi về phía ngưỡng cửa.

Kĩ thuật viên thu thập bằng chứng với cái bụng đang thách thức khoá kéo của bộ áo liền quần nói, “Không có ổ cứng. Ý tôi là, hắn đã lấy nó. Và không có ổ sơ cua.”

“Hắn… làm sao hắn lấy được?”

“Chắc là có mang theo dụng cụ. Dễ lắm - cô chỉ cần có cái tua vít bốn cạnh là được.”

Cô cảm ơn anh ta và đi vào hành lang, gật đầu với bác sĩ. Chị ta vẫn đang kiên nhẫn chờ đợi trong lúc nhắn tin.

“Chị có thể mang họ đi rồi,” Sachs nói.

Người phụ nữ gật đầu và gọi xe. Các kĩ thuật viên của chị sẽ mang cáng cùng túi đựng xác tới và di chuyển ba thi thể vào nhà xác để khám nghiệm tử thi hoàn chỉnh.

“Thưa thanh tra?” Một cảnh sát trẻ từ đội Midtown Bắc đi từ tháng máy đến. Anh ta dừng cách xa cánh cửa.

“Hiện trường đã được kiểm tra rồi, Alvarez. Không sao đâu. Cậu có gì?”

Anh ta và đồng sự, một phụ nữ gốc Phi quãng độ gần ba mươi đã chia nhau và bắt đầu hỏi thăm những nhân chứng, tìm kiếm các bằng chứng khác mà hung thủ có thể đã để lại trong lúc đến hoặc rời khỏi hiện trường. Một cuộc tìm kiếm nhân chứng có thể không thu được gì mấy, Sachs đoán. Trong toà nhà này có nhiều văn phòng trống. Biển *Cho thuê* được gắn ở khắp nơi. Và hôm nay lại là ngày cuối tuần - còn là ngày lễ Sabbath của người Do Thái nữa - các cửa hàng cùng tầng đều đã đóng cả. Alvarez nói “Có ba văn phòng trên tầng hai, hai văn phòng ở tầng trên đang mở cửa. Hai người nghe thấy một tiếng nổ tầm mười hai giờ rưỡi hoặc mười hai giờ bốn mươi lăm nhưng lại nghĩ đó là tiếng động cơ hoặc xây dựng. Không có ai trông thấy hoặc nghe thấy gì nữa.”

Có thể là như vậy, mặc dù Sachs vẫn luôn nghi ngờ điều này. Tội ác diễn ra vào khoảng giờ ăn trưa. Các nhân viên văn phòng ra vào đây có thể dễ dàng bắt gặp hung thủ nhưng câu chuyện thường thấy là các nhân chứng bỗng điếc - và mù - do chứng bệnh được biết đến là sự tự vệ.

“Và ở đây còn có gì đó.” Alvarez chỉ vào hành lang bên cạnh thang máy: một chiếc camera an ninh được gắn trên tường. Sachs đã không chú ý đến nó khi mới tới. Cô nheo mắt và cười nhẹ. “Bị sơn lên à?”

Anh ta gật đầu. “Và hãy trông vệt sơn xịt kìa.”

Đầu tiên Sachs không hiểu, rồi cô nhận ra ý anh ta là gì. Hung thủ - hay *giả sử* là hung thủ - đã bắt đầu xịt sơn lên camera khi còn đứng đằng sau nó và đã đập vỡ ống kính ngay dưới nó - để đảm bảo hắn không bị ghi lại dù chỉ là một giây. Thông minh thật.

Giống như việc lấy cả ổ cứng.

“Camera trên phố thì sao?”

Alvarez nói, “Có thể ở đó có tin tốt. Các cửa hàng ở hai bên trái phải lối vào toà nhà này đang sao lại tệp video mp4 cho chúng ta. Tôi đã bảo họ cất kĩ bản gốc.”

Cuộc điều tra chỉ cần bản sao; các ổ ghi gốc *sẽ* cần dùng cho phiên toà.

Nếu chúng ta mang được nó ra toà, Sachs nghĩ.

Cô quay lại cửa hàng, cân nhắc câu hỏi đầu tiên trong số ba câu đang hiện hữu trong đầu. Số Một: Hắn đã lấy đi cái gì? Cô đã lục

soát kĩ càng, kẻ ô bàn cờ, nhưng tất nhiên việc đó chưa chắc sẽ cho cô biết thông tin về thứ *đã không* còn ở đó nữa.

Cô quan sát khắp lượt nơi đó một lần nữa. Patel Designs không giống hầu hết các cửa tiệm kim hoàn khác. Ở đây không có tủ kính trưng bày nào để mà đập và chộp cả. Cửa hàng gồm ba phòng: một phòng chờ phía trước, một văn phòng nằm ngay đằng sau và một cái xưởng chất đầy dụng cụ, thông với văn phòng qua cánh cửa bên trái. Cô đoán các dụng cụ trong xưởng là để cắt đá quý và lắp ghép đồ trang sức. Căn phòng cuối cùng này rộng rãi nhất, chứa bàn làm việc vừa cho hai người - hai bàn xoay to, tương tự với cái các thợ gốm dùng để làm bình lọ và bát. Xưởng cũng kiêm luôn nhà kho: Trên giá kệ và dọc bức tường là hàng chồng hộp rỗng, các đồ dùng cho chuyển hàng và văn phòng phẩm, các vật liệu tẩy rửa. Có vẻ như ở đó chẳng có gì quý giá.

Căn phòng phía trước - phòng chờ - có diện tích khoảng ba mét nhân bốn mét rưỡi, bị một cái quầy gỗ chiếm gần hết chỗ. Bên trong căn phòng cũng có một cái ghế sô pha và hai ghế tựa cọc cạch. Trên mặt quầy là vài mảnh vải nhung hình vuông kích thước khoảng ba mươi phân để xem xét đồ trang sức của khách hàng, vài cái mắt kính lúp, mấy chồng giấy (toàn là giấy trắng). Cô đoán là Patel chỉ nhận hàng đặt riêng. Ông ta sẽ gặp gỡ khách hàng ở đây và mang những món đồ họ đã đặt từ trong xưởng hoặc trong cái két sắt cao đến eo trong văn phòng ra đây cho họ ngắm. Kiểm tra trên Internet, họ phát hiện ra công việc chính của công ty này là cắt và đánh bóng những viên kim cương lớn cho các nhà sản xuất trang sức khác.

Câu hỏi Một…

Mi đã bước ra khỏi đây cùng với cái gì?

Cô bước trở lại văn phòng và nhìn qua cái két cùng những vật bên trong: hàng trăm mẩu giấy vuông chín nhân chín phân - được gập lại như trò origami của Nhật. Trong đó có chứa các viên kim cương rời.

Dấu găng tay của thủ phạm - cả từ vệt máu lẫn dư chất do sợi vải hấp thụ được - có trên két sắt và vài mẩu giấy vuông. Nhưng hắn không lục lọi. Cô nghĩ hoặc hắn muốn lấy hết chỗ này hoặc nếu muốn thứ gì đó cụ thể, hắn sẽ phải lục trong két và gạt những cái phong bì mình không muốn ra.

Có một cách để tìm ra. Sachs đã thu thập tất cả những tài liệu kinh doanh cô có thể tìm được. Thứ gì đó trong đống ấy có thể chứa thông tin lượng kim cương tồn kho của Patel. Các kỹ thuật viên tìm bằng chứng ở trụ sở các đội Hiện trường tại Queens, những người làm việc trong phòng HVE*, sẽ so sánh lượng tồn kho ấy với những gì còn trong két. Dần dần họ sẽ khám phá ra thứ bị mất.

HVE là viết tắt của High Valued Evidence - Bằng chứng có giá trị lớn

Việc này có thể mất tới hàng tháng trời.

Quá lâu. Họ cần phải biết càng sớm càng tốt thứ gì đã bị lấy đi, để có thể bắt đầu các cuộc dò hỏi với những nguồn tin bí mật trong giới tiêu thụ trang sức ăn cắp, những cơ sở tàng trữ của gian và rửa tiền đã biết. Trong các vụ cướp, nếu bạn không bắt quả tang thủ phạm, cuộc điều tra sẽ biến thành một đoạn đường trường thâm nhập vào thế giới tiêu thụ đồ ăn cắp rộng lớn và phức tạp.

Nhưng dường như không có cách nào khác để rút ngắn tiến trình này.

Trừ khi…

Có điều gì đó sai sai ở đây. Tại sao lại bỏ lại những viên đá quý này? Điều gì còn quan trọng hơn cả chúng.

Sachs ngồi xổm xuống - một cách cẩn thận vì cái đầu gối bị viêm khớp của cô đôi khi vẫn phàn nàn trong mấy ngày ẩm thấp này - và nhìn vào cái két kĩ càng hơn. Vài cái phong bì có chứa một viên kim cương, nhưng có những cái lại chứa cả tá. Với cô trông chúng cũng đẹp, đáng để ăn cắp lắm chứ. Nhưng cô thì biết gì nào? Cô đâu phải loại con gái mê đồ trang sức. Thứ lấp lánh duy nhất cô mang trên người là chiếc nhẫn đính hôn gắn kim cương xanh đang khiêm tốn nằm cạnh một chiếc nhẫn vàng giản dị - lúc này cả hai đều đang ẩn dưới bao tay cao su màu tím.

Cô đoán đống đá trong két có giá trị tới vài trăm ngàn đô la.

Chờ bị lấy.

Mà hắn lại không lấy.

Cô đứng dậy, cảm thấy vệt mồ hôi hai bên thái dương. Dù hôm nay lạnh trời nhưng các lò sưởi trong toà nhà vẫn toả ra sức nóng ở trong không gian kín, và nó đang bị nhốt trong người cô do lớp áo quần Tyvek. Cô nhớ những ngày chỉ cần mang mỗi găng tay hoặc đôi khi là ủng để khám nghiệm hiện trường. Ngày nay bộ đồ bảo hộ theo nguyên tắc của khám nghiệm hiện trường trên khắp thế giới tồn tại vì hai lí do: Thứ nhất, vì nguy cơ phơi nhiễm với các vật chất nguy hiểm ở hiện trường. Và thứ hai, vì các luật sư bên bị. Xác suất

can thiệp vào hiện trường vì không mặc đồ bảo hộ thực sự rất nhỏ. Nhưng một luật sư cáo già có thể lật lại toàn bộ lời buộc tội chỉ bằng cách gieo một hạt giống nghi ngờ rằng chuyện ấy đã xảy ra.

Được rồi, nếu không phải là két sắt thì là cái gì?

Trong khi đội y tế di chuyển các thi thể - đầu tiên là cặp đôi rồi đến Patel - cô nhìn khắp lượt ba căn phòng lần nữa.

Sachs đặt giả thiết, lỡ đây chẳng phải vụ cướp của mà là một đòn triệt hạ thì sao? Phải chăng Patel đã mượn tiền của bọn cho vay nặng lãi nào đó và không trả kịp? Khó có khả năng đó - ông ta sở hữu một cơ sở kinh doanh thành công và có vẻ không giống loại người sẽ liên hệ với băng nhóm nào đấy vì một khoản vay tính lãi tới ba mươi phần trăm, tỉ lệ lãi hiện hành trên thị trường đen, và đó là lãi *tháng.*

Một chuyện tình cay đắng chăng? Patel goá vợ, như cô đã biết. Và người đàn ông trung niên tròn trịa này trông không giống loại có thể mắc vào một cuộc tình nóng bỏng và nguy hiểm. Nếu động cơ chỉ là để giết ông ta, sao còn phải tra tấn? Và nếu thế thật thì cần gì đột nhập vào cửa hàng? Sao không đâm ông ta trong nhà hay trên phố?

Mắt cô trở lại với xưởng làm việc. Phải chăng Patel hay một nhân viên nào của ông ta đang làm việc với một viên kim cương hay một món trang sức đặc biệt giá trị?

Cô bước hẳn vào phòng. Các bàn làm việc dường như không được dùng đến vào ngày hôm đó; các thiết bị đều được sắp xếp gọn gàng trên giá hoặc kệ. Tuy nhiên, ở một bàn cô để ý thấy một tờ giấy khác đã được gập lại thành phong bì đựng kim cương, giống

những cái trong két. Tuy nhiên cái này không đựng gì. Dòng chữ bút bi trên đó ghi: GC-1, GC-2, GC-3 và GC-4. Tên của những viên kim cương nó chứa đựng, cô đoán vậy, vì trọng lượng cara được ghi ở cuối từng cái (chúng được xếp hạng từ năm tới bảy chấm năm). Có các chữ cái nằm cạnh từng tên một. Chữ *D, IF* viết cạnh ba cái tên. Bên cạnh cái cuối cùng, nhỏ hơn là chữ *D, F.* Có thể là xếp hạng chất lượng. Cũng trên tờ giấy đó còn viết: *Chủ: Grace-Cabot Mining, Ltd,. Cape Town, Nam Phi.* Bên cạnh đó là số điện thoại công ty.

"Hừm," cô lẩm bẩm thành tiếng khi trông thấy một dòng ghi chú khác ở cuối trang. Nó nói lên giá trị của từng viên đá. Con số tổng là sáu mươi tám triệu ZAR*. Cô lôi điện thoại ra tra Google và biết rằng mệnh giá ấy là đồng rand của Nam Phi, không có gì đáng ngạc nhiên.

Ký hiệu tiền tệ của Nam Phi

Điều *đáng* kinh ngạc ở chỗ con số xuất hiện sau khi cô đã quy đổi.

Giá trị bằng đô-la Mỹ của chúng vào khoảng năm triệu.

Amelia Sachs tin rằng cô gần như đã tìm ra câu trả lời cho Câu hỏi Một.

CHƯƠNG 5

Để chắc chắn rằng chỗ kim cương đắt đỏ kia đích thực là thứ đã bị đánh cắp, Amelia Sachs trở lại két sắt và nhìn vào từng cái phong bì trong số cả trăm phong bì ở đó.

Không có cái nào đánh dấu bằng các chữ cái GC hoặc có tên công ty. Một cuộc gọi tới Grace-Cabot sẽ xác nhận Patel đang cầm những viên đá, nhưng cô có thể ước đoán khá chắc chắn rằng chúng chính là thứ đã bị thủ phạm lấy cắp.

Hắn đã biết số đá quý ở đây chăng? Hay đơn giản là vô tình chọn cửa hàng của Patel và đòi được biết những viên đá giá trị nhất nằm ở đâu?

Ở giai đoạn này thì chỉ là phỏng đoán.

Sachs chụp ảnh hộp Grace-Cabot và hoá đơn, rồi niêm phong vào túi.

Giờ đến Câu hỏi số Hai: cuộc tra tấn.

Sachs bất đồng quan điểm với Sellitto về chuyện Patel đã bị tra tấn để bắt phải khai mã số két hoặc nơi cất những viên kim cương giá trị, như bộ đá của Grace-Cabot chẳng hạn. Rốt cuộc, kim cương cũng chỉ là một loại hàng hoá. Khi phải đối mặt với cái chết hay thậm chí là lời đe doạ bị tra tấn, hẳn Patel sẽ từ bỏ một phần bất kì hay toàn bộ tài sản. Mọi thứ đều đã được bảo hiểm. Không có món trang

sức nào đáng giá bằng mạng sống của bạn hay chỉ một giây đau đớn cả.

Không, thủ phạm đã theo đuổi một thứ gì khác. Cái gì mới được chứ?

Để tìm câu trả lời, Amelia Sachs phải làm việc mà cô buộc phải làm ở mỗi hiện trường, dù quá trình ấy có vật vã nhường nào: Cô trở thành tội phạm trong cả tâm thức lẫn tình cảm. Trong một giây phút cô không còn là cảnh sát nữa, không còn là đàn bà nữa. Cô là gã đàn ông đã gây ra cuộc tàn sát này.

Và tự hỏi chính mình - *hỏi hắn:* Tại sao ta lại cần làm đau lão già?

Cần chính là từ đúng. Ta cảm thấy một sự bức bách. Một nỗi tuyệt vọng.

Tại sao ta phải làm đau lão và bắt lão nói?

Một cảm giác rần rật lại chạy lên mặt cô, quanh khớp cổ, phía trên cột sống. Đây không phải là cái nóng ngột ngạt trong nhà mà cô cảm nhận từ nãy. Đó cũng không phải nỗi kinh hoàng do vai diễn Giả danh tội phạm mà cô đang sắm. Không, các triệu chứng này là từ sự cáu giận đang chạy khắp cơ thể *hắn.*

Có điều gì đó không đúng. Ta cần phải sửa chữa lại. Cái gì, cái gì, cái gì?

Quay ngược thời gian, nghĩ đi, tưởng tượng, hình dung…

Ngay sau giờ trưa, ta đi vào cửa hàng này. Phải, bước vào văn phòng đằng sau lưng cặp đôi, William và Anna. Đôi tình nhân là cái vé vào cửa để ta lọt qua an ninh và họ phải chết vì họ đã trông thấy

mặt ta. Ta cảm thấy vui trước ý nghĩ này: cái chết của bọn họ. Thật dễ chịu. Không có manh mối nào để lại.

Khi họ đẩy cửa bước vào, ta di chuyển đằng sau.

Ta không thể kiểm soát cả hai chỉ bằng một con dao. Không, ta sẽ phải lôi khẩu súng ra. Nhưng ta không thích dùng nó do tiếng ồn.

Tuy nhiên, nếu phải làm thì ta vẫn làm, và họ biết điều đó.

William và Anna và Patel không di chuyển.

Họ ở yên một chỗ.

Ta ở yên một chỗ.

Ta là người nắm quyền kiểm soát.

Tốt, giờ ta thấy tốt rồi.

Ta đánh Patel - bằng khẩu súng, có thể thế. Vô hiệu hoá ông ta. Cặp đôi bị trói lại. Họ đang khóc, cả hai người. Xích lại gần nhau, để cảm nhận sự hiện diện của người kia. Bởi họ biết điều gì sắp xảy ra.

Ta không cảm động chút nào.

Ý nghĩ này khiến cô trở về với chính mình và hơi thở của cô nhanh lên, răng nghiến chặt nhau, bụng thắt lại. Cô siết móng tay ngón trỏ đang đeo găng vào ngón cái. Cảm nhận cơn đau. Lờ nó đi.

Quay lại. Quay vào trong đầu hắn.

Và cô đã làm được.

Giờ ta đang ngồi xổm, tóm tóc người đàn ông và cứa cổ anh ta.

Rồi đến người đàn bà.

Ta nghe tiếng Patel rên. Nhưng ta không chú ý gì đến lão trong lúc đứng nhìn đôi uyên ương giãy giụa và chảy máu đến chết. Xong

một việc. Đó là điều ta đã nghĩ. Một việc. Đã xong. Tốt. Tích bỏ một thứ trong danh sách. Những cái chết chỉ đến thế thôi. Một dấu tích.

Ta quay sang Patel. Lão đã bị hạ, không có gì đáng lo. Và lão đang sợ chết khiếp. Ta hỏi lão về những viên đá giá trị nhất mà lão có.

Lão cho ta biết. Lão đọc mã số két và ta lấy được những viên kim cương Grace Cabot. Nhưng - đây mới là điều then chốt. Quan trọng. Sống còn. Ta muốn thứ *khác,* một thứ mà lão *không* chịu từ bỏ.

Thứ gì nhỉ?

Giờ, cúi xuống, ta đang cắt lão kiểu khác, cắt để làm đau đớn, cắt để thông tin tuôn ra khỏi người lão cùng với máu. Thật thoả mãn. Một lần nữa. Một vết cắt khác. Mặt và tai và ngón tay.

Rồi, cuối cùng, lão cũng nói.

Ta thả lỏng. Con dao tìm đến cổ họng lão. Ba nhát cắt cuối cùng.

Thế là xong.

Patel đã kể cho ta điều gì?

Lão đã cho ta cái gì?

Thứ ta tha thiết muốn tìm là gì? Cái gì mà ta cần phải tìm được đến như vậy?

Ta đã có kho báu là những viên đá năm triệu đô la rồi? Sao không bỏ đi luôn?

Rồi cô hiểu ra.

Thứ mà ta cần nhất chính là sự tự bảo vệ. Ta bị ám ảnh với sự an toàn của bản thân. Đó là thứ đáng để ta tra tấn người khác vì nó. Để biết được danh tính một kẻ sẽ thành mối đe doạ với ta. Ta xịt sơn lên một camera an ninh, ta trộm ổ cứng của cái camera không thể xịt được, giết hai nhân chứng vô tội chỉ vì họ đã trông thấy mặt ta…

Ta cần đảm bảo không một nhân chứng nào khác có thể kể gì đó với cảnh sát.

Có một người đàn ông đã bước vào giữa vụ cướp, kẻ ta đã bắn, và đã gọi 911 để báo cáo cuộc tấn công. Ta có nên tra tấn Patel để biết tên hắn không? Hắn không trông thấy gì nhiều. Chỉ có lúc ta đang mang mặt nạ trượt tuyết, hắn đã báo như vậy. Và có thể hắn bước vào sau khi Patel đã chết. Không phải mối đe doạ nào đáng kể. Không, nhiều khả năng ta đã tra tấn người thợ chế tác kim cương để tìm ra tên của một ai đó *khác* có thể đã trông thấy khuôn mặt thật của ta.

Phải, đó có thể là lí do đủ để tra tấn kẻ khác.

Thoát ra khỏi nhân vật, Sachs gục đầu và dựa vào tường, thở mạnh trong lúc vuốt mồ hôi khỏi mắt và thái dương. Khi đã thoát khỏi đường hầm hắc ám đó, cô quay lại hành lang và tìm trong đám bằng chứng. Cô tìm được cuốn lịch của Patel và nghiên cứu những thứ trong đó. Các đề mục ghi là “S” sẽ ở đây lúc 11 giờ sáng, “W và A” - William và Anna, cặp đôi vừa bị giết - lúc 11 giờ 45. “VL” được viết ở rìa ngày thứ Bảy, không có giờ cụ thể nào. VL rất có thể là câu trả lời cho Câu hỏi số Ba - ai đã gọi 911. Dù vậy, nó chỉ là câu trả lời không trọn vẹn, vì chữ cái không phải là danh tính đầy đủ.

Cô dự đoán: thủ phạm có thể đã ở đây hoặc gần toà nhà khi S đến hoặc đi, và hắn có thể lo ngại rằng S đã trông thấy mặt mình. Hắn cần Patel kể cho mình biết tên S để tìm và loại bỏ anh ta. Cũng như VL.

Cô giở các trang khác trong cuốn lịch ngày. Cùng những ghi chú khác của hàng trăm cuộc gặp và các đơn hàng trong tháng vừa qua, có hai lần gợi nhắc tới những cuộc hẹn với S trong vòng 10 ngày nay. VL cũng xuất hiện thường xuyên, ba tới bốn lần một tuần. Nên VL có thể là một nhân viên hay cộng sự; điều đó có nghĩa là anh ta sẽ biết mã số cửa và có thể bước vào giữa vụ cướp, làm tên cướp bị bất ngờ và bắn anh ta.

Các anh là ai? S? Và VL?

Và các anh đang *ở đâu?*

Rồi một ý nghĩ hiện lên.

Nếu anh ta chính là người bước vào giữa vụ cướp, bị bắn và bỏ chạy… làm thế nào anh ta thoát được?

Thủ phạm đã bắn anh ta. Nhưng sau đó hẳn là hắn đã đuổi theo người đàn ông ngay lập tức. Cứ cho hắn mất năm tới sáu giây để bước qua các xác chết và tránh trượt chân trong vũng máu, tên sát nhân vẫn có nhiều cơ hội đuổi kịp nhân chứng vừa bỏ chạy.

Sachs quan sát hành lang một lần nữa. Cô giả định tên sát nhân đã đi vào qua thang máy, đặc biệt là vì hắn đã xịt sơn lên camera ngay bên ngoài nó. Hoặc có lẽ hắn đã đi thang bộ, cạnh bên thang máy.

Nhưng trên tầng này còn một cánh cửa khác, cạnh văn phòng Patel, một lối thoát hiểm. Sachs đã để ý đến nó nhưng cũng chú ý cả tấm biển ghi: *Thang thoát hiểm khi cháy. Chuông báo động sẽ reo khi cửa mở.*

Vì không có ai trong toà nhà này nói rằng đã nghe thấy tiếng chuông và cửa vẫn đóng, cô cho rằng thủ phạm đã không dùng đến nó. Và hắn cũng không nghĩ rằng VL đã thoát theo lối này.

Địa điểm thực sự của một án mạng, hay vụ cướp là hiện trường chính nhưng tất nhiên vẫn còn những nơi khác. Thủ phạm phải đi vào, thoát ra từ đâu đó và mỗi một hiện trường thứ hai này đều có thể là nguồn gốc của các bằng chứng luận tội thú vị. Thực tế, những hiện trường này thường đem lại nhiều manh mối hữu ích hơn cả hiện trường chính, vì thủ phạm thường thong thả hơn trên đường tới hiện trường và bất cẩn hơn khi chạy khỏi đó.

Cô bước tới cánh cửa. Lôi vũ khí ra, Sachs đẩy mở nó. Không có tiếng chuông nào.

Bước vào giếng thang mờ tối, ẩm thấp, Sachs chiếu đèn pin lên trên và xuống dưới các bậc thang. Cô dừng chân và lắng nghe. Có những tiếng cọt kẹt và rinh rích, và cơn gió lạnh lẽo xấu xí của tháng Ba đang rền rĩ qua những mối nối cổ lỗ sĩ của toà nhà. Nhưng cô không nghe được tiếng bước chân nào. Hay tiếng xoay ổ đạn trong vũ khí.

Các bằng chứng không đưa ra gợi ý nào về việc thủ phạm vẫn còn ở lại, nhưng cũng không có bằng chứng nào cho thấy hắn không còn ở đây.

Cô cúi thấp, quét ngọn đèn Maglite một lần nữa vào bóng tối.

Cô tiếp tục đi chậm xuống cầu thang và ở đó, trên bậc nghỉ giữa tầng hai và tầng ba, cô tìm được vài mẩu hiện vật vương vãi.

Nó tương tự với thứ cô đã tìm thấy bên trong cửa văn phòng Patel, các mảnh vụn và bụi của một loại đá xám màu. Cô nghĩ nó có thể là dấu vết của lớp sỏi do ai đó mang vào, dù giày của các nạn nhân đều không có loại tương tự. Nhưng rõ ràng là không. Thêm vào đó là vài mẩu giấy nâu - loại đựng đồ tạp hoá hay bữa trưa. Và để giải thích rất nhiều điều, ở đây có một viên đạn. Nó đã bị biến dạng và dẹp lép, trên đầu nhọn vương một chút đá xám tương tự. Và mẩu đá còn dính máu, dù bản thân viên đạn thì không.

Một hoạt cảnh hợp lý tự hiện lên. Tên thủ phạm đột nhập cửa hàng, cướp những viên đá Grace-Cabot, giết cặp đôi vừa đính hôn, rồi tra tấn Patel để biết tên S, nghĩ rằng anh ta có thể là một nhân chứng. Hắn giết Patel. Hắn định bỏ đi thì VL vào văn phòng, dùng mã số cửa ra vào. Tên sát nhân bị bất ngờ và bắn anh ta. Nạn nhân đang cầm một cái túi có đá dùng để tạc và đánh bóng thành trang sức. Viên đạn trúng phải đá và anh ta bị thương do mẩu đá bắn ra. Anh ta bỏ chạy qua cửa thoát hiểm mà tên sát nhân đã bỏ qua vì nghĩ anh ta không thể đi qua nó do có chuông báo động.

Vậy là có hai nhân chứng mà giả sử thủ phạm đã biết: S, tên và địa chỉ có thể đã bị Patel khai ra do tra tấn. Và VL, người có thể mới chỉ trông thấy mặt nạ trượt tuyết nhưng biết điều gì đó khác mà tên hung thủ không muốn phơi bày ra ánh sáng.

Dù VL là ai, tất nhiên anh ta cũng đang bị đe doạ. Một trong những điều đáng lo ngại là mảnh dăm đá có thể đã xuyên vào hoặc

tới gần một cơ quan sống còn. Anh ta có thể đang bị chảy máu nghiêm trọng.

Nguy cơ đó có thể có mà cũng có thể không.

Mặc dù vậy, có một điều chắc chắn đã xảy ra. Sachs cho rằng thủ phạm đã xem sổ hẹn của Patel và được biết không chỉ S mà cả VL cũng là một hiểm hoạ tiềm tàng.

Tất nhiên, thủ phạm cũng có thể đã bỏ trốn khỏi khu này với gia tài kim cương đáng kể của hắn rồi.

Nhưng từ vài phút ngắn ngủi chui vào đầu óc hắn lúc trước, Sachs đã thấy một khả năng khác. Cô tin, cô *biết* rằng hắn sẽ ở nguyên vị trí trong lúc này; một kẻ có thể thản nhiên tạo nên một hiện trường máu me như thế chắc chắn không phải loại người để cho nhân chứng còn sống.

CHƯƠNG 6

Trong số tất cả mọi thứ, bến Cảng Vụ lại làm cậu dễ chịu.

Trên thực tế, tổ hợp trải dài, xơ xác ở phố 42 và đại lộ số Tám là một trạm xe buýt khổng lồ, bất chấp cái tên của nó gợi ý rằng các con tàu đại dương từ những vùng biển xa xôi đang xếp hàng để được cập cảng.

Nơi này chỉ là một điểm tập trung lộn xộn của những khách tỉnh lẻ vội vã, các khách lữ hành tới hay đi khỏi những sân bay trong khu vực và của khách du lịch. Ở đây bạn cũng sẽ tìm được những thanh niên giàu hi vọng và năng lượng từ khắp nơi trên thế giới, mang theo túi tập gym, những chiếc ba lô đóng chặt quần bò, áo len, thú nhồi bông, bao cao su, bản nhạc, sổ phác thảo, các chương trình hoà nhạc chúc-may-mắn và kha khá những giấc mơ mãnh liệt lẫn mơ hồ.

Nơi đây cũng có cả gái điếm, bọn bán ma tuý, bọn lừa đảo, tụi tuyển quân đạo đức giả - dù không hẳn là loại thông minh lắm. Nhưng bạn đâu cần là một nhà chiến thuật tài ba gì khi đám con mồi mà bạn nhắm tới là một tập hợp những đứa trẻ ngây thơ và háo hức từ Wheaton, Illinois hay Grand Rapids. Ngày này, ở Cảng Vụ ít thấy lũ hèn nhát này xuất hiện hơn xưa, nhưng nguyên nhân chẳng phải vì có một đợt lương tâm thức tỉnh nào bùng lên trong giới trẻ cả đâu; chủ nghĩa khủng bố đã khiến số lượng cảnh sát trên phố 42 tăng cao đấy.

Vimal Lahori biết rõ chuyện này - hay đoán được nhiều phần - bởi Cảng Vụ là ngôi nhà thứ hai của cậu.

Chỗ này chỉ cách chỗ làm của cậu ở cửa hàng ông Patel trên phố 47 một quãng đi bộ ngắn nên cậu thường lượn ra đây kiếm chút đồ ăn nhanh cho bữa trưa. Để được ngắm mọi người, biểu cảm của họ, cử chỉ và tình cảm của họ - để tìm cảm hứng mang về nhà, tới chỗ làm, cố xây dựng lại hình ảnh ấy thành một vật thể ba chiều.

Cậu ngồi trên chiếc ghế dài ở phòng chờ và vòng tay ôm cái bụng đau nhói. Cậu siết mạnh. Cơn đau giảm đôi chút nhưng rồi trở lại ngay. Thực ra là nó lan rộng, như thể cậu đã làm vỡ một túi mỏng đựng axít và sự khó chịu đang toả ra tới cả những nơi nó chưa tới được. Chỗ đau nhất là ở mạn sườn phải, ngang tầm khuỷu tay, nơi cậu cảm nhận một vết sưng phồng dưới da. Khi tên sát nhân nâng khẩu súng lên, theo bản năng Vimal đã quay người. Hoặc viên đạn hoặc một phần của nó hay một mẩu đá đã xuyên qua lớp quần áo của cậu và trúng đích. Cậu từng nghe nói nếu bạn tới một phòng cấp cứu và kể với họ mình bị bắn hoặc họ tự luận ra, các nhân viên y tế sẽ gọi cảnh sát.

Và tất nhiên việc đó không được rồi.

Thò tay vào trong áo khoác và sờ xuống dưới chiếc áo thun *Keep Weird,* cậu sờ nắn bằng bàn tay trái - cánh tay có thể chạm tới chỗ đau. Cậu rút ngón tay ra và trông thấy máu. Rất nhiều máu.

Vimal nhắm mắt lại trong chốc lát. Cậu hoàn toàn lạc lối và tê liệt. Ông Patel đã chết - hình ảnh hai bàn chân của ông hướng lên trần nhà mờ tối của cửa hàng không chịu biến mất. Cả cặp đôi kia cũng vậy. William Sloane và vị hôn thê của anh ta, Anna. Và gã đàn ông

đeo mặt nạ, bước ra ngưỡng cửa, ánh mắt nheo lại ngạc nhiên khi trông thấy cậu. Hắn giơ khẩu súng lên và hai tiếng động vang lên gần như đồng thời: tiếng nổ và tiếng va đập khi viên đạn bắn trúng vào chiếc túi trong tay cậu.

Cậu loạng choạng lùi lại rồi lao bắn ra cầu thang qua cửa thoát cháy - chuông báo động đã hỏng từ nhiều năm nay - và lộn tùng phèo trên bậc thang. Cậu lo chết khiếp là gã kia sẽ đuổi theo nhưng không. Chắc hắn nghĩ Vimal đã chạy ra cầu thang bộ ở phía trước toà nhà. Hoặc có thể hắn cho là viên đạn sẽ mau chóng giết cậu.

Giờ thì Vimal Lahori đang ở đây.

Tìm kiếm sự an ủi, theo hết nghĩa có thể.

Chiếc mũ lưỡi trai kéo sụp, gù lưng trên ghế băng, Vimal nhìn khắp quanh mình. Ngay cả bây giờ, không phải là ngày làm việc mà khu này vẫn đông đúc. Bến xe Cảng Vụ rất gần quận Nhà Hát. Đám đông đi xem các buổi biểu diễn ngày thứ Bảy đã vãn. Những vở kịch hoặc đã bắt đầu hoặc sắp khai màn. Nhưng ở đây vẫn còn cả triệu thứ để xem và làm trong các ngày cuối tuần, thậm chí có là một buổi chiều tháng Ba lạnh giá đi chăng nữa: Disneyland ở Quảng trường Thời đại, các bộ phim, bữa sáng muộn, mua sắm. Và nơi yêu thích của cậu: khu vực các phòng trưng bày Metropolitan và MoMA ở đầu phía nam phố 14.

Hàng trăm dòng chảy trôi qua cậu.

Nếu ở tình huống khác, hẳn cậu sẽ hấp thu lấy nguồn năng lượng này. Nếu ở tình huống khác, cậu sẽ đang nhìn chằm chằm vào bảng điện tử hiển thị thời gian xuất phát và tự hỏi về những địa điểm mà các chuyến xe buýt kia có thể đưa cậu tới (Vimal chưa bao

giờ ra khỏi khu trung tâm). Giờ thì, tất nhiên cậu đang tìm kiếm gã đàn ông có thể đang lần theo mình.

Cầu thang thoát hiểm ngoài cửa tiệm của ông Patel đã đưa cậu tới một cửa nhận hàng đằng sau toà nhà. Cậu chạy sang phố 46 và rẽ về phía tây. Và cứ thế chạy thục mạng. Những con số nói lên thực tế và một chàng trai Nam Á gầy nhẳng đang lao ra khỏi quận Kim Cương trông có vẻ như là một người đang chạy việc vặt - theo cái cách mà những thanh niên da màu hay Mỹ Latinh không làm. Chẳng ai chú ý gì đến cậu. Cậu thường xuyên liếc ra sau nhưng không thấy tên sát nhân nào đang truy đuổi.

Cậu chỉ dừng lại một thoáng. Khi rẽ vào Đại lộ số Sáu cậu tìm và cuối cùng cũng thấy một quầy điện thoại. Chúng đang dần bị thay thế bởi hệ thống wifi LinkNYC, dù nó cực kì dễ bị lần theo - thậm chí các quầy này còn quay mặt cả người dùng - nhưng rốt cuộc cậu cũng tìm được một bốt điện thoại kiểu cũ, gọi 911 và báo án. Thông tin có ích chừng nào thì Vimal không thể nói được: Cậu gọi chủ yếu là để họ gửi cảnh sát và một xe cứu thương đến phòng khi ai đó còn sống. Cả ba người trong cửa hàng trông như đều đã chết nhưng có lẽ là chưa. Còn về mô tả tên cướp, tất cả những gì cậu nói được là hắn có khổ người trung bình, đeo găng tay và mang mặt nạ trượt tuyết, cả hai đều màu đen. Dường như hắn là người da trắng. Vimal không biết khẩu súng loại nào. Có lẽ ai đó được xem nhiều chương trình tivi và phim ảnh hơn cậu sẽ biết nó thuộc loại gì. Với cậu nó chỉ là một khẩu súng.

Rồi cậu cúp máy, chạy sang một toà nhà khác và lao vào đám đông trên Quảng trường Thời đại, liên tục nhìn lại sau.

Giờ thì cậu đang ở thánh địa của mình, bến Cảng Vụ luôn tấp nập.

Cậu cố nghĩ một điều gì khác có thể hữu ích cho cảnh sát. Nhưng Vimal chắc chắn rằng đây chỉ là một vụ cướp ngẫu nhiên. Họ chưa bao giờ nhận được lời đe doạ nào, cũng chưa từng bị cướp lần nào cả. Ông Patel nổi danh khắp thế giới là nhà chế tác kim cương bậc thầy. Chắc chắn trong cửa hàng của ông có vài viên đá tuyệt vời, nhưng công chúng không biết điều đó. Hoạt động bán lẻ của ông rất nhỏ bé, chủ yếu các khách hàng được giới thiệu tới chỗ ông từ những nhà bán lẻ khác khi họ muốn một món gì đó thật sự xa xỉ.

Trong ngành này, không ai lại đi ăn cướp của đồng nghiệp cả, chưa nói đến giết người cùng nghề. Đơn giản là điều đó không xảy ra trong giới kim cương.

Cơn đau lại quặn lên.

Thêm một lần chạm da nữa.

Lại thêm máu tươi.

Có ai để ý đến tình trạng của cậu chưa? Cậu lướt qua đám đông, để ý thấy một phụ nữ ngồi ở ghế gần đó đang ăn bánh quẩy, độ chục người đang kéo va li đằng sau như những chú chó tự mãn, một đám vô gia cư cả nam lẫn nữ, vài người mang sự tự tin của Chúa còn những người khác chỉ đơn giản là hoang mang.

Cậu lôi điện thoại ra khỏi túi quần, nhăn nhó vì đau. Cậu gửi một tin nhắn và hài lòng khi đọc tin trả lời.

Cậu gửi đi một biểu tượng ngốc nghếch rồi cảm thấy mình như một thằng ngố vì vẫn còn làm vậy trong tình huống này.

Rồi cậu nhìn chằm chằm vào màn hình và cân nhắc. Và trì hoãn. Việc chưa nhận được tin nhắn nào của bố chứng tỏ gia đình cậu còn chưa nghe tin tức gì. Kể cả khi câu chuyện được lên sóng thì tên cậu có lẽ cũng không bị nhắc đến. Rõ ràng cậu không nằm trong số các nạn nhân ở cửa hàng và vì ông Patel trả cậu bằng tiền mặt, cũng chẳng giữ đồ cá nhân trong cửa hàng, khó có khả năng cảnh sát biết về cậu lắm.

Tuy nhiên, ngay khi câu chuyện về cái chết của ông Patel lên sóng, có thể điện thoại của Vimal sẽ đổ chuông không ngừng.

Cậu tiếp tục nhìn vào màn hình xước xác. Chỉ cần gửi tin đi, thế là xong.

Làm đi.

Nó không giống với việc gọi một cuộc gọi. Chỉ là một lời nhắn thôi. Không ai có thể tương tác bằng lời với cậu, cứng rắn với cậu hay tỏ ra cậu là đứa trẻ mười tuổi. Chỉ là một tin nhắn chết tiệt thôi mà.

Cậu gõ lời nhắn.

> “Bố sắp sửa được nghe một chuyện kinh khủng. Ông Patel đã chết. Một vụ cướp. Con ổn. Nhưng sẽ lánh đi một thời gian. Con sẽ ở chỗ một người bạn. Con sẽ liên lạc cho bố sớm.”

Ngón tay cậu lơ lửng bên trên mũi tên của nút Gửi.

Cậu viết thêm:

“Yêu bố.”

Cậu vươn tay đến nút Tắt Nguồn nhưng trước khi kịp bấm nó, tin trả lời đã hiện trên màn hình.

“Ý MÀY LÀ GÌ???? MÀY ĐANG NÓI ĐẾN BẠN NÀO??? VỀ NHÀ NGAY LẬP TỨC!!!”

Trong lúc điện thoại của cậu chuyển sang chế độ tắt, tim Vimal đập nhanh gần bằng lúc trông thấy khẩu súng chĩa vào mình. Một tin trả lời gần như ngay lập tức, cậu nhớ lại, bất chấp thực tế cha cậu đã phải viết hoa từng chữ cái một.

Cậu cũng để ý thấy trong số tất cả những lời nhận xét có thể có, cha cậu chẳng nói lời nào về cái chết của ông Patel hay về vụ cướp, mà đòi được biết danh tính người bạn của Vimal. Tất nhiên là chẳng có bạn bè nào ở đây. Cậu không quen ai đủ thân để ở nhờ, trong trường hợp này thì càng không. Dòng nhắn ấy đơn giản chỉ là để cha cậu - hay đúng hơn là mẹ và em cậu - đỡ lo mà thôi.

Tâm trí cậu lại hiện ra hình ảnh bàn chân của ông Patel. Cậu nhắm chặt hai mí mắt vào nhau như thể cách ấy sẽ làm hình ảnh kia biến đi, nhưng nó chỉ càng sống động hơn. Kinh hoàng hơn.

Cậu bật khóc lặng lẽ, quay lưng lại đám đông. Cuối cùng cậu cũng kìm được nước mắt, thấm khô mặt và hít một hơi thật sâu.

Khi ấy một ý nghĩ chợt đến; cậu nhớ lại một điều khác về tên sát nhân. Gã đàn ông ấy có một chiếc cặp táp, loại cũ, kiểu mà gần đây ta không còn bắt gặp nhiều nữa. Hắn đã mang nó trong lúc đi vào

phòng chờ của cửa hàng, khi trông thấy Vimal. Cậu hồi tưởng lại, có lẽ chiếc cặp chính là lí do cậu vẫn còn sống. Tên cướp đang cầm nó bằng tay phải. Hắn đã phải thả nó xuống để lôi khẩu súng ra khỏi túi quần, cho Vimal một giây - dù chỉ là một phản xạ - để xoay người và giơ hai tay lên. Khi gã đàn ông nổ súng, viên đạn bắn trúng mấy viên đá chứ không phải ngực cậu.

Một người đàn ông mang chiếc cặp táp như thế có thể dễ bị nhận diện. Vimal sẽ gọi 911 lần nữa và cho họ biết. Cảnh sát ở khắp khu Midtown có thể lùng tìm hắn.

Cậu đứng dậy và đi về phía quầy điện thoại trả tiền. Cậu biết rằng ngay khi mình gọi điện, ai đó trong sở NYPD sẽ báo động cho các cảnh sát ở đây - cậu đang trông thấy khoảng năm sáu người - và báo cáo rằng có người biết về vụ cướp đang ở Cảng Vụ. Cậu sẽ phải bỏ đi ngay lập tức sau khi cúp máy.

Chính vào lúc ấy cậu cảm nhận, hơn là trông thấy, ai đó đang tiến lại.

Cậu quay người và chú ý thấy một người đàn ông khoảng ba mươi lăm tuổi, mặc áo mưa màu đen đang đi về phía mình. Hắn vừa băng qua đám đông đi bộ trên các lối đi của Cảng Vụ vừa nhìn trái nhìn phải. Cùng chiều cao và dáng người với tên sát nhân. Mặt mũi nghiêm trọng.

Tên sát nhân đã mặc áo khoác, đúng không nhỉ?

Người đàn ông không mang cặp táp.

Nhưng một tên trộm thông minh sẽ rũ bỏ những quần áo hắn đã mặc ở hiện trường phạm tội.

Ôi chết tiệt! Nhỡ có tới hai tên thì sao? Đây là… bọn họ gọi là gì nhỉ? Trợ thủ.

Dù thế nào, rõ ràng gã này đang đi về phía cậu. Hắn cầm một cái gì đó nhỏ nhắn và đen xì trong tay. Nó không phải là súng; hắn sẽ không dám bắn ở đây. Nó có thể là con dao mà hắn đã dùng để cắt cổ cặp đôi kia cùng ông Patel.

Vimal tìm cảnh sát. Người gần nhất vẫn còn cách cậu khoảng sáu mươi mét còn gã kia thì đang ở giữa họ và Vimal.

Hơn nữa, cảnh sát là điều cuối cùng cậu mong gặp.

Chạy đi! Bỏ chạy!

Cậu quay người và chạy nhanh tới hành lang gần nhất, xếp dọc theo nó là các tủ gửi đồ. Cơn đau nhói trong lồng ngực và bên mạn sườn cậu lại cuộn lên nhưng cậu lờ tịt và tiếp tục chạy.

Trước mặt là một ngã ba hình chữ T. Phải hay trái? Bên phải có vẻ sáng hơn. Cậu lượn quanh khúc cua.

Sai rồi. Nó là ngõ cụt, chỉ dài thêm ba mét rồi kết thúc ở một cánh cửa có dán chữ: *Có điện. Chỉ dành cho đội bảo dưỡng. Cấm vào.*

Thử xem!

Cửa khoá. Cậu trông thấy bóng của người đàn ông khi hắn tới gần.

Mình sắp chết, cậu nghĩ.

Trong tâm trí cậu, hình ảnh hiện lên không phải khuôn mặt của mẹ, hay của em trai, cũng không phải viên kim cương sáu cara mà

cậu vừa hoàn thành tuần trước và được ông Patel tuyên bố là “tạm chấp nhận được” - lời khen có cánh của ông ta.

Không, trong những khoảnh khắc cuối cùng của mình trên Trái Đất, Vimal nghĩ tới một mẩu đá granit đang nằm trong căn buồng của mình: một hình kim tự tháp bốn mặt. Màu xanh lục đậm, với những dải đen và một chút xíu ánh vàng. Cậu mường tượng ra từng xăng tí mét vuông của nó.

Người đàn ông dừng ở ngã tư và nheo mắt nhìn cậu.

Vimal nghĩ: Không. Cậu hít một hơi thật sâu và bước về phía trước, đứng thẳng lên hết mức có thể. Cậu sẽ không hèn nhát. Cậu sẽ chiến đấu.

Vimal không phải người to con nhưng có niềm đam mê với đá và đá quý; cậu phải nâng rồi cắt rồi đập vỡ và mài phẳng nó. Các dụng cụ của cậu đều rất nặng. Đôi khi cậu phải nhấc cả tảng đá lớn trên tay, thứ đang sẵn sàng kể cho cậu nghe về tâm hồn của nó để cậu có thể giải phóng cho nó.

Những cơ bắp ấy nay đã chắc nịch và cậu rút từ trong túi áo ra một loại vũ khí của riêng mình: một viên đá to, chú chim Tháng Giêng, đã nằm sẵn trong túi khi gã này - hoặc đồng bọn của gã - bắn cậu. Cậu giấu nó ra sau lưng.

Vimal cười mỉm với vẻ trào phúng chua chát, nghĩ về trò chơi mà cậu vẫn chơi cùng em trai Sunny hồi cả hai còn nhỏ: đấm-lá-kéo.

Kéo cắt lá.

Lá bọc đấm.

Còn đấm thì làm gãy kéo.

Cậu nắm chặt viên đá.

Ồ phải, cậu sẽ chiến đấu… ném mạnh vào gã, né con dao khéo nhất có thể và bỏ chạy.

Khỏi hắn. Và khỏi cảnh sát.

Gã đàn ông tiến lại gần. Rồi hắn ta mỉm cười. “Này, anh bạn trẻ. Tôi đã vẫy tay chào cậu đấy.”

Vimal đứng yên, không nói gì, chỉ nắm bóp viên đá. Nụ cười của hắn chỉ là một trò bịp để cậu mất cảnh giác.

“Cậu bỏ quên cái này trên ghế. Trong phòng chờ.”

Ông ta giơ ra chiếc điện thoại di động chứ không phải một con dao. Vimal nheo mắt và vỗ tay vào túi. Đúng rồi, nó là của cậu. Cả hai cùng bước về phía nhau và người đàn ông đưa nó ra. “Cậu ổn chứ, chàng trai?” Ông ta cau mày.

“À. Tôi… chỉ là, có một ngày bận rộn. Tôi ngốc thật. Xin lỗi.” Cậu tuồn viên đá vào trong túi quần; dường như người đàn ông không chú ý gì.

“Ầy, chuyện thường ấy mà. Tôi còn bỏ quên cả một chiếc iPhone mới tính ở sân chơi của bọn trẻ khi vợ tôi và tôi đưa chúng đi công viên cơ. Khi tôi nhận ra, mãi tận lúc đã về đến nhà, tôi gọi vào số đấy. Một đứa bé - chừng mười tuổi - nghe máy. Tôi nói đó là điện thoại của tôi còn nó thì chỉ hỏi nó có thể xin mật khẩu cho App Store hay không?”

Người đàn ông tốt bụng cười phá lên còn Vimal thì ép mình phải cười phụ hoạ.

“Cảm ơn.” Lời nói có chút run rẩy.

Người đàn ông gật đầu và đi về phía hàng người đang chờ xe buýt đi New Jersey.

Vimal quay lại quầy điện thoại. Cậu đứng cúi mặt, hít thở chậm, bình tĩnh. Cậu gọi 911 lần nữa. Khi cậu nói mình gọi để báo tín về vụ cướp trên phố 47, người phụ nữ cố giữ cậu trên đường dây nhưng cậu chỉ nói đơn giản, “Người đàn ông cầm súng và một cái cặp táp màu đen. Giống loại các doanh nhân hay mang.”

Cậu cúp máy và đi nhanh tới lối ra, ném một cái nhìn cuối cùng vào bảng xuất phát, ken đặc các điểm đến. Tất cả đều đang mời gọi.

Nhưng việc nào trước phải làm trước. Đầu cúi gằm, Vimal lao vào đám đông trên vỉa hè và rẽ về phía nam, đi bộ nhanh hết mức cơn đau cho phép.

CHƯƠNG 7

Cần truy lùng hai *kur* bé nhỏ.

Hai con gà mái bé nhỏ cần phải cắt tiết, bỏ nồi nấu canh…

Hai *kur* bé nhỏ biết quá nhiều.

Đáng ra chúng phải chết từ sớm. Nhưng lại vùng thoát mất.

Buồn thế, buồn thế, buồn thế. Nhưng đâu phải mọi thứ đều luôn chuẩn chỉnh như nó phải thế.

Mang mùi khói thuốc lá khét lẹt và dầu cạo râu Old Spice, Vladimir Rostov vừa trông thấy một người có thể giúp hắn tìm lũ *kur.*

Hắn đang ở quận Kim Cương, cách toà nhà có cửa hàng của Jatin Patel khoảng một trăm mét. Lúc này, cảnh sát đang đứng tụ lại đó và dải băng dính vàng đang phấp phới quanh toà nhà. Tất nhiên hắn phải giữ khoảng cách. Trời đã tối, giờ đóng cửa của quận này, và Rostov đang theo dõi mục tiêu của mình - hoặc là chủ hoặc là người quản lý của một cửa tiệm kim hoàn nhỏ - khởi động chiếc cửa cuốn đóng cổng an ninh. Trông ông ta có vẻ là người Nam Á, và Rostov hi vọng là ông ta sẽ biết Patel; giới kim cương ở New York này không rộng lớn như người ta tưởng.

Người đàn ông móc hai cái khoá chắc chắn vào ổ khoá trên cửa và một cái thứ ba để khoá bảng điều khiển điện tử của cửa cuốn.

Ông ta trông yếu xìu và đang nhìn quanh một cách lo lắng. À, tốt lắm. Rostov thích những chú *kur* nhút nhát. Bọn chúng luôn háo hức

được giúp đỡ.

Gã người Nga lẩn vào đám đông. New York là thành phố của những bộ quần áo tối màu, như bộ hắn đang mặc. Thành phố của những đôi mắt không chạm nhau, thành phố của những cái đầu cúi gằm, thành phố không có tương tác. Hoà vào… Ở gã đàn ông bốn mươi bốn tuổi này chẳng có điểm gì nổi bật. Nhiều cơ bắp hơn mỡ, khuôn mặt góc cạnh dài như mặt ngựa. Xuất thân từ quân ngũ, hắn có tác phong và thể hình của quân nhân, dù không hề có - và cũng chưa bao giờ có - tính kỉ luật và tinh thần sẵn sàng tuân lệnh.

Dù trông có vẻ bình thường nhưng hắn phải gắng sức để mắt không đảo láo liên khắp phố. Hắn cố không lẩm bẩm với chính mình. Và với bất kì ai ở gần. Tất nhiên đó không phải là ý hay. Hắn biết rõ ràng là mình hơi khác biệt.

Vladimir Rostov đã “về với đá” như cách hắn vẫn nghĩ.

Vì vậy hắn buộc mình phải cẩn trọng. Hắn vẫn hoạt động được nhưng đôi khi tưởng như hắn đang ở bờ vực của sự điên loạn. Ngay lúc này hắn lại có cái cảm giác gai người, râm ran khi quan sát con phố đầy lũ Do Thái, Ấn và Tàu, những kẻ chuyên bán rác rưởi rẻ tiền cho đám đông.

Khi nhìn vào các cửa sổ, hắn có thể trông thấy vàng, ngọc bích và ngọc lục bảo.

Và kim cương.

Máu của mẹ đất. Phố 47 chính là một cơn băng huyết. Cũng như vũng máu trên sàn cửa hàng Patel vậy.

Tay bán lẻ người Ấn đi bộ tới Đại lộ số Năm rồi rẽ về phía nam, không hề biết đang bị bám theo. Mày có giúp tao tìm tụi *kur* bé nhỏ được không? Rostov nghĩ, chạm ngón tay vào con dao bấm trong túi quần, nó đang nằm yên bên cạnh khẩu súng.

Chú *kur* bé nhỏ của hắn… Trong vũ trụ của Rostov, từ đó không chỉ mang nghĩa "con gà mái", như cách dịch thông thường. Một *kuritsa* - danh từ số ít - bao gồm cả định nghĩa về *blyad,* "con điếm" và *dobycha* "con mồi" lẫn *prezreniye,* "sự khinh bỉ" của hắn, nhưng tất cả luôn được nhìn qua lăng kính hài hước.

Kuritsa hắn cần tìm là thằng bé ở chỗ tay bán lẻ kim cương. Tên thì không rõ, chỉ có hai chữ cái viết tắt VL. Và một con khác, gã Do Thái đã tới gặp Patel trước khi cửa hàng của ông ta nổ ra cuộc chiến Stalingrad.

Hai *kur.*

Lúc này, trên đường tới chỗ con mồi của hắn.

Rostov châm một điếu thuốc, rít sâu vài lần rồi dập. Dựng cổ áo và kéo sụp chiếc mũ che mái tóc vàng cắt cua, Rostov tiếp tục cuộc săn lùng người Ấn Độ. Gã đang đi đâu? Có phải gã sẽ lên tàu điện ngầm ở đâu đó, hay một chiếc xe buýt? Hay gã sống ở Upper East Side, khu vực người giàu New York? Gã có hẳn một cửa tiệm kim hoàn cơ mà, hẳn gã phải có tiền. Nhưng Rostov không nghĩ có nhiều người Ấn sống ở phần đó của thành phố. Có vẻ như khu ấy rất tách biệt và hắn đoán là họ sẽ không được chào đón.

Bụng dạ Rostov khẽ rộn lên khi cả hai đi qua Harry Winston, một cửa hàng trang sức nổi tiếng trên Đại lộ số Năm. Tấm biển mạ vàng

khiêm tốn gắn cạnh cửa ghi:

HARRY WINSTON INC. NHỮNG VIÊN ĐÁ QUÝ HIẾM CÓ TRÊN THẾ GIỚI

Chà chà, nói *đó là kur* còn nhẹ đấy.

Rostov quan sát toà nhà lộng lẫy, ước đoán về giá trị và chất lượng của những viên đá bên trong. Không thể tưởng tượng nổi. Dù đã mất từ những năm 70, có lẽ Winston là nhà buôn trang sức nổi tiếng nhất mà thế giới từng biết đến. Là chủ nhân của cả viên Kim cương Hi vọng và viên kim cương thô bảy trăm cara, ông ta cũng là thợ kim hoàn đầu tiên của các ngôi sao. (Winston là người nảy ra ý tưởng cho các diễn viên mượn những món trang sức lộng lẫy này để diện mỗi kì Liên hoan phim.)

Rostov nghĩ đến một viên kim cương đặc biệt mà công ty này mua được vài năm trước trong cuộc đấu giá của nhà Christie: Winston Blue, viên kim cương xanh lớn nhất từng được bán. Viên đá có đường cắt cầu kỳ (bất kì viên kim cương nào không được cắt dạng tròn thì đều được gọi là “cầu kỳ”) hình trái lê. Nó nặng khoảng mười ba cara và theo tiêu chuẩn của Viện giám định Đá quý Hoa Kỳ, nó vô khuyết. Tất nhiên Rostov chỉ được nhìn thấy ảnh chụp nó và tự hỏi liệu viên đá hiện nay có còn trong cửa hàng không.

Điều làm hắn chú ý là các bài báo viết về viên kim cương chỉ nhắc qua loa tới độ hiếm quý và sự hoàn mỹ của nó; trong khi đó, tập trung vào việc nó được bán với giá gần hai triệu đô-la cho mỗi cara, một kỉ lục với dòng kim cương xanh. Thế giới tán dương viên kim cương không phải vì phẩm chất của nó, mà vì giá tiền.

Lũ truyền thông khốn nạn.

Công chúng khốn nạn.

Ngay lúc này, nó có đang nằm bên trong những hành lang thần thánh kia không? Hắn tự hỏi. Tim hắn rộn lên trước khả năng là có. Tất nhiên, kể cả khi hắn đang không theo đuôi gã người Ấn thì Rostov cũng không thể nào vào trong được. Từng phân vuông trên mặt hắn sẽ bị ghi hình. Cả tá lần. Thậm chí hắn nghe nói các máy quay ở đó có độ phân giải cao đến mức chúng có thể ghi luôn cả dấu vân tay của bạn.

Thế thì không xong rồi.

Tiếc thật.

Rostov cố nén một cơn ho để kìm lại tiếng động. Gã buôn trang sức không nghe thấy, và gã người Nga đã kiểm soát được nó. Con mồi tiếp tục đi về phía bắc thêm hai mươi phút rồi rẽ sang phía đông và đi bộ thêm bốn dãy nhà nữa - khu này không sang chảnh lắm. Phố xá vắng vẻ và khi ông ta đi qua một dãy nhà đá nâu với lối vào căn hộ có vườn nằm thấp hơn mặt phố, Rostov bước dấn lên và đẩy người đàn ông xuống bậc thang, trưng ra khẩu súng rồi lại nhét nó vào túi quần.

“Không! Anh…”

Rostov đấm vào đầu ông ta, cú đấm gây ngạc nhiên nhiều hơn là đau đớn. “Suỵt”

Người đàn ông gật đầu, rúm ró.

Luôn háo hức giúp đỡ…

Họ đang đứng trước cửa sổ và cửa ra vào của căn hộ ở tầng dưới nhưng đèn bên trong vẫn tắt.

“Làm ơn, xin đừng làm hại tôi. Tôi có gia đình.”

“À, tốt lắm. Gia đình. Tốt lắm. Tên là gì, người đàn ông của gia đình?”

“Tôi… tôi là Nashim.”

“Ấn Độ hả?”

“Không, không, Ba Tư.”

Chết tiệt.

Rostov tức giận. “Ý mày là bọn Iran chết tiệt hả.”

Mắt ông ta mở lớn. “Vâng, nhưng ông nội tôi là bạn của shah* đấy! Ý tôi là, nó là sự thật!”

Shah (hay Shirvanshahs) là danh hiệu dùng để chỉ/được trao cho các hoàng đế/vua và lãnh chúa của Iran trong thời kì quân chủ.

“Tao quan tâm chó gì đến chuyện ấy hả?”

Điều này làm nhiệm vụ càng khó khăn hơn. Chậc, hắn đành phải ứng biến thôi.

“Có ví không?”

Giọng Nashim cà lăm. “Có, có, tôi có ví đây. Lấy đi. Tôi có cả nhẫn. Một cái nhẫn đẹp. Đồng hồ của tôi không đẹp lắm nhưng..

“Mở ví ra.”

“Tôi không có nhiều tiền mặt.”

“Suỵt. Mở ra.”

Với hai bàn tay run rẩy, Nashim làm theo.

Rostov lôi bằng lái xe ra và dùng điện thoại chụp ảnh. Rồi hắn chú ý tới một bức ảnh. Hắn lôi luôn cả nó ra. Bức ảnh chụp Nashim

cùng người có lẽ là vợ ông ta và hai đứa con gái tuổi dậy thì xinh xắn, tròn trịa.

“Mày *đúng* là người đàn ông của gia đình. Một người may mắn đấy.”

“Ôi, làm ơn.” Ông ta ứa nước mắt.

Rostov chụp lại cả bức ảnh. Hắn trả ảnh cùng bằng lái cho người đàn ông. Ông ta không thể nhét chúng lại vào ví, hai tay ông ta đang run bần bật. Rostov tự làm rồi nhét cái ví vào túi áo ngực của ông ta. Vỗ vào nó ba lần. Thật mạnh.

“Giờ tao đang cần tìm người. Và tại sao nó lại không phải là việc mày quan tâm nhỉ? Nếu mày giúp tao, mọi chuyện đều tốt đẹp. Và tao sẽ không phải đến số Một ngàn bốn trăm hai mươi hai Đại lộ số Một, căn hộ năm C, để viếng thăm gia đình xinh đẹp của mày.”

“Vâng.” Giờ người đàn ông càng khóc to hơn. “Tôi hiểu rồi.”

Rostov đã không hỏi ông ta có hiểu hay không.

“Mày biết Jatin Patel chứ?”

“Anh có phải là..Giọng ông ta im bặt.

Rostov cúi đầu xuống, nhìn xoáy vào Nashim bằng cặp mắt xanh của hắn. Người buôn trang sức buột miệng, “Không thân lắm. Tôi mới gặp ông ấy một lần. Tôi biết về ông ấy. Ai cũng biết.”

“Có hai người mà lão quen. Một tên VL, cũng là dân Ấn như lão. Trẻ hơn. Có thể đang làm việc cho Patel. Hay *đã* từng làm cho Patel. Và một người Do Thái tên là Saul Weintraub. Hắn có việc kinh doanh trong ngành kim cương ở đâu đó, thành phố Long Island. Nhưng tao muốn có địa chỉ nhà riêng của hắn. Được không? Dễ ợt

ấy mà. Tao nói lại cho dễ nhé. Ai là VL? Và tao có thể tìm Weintraub ở đâu?”

“Ồ, tôi sẽ nói cho anh biết nếu có thể. Tôi hứa! Nhưng tôi không biết. Tôi thề đấy. Tất cả chúng tôi đều làm việc ở quận Kim Cương, người Do Thái, Ấn Độ, Trung Quốc và cả chúng tôi nữa. Nhưng chúng tôi không nói chuyện với nhau nhiều lắm. Chúng tôi chỉ buôn bán với nhau. Nhưng đó là tất cả. Tôi không biết hai người đó có thể là những ai. Xin đừng làm hại tôi hay gia đình tôi! Tôi có thể đưa tiền cho anh.”

“Tao hỏi tiền à?”

“Tôi xin lỗi.”

Rostov tin ông ta. Và khi nghĩ lại hắn nhận định việc ông ta là người Iran rất có ích. Ông ta chẳng ngại bán rẻ một tên Do Thái và có lẽ cả một tên Ấn Độ nữa.

“Nashim, Nashim… Vậy thì chúng ta sẽ chơi một trò chơi. Mày thích các trò chơi chứ?”

Ông ta im lặng.

“Săn kho báu. Mày biết chứ?”

“Tôi biết trò đó.”

“Đây nhé, anh bạn. Đây. Mày sẽ bắt đầu hỏi han. Hãy cẩn thận. Mày không được lộ liễu quá. Nhưng phải hỏi về thằng VL và Saul Weintraub này. Đúng thế, đúng thế! Mày có sẵn sàng chơi chưa, anh bạn?”

“Tôi sẽ hỏi. Tôi hứa sẽ hỏi.”

“Cho tao số điện thoại của mày.”

Rostov bấm số rồi gọi. Điện thoại của Nashim rung lên. “Tốt lắm, tốt. Mày không phải loại giả dối. Okay. Giờ mày làm việc đi. Mai tao sẽ gọi xem mày có gì để kể cho tao không. Và tao sẽ còn gọi đến khi nào mày thắng trò tìm kho báu này. Tao cổ vũ cho mày đấy nhé! Giờ tao sẽ về nhà và mày cũng về nhà.” Rostov vỗ vào lưng ông ta. Hắn dợm bước rồi dừng lại. “Con gái mày. Chúng tên là gì nhỉ?”

Hắn đột nhiên lên cơn thèm, cảm thấy đói.

Về với đá…

Người Iran lắp bắp. “Không! Tôi sẽ không kể với anh điều gì về chúng cả.”

Rostov nhún vai. “Không thành vấn đề. Tao sẽ tự bịa. Đứa cao hơn tao nghĩ sẽ là Scheherazade. Còn đứa nhỏ hơn, xinh hơn, tao nói theo ý kiến cá nhân thôi… nó sẽ là Kitten. Chúc ngủ ngon, Nashim. Chúc ngủ ngon, anh bạn.”

CHƯƠNG 8

Bóng tối phủ xuống bên ngoài, những con người trong phòng thí nghiệm ở phòng khách nhà Rhyme đã bắt đầu cuộc săn lùng kẻ mà họ gọi là Nghi phạm 47, đặt theo tên con phố nơi vụ cướp và các vụ án mạng đã xảy ra.

Anh đang theo dõi quy trình Sachs và Mel Cooper - kỹ thuật viên số một trong NYPD - phân tích những gì cô vừa mang về từ cửa hàng hãng Patel Designs.

Lon Sellitto cũng ở đây, lúc này đang gọi điện thoại ở góc phòng, trả lời các câu hỏi của cấp trên anh ta. Báo chí đã có cả một ngày tác nghiệp quanh vụ án tên sát nhân mang dao rọc giấy ở quận Kim Cương, điều cuối cùng Toà thị chính muốn có. Như những con vật đói khát trong sở thú, báo chí cần được mớm tin gì đó. Tuy nhiên , đây không phải vấn đề của Rhyme. Anh chỉ chú ý vào những gì mà kỹ thuật viên gầy gò đồng thời là một mọt sách công khai cùng Sachs xây dựng được trong lúc cả hai mày mò.

Cảnh sát Ron Pulaski đã được gọi đi làm nhiệm vụ. Cậu ta đang ở ngoài quận Kim Cương để thẩm vấn. Và hầu như chẳng thu được gì. Năm phút trước cậu ta gọi về để báo cáo là không có gì để báo cáo. Với danh sách các khách hàng và đối tác làm ăn của Jatin Patel, cậu ta tìm hỏi từng người để xem có ai nghe gì về những lời đe doạ (hoặc để đánh giá xem bản thân họ có phải là nghi phạm không).

Thế nhưng, tất cả những người Pulaski và các cảnh sát thẩm vấn khác gặp đều không biết “S” hoặc “VL” trong cuốn lịch của Patel là ai.

Kết quả này cũng tương tự ở những cửa hàng và nhà hàng dọc phố 47 và quanh đó. “Không ai chịu nói gì với tôi cả, Lincoln,” cảnh sát trẻ nói. “Cứ như bọn họ sợ bị trông thấy đang giúp cảnh sát vậy. Cứ như tên hung thủ còn đang lởn vởn quanh đây để ghi chú vậy.”

“Cứ làm tiếp đi, Lính mới,” Rhyme nói và cúp máy. Ở bất kì sự kiện nào anh cũng không ham hố với các nhân chứng - anh cảm thấy lời khai của họ rất không đáng tin - và chủ yếu chỉ mong ai đó có thể chỉ Pulaski đi đúng hướng tới một bằng chứng nào mà tên hung thủ bỏ lại hoặc vô tình làm rơi trong lúc bỏ chạy.

Anh nhìn sang tấm bảng trắng chín mươi nhân mét hai mà Sachs và Cooper đang ghi lại các kết quả của họ.

Họ đã biết vài điều từ cuộc gọi nặc danh (giả sử như nó là thật): Thủ phạm có thể là dân da trắng, đàn ông, khuôn mặt bị che bằng mặt nạ trượt tuyết bằng vải đen. Hắn đeo găng tay và có vũ khí. Chiều cao trung bình. Một cuộc gọi khác tới 911 đã báo rằng sát nhân có mang một chiếc cặp táp màu đen. Người ta đã không tìm thấy nó ở hiện trường, vậy là hắn có thể mang theo nó, trừ khi đã vứt bỏ.

Sachs tin rằng người gọi đến chính là nhân viên hoặc đồng nghiệp của Patel, người đã bước vào giữa vụ cướp và bị bắn, tên VL. Một cuộc hỏi cung ở bến Cảng Vụ nơi anh ta vừa gọi cuộc gần nhất đã xác định không ai trông thấy một người bị thương. Rhyme

đã muốn có ai đó tới lấy mấy đồng xu ở quầy điện thoại trả tiền mà người đó đã dùng để thực hiện cuộc gọi và lấy dấu vân tay trên ấy.

“Anh không cần dùng xu để gọi 911,” Sellitto nói vẻ hóm hỉnh. “Thành phố bao bằng ngân sách rồi.” Các bệnh viện đã được cảnh báo là phải báo ngay nếu gặp ai đó bị thương do mảnh dăm đá, nhưng xác suất hơn một ngàn bác sĩ cấp cứu ở khu vực New York này biết hết về những yêu cầu của cảnh sát và làm theo, nếu họ có làm, là cực kì thấp.

Sachs đã gọi cho công ty sở hữu những viên kim cương, Grace-Cabot ở Cape Town, Nam Phi. Múi giờ ở đó chậm hơn, vẫn đang là sáng sớm và cô đã để lại một lời nhắn. Rốt cuộc vẫn có khả năng những viên đá trên đã được trả lại hoặc đang ở nơi khác, có lẽ đã được chuyển cho một thợ cắt khác làm việc cùng Patel.

Nếu đó là sự thật thì vụ án lại càng trở nên li kì hơn, và tất cả sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra tồn kho của các kỹ thuật viên đội vật chứng giá trị cao để biết thật sự có gì bị mất hay không.

Còn về các bằng chứng vật thể, có tới cả trăm hình ảnh đường rãnh - các dấu vân tay - được phát hiện: trong cửa hàng, trong thang máy, tay nắm cửa trên phố, cửa thang bộ, lan can cầu thang bộ. Nhưng không có cái nào khớp với dữ liệu của IAFIS* cả. Anh cũng không mong đợi gì; số lượng dấu tay đeo găng cho thấy Nghi phạm 47 chưa bao giờ tháo chúng ra.

Không chịu tạo điều kiện cho ta chút nào đấy nhỉ? Một câu hỏi tu từ mà Rhyme chẳng buồn nói ra nữa.

Một vài loại tội ác - liên quan đến tình dục hoặc đánh nhau chẳng hạn - thường có nhiều sự tương tác giàu ADN, và cơ sở dữ liệu

ADN ở Mỹ - CODIS* - có thể hé lộ một danh tính trong những trường hợp này. Nhưng ở loại tội ác này, do sát nhân đeo găng, mặc quần áo dài lại còn mang mặt nạ trượt tuyết - gần như có rất ít cơ hội hắn để lại dấu vết bằng ADN.

IAFIS là viết tắt của Integrated Automated Fingerprint Identification System, tạm dịch là 'Hệ thống Nhận dạng Vân tay Tự động Tích hợp', trực thuộc Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI).

CODIS là viết tắt của Combined DNA Index System, tạm dịch 'Hệ thống chỉ số Kết hợp DNA'

Họ tìm được vài sợi vải không khớp với bất kì cái quần áo nào của các nạn nhân. Một số là sợi cotton đen, gần như chắc chắn là từ găng tay - vì chúng được tìm thấy trên tay nắm cửa và ngăn kéo. Sachs cũng tìm được vài sợi polyester đen, có thể là từ mặt nạ trượt tuyết.

Không có vỏ đạn rỗng nào từ vụ nổ súng; hắn đã mang theo cả cái vỏ.

"Chúng ta có gì ở đó?" Rhyme sốt ruột hỏi kỹ thuật viên của mình. Anh ta đang dán mắt vào ảnh chụp tĩnh điện dấu chân từ cửa hàng Jatin Patel, lúc này chúng đã được quét và dán lên một màn hình có độ phân giải cao.

Mel Cooper đang mặc bộ áo choàng trắng dùng trong phòng thí nghiệm, đội mũ và mang găng tay, bịt mặt. Cùng cặp kính Harry Potter bất ly thân. "Khó nói chắc chắn nhưng anh chàng của chúng ta mang cỡ giày từ hai mươi lăm tới hai mươi chín phân." Vì mũi giày hếch lên và cỡ gót khác nhau, nên đôi khi rất khó xác định cỡ

giày chính xác. “Và ở đây có vài dấu vết nhận diện cách mang giày nhưng không có rãnh.”

“Giày kiểu công sở hả?”

“Đúng.” Sẽ tốt hơn nhiều nếu thủ phạm mang giày chạy. Các dấu rãnh đặc biệt thường cho bạn biết nhãn hiệu và mẫu giày, đôi khi còn cả màu sắc của từng mẫu nữa.

“Có sọc nhỏ nào trong máu bên cạnh dấu giày không?” Rhyme đang nhìn vào một bức ảnh Sachs chụp bằng máy ảnh kỹ thuật số hiệu Sony của cô.

“Sọc á?” Cooper hỏi.

“Mấy dòng ngoằn nghoèo, *nghuệch ngoạc* ấy,” Rhyme lẩm bẩm. “Tôi không nói rõ được.” Khi để ý thấy cả Sellitto và Cooper đều đang nhìn về phía anh khó hiểu, anh định giải thích nhưng Sachs đã nói trong lúc cúi người bên bàn giám định, “Từ những sợi dây giày bị thừa ra. Chúng có thể không xuất hiện trên ảnh chụp tĩnh điện nhưng sẽ thấy trong máu.”

Rhyme mỉm cười. Anh yêu cô.

“À.” Cooper xem lại ảnh chụp dấu chân. Sellitto cũng nhìn một lần rồi lại kiểm tra tin nhắn.

“Chán rồi hả Lon? Rất nhiều trường hợp đã kết luận được là nhờ những thứ vụn vặt như việc phát hiện ra hung thủ mang giày có hay là không có dây đấy.”

“Này, Line, anh mới là sư phụ về những dấu giày có đường ngoằn nghoèo trong máu. Không phải tôi.” Anh ta lại nhận thêm một cuộc gọi nữa và bước tránh đi.

Họ kết luận là không có đường ngoằn nghoèo nào. Chắc là giày lười rồi.

Nhân chứng đã báo là chỉ có một hung thủ ở hiện trường, dấu chân cũng xác nhận tên sát nhân hành động một mình.

Gần như chắc chắn vũ khí của hắn là một khẩu Glock 9mm như của Sachs, nếu căn cứ vào đường rãnh đa giác trên viên đạn. Trong 150 năm qua, các loại nòng súng đều có những đường gồ ở bên trong để xoáy viên đạn khi nó rời khỏi vũ khí, khiến nó bắn chính xác hơn. Hầu hết đều có rãnh dạng máng. Tuy nhiên, các khẩu Glock lại có rãnh dạng sóng dù không có cạnh sắc, điều này cho phép viên đạn tăng tốc và mạnh hơn. Chúng không phải loại súng duy nhất có đặc tính này - các loại khác gồm có Heckler & Koch, Kahr Arms, Magnum Research, Tanfoglio và CZ - nhưng tới nay Glock vẫn là loại phổ biến nhất với dạng rãnh đa giác này.

Sellitto ngắt điện thoại. “Cuộc gọi của một đội cảnh sát. Họ đã tới nhà chị gái Patel để báo tin. Vợ ông ta đã mất cách đây vài năm và người chị gái là họ hàng duy nhất của ông ta ở khu vực này. Họ nói tin ấy làm bà ta chấn động khá mạnh. Suýt thì bà ta ngã gục. Họ đã chờ đến khi ông chồng về nhà để hỏi thăm bà ta vài câu. Bà ta nói mình không biết gì nhiều về việc kinh doanh. Bà ta nói, “Đó là việc của đàn ông.”

“Patel chưa bao giờ kể với bà ta hay chồng bà rằng ông ta có lo ngại gì về an ninh hay ai đó nhắm tới cửa hàng. Nhưng ông ta thực sự là một thợ chế tác nổi tiếng - cả ở đây lẫn trên trường quốc tế. Hẳn đã có những tin tức về việc ông ta có vài món thật sự đáng để kẻ nào đó lấy cắp. Đó là lời của tôi, không phải bà ta.”

Sachs hỏi, “Đối tác thì sao? Nhân viên? Bà ta có biết tí gì về nhân chứng không?”

“Bà ta thực sự không biết. Patel sở hữu riêng chỗ đó. Không có nhân viên toàn thời gian nào - ông ta trả bèo quá và không tin bất kì ai khác để giao phó mấy viên đá cả. Chỉ trừ vài chàng trai trẻ thỉnh thoảng làm việc ở đó dạng thợ học việc, bà chị nghĩ như vậy. Họ đã hỏi về S và VL. Nhưng chẳng có gì.”

Sachs nói, “Có thể ông ta trả tiền mặt, ngoài sổ sách để tiết kiệm; không có thông tin bảng lương nào để giúp chúng ta truy tìm người đó cả.”

Một đội từ phòng Hiện trường ở Queens đã kiểm tra căn hộ khiêm tốn của Patel ở khu Thượng Tây của Manhattan, nơi ông ta sống cô độc kể từ khi vợ mất vì bệnh ung thư vài năm trước. Không có bằng chứng bị đột nhập, và - vì Rhyme đã băn khoăn - cũng chẳng có viên kim cương Grace-Cabot nào ở đó.

Không thấy điện thoại của Patel, nên đầu mối của họ ở phòng máy đội Hiện trường NYPD hiện đang lấy một danh sách các số gọi đến và đi từ nhà cung cấp. Họ hi vọng một trong những số này có thể là cuộc gọi đi hoặc cuộc gọi đến từ S hoặc VL.

Sachs bước đến một góc phòng để nhận điện và gật đầu lơ đãng trong lúc vừa nói chuyện vừa ghi chú vài thứ. Rồi cô đọc địa chỉ email cho người gọi đến.

Một lát sau tiếng tin nhắn trong máy tính kêu lên và cô tắt điện thoại để đọc thư.

“Đến giờ xem phim rồi,” cô nói. “Công ty an ninh của toà nhà. Đây là đoạn băng an ninh trên tầng đó vào sáng nay.” Cô tải về và bắt đầu bật những thước phim đen trắng bị nhiễu.

Rhyme đẩy xe lại gần hơn. Patel đến chỗ làm khoảng tám giờ rưỡi sáng nay. Không có gì xảy ra mãi đến gần mười một giờ. Một người đàn ông xuất hiện, để râu và mặc áo choàng đen cùng chiếc mũ vành nhỏ, có thể là tóc đen cắt ngắn. Ông ta bấm một nút trên máy liên lạc nội bộ vào cửa hàng Patel, được cho vào và ở lại khoảng hai mươi phút.

“Có thể là S… cuộc hẹn mười một giờ của Patel.”

Năm phút sau khi ông ta ra về, theo mốc thời gian của đoạn băng, một vài chấm đen bắt đầu xuất hiện trên màn ảnh và trong một phần giây sau đó bạn có thể trông thấy một bàn tay đeo găng cùng với hình dáng một cái đầu mang mặt nạ trượt tuyết khi hung thủ xịt sơn lên ống kính máy quay, trong lúc vẫn đứng khuất khỏi tầm nhìn. Những bức ảnh mờ mịt - chính xác là mười ba khung hình - chẳng cho thấy gì.

Rhyme nhìn sang Cooper, anh ta đã đoán trước câu hỏi của anh. “Tôi kiểm tra sơn rồi. Loại chung. Không rõ nguồn gốc.”

Nhà tội phạm học gầm gừ.

Cô nhắc anh, “Đoạn video an ninh của Patel đã mất. Nghi phạm 47 đã mang nó đi nhưng các cảnh sát khu Midtown Bắc đang thu thập video trên phố. Hầu hết camera của các cửa hàng nằm bên trong nhưng cũng có vài cái chìa ra ngoài. Chúng ta sẽ xem chúng

cho thấy gì. Họ cũng kiểm tra cả cửa nhận hàng trên phố 46 nữa; cầu thang thoát hiểm dẫn ra đó.”

Cô yêu cầu Cooper cho bức ảnh rõ nhất chụp S, từ hành lang bên ngoài cửa hàng của Patel. Anh chỉnh sửa bức ảnh và gửi nó cho cô qua email. “Tôi sẽ gửi nó cho các cảnh sát thẩm vấn. Xem họ có tìm được một cái tên không.” Cô ngồi xuống một bàn làm việc gần đó, đăng nhập và tải bức ảnh lên hệ thống toàn thành phố.

Mel Cooper quay sang những người khác. “Tôi đã xác định được những viên đá mà người thợ học việc, hoặc là ai đi chăng nữa, lúc đó đang mang - thứ đã bị viên đạn bắn trúng. Có vẻ như nó thuộc họ serpentine - nó được gọi như vậy là vì màu sắc và kết cấu lốm đốm của nó; trông như da rắn vậy. Nếu bên trong nó có ngọc hồng lựu và kim cương thì nó là kimberlite. Viên đá này chính là như vậy. Tôi còn thấy được những mẩu nhỏ pha lê, có thể là từ kim cương. Patel có thể cắt và đánh bóng chúng thành vòng cổ hoặc hoa tai.”

Điện thoại bàn trong phòng khách đổ chuông. Số gọi đến hiện lên một mã vùng Rhyme không nhận ra.

Sachs liếc nhìn nó. “Nam Phi.”

Cô bấm nút loa ngoài và trả lời. “Vâng?”

“Vâng, xin chào. Tôi đang tìm Thanh tra Amelia Sachs.” Âm giọng trộn lẫn giữa tiếng Hà Lan và tiếng Anh.

“Thanh tra Sachs xin nghe.”

Người gọi đến xưng danh là Llewelyn Croft, giám đốc điều hành của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác mỏ Grace-Cabot ở Cape Town.

“Ông Croft, ông đang nói chuyện qua loa ngoài với Trung uý Lon Sellitto, sở Cảnh sát New York và Lincoln Rhyme, một chuyên gia tư vấn.”

“Tôi đã nhận được tin nhắn của cô. Cô nói đã có một vụ trộm xảy ra và có thể liên quan đến chúng tôi?”

“Đúng vậy. Tôi không nói kĩ trên điện thoại được nhưng tôi rất tiếc phải nói với ông là thợ cắt kim cương Jatin Patel, người đang cầm những viên kim cương ấy, đã bị giết trong một vụ cướp.”

Họ nghe thấy một tiếng hổn hển.

“Không! Ôi không. Tôi vừa mới gặp ông ấy tuần trước. Không, việc này thật khủng khiếp.” Giọng ông ta trượt đi. “Tôi không thể… bị giết ư?”

“Tôi e là vậy.”

“Chúng tôi đã làm việc với ông ấy nhiều năm nay. Ông ấy là một trong những người chế tác kim cương tốt nhất New York. Chà, có khi là cả thế giới.” Giọng ông lạc đi. Ông ta hắng giọng và nói tiếp, “Cô đang nói là chỗ kim cương của chúng tôi đã bị đánh cắp? Cô có chắc không?”

“Không, không chắc chắn. Một trong những lí do tôi gọi là vậy. Tôi tìm được một cái hộp rỗng với một tờ biên nhận cho bốn món hàng, số ghi danh là GC-một đến bốn.”

“Vâng,” ông ta nói, nghe có vẻ thất vọng. “Đó là hàng của chúng tôi.”

“Theo mệnh giá rand, chúng có giá khoảng sáu mươi tám triệu đúng không?”

Một tiếng thở dài. Rồi im lặng.

“Thưa ông?”

“Vâng, đó là giá trị bảo hiểm. Chúng là kim cương thô nên sau khi làm xong chúng sẽ được bán với giá cao hơn nhiều.”

“Tôi là Thanh tra Lon Sellitto. Vậy là theo chỗ anh được biết, Patel có mấy viên đá đúng không? Có khả năng ông ta đưa chúng ra ngoài để làm không?”

“Không, không. Ông ấy sẽ không bao giờ làm vậy. Chỉ có ông ấy mới đủ tài năng để làm việc với chúng thôi. Chúa ơi. Những viên đá ấy… Các ông có biết ai đã làm việc đó không?”

“Chúng tôi đang điều tra,” Sachs nói.

Sellitto hỏi, “Những ai có thể đã biết việc Patel có mấy viên kim cương đó?”

Một khoảng dừng, rồi Croft nói, “Tất nhiên tôi không thể biết Jatin đã kể với những ai. Nhưng tôi không nghĩ ông ta sẽ nhắc tới chúng với bất kì ai. Tôi không biết các vị có quen thuộc với ngành kim cương hay không, nhưng không ai trong ngành lại nói về công việc cả. Đặc biệt là về những viên đá vô giá như vậy. An toàn là ưu tiên tuyệt đối. Còn trong nội bộ công ty tôi? Người trong cuộc làm, tôi chắc các vị nghĩ như vậy. Chỉ có vài người cấp quản lý biết chúng được gửi đến chỗ Jatin. Nhưng tất cả chúng tôi là cộng sự trong công ty - và thành thật mà, nói chúng tôi đều khá giàu rồi. Còn về các công nhân và thợ mỏ? Một khi viên đá đã được đào lên và xử lý, họ không hề biết nó đi đâu. Đôi khi các công ty vận chuyển bán tin cho bọn trộm nhưng đích thân tôi đã xách tay viên thô tới New York.

Nó giá trị tới mức đó.” Một khoảng dừng. “Nó là không thể thay thế được.”

“Viên gì cơ?” Rhyme cắt ngang. “Ông vừa nhắc chữ “thô”. Nó là gì?”

“Xin lỗi. Đó là cách chúng tôi gọi những viên kim cương chưa được cắt. Thô.” Ông ta ngập ngừng lần nữa. “Theo phỏng đoán có cơ sở của tôi, tên trộm không biết về món hàng cụ thể đó. Hắn chỉ ngẫu nhiên chọn cửa hàng của ông Jatin rồi đòi lấy những viên kim cương chưa cắt. Các viên đã hoàn thiện đều có số đăng kí bằng tia laze - ông chỉ có thể trông thấy chúng dưới kính hiển vi. Nhưng điều đó làm cho việc vận chuyển chúng cực kì khó khăn. Thị trường dành cho những viên kim cương chưa cắt béo bở hơn nhiều. Bọn trộm chuyên nghiệp luôn luôn nhắm tới đá thô.”

Sachs hỏi, “Ông có biết cái tên nào ở Mỹ mà tên trộm có thể tiếp cận để bán những viên kim cương ăn cắp không?”

“Ở Mỹ thì không. Nhưng tôi có thể cho cô số của văn phòng bảo hiểm tại New York của chúng tôi. Đằng nào tôi cũng phải báo cho họ biết. Và họ sẽ có nhân viên giúp được các cô.” Ông ta cho họ một số điện thoại. Sachs ghi lại.

Croft nói, “Tôi hi vọng các vị có thể kéo mọi nguồn lực để tìm ra kẻ này. Đây thực sự là một thảm kịch. Không lời nào tả nổi.”

Ba người đã bị giết, một trong số đó bị tra tấn. Và hai nhân chứng đang gặp nguy hiểm.

Nhưng có vẻ như Llewellyn Croft có ý khác.

“Các vị thấy đấy, tôi không nghĩ tên trộm sẽ bán ngay những viên đá. Điều hắn sẽ làm là nhanh chóng thuê người cắt chúng - hắn sẽ xẻ chúng ra rồi những viên kim cương hoàn thiện sẽ biến mất trên thị trường bán buôn ở Amsterdam hay Jerusalem hoặc Surat. Những viên kim cương ấy sinh ra với định mệnh vĩ đại. Giờ thì sao? Chúng sẽ bị huỷ hoại.” Ông ta nhắc lại, “Thảm kịch.”

Mặt Sellitto nhăn nhó. Chính Amelia Sachs là người nói, “Ông Croft ạ, chúng tôi sẽ làm hết sức để tìm ra hắn.” Cô nói, thêm chút lạnh lùng vào giọng mình. “Và đảm bảo là không ai phải mất mạng nữa.”

CHƯƠNG 9

Run rẩy trong cái lạnh giữa tháng Ba, hai cánh tay vòng quanh ôm khuôn ngực gầy gò, Vimal Lahori ngồi trong Công viên Quảng trường Washington, một ốc đảo xanh tươi yên bình giữa đô thị ở Làng Greenwich. Nơi đây, vào những ngày trời đẹp hơn hôm nay, bạn sẽ trông thấy một tập hợp thú vị: những nhạc sĩ và vú em để tóc mái bằng, những tên bán ma tuý tầm thường, những sinh viên chăm chỉ, các nhà thơ chúi mũi ghi chép, các học giả trầm tư và những doanh nhân *có thể đi* bộ từ quỹ bảo hiểm hay văn phòng luật của mình ở phố Wall về nhà, nhưng hầu hết vẫn thích ngồi trên limo hơn.

Lúc này, mới chập tối, Vimal ngồi ở phần khuất bóng và vắng vẻ hơn của công viên, cách xa cổng vòm lừng lững sáng quắc, lấy cảm hứng từ chính Khải Hoàn Môn ở Paris. Cậu liếc sang các phòng học và khu phòng ở của trường Đại học New York và các dinh thự từ thời *Hamilton,* cửa sổ sáng ánh đèn vàng. Những người ở bên trong hẳn đang chuẩn bị để vào trung tâm, tắm rửa, tỉa tót, xúng xính áo quần. Hoặc đang vừa cắt rau củ vừa hớp những ngụm rượu cho bữa tiệc sắp bắt đầu. Hình ảnh những thú vui nhỏ bé nhưng không thể với tới được ấy làm Vimal Lahori muốn khóc. Cậu lơ đãng vân vê vòng tay bằng vải nâu mà Adeela đã làm cho mình. Cha cậu đã thắc mắc liệu nó có ảnh hưởng tới công đoạn chốt đá của cậu không, nên cậu đã không đeo nó vào mãi tới khi ra khỏi nhà.

Trong cuốc đi bộ dài và lạnh lẽo tới đây, cậu đã thực sự phải nhìn qua vai rất nhiều lần. Cậu đã chọn con đường ngoằn nghoèo từ bến Cảng Vụ cách đây cả ba mươi, ba mươi lăm dãy nhà. Lúc đầu cậu định chọn đi tàu nhưng cú sốc từ việc người đàn ông ở trạm xe buýt trả lại điện thoại đã làm cậu sợ tới mức quyết định đi bộ.

Có rất ít khả năng tên sát nhân vẫn đang lảng vảng trong ga tàu điện ngầm, lên hết chuyến này đến chuyến khác hòng tìm ra cậu. Tất nhiên, hắn đã trông thấy Vimal, biết chính xác cậu trông như thế nào. Nhưng thợ học việc của người thợ cắt kim cương chỉ trông thấy mỗi cái mặt nạ, găng tay và bộ quần áo đen.

Mặc dù vậy, sự hoang tưởng của cậu không phải là hoàn toàn vô lí; cậu đã dừng ở một quầy rượu để tu ừng ực hai chai Coca và xem tin tức, biết rằng gã đàn ông kia vẫn còn tự do và người ta tin hắn đang ở thành phố, có súng và rất nguy hiểm. Bất kì ai có tin tức về vụ án nên báo cáo ngay lập tức. Nghe có vẻ như phát ngôn viên của cảnh sát đang nói thêm: vì sự an toàn của chính bạn. Có lẽ họ đã có thông tin rằng tên sát nhân đang thực sự lùng kiếm cậu bởi những gì cậu đã trông thấy. Cậu giả thuyết sự việc là như vậy.

Lại nghĩ đến cửa hàng đẫm máu lần nữa. Giờ cú sốc đã qua, thay vào đó là nỗi sợ hãi và buồn rầu. Ông Patel đã chết. Ông là người chuyên sai việc, cứng rắn lại hiếm khi hài lòng. Nhưng rất biết điều. Tử tế theo cách riêng của ông. Và dù Vimal có nghĩ gì về cái ngành công nghiệp mà ông Patel đã cống hiến cả cuộc đời đi nữa, chúng ta cũng không thể phủ nhận rằng ông ta là một thiên tài. Vimal biết phải khó khăn đến thế nào để đôi bàn tay bạn tạo ra được thứ mà trái tim mình trông thấy.

Còn cặp tình nhân, những khách hàng kia, chàng trai trẻ và cô gái! Thật buồn khi họ lại vướng vào vụ cướp này. William và Anna. Đám cưới của họ đáng lẽ sẽ được tổ chức trong sáu tháng nữa, cậu nhớ lại như vậy.

Cậu đã không nhìn được gì nhiều từ chỗ các thi thể trong cửa hàng, cuộc chạm trán quá kinh hoàng và quá nhanh. Và một khi hình ảnh đôi chân bất động ngửa lên trời của thầy cậu đã cắm sâu vào trí nhớ, cậu gần như chẳng thấy gì nữa. Vimal Lahori tin rằng hình ảnh ấy sẽ còn ở lại với cậu đến hết cuộc đời.

Cậu xem điện thoại - nguồn xem giờ duy nhất - và trông thấy bảy cuộc gọi nhỡ của cha, mười hai tin nhắn. Trong lúc cậu đang nhìn chằm chằm thì chiếc điện thoại bị tắt chuông lại sáng lên với một cuộc gọi khác từ ông già.

Cậu bấm nút Từ chối và cất nó đi.

Một nụ cười nhăn nhó. Giá mà cậu cũng từ chối được cảm giác tội lỗi trong lòng như thế.

Ông Patel, cặp đôi… Một thảm kịch không lời nào tả xiết.

Ấy vậy mà…

Vimal không thể phủ nhận một cảm giác nhẹ nhõm ấm lòng, dù có phần tội lỗi, một gánh nặng đã được cất đi. Đã từ lâu cậu phải chịu một áp lực chầm chậm nhưng không gì cản nổi, giống hệt như áp lực bên dưới lớp vỏ Trái Đất hàng trăm kilômét đang không ngừng ép lại, ép lại để tạo ra những viên kim cương. Giờ đây tự do nằm trong tầm tay. Không đời nào cậu dám tự mình giành lấy điều này. Không có sự kiện thảm khốc như vụ cướp của giết người kia,

hẳn cậu sẽ làm việc cậu vẫn luôn làm: mặc lòng chấp nhận cuộc đời mà cha cậu đã chọn cho cậu. Chấp thuận. Im lặng. Và căm ghét mình từng phút một.

Dù tình huống này có ghê gớm cỡ nào, Vimal đã được ban cho một cơ hội. Cậu sẽ nắm lấy. Cuộc đời cậu sẽ rẽ sang một hướng mới.

Có bóng dáng ai đó phía bên kia công viên. Cậu đã thấy cô ta rồi.

Việc cần làm trước phải làm trước…

Cô gái trẻ với mái tóc dài màu đen tuyệt đẹp tự tin bước vào trung tâm công viên, nhìn từ phải sang trái. Bất chấp sự việc kinh hoàng vừa xảy ra, bất chấp cơn đau ở mạn sườn, cậu vẫn cảm nhận những tiếng thịch quen thuộc trong tim.

Mỗi lần cậu trông thấy cô - ngay cả sau từng ấy tháng họ hẹn hò - điều đó vẫn xảy ra.

Ồ, nó không phải là một mối quan hệ suôn sẻ, êm đềm nhất. Cặp tình nhân không được gặp nhau thường xuyên như họ mong muốn. Cô là một sinh viên y khoa bận rộn ở trường NYU còn cậu thì làm việc nhiều tiếng liền vào khung giờ bất định cho ông Patel cùng những thợ cắt kim cương khác mà cha cậu "cho thuê người". Và Vimal cũng cần dành nhiều thời gian rảnh rỗi của mình ở dưới tầng hầm nhà cậu.

Tất nhiên đây là kiểu quan hệ điển hình của rất nhiều cặp đôi sống trong thành phố ở thời đại này. Chúng là những rắc rối có thể giải quyết được. Nhưng trường hợp của họ có một vấn đề khó khăn

hơn. Cha mẹ Vimal không biết gì về Adeela Badour và cha mẹ cô cũng không biết gì về cậu.

Cô không cao lắm nhưng dáng người thon thả tạo ra cảm giác cao ráo. Tối nay, tóc cô thuần một màu đen (thi thoảng trong những lần chống đối bà mẹ bảo thủ, cô sẽ nhuộm vài lọn xanh dương hoặc xanh ngọc - dù sự chống đối của cô chỉ là cuộc phản kháng có chừng mực; những lọn màu này không bao giờ xuất hiện trong các buổi tụ họp gia đình).

Cô đã trông thấy Vimal và khuôn mặt thon dài của cô sáng lên. Lúc đầu thì như vậy.

Nhưng mỗi lúc cô lại càng nghiêm nghị hơn, sau thành cảnh giác, có lẽ vì trông cậu xanh xao và kiệt sức.

Vimal ghi nhận đã thấy cô bằng cách khẽ ngẩng đầu lên. Cậu không muốn vẫy tay. Cậu vẫn còn nghĩ về người đàn ông mang mặt nạ. Một cái nhìn quanh xác nhận chỉ có khoảng hơn chục người quanh đó, tất cả đều không chú ý đến cậu và đang vội vã đi tới nơi nào đó ít ẩm ướt và ít lạnh hơn.

Cô thả người xuống ghế băng và quàng hai tay quanh cổ cậu.

“Vim… ôi…”

Cậu nhăn nhó làm cô thả cậu ra ngay lập tức, rồi lùi lại sau và nhìn cậu khắp lượt. Cậu ngước lên khuôn mặt xinh đẹp của cô. Cô trang điểm cho làn da khoẻ mạnh một cách nhẹ nhàng nhưng rất kĩ lưỡng, tỉ mỉ đến nỗi cậu không thực sự nói được nét nào của cô đã được tô đậm lên.

Vimal nắm tay và hôn cô thật sâu. Giờ cậu chú ý thấy rằng cô đang nhìn mình bằng cặp mắt bác sĩ.

“Em xem tin tức rồi. Em rất tiếc. Ông Patel. Và cả các khách hàng kia nữa. Mọi chuyện lên tivi hết cả. Nhưng họ không nói gì khác về người nào khác ở đó nữa.”

Cậu giải thích với cô chuyện mình bước vào và làm tên cướp ngạc nhiên.

“Anh bỏ chạy. Anh nghĩ hắn đuổi theo anh nhưng anh đã chọn cầu thang đằng sau.”

“Anh đã nhắn tin: Anh bị thương đúng không?”

Cậu giải thích rằng gã kia đã bắn mình nhưng bị trượt, viên đạn lại trúng vào cái túi cậu đang cầm. Vài mẩu đá hoặc một phần viên đạn đã cắt vào thịt cậu. “Anh cần khám chỗ đó.”

Cô nói, “Đi viện đi.”

“Anh không thể. Các bác sĩ sẽ biết anh đã bị bắn. Họ sẽ phải thông báo chuyện đó cho cảnh sát.”

“Thế thì…” Adeela nhướng cặp lông mày vẽ hoàn hảo của mình lên. Có nghĩa, Thế càng *tốt* mà.

Vimal chỉ nói đơn giản: “Anh không thể.” Không đời nào anh chịu giải thích lí do - không, phải là *các lí do* - anh không thể tới gặp cảnh sát. “Em có mang thứ anh nhờ không?”

Cô không nói gì.

“Làm ơn mà.”

“Thế em phải khám ở đâu?”

“Ở đây, anh đoán thế.”

“Đây á?” Cô phá ra cười. Một cuộc thăm khám ở ngay Công viên Quảng trường Washington, giữa một đêm tháng Ba lạnh lẽo u ám thế này ư?

Nhưng cô nhận ra rằng họ chẳng có nhiều lựa chọn, vì cả hai đều đang sống cùng cha mẹ.

Cô liếc quanh, thấy rằng gần đó không có ai và hất cằm về phía áo khoác của cậu. Cậu kéo khoá áo và lôi vạt áo thun cùng áo may ô lên. “Chà,” cô nói khẽ. “Chỉ giống như một anh thợ điêu khắc bị đá văng trúng thôi. May mà anh không chơi dao cạo với dao găm đấy nhỉ.”

Lúc này Adeela đánh rơi nụ cười chế nhạo và tiến đến một vùng tâm lý khác, nơi mà ngày nào đó sẽ biến cô thành một bác sĩ giỏi. Cậu không còn là Vimal Lahori, không còn là bờ môi cô vừa hôn và lồng ngực cô vẫn cù mỗi khi họ mơ màng sau cơn thoả mãn dục tình nữa. Cậu là một bệnh nhân. Còn cô là bác sĩ của cậu. Đó là một mối quan hệ rất khác. Cô nheo mắt, quan sát cậu kĩ hơn rồi thò tay vào trong túi. Cô lôi ra một cặp găng tay cao su màu xanh.

“Trông nó thế nào?” cậu hỏi.

“Suỵt. Tiếp tục để ý xung quanh đi.”

Cậu làm theo. Nhưng những người gần họ không ai để ý gì.

Hai bàn tay cô nhanh nhẹn vào việc, cùng với băng gạc và một chất lỏng lạnh toát màu cam sậm, một loại thuốc sát khuẩn nào đó. Cậu thấy rát nhưng không nặng lắm.

“Mấy vết xước nhẹ. Bầm tím.”

“Ở cạnh sườn. Chỗ anh lo là ở đó đấy.”

“Em thấy rồi.”

Một con đau nhói bùng lên khi cô chọc vào chỗ xương sườn cuối cùng ở thấp hơn.

“Ở đây có một mẩu này. Dưới da.” Cô hít vào, nỗi lo lắng hiện rõ trong âm thanh ấy. “Vim, đi bác sĩ. Anh phải đi.”

Cậu mường tượng ra viễn cảnh ấy. “Không.”

“Em không có tí thuốc gây mê nào.” Cậu cho là các sinh viên y khoa bắt buộc phải dùng thuốc không kê đơn.

“Cứ thử đi.”

“Vim, em học về chức năng sinh lý và hoá học hữu cơ. Từ sách vở, máy tính. Thậm chí cả năm rồi chúng em còn không đụng đến tử thi.”

“Anh tự làm cũng được nhưng anh không với tới. Xin em đấy.”

Cô nói tiếp, “Lại còn phải khâu.”

Cậu siết chặt tay cô. “Không đi đến viện đâu. Chỉ cần lấy nó ra. Và làm những gì em có thể. Băng lại.”

Trong một giây, cảm xúc lướt qua khuôn mặt xinh đẹp của cô và cô nhăn nhó. “Em sẽ dán băng bướm cho anh. Nhưng nếu máu không ngừng chảy..

Cô thò vào trong túi và lôi ra một cái nhíp. “Đây, cầm cho em.”

Cậu đón lấy nó.

“Đưa nó cho em khi em bảo. Và cầm cái này.” Cô đưa cho cậu chiếc iPhone và bật chế độ đèn pin lên. “Chĩa xuống sườn anh nhé.”

“Em muốn dùng nhíp chưa?”

“Chưa.” Cậu cảm nhận hai tay cô đang chạm vào chỗ gần vết đau. “Một phút nữa. Nhưng em cần có nó thật nhanh khi em bảo.”

Giọng cô có vẻ lo lắng. Phải chăng có nhiều vấn đề hơn là chỉ…

“Ái,” cậu kêu lên và giật ra sau khi một cơn đau buốt chạy từ mạn sườn lên tận cằm rồi biến thành một cơn đau âm ỉ.

“Lấy ra được rồi,” cô nói và trưng ra một mảnh kimberlite dính máu trên một tấm gạc. Những ngón tay khoẻ mạnh của cô đã nặn vết thương để ép mẩu đá ra ngoài.

“Em lừa anh,” cậu thì thâm trong lúc thở dốc.

Cô lấy lại cái nhíp. “Nó gọi là thuốc mê tinh thần. Làm phân tâm rồi hành động thật nhanh.”

“Em học cái đó ở trường sao?”

“Kênh Khám phá, em nghĩ vậy. Các cuộc phẫu thuật hồi Nội chiến.”

Adeela đặt cái gạc sang một bên, cầm lọ thuốc sát khuẩn lên - tên nó là Betadine, cậu đọc thấy vậy - và bóp một ít chất lỏng lạnh toát vào vết thương. Cô ấn thêm gạc lên chỗ ấy và giữ nguyên trong một phút. Vimal cảm thấy một thôi thúc ngớ ngẩn đang thúc đẩy cậu hỏi thăm gia đình cô thế nào và bài kiểm tra chức năng sinh lý của cô ra sao?

“Lại bật đèn đi,” cô nói và chỉnh lại bàn tay cậu.

Cô lôi ra vài chiếc băng dán cánh bướm và dán chúng lên vết thương. “Đau không? Theo thang từ một đến mười ấy?” cô hỏi.

“Ba và bảy phần mười sáu. Lúc nào anh cũng muốn như thế.”

“Đây.” Cô mím chặt môi lúc đưa cậu một chai Tylenol cùng chai nước Dannon. Cậu lấy hai viên thuốc và uống nửa chỗ nước.

“Đó là cái duy nhất lẫn được vào dưới da. Phần còn lại chỉ gây ra vết bầm tím và vài vết xước thôi.” Rồi cô chọc xương sườn cậu. Chỗ đó cũng đau nhưng không tệ lắm. “Không có gì bị gãy.”

Cố lờ đi cơn đau nhói, Vimal cầm mẩu đá lên và quan sát nó. Mảnh đá không lớn - chỉ dài khoảng hơn một phân và rất mỏng. Cậu nhét nó vào túi.

“Lưu niệm à?”

Cậu thả hai cái áo xuống mà không nói gì.

“Đây,” Adeela nói và đưa cậu lọ Betadine màu nâu. “Nó sẽ làm ố áo nhưng em không nghĩ đó là mối lo lớn nhất của anh. Ồ. Còn áo nỉ nữa.” Cô lôi từ trong túi của mình ra một cái áo chui đầu NYU màu tím. Rất to. Không phải của cô. Có lẽ cô mua nó cho cha mình. Vimal đã nhờ cô mang cả quần áo để thay. Chiếc áo *Keep Weird* màu xám nhạt của cậu đã lấm chấm máu khô. Cậu có thể mua một cái nhưng cần tiết kiệm tiền.

Sự im lặng ngự trị giữa hai người trong lúc họ nhìn một phụ nữ dẫn ba con chó bull đi dạo bằng ba sợi xích. Chúng nhảy nhót háo hức đồng điệu và người chủ phải liên tục đảo đầu dây từ tay này sang tay kia cho khỏi rối.

Vào một lúc khác chắc họ đã cười. Còn giờ thì Vimal và Adeela chỉ nhìn chằm chằm vô hồn.

Cô nắm tay cậu và dựa đầu mình vào đầu cậu.

“Anh sẽ không về nhà đúng không?” cô hỏi.

“Không.”

“Rồi sao nữa?”

“Lẩn đi một thời gian.”

Cô cười nhạt. “Em sẽ nói, cứ như nhân chứng trong một phim mafia ấy. Nhưng không phải là *cứ như* nữa. Mà chính *là* thế rồi. Mà ở đâu cơ Vim?”

“Anh chưa chắc lắm.”

Tất nhiên cậu đã rất chắc chắn rồi nhưng còn chưa muốn nói tới chuyện đó. Sẽ đến lúc. Giờ cậu chỉ muốn vào bên trong một nơi nào đó. Nhiệt độ đang giảm hơn nữa và cậu đã kiệt sức.

Cậu thả tay cô ra. Họ đứng lên. Cậu vòng cánh tay qua cô, kéo cô sát lại và lờ đi cơn đau bên sườn. “Anh sẽ gọi cho em sớm thôi. Nghe này, dù chuyện gì xảy ra đi nữa cũng không ảnh hưởng gì đến chúng ta.” Cậu mỉm cười. “Quỷ thật, em còn phải thi. Đằng nào em cũng không có chút thời gian nào dành cho anh.”

Cô không buồn cười, cậu có thể thấy vậy, và cậu hối hận vì câu đùa vô duyên. Tuy nhiên cô vẫn hôn cậu say đắm. Họ còn chưa quen với từ “yêu”, nhưng cậu biết rằng giờ chính là thời điểm để thốt ra. Cô cúi sát, đặt môi bên tai cậu. Cô thì thầm, “Tới gặp cảnh sát đi. Họ sẽ bảo vệ anh khỏi hắn.”

Cô quăng cái túi qua vai và quay đi, bước đi theo cái cách chậm rãi và gợi cảm của riêng mình về phía ga tàu điện ngầm phố số 4 Tây, bỏ lại Vimal suy nghĩ về chuyện cảnh sát có thể sẽ bảo vệ cậu khỏi tên sát nhân.

Nhưng việc ấy còn lâu mới đủ.

CHƯƠNG 10

Tám giờ sáng. Lincoln Rhyme đẩy xe tới gần một trong những màn hình độ phân giải cao trong phòng khách nhà mình. “Chiếu đi.”

Mel Cooper gõ và một đoạn phim xuất hiện.

Đoạn phim ghi lại từ một camera chĩa vào cổng bốc dỡ hàng hoá chìm nằm đằng sau toà nhà có văn phòng của Patel. Đoạn dốc xuống cầu bốc hàng dẫn lên phố 46.

Lúc 12 giờ 37 phút chiều hôm đó, theo giờ ghi trên băng, cánh cửa ấy bật mở và một người đàn ông có mái tóc đen dày, đầu cúi gằm và mặc áo khoác đen đã vội vã đi xuống cầu thang và trèo lên con dốc ra phố. Khuôn mặt anh ta không thấy rõ nhưng có vẻ như đó là người Ấn Độ - điều này khá hợp lý nếu thực sự anh ta là một cộng sự của Patel. Anh ta gầy gò, chiều cao khiêm tốn nếu căn cứ vào thùng rác mà anh vừa chạy qua. Không thể xác định tuổi tác chính xác nhưng ấn tượng để lại thì anh ta còn trẻ, có khi mới ngoài hai mươi.

“Anh ta bị thương,” Sachs nói.

Anh ta đang ôm chặt bụng. Khung hình dừng lại cho thấy một góc thứ gì đó màu sáng giữa hai ngón tay, có lẽ là chiếc túi giấy đã bị bắn. Cooper bật nút Play, chàng trai trẻ lại chạy tiếp, ra khỏi màn hình.

Kỹ thuật viên nói, “Còn đây là đoạn thứ hai.”

Đoạn phim trên phố 47, một chiếc camera gắn trên cửa sổ tiệm trang sức bên cạnh toà nhà của Patel. Lúc 12 giờ 51, một người đàn ông mặc áo khoác ngắn màu xanh hải quân hoặc màu đen và quần thụng đen, đội mũ len đi ngang cửa hàng. Không thể trông thấy mặt hắn, hắn đang quay đi hướng khác. Bàn tay trái của hắn cầm một chiếc cặp táp; tay phải nhét túi quần.

“Cầm vũ khí chăng?”

“Có thể?” Sachs trả lời Rhyme.

“Và một cái nữa,” Cooper nói. “Cách hai nhà theo hướng tây trên phố 47. Một phút sau đó.”

Lại người đàn ông ấy bị camera của một cửa tiệm kim hoàn khác tóm được. Đầu hắn đang cúi và lại quay đi, hắn đang nghe điện thoại.

Sellitto lẩm bẩm, “Thằng khốn đó biết hắn đang bị *Camera chìm* soi. Nhìn đi chỗ khác.”

Sachs nói, “Chiếu lại lần nữa đi. Phóng to chỗ cái điện thoại.”

Cooper làm theo nhưng chẳng ích gì. Họ không thể nhìn thấy chi tiết gì cả. “Định vị số từ các trạm thu phát sóng được không?”

“Ở quận Nhà hát và Quảng trường Thời đại trong một buổi chiều cuối tuần ư?” Sellitto bắn cho anh ta cái nhìn cau có. “Dồn khoảng năm mươi cảnh sát kiểm tra hồ sơ trong một tuần thì xong, này, tôi ủng hộ đấy.”

“Chỉ là một ý thôi mà.”

“Chúng ta biết rằng nhân chứng còn trẻ, là nam giới, tóc đen. Da sậm màu, có thể gốc Ấn. Áo khoác đen hoặc xanh đen. Quần thụng

đen.”

Cô nói tiếp, “Và cậu ta đi lại được. Dù các mẩu đá vụn đã làm cậu bị thương ra sao thì có vẻ như nó không quá nghiêm trọng.”

“VL bí ẩn của chúng ta ư?” Sellitto hỏi.

“Có thể,” cô trả lời.

Có thể. Có lẽ. Không nhất thiết.

Chuông cửa reo và Rhyme nhìn vào hộp thoại nội bộ.

Anh và Sachs liếc về phía nhau. Cô hỏi, “Người của bên bảo hiểm à?”

Cô đã gọi cho đại diện ở New York của công ty bảo hiểm chỗ đá quý. Anh chàng Llewellyn Croft lạnh lùng đã báo trước tổn thất với công ty và điều tra viên phụ trách khiếu nại đề nghị qua gặp họ ngay tối nay, dù giờ đã muộn.

Rhyme cho là một tổn thất trị giá năm triệu đô đáng làm động lực lắm chứ.

“Cho anh ta vào,” anh bảo Thom.

Một lát sau, viên trợ tá dẫn một người đàn ông vào phòng khách. Anh ta gật đầu chào họ và chớp mắt hai lần khi quan sát các dụng cụ khám nghiệm. “Ái chà,” anh ta khẽ thốt lên.

Tên anh ta là Edward Achroyd, chuyên viên điều tra cấp cao của hãng Milbank Assurance, trên phố Broad, hạ Manhattan.

Mọi thứ ở anh ta đều trung bình. Chiều cao, cân nặng trung bình, mái tóc được cắt tỉa gọn gàng màu kẹo bơ cũng không dày không mỏng. Ngay cả cặp mắt anh ta cũng có màu nâu hạt dẻ, một tông

màu vừa không khác thường lại càng không nổi bật. Tương tự, tuổi anh ta cũng ở vào quãng giữa của trung niên.

“Thật là một thảm kịch khốn khổ,” người đàn ông nói bằng trọng âm hẳn phải tuôn ra từ lưỡi của một phát thanh viên của đài BBC*, Rhyme tưởng tượng. “Jatin Patel… bị sát hại. Và cả đôi vợ chồng kia nữa. Toàn bộ tương lai đang ở phía trước họ. Bị huỷ hoại.”

BBC là viết tắt của British Broadcasting Corporation - Thông tấn xã quốc gia của Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland.

Ít nhất phản ứng đầu tiên của Ackroyd là về sự mất mát sinh mạng, chứ không phải những viên đá.

Thom nhìn áo choàng màu be của Ackroyd. Người đàn ông đang mặc một bộ complê màu xám, kèm cả áo gilê, một điều hiếm thấy tại nước Mỹ ngày nay. Áo sơ mi anh ta được hồ cứng, có vẻ như cả cà vạt cũng vậy, mặc dù đó hẳn là do tưởng tượng của Rhyme thôi. Nếu nhìn vào bộ quần áo trang trọng và xem giờ, có thể người ta sẽ đoán anh ta vừa bị cắt ngang ở một bữa tiệc tối xa hoa nào đó hoặc một đêm tại nhà hát. Anh ta có đeo nhẫn cưới.

Màn chào hỏi diễn ra. Anh ta chỉ thoáng phản ứng với tình trạng của Rhyme - mà ngạc nhiên hơn với máy sắc ký khí/khối phổ cỡ lớn ở góc phòng - và khi Rhyme đưa bàn tay còn cử động được ra, tay bên phải, Ackroyd đã nắm lấy nó thật chặt, dù rất cẩn thận.

“Mời anh ngồi nhé?” Sachs hỏi.

“À thôi, cảm ơn cô, Thanh tra. Tôi không ở lại lâu được. Chỉ muốn tự giới thiệu thôi.” Anh ta nhìn quanh. “Tôi lại tưởng… tôi cho là một đồn cảnh sát cơ.”

Sellitto nói, “Chúng tôi tiến hành vài cuộc điều tra từ đây. Lincoln từng là trưởng phòng Khám nghiệm hiện trường, giờ anh ấy là cố vấn.”

“Đúng hơn là Sherlock Holmes của riêng chúng tôi.”

Rhyme nở nụ cười nửa miệng mệt mỏi. Anh đã nghe thấy câu ví von này dễ có đến năm trăm lần.

“Tôi từng là Cảnh sát Thành phố - Scotland Yard - trước khi ra làm tư.” Một lần nữa để mắt tới thiết bị kia. “Đồ ổn đấy nhỉ. Lại còn trong một tư dinh.” Anh ta bước tới chỗ máy sắc ký khí và nhìn vào nó đầy ngưỡng mộ.

Rhyme nói, “Cũng mất vài năm mới mang được hết về. Chúng tôi có thể làm các thử nghiệm cơ bản ở đây. Nếu có gì phức tạp thì chúng tôi sẽ chuyển đi.”

“Đôi khi các anh cũng chỉ cần những điều cơ bản thôi,” Ackroyd nói. “Nhiều dữ kiện thì lại quá nhiều đầu mối. Kiểu sa lầy vào tiểu tiết, phải không nào?”

Rhyme gật đầu. Anh cảm thấy có chút đồng điệu với nhân viên hãng bảo hiểm này. Cựu cảnh sát, rồi trở thành người gần giống như anh, một thám tử tư.

Không, một cố vấn thanh tra.

Như Sherlock Holmes đã tự mô tả mình.

Sellitto hỏi, “Anh có biết ông ta không? Patel ấy? Hay ai đó làm việc cho ông ta?”

“Không, nhưng tất nhiên là tôi có *nghe* về ông ta. Tất cả mọi người liên quan đến giới kim cương theo bất kì cách nào cũng đều

biết. Jatin Patel là một thợ cắt kim cương - anh có biết thuật ngữ này không?"

"Không."

"Nó chỉ bất kì ai trong những người tham gia vào quá trình sản xuất hay cắt kim cương. Trong trường hợp của ông ấy nó mang nghĩa là một thợ cắt kim cương *bậc thầy.* Ngày nay hầu hết kim cương đều được chế tác tại Ấn Độ, một phần nhỏ ở Antwerp, phần nữa ở Israel. New York từng là một trong những trung tâm như vậy. Giờ nó đã thu hẹp lại nhiều nhưng các nghệ nhân còn lại ở đây vẫn là những người đỉnh của đỉnh. Và Patel nổi hơn cả."

Sachs hỏi, "Điều gì làm ông ta giỏi đến thế?"

"Để giải thích tôi phải kể cho cô nghe đôi điều về ngành này."

"Sao lại không nhỉ?" Sellitto nói.

"Để biên một viên kim cương thô thành sản phẩm hoàn chỉnh, có năm bước tất cả. Định hình - kiểm tra viên đá thô để tìm ra cách tối đa hoá kích cỡ, chất lượng và lợi nhuận. Kĩ năng thứ hai là tách - đập viên kim cương theo thớ của nó bằng một cái búa sắc. Đôi khi các thợ cắt phải nghiên cứu viên kim cương cả tháng trước khi đập nó. Chỉ một lần sơ sẩy là bạn có thể mất hàng triệu đô trong một phần mười giây."

"Nhưng," Sellitto chen vào, "tôi tưởng kim cương không thể đập vỡ được."

Ackroyd lắc đầu. "Thực ra đó là một sự hiểu lầm, Thanh tra ạ. Kim cương là vật chất cứng nhất trong tự nhiên trên Trái Đất, đúng, nhưng "cứng" ở đây tức là không thể *bị xước* thôi. Trên thực tế,

chúng cực kì dễ vỡ. Anh có thể đập vỡ một viên kim cương bằng cây búa dù nó chẳng có tí tác dụng nào với một mảnh thạch anh cả. Vậy nên, như tôi đang nói: Bước một, định hình. Bước hai, tách lấy. Bước thứ ba là xẻ - tức dùng dao laze hoặc dao cắt kim cương để cắt viên đá *ngược* với thớ của nó thành hình dạng mong muốn. Bước bốn là bóc - đặt viên đá trên giá và xoay cho nó cọ vào một viên kim cương khác hoặc đôi khi dùng dao laze để tạo hình tròn. Đó là cách tạo ra hình dạng phổ biến nhất: những viên kim cương tròn. Kĩ thuật cuối cùng là mài các mặt hình học cho viên đá. Nó được gọi là tạo mặt hay đánh bóng."

Rhyme đoán công việc của nhân viên bảo hiểm nhìn chung không thể toả ra từng này nhiệt huyết. Nhưng anh đã bắt đầu nghĩ về ngành kim cương hơi khác so với những ngành khác, nhiều đam mê và ám ảnh hơn.

"Giờ, về Jatin Patel. Gần như tất cả những nghệ nhân cắt kim cương trên thế giới ngày nay đều dùng máy tính cho chín mươi phần trăm công việc của họ. Chắc chắn những viên đá được sản xuất hàng loạt cho thị trường tiêu dùng cấp thấp đều được định hình, cắt và đánh bóng tự động. Điều đó cũng đúng với rất nhiều, nếu không muốn nói là gần hết, các viên kim cương hàng đầu. Nhưng còn ông Patel? Ông ta tự mình làm tất cả, bằng tay. Những viên kim cương của ông là những viên tốt nhất anh chị có thể tìm được. Cái chết của ông ta là một tổn thất to lớn. Về phương diện nghệ thuật, đây giống như Picasso hay Renoir vừa bị giết vậy. Nào, thưa anh..

"Lincoln là được rồi. Thật đấy."

“Được, Lincoln. Tất nhiên rồi, hiện nay ông Croft đã chính thức thông báo với công ty tôi về tổn thất của những viên thô Grace-Cabot. Theo chính sách công ty, nếu những viên đá này không được thu hồi lại trong vòng ba mươi ngày, chúng tôi sẽ phải chi trả giá trị bảo hiểm, gần năm triệu đô la. Công ty tôi rõ ràng sẽ mong tìm lại được chỗ đá quý trong thời hạn ba mươi ngày đó. Và tôi hi vọng là chúng ta làm được. Nhưng nếu không thể và số tiền bồi thường đã được trả, chúng tôi sẽ trở thành người được gán nợ. Các anh biết khái niệm đó chứ?”

Mel Cooper kể, “Hồi mười lăm tuổi, tôi bị một cái xe đẩy chở hàng siêu thị mất phanh va phải. Bị khâu mấy mũi và vỡ mắt cá chân.” Mắt anh ta vẫn dán vào màn hình. “Công ty bảo hiểm trả tiền cho tôi rồi họ kiện cửa hàng nọ. Họ thế vào chỗ của tôi.”

Câu chuyện *lạc quẻ* này rất khó chịu và Rhyme lừ mắt. Dường như không ai chú ý tới.

“Chính xác. Và tôi rất tiếc vì rắc rối của anh.” Ackroyd có vẻ cảm thông chân thành.

“Chuyện lâu lắm rồi.”

“Trong trường hợp gán nợ, sau khi chúng tôi đã trả tiền, Milbank, công ty của tôi, sẽ tiếp tục cố gắng thu hồi lại tài sản bị mất cắp, và bán chúng. Tự hoàn tiền cho chính mình trong quy trình đó. Vì vậy, rõ ràng là các anh và công ty có chung mối quan tâm trong việc tìm lại những viên kim cương. Và, cá nhân tôi thì…” Giờ ông ta đang nói với giọng đôi chút giận dữ. “… Tôi mong được chứng kiến tên trộm vào khám mãi mãi. Các vụ trộm kim cương cũng có mặt đàng hoàng của chúng. Bạo lực theo mọi cách đều rất hiếm xảy ra. Như vậy là

chơi không đẹp. Lại còn giết người? Không thể tưởng tượng nổi. Vậy nên tôi sẽ giúp các vị bằng mọi cách có thể. Tôi hân hạnh được phục vụ. Và để đến đích đó, tôi đã tìm được một điều có thể hữu ích."

Một cuốn sổ xuất hiện từ túi trong của áo khoác và những ngón tay được cắt sát thịt của ông ta lật giở nó. "Ngay khi ông Croft gọi cho sếp tôi và tôi được chỉ định cho vụ này, tôi đã bắt đầu lân la dò hỏi. Một tay buôn từng giúp tôi trong quá khứ, anh chàng sống ở Amsterdam, nói rằng anh ta đã nhận được một cuộc gọi từ một người ở New York vài giờ trước đó, đề nghị bán mấy viên thô. Hắn nói tổng cộng chỗ đó khoảng mười lăm cara, tương đương chỗ kim cương Grace-Cabot. Tay bán lẻ ngần ngại - anh ta chưa đủ tầm tiêu chừng đó tiền - nhưng vẫn lấy số, phòng hờ cho tương lai. Số đó đây."

"Mel?" Rhyme hỏi.

Kỹ thuật viên ghi lại từ cuốn sổ Ackroyd đang trưng ra và gọi điện ngay. Anh nói chuyện với chuyên gia của họ ở Phòng tội phạm máy tính. Rồi Cooper chờ máy trong chốc lát. Sau cuộc nói chuyện thứ hai, anh tắt máy. "Kẻ đã gọi cho bạn anh ở Amsterdam dùng một số điện thoại ẩn danh cắm SIM đổi vùng ở New York mà giờ không còn hoạt động nữa. Có thể đã bị huỷ hoặc hết pin. Họ sẽ giữ số đó trong danh sách báo động, nếu nó lại lên sóng."

Không có lí do chính đáng để xin lệnh bắt, Rhyme suy nghĩ. Nhưng nếu nó đúng là điện thoại của Nghi phạm 47 và dần dà hắn phải bật nó lên, họ sẽ có thể định vị và tới thăm hắn.

“Tốt lắm. Chúng tôi đánh giá cao thông tin đó,” Sellitto nói. “Chúng tôi cũng đang thắc mắc tên trộm có thể rao bán đống kim cương ấy ở đâu. Tôi đang nói chuyện với vài thanh tra và đặc vụ FBI chuyên trách các vụ trộm cắp đồ trang sức - nhưng hầu hết đều là các loại giá trị thấp và đã thành phẩm. Họ không biết ai có thể chuyển đống kim cương chưa chế tác có trị giá tới năm triệu đô la.”

Ackroyd nói, “Không đâu, đó là một thị trường khá đặc biệt. Tôi không biết liệu ông Croft có nhắc đến chuyện tên trộm đã chọn đá thô vì chúng sẽ khó lần dấu vết hơn chưa. Không có số seri như trên các viên thành phẩm.”

“Có,” Rhyme nói. “Ông ấy đã kể cho chúng tôi.”

“Tất nhiên tin tức về tên trộm đã lan đi. Tất cả mọi người trong giới đều biết. Tôi đã gọi cho các đầu mối của mình ở đây và ở nước ngoài để họ báo tôi biết nếu có bất kì ai muốn bán đá thô… hoặc đang tìm một thợ cắt chui.”

Rhyme nói, “Croft nói rằng đó là điều ông ta sợ nhất.”

Ackroyd nở nụ cười kín đáo. “Ông Croft… ông ta *là* khách hàng của chúng tôi, tất nhiên là vậy, nhưng tôi nghĩ ngay cả ông ta cũng sẽ thừa nhận rằng ông hơi quá gắn bó với những sản phẩm của mình. Anh thấy đấy, ông ta là một thành viên của nhóm sản xuất kim cương kiểu xưa. Hiện có một xu hướng mới gọi là kim cương “thương hiệu”, chúng thường có thêm giác cắt và có kích cỡ lẫn chiều sâu khác với truyền thống. Những nhà sản xuất làm như vậy để tính giá kim cương cho người mua cao hơn giá trị thực của nó, tuyên bố rằng người tiêu dùng đang có một thứ độc nhất - một dòng sản phẩm đặc biệt. Nhưng điều này chỉ là giả dối. Vấn đề là rất

nhiều công ty trong số đó không cân nhắc những phẩm chất làm cho kim cương trở nên vĩ đại. Grace-Cabot không bao giờ làm vậy. Những viên thô họ gửi tới chỗ Patel để cắt, chúng sẽ trở thành những viên đá quý kiệt tác khi được hoàn thiện. Và nếu bị cắt chui thì rốt cuộc chúng sẽ chỉ xuất hiện trong các trung tâm thương mại hoặc cửa tiệm kim hoàn trên phố mà thôi."

"Các đầu mối của ông?" Sachs hỏi. "Họ là những ai?"

"Ồ, các nghệ nhân chế tác, môi giới, quản lý mỏ, người bán lẻ trang sức, người buôn kim loại và đá quý hiếm, các công ty vận chuyển và an ninh, cả các công ty đầu tư nữa - kim cương, cũng như vàng, là tài sản đảm bảo. Tuy nhiên tôi không muốn tạo ấn tượng rằng tất cả bọn họ đều có đầy thông tin. Bất kì ai trong ngành này cũng thường không tin cậy người ngoài giới. Nhiều năm qua tôi đã tiến được đôi chút, nhưng ngay cả với tôi, việc thuyết phục những người này hợp tác vẫn là cuộc chiến vất vả."

Rhyme nhớ lại Ron Pulaski đã kể cho anh nghe về những khó khăn trong việc tìm kiếm nhà buôn trợ giúp việc truy lùng tay VL lẩn lút kia. "Chúng tôi gặp rất nhiều sự chống đối khi các cảnh sát đi thẩm vấn."

Ackroyd nói thêm, "Và để làm nổi bật hơn bản chất kín miệng này, vụ án còn liên quan tới bạo lực. Tôi nghĩ người ta đơn giản là đang sợ."

Những con dao rọc giấy sẽ gây ra điều đó.

"Chà, thật tiếc vì manh mối ở Amsterdam chỉ đưa đến ngõ cụt.

Nhưng biết đâu tên nghi phạm lại bật điện thoại lên lần nữa. Chúng ta có thể hi vọng. Giờ tôi sẽ tiếp tục dò hỏi và sẽ báo cho các anh biết mình tìm được gì."

"Chắc chắn rồi, nếu anh sẵn lòng" Sellitto nói. "Cảm ơn nhiều nhé."

Ackroyd lấy áo khoác khỏi giá chỗ Thom đã treo nó lên và mặc vào. "Nếu còn điều gì tôi làm được xin báo cho tôi biết. Tôi phải nói rằng tại Milbank tôi có lịch sử tìm được món hàng cho thân chủ kha khá lần." Một tràng cười nhẹ khác của ông ta vang lên. "Tôi chợt nhớ ra. Từ "món hàng" bắt nguồn từ một từ Hindu, *lut.* Ý nói là "những món bị cướp". Và Jatin Patel tội nghiệp - ông ấy là dân Ấn Độ. Hơi châm biếm nhỉ, các anh nghĩ sao? Thế thôi nhé, tôi sẽ giữ liên lạc. Chúc buổi tối tốt lành."

"Và?" Rhyme hỏi.

"Có thể giúp ích," Ron Pulaski nói. "Ông này là người tốt thực sự đấy."

Rhyme thở dài với cách nói này. "Nói cụ thể hơn thì tốt."

Đã một tiếng trôi qua từ lúc Edward Ackroyd rời đi. Ron Pulaski đã từ chuyến thẩm vấn vô ích ở quận Kim Cương trở về. Anh ta đi tìm những đầu mối dẫn tới các nhân chứng S và VL, và tất nhiên là chính Nghi phạm 47 nữa. Các cảnh sát khác vẫn đang tiếp tục truy lùng.

Sau khi được tả lại tóm tắt về điều tra viên bên bảo hiểm, Pulaski được giao nhiệm vụ kiểm tra ông ta. Anh ta lên mạng và xác nhận được rằng công ty của Ackroyd, Bảo hiểm Milbank, trụ sở tại London, có văn phòng ở New York, San Francisco, Paris và Hong Kong. Anh ta cũng yêu cầu Fred Dellray, một đặc vụ FBI mà đôi khi họ làm việc cùng, kiểm tra lại với Scotland Yard. Quả thực Edward Ackroyd đã nổi tiếng với tư cách là thanh tra của phòng tội phạm trộm cắp trước khi nghỉ hưu và gia nhập Milbank. Pulaski không thể xác thực chuyện công ty này nhận bảo hiểm cho Grace-Cabot - các hợp đồng bảo hiểm nói chung đều không phải thông tin công khai - nhưng Milbank đã quảng cáo mình chuyên làm các hợp đồng bảo hiểm cho những doanh nghiệp kim loại và đá quý, bao gồm cả các hoạt động khai mỏ.

Vậy là Ackroyd đã qua bài kiểm tra… và đã cung cấp thông tin có thể hữu ích, kể cả trong tương lai - về tay lái buôn ở Amsterdam. Tuy nhiên ở đây có một chút nghi ngại. Nhiệm vụ của họ đích thực là trùng hợp nhưng chỉ tới một thời điểm mà thôi. Một khi những viên kim cương được tìm thấy, Milbank và Grace-Cabot sẽ lập tức làm các thủ tục để kéo những viên đá thô ra khỏi phòng bằng chứng. Rhyme và Sellitto muốn chúng ở nguyên tại NYPD cho đến khi phiên toà kết tội Nghi phạm 47 kết thúc, mà việc đó sẽ đòi hỏi thời gian. Và nếu những viên kim cương được tìm thấy nhưng nghi phạm thì không bị bắt, chúng sẽ bị gửi lại phòng vật chứng vô thời hạn. Cả công ty bảo hiểm lẫn công ty khai mỏ sẽ không thích điều này.

Nhưng anh vẫn cho phép mình nghĩ về một phần của câu nói cũ. Nước đến đâu…

Còn giờ việc chính vẫn là tìm ra tên sát nhân và nếu ông già người Anh cầu kỳ có thể giúp được, Rhyme sẽ gạt sang một bên sự miễn cưỡng trong việc tìm người cố vấn (một định kiến còn chưa biến mất dù thực tế giờ chính anh cũng là nhà cố vấn) và đưa Ackroyd về đội.

“Được rồi, câu hỏi là,” Sellitto nói. “Ông già người Anh đã được duyệt rồi. Chúng ta có kể cho ông ta về thằng nhóc ở bãi nhận hàng và gã đàn ông để râu trong hành lang, người xuất hiện ở văn phòng Patel lúc mười một giờ không?”

Họ tranh luận và rốt cuộc quyết định không kéo Ackroyd vào nhiệm vụ này. Ý của Rhyme là dù ông ta đáng tin cậy, các đầu mối của ông ta có thể vô tình, hay gần như là tình cờ để lộ những chi tiết có thể đến tai Nghi phạm 47.

“Nhưng hãy đưa ảnh thằng nhóc cho đội thẩm vấn,” Sachs nói.

Rhyme và những người khác một lần nữa tụ lại quanh các đoạn phim từ CCTV*, và Cooper chụp màn hình tấm ảnh mặt chàng trai trẻ có thể là VL. Rhyme nói, “Đưa chúng lên mạng lưới toàn thành phố nhưng báo cảnh sát ở khu Midtown Bắc và Nam đi thẩm vấn chi tiết. Kể với họ các chữ cái đầu tên có thể là VL, và cậu ta còn trẻ. Người Ấn Độ.”

“Ừm. Tôi nghĩ ta nên nói là người Nam Á,” Cooper chỉnh lại.

Rhyme lẩm bẩm, “Nói Nam Á *gạch chéo* người Ấn Độ. Và nếu có bất kì ai khiếu nại, họ có thể kiện anh què này tội không chính xác

về mặt chính trị đấy.”

CCTV là viết tắt của Closed Circuit Television, tạm dịch là “Camera an ninh”

II

TÁCH

Chủ Nhật, 14 tháng 3

CHƯƠNG 11

Điện thoại của ông đổ chuông. Ông không nhận ra số gọi đến nhưng vẫn trả lời với một tiếng thở dài và trái tim nặng trĩu, “Vâng?”

“Ông Saul Weintraub phải không?”

Một chút ngập ngừng. “Vâng. Ai gọi đấy ạ?”

“Thanh tra NYPD, Amelia Sachs.”

“À.”

“Thưa ông, ông đã gặp Jatin Patel trên phố 47 phải không? Hôm qua quãng độ mười một giờ?”

*Chết tiệt**…

Điều cuối cùng mà ông muốn đã đến. Saul Weintraub vô cùng mong được ẩn danh. Người đàn ông bốn mươi mốt tuổi đứng ở phòng khách bé tí, ẩm mốc trong căn nhà của mình tại Queens. Đó là một không gian lộn xộn nhưng dễ chịu, được chất đầy những món đồ cọc cạch ông xin về từ nhà cha mẹ ông và những món ông cùng bà vợ đã mua trong nhiều năm. Ông nắm chặt điện thoại. Đây là số máy bàn của ông. Tim ông bắt đầu đập nhanh và cơn buồn nôn rộn lên.

Từ gốc là ” a broch” trong tiếng Do Thái

“Tôi…” Không thể chối được. “Vâng. Tôi có gặp.”

“Ông có biết về cái chết của ông ấy không?”

“Có, có… Làm sao cô nghe nói về tôi?”

“Chúng tôi có một bức ảnh của ông từ camera an ninh trong toà nhà ông Patel. Chúng tôi đã cho cảnh sát lên phố để hỏi han về ông. Một người bán trang sức đã nhận ra ông.”

Chết tiệt…

Viên thanh tra sẽ tức giận vì ông không chịu trình báo. Nhưng ông không muốn dính dáng gì. Quá nhiều hiểm nguy - cả cho danh tiếng của ông trong giới kim cương lẫn nguy cơ đến tính mạng tới từ tên cướp tâm thần đã giết hại Patel và cặp đôi tội nghiệp kia nữa.

“Tôi chẳng biết gì cả. Nếu có điều gì tôi có thể kể mà hữu ích thì tôi đã gọi điện ngay rồi. Tôi rời đi rất lâu trước khi sự việc xảy ra.”

Nhưng đề tài thông tin không làm cô ta quan tâm. “Nào, ông Weintraub. Việc này rất quan trọng. Chúng tôi nghĩ kẻ đã giết ông Patel biết tên ông.”

“Cái gì?”

“Chúng tôi nghĩ hắn đã tra tấn ông Patel để tìm ra ông là ai. Ông có thấy ai đi theo mình hay ai đó ở bên ngoài nhà mình không?”

Tra tấn? “Không, nhưng…”

Nhưng ông đâu có *nhìn.* Tại sao phải nhìn chứ? Giờ ông đi bộ ra cửa sổ và hé mắt nhìn vào con phố yên tĩnh sáng Chủ nhật. Một thằng bé đi xe đạp. Bà Cavanaugh, quấn chặt trong chiếc áo khoác màu be của bà ta và con chó nhỏ khốn kiếp.

“Tôi đang cử một chiếc xe đến nhà ông. Hãy ở yên trong nhà và khoá cửa lại. Họ sẽ đến đó trong mười lăm phút nữa.”

“Tôi sẽ làm vậy. Nhưng… Tôi chẳng nhìn thấy gì ở chỗ Jatin cả. Tôi thực sự không thấy.”

“Chúng tôi nghĩ có thể ông đã trông thấy tên giết người ở ngoài, trên phố, trước khi hắn vào cửa hàng của Patel. Dù thế nào thì có khả năng *hắn* nghĩ như vậy. Chúng tôi chỉ muốn đảm bảo rằng ông ổn cả. Chúng tôi sẽ đưa ông về đồn để xem vài đoạn video.”

“Nhưng làm sao hắn biết tôi sống ở đâu? Jatin không biết địa chỉ nhà tôi. Tôi không quen thân với ông ta lắm. Tôi chỉ đến đánh giá mấy viên đá cho ông ta vài lần. Đó là mối liên hệ duy nhất của chúng tôi. Ông ta biết địa chỉ văn phòng chứ không phải nhà tôi.”

“Hãy hi vọng là như vậy. Nhưng cũng không khó tìm ra ông lắm. Chúng tôi chỉ cẩn trọng thôi. Ông không nghĩ vậy à?”

Ông thở dài. “Chắc chắn rồi. Tôi cho là vậy.”

Weintraub chuyển trọng tâm từ chân nọ sang chân kia. Sàn gỗ cọt kẹt bên dưới tấm thảm phương đông đã nhiều chục năm tuổi, vốn là món quà cưới từ anh họ Morris. Ông thoáng nghĩ đến quyết tâm giảm khoảng bảy cân của mình và nhận ra nhiệm vụ ấy lúc này mới hèn mọn làm sao.

Người phụ nữ nói, “Vụ trộm liên quan đến vài viên kim cương thô rất giá trị vừa được chuyển đến từ chỗ Grace-Cabot, một công ty khai mỏ. Ông ta có nhắc đến chúng không? Hoặc ai đó có thể quan tâm đến chúng.”

“Không, ông ấy chẳng nói gì với tôi cả.”

“Chúng ta có thể bàn chi tiết sau nhưng tôi muốn hỏi ông ngay: một chàng trai người Ấn Độ, có thể đang làm việc cùng Patel, đã vướng vào vụ cướp rồi chạy thoát được. Các chữ cái đầu tên anh ta là VL. Ông có biết tí gì về người đó không?”

“Tôi không biết. Thật đấy. Như đã nói, tôi chỉ làm việc cho ông ta vài tháng một lần.”

“Chiếc ô tô kia sẽ sớm đến nơi thôi, ông Weintraub. Ông có gia đình không?”

*“*Vợ tôi đang đi thăm con gái ở trường đại học vào cuối tuần này.”

“Nếu là tôi thì tôi sẽ lên kế hoạch đi gặp họ, hoặc tìm cách rời thành phố một thời gian.”

“Cô nghĩ gã này thực sự đang đi tìm tôi à?”

“Vâng, chúng tôi nghĩ vậy.”

“Ôi trời ơi.”

“Nhớ khoá cửa.”

Họ cúp máy. Trong sự tĩnh lặng, Weintraub nghe tiếng lò sưởi cháy xèo xèo và rít róng. Một chiếc đồng hồ treo tường to đùng kêu tích tắc.

Chết tiệt… Địa ngục và sự nguyền rủa.

Tất nhiên Weintraub đã nghe nói về tội ác. Nhưng ông không biết nhiều chi tiết lắm, vì cái chết xảy ra vào ngày Shabbat và khả năng theo dõi tin tức của ông bị hạn chế. Weintraub là người tín đạo và trên lý thuyết ông là người Chính thống giáo, nhưng đã lách luật đôi chút với điều răn cấm ba mươi chín loại “sáng tạo” - lao động - trong ngày Shabbat. Ông đã không lái xe đến văn phòng Jatin Patel nhưng cũng không đi bộ (từ Queens đến Manhattan ư?); ông đã đi tàu điện ngầm. Một cách thoả hiệp. Và ở chỗ Patel, ông đã đi cầu thang bộ lên tầng ba thay vì chọn thang máy. Xem tivi không bị cấm ngặt, mặc dù bật điện lên và thậm chí để nó chạy cả tối thứ Sáu

không tốt lắm, vì việc theo dõi những thứ vớ vẩn trong chương trình tin tức rơi vào mục bị cấm trong *uvdin d'chol,* các hoạt động lặt vặt trong ngày. Ông đã để tivi mở rất lâu sau khi mặt trời lặn và biết về tin tức kinh khủng đó.

Giờ đã qua lễ Shabbat và ông bật tivi lên. Màn hình vụt sáng… với một màn đoạn quảng cáo. Tất nhiên rồi. Không có gì để nói về tội ác kia cả.

Ông gạt sang bên những tấm rèm nặng nề màu vàng và nhìn ra ngoài lần nữa.

Không có ông ba bị nào. Không có tên sát nhân nào.

Weintraub giật chiếc áo khoác từ trên mắc áo trong hành lang xuống. Mười phút nữa chiếc xe mới đến. Mã vùng điện thoại của cô cảnh sát tử tế kia - tử tế vì cô ta đã không quở trách hành động im lặng của ông - ở Manhattan. Có phải văn phòng cô ở đó không? Và sau cuộc thẩm vấn, ông sẽ đi đâu? Cả vợ và con gái ông đều đang ở trường đại học, tận hưởng kì nghỉ cuối tuần giữa mẹ và con gái. Ông chẳng thể đi đâu khác. Đúng hơn là không muốn.

Trong lúc siết và thả hai bàn tay, ông nghĩ: Buồn thật! Jatin Patel. Đã chết. Một trong những nghệ nhân chế tác kim cương giỏi nhất thế giới. Những viên đá bị đánh cắp hẳn phải rất giá trị - ông ta chỉ làm việc với những viên kim cương tốt nhất không phải ở đây.

Ông nghĩ lại lần nữa, cô ta dường như khá tử tế, Amanda, à, Amelia. Ông không nhớ được họ nhưng có ấn tượng nó nghe giống tên Đức. Có thể là họ Do Thái. Ông tự hỏi cô ta bao nhiêu tuổi, đã có gia đình chưa. Cậu con trai hai mươi tám tuổi của Weintraub vẫn chưa lấy vợ.

Ông thở dài.

Điện thoại di động rung lên.

Tò mò. Là ông chủ của cửa hàng ăn uống cạnh văn phòng ông - cách tầm mười dãy nhà. Ông và ông ta là bạn nhưng hiếm khi nói chuyện trên điện thoại.

“Ari. Sao thế, mọi chuyện ổn chứ?”

“Saul. Tôi nghĩ là anh nên biết. Vừa có một người đàn ông đi vào chỗ tôi, uống cà phê và hỏi han về anh. Anh ta có vẻ tử tế. Anh ta hỏi anh có phải là Weintraub sống ở Ditmars Court không. Jenny bảo phải. Cô ấy vừa kể với tôi.”

“Hồi nào?”

Khoảng nửa tiếng trước.

Những ý nghĩ của Weintraub nảy ra nhanh chóng: Patel đã kể cho tên sát nhân tên mình và địa chỉ chỗ làm nhưng không biết nhà mình ở đâu. Tên giết người bắt đầu dò hỏi về mình quanh cửa hàng, với một danh sách tên Saul Weintraub trong và quanh thành phố Long Island. Ở cửa hàng ăn, hắn đã hỏi cô gái trông quầy có phải Weintraub, ông chủ của cửa tiệm kia sống ở Ditmars Court không. Hắn nói mình là một người bạn. Và Jenny đã bảo phải.

Internet khốn kiếp.

Chết tiệt…

“Tôi phải đi.” Ông cúp máy và ấn bàn phím trên điện thoại.

Trước khi ông kịp bấm 911, một dáng người dấn lên phía trước từ sau lưng ông, xoay ông quay ngược lại và giật điện thoại từ tay ông. Weintraub kêu lên kinh ngạc và sợ hãi. Khuôn mặt người đàn

ông bị một chiếc mặt nạ trượt tuyết che mất. Weintraub nghĩ: cửa sổ tầng hầm, cửa sổ phòng sau. Ông không bao giờ khoá cửa sổ kĩ càng như phải làm.

“Không, không, làm ơn! Tôi không nói gì với họ cả! Tôi hứa. Tôi chẳng nhìn thấy gì hết, tôi không phải một mối đe doạ!” Trái tim ông đập thình thình trong lồng ngực.

Kẻ xâm nhập liếc màn hình và nhét chiếc điện thoại vào túi quần.

Weintraub tuyệt vọng nói, “Làm ơn. Tôi có thể đưa anh kim cương, vàng. Bất kể thứ gì! Làm ơn! Tôi còn vợ, còn con. Làm ơn đi.”

Gã đàn ông giơ một ngón tay lên môi mình, xuỳ ông như cách hắn làm với một đứa trẻ đang lắp bắp.

CHƯƠNG 12

Một trong hai *kur* từ vụ náo động sáng hôm qua ở chỗ cửa hàng của Jatin Patel đã chết và xong hẳn.

Saul Weintraub.

Tạm biệt. Mong vị Chúa Do Thái sẽ ôm ấp linh hồn mi. Hay thiêu mi dưới địa ngục. Hay gửi mi về bất kì nơi đâu cũng được đấy. Vladimir Rostov chưa đủ tuổi để trực tiếp nếm trải thời kì Xô Viết, nhưng những bài học lịch sử đã cho hắn biết mình có thể ăn khớp hoàn hảo với thuyết vô thần của người Liên Xô. Hắn không tin vào thế giới bên kia cho các linh hồn.

Nào, một tên đã bị hạ. Còn một *kuritsa* nữa phải tìm: thằng nhóc gầy nhẳng. Rostov đang sốt ruột chờ tin tức từ ông bạn nhỏ sụt sà sụt sịt người Ba Tư của hắn, Nashim. Tốt hơn gã nên dành cả Ngày Nghỉ ngơi của mình để gọi điện cho đám đồng bạn người Ấn trong thế giới kim cương của hắn.

Về hai đứa con gái của gã: Scheherazade và Kitten.

Hai đứa rất kháu.

Vladimir Rostov đang nạp năng lượng. Chỗ hắn ở là Bãi biển Brighton, khu phố người Nga ở Brooklyn, nhưng hắn lại đang ở Sheephead. Hắn đang ngồi trong nơi đã trở thành nhà hàng yêu thích nhất trên thế giới của hắn. Roll N Roaster nổi tiếng, một điểm đến của Brooklyn. Đó là một “tụ điểm” của khu phố - từ hắn đã nghe

ai đó dùng nhưng không hiểu lắm, tiếng Anh vốn không phải tiếng mẹ đẻ của hắn mà. Mặc dù vậy, sau khi tra từ này, hắn thấy hợp lý hoàn toàn. Hắn cảm thấy như ở nhà khi ở trong một tụ điểm. Đặc biệt là nơi này, họ phục vụ món sandwich thịt bò nướng đỉnh cao - với phô mai, lúc nào cũng có phô mai - và Coca-Cola ngon hơn ở Moscow, chắc chắn như vậy.

Điều hối tiếc duy nhất của hắn là người ta không được phép hút thuốc bên trong Roll N Roaster, nếu được phép thì trải nghiệm bữa ăn ở đây sẽ là tuyệt đỉnh.

Một bà mẹ dẫn hai thằng con nhỏ đi qua - lũ trẻ, giống hắn, đều có mái tóc vàng cắt ngắn và khuôn mặt to. Chúng nhìn chằm chằm vào món của hắn, có lẽ đang ngưỡng mộ về số lượng. Hai cái rưỡi sandwich đang đặt trước mặt hắn, và một núi khoai tây chiên nữa.

Vì họ đang ở gần Little Odessa, cộng đồng người Nga ở đây, Rostov nói với họ, *“Zdravsivuyte.”*

Hai thằng bé ngây người, nhìn chằm chằm hắn bằng cặp mắt xanh xám, cũng giống mắt hắn luôn. Bà mẹ gật đầu, nụ cười nhẹ nở trên khuôn mặt Xla-vơ dặm phấn quá đà của cô ta.*“Khoroshego dnya.”*

Mắt Rostov thả từ mặt xuống ngã ba rồi mông cô ta lúc cô đi qua hắn. Cô ta mặc chiếc áo khoác ngắn màu đỏ cùng chân váy bó màu đen - và hắn theo dõi cách cô ta đánh hông khi bước đi. Rostov cân nhắc nhưng quyết định rằng không có một viễn cảnh hợp lý nào để tưởng tượng bất chợt của hắn thành sự thực. Sấn sổ vào một bà mẹ có con cái đi cùng chỉ có thể mang lại hậu quả xấu mà thôi.

Trong khẩu vị với đàn bà, cũng như khẩu vị của hắn với thịt bò (và hầu hết những thứ khác nữa, trong đó có kim cương), hắn luôn cực kì kĩ tính.

Về với đá…

Câu đó trong tiếng Nga nghe hay hơn tiếng Anh.

Hắn phải cảm ơn hai đấng sinh thành vì câu ngạn ngữ này - và cả tình trạng mà hắn coi là một dạng tâm thần có kiểm soát này nữa.

Tất cả bắt đầu từ cha hắn. Một đêm nọ - dù không có lấy một giọt vodka trong người! - ông già đã đâm vợ mình, mẹ Rostov (dù chỉ đâm vào mặt và chỉ dùng một cái tua-vít nên không thành vấn đề). Sau đó, ông ta lột quần áo và chạy vào khu rừng gần đó, nơi ông ở lại cả đêm, rõ ràng trông có vẻ là đuổi theo bọn thú ăn đêm và hú hét. Lúc bình minh, ông ta dùng một hòn đá đập vỡ đám băng tụ lại quanh người trên dòng suối, nơi mà ông đã ngủ gật trong đó và trở về nhà. Sau khi tha thứ cho vợ tội ngoại tình, cha hắn bắt đầu thoả thuận đâu vào đó vụ li dị với người đàn bà sắp-thành-vợ-cũ của mình. Cuộc bàn bạc bao gồm vài bất động sản, các chi tiết tài chính và bảo hiểm - nhưng không có một lời nhắc tới chuyện cậu bé Vladimir sẽ đi đâu về đâu; thằng bé vẫn luôn bị bỏ lại phía sau, được nhớ tới là tốt lắm rồi.

Họ quyết định rằng tạm thời hắn sẽ sống cùng ông chú Gregor và bà cô Ro.

Vậy là cậu bé mười hai tuổi gói ghém hành lý, thậm chí không phải loại có xe đẩy mà là chiếc vali phải xách tay, một cái túi mua hàng và lên chiếc máy bay hướng tới thị trấn xinh đẹp Mirny ở Nga.

Nếu trên đời có một nơi để một cậu bé về với đá thì đó chính là Mirny.

Rostov cầm nốt chiếc sandwich còn lại lên, nhai hết chỉ bằng vài miếng rồi lấy thêm chiếc nữa. Quay lại với chiếc laptop đang nối mạng, hắn kéo xuống. Hắn sống cùng với thiết bị này. Xem phim sex người lớn, chơi game, gửi email, hack (hắn là người Nga mà, tất nhiên)… và theo dõi tin tức.

Đây là việc hắn đang làm trong lúc nhai nuốt và cố không nghĩ đến cặp hông của bà mẹ Xla-vơ. Hắn đọc vài tin về vụ việc xảy ra đối với ông Patel tội nghiệp.

Không có gì mới. Không có gì liên quan đến hắn khiến hắn phải quan tâm. Và cho đến nay, cái chết của Saul Weintraub cũng chưa bị liên hệ với những sự kiện tại Patel Designs, ít nhất là với báo chí, mặc dù cảnh sát sẽ biết. Thực tế, vụ ám sát Weintraub không chiếm nhiều không gian trên mặt báo lắm, bản tin quốc gia cũng không nhắc đến lần nào. Chính vụ “Thảm sát trên phố 47” (cách dùng từ của *tờ New York Post)* mới thu hút mọi sự chú ý.

Nghi phạm là một người đàn ông da trắng, dáng người trung bình, mặc quần áo tối màu, đội mũ len.

Hừm. Khó tìm được nhiều người *như thế* ở New York lắm đấy.

Chiếc sandwich cuối cùng. À…

Hắn quay lại với tờ báo mạng và thông báo chính thức của cảnh sát tới công chúng. Họ hé lộ vài chi tiết nhưng không nhiều. Không nhắc gì đến *kuritsa* thứ hai, có tên viết tắt VL trên lịch của Patel.

Hắn ném một chiếc khăn giấy lên mặt và chặn lại cơn ho. Hít vào, thở ra. Chậm thôi. Cơn ho dịu đi. Giờ hắn chuyển cửa sổ sang trang chính của một kênh truyền hình cáp lớn và nhét tai nghe vào, tăng âm lượng. Không có gì liên quan đến vụ án trong khoảng thời gian uống hết một chai coca và ăn khoảng một tá miếng khoai tây. Rồi bản tin của vụ án mạng và cướp của lên sóng, do "Biên tập viên Hình sự Cấp cao Trọng án" của hãng tin giới thiệu. Mô tả nghề nghiệp ấy làm Rostov thấy hài hước vô cùng vì cô ta chỉ mới tầm ba mươi tuổi.

Nàng tóc vàng (rất hấp dẫn) ngồi trong phòng thu, hờ hững phỏng vấn một người đàn ông trung niên gọn gàng trong bộ vest là thẳng tắp, áo sơ mi trắng và đeo cà vạt. Trên đầu ông ta là mái tóc cũng gọn ghẽ như thế.

"Đến với trường quay hôm nay là Tiến sĩ Arnold Moore, nhà tâm lý học của trường Đại học Cumberland ở Ohio, chuyên gia về hành vi tội phạm. Xin chào Tiến sĩ. Theo cảnh sát, tên cướp đột nhập vào cửa hàng trang sức trên phố 47 ngày hôm qua đã lấy đi vài viên kim cương nhưng để lại một đống hàng khác trị giá hàng trăm ngàn đô la. Việc này có bất thường không ạ, khi tội phạm lại bỏ qua những thứ giá trị như thế? "

"Cảm ơn cô, Cindi. Thật ra, những tên trộm chuyên nghiệp nhắm tới các cửa hàng trang sức và xưởng cao cấp như của ông Patel là những tên giỏi nhất. Chẳng có kẻ nào lại dám thực hiện một vụ cướp táo bạo như vậy mà không có cách tối đa hoá lợi nhuận. Điều đó có nghĩa là mang đi mọi viên kim cương hắn có thể đặt tay vào. "

“Tối đa hoá lợi nhuận. Theo cách nói của ông thì vụ cướp này chẳng khác gì một phi vụ kinh doanh sao?”

Cindi nghe có vẻ hơi ngạc nhiên. Rostov thích bộ ngực của cô nàng, nổi bần bật bên trong lớp váy màu vàng, mặc dù chúng bị dìm hàng một chút do chiếc vòng cổ bằng gỗ nặng nề. Sao lại chọn phụ kiện đó nhỉ? Hắn tự hỏi, rồi quay lại với câu chuyện.

“Chính xác, Cindi ạ. Và đây không phải là thứ mà cô có thể gọi là ‘một giao dịch’ điển hình đâu.”

Tất nhiên là phải mở ngoặc kép ở chỗ từ đó. Rostov khá khó chịu với gã này.

“Đó là lí do tại sao tôi nghĩ chúng ta đang phải đối mặt với một sự việc khác, một động cơ khác ở đây. “

“Ông nghĩ động cơ đó có thể là gì?” Cindi thân yêu lại hỏi.

“Tôi không thể võ đoán. Có lẽ hắn có lí do riêng khi giết chết người thợ cắt kim cương và chụp lấy vài viên đá để làm cảnh sát nghĩ nó chỉ là một vụ cướp. “

Thế *còn không* phải là võ đoán ư, ông Tiến sĩ? Rostov nghĩ. Lừa đảo.

Cindi chen ngang. *“Hoặc ý ông là đôi uyên ương kia mới là mục tiêu? Đó có thể là William Sloane và Anna Markam, nhà ở Great Neck, New York lắm chứ.”*

Hình ảnh hai người đang mỉm cười thoáng xuất hiện trên màn hình. Rostov nuốt vội một nắm khoai tây chiên xuống bằng ngụm Coca.

“Đó cũng là một khả năng, Cindi ạ. Nhưng tôi nghe nói không có động cơ nào cho cái chết của họ. Họ không có mối liên hệ nào với tội phạm. Có vẻ như họ chỉ là khách qua đường thôi. Nhưng cô nói đúng, tên sát nhân có thể đã cố tình nhắm vào họ.”

Rostov thích cái cách cả hai kẻ tung người hứng bằng “có phải ông đang nói” và “cô nói đúng” như những tay lính đang ném lựu đạn. Người này muốn người kia phải chịu trách nhiệm cho những phỏng đoán vô trách nhiệm của họ.

“Một cặp đôi trẻ như vậy ư? Ông có nghĩ tới lí do nào chăng?”

“Họ tới đó để chọn nhẫn đính hôn. Chúng ta không biết liệu tên giết người có biết trước điều đó không, nhưng hắn có thể đã phát hiện ra gì đó.”

“Hắn nhắm tới các cặp đôi đã đính hôn ư?”

Lại ném lựu đạn rồi.

“Tất cả những gì tôi có thể nói là từ kinh nghiệm công việc của mình, tôi thấy những tên sát nhân điên loạn găm thù với những người có thứ mà chúng không có không phải là hiếm.”

Né thành công rồi.

“Ông có nghĩ là có thể hắn đã bị phụ bạc, bỏ rơi ngay bên bệ thờ. Hoặc hắn đã phải chịu đựng cuộc hôn nhân bất hạnh của cha mẹ mình.”

Vị tiến sĩ mỉm cười nhẫn nại. *“À, chúng ta thực sự phải điều tra thêm đấy. Nhưng rõ ràng là sự việc lần này không khớp với hình mẫu của một vụ trộm kim cương chuyên nghiệp.”*

Một đoạn quảng cáo hiện ra. Rostov tắt bản tin thời sự và chuyển chiếc máy tính Dell về chế độ nghỉ.

Hắn quét nốt chỗ sốt cà chua bằng những mẩu khoai tây chiên cuối cùng và dùng ngón tay quét phần sốt ít ỏi còn sót lại. Liếm láp xong xuôi, hắn rửa ngón tay bằng cách nhúng vào cốc nước và lau khô bằng khăn giấy. Hắn đứng dậy và mua thêm mấy miếng sandwich nữa mang đi, để có thể vừa ăn vừa hút thuốc, như những con người bình thường (điều duy nhất hắn không hài lòng với Putin là ông này đã cấm hút thuốc trên phần lớn lãnh thổ Tổ quốc thân yêu). Rostov trả tiền và bước ra buổi sáng tháng Ba mát lạnh, xám xịt.

Chà chà, Tiến sĩ ạ, ông là một gã thông minh chết tiệt, phải không nào?

Chúng tôi rất mong được tới thăm ông, con dao rọc giấy và tôi.

Rostov tưởng tượng ra tiếng rít và khoảng thời gian kéo dài những tiếng rên xiết của vị tiến sĩ nọ khi hắn đưa lưỡi dao lên ngón tay hay đôi tai của lão. Nhưng cũng như màn ân ái ngọt ngào với bà mẹ có cặp hông ngúng nguẩy như chuyến tàu trong công viên giải trí, hình ảnh này cũng chỉ là sự tưởng tượng thuần tuý mà thôi.

Khẽ ho hắng, Rostov vững vàng bước xuống vỉa hè không bằng phẳng, lần lượt cắn từng miếng sandwich tuyệt trần đời rồi rít một hơi thuốc lá Nga cay nồng. Không thể quyết định món nào ngon hơn món nào cả.

CHƯƠNG 13

Chán nản với cảnh tượng trước mắt, Amelia Sachs tấp chiếc Torino của mình lên vỉa hè con phố yên tĩnh ở thành phố Long Island, vứt tấm biển NYPD lên bảng điều khiển và trèo ra.

Bốn chiếc xe xanh trắng đã có mặt. Một chiếc không biển báo. Và một chiếc xe cứu thương. Nhưng giờ nó đã chẳng cần thiết nữa, bởi vì tấm bạt nhựa che phủ thi thể đặt ở sảnh trước nhà đã nói lên tất cả.

Xác của Saul Weintraub.

Ý nghĩ đầu tiên của cô là: Họ đã có thể làm điều gì đó khác đi để cứu mạng ông ta?

Không có câu trả lời nào xuất hiện.

Hẳn là tên sát nhân đã dành toàn bộ thời gian kể từ vụ giết chóc ở Midtown để truy tìm Weintraub. Khả năng dò hỏi tin tức của hắn khá hơn họ một chút. Ngay khi biết được tên tuổi, cô đã gọi ông ta. Hãy khoá cửa lại. Đừng cho người lạ vào nhà. Và đội 114 địa phương cũng đã cử ngay một đội xe tới đây nhanh nhất có thể.

Việc đáng lẽ chính Weintraub đã phải gọi điện cho họ ngay giây phút nghe về cái chết của Patel không được tính đến. Cảnh sát không thể đổ lỗi cho các nhân chứng tiềm năng vì đã né tránh và từ chối được.

Điện thoại của cô rung lên. Rhyme.

“Em đây,” cô nói.

“Anh có thứ thú vị đây, Sachs. Có một tin nhắn gửi đến từ một chiếc điện thoại ẩn danh, tất nhiên giờ đã bị tắt rồi. Nó được gửi tới năm sáu đài truyền hình và phát thanh trong khu vực. Giờ nó đã lan đầy trên sóng tin tức. Anh vừa mới gửi đấy.”

Cô thu nhỏ màn hình để tìm tới mục tin nhắn.

> “Khái niệm đính hôn dựa trên một lời hứa ràng buộc người đàn ông phải cưới hôn thê của anh ta. Giờ ta cũng có lời hứa. Ta sẽ tìm MI, ta sẽ tìm ở khắp nơi*. Cứ mua nhẫn, đeo vào ngón tay xinh đẹp nhưng ta sẽ tìm ra mi và mi sẽ phải đổ máu vì tình yêu của mình.”
> - Người hứa hẹn

Nguyên gốc “every where”, một lỗi sai chính tả cố tình để thể hiện nhân vật không thành thạo tiếng Anh — ND.

“Chúa ơi, Rhyme. Anh có nghĩ đó là Nghi phạm 47 không? Hay chỉ là một kẻ bắt chước?”

“Anh không biết. Anh đang nhờ người trong thành phố, một nhà ngôn ngữ học, xem xét nó. Nhưng anh không nghĩ việc này cho chúng ta biết thêm được gì nhiều. Theo linh cảm của anh thì đây chính là hắn. Nhưng em biết anh tin vào nó tới mức nào rồi đấy. Thôi, hãy khám nghiệm hiện trường bên ấy rồi chúng ta sẽ nói chuyện thêm khi em về.”

Cô bắt đầu đi về phía ngôi nhà nằm trong dãy nhà khiêm tốn, được sơn màu trắng, cần phải sơn lại, bệ cửa sổ được chất một hàng chậu trồng hoa màu nâu trống rỗng, trông như những cặp mí

mắt dưới bị chùng xuống. Bản năng khiến cô chạm vào khẩu Glock - phiên bản Gen4 FS - để hướng mình tới vị trí chính xác của vũ khí. Có cả một đám đông lớn. Không phải là không có khả năng Nghi phạm 47 đang lẩn trong đó. Hắn có thể tới đây để biết những tiến triển của cảnh sát. Sachs nhìn những người trên phố - khoảng năm sáu chục người - và những chiếc xe của đài truyền hình. Phải chăng nghi phạm đang đứng trong đám khán giả? Các cảnh sát của đội tội phạm đường phố đang đi dò hỏi. Nếu có ai mang vẻ khả nghi hoặc bỏ đi vội vã, họ sẽ đuổi theo đầu mối ấy. Tuy nhiên cô nghi ngờ rằng việc của hắn ở đây đã xong và hắn đã bỏ đi sau vụ giết người. Cô được biết lần này hắn dùng súng. Không có dấu hiệu của dao. Tuy nhiên, nạn nhân đã bị đánh đập.

“Chào, Amelia.”

Cô gật đầu chào Ben Kohl, thanh tra của đội 114. Anh ta hỏi, “Sao đội của cô lại liên quan đến vụ này thế?”

Sachs giải thích với thanh tra, một người đàn ông hói đầu trạc ngũ tuần, “Đây là nhân chứng của vụ giết người ở cửa tiệm kim cương trên phố 47 ngày hôm qua.”

“Ôi thật sao? Chúa ơi. Làm sao thủ phạm tìm được ông ta? Họ biết nhau à?”

“Chúng tôi không biết. Ông nghe được gì rồi?”

“Có báo cáo về tiếng súng.”

“Có ai trông thấy gì không? Mô tả nhân dạng ai không?”

“Có thể. Nhưng không ai chịu nói. Chúng tôi đã đi thẩm vấn nhưng chưa biết được gì. Ý tôi là, tôi sẽ thụ lý vụ này ngoài nhiệm

vụ của mình, nếu cô muốn. Nhưng chắc đội Trọng Án muốn lấy lại nhỉ?”

Niềm hi vọng tràn trề toát ra từ giọng nói của ông.

“Ông có phiền nếu tôi mượn vài người bên ông để thẩm vấn không?”

“Phiền?” Kohl cười lớn. “Tôi định đưa vợ ra ngoài ăn vào tối nay nhân dịp kỉ niệm ngày cưới của chúng tôi. Tất cả là của cô đấy. Tôi sẽ kiếm ba bốn cậu cảnh sát đến giúp cô. Chỉ cần giữ thông tin cho đội Án mạng của chúng tôi là được. Vụ này xảy ra trong phạm vi của chúng tôi và chúng tôi phải báo cáo. Cô hiểu chứ.”

“Chắc chắn rồi.”

Sachs bước lại gần hiện trường để đảm bảo nó được giữ nguyên và chờ đến khi xe tải của đội Hiện trường tới, lúc ấy cô mới có thể làm việc được.

Mikey O’Brien có một kế hoạch trong đầu và ngay lúc này, anh đang bóc tách nó ra từng chút một.

Sau đám cưới, họ sẽ ở lại khu dân cư này một năm. Chính xác thế. Ba trăm sáu mươi lăm ngày. Ít hơn nếu có thể. Nhưng chắc chắn không nhiều hơn thế. Đến lúc ấy anh đã là quản lý cao cấp (thôi được, là tư vấn viên) ở ngân hàng và sẽ kiếm được gần 45 nghìn đô. Emma sẽ kiếm được khoảng ba mươi nghìn nữa từ bệnh viện, nhiều hơn thế nếu cô làm ca đêm. Vậy là đủ để đặt cọc cho một căn hộ nào đó ở phía đông Nassau.

Gần đủ để thăm nom cả hai bên nội ngoại. Nhưng không quá gần.

Chàng trai hai mươi sáu tuổi với mái tóc đỏ, vững bước với niềm hi vọng và chút kiêu hãnh trên Đại lộ U. Đi qua thẩm mỹ viện nhuộm da, Trung tâm Y tế Tiến bộ, hàng ăn, chợ thịt, hiệu thuốc. Những tấm biển bằng tiếng Hi Lạp, tiếng Ý.

Khu Gravesend này không có gì xấu cả. Nhưng, nó là nơi để người ta ra đi, không phải ở lại.

Ít nhất là với anh. Michael P. O'Brien, giám đốc quận tương lai của Ngân hàng Liên bang Brooklyn, có nhiều nơi để đi.

Thêm một dãy nhà nữa và anh đã trông thấy cô đang chờ đợi ở góc phố. Sau mấy việc vặt buổi sáng, họ đã hẹn sẽ hội ngộ ở đây rồi đi tiếp về căn hộ của mình (căn hộ tạm thời - trong một năm, không hơn, anh nghiêm khắc nhắc nhở mình).

Anh mỉm cười với hình ảnh trước mắt. Emma Sanders với tóc vàng và cặp mắt xanh choáng ngợp thật xinh đẹp, cô cao hơn anh khoảng hai phân và đầy đặn khúc nào ra khúc đó - một cơ thể hoàn hảo để mang thai, và tạo ra những đứa trẻ. Anh mỉm cười với chính mình trong lúc nghĩ đến đây. Họ sẽ có ba đứa con. Anh đã nghĩ ra những cái tên sau để chọn lựa: Michael III, Edward, Anthony, Meghen, Ellie, Michaela. Emma đã duyệt chúng.

Mikey O'Brien là một người đàn ông hạnh phúc.

"Chào em yêu." Họ hôn nhau. Cô tỏa ra hương thơm của những bông hoa.

Anh đoán hương thơm này đến từ những bông hoa. Đây là một chủ đề anh không rành rẽ - trong bộ gien của anh không có tí gì liên quan đến vườn tược. Nhưng có vẻ đúng là mùi hoa đấy. Mặt khác, anh sẽ nhanh chóng quen thuộc với đề tài này. Gia đình chú rể sẽ đóng góp vào chi phí đám cưới, và nhà anh - hay đúng hơn là chính Mikey - đã chọn hoá đơn tiền hoa.

“Mọi chuyện thế nào rồi?” anh hỏi cô.

Họ tiếp tục đi bộ theo hướng mà anh đang đi - về phía căn hộ.

“Ôi cưng ạ. Chị ấy tuyệt lắm. Rất tuyệt. Chị ấy không cố khuyên chúng ta làm gì mà chúng ta không muốn cả. Em đã tưởng chị ấy sẽ làm vậy và sắp sửa lôi anh Mikey to lớn xấu tính của em ra doạ. Nhưng, ố ồ, chị ấy biết ngân sách…”

Vốn đã là một khoản ra trò rồi, Mikey nghĩ nhưng còn lâu mới dám nói ra.

“… và bám sát vào đó. Ý em là, người đặt tiệc của Nora đã thuyết phục được cô ấy đồng ý thuê cả ban nhạc tám người, nhớ không?”

Cả một dàn giao hưởng chết tiệt.

“Nhưng Stacey không ép em. Chị ấy hài lòng với một tay organ, ghi-ta, một ghi-ta bass và trống thôi.”

Anh đã đồng ý thuê ban nhạc bốn người sao? Joey làm đám cưới với chỉ một DJ và mọi chuyện đều tuyệt đó.

Một lần nữa, anh câm nín.

Thực ra, Mikey O’Brien còn không chắc vì sao họ cần người đặt tiệc cưới cơ. Đó chẳng phải việc mà bạn có thể tự làm sao? Anh đã

tự tổ chức các bữa tiệc chia tay đời độc thân. Và một buổi thức cầu nguyện. Tất cả đều diễn ra tốt đẹp.

Nhưng Emma muốn thuê một người - bởi vì chị gái cô đã thuê và Nora, cô bạn thân nhất ở bệnh viện cũng đã thuê. Vậy nên, Mikey, cưng à, làm ơn.

Trời ạ, chắc chắn rồi. Cô *quá* xinh đẹp mà…

Emma vòng cánh tay mình vào tay anh và họ tiếp tục đi qua khu dân cư thú vị này, nơi các cửa hàng, cửa hiệu và nhà ở cùng tồn tại trong hoà bình. Thêm hai dãy nhà nữa, họ rẽ ở góc phố và bắt đầu đi về căn hộ của mình. Anh cảm nhận ngực cô chạm vào bắp tay anh.

Cơn thôi thúc ở bên dưới anh cuộn lên, đòi hỏi sự chú ý, như một chú ngựa đang cào chân trên đất.

Có lẽ chỉ nửa giờ thôi… phòng ngủ, sô pha? Sàn phòng khách? Không, anh tự nhủ. Không có thời gian. Họ phải chuẩn bị sẵn sàng để gặp cha mẹ cô ở Long Island.

Gió lay động những tán cây trên đầu họ và rắc những giọt nước lạnh như đá lên cặp trai gái. Mikey phẩy nước xuống khỏi vai và vô tình nhìn ra sau. Anh để ý thấy ai đó đi sau họ, cách khoảng chín mười mét, trong chiếc áo choàng đen, đeo găng tay và đội mũ len. Bất chấp cái tên, Gravesend không phải là nơi đặc biệt nguy hiểm. Nhưng đây là New York. Bạn cần phải cẩn trọng. Mặc dù vậy người này chỉ có một mình chứ không đi theo băng nhóm. Anh ta đang vừa đi vừa cúi mặt xuống điện thoại. Hết sức vô tội.

Chẳng mấy chốc họ đã về nhà. Toà nhà đã có phần sứt mẻ, cũ kĩ, cần được quét dọn lại trên vỉa hè và sửa chữa. Và cái siêu thị chết tiệt ở số 368 kia không thể lôi cái sô pha màu xanh mốc meo của họ khỏi vỉa hè cho đến ngày đổ rác được sao?

Nhưng đây cũng vẫn là một chốn khá dễ chịu.

Đủ để ở tạm một năm.

Kế hoạch.

Họ trèo lên năm bậc tới cửa trước toà nhà của mình, một ngôi nhà đá nâu cao bốn tầng sầm sì, loang lổ. Ở đây, họ dừng lại trong lúc anh lôi chìa khoá ra. Anh cảm thấy Emma đang ôm mình lại gần, với một thông điệp chắc chắn không thể nhầm lẫn. Anh quay lại và họ lại hôn nhau, một nụ hôn lưu luyến. Được rồi, chú ngựa đã xong màn cào đất; giờ chú đã được thả ra và đang chạy khắp cánh đồng.

Đám cưới sẽ diễn ra trong hai tuần nữa kể từ ngày hôm nay. Làm gì có ai - ngoài mẹ anh - chú ý đến chuyện em bé được sinh ra chính xác là tám tháng và mười lăm ngày sau cơ chứ?

Anh có thể xử lý bên phía Mẹ.

“Này,” anh thì thào với cô. “Em nghĩ sao nếu..

Rồi chỉ trong một giây, người đàn ông vô tội đằng sau lưng họ lao lên. Hắn đã kéo cái mũ sụp xuống thành mặt nạ trượt tuyết. Cứt thật, cứt thật. Hắn giơ khẩu súng trong hai bàn tay đeo găng và đang ngắm vào đầu Emma. “Hét lên là mày chết.”

Tất nhiên việc đó vẫn dẫn tới một tiếng hét nào đó.

Từ Mikey chứ không phải hôn thê của anh.

Anh hổn hển nói, “Đây, đây! Lấy ví của tôi đi. Anh có thể lấy nó.”

“Suỵt, suỵt. Chúng ta đi vào trong.” Giọng nói có trọng âm, Anh không thể nhận ra hắn tới từ nước nào hay miền nào. Giống như hắn đang giấu đi trọng âm thật của mình, cố ra vẻ là giọng Mỹ chính gốc.

“Anh yêu,” Emma thì thầm.

“Không, không, cô gà nhỏ!” gã đàn ông quát và tóm cánh tay cô, từ nãy vẫn đang giấu đằng sau lưng. Điện thoại của cô rơi xuống nền bê tông. Hắn cúi xuống và nhặt nó lên trong khi vẫn giữ khẩu súng chĩa về hướng họ. Cửa sổ bàn phím hiện lên trên màn hình và cô đã bấm được 9 1 và 1 nhưng chưa kịp nhấn nút Gọi. Hắn tắt nó đi.

Hắn cúi sát lại và Mikey ngửi thấy mùi hành tỏi và thịt trong hơi thở của hắn cộng với nước hoa cạo râu trên da hắn. “Mày sẽ thông minh hơn chứ, *phải không nào?”*

Tim anh đập loạn trong lúc cầm run run, Mikey nói, “Vâng. Chúng tôi sẽ biết điều. Giờ nghe này. Tôi sẽ vào trong nhà. Hãy để cô ấy đi.”

Gã đàn ông phá ra cười, có vẻ thành thật. “Vào ngay.”

Hai bàn tay run rẩy, Mikey mở khoá cửa trước và họ đi vào trong, lên cầu thang tới căn hộ ở tầng hai.

CHƯƠNG 14

“Nghe này ông già, làm ơn đi. Ông không muốn làm thế này đâu.”

“Hừm.” Có vẻ như kẻ đột nhập đang hít ngửi không khí trong lúc nhìn quanh căn hộ nhỏ bé của họ. Hắn chuyển ánh mắt sang Emma, cô đang khóc và dùng một bàn tay che miệng. Đầu tiên, Mikey nghĩ kẻ đột nhập đang nhìn vào ngực hoặc chân vị hôn thê của anh, nhưng không, hắn đang tập trung vào hai bàn tay cô. Không, chỉ *một* bàn tay thôi. Bàn tay trái.

Hắn có thể muốn gì nhỉ? Họ chẳng có gì. *Tệ hơn* là chẳng có gì; chỉ kế hoạch làm đám cưới thôi đã khiến họ mang nợ rồi.

Anh nói, “Chú tôi là cảnh sát ở Syosset. Ông ấy rất cừ. Cứ việc lấy cái gì ông muốn và đi ra. Tôi sẽ không nói gì với ông ấy đâu.”

“Cảnh sát à? Chú mày là cảnh sát.”

Mikey ước gì mình đừng nói câu đó. Anh hi vọng mình sẽ không tè ra quần. Anh nhìn đăm đăm khẩu súng.

“Anh yêu, anh yêu,” Emma hổn hển.

“Không sao đâu, em à.” Rồi quay sang kẻ đột nhập. “Thôi nào, ông già. Ông muốn gì? Tôi không có tiền ở đây. Chúng tôi có thể lấy cho ông một ít. Vài ngàn thôi.”

Mặc dù anh biết đó không phải là thứ gã này muốn. Chắc chắn hắn không thế kiếm chác được gì nhiều từ một cặp vợ chồng như

họ, ở Gravesend, Brooklyn này. Thứ hắn muốn là giết Mikey và cưỡng đoạt Emma.

Nhưng Mikey sẽ đảm bảo vế sau không bao giờ xảy ra, dù phải trả giá bằng gì. Gã kia có một khẩu súng và trông như hắn chẳng gặp vấn đề gì với việc dùng nó cả. Nhưng hắn không to lớn lắm. Ồ, Mikey có thể sẽ chết nhưng anh có cả máu điên và cơn giận dữ chết tiệt của người Ai-len trong người. Cái máu đó một khi đã phát tiết thì rất dữ dội. Anh sẽ vùng lên và giằng giật và gây ra đủ thiệt hại để Emma có thể chạy ra qua cửa sổ hoặc cửa trước. Và khi viên đạn chọc thủng não hay ruột hay trái tim Mikey, âm thanh của tiếng súng sẽ làm gã kia sợ chạy mất.

Hoặc ai mà biết được? Có lẽ anh sẽ làm hắn ngạc nhiên và lấy được khẩu súng, và rồi bắn vào bi hắn hay khuỷu tay hoặc đầu gối, và rồi - sau một lúc - sẽ gọi cho cảnh sát. Cứ để cơn đau kéo dài khoảng mươi mười lăm phút đi.

Mikey run lên vì giận. Đã tám năm nay anh chưa đánh nhau với ai, kể từ cái lần anh đập vỡ mặt thằng khốn dám lấy cô em gái bé bỏng của Mikey ra đùa nhạo, vì con bé bị bệnh Down. Thằng đó nặng hơn anh đến cả mười lăm cân nhưng đã xụi lơ như một cái hộp bằng bìa. Thằng đó vỡ hàm và trệch khớp vai.

Nào, di chuyển đi… Làm thằng khốn này ngạc nhiên, trong lúc hắn còn chưa nhìn đến mình!

Gã đàn ông đánh mắt sang trái trong một giây và đập khẩu súng vào má Mikey. Một cơn đau buốt bùng lên, mắt anh toé sao. Anh lảo đảo lùi lại, vấp vào chiếc ghế bành của cha mẹ mà hai thập kỉ trước anh cùng cậu em trai vẫn chơi trò máy bay trên đó.

Emma kêu lên và chạy tới chỗ anh ôm chặt.

“Đồ khốn,” cô hét lên.

“Nghe này, con gà nhỏ,” hắn lẩm bẩm với Mikey. “Tao biết người ta sẽ làm gì trước cả khi họ thử làm điều đó. Tao là nhà ngoại cảm, mày không biết hả? Mày có xung động của tụi anh hùng đấy.”

Kẻ đột nhập đứng lên và lôi con dao gấp từ trong túi quần ra. Emma thở dốc. Gã bật lưỡi dao lên, giật lấy sợi dây đèn từ trong ổ và cắt dây. Hắn đẩy Emma xuống sàn, lăn Mikey nằm úp mặt và trói hai tay anh lại sau lưng. Hắn cũng trói cả tay Emma nhưng trói cô ở đằng trước mặt.

Hắn xốc cả hai lên ở tư thế ngồi. Còn hắn thì ngồi trên chiếc ghế bành.

“Làm ơn, làm ơn!” Emma khóc. “Hãy lấy tiền của chúng tôi rồi đi đi!”

Đôi mắt xanh lạnh lẽo của hắn quét khắp lượt Mikey và vị hôn thê. “Mày.” Hắn chĩa con dao vào Emma. “Đưa tay ra đây. Ngay!”

Cô nhìn sang Mikey, anh lắc đầu nói không. Nhưng cô vẫn đưa hai bàn tay ra. Tay phải ở trên.

“Sao tao lại muốn bàn tay đó? Con gà mái ngu độn này.”

Cô bắt đầu khóc dữ hơn.

“Trái. Tao muốn tay *trái.”*

Hắn cầm ngón tay cô, nhìn đăm đăm vào chiếc nhẫn.

Đó là thứ lúc nãy hắn đã nhìn vào.

Mikey hiểu ra. “Ông chính là tên giết người. Ông là người trên tivi! Người hứa hẹn. Ông đã giết cặp vợ chồng sắp cưới ở Midtown! Làm ơn, thưa ông. Xin ông. Chúng tôi không làm gì ông cả.”

“Người hứa hẹn,” gã đàn ông lẩm bẩm. Dường như gã đang nhấm nháp cái từ đó.

Đầu Emma gục xuống và nước mắt lã chã rơi, nước chảy ra từ cả mũi và miệng cô.

“Ông muốn thì cứ lấy,” Emma lẩm bẩm. “Nó đáng giá cả đống tiền.”

“Từng đáng giá thôi,” hắn nói. Hắn gõ vào viên đá bằng cán dao. Khuôn mặt lộ rõ sự chán ghét. “Giờ chẳng đáng mấy.”

Giờ Mikey mới hiểu là hắn đã phục sẵn bên ngoài văn phòng của người đặt tiệc cưới để chờ một cặp đôi đã đính hôn. Cũng giống như cách hắn đã đi theo đôi trẻ kia vào cửa hàng trang sức ở Midtown ngày hôm qua. Hắn đã đi theo Emma về tận đây. Hắn muốn giết những cặp đôi sắp cưới. Bản tin đã nói như vậy.

Mikey mở lời, “Xin..

“Suỵt. Tao chán nghe chúng mày nói thế rồi.” Hắn im lặng một lát. “Mày có biết cái này là gì không?” hắn hỏi, giọng trầm, dữ tợn. Hắn giơ tay cô lên và gõ vào chiếc nhẫn một lần nữa. Lần này mạnh hơn.

Nhăn nhó vì đau, Emma hổn hển, “Ông… ý ông là sao?”

Đây không phải câu trả lời hắn muốn.

Lần này hắn hét lên. “Chúng mày có hiểu tí gì không hả?”

Emma nhìn xuống.

“Hàng tỉ năm trước… Mày có đang *nghe* không?”

Emma gật đầu. Nước mắt lưng tròng. Kẻ tấn công tiếp tục nắm hai bàn tay cô.

“Hàng tỉ năm trước, có một cục các-bon. Giống như than đá. Chỉ giống than đá thôi. Không là gì. Nó chẳng là gì cả. Chỉ là những mẩu đá đen nằm sâu hàng trăm cây số dưới lòng đất. Bị chôn ở đấy. À…” Mắt hắn sáng lên. “Nhưng rồi một điều gì đó kì diệu đã xảy ra. Như việc lũ trẻ ra đời vậy. Hai ngàn độ C. Áp lực lớn khủng khiếp, hàng trăm ngàn cân trên một phân vuông. Và trong suốt từng ấy năm, điều gì sẽ xảy ra? Thứ hoàn hảo nhất trên đời được tạo ra. Kim cương. Trái tim của Trái Đất. Những viên kim cương là trái tim của Trái Đất này. Mày biết Jesus chứ?”

Emma gật. “Chúng tôi là người Công giáo.”

“Jesus là người chuộc lỗi,” hắn nói.

“Vâng,” Mikey nói.

“Kim cương chuộc lỗi lầm cho Trái Đất.” Hắn lùi lại, chĩa đầu nhọn của con dao từ tù nhân này sang tù nhân kia một cách chậm rãi.

Một thằng điên loạn chết tiệt.

Dù đang ở tư thế ngồi với hai bàn tay bị trói quặt đằng sau lưng, Mikey vẫn đánh giá các tình huống. Lần này cẩn thận hơn.

Tên tấn công nói, “Giờ đây nó đã bị cưỡng đoạt, bị huỷ hoại. Trái tim của Trái Đất giờ chỉ còn là một mẩu rác trên tay mày.”

“Tôi xin lỗi. Tôi không… chúng tôi không có ý gì cả.”

Hắn giật tay cô ra chỗ có tia sáng. “Mày có thấy không?”

Một chùm tia sáng màu sắc phản chiếu từ viên đá, giống như khi bạn nhìn qua một lăng kính.

Hắn thì thầm, “Nó được gọi là “Lửa”. Ngọn lửa đó là sự tức giận của Chúa vì mày đã chiếm lấy một điều kì diệu, cắt nó thành mẩu răng nhỏ xíu gắn lên ngón tay mày.”

“Tôi rất tiếc.” Rõ ràng Emma đang cố nghĩ ra điều gì đó để thuyết phục hắn rằng họ vô tội.

Việc ấy sẽ chẳng ích lợi gì. Gã đàn ông này như một vụ rơi máy bay, một vụ bình propane bị nổ hay một vụ đột quỵ. Chẳng thể nói lí lẽ gì với hắn được.

Rồi hắn bình tĩnh lại và ngồi lùi ra sau, ngắm nghía, có vẻ tự thoả mãn. “Tao chỉ đang làm một nhiệm vụ. Giành lại công lý cho Chúa trời, công lý cho Trái Đất. Ngày hôm qua, tao đã cứu những viên kim cương to lớn trước khi chúng bị cắt. *Và* tao đã giết lão già kinh tởm kia để lão không thể làm hỏng những viên đá nữa. Ở Ấn Độ - nơi lần đầu khám phá ra kim cương - người ta coi cắt chúng là tội ác. Đáng lẽ lão phải biết. Lão đã phản bội giống nòi mình. Lão phải trả giá vì điều đó.”

“Ông đang làm tôi đau!”

“Ồ, con gà tội nghiệp…” Những lời châm biếm rỉ ra khỏi cặp môi hắn. Đôi mắt kẻ điên nhìn chiếc nhẫn trong lúc hắn vuốt ve ngón tay cô. “Kể cho chúng mày nghe câu chuyện nhé, đôi uyên ương. Tao sẽ kể cho mày nghe câu chuyện này. Sau Đại suy thoái và chiến tranh, không ai còn mua nhẫn đính hôn nữa. Không tiền, cũng chẳng có thời gian mà đính hôn! Chỉ việc cưới nhau, dập nhau cho em bé

ra đời, dời về ngoại ô. Hạnh phúc, hạnh phúc. Ạch, nhưng bọn De Beers, công ty kim cương ấy, chúng có một quảng cáo nổi tiếng nhất mọi thời đại. “Một viên Kim cương là Mãi mãi.” Và ngành kinh doanh này quay trở lại. Tất cả mọi người đều mua kim cương! Mày *phải* có kim cương nếu không chồng mày chỉ là tên khốn và mày sẽ bị chê cười. Và tất cả những viên đá ấy, những viên đá xinh đẹp, bị cắt và cắt và cắt.” Mắt hắn trở nên giận dữ hơn và nụ cười ma quỷ trải rộng trên mặt hắn. “Tao thì nghĩ có một thứ khác cũng là mãi mãi.”

Hắn kéo thẳng ngón tay đeo nhẫn của cô ra và ấn lưỡi dao vào phần gốc ngón tay.

Ôi Đức mẹ ơi… Hắn sẽ cắt lìa ngón tay cô trước khi giết cả hai!

Hắn giữ chặt con dao bằng tay phải và siết bàn tay trái đang nắm ngón của Emma lại. Mặc dù vậy khi hắn từ từ ấn xuống, Emma hét lên một tiếng chói tai và vặn vẹo người. Hắn tuột tay và cô bị ngã ra. Hắn lao tới cô với con dao nhưng bị trượt.

Đó chính là lúc Mikey lấy sàn nhà làm trụ và dùng cả hai chân, dùng hết sức bình sinh, dùng tới mọi gram năng lượng trong đôi chân khoẻ mạnh của mình, đạp vào người hắn. Gã đàn ông lảo đảo ngã khỏi ghế bành và đâm sầm vào giá sách. Hắn bị đập đầu và nằm bất động, nhăn nhó vì đau.

Emma dễ dàng đứng dậy nhờ hai tay vẫn ở phía trước.

“Chạy đi, chạy ngay!” Mikey vật lộn để đứng lên.

Ý anh là cô đi một mình. Kế hoạch biến tấu của anh là nằm đè cả người lên tên điên kia, dùng răng cắn xé thịt hoặc làm gãy ngón tay hắn. Anh sẽ chết nhưng ít nhất người anh yêu sẽ thoát.

Emma không do dự. Nhưng cô không lao ra cửa. Cô tóm lấy vai Mikey và kéo vị hôn phu đứng lên.

“Không!”

“Có!” cô hét.

Mikey thấy tên tấn công đang vuốt nước mắt đau đớn và ôm lấy cái đầu vừa bị đập. Họ chỉ có vài giây để trốn thoát trước khi hắn có thể lấy lại sự tập trung. Cả hai cùng lao ra cửa, Emma đi trước và cô mở cửa thật nhanh. Rồi họ lao ra hành lang, ngay khi tiếng súng chát chúa nổ sau lưng họ và một viên đạn chỉ cách đầu Mikey vài phân găm vào bức tường bên kia hành lang.

Họ chạy về phía cầu thang ở cuối sảnh, nó sẽ dẫn họ đi thẳng xuống cửa ra vào toà nhà và ra phố.

Tất nhiên, nếu gã kia đuổi theo họ vào hành lang, hắn sẽ có điểm bắn hoàn hảo vào lưng họ trong lúc họ chạy xuống. Nhưng không còn cách nào khác. Ít nhất ở đây, trong giây phút này, Mikey nghĩ một cách điên cuồng, họ còn nhiều cơ hội hơn khi còn ở trong căn hộ.

Anh chỉnh lại vị trí chạy ngay đằng sau Emma trong lúc cả hai lao hai bậc một xuống sảnh.

Cô chạm chân xuống sàn trước và lao ra cửa trước, kéo nó mở ra.

Đúng lúc anh bị ngã.

Ở bậc thứ ba từ dưới lên, anh hụt chân và vì không thể dùng đến hai tay, anh lao xuống rất mạnh, đầu tiên là đập mạng sườn, rồi đến bụng, gỗ bào mất lớp da trên má và cằm anh một cách đau đớn.

Emma khóc, “Ôi, anh ơi!”

“Chạy đi!” anh gọi.

Nhưng một lần nữa cô lại lờ đi. Cô bước tới và cúi xuống đỡ Mikey dậy.

Phía trên họ, cánh cửa đóng sầm lại và sàn nhà kêu - anh biết chính xác là ở điểm nào, ngay bên ngoài căn hộ của họ, nơi ván sàn lỏng lẻo tạo ra tiếng động đó. Âm thanh ấy nghĩa là tên giết người đang tới đầu cầu thang ngay lúc này.

Hẳn là hắn đang ngắm bắn.

Bằng cú nhảy bật mạnh, Mikey vươn người lên hết chiều cao của mình. Anh bước ra đằng sau cô và hét lên, “Chạy!”

Anh cầu nguyện cho cơ thể mình đủ che chắn những viên đạn, ngăn được chúng và giúp tình yêu của anh - cô gái xinh đẹp của anh - có một cơ hội trốn thoát ra phố mà không bị thương tổn gì.

CHƯƠNG 15

Vụ giết Saul Weintraub xảy ra trong khoảng diện tích lối vào một-mét-hai-nhân-một-mét-hai bị thụt hẳn vào trong của ông ta.

Nghi phạm 47 đã chui vào qua cửa sổ tầng hầm không khoá, đi bộ thẳng lên cầu thang, bắn Weintraub ba lần, một lần vào mặt và hai phát vào ngực, rồi bỏ chạy qua cửa trước. Cô biết sự việc xảy ra như vậy vì thủ phạm đã để lại dấu chân ướt - do cơn mưa phùn bên ngoài - theo đường thẳng từ hành lang ra cửa.

Mặc dù Weintraub không bị tra tấn bằng dao, ông ta đã bị đánh - có vẻ như bằng báng súng, vì trong nhà ông ta không có vật gì cứng có thể gây ra những vết thương như vậy; Sachs cũng không tìm được thứ gì có vương máu hay mô da. Cô đoán những cú đánh là để buộc ông ta nói ra điều Weintraub đã kể với cảnh sát hoặc VL là ai. Còn một khả năng nữa: tên sát nhân đã đòi hỏi một điều gì đó. Áo khoác của Weintraub nằm ngay bên cạnh ông ta và một trong những túi áo bị lộn ra ngoài, như thể tên sát nhân đã đòi ông ta lấy gì đó ra cho hắn.

Hay chỉ đơn giản là vì Weintraub trong lúc chờ đi ra ngoài gặp xe cảnh sát, đã lôi găng tay của mình từ trong túi ra? Chúng cũng đang nằm gần đó.

Mặc bộ quần áo trắng, đi ủng, đội mũ trùm và mang đôi găng tay màu xanh hoa thanh cúc, cô kẻ ô vuông điều tra hiện trường trong nhà trong lúc hai kĩ thuật viên phòng hiện trường, những người cô

biết là người của trụ sở chính, đang thực hiện kiểm tra vòng ngoài - sân nhà, con phố, vỉa hè mà có thể thủ phạm đã đến và đi từ đó. Sachs khá lạc quan về chuyện tìm được bằng chứng ở sau nhà - gần chỗ cửa sổ hắn đã đột nhập - nhưng khả năng cô tìm được manh mối xác thực trên vỉa hè phía trước nhà là rất mong manh; việc có quá nhiều người đi bộ qua lại sẽ để lại hàng ngàn dấu vết, bụi đất, bùn, rác rưởi, phân thú và cả nước tiểu.

Cô đã cử mấy cảnh sát mà Ben Kohn phân cho mình tới dò hỏi các nhân chứng và tìm bằng chứng ở ba hoặc bốn dãy nhà theo hướng bỏ chạy của nghi phạm. Cô biết đường chạy của hắn vì một người phụ nữ dẫn chó đi dạo đã trông thấy hắn chạy ra khỏi nhà Weintraub, ngay sau mấy tiếng súng. Hắn đã lột bỏ mũ hoặc mặt nạ và người phụ nữ đó thấy rằng hắn là người da trắng với mái tóc ngắn màu nhạt.

Sachs thu gom những gì cô tìm được. Không một mẩu bằng chứng nào có vẻ đặc biệt hữu ích. Dấu giày vẫn thế, cả sợi vải - từ găng tay và chiếc mặt nạ trượt tuyết.

Ba vỏ đạn đồng rỗng ruột. Fiocchi 9mm - có thể là thứ đã bắn vào nhân chứng ở Midtown, nhưng ở đó, hắn còn thu lại cả vỏ. Thực tế, hắn bỏ chúng lại đây chứng tỏ hắn đang vội, có thể là vì tiếng ồn của những phát súng, vỏ đạn cũng đã được bắn ra từ một khoảng nhất định, những viên cô tìm được nằm dưới gầm đồ đạc trong nhà.

Tiếng điện đàm Motorola vang lên từ thắt lưng một cảnh sát đứng gần đó. Cô không nghe được lời nhắn nhưng anh ta gửi trả lời qua micro trên vai và đi vào chỗ Sachs. “Thanh tra? Một trong các

cảnh sát đi thẩm vấn? Đã tìm được một thứ gì đó ở cống thoát nước mưa. Cách đây hai dãy nhà." Anh ta chỉ về hướng thủ phạm đã bỏ chạy. "Cô ấy không muốn chạm vào nó. Quần áo hay đại loại thế."

Sachs lấy vài món dụng cụ thu thập và đi bộ dọc theo vỉa hè, gật đầu với những người tò mò và lo lắng xung quanh, né tránh các câu hỏi. Một người phụ nữ hỏi, "Có phải là tội ác do căm thù không?"

"Chúng tôi đang điều tra," Sachs nói với bà ta và đi tiếp. Hai dãy nhà sau cô đi chậm lại, không thấy cảnh sát nào. Cô nghe nhầm chăng? Nhưng rồi cô nhìn xuống một con phố phụ và thấy sĩ quan cảnh sát, một cô gái Latinh ngoài hai mươi đang vẫy tay. Sachs rẽ và đi đến nơi.

"Chào cô."

"Thanh tra." Người phụ nữ có thể hình rắn chắc, khuôn mặt đẹp, tròn trịa. Và cô ta cũng đã trang điểm cẩn thận sáng hôm đó. Sachs hài lòng khi thấy cảnh sát M. Lopez đã cân bằng được cá tính và nghề nghiệp của mình. Điều nhỏ bé này cho Sachs biết cô ấy sẽ có một sự nghiệp lâu dài trong sắc phục màu xanh. "Tôi đã đi về phía nam như cô hướng dẫn, nhưng tôi nghĩ là có thể thử lối này. Nó là một đường tắt dẫn ra tàu điện ngầm ở trên đây một dãy nhà. Không ai nghe tiếng lốp xe phi nhanh sau tiếng súng cả nên tôi nghĩ có thể hắn đã đi MTA*."

Tàu điện ngầm của thành phố

Nhảy lên một chiếc tàu điện ngầm của thành phố có thể tạo khoảng cách giữa tên tội phạm và hiện trường còn nhanh hơn cả đi Ferrari.

Lopez nói tiếp, “Và vì hắn đã bị một nhân chứng trông thấy - người phụ nữ dắt chó đó - tôi lại nghĩ, nếu là tôi thì tôi sẽ bỏ áo khoác đi. Tôi đã kiểm tra các thùng rác,” - cô chỉ vào cái lưới chắn ở chân mình - “và ống thoát nước. Có vẻ như có quần áo gì dưới đấy. Tôi chưa chạm vào nó.”

“Tốt lắm.” Sachs đặt một con số bên cạnh tấm lưới và tự mình chụp ảnh bằng điện thoại. “Cô có…”

“Tôi đã hỏi thăm chỗ căn hộ. Không ai trông thấy hắn cả.”

Sachs cười đáp lại. Cô cúi xuống và chiếu đèn pin Maglite vào miệng cống. Có một mảnh vải đen và có vẻ nó không bị ướt, điều đó có nghĩa là nó nằm đây chưa lâu. Mấy hôm nay hay có mưa phùn.

Đeo găng tay vào, cô lôi mảnh vải lên. Đó là một chiếc áo khoác len và còn khá mới. Nghi phạm 47 đã mặc một chiếc tương tự theo mô tả từ cuộc gọi nặc danh đến 911 và đoạn video lấy từ cửa hàng trên phố 47, gần toà nhà của Patel.

Lopez nói thêm, “Không biết đây có phải của hắn không. Có lẽ cô có thể lấy mẫu tàn dư thuốc súng trên tay áo để kiểm tra cho chắc.”

Việc nằm trong kế hoạch. Sachs bỏ túi chiếc áo khoác và thò tay vào trong cống nhưng không tìm được gì khác.

“Tàu điện ngầm nào?”

Lopez nói cho cô và cô ghi lại số chuyến tàu.

“Cảm ơn cô, cảnh sát. Làm tốt lắm.”

“Tôi sẽ tiếp tục đi thẩm vấn.”

“Cảm ơn. Tôi sẽ gửi một đội ECT đến. Cô có thể giúp họ. Và tôi sẽ nhận xét vào hồ sơ của cô.”

Người phụ nữ cố không tỏ ra vui quá. “Rất cảm ơn cô.”

Sachs cách ly khu vực bằng băng dính vàng. Cô gọi một cuộc tới văn phòng chính của CSU*, yêu cầu gặp một kĩ thuật viên thu thập bằng chứng mà cô quen. Cô kể cho anh ta nghe vị trí của ống thoát nước và yêu cầu một cuộc kiểm tra toàn diện hơn. Một đội sẽ dùng các camera cáp quang và đèn để nhìn sâu vào ống cống xem tên nghi phạm - nếu đó đích thực là hắn - có ném mặt nạ hay gì khác vào không.

CSU là viết tắt của Crime Scence Unit - Đội hiện trường vụ án

Cô quay lại hiện trường ở nhà Weintraub và thấy phần lớn đám đông đã tản đi. Cô lột bộ quần áo và găng tay, viết các ghi chú bằng chứng trên thẻ.

Điện thoại của cô rung lên. Cô liếc nhìn số gọi đến.

“Rhyme. Bọn em xong việc ở đây rồi. Em sẽ mang bằng chứng…”

“Sachs.”

Tông giọng anh thể hiện rõ là đã có một vấn đề.

“Chuyện gì thế?”

“Bảo nhân viên mang đồ về cho anh. Em cần chạy qua Gravesend.”

“Brooklyn ư?”

“Ừ. Nghi phạm của chúng ta không phí chút thời gian nào, Sachs ạ. Em lại có một hiện trường nữa phải điều tra.”

CHƯƠNG 16

Lincoln Rhyme yêu thích những mảnh vải.

Khi được khâu lại thành quần áo, những dấu vết phức tạp trong đó sẽ hé lộ kích cỡ của thủ phạm, có thể cả tuổi tác, địa điểm kho hàng và thường là nơi mua hàng nữa. Nó có thể xổ sợi vải còn nhanh hơn cả một chú chó tha mồi lông vàng rũ bộ lông của mình. Thậm chí còn tuyệt vời hơn khi vải có thể giữ và lưu lại những bằng chứng dấu vết tuyệt vời và trong những trường hợp hiếm hoi là cả dấu vân tay nữa. Đó là chưa kể nó còn đóng vai trò miếng hút và cất trữ loại hoá chất tuyệt vời nhất, acid deoxyribonucleic. Còn được biết đến là ADN. Ba chữ cái mà Rhyme hay nhắc đi nhắc lại với các sinh viên theo học ngành tội phạm học của mình, là, đánh vần tin xấu cho thủ phạm.

Ngay lúc này, Rhyme đang theo dõi Mel Cooper xử lý chiếc áo khoác bị Nghi phạm 47 bỏ lại trong ống thoát nước ở Queens.

Họ biết chiếc áo là của hắn bởi nó có chứa dấu vết thuốc súng gần như giống hệt với hợp chất tìm được trên thi thể Weintraub và ở các hiện trường tại toà nhà Patel, quận Kim Cương. Cooper cũng phát hiện ra dấu vết của cùng loại bột đá tìm thấy tại cửa hàng Patel ở gần thi thể Weintraub: đá kimberlite. Dấu vết đang tỏ ra rất hữu dụng. Viên đạn va trúng viên đá đã làm thổi tung lượng bột đá đáng kể và những mảnh tí hon văng khắp cửa hàng Patel, một số bám

vào hung thủ. Nó đóng vai trò như một chỉ dấu liên kết hắn với các địa điểm và cuộc tiếp xúc.

Quy luật Locard, được đặt tên theo tên của nhà tội phạm học người Pháp Edmond Locard, nói rằng trong mọi tiếp xúc giữa tội phạm và nạn nhân, hoặc tội phạm và hiện trường, luôn có sự trao đổi vật chất. (“Mọi mối tiếp xúc đều để lại một dấu vết”). Nếu nhà khoa học pháp y đủ khéo léo, và đủ thông minh, anh ta hoặc cô ta có thể tìm được dấu vết ấy và biết nó là gì. Tất nhiên điều đó không có nghĩa là nó sẽ dẫn bạn tới cửa nhà hung thủ, nhưng nó có thể là điểm khởi đầu hành trình của bạn.

Loại đá kimberlite này là một ví dụ điển hình cho quy luật Locard, nó đã trở thành đồng sự hữu ích trong cuộc săn đuổi nghi phạm của họ.

Rhyme hỏi, “Có vân tay không?”

“Không,” Cooper trả lời. Anh ta đã xem xét từng phân trên chiếc áo dưới đèn ALS rồi thử cả biện pháp lắng đọng kim loại vàng và kẽm mà đôi khi cho ra được dấu vân tay trên vải. Tuy nhiên, đó luôn là một cách làm hú hoạ với quần áo.

Rhyme bảo anh ta, “Đưa mẫu đến Queens để tìm ADN và TADN.”

“Đã yêu cầu rồi,” Cooper nói. Nhiều khả năng đâu đó trên chiếc áo sẽ có mẫu ADN. Mồ hôi hoặc nước bọt hay nước mắt, hay - không phải là chuyện gì hiếm có với các loại quần áo mặc ngoài - cả tinh dịch dính vào nữa. Nếu trường hợp này cũng vậy, hồ sơ ADN có thể sẽ được xác thực trên CODIS hoặc một cơ sở dữ liệu quốc tế và cho biết danh tính nghi phạm. Mặc dù vậy, ngay cả khi không có

lượng dịch hay mô nào đáng kể trên áo, gần như chắc chắn sẽ có tế bào da, một thứ cũng được dùng để phân tích ADN chạm. Kĩ thuật này kém chính xác hơn tổng phân tích ADN - nó chỉ cần tới chưa đầy sáu tế bào da - và có thể cho ra những kết quả sai. Nhưng việc này không được dành cho phiên toà mà chỉ đơn thuần là một phương hướng trong lúc truy tìm danh tính thủ phạm.

Cooper nhét chiếc áo vào túi đựng vật chứng và vì anh chưa làm lúc nãy, giờ anh viết thêm tên mình vào thẻ ghi chú vật chứng nữa. Anh để nó ở bên trong cửa nhà, chờ đội phân tích ADN ở Queens đến lấy.

Nhãn mác của áo đã bị cắt - thông minh đấy. Ước chừng nó ở khoảng cỡ M dành cho nam. Đường chỉ cho thấy đây là loại sản xuất hàng loạt tại một quốc gia thuộc thế giới thứ ba. Có thể được bày bán trong hàng ngàn cửa hàng trên cả nước. Từ điểm này sẽ không có manh mối nào.

Trong các túi vật chứng, Cooper gom vào những sợi vải mà anh lấy được từ chiếc áo khoác, cùng với sợi vải bên trong túi áo - chúng làm bằng vải cotton đen, rất giống với những sợi tìm được ở cửa hàng Patel, rơi ra từ găng tay, và sợi polyester từ mặt nạ.

Cảnh sát Ron Pulaski gọi đến. Anh ta giải thích mình vẫn chưa tìm được người tên VL bí ẩn kia. Rhyme nhớ lại lời viên thám tử hãng bảo hiểm đã cảnh báo họ: sự miễn cưỡng của những người trong ngành kim cương khi nói chuyện với người ngoài. Cũng như xu hướng tự nhiên không muốn bị dính vào một vụ việc mà hung thủ sử dụng dao lẫn súng gọn ghẽ như vậy.

“Tiếp tục đi,” anh bảo Lính mới và họ cúp máy.

Việc VL từ chối liên lạc với cảnh sát rất khó hiểu. Đúng là cậu ta sợ phải trở thành mục tiêu của tên sát nhân, nhưng thông thường nhân chứng sẽ lập tức tới gặp cảnh sát để đòi được bảo vệ - và giúp bắt kẻ phạm tội. Anh cũng thấy tò mò vì không có người bạn hay người thân nào của cậu ta liên hệ với cảnh sát cả - chắc chắn cậu ta đã kể với ai đó về vụ chạm trán với thủ phạm này rồi chứ. Cậu ta còn trẻ và hẳn phải có gia đình.

Tất nhiên, còn cả khả năng cậu ta đã chết vì những vết thương do vụn đá gây ra. Dường như chúng không nghiêm trọng lắm nhưng Rhyme từng biết có những vụ nạn nhân bị thương do súng bắn có thể đi bộ và cư xử bình thường nhiều giờ liền trước khi gục ngã và chết.

Cũng có khả năng nghi phạm đã tìm được cậu ta, như hắn đã làm với Weintraub, giết và giấu xác cậu ta đâu đó. Nhưng trong cả hai trường hợp này, anh đều trông đợi nhận được một báo cáo người mất tích nào đó. Và việc điều tra của Cooper với các phân khu - dù nhanh - vẫn không nhận được báo cáo nào.

Kĩ thuật viên đang nhìn vào một chiếc kính hiển vi. “Dấu vết trên áo khoác: Lại là kimberlite. Và một ít vật chất từ thực vật nữa. Hai loại. Một từ lá và cỏ, tương tự với các mẫu so sánh Amelia lấy được từ ống thoát nước. Đúng thứ anh mong đợi. Nhưng còn một số vết đốm đặc biệt khác nữa.”

“Và chúng là gì?”

“Chờ chút.” Anh ta lật giở qua các hình ảnh cấp độ tế bào trong dữ liệu nghề làm vườn mà nhiều năm trước Rhyme đã tạo lập ở

NYPD và đến nay vẫn còn giúp duy trì nó. Anh rất thích dùng cây cối làm chỉ dấu trong khám nghiệm hiện trường.

“Cái gì đó gọi là… Đúng rồi, tôi khá chắc nó là thứ được gọi là *Coleonema pulchellum.* Tức hoa giấy. Không phải loài cây bản địa của khu vực đó - mà tới từ Châu Phi - nhưng khá phổ biến ở đây dưới dạng nước khử mùi hoặc hỗn hợp nước thơm.”

Có thể thủ phạm gần đây đã tới một cửa hàng quà tặng. Hoặc hắn sống trong một căn hộ bốc mùi hôi?

“Vỏ đạn,” Rhyme hỏi.

Cooper quay sang hai vỏ đạn 9mm rỗng mà Sachs đã thu thập được. Anh ta đã được cấp chứng nhận của AFTE, Hiệp hội các nhà giám định Vũ khí và Công cụ. Bản thân những vỏ đạn, toàn bộ những viên đã cắm vào cơ thể Weintraub, sẽ được gửi tới một Văn phòng Giám định Y tế, sau khám nghiệm tử thi. Do tính chất khẩn trương của vụ án này, vị bác sĩ thực hiện giải phẫu sau tử vong đã chụp ảnh một viên và gửi hình cho Cooper. Phân tích ban đầu cho thấy nó cũng được bắn ra từ cùng khẩu súng được dùng ở vụ bắn người trong cửa hàng Patel. Không có gì ngạc nhiên vì dấu tích thuốc súng còn sót lại gần như giống hệt nhau; loại bột thuốc súng trong tất cả các viên đạn hẳn phải thuộc cùng một lô hàng của một nhà sản xuất.

“Có dấu vân tay trên vỏ đạn không?” Rhyme hỏi.

Cooper lắc đầu.

Cả chuyện đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

Cooper lướt qua danh sách các dấu vết và hợp chất nhỏ mà Sachs đã tìm được.

“Mạt cưa, dầu diesel, các kim loại đồng nhất với mối hàn. Dầu làm nóng, chất làm lạnh điều hòa. Rồi đến trichlorobenzene. Tôi không biết nó là gì.”

“Được dùng như một loại thuốc trừ sâu, tôi nghĩ vậy. Hoặc từng được dùng. Độc lắm. Tìm kiếm nó xem.”

Cooper đọc một đoạn cảnh báo về môi trường của chính phủ: “‘Trichlorobenzene có nhiều công dụng. Nó là chất trung gian - nền móng - để sản xuất ra thuốc diệt cỏ, các hợp chất hủy diệt hay ngăn chặn sự phát triển của cỏ dại. Nó cũng được dùng làm dung môi để hòa tan sáp, dầu mỡ, cao su, vài loại nhựa nhất định và là dung dịch điện môi*.’ À phải rồi, anh nói đúng, từng được dùng để kiểm soát mối.”

Một chất lỏng không truyền điện hoặc truyền rất ít

Dấu vết này cho thấy rằng nghi phạm của họ từng ở trong hoặc gần một nhà máy, các tòa nhà cũ, một tầng hầm, một trạm xăng hoặc địa điểm xây dựng nào đó. Một điều có thể ghi lại nhưng cũng không có gì đặc biệt hữu ích trong việc trợ giúp họ định vị hắn.

Cooper có điện thoại và nói chuyện vài câu, rồi anh đi đến chiếc máy tính ngay khi màn hình sáng lên, báo hiệu một email vừa được gửi đến. Anh ta nói vào điện thoại. “Nhận được rồi.” Anh cúp máy.

“Cái gì đấy?”

“Amelia đã cử đội thu thập bằng chứng EC mò mẫm quanh ống cống, nơi cô ấy tìm được chiếc áo khoác. Họ đào được mỏ vàng.”

“Và đó là gì?”

“Một chiếc thẻ Metro.”

“Thì sao. Có phải của hắn không?”

“Tôi nghĩ là phải. Nó ở đó chưa lâu,” Cooper nói. “Ướt nhưng không quá ướt. Giống chiếc áo.”

Từ năm 2003, chiếc thẻ Metro của Ban quản lý Hệ thống Vận tải Nội đô đã thay thế vé đi xe buýt và tàu điện ngầm. Rhyme yêu thích chúng bởi mỗi chiếc thẻ đều có số định dạng riêng, thế nên ta có thể xác định điểm xuất phát của tất cả những người đi tàu điện ngầm. Kết hợp nó với hệ thống CCTV rộng khắp của MTA và thuật toán nhận diện khuôn mặt của MTA, chúng ta thường có thể dự đoán khá chính xác nơi chốn và thời điểm người đó xuống tàu.

“Họ đang quét dữ liệu và gửi riêng.”

Tất nhiên Nghi phạm 47 sẽ không dùng thẻ tín dụng của chính mình để mua chiếc thẻ đó - nhưng nếu hắn đã dùng nó để đi lại - họ có thể kiếm được vài hình ảnh khuôn mặt rõ nét của hắn lướt qua một trạm dừng nào đấy.

Rhyme hỏi, “Có dấu vân tay, ADN nào trên thẻ không?”

“Không có. Có bằng chứng vết ấn găng tay vải.”

Một tiếng thở dài. “Còn gì khác trong ống cống không?”

“Không.”

Rhyme nhìn lên biểu đồ vật chứng. Các chi tiết được viết trên đó - và những chi tiết còn thiếu - chứng minh điều Rhyme đã biết: Nghi phạm 47 thông minh một cách khác thường, không bao giờ để lại dấu vân tay, vô hiệu hóa các máy quay, vứt bỏ áo khoác sau khi đã

bị trông thấy, mang mặt nạ trượt tuyết hoặc tránh nhìn vào camera, thực hiện những nỗ lực dứt khoát để tiêu diệt nhân chứng và dọn dẹp sau vụ trộm.

Nhưng Lincoln Rhyme vốn đã quen với việc bị các tội phạm thông minh thách thức. Anh nghĩ về tên thông minh nhất mình từng phải đối đầu: Charles Vespasian Hale, được biết đến với biệt danh "Thợ đồng hồ". Cái tên đến từ cả nỗi ám ảnh với các loại thiết bị chỉ giờ và thực tế những tội ác của hắn đều được lên kế hoạch với độ chính xác của một chiếc đồng hồ. Hắn là cả một cửa hàng lớn chuyên cung cấp những dịch vụ tội ác, sẵn sàng phục vụ cho bất kì ai có khả năng chi trả được phí phục vụ đắt đỏ của hắn - từ tấn công khủng bố cho đến giết người, bắt cóc, kể cả ăn cắp vặt và vô vàn những thứ khác. (Bao gồm cả vượt ngục, Rhyme nhớ là thế, cùng với nỗi oán hận luôn gợn lên trong anh mỗi khi nghĩ về Hale; hắn vẫn còn lởn vởn bên ngoài vòng pháp luật sau khi đã trốn thoát khỏi nhà tù mà Rhyme đã đưa hắn vào.)

Lúc này Rhyme nghe thấy Thom cho ai đó vào trong dinh thự, và Lon Sellitto rảo bước vào phòng khách, vừa đi vừa cởi áo khoác.

"Ngoài kia lạnh không chịu được. Ngớ ngẩn thật. Tháng Ba đấy. Anh đã bao giờ thấy một tháng Ba nào như thế này chưa?"

Rhyme thường phớt lờ các cuộc nói chuyện về thời tiết. Bây giờ anh cũng làm vậy và nói vắn tắt cho viên thanh tra biết về những tiến triển họ đã có được.

Sellitto nhăn nhó. "Tòa Thị chính sẽ không vui đâu. Chúng ta phải nhanh hơn nữa."

"Hãy bảo tên Bốn mươi bảy hợp tác hơn tí đi."

“Line. Chúng ta đã che giấu thông tin về S và VL với tay người Anh kia. Và một trong số họ đã chết. Hãy để ông ta hỏi hắn thay cho thân chủ. Anh nghĩ sao?”

Rhyme nhún vai. Đó là một trong vài cử chỉ ít ỏi mà cơ thể anh còn làm được. “Đến lúc này thì, chắc chắn rồi.”

Sellitto gọi số trên danh thiếp của Ackroyd và hỏi liệu ông ta có đến được không. Thanh tra cúp máy. “Sẽ qua đây sớm.”

Máy của Cooper lại vang lên âm thanh báo hiệu có email đến.

“Bên Giao thông. CCTV.”

Rhyme giải thích với Sellitto về thẻ Metro.

“Chết tiệt. Tốt quá.”

Hệ thống giao thông ở thành phố New York được hai cơ quan cảnh sát riêng biệt coi sóc. Cảnh sát quản lý giao thông nội đô chịu trách nhiệm hành pháp trên hầu hết các phương tiện giao thông ở mặt đất của toàn thành phố cộng với vài hạt ngoại ô. Còn Ban Giao thông của NYPD canh giữ các tuyến tàu điện ngầm.

Lời nhắn đến từ một sĩ quan của trụ sở Ban giao thông Brooklyn ở phố Schermerhorn, báo cáo rằng nó là một chiếc thẻ đi một chiều, mua bằng tiền mặt. Hắn đã dùng nó hai ngày trước. “Hắn lên tàu ở Brooklyn, trạm dừng gần Cadman Plaza. Họ không biết liệu hắn có chuyển tuyến hay xuống tàu ở đâu đó không, nhưng điểm khởi đầu là đi về hướng Manhattan. Và những chuyến tàu ấy sẽ đưa hắn tới phố 42 khá nhanh.”

Sellitto lẩm bẩm, “Khoảng cách đi bộ được tới cửa hàng Patel.

Một ngày trước vụ án mạng. Có thể là đang diễn tập, kiểm tra an ninh.

Cooper đọc thêm. “Người của bên Trung tâm Tội phạm Thời gian Thực (RTCC) nghĩ có thứ gì đó kỳ lạ mà chúng ta nên xem xét.”

NYPD là một phần của Hệ thống Cảnh báo Trung tâm, một hệ thống giám sát bao gồm cả dàn camera CCTV gần bảy ngàn chiếc trên toàn thành phố, hai phần ba trong số đó là của tư nhân và các công ty, nhưng họ đã cho cảnh sát quyền truy cập. Có hàng chục cảnh sát chịu trách nhiệm giám sát màn hình ở RTCC, đặt trong trụ sở One Police Plaza. Phần mềm này tinh vi đến mức nó có thể tự động phát hiện “hành lý khả nghi” hoặc xác định và lần theo những nghi phạm tiềm năng, chỉ với thông tin đầu vào ít ỏi như “cao mét tám, khổ người trung bình, áo khoác xanh nhạt”.

RTCC đã tải về đoạn video từ ga tàu điện ngầm trước và trong thời điểm thẻ đi tàu được quét.

“Kỳ lạ à?” Rhyme lẩm bẩm.

Cooper gõ và một đoạn phim xuất hiện trên màn hình, có màu và độ phân giải khá tốt. Độ rõ nét ở mức trung bình.

“Đây là người đi tàu.” Kỹ thuật viên chỉ vào hình người trên màn hình.

Có vẻ như hắn cũng tương tự với hình ảnh họ có về nghi phạm, trên phố 47, ngay sau các vụ giết người. Chiếc áo cũng có vẻ giống hệt với cái áo họ vừa mới phân tích. Hắn đội mũ len màu đen rất có thể là mặt nạ trượt tuyết gập lên. Và tất nhiên, hắn cúi gằm mặt trong lúc quẹt tấm thẻ đi tàu qua máy đọc thẻ.

“Còn đây là camera MTA đối diện với con phố bên ngoài lối vào tàu điện ngầm. Năm phút sau, khi hắn đang đi đến trạm.”

Cooper cho chạy đoạn phim mấy lần.

“Hắn đang làm gì vậy?” Sellitto lẩm bẩm. “Tôi không hiểu.”

Kỳ lạ…

Có vẻ như tên Bốn mươi bảy đang tiến đến lối vào trên một đường thẳng tắp thì đột ngột dừng lại, quay lưng và bước trở lại nơi hắn vừa đi từ đó ra. Rồi hắn lại đổi hướng một lần nữa, tiếp tục đi vào ga tàu.

Rhyme nói, “Ở kia có một thùng rác. Hắn quay lại để ném gì đó. Thứ đó là gì? Màu vàng. Hắn đang cầm một thứ màu vàng. Và da cam. Tôi thấy cả màu cam nữa. Nhưng cái gì mới được? Lại lần nữa.”

Cooper bật đoạn ghi thêm một lần nữa.

Chính Sellitto là người nói, “Hiểu rồi.”

“Cái gì?” Rhyme hỏi.

“Nhìn đằng sau hắn xem.”

A, Rhyme nghĩ và gật đầu. Anh cũng đã hiểu. Phía bên kia con phố là một công trường. Có mấy công nhân mặc bộ quần áo bảo hộ màu cam và đội mũ vàng. Cùng màu với thứ ở trong tay Nghi phạm 47.

Sellitto nói, “Hắn rời chỗ làm, đổi mũ trùm thay cho mũ bảo hộ. Hắn định vứt cái mũ và bộ quần áo nhưng không tìm được thùng rác nào ở phía trước ga tàu điện ngầm. Hắn quay lại và tìm thấy một cái. Rồi lại tiếp tục bắt tàu.”

“Hắn không phải công nhân - hắn đang mặc quần áo bình thường và không ai đang làm việc mà lại đem vứt mũ bảo hộ cả.”

“Tôi cá hắn đã ăn trộm cái mũ và bộ quần áo để lẻn vào công trường. Tại sao?”

Rhyme đoán, “Gặp ai đó đang làm việc ở đấy. Một khả năng.”

Sellitto nói, “Một khả năng khác: Ga tàu đó gần các toà nhà của chính phủ, đúng không nào?”

“Cadman Plaza,” Cooper nói. “Phố đó dày đặc CCTV - các toà nhà của cảnh sát, cơ quan liên bang, toà án, phòng hành chính. Để tới được lối vào ga tàu ấy bằng bất kì đường nào khác ngoài đi qua công trường, hắn sẽ phải đi qua cả tá máy quay.”

Sellitto lại đoán, “Hắn *sống* ở phía nam công trường?”

“Không, hắn không thể ăn trộm mũ bảo hộ và thẻ ra vào,” Rhyme nói, “mỗi lần muốn đi tàu điện ngầm. Tôi vẫn nghiêng về khả năng hắn đã gặp ai đó trong công trường. Có thể là đi lấy vũ khí? Nói chuyện với kẻ nào đó về việc bán số kim cương thô bị ăn cắp?”

Dù không còn nhiều như trong quá khứ, ngành xây dựng ở thành phố New York vẫn đầy những tay anh chị có liên quan đến tội phạm có tổ chức.

Sellitto gọi điện cho người giám sát RTCC và đọc cho anh ta số định danh của đoạn phim. Anh ta sẽ cho cảnh sát kiểm tra camera quay ra phố của các toà nhà xung quanh trong khoảng một giờ trước khi nghi phạm quét thẻ. Mục tiêu tìm kiếm là một người đàn ông khớp với mô tả chung, được khoanh vùng bằng chi tiết “người

đội hoặc sở hữu một chiếc mũ bảo hộ màu vàng và mặc áo khoác da cam".

Khi Rhyme nhìn Mel Cooper thêm những chi tiết mới nhất của vụ án vào một tấm bảng trắng, anh nghĩ: Tại sao? Tại sao mi lại làm việc này?

"Câu trả lời rất dễ," giọng véo von của phụ nữ trả lời.

Rhyme quay lại. Anh không hề biết Amelia Sachs đã từ Brooklyn quay về. Hay chuyện anh vừa nói to lên câu hỏi. Anh hỏi. "Đó là?"

"Chỉ đơn giản là hắn bị điên."

CHƯƠNG 17

Cậu ngủ qua đêm ở sân bay LaGuardia - cách thành phố hai tuyến xe buýt.

Vimal Lahori đã ngồi co ro ở hàng ghế sau của cả hai chuyến xe, nhăn nhó vì quãng đường xóc nảy đã động vào vết thương của cậu.

Cậu tìm được một ghế trong khu vực chờ, gần quầy bán vé, cứ như là người định làm thủ tục cho chuyến bay đầu ngày sau khi bị huỷ chuyến vậy. Cậu là một trong cả chục người đổi chuyến như vậy. Không ai chú ý đến cậu.

Vimal thích Cảng Vụ yêu quý của mình hơn nhưng cậu nghi là nơi ấy đã bị cảnh sát theo dõi. Đã thế còn có tên sát nhân, kẻ vẫn đang lùng sục cả khu Midtown để tìm cậu. Cậu nằm mơ, hầu hết là ác mộng, mặc dù cậu không nhớ lại được hình ảnh nào cụ thể. Cậu tỉnh dậy với ký ức về đôi chân của ông Patel. Nước mắt dâng lên trong mấy phút. Nhưng rồi cậu buộc mình phải đứng lên và rửa ráy trong nhà vệ sinh. Ở đó, trong một khoang riêng, cậu kiểm tra vết thương lần nữa. Chỗ đó đau nhói và bao quanh nó là một vết bầm lớn nhưng nó không bị sưng kiểu bị nhiễm trùng. Cậu lúng túng thay lớp băng gạc - vết thương rất khó với tới - và chấm thêm ít Betadine lạnh ngắt lên đó.

Bây giờ, sau một chuyến xe buýt khác, cậu đang đi bộ với cái đầu cúi gằm trên vỉa hè ở Flushing, Queens. Cậu đã tìm được nơi muốn tìm, một cửa tiệm kim hoàn bán lẻ và bán buôn trên con phố

đông đúc. Cậu bước vào N&B Jewelers và đi thẳng đến chỗ người trông quầy, một cô gái trẻ, tròn trịa người Nam Á.

“Ông Nouri có đây chưa?”

“Ông ấy đang họp.”

“Cô có thể bảo ông ấy là Vimal Lahori muốn gặp không?”

Cô ta liếc bộ quần áo nhàu nhĩ, bám bẩn của cậu và bấm nút gọi vào. Cô ta cúp máy. “Ông ấy sẽ xuống trong năm phút nữa.”

Cậu cảm ơn cô ta và lang thang quanh cửa hàng. Nơi này vừa mới mở cửa - trưa ngày Chủ nhật - và chưa có khách hàng nào, chỉ có một bảo vệ mang súng đang nhìn chằm chằm lên trần nhà.

Vimal nhìn vào các vật trưng bày trên cửa sổ, đằng sau lớp kính dày. Những món đồ trang sức ông Nouri bày ở đó thuộc nhiều kiểu, kích thước và giá tiền khác nhau, mục đích nhằm thu hút những người mua tiềm năng với các sở thích và túi tiền khác nhau.

Vài người đến với N&B để mua viên đá *đặc biệt* đó. Tất nhiên kim cương đính hôn nằm trên đỉnh của tập hợp trang sức này.

Nhưng còn có rất nhiều thị trường khác mà De Beers hoặc các nhà khai mỏ khác nhắm đến: nhẫn kỉ niệm, vòng trang sức tặng con gái sắp sinh em bé, quà sinh nhật tuổi mười sáu ngọt ngào hay hoa tai cho sinh nhật mười lăm tuổi quinceanera, vương miện cho vũ hội tốt nghiệp, hoa cài áo cho bà. Ngành công nghiệp kim cương không ngừng nghĩ ra những lý do mới để bán cho bạn món hàng của nó - như các công ty làm thiệp mừng vậy - và đảm bảo là bạn sẽ cảm thấy khá tội lỗi nếu bỏ qua những dịp ấy. Vimal sẽ thường nhìn vào các tài liệu gửi qua bưu điện mà ông Patel nhận được từ những

công ty kim cương danh tiếng với những ý nghĩ chua chát mệt mỏi. Chúng luôn gợi ý cho nhà bán lẻ những cách tiếp cận mới với người mua, chẳng hạn như nhẫn đính hôn cho những cặp đôi đồng tính. “Những chuẩn mực cũ đã ‘biến mất’” một tờ quảng cáo tuyên bố nhiệt thành. “Hãy gợi ý là *cả hai* người đều có thể đeo nhẫn đính hôn để báo hiệu về sự kết đôi sắp tới của họ… và tăng gấp đôi doanh số của bạn với mỗi cuộc hôn nhân!”

Hay là “Kim cương Bằng cấp”: “Cô bé làm bạn tự hào với một tấm bằng cử nhân; hãy cho cô bé thấy thành tựu của cô có ý nghĩa với bạn nhiều đến mức nào!”

Có lần cậu còn nói đùa với Adeela là ngành này chẳng mấy chốc sẽ nghĩ ra “kim cương đám ma” để chôn cùng với người ta, mặc dù sau những sự kiện của ngày hôm qua, ý tưởng này đã không còn buồn cười nữa.

Cậu thấy một cánh cửa mở ra ở cuối phòng trưng bày và Dev Nouri bước ra. Ông ta là một ông già hói đầu, to béo trạc năm mươi lăm tuổi. Một chiếc kính lúp đang nằm trên đầu ông - loại kính phóng to mười lần quen thuộc đã thành tiêu chuẩn trong ngành này. Mắt kính đang chĩa lên trên. Ông ta lạch bạch tiến tới và cả hai bắt tay.

Ông chủ cửa hàng nhìn quanh bằng vẻ mặt lo lắng, và Vimal nhận ra có thể ông ta đang lo ngại Người hứa hẹn theo đuôi cậu.

Ngớ ngẩn. Nhưng cả Vimal cũng nhìn ra ngoài cửa sổ.

Cậu không trông thấy ai có thể là tên sát nhân. Nhưng vẫn mừng khi ông Nouri nói, “Đi lên gác nào.”

Họ đi bộ vào hành lang và ông Nouri dùng bảng quẹt vân tay ngón cái để mở cánh cửa sắt dày. Họ đi qua cửa này và trèo lên tầng hai, ở đó có văn phòng, xưởng cắt và đánh bóng của ông. Cha Vimal từng kể với cậu rằng các thợ cắt ở Surat, Ấn Độ tạo ra những chiếc Honda; còn ông Patel làm ra Roll-Royces. Những viên đá của ông Nouri thì tương đương với hạng BMW.

Họ bước vào văn phòng bừa bộn của ông Nouri và ngồi xuống. “Giờ thì kể cho ta. Cậu đã ở đó hả? Khi Jatin bị giết ấy?”

“Cháu đã ở đó, vâng. Mặc dù cháu chạy thoát.”

“Kinh khủng quá! Chị gái của Jatin… con cái ông ấy. Hẳn họ buồn lắm!”

“Vâng. Rất kinh khủng. Chuyện thật khủng khiếp.” Vimal xoay chiếc vòng tay bằng vải của Adeela một cách bồn chồn. “Ông Nouri. Cháu cần giúp đỡ.”

“Từ ta ư?”

“Vâng. Bố mẹ cháu và cháu nghĩ tốt nhất cháu nên rời thành phố này một thời gian. Họ đã cho cháu số tiền họ có thể. Nhưng cháu cần thêm. Cháu hi vọng ông có thể giúp.”

Ông Nouri không nhận ra câu nói dối. Có vẻ như ông ta bận lòng hơn với những yêu cầu tiềm tàng về tài chính. “Ta ư? Ta làm gì có…”

“Cháu không hỏi vay. Cháu có thứ để bán.”

“Hàng của ông Patel ư?” ông ta có vẻ nghi ngờ.

Đây là lí do Vimal đã không đi gặp cảnh sát. Những viên đá này đúng là của ông Patel. Họ sẽ tịch thu chúng làm bằng chứng, còn

cậu thì cần chúng đến tuyệt vọng. Thậm chí họ có thể bắt giữ cậu vì tội trộm cắp.

Nhưng Vimal vẫn thành thật nói, “Nó không phải của khách hàng. Vâng, nó là của ông Patel. Nhưng ông ấy nợ cháu một tháng lương. Giờ cháu sẽ chẳng bao giờ thấy được chỗ tiền ấy nữa.” Vimal đưa ra một trong những viên đá nằm trong chiếc túi cậu đang cầm khi bị bắn. Nó chính là chú chim tháng Giêng.

“Nhưng cái này là gì? Kimberlite à?”

“Vâng.”

Ông Nouri cầm viên đá từ tay Vimal. Ông gạt kính xuống và nghiên cứu nó. “Ta chưa bao giờ thấy viên nào cả.”

Kimberlite là loại quặng thô mà từ đó phần lớn kim cương trên thế giới được tách ra. Khoáng vật này được đặt tên theo thị trấn Kimberley ở Nam Phi. Tại đây, vào cuối những năm 1800, người ta đã tìm thấy viên Ngôi sao Nam Phi, một viên đá nặng tám mươi tư cara đang lẫn trong một mạch kimberlite. Đó là thời điểm khởi đầu của cơn sốt kim cương đầu tiên trên thế giới.

Nhưng kim cương thô thường được lấy ra ngay từ mỏ, và kimberlite bị vứt đi, nên những người ở gần cuối chuỗi sản xuất hiếm khi, nếu không phải là không bao giờ, trông thấy viên đá sản sinh ra những viên kim cương mà họ làm.

Chiếc kính lại được lật lên. “Cậu muốn bán nó?”

“Vâng. Làm ơn hãy giúp cháu.”

“Nhưng ta sẽ làm gì với nó?”

Vimal đưa viên đá ra dưới ngọn đèn. “Nhìn này. Ông có thấy các tinh thể không. Chúng là kim cương. Tách chúng ra. Rồi cắt và bán chúng. Bên trong chắc có tới vài viên thô to. Nhìn vào cái này xem.” Cậu chỉ vào một chấm lấp lánh ở cạnh viên đá. “Nó có thể đáng giá hàng ngàn.”

Ông Nouri cười lớn. “Cậu có biết kim cương được tách ra từ kimberlite thế nào không?”

“Cháu hiểu là nó rất phức tạp.” Đầu tiên viên đá bị nghiền nát dưới áp lực đủ để đập vỡ kimberlite mà không làm nát kim cương. Rồi những mẩu có đính kim cương sẽ được đổ vào những chiếc thùng chứa nước và xử lý bằng cát ferrosilic. Đó là một quy trình rất dài.

“Đúng vậy. Và ta không có dụng cụ. Cũng chẳng biết ai có. Ta sẽ phải gửi nó đến Canada. Nhưng không có mỏ nào chịu nhận một viên đá nhỏ thế này cả. Họ xử lý đến hàng tấn mỗi lần ấy.”

Cậu cảm nhận nỗi tuyệt vọng và cả sự thất vọng đâm xuyên qua người. “Nhưng…”

“Vimal, ta rất tiếc. Ta có thể cho cậu mượn một trăm đô la.”

Vimal khẽ nhắm mắt. Vai cậu chùng xuống. Cậu nhìn đăm đăm vào viên đá, xoay nó tới lui trong tay mình. Có những chấm sáng nhỏ xíu, kim cương thô. Cậu cho là ông Nouri đã nói đúng: Quá trình tách nhân chỉ đem lại lợi nhuận nếu làm ở quy mô lớn.

“Không, cháu không muốn vay mượn. Cảm ơn ông.” Cậu nhét viên đá vào túi.

Cậu định quay đi nhưng ông Nouri lại nói với ánh mắt thông cảm, “Chờ đã. Ta nói thế này nhé. Cắt một viên cho ta. Ta sẽ trả cậu một ngàn.”

Việc ấy chẳng giúp được nhiều khi bắt đầu một cuộc sống mới. Nhưng cậu đang tuyệt vọng. “Vâng, làm ơn. Nhưng cháu không có nhiều thời gian.”

“Việc này không lâu đâu. Với vài người thì có. Với cậu thì không. Đi với ta.”

CHƯƠNG 18

“Tôi tưởng họ đã chết rồi, Rhyme.”

“Ai cơ?”

Sachs nói, “Mikey O’Brien. Emma Sanders.”

“Lại nhé, ai cơ?”

“Cặp đôi ở Gravesend.”

“Chết ư?”

Cô vừa về từ hai hiện trường: nhà Weintraub ở Queens và vụ tấn công ở Brooklyn. “Anh đã nói là các nạn nhân.”

“Tôi chỉ nghe cảnh sát khu vực bảo có một vụ bắn nhau. Hai nạn nhân, đội trưởng bảo tôi như vậy. Điều gì đó về chuyện thủ phạm đi theo họ từ một cửa tiệm trang sức.”

“Không phải, từ chỗ người đặt tiệc cưới.”

“À.”

Sellitto gật đầu với cô. Anh ta đang nghe điện thoại của các cảnh sát đi thẩm vấn ở Gravesend để tìm nhân chứng trông thấy thủ phạm. Viên thanh tra cầm điện thoại bằng một tay còn tay kia cầm chiếc bánh quy bơ. Anh ta bẻ cái bánh làm đôi rồi ăn nửa đầu tiên trước, sau đó, dường như đã đầu hàng nỗi cám dỗ, anh bắt đầu gặm nốt nửa còn lại.

Rhyme chẳng mấy để tâm đến việc lập hồ sơ tâm lý. Ngược lại, Sachs tự nhận mình là loại cảnh sát thiên về tìm hiểu con người và

cảm thấy cơ chế tâm thần của tội phạm cũng rất hữu ích trong việc tìm ra chúng. Anh không hoàn toàn đồng ý với cô nhưng vẫn tôn trọng cô. Anh cũng tò mò về chuẩn đoán kia.

Điên rồ…

Cô giải thích với Rhyme và Cooper điều mà hai nạn nhân đã nói về cuộc trốn thoát của họ, việc tay họ bị trói nhưng chân thì không. Mikey đã đá thủ phạm và họ bỏ chạy. Hắn bắn một lần nhưng trượt. Đến lúc hắn bắt đầu đuổi theo họ, cô gái đã thoát ra ngoài và gào thét. Nghi phạm 47 đã không nán lại lâu mà chạy thoát qua cửa sau.

“Chắc chắn là cậu bé của chúng ta à?” Rhyme hỏi.

“Ồ, đúng vậy. Không nghi ngờ gì nữa: Nghĩ phạm 47 và Người hứa hẹn chỉ là một mà thôi. Ngay trước khi hắn định cắt lìa ngón tay cô gái, hắn giải thích tại sao lại giết cặp đôi ở cửa hàng Patel.”

Sau khi cúp máy, Sellitto nhìn lên. “Lại thoát ở Gravesend rồi. Báo cáo thẩm vấn không có gì cả.”

Rhyme nhún vai trước tin tức đáng thất vọng, rồi bảo viên thanh tra rằng Sachs đã xác nhận nghi phạm của họ thực sự là Người hứa hẹn.

Chuông cửa reo và Thom ra mở. Anh ta quay lại cùng Edward Ackroyd, chuyên viên tính toán bảo hiểm. Thom đón lấy chiếc áo khoác màu be từ ông ta - vì ông ta là người Anh, Rhyme nghĩ nó giống như một chiếc áo choàng, dù anh không biết người Anh có dùng cách gọi ấy không hay đã từng gọi như thế bao giờ chưa. “Trà nhé?” viên trợ lý hỏi.

Người đàn ông mỉm cười - có lẽ đã phán đoán trước về lựa chọn đồ uống của anh trợ lý - và từ chối, thay vào đó ông ta hỏi về cà phê.

“Túi lọc? Cappuccino?”

Ackroyd chọn loại sau.

Trợ lý treo áo khoác của ông ta lên và quay vào trong bếp.

“Cảm ơn vì đã đến,” Sellitto nói.

“Tất nhiên rồi.”

“Không biết ông đã xem tin tức chưa. Nghi phạm của chúng ta có một nhân chứng. Tên ông ta là Saul Weintraub. Ông ấy đã bị bắn chết.”

“Ôi không.” Ackroyd thở dài. “Ông ta có cơ hội nói gì trước khi chết không?”

Sachs nói, “Không nhiều. Chỉ bảo là ông ta không thân với Patel lắm. Tôi đã cử một chiếc xe tới đón ông ta, để thẩm vấn thêm. Nhưng…” Khuôn mặt nhăn nhúm của cô xác nhận kế hoạch này đã thất bại thảm hại thế nào.

“Làm sao nghi phạm tìm được ông ta?” Ackroyd thắc mắc.

Sellitto nói, “Chúng tôi nghĩ hắn có được tên ông ta bằng cách tra tấn Patel. Nhưng không có địa chỉ. Có rất nhiều Saul Weintraub trong thành phố này. Hắn đã điều tra một chút và lần ra được ông ta. Giờ còn một nhân chứng thứ hai mà chúng tôi chắc chắn là hắn đang lần theo. Chúng tôi nghĩ tên viết tắt của người đó là VL. Cậu ta còn trẻ, người Ấn Độ, có thể là trợ lý hoặc thợ học việc của Patel.

Chúng tôi đang hi vọng ông có thể giúp chúng tôi tìm cậu ta. Trước khi nghi phạm tìm thấy."

Sachs nói với Cooper, "Mở hình ảnh ra."

"Băng ghi hình an ninh. Ngay sau khi cậu ta trốn thoát."

Ackroyd nhìn vào hình ảnh mờ tịt ở cổng nhận hàng, nheo mắt nhìn gần hơn. "Đầu hoặc giữa tuổi hai mươi. Không cao lắm. Khoảng một mét sáu hoặc mét bảy. Gầy. Người Nam Á."

"Tôi đang nghĩ," Rhyme nói, "ông sẽ phải giữ bí mật. Có lẽ không nên nhắc đến tên viết tắt này khi dò hỏi. Chỉ cần hỏi về thợ học việc của Patel thôi."

Người Anh gật đầu. "Vâng, tất nhiên rồi, đề phòng nghi phạm liên lạc được với một trong các đầu mối của tôi."

"Có một điều nữa ông nên biết," Sachs nói. "Hắn vừa mới tấn công một cặp đính hôn khác - ở Gravesend. Khu ngoại ô Brooklyn."

"Chúa nhân từ, thật sao?" Ackroyd hỏi, thực sự ngỡ ngàng. "Sớm như thế sau vụ Weintraub ư? Có ai chết không?"

"Không. Họ sống sót. Không bị thương nặng."

"Thật vậy sao?" Khuôn mặt người đàn ông người Anh nhăn lại. "À, tốt lắm. Tốt cho họ, tất nhiên rồi. Và cho chúng ta nữa. Họ có gì để nói không?"

Rhyme liếc sang Sachs, cô nói, "Chính điều đó đã đưa tôi đến chỗ nhận xét: hắn bị điên. Tôi nghĩ chúng ta đã có động cơ của hắn. Và nó chẳng liên quan gì đến chuyện cướp mấy viên kim cương thô để bán cả. Hắn đang cất chúng."

Ackroyd gật đầu. “Cất trữ? Không phải chuyện khác thường lắm. Kim cương là khoản đầu tư chắc chắn và cách phòng ngừa lạm phát.”

“Không, không. Ý tôi là, giống như giải cứu một loài gặp nguy cơ tuyệt chủng vậy: giữ những viên kim cương tránh xa khỏi nhà máy chế tác nhẫn đính hôn. Hắn ăn cắp viên đá thô để giữ cho nó thuần khiết. Họ kể rằng hắn đã luyên thuyên về chuyện kim cương là trái tim của quả đất như thế nào và rằng cắt chúng ra cũng giống như cưỡng đoạt hay giết chết chúng vậy.”

Điên rồ…

Thom xuất hiện cùng một chiếc cốc và Ackroyd nhận lấy nó. Ông hớp một ngụm cà phê và khen ngợi viên trợ lý vì món đồ uống. Sau đó ông ta lắc đầu. “Giải cứu kim cương. ‘Trái tim của Trái Đất.’ Nghìn năm có một đấy. Vẫn luôn có những kẻ thần tượng kim cương nhưng lúc nào cũng là vì giá trị của chúng. Họ nghĩ rằng nếu có một cuộc chiến tranh hạt nhân hay nổi dậy nào đó thì họ sẽ có kim cương làm vật phòng thân. Cứ như thể sau cuộc đại thảm sát bằng hạt nhân thì điều đầu tiên con người muốn có sẽ là những món trang sức lòe loẹt vậy.”

Sachs nói thêm, “Và có vẻ hắn đã cố ý nhắm vào Patel. Hắn nhắc tới “người Ấn” mà hắn đã giết ngày hôm qua. Lão đã phản bội dân tộc mình, hắn nói vậy.” Sachs lật giở các ghi chép của mình. “Điều gì đó về chuyện kim cương là vật thiêng ấy.”

“Theo người Ấn Độ cổ đại, vâng, đó là sự thật. Với họ cắt kim cương là một tội chết. Người Hi Lạp và La Mã đã khởi xướng cắt và biến chúng thành đồ trang sức, nhưng chẳng bao lâu sau người Ấn

Độ cũng gia nhập. Không ngạc nhiên khi giá trị tinh thần của những viên đá quý chỉ đứng hàng thứ hai so với giá trị thương mại và sự phù phiếm.” Ackroyd dường như trầm ngâm hẳn… rồi có vẻ khó hiểu. Ông ta hỏi, “Hắn có ám chỉ chỗ để những viên thô không? Nơi hắn sống? Bất kì điều gì khác về hắn?”

“Không có gì. Chỉ toàn là đe dọa và lảm nhảm. Họ có cho tôi vài chi tiết. Mắt hắn màu xanh nhạt. Trọng âm người nước ngoài nhưng có vẻ như hắn cố giấu nó, bằng cách nói giọng Anh-Mỹ. Ngữ pháp của hắn thì, tôi nói nguyên văn nhé, “lộn xộn”. Hắn hút thuốc. Họ ngửi thấy mùi đó. Và hắn có một vũ khí mới, hay chính là cái thứ hai. Một khẩu súng lục. Mikey biết về súng. Và tôi đã đào vỏ đạn ra khỏi bức tường. Bị hư hại nhưng không tệ lắm. Tôi chắc chắn đó là một khẩu ba tám.”

Sellitto nói, “Hắn đã vứt áo khoác sau khi giết Weintraub. Có thể đã ném khẩu Glock vào một thùng rác ở đâu đó. Hoặc một ống cống khác.”

“Tôi sẽ cử đội EC của Queens đi kiểm tra các đường cống khác,” Sachs nói và gọi sang trụ sở đội Hiện trường để sắp xếp.

Sachs và Cooper quay sang phân tích bằng chứng từ vụ tấn công ở Gravesend.

Các dấu vân tay cho kết quả không khả quan. Sàn nhà lót thảm nên cô không thể chụp ảnh dấu chân. Cooper lập hồ sơ dư chất thuốc súng từ các đồ đạc gần nơi thủ phạm đứng khi hắn nổ súng. Sachs cũng thu thập vài vật có nhiều khả năng đã liên quan tới thủ phạm hơn là Mikey và Emma, hoặc những vị khách ghé thăm căn hộ gần đây: những sợi vải thun màu đen, vài mẩu vụn món thịt bò

xay và hai sợi tóc vàng. Tóc cùng với những miếng thấm mọi bề mặt hung thủ từng đứng gần đều được gửi tới phòng thí nghiệm chính để kiểm tra ADN.

Bản phân tích lời nhắn của Người hứa hẹn được gửi đến. Không thể truy theo cuộc gọi và chiếc điện thoại ẩn danh kia được mua bằng tiền mặt. Kết quả kiểm tra nhanh phát hiện ra câu đầu tiên được lấy từ một trang web kiến thức kiểu như Wikipedia.

> “Khái niệm đính hôn dựa trên một lời hứa ràng buộc người đàn ông phải cưới hôn thê của anh ta. Giờ ta cũng có lời hứa. Ta sẽ tìm MI, ta sẽ tìm ở khắp nơi. Cứ mua nhẫn, đeo vào ngón tay xinh đẹp nhưng ta sẽ tìm ra mi và mi sẽ đổ máu vì tình yêu của mình.”
> - Người hứa hẹn

Vì hắn trích nguyên văn câu đầu tiên, cách dùng từ và đặt câu không nói lên điều gì về hắn. Phần còn lại, giả thuyết là do nghi phạm tự nghĩ ra, chỉ đưa lại vài thông tin vụn vặt, về cơ bản là những điều mà Sachs đã khám phá ra: Tiếng Anh có thể không phải là tiếng mẹ đẻ của hắn - việc thiếu mạo từ hoặc từ bổ nghĩa (không phải “mua chiếc nhẫn đó*“) là cách nói điển hình của vài ngôn ngữ nước ngoài. Việc tách từ “mọi nơi”* thành hai từ cũng củng cố nhận định này, hay việc không viết tắt - chẳng hạn với “ta đang*” hay “ta sẽ*“.

Trong cơ sở dữ liệu NCIC*, hay bất cứ dữ liệu nào họ tiếp cận được, không có hồ sơ nào có hành vi tương tự như nghi phạm.

Ở bản gốc, nghi phạm đã viết là ‘Buy ring’ thay vì ‘Buy the ring’

Ở bản gốc, nghi phạm đã viết là ‘every where’ thay vì ‘everywhere’

Ở bản gốc, nghi phạm viết ‘I am’ thay vì viết tắt là ‘I’m” như người bản xứ hay viết

Ở bản gốc, nghi phạm viết là ”I will” thay vì viết tắt là “I′ll″ như người bản xứ hay viết

NCIC là viết tắt của National Crime Information Center, tạm dịch ‘Trung tâm thông tin tội phạm quốc gia’

“Người hứa hẹn,” Ackroyd lẩm bẩm. Trông ông ta như thể đang ước gì mình gặp một vụ đời thường hơn. Đặt cốc cà phê đã cạn xuống, ông đi đến chỗ mắc áo và mặc áo khoác vào. “Tôi sẽ xem mình có thể tìm được anh chàng VL lẩn lút này không. Chưa có ai đưa cho các vị manh mối nào à?”

“Không một người nào,” Sellitto nói.

Người Anh ra về. Rhyme kể cho Sachs nghe về tấm thẻ đi tàu xe và nhắc lại kết luận của họ rằng Nghi phạm 47 đã ở một công trường đối diện với ga tàu điện ngầm hai ngày trước - hoặc để đi tắt nhằm tránh các camera trong tòa nhà của chính phủ ở Cadman Plaza, hoặc, nhiều khả năng hơn là đi gặp ai đó tại công trường, có thể là một công nhân có mối liên hệ với thế giới ngầm để mua một khẩu súng mới, cỡ đạn .38.

“Tôi sẽ xuống đó xem xét. Chủ nhật thì Chủ nhật, ít nhất vẫn có bảo vệ.” Sachs lấy áo khoác và đi ra cửa.

Sau khi cô đi, Sellitto nhận được một cuộc gọi và nói chuyện một lát. Anh ta cúp máy. “Đoạn CCTV ngay trước khi anh chàng của

chúng ta lên tàu điện ngầm. Hắn bị bắt gặp đi trên phố Hick, gần Pierrepont, cách đó hai dãy nhà. Đội mũ cứng và mặc áo dạ quang.

Chỉ đi bộ thôi. Một mình. Họ chỉ thu được có thế. Nhưng giờ hắn đã bị ghi lên hệ thống, gắn với địa điểm đó. Nếu hắn xuất hiện trở lại chúng ta sẽ được báo ngay."

Rhyme gật đầu và lăn chiếc xe quay lại tấm bảng. Các mục trên đó cung cấp vài hướng đi, phần nào hữu dụng. Nhưng cái cảm giác không hài lòng một cách khó chịu mà anh đang có như một cơn sốt dai dẳng, nó nói với anh rằng vấn đề không phải là câu trả lời quá khó tìm, mà anh bắt đầu nghĩ họ đã không đặt ra đúng câu hỏi.

Chính lúc đó điện thoại của anh vang lên tiếng tin nhắn. Anh nhìn qua màn hình.

"Thom?" anh hét.

"Tôi ra ngay..

"Mang xe tải ra."

"Đây. Xe tải á?"

"Phải. Mang. Xe. Ra."

Sellitto nhìn anh. "Có manh mối à?"

"Không. Đây là chuyện khác."

CHƯƠNG 19

Chà, một vấn đề.

Vimal Lahori đang ngồi đối diện ông Nouri bên bàn của người nghệ nhân, trong văn phòng trên tầng hai của N&B Jewelry. Trái tim cậu đập mạnh, hơi thở dồn dập.

Cậu cần tiền. Nhưng có chút trục trặc.

Cậu đang nhìn chằm chằm vào viên kim cương vừa được lấy ra khỏi cái phong bì cứng, viên kim cương mà ông Nouri thuê cậu cắt.

“Ra gì phết, đúng không nào?” người đàn ông thì thầm.

Vimal chỉ có thể gật đầu. Cậu gạt kính lúp xuống và nghiên cứu viên đá dưới ánh sáng sắc nét từ ngọn đèn bàn. Lật qua lật lại mãi.

Kim cương thô trong tự nhiên có vô số hình dạng. Phổ biến nhất là hình bát giác - về cơ bản là hai kim tự tháp áp đáy vào nhau. Chúng sẽ được cắt thành những kim tự tháp riêng rồi từng viên được cọ sát - mài với một viên kim cương khác hoặc dùng dao laze. Những viên này sẽ trở thành kim cương hình tròn: cách cắt phổ biến nhất, tạo nên hàng ngàn hàng vạn những viên đá trong nhẫn, hoa tai, trâm cài và vòng cổ trên khắp thế giới. Đường cắt này sẽ cho ra khoảng năm mươi bảy tới năm mươi tám cạnh; một thế kỷ trước nó đã được Marcel Tolkowsky sáng tạo ra, ông ta là một trong những nghệ nhân kim cương nổi danh nhất từng sống. Ông áp dụng hình học vào việc thiết lập tỉ lệ lý tưởng cho hình dạng kim cương.

Nhưng các hình dạng khác ngoài bát giác cũng hay được tìm thấy: tinh thể đôi tam giác, khối lập phương, tứ diện và những hình phức tạp hay không cân xứng khác. Những viên này được dùng cho các đường cắt “hoa mỹ” - bất kỳ cái gì không phải là kim cương tròn. Bầu dục, trái tim, bo góc, quả lê, ô van, khối hình chữ nhật xếp tầng và dạng cắt công chúa* thời thượng gần đây.

Chú thích: dạng cắt kim cương “công chúa” là dạng chữ nhật nhọn góc.

Viên đá Vimal phải cắt có hình thuôn dài phức tạp - hình chữ nhật có một đầu tròn. Như tất cả những viên thô khác, nó không trong suốt mà hơi đùng đục; chỉ sau quá trình cắt và đánh bóng thì kim cương mới trở nên trong trẻo. Nhưng chúng ta vẫn có cách để xếp hạng một viên kim cương ở giai đoạn này khá chính xác và Vimal biết khi hoàn thành xong, viên đá này sẽ được đánh giá độ trong cấp độ G không màu, bảng VS1 - khiếm khuyết rất nhỏ, tức là vài khiếm khuyết của nó sẽ vô hình khi nhìn bằng mắt thường. Một viên đá siêu cấp.

Vimal liếc nhìn ông Nouri rồi nhìn vào kế hoạch - hình ảnh đồ họa của viên kim cương trên màn hình máy tính bên cạnh họ, nó cho thấy làm thế nào để cắt viên đá hiệu quả nhất.

Thông thường một viên thô sẽ được cắt thành hai đến ba mẩu và các thuật toán được xây dựng trong nhiều năm sẽ cho ra những bản kế hoạch khá chính xác để hoàn thành chúng.

Vì viên kim cương này khá to - nặng bảy cara - với hình dạng khác thường, phần mềm hoạch định đã cho ra các bản hướng dẫn để cắt nó thành bốn mẩu, tạo ra năm viên kim cương độc lập, mỗi

viên lại được định hình cho một giác cắt tròn. Ông Nouri đã vẽ các đường cắt bằng bút dạ đỏ trên chính viên đá.

“Nhưng cậu có thể vẽ lại,” Ông Nouri nói, đưa chiếc bút ra. “Thấy không? Đây là lí do vì sao ta cần cậu, Vimal. Không có chỗ cho sự sai sót. Chỉ một sai lầm cũng làm giảm một phần tư giá trị của những viên đá thành phẩm. Có khi còn hơn thế. Ta không làm được. Mấy người làm cho ta cũng không làm được.”

Vimal nâng viên đá lên sát mặt lần nữa, gạt chiếc kính lúp xuống. “Miếng vải. Cho cháu một miếng vải ẩm nào.”

Ông Nouri đưa cho cậu một miếng gạc hình vuông - giống cái Adeela đã dùng để trị thương cho cậu. Nghệ nhân kim cương thấm ướt nó rồi giơ lên. Vimal dùng miếng gạc lau sạch các đường vạch đỏ và một lần nữa ngắm nghía viên đá thật kĩ.

Michelangelo từng viết, *Mọi viên đá đều có sẵn một bức tượng bên trong nó và nhiệm vụ của người tạc là khám phá ra nó.* Vimal tin tưởng điều này và với kim cương, nó vẫn đúng như với cẩm thạch hay granit vậy.

Cậu cầm cây bút lên. Mặc dù trái tim đập mạnh, hai bàn tay cậu vẫn vững vàng như viên đá trong lúc cậu vẽ lên nó. Tám đường gọn gàng.

“Đó.”

Ông Nouri nhìn chằm chằm. “Cái gì đây?”

“Đường cắt.”

“Ta không hiểu ý cậu.”

“Đây này.” Cậu chỉ các đường kẻ.

“Cắt kiểu gì thế này? Ta không nhận ra.”

“Cháu không xẻ viên đá đâu.”

Ông Nouri cười phá lên. “Vimal.”

“Cháu không xẻ.”

Nghệ nhân kim cương trở nên nghiêm nghị. “Nhưng ta đã trả quá nhiều tiền cho nó. Ta cần năm viên mới bù được chi phí.”

“Năm viên kim cương cắt tròn thì cũng giống như năm viên kim cương cắt tròn bất kì nào khác thôi. Chúng chẳng thêm thắt gì được cho thế giới này cả.”

“Thêm thắt cho thế giới,” người đàn ông lẩm bẩm một cách châm biếm.

“Nó phải là một hình bình hành.”

“Hình bình hành ư?”

“Hãy nghĩ về nó như một hình tứ giác nhưng có các cạnh song song.”

“Ta biết hình bình hành là gì. Ta đã học toán ở trường đại học đấy. Chỉ có điều nó không có chỗ trong ngành cắt kim cương. Làm gì có thị trường cho nó.”

“Ông sẽ không bao giờ bắt gặp một viên như thế này lần nữa đâu,” Vimal nói.

Ông Nouri nhún vai kiểu, Thế thì sao?

“Không, cháu sẽ không tách nó ra. Cháu chỉ cắt hình bình hành thôi.”

“Ta sẽ tìm người khác vậy.”

“Vâng, cháu chắc chắn ông sẽ tìm được.”

Vimal đặt viên đá xuống và đứng dậy.

Một nụ cười rầu rĩ lướt qua mặt ông Nouri. “Ta sẽ trả cho cậu hai ngàn để tách viên đá như ta đã định.”

“Không.”

“Hai ngàn năm trăm.”

Vimal đã quay đi. Rồi cậu dừng lại và cúi xuống, khuôn mặt sát gần mặt ông già. Cậu thì thầm, “Hãy mạo hiểm.”

Và cậu nghĩ: Với bố thì sao nhát thế, ở đây lại liều thế.

“Cái gì?” Ông Nouri hỏi.

“Cháu biết công việc của ông. Cháu biết những gì con trai ông và các thợ cắt khác làm ra ở đây. Chúng đều rất tốt. Ông tạo ra những viên kim cương mà khách hàng yêu thích - các cặp vợ chồng mới cưới, những người vợ, người chồng và cha mẹ, ông bà. Ông làm họ hạnh phúc. Và ông có thể làm họ vui hết lần này đến lần khác - với hàng ngàn những viên kim cương tròn khác. Nhưng viên này, chỉ với một viên đá này, hãy làm điều gì đó khác biệt.”

“Làm ăn là làm ăn, Vimal.”

Phải, chắc chắn rồi, chàng trai nghĩ. “Cháu nên đi.”

Khi Vimal còn cách cánh cửa tầm mét rưỡi, ông Nouri gọi, “Chờ đã.”

Cậu ngoảnh lại.

“Cậu nghĩ đây là đường cắt tốt nhất rồi à?”

“Nó là đường cắt mà viên đá này xứng đáng có, cháu không thể nói gì hơn thế.”

Ông Nouri lắc đầu như đang cố xử lý câu nhận xét này. Rồi ông đưa tay ra.

Vimal hỏi, “vẫn hai ngàn rưỡi đúng không ạ?”

Một cái gật đầu.

Hai người đàn ông bắt tay nhau.

Vimal hỏi, “Cháu có thể làm việc ở đâu?”

CHƯƠNG 20

“Đã nhận được tin nhắn của anh,” Lincoln Rhyme nói.

Người đàn ông đang nằm trên giường nhìn lên với nụ cười rạng rỡ dù ngắn ngủi. Cả ngạc nhiên nữa.

“Lincoln. Anh đến à. Ý tôi là đến trực tiếp. Tôi chỉ… chỉ muốn nói chuyện. Tôi tưởng là qua điện thoại thôi.”

“Barry.” Rhyme chỉnh xe lăn lại gần hơn.

Chiếc giường phức tạp nằm trong một căn phòng ở sâu trong một quần thể bệnh viện hiện đại ở Mạn Đông khu Midtown. Mất mấy phút anh mới tìm được chỗ này. Quá nhiều mã màu. Chẳng giúp ích mấy.

“Thom.”

“Chào.”

Barry Sales ngọ nguậy một chút bên dưới lớp chăn và ga đã cài chặt. Anh tìm được điều khiển từ xa, bấm một nút và được nâng lên vị trí ngồi nhờ chiếc đệm thủy lực. Người đàn ông đang độ cuối tuổi ba mươi. Nước da anh nhợt nhạt, mái tóc nâu mỏng quẹt.

Đôi mắt anh đầy nghị lực nhưng mỏi mệt.

Rhyme lại chỉnh xe đến gần hơn nữa. Cả hai gật đầu chào nhau và Rhyme không thể không cười trước sự trớ trêu này, Sales cũng công nhận bằng nụ cười của chính anh. Nhà tội phạm học đã không

thể bắt tay Sales vì chi duy nhất còn hoạt động của anh là tay phải. Anh không dùng được tay trái.

Mà Sales lại chỉ còn tay trái sau vụ đấu súng đã suýt giết chết anh.

Rhyme nhìn quanh phòng. Anh tuyệt đối không muốn ở đây. Không có lấy một mẩu ký ức nào về các cơ sở y tế mà không làm Lincoln Rhyme đau lòng, hay khổ sở, kể từ tai nạn nhiều năm về trước. Đã có sự nhượng bộ, sự dồn nén phũ phàng với các kỷ niệm, và cả sự chấp nhận bất lực. Nhưng cả đời này anh sẽ trốn tránh bệnh viện nếu được chọn.

Nhưng đây không phải là việc để lựa chọn.

Sales từng là đồng nghiệp của anh nhiều năm trước khi Rhyme còn đang phụ trách hoạt động khám nghiệm hiện trường cho NYPD.

Sales từng là một ngôi sao. Anh ở lại hiện trường, kẻ ô bàn cờ hàng giờ liền sau khi mọi cảnh sát khác đã từ bỏ nó.

Rhyme đã không vui khi Sales quyết định chuyển sang công tác điều tra tổng thể… nhưng anh vẫn theo dõi sự nghiệp của người đàn ông này và biết rằng, ở tuổi đời còn rất trẻ, anh đã vươn tới vị trí cao trong phòng Trọng Án, rồi rời NYPD và dẫn dắt một sở cảnh sát ở ngoại ô trưởng thành xuất sắc.

Rhyme nói, “Họ có rượu trong này không nhỉ?”

“Chúa ơi, Lincoln,” Sales nói. “Chẳng bao giờ thay đổi.”

“Đặt giả thiết sau một ly. Phân tích khi tỉnh táo.”

“Buồn thay,” Sales nói, “phục vụ quầy rượu của bệnh viện hôm nay nghỉ phép.”

“Sa thải thằng khốn đó đi.” Rhyme gật đầu với Thom, người đưa ra hai chai trà đá. Đúng hơn là *đính nhãn* trà. Thứ nước bên trong có màu vàng đáng ngờ hơn, chẳng hạn trông giống loại whisky đơn cất. Trợ lý đặt một chai lên bàn cạnh giường và mở chai kia.

“Chết tiệt,” Sales nói. “Tôi có lái xe đâu.” Rồi giọng anh bị nghẹn và phải vật lộn để kìm nước mắt. “Cứt thật đấy. Thế này kỳ quặc quá.”

“Từng bị rồi,” Rhyme nói.

Thom rót hai cốc từ chai đã mở và đưa cho họ. Anh ta rút lui về một góc, ngồi xuống kiểm tra tin nhắn.

Hai người đàn ông nhấm nháp whisky và cẩn thận kéo cốc khuất khỏi tầm nhìn khi một nữ y tá vui vẻ người gốc Philippine ghé vào để ghi các chỉ số. Chị đi ra trong lúc nói, “Ôi ôi, các chàng trai hư. Giấu cho kĩ vào.” Một nụ cười toe toét.

Sales lại hớp thêm rượu. Nhìn vào cái chai.

“Sao anh làm được?”

“Dùng phễu,” Rhyme bảo.

Mất một giây, một cái chớp mắt. Rồi Sales cười phá lên.

“Ý cậu là toàn bộ cái vụ què quặt này hả,” Rhyme nói.

“Ừ, toàn bộ.”

“Cậu có nhớ tôi ghét mấy câu nói sáo rỗng không?”

“Có, đúng là vậy.”

“Nhưng đôi khi chúng cũng hợp. Như cái này: Từng bước một.” Là một người bị liệt tứ chi, với chỗ gãy ở đốt sống thứ tư, Rhyme

phải chịu đựng nỗi đau khổ ở một cấp độ rất khác với Sales. Anh bị liệt từ cổ trở xuống, chỉ có một vài dây thần kinh bị lỗi, mới được tái tạo lại cho phép anh cử động đôi chút ở một ngón tay. Sales mất hẳn cả cánh tay phải ngay dưới khuỷu, còn lại đều hoạt động bình thường.

Nhưng tất nhiên, thật nực cười là các thảm kịch luôn mang tính cá nhân. Dụng cụ đo khí áp của Barry Sales đang so sánh phần đời sau này của anh với cuộc đời trước đây anh từng có khi những viên đạn còn chưa xuyên thủng da thịt. Chứ nó không so chính anh với bi kịch của Rhyme.

“Và rồi sẽ có những con người.” Rhyme hất cằm về phía Thom. Anh ta ngẩng cao đầu, mang nghĩa không muốn ủy mị.

“Làm cậu điên tiết và *khó tính* hết mức có thể.”

“Thôi đi, hai anh chẳng khác nào một cặp vợ chồng lâu năm.” Sales đã từng tới dinh thự vài lần.

“Anh còn có Joan.”

Mặt Sales vẫn hoàn toàn bất động. “Tôi không thể chịu nổi khi ở cùng một phòng với cô ấy. Cô ấy cố hết sức để không nhìn.” Anh hất cằm về phía chỗ từng có một cánh tay. “Tôi đã cố pha trò. Em cho anh mượn một tay được không? Cô ấy đã thực sự bật khóc tức tưởi.”

“Từng ngày một thôi. Sẽ có những con người ở bên anh. Và đây là một con đường dài. Chúa ơi, lạy Chúa, hẳn ba câu sáo rỗng liên tiếp. Tôi cảm thấy không khỏe.”

Sales đã kìm được nước mắt. “Ở đây có nhà tư vấn nào tốt. Anh giới thiệu cho tôi một người sau khi tôi ra viện được không?”

Rhyme nói, “Cái đó tôi thử rồi. Không ăn thua. Họ…” Anh nhìn sang Thom. “Nói thế nào ấy nhỉ?”

“Bỏ chạy.”

Rhyme nhún vai.

“Nhưng *hầu hết* mọi người đều có ích. Tôi có thể lấy cho cậu vài cái tên.”

“Cảm ơn.”

Nhưng Rhyme cảm giác những câu hỏi về việc sống chung với thảm kịch chỉ là bề nổi, là mũi khoan phá băng thôi. Rốt cuộc, Rhyme biết rằng định mệnh sẽ buộc Sales trở nên giống như anh, như hầu hết những bệnh nhân bị thương nặng khác, dù là ở cột sống hay ở nơi nào: Anh ta rốt cuộc sẽ tự nhủ, “Chết tiệt. Ta còn cả cuộc đời để sống.” Chẳng hạn như Rhyme cuối cùng đã chọn cách lờ đi tình trạng của mình hết mức có thể. Anh sống trên đời là để làm một nhà tội phạm học, hết chuyện. Không rền rĩ, không quyên góp, không quảng cáo cho dịch vụ công gì cả, cũng chẳng có sự đúng đắn về chính trị gì ở đây. Nếu phải nhắc tới tình trạng của mình, anh sẽ dùng các từ như là “tàn phế” hay “liệt”. Có lần anh còn lườm cháy mắt ai đó đã nhún nhường nhận xét rằng Rhyme là một ví dụ sáng chói của cộng đồng “tàn mà không phế*“, Rhyme hy vọng cụm từ đó sẽ không bao giờ được đưa vào từ điển Merriam-Webster.

Nguyên gốc “disabled-able”

Không, Sales đã nhắn gọi Rhyme, không phải để hỏi về cách tiếp cận với trị liệu, mà vì một chủ đề hoàn toàn khác.

Giờ anh ta đang đề cập đến chuyện đó.

“Anh đã nghe nói gì về hắn?”

Không có gì nghi ngờ trong chuyện Sales ám chỉ ai.

Kẻ đã bắn anh.

Hắn đã bị bắt và ngay lúc này đang ra tòa.

Sales nói, “Đội của tôi toàn nói vớ vẩn, kể cả đội trưởng. Họ bảo, “Ồ, thằng khốn đang thoát rồi.” Nhưng họ nói nghe có vẻ không chắc lắm.”

Cả trước đây và bây giờ Rhyme đều nổi tiếng là cộc lốc và nóng tính, anh không chấp nhận sự lười biếng hay ngu ngốc. Nhưng anh luôn nói chuyện thực tế.

“Xin lỗi Barry. Từ những gì tôi nghe được, sự việc không rõ ràng lắm.”

Như hầu hết các vụ tương tự, vụ bắn nhau này bất ngờ trở nên rối rắm. Kiểm soát viên đang cố vượt lên một bị đơn nhiều lí lẽ. Và lại còn có tiền.

Anh ta gật đầu. “Anh biết đấy, đối mặt với ai đó là một chuyện. Nhưng chẳng bao giờ trông thấy thằng khốn đó nổ súng. Không thấy được mắt hắn. Như cái lần hung thủ vẫn còn lẩn tại hiện trường ấy. Vụ bắn nhau của Simpson nhiều năm trước. Cái tên điên đó?”

Thi thoảng cũng có một nghi phạm nấn ná hoặc ở gần hiện trường. Đôi khi vì tò mò, đôi khi là vì mong muốn được biết thêm thông tin. Đôi khi chỉ đơn giản vì chúng là bọn khốn muốn tự sát.

Thủ phạm trong vụ Simpson đã trốn trong một buồng đông lạnh trữ thịt sau khi đâm chết ông chủ. Hắn đã bước ra và xả hết cả băng đạn vào một nhân viên hiện trường dưới trướng Rhyme. Anh này hoàn toàn kinh ngạc. Toàn bộ phát súng đều trượt, nhờ một thực tế là thân nhiệt của thủ phạm có lẽ chỉ loanh quanh hai mốt độ - thịt đông lạnh - và bàn tay hắn đang run lẩy bẩy đến độ hắn bắn tuốt chỉ trừ mỗi viên cảnh sát.

Kỉ niệm ấy làm cả hai người đàn ông cùng cười. Thom cũng cười khi Rhyme giải thích cho anh nghe.

“Chúa ơi, tôi muốn bỏ tù gã này.” Sales liếm môi. “Bonnie đã ở đây, chị gái tôi ấy? Tôi bảo chị ấy mang Trudi và George tới. Chị ấy bảo chắc chắn rồi. Nhưng ý chị không phải thế. Ý chị là chị không muốn chúng trông thấy cậu Barry như thế này. Chết tiệt, tôi đã không nghĩ thấu đáo. Chính tôi cũng không muốn chúng trông thấy mình như thế này. Chúng sẽ sợ chết khiếp. Tôi không thể đi xem các trận đấu của chúng. Không thể tới các buổi biểu diễn của chúng.” Anh nghiến chặt răng lại.

Anh hít vào thật sâu. “Tôi hơi mệt. Tốt hơn là nên nghỉ một lát.”

“Tôi sẽ mang xe tải ra cửa trước,” Thom nói. Anh ghi lại địa chỉ email của Sales và nhắc lại với anh ta là anh sẽ gửi tên các nhà vật lý trị liệu và bác sĩ chuyên khoa phục hình.

Rhyme đưa xe tới và nhét chai “trà” Glenmorangie thứ hai vào giường, cạnh cánh tay trái của Sales. Anh định nói gì đó nữa nhưng người đàn ông đã nhắm mắt lại và dụi đầu vào gối. Rhyme liếc thấy giọt nước mắt Sales đã không còn giữ được nữa, anh lùi xe lại một vòng và lăn bánh ra khỏi phòng.

CHƯƠNG 21

Vimal và Dev Nouri đi qua một cánh cửa dày để vào xưởng chính.

Chủ nhật không phải ngày nghỉ với hầu hết các thợ cắt kim cương, do đặc điểm dân tộc và tôn giáo của những người trong ngành này, và hôm nay cũng chỉ là một ngày làm việc khác ở N&B. Tại đây, có bốn thợ cắt người Ấn Độ và một thợ người Trung Quốc đang ngồi tại những bàn quay scaife. Tất cả đều mặc quần suông đen và áo sơ mi cộc tay sáng màu. Độ tuổi của họ khoảng từ cuối hai mươi đến năm mươi, và đều là đàn ông. Vimal biết ở New York này chỉ có hai thợ cắt kim cương là phụ nữ. Câu nói không may mà cậu thường xuyên được nghe là: Làm ra kim cương là việc của đàn ông; đeo chúng là việc của đàn bà.

Một trong các công nhân ở đây là con trai ông Nouri, Bassam, trạc tuổi Vimal. Khuôn mặt tròn trịa của chàng trai trẻ tỏ ra ngạc nhiên khi cậu ta nhìn lên. Cậu ta đặt que cố định của mình sang bên và đứng dậy.

“Vimal! Tớ nghe chuyện ông Patel rồi! Đã xảy ra chuyện gì?”

“Trên bản tin đấy. Chủ yếu là thế. Một vụ cướp.”

“Cậu làm gì ở đây?”

Vimal do dự. “Làm ít việc cho ông già cậu.”

Bassam rõ là bối rối nhưng ông Nouri gật đầu nghiêm nghị bảo con trai quay lại chỗ bàn làm việc và cậu ta lại cầm que cố định lên, hạ kính lúp xuống và bắt đầu đánh bóng một viên đá.

Vimal gật đầu và đi theo ông Nouri tới một bàn chưa có người ngồi.

Không giống trong văn phòng, xưởng của ông Nouri rất sạch sẽ ngăn nắp. Nó cũng được trang bị tốt. Các nhà máy lớn ở Surat, Ấn Độ, nơi cắt tới hơn một nửa lượng kim cương trên thế giới, gần như đã chuyển từ làm bằng tay sang các hệ thống máy vi tính hết. Những cỗ máy 4P tự động thực hiện tất cả bốn công đoạn chế tác: định hình, cắt/tách, mài và cắt giác hay đánh bóng. Ông Nouri cũng có hai chiếc máy giống như vậy, trông chúng giống hệt như những thiết bị công nghiệp của bất cứ ngành nào khác, những chiếc hộp kim loại màu xanh dài một mét tám, cao mét rưỡi và rộng rãi.

Tất nhiên chẳng có phần mềm máy tính nào có thể tạo ra một đường cắt hình bình hành, mà Vimal cũng không để máy tính chen vào bất kỳ công đoạn nào của cậu. Đây sẽ hoàn toàn là tác phẩm bằng tay.

“Ta để cậu làm nhé,” ông Nouri nói, nhưng với giọng không thoải mái và cái liếc nhìn vào viên kim cương như thể ông đang từ biệt một người bạn cũ sắp sửa giong buồm một mình lênh đênh trên Đại Tây Dương.

Vimal gật đầu, không để tâm lắm đến lời ông. Cậu đã lạc lối trong những đường lượn của viên kim cương, mải mê với những dòng kẻ đỏ đánh dấu giác cắt đã định hình.

Tạo hình cho viên đá có nghĩa là vừa phải tách, cắt theo thớ của nó lại vừa xẻ ngang qua nó. Công cụ để làm việc này là một con dao laze màu xanh lục, điều khiển bằng con chuột và một cái cần.

Tuy rất thành thạo các kỹ thuật truyền thống dùng búa, dùi và cưa, Vimal Lahori không gặp khó khăn gì với dao laze, quan điểm của cậu là một nghệ nhân kim cương phải luôn dùng những công nghệ tiên tiến nhất - kể từ cái thời bình minh của ngành kim cương.

Lúc này, cậu trét một chút xi măng lên đầu kia của ống cố định, thực chất giống một cái ống hút lớn. Cậu gắn viên kim cương vào chất kết dính đó, chờ đến khi nó khô hẳn rồi đặt cái ống lên đầu dao laze. Cậu đóng nắp ống, bật thiết bị lên và ngồi trước mặt màn hình vô tuyến cho thấy cận cảnh viên đá. Cậu đặt một tay lên núm điều khiển của con chuột.

Vimal di tâm chuột trên màn hình cho khớp với đường đã đánh dấu, dùng bàn phím và con chuột, cậu bắt đầu quy trình phác thảo hình bình hành cơ bản. Giữa những tiếng rít và thịch, như một chiếc máy quét MRI* của bệnh viện, tia laze bắt đầu đường cắt. Cậu thường phải dừng tay. Sau khoảng một giờ, cậu lấy viên đá đang cắt dở ra, lau sạch và đặt lại nó trên một ống cố định mới, ở một góc khác. Lại tiếp tục cắt. Thêm một lần dừng - để quệt mồ hôi trên mặt và hai bàn tay - và trở lại với nhiệm vụ. Lại thêm một lần đặt viên đá kiểu khác. Khoảng nửa giờ sau, hoạt động cắt và tách ban đầu đã hoàn thành. Viên kim cương đã có dáng một hình bình hành.

MRI là viết tắt của Magnetic Resonance Imaging - Chụp cộng hưởng từ

Vimal lấy nó ra và lau sạch xi măng trên mặt, nghiên cứu nó qua kính lúp. Phải, tốt rồi.

Giờ là lúc đánh bóng, cắt giác kim cương trên viên đá. Nhiệm vụ của Vimal, như tất cả các nghệ nhân kim cương khác, là tối đa hóa ba chỉ tiêu chất lượng cốt lõi của kim cương: độ sáng (sự hắt sáng khi bạn nhìn thẳng xuống viên đá), hào quang (những tông màu cầu vồng phản chiếu ở cạnh kim cương) và sự lấp lánh (những vệt sáng phát ra từ viên đá khi nó được di chuyển).

Vimal ngồi trên chiếc ghế đẩu trước bàn đánh bóng, vốn là một cái bàn vuông rộng khoảng một mét hai, đặt bên trên là bàn xoay scaife - một mặt đĩa bằng sắt nằm ngang có thể xoay ở tốc độ 3000 vòng/phút, các thợ cắt sẽ đưa viên kim cương mài vào vòng sắt này để tạo các mặt giác. Trên tường có cả một cái kệ để các thanh cố định khác nhau - chính là phần giáp để giữ chắc viên kim cương cho quy trình mài này.

Vimal chọn một thanh và đặt viên đá lên trên nó. Rồi cậu khởi động bàn xoay, nó to gần bằng chiếc máy phát đĩa LP cũ mà cha cậu vẫn còn giữ. Dầu, có trộn với bột kim cương, được bôi lên bàn xoay, hai chân trụ của thanh cố định đặt trên bàn làm việc, cậu bắt đầu ấn viên kim cương xuống mặt bàn xoay trong một hai giây, vừa làm vừa nhấc lên để theo dõi quá trình qua một chiếc kính lúp, và tiếp tục mài. Dần dần các mặt giác xuất hiện, đầu tiên là ở phần đai - bên cạnh - rồi đến mặt vương miện và mặt chóp, phần đỉnh và đáy của một viên kim cương.

Mùi dầu ấm - dầu ô liu - sộc lên mặt cậu. Giây phút này, toàn bộ vũ trụ không còn gì ngoài viên đá này. Không còn Adeela, không còn

em trai Sunny, mẹ hay cha cậu, không còn ông Jatin Patel tội nghiệp. Không còn cả những bức tượng của cậu ở nhà, *Ngọn sóng* hay *Ẩn giấu* nữa.

Cậu không suy nghĩ về những tên giết người đang tìm kiếm mình.

Chỉ có viên kim cương này và linh hồn đang dần thành hình của nó chiếm lấy tâm trí cậu.

Khẽ chạm viên đá trên bàn xoay scaife trong một phần giây, nhấc lên, quan sát…

Một lần nữa, một lần nữa, một lần nữa.

Dầu nhỏ giọt, bàn xoay rít lên, những phần nhỏ tí hon của viên đá lẫn vào lớp dầu bôi trơn.

Nghệ thuật mài cắt kim cương chính là việc kháng cự lại ham muốn gây nghiện khi đánh bóng nó quá nhiều. Vì vậy - một tiếng sau hay hai mươi giờ hay mười phút sau; chính cậu cũng không nói được - Vimal Lahori biết rằng công việc đã hoàn thành. Cậu tắt bàn xoay và nó dần trở về trạng thái đứng yên. Cậu ngồi lùi lại. Thở dốc, giật mình ngạc nhiên. Bốn thợ cắt khác đã lặng lẽ rời bàn làm việc của mình và tụ lại sau lưng Vimal để nhìn cậu cắt hình bình hành. Họ đang chụm đầu sát lại. Cậu đã hoàn toàn không nhận ra họ.

Một người tự giới thiệu là Andy hỏi, “Tôi cầm được không?” trong lúc giơ lòng bàn tay ra.

Vimal đưa nó cho anh ta. Andy gạt kính lúp xuống ngắm nghía. “Cậu đã thêm một mặt giác nữa trên phần vương miện. Tôi chẳng nghĩ ra được. Góc bao nhiêu độ vậy?”

“Bảy độ.”

Andy chuyền tay. Những người khác cũng cười và quan sát nó qua kính lúp của họ. Hình ảnh những gương mặt kinh ngạc, gần như tôn kính giống hệt nhau của họ trông rất hài hước.

“Luộc đi,” một người khác nói.

Vimal mang viên đá tới bàn rửa, ở đó cậu luộc nó trong axit để loại bỏ xi măng, dầu, bụi và các vật chất khác bám vào viên kim cương.

Đây có thể là khoảng thời gian rất căng thẳng. Bạn có thể nghĩ là viên đá của mình đã được cắt hoàn hảo - chỉ đến lúc này mới phát hiện ra xi măng hay dầu đã che mất một lỗi lầm nào đó. Vimal thì không bao giờ lo ngại về điều này. Ồ, trong khoảng tám năm cắt kim cương của mình, cậu đã từng phạm lỗi. Đã làm hỏng vài viên đá (và bị ông Patel hay cha cậu quát mắng). Nhưng cậu sẽ biết ngay lập tức khi việc cưa xẻ hoặc đánh bóng có trục trặc gì. Viên đá này không có một lỗi nào hết. Nó hoàn hảo hết mức có thể. Các lỗi tệ nhất nằm ở những phần đá đã bị cắt bỏ (còn phần lỗi ở lại nằm ở lõi của viên kim cương và vô hình trước con mắt của cả những người tinh tường nhất). Các mặt giác đều sắc bén và đối xứng. Các tiêu chí về độ sáng, hào quang và lấp lánh đều hoàn hảo.

Cậu cầm viên đá hoàn chỉnh bằng chiếc nhíp gắp và nhìn khắp lượt nó một lần nữa - lần này không phải để đánh giá mà chỉ đơn giản là ngưỡng mộ nó.

Vimal Lahori đã khám phá và giải thoát linh hồn của viên đá này.

Trong lúc ngắm viên đá thành phẩm, chú ý đến màu sắc phản chiếu và ánh sáng trắng từ nó, cậu bỗng đau buồn khôn xiết vì ông Patel đã không còn sống để chứng kiến thành quả của cậu.

Đúng lúc ấy, ông Nouri bước vào xưởng - hai thợ cắt đã đi tìm ông ta. Người đàn ông bụng phệ với nước da tai tái mỉm cười với Vimal và đón cái nhíp từ tay cậu. Ông ta hạ kính lúp xuống xem xét. Ông lẩm bẩm điều gì bằng tiếng Hindi, một ngôn ngữ Vimal không rành. Khuôn mặt ông ta tỏ ra kinh ngạc.

“Cậu đã không mài phẳng mặt sau.” Phần cuối cùng của chóp nón. Chúng thường là các mặt phẳng bo tròn để tạo ra viên đá chắc chắn hơn, ít nguy cơ bị mẻ hơn. Mặc dù vậy, mặt sau phẳng cũng thường làm viên kim cương tối đi. (Vimal tin rằng viên đá Koh-i-Noor lừng danh đã bị hủy hoại khi người ta cắt lại nó theo lệnh của Hoàng tử Albert, chồng Nữ hoàng Victoria hồi thế kỉ mười chín; mặt sau rộng và phẳng của nó đã làm mờ đi viên đá, nếu không hẳn nó đã tỏa sáng huy hoàng.)

“Không.”

Cậu chờ đợi một sự phản đối với quyết định kém thực tế của cậu.

Nhưng ông Nouri chỉ nói hổn hển. “Lựa chọn cực sáng suốt. Nhìn vào ánh sáng mà xem. Nhìn mà xem! Vị khách hàng chết tiệt nào đấy - dù đó có là ai đi nữa - sẽ phải cẩn thận hơn thôi. Họ phải sống chung với nó thôi.” Ông nheo mắt. “Và thêm một mặt giác nữa trên vương miện.”

“Việc đó là cần thiết.”

“Tất nhiên là thế rồi. Đúng, đúng. Chúa tôi ơi, Vimal. Cậu đã làm được một việc tuyệt vời làm sao!”

Nhưng Vimal không hứng thú, cũng chẳng có thời gian nghe khen. Cậu phải đi và đi ngay bây giờ.

“Cháu phải đi. Nào, ông đã bảo hai ngàn rưỡi.”

“Không.”

Vimal cứng người.

“Ba ngàn.”

Cả hai đều cười.

Chừng đó tiền đủ để đưa cậu ra khỏi thành phố. Nếu cậu sống tằn tiện thì có thể kéo dài đến khi tìm được một việc làm, một việc khiêm tốn, vụn vặt - có lẽ tại trường đại học nào đó có các môn nghệ thuật. Kể cả lao công hay quét dọn trong căng tin cũng được. Cậu đã cảm nhận được hơi ấm đầu tiên của niềm vui đang đến, niềm vui cậu đã không có từ bao lâu nay.

Người đàn ông đặt viên kim cương vào mảnh giấy của nó và gập lại, đút nó vào túi áo ngực của mình. “Ta sẽ đi lấy tiền cho cậu.” Ông ta bước ra khỏi xưởng, vào trong văn phòng của mình.

Vimal bước đến bồn rửa mặt ở góc phòng để rửa ráy; mài đá là công việc bẩn thỉu. Khi cậu đi qua chỗ những người khác, tất cả đều nhìn cậu với những biểu hiện ngưỡng mộ và kinh ngạc khác nhau. Cậu không thích thế. Bất kì điều gì củng cố mối liên hệ của cậu với ngành cắt kim cương đều để lại dư vị khó chịu. Cậu rửa tay, và trong lúc những người khác về bàn làm việc, Vimal đi bộ ra cửa, bước vào văn phòng.

Ông Nouri đang nhét tiền mặt vào một cái phong bì. Ông đang đưa nó ra cho Vimal thì cánh cửa dẫn ra cầu thang mở ra và hai bóng người bước vào.

Vimal há hốc miệng, tuyệt vọng, đau đớn. Cậu đang nhìn thấy Deepro Lahori. Cha cậu. Đi cùng ông là Bassam Nouri; chàng trai trẻ đậm người cúi gằm mặt.

Không, không…

“Bố. Con…”

Thấp lùn, nước da xám xịt, cha cậu dậm bước giận dữ.

“Deepro,” ông Nouri vừa chào vừa cau mày bối rối.

Cha cậu nhìn phong bì. “Tiền của con trai tôi phải không?”

“Phải, nhưng…”

Cha cậu giật nó khỏi tay người đàn ông. “Tôi sẽ giữ hộ cho nó. Giờ nó không có trách nhiệm.” Quay sang Vimal, ông quát, “Mày về nhà. Ngay bây giờ.”

Ông Nouri hiểu ra là lúc nãy Vimal đã không hoàn toàn thành thật. Ông nói với Vimal, “Ông ấy không biết hả? Cậu đã nói dối?”

“Cháu xin lỗi.”

Rồi cha cậu đi đến mắc áo. Ông thò tay vào túi áo trong của con trai và cầm chiếc ví lên. Cả cái đó lẫn phong bì chứa chỗ tiền mặt kia đều biến mất trong áo khoác của chính ông.

Giờ thì câu trả lời cho sự phản bội này đã rõ ràng. Cha cậu gật đầu với Bassam, một cái nhìn mang ơn. Vậy là cha cậu đã đề nghị

thưởng cho bất kì ai trong cộng đồng của họ trông thấy hay nghe thấy về Vimal.

Vimal tức điên, bị giằng xé giữa mong muốn gào thét và khóc lóc.

Cậu quay ánh mắt lạnh lùng sang Bassam, cậu ta nhìn đi chỗ khác và lẩm bẩm, “Ông ấy là cha cậu. Hãy tôn trọng ông ấy.”

Vimal tự hỏi cái giá cho đầu cậu là bao nhiêu. Trong tâm trạng bạo lực, Vimal đột nhiên quay sang chỗ cha mình. Ông già chỉ cao hơn con trai ba phân và vai lại không rộng bằng, cũng không khỏe bằng cậu. Hình ảnh cậu đẩy ngã ông ấy, lục túi ông lấy ví và tiền mặt rồi lao nhanh ra cửa hiện ra trong đầu cậu.

Nhưng nó chỉ là một ảo ảnh thoáng qua như đám bụi kim cương mà thôi.

“Mày về nhà.”

Cứ như còn có lựa chọn nào khác vậy.

Vimal đi bộ từ từ ra cửa, cha cậu đi đằng sau, nói nghiêm khắc, “Con trai, ta làm điều này vì nó tốt nhất cho con. Con hiểu đúng không, ta hi vọng như vậy.”

CHƯƠNG 22

Amelia Sachs đang ở Cadman Plaza, tại ga tàu điện ngầm, nơi người ta trông thấy nghi phạm bắt chuyến tàu tới Manhattan sau khi vứt bỏ mũ và áo bảo hộ lao động của hắn. Cô đã đi hỏi thăm các cửa hàng và nhà hàng gần đó, những nơi có tầm nhìn ra lối vào nhà ga. Nỗ lực suốt một giờ có vẻ vô ích. Không ai nhớ có trông thấy người nào vứt bỏ bộ đồ cả. Họ đã không ngờ đến chuyện này.

Có vẻ như công trường liên quan ít nhiều đến Nghi phạm 47 không phải là để sinh ra thêm một khu căn hộ hay tòa nhà văn phòng nào; nó là một dự án năng lượng công nghệ cao.

Cô đang quan sát khu công trường rộng mênh mông, bao quanh là bức tường bằng gỗ dán cao hai mét tư. Trước mặt cô là tấm biển lớn gắn trên hai cột gỗ.

NORTHEAST GEO INDUSTRIES

KHAI THÁC HƠI ẤM SẠCH CỦA TRÁI ĐẤT…

CHO BẠN VÀ GIA ĐÌNH BẠN

Bên dưới tấm bảng to là bảng nhỏ hơn, nền trắng toát với dòng chữ màu xanh lá như những đoạn dây leo. Các hình vẽ hoa lá và vạt cỏ được tô đậm. Tất cả toát lên âm hưởng sống xanh. Đoạn văn giải thích rằng bản thân Trái Đất đã là một cột thu năng lượng Mặt Trời khổng lồ, nó hấp thụ năng lượng từ Mặt Trời và duy trì một nhiệt độ ổn định, dù mặt đất có lạnh hay nóng. Nguồn năng lượng này có thể

được rút lên để sưởi ấm hay làm mát các tòa nhà. Khu hạ tầng địa nhiệt đang được xây dựng ngay bây giờ sẽ làm đúng việc đó, phục vụ hàng trăm tòa nhà xung quanh. Các đường ống sẽ được chọc sâu xuống đất và giải pháp năng lượng sẽ được bơm qua chúng. Khi đường ống đó trồi lên mặt đất, chất lỏng đó sẽ chảy qua các thiết bị điều hòa để chạy máy làm mát hay lò sưởi.

Về cơ bản nó là một cái bơm nhiệt khổng lồ, tấm biển báo ghi rõ, thuộc loại mà các cư dân quan tâm đến môi trường sẽ dùng trong nhà của họ.

Giảm dùng năng lượng hóa thạch để sưởi hoặc làm mát không khí… Có vẻ như một ý tưởng hay với Sachs.

Nhưng rõ ràng là không phải ai cũng nghĩ vậy. Khoảng hơn ba mươi người phản đối đang đứng trên vỉa hè, giương cao những tấm poster chống lại việc khoan hút này. Một người cao lớn, gầy gò với mái tóc xoăn màu xám - và bộ râu tiệp màu - có vẻ như là người lãnh đạo nhóm. Từ các tấm poster và mác cài trên ve áo của mọi người, cô để ý thấy cuộc vận động được gọi là Một Trái Đất. Cô thắc mắc họ phản đối cái gì. Địa nhiệt dường như chỉ là một tiến trình thân thiện với môi trường như bao loại khác. Tuy nhiên, một vài poster có nhắc đến chuyện làm nứt mạch và ô nhiễm mạch nước ngầm.

Người đàn ông gầy gò bước lên chắn trước chiếc xe tải đang chất đầy cột. Anh ta khoanh tay và đứng yên tại chỗ. Đám đông còn lại hò reo. Mỗi lần lái xe tải bấm còi xua đuổi anh ta, những người phản đối lại rộ lên tiếng huýt sáo và vỗ tay.

Có việc cho cảnh sát tuần tra làm rồi, nhưng không có cảnh sát nào gần đó.

Sachs đi ra phố. “Thưa ông.” Cô giơ phù hiệu. “Ông có thể bước ra khỏi lòng đường không?”

“Không thì sao? Các cô định bắt tôi à?”

Tất nhiên đây là điều cuối cùng cô muốn làm. Việc đó sẽ dẫn tới một chuyến đi đến đồn cảnh sát địa phương, vì cô đã không còn mang sổ trích dẫn nữa. Nhưng chỉ có một câu trả lời duy nhất. “Vâng.”

“Các cô ăn tiền của chúng. Cả thành phố này đang nịnh bợ chúng.” Anh ta gật đầu về phía công trường.

“Thưa ông, ông không muốn vào tù vì việc này đâu. Tránh ra đi.”

Không phản đối lời nào, anh ta bước ra, và cô có ấn tượng là anh ta chỉ định chơi chiêu gây khó chịu như một vết muỗi đốt thôi.

“Tôi xem giấy tờ được không?”

Anh ta tuân theo. Anh ta là Ezekiel Shapiro sống ở thượng Manhattan.

Cô trả lời giấy tờ. “Xin đừng cản trở giao thông. Và tôi hi vọng cái hộp anh giữ trong túi áo là để sửa sang nhà cửa.”

Có vẻ như nó là sơn xịt. Cô để ý thấy những chỗ người ta đã phải cào lớp graffiti ra khỏi biển báo và các bức rào chắn.

“Chúng đang làm hỏng mọi thứ, cô biết chứ.” Anh ta nhìn công trường bằng cặp mắt hoang dại. “Tất cả mọi thứ.” Anh ta quay sang đám đông và rất nhiều người ôm anh ta cứ như anh ta vừa đối mặt với cả một đội quân.

Rồi Mẹ Trái Đất rời khỏi tâm trí cô và cô quay lại với công việc. Cô lôi chiếc túi thu thập bằng chứng nhỏ bằng vải đỏ ra khỏi cốp xe Torino đang đỗ gần đó và đi bộ tới lối vào ga tàu điện ngầm, nơi CCTV đã bắt được hình ảnh nghi phạm. Cô quay người, nhớ lại hướng đi của hắn, và tìm được thùng rác, nơi hắn đã vứt bỏ chiếc mũ và áo khoác. Không trống rỗng - từ đó không bao giờ áp dụng được với bất kì chiếc thùng rác nào ở thành phố New York - nhưng nó cũng đủ vơi để thấy là những vật kia không có bên trong.

Sau đó, cô phát hiện ra cánh cửa mà rất có thể hắn đã dùng để ra khỏi công trường. Những tấm lưới mắt cáo đang mở và có vài công nhân ở đây, đúng như cô đã hi vọng, bất chấp hôm nay là ngày Chủ nhật. Cô giơ phù hiệu của mình với một người có dáng vẻ gọn gàng, thận trọng trong bộ đồng phục bảo vệ tư nhân. Nước da rám nắng đậm đà của anh ta là minh chứng cho kỳ nghỉ tốt đẹp anh vừa mới có. Cô hỏi liệu có thể nói chuyện với người giám sát được không. Anh ta nhấc bộ đàm lên và nói rằng một thanh tra của sở NYPD muốn nói chuyện với ông ta.

Câu trả lời lạch cạch phát ra. “Ừ, được. Chờ tí. Bảo anh ta một phút nữa tôi có mặt.”

“Cô ấy.”

“Cái gì?”

“Là cô. Cô ấy là nữ,” bảo vệ nói và đánh cái nhìn kỳ cục về phía cô.

“Ồ. Là một cô hả. Chờ chút.”

Sachs nhìn khắp công trường. Dự án này - cô đoán ước chừng rộng khoảng mười hai ngàn mét vuông - không giống như hầu hết những thứ bạn thấy trong thành phố, toàn sắt đen đỏ đan cài thành nhà cao tầng vút lên bầu trời. Cô nghĩ nơi này sẽ giống một giàn khoan dầu hơn. Có một số lỗ khoan rộng khoảng sáu mét, dài bốn mét rưỡi, bao quanh là hàng rào màu xanh lá cao một mét tám; những tấm bảng đánh dấu chúng là Khu vực 1 đến 12. Trong số này, vài nơi nổi lên giàn khoan ở giữa cao khoảng bốn tầng nhà. Những điểm có rào xanh bao quanh khác dường như đang đóng cửa. Có lẽ việc khoan hút ở đấy đã hoàn tất.

Dù công trường không đông nhưng rất ồn. Các giàn khoan chạy động cơ dầu diesel ồn ã và xe xúc đất thì đi qua đi lại, nhặt nhạnh các mẩu gạch đá và thả chúng vào thùng rác với những tiếng rầm rõ to.

Giám sát viên đã hẹn một phút và ông ta rất giữ lời. Một người đàn ông thấp đậm, mặc bộ áo liền quần màu nâu đất hiệu Carhartt và áo bảo hộ màu cam tiến lại. Ông ta đeo kính phản quang sành điệu có phần gọng gắn liền với dây bảo vệ màu đỏ tươi, chiếc mũ vàng của ông được đẩy lên cao trên đầu.

Sau màn giới thiệu và bắt tay, giám sát viên - tên ông ta là Albert Schoal - liếc ra ngoài cổng nhìn vào chỗ những người phản đối. “Sao, lần này lại là gì?” ông quát vượt lên tiếng máy móc.

“Xin lỗi?”

“Lời khiếu nại ấy.”

Cô nhướng một bên lông mày dò hỏi.

Schoal hỏi, “Chẳng phải có người đã khiếu nại à?” Giọng ông rất mệt mỏi. Cả đôi mắt đằng sau cặp kính xám cũng vậy.

“Đó không phải lí do tôi có mặt ở đây. Sao ai đó lại muốn khiếu nại vậy?”

“Ồ. Xin lỗi. Đó là một trong những chiêu *của họ.* Ai đó gọi 911 - từ một quầy điện thoại trả tiền hoặc một cái di động cùi bắp, dĩ nhiên rồi - và nói rằng một trong các nhân viên của tôi đang bán ma tuý. Hoặc cởi đồ. Ai đó còn khiếu nại là người của chúng tôi đang giết bồ câu nhưng chẳng ai thèm quan tâm cái cục… gì hết.”

“Ai là ‘họ’? Trong câu ‘chiêu của họ’ ấy.”

“Những người phản đối. Nhóm tự gọi là Một Trái Đất ấy. Họ làm thế để phiền nhiễu chúng tôi.”

Cô nói, “Shapiro. Phải, tôi gặp anh ta rồi.”

Giám sát viên thở dài. “Ezekiel. Anh ta làm gì mà gây chú ý cho cô?”

“Ngăn một cái xe tải.”

“Ồ, chiêu yêu thích nhất của họ đấy. Cả trò Graffiti nữa. Và báo động giả. Thậm chí còn đốt vài thùng rác. Không gây thiệt hại gì nhưng khiến cho sở cứu hoả phải tới và chặn các phố.”

Mặc dù Shapiro đang ở cách họ một quãng, Sachs vẫn có thể thấy anh chàng gầy trơ xương kia đang tức giận. Anh ta toả ra sự hung hăng và lửa nhiệt huyết. Hai cánh tay vẫy vẫy, đầu ngẩng cao, anh ta bắt nhịp cho những người theo mình đọc một câu khẩu hiệu không nhận ra nổi.

“Vấn đề của họ là gì?” cô hỏi. “Rò rỉ ư? Tôi thấy một poster đề thế.”

Vẻ ghê tởm lướt qua mặt Schoal. “Ngớ ngẩn. Chúng tôi xây các đường nhánh địa nhiệt khép kín, gần mặt đất. Chúng tôi không bơm bất kì cái gì xuống đất. Chúng tôi không hút bất kì cái gì lên khỏi mặt đất. Toàn bộ giải pháp nằm trong các đường ống. Nó không hề rời khỏi hệ thống. Và xác suất nứt vỡ chỉ nhỏ như cái mông con gián. Đôi khi tôi nghĩ bọn họ chẳng hề biết tí gì về việc chúng tôi đang làm. Họ chỉ cần một cái gì đấy để phản đối. Kiểu như, ồ, hôm nay là Chủ nhật, tôi chán quá, hay là ôm lấy một cái cây và khiến đời sống của những con người làm việc chăm chỉ phải khổ sở xem nào.”

“Mông gián ư?”

“Dù sao, nếu không có ai báo cáo ba mớ lăng nhăng nữa thì tôi có thể làm gì cho cô đây, Thanh tra?”

Đầu tiên, cô hỏi liệu Schoal có đi làm ngày thứ Sáu không. Cô không định chia sẻ bất kì thông tin nào nếu có một phần khả năng *ông ta* chính là kẻ mà Nghi phạm 47 tới gặp. Nhưng Schoal không đi làm hôm đó. Thứ Năm và thứ Sáu là “cuối tuần” của ông ta.

“Tôi không phải quản lý cao cấp đến thế đâu.” Ông nói với nụ cười nhăn nhó. “Đó là lí do tôi phải làm việc vào các ngày Chủ nhật. Ngày Nghỉ ngơi. Ha!”

Cô giải thích với ông ta việc cảnh sát tin rằng một nghi phạm trong một vụ án mạng đã đi bộ ra khỏi công trường này vào chiều ngày thứ Sáu, mặc dù cô không kể gì về bản chất của các vụ giết người.

“Một trong số những người của tôi ư? Chúa ơi.”

“Tôi không nghĩ vậy. Có vẻ như hắn đã đi ra từ đây, đang đi bộ đến ga tàu điện ngầm thì chợt nhớ mình có mang mũ cứng và áo bảo hộ. Hắn đã quay lại, ném chúng đi và lên tàu.”

“Phải, không ai trong nghề này lại ném mũ đi cả. Áo thì có thể nhưng mũ thì không. Hắn đã làm gì ở đây?”

Cô cho ông hai giả thuyết. Một là dùng công trường làm đường tắt, để tránh các camera CCTV dọc Cadman Plaza - toàn là toà nhà của chính phủ. Hai là gặp ai đó trong công trường, có thể là để mua vũ khí.

Schoal nghĩ ý tưởng đường tắt không hợp lý. Lối vào cô vừa đi qua và một cái cổng khách, cách đó khoảng nửa dãy nhà dành cho xe tải, là những con đường duy nhất để đi vào trong này. “Về cơ bản cô vẫn phải đi ra từ cổng đã đi vào thôi.”

Còn về giả thuyết thứ hai, ông nói, “Chúng tôi kiểm tra người của mình khá tốt. Để loại bỏ ma tuý và rượu. Ý tôi là, ngành xây dựng của thành phố New York mà. Một vài người của tôi có thể có quan hệ và có vài khẩu súng để buôn bán. Không thể dùng máy dò kim loại khi mà ngày nào công nhân cũng vác đến mười cân dụng cụ theo cả.”

Cô liếc quanh công trường. “Ở đây ông có camera không?”

Chỉ có ở khu vực kho chứa đồ và các phòng dụng cụ thôi. Nơi nhiều khả năng bọn trộm nhắm đến. Nhưng chúng ở bên kia sân. Hắn mà ra từ cổng này thì máy quay sẽ không bắt được. Vậy, cô muốn làm gì, Thanh tra?”

“Thẩm vấn công nhân của ông, tìm xem có ai trông thấy hắn vào ngày thứ Sáu không. Tôi đã có mô tả sơ lược.”

“Chắc chắn rồi, tôi sẽ giúp cô. Chơi trò cảnh sát. Em trai tôi cũng làm trong ngành ở Boston. South Bay.”

“Tuyệt lắm.”

“Chúng tôi sẽ trang bị đồ cho cô. Reggie?” ông ta gọi một công nhân vừa đi ngang qua. “Mũ cứng và áo khoác cho quý cô đây.” Ông ngập ngừng. “Cho thanh tra. Cái áo không phải lựa chọn thời trang tốt nhất, nhưng quy định là quy định.”

Cô mặc chiếc áo da cam và đội mũ vào - sau khi đã buộc túm tóc lên. Thoáng nghĩ đến việc chụp một bức selfie để gửi cho Rhyme và mẹ cô.

Nhưng quyết định: Thôi.

“Làm thế nào hắn qua được chỗ bảo vệ mà không có thẻ ra vào hay biển tên?”

Schoal nhún vai. “Không khó lắm. Nếu ai đó mặc sẵn áo khoác và đội mũ, đi vào cùng một nhóm công nhân thì bảo vệ sẽ không chú ý đâu. Đó không phải là nguy cơ làm chúng tôi phải lo ngại: Cái chính là những chiếc xe tải xuất hiện ngoài giờ và bỏ đi với mấy cái xe ủi và những đoạn ống đồng trị giá mười ngàn đô kìa. Xin lỗi vì gọi cô là ‘quý cô.”

“Tôi từng bị gọi bằng những cái tên tệ hơn thế.” Cô lục túi bằng chứng và đưa ông ta bức ảnh chụp từ camera an ninh của MTA, tất nhiên nó chẳng cho thấy gì mấy. Áo khoác đen, quần đen, mũ len

đen. Dòng chữ mô tả nghi phạm da trắng, khổ người trung bình và cao khoảng một mét tám.

“Thanh tra, chính xác thì gã này đã làm gì?”

Đôi khi bạn phải giữ mồm giữ miệng, đôi khi bạn cảm nhận được đâu là đồng minh. “Ngày hôm qua hắn đã giết chết ông chủ của một tiệm kim hoàn và hai người khác - một đôi vợ chồng - ở Midtown.”

“Chết tiệt. Người hứa hẹn. Chúa ơi. Thật kinh khủng. Đôi trẻ kia. Sắp sửa cưới nhau… mà hắn giết họ.”

“Chính là hắn.”

“Và cô nghĩ hắn mua súng từ người của tôi?”

“Đó là điều mà chúng tôi muốn tìm hiểu.”

Họ bắt đầu đi một vòng, nói chuyện với từng công nhân làm ca ngày Chủ nhật. Những anh chàng này - và cả vài phụ nữ - đều rất sốt sắng nói chuyện và không ai né tránh tiếp xúc mắt nhiều hơn mức bình thường, hoặc có cử chỉ khác cho thấy anh ta hay cô ta chính là kẻ mà Nghi phạm 47 đã tới gặp.

Sau nửa giờ không gặp may, họ đã nói chuyện với gần hết công nhân đang làm việc và Sachs đang nghĩ cô - hay Ron Pulaski - sẽ phải quay lại để gặp nốt những người khác vào ngày mai. Nhưng cô không thích việc họ phải chờ đợi. Cô chắc chắn rằng nghi phạm vẫn đang trên đường lần theo VL và tiếp tục cuộc săn của hắn với những người đã phạm phải tội lỗi kinh khủng là đeo lên ngón tay mình những chiếc nhẫn kim cương.

Nhưng chỉ một lát sau, cô có bước đột phá. Một công nhân người Mỹ gốc Phi cao lớn nghe cô tả rồi bắt đầu gật gù gần như

ngay lập tức.

“Cô biết không, đúng là tôi có thấy ai đó ở đây vào thời điểm như cô nói, ngày thứ Sáu. Tôi tưởng anh ta đến từ bên tập đoàn. Anh ta không mặc áo Carhatt hay gì, chỉ có áo khoác đen, đội mũ và mặc áo bảo hộ.”

Tên của người công nhân đó là Antoine Gibbs.

Schoal nói, “Các quản lý ở trụ sở, họ tới công trường, nhưng hầu hết không mặc quần áo bảo hộ.”

Gibbs kể, “Vậy là gã này, anh ta đang nói chuyện với ai đó. Tôi đoán là một trong số chúng tôi - anh này thì có đi ủng và đang mặc bộ Carhartt. Họ nói chuyện, nhìn quanh rồi bỏ đi, về phía cột Bảy. Chuyện đó khá kỳ lạ, đáng nghi, tôi đoán vậy, nhưng tôi không nghĩ gì về nó vào lúc ấy.”

“Cột Bảy?” Sachs hỏi.

Gibbs chỉ một trong các giàn khoan nằm trong hàng rào xanh cao mét tám. Cái này không có trụ vươn lên ở giữa. Ngoài cổng chỉ có một tấm biển.

Khu vực 7

Khoan: 3/8-3/10

HDPE:4/3

Trát: 4/4

Trong lúc cả hai đi bộ đến địa điểm, Sachs hỏi người công nhân kia, “Anh có trông thấy mặt hắn không?”

“Không rõ lắm, không. Xin lỗi. Khá là giống dáng người trong ảnh cô cho tôi xem. Nhưng mặt thì không.”

Cô đang để mắt đến hàng rào xộc xệch.

“Họ vào trong được không? Có thể họ muốn làm việc gì đó khuất tầm nhìn.”

Gibbs nói với cô, “Nếu hắn có chìa khóa. Rất nhiều người có.” “Trong kia có gì?” Cô hất cằm về phía hàng rào.

Schoal trả lời. “Cọc và một hố bùn.” Ông ta nhận ra cô không hiểu nên giải thích thêm, “Cô thấy không, địa nhiệt hoạt động bằng cách bơm chất lỏng từ trên bề mặt xuống sâu hàng trăm, hàng ngàn mét rồi lại đẩy ngược lên.”

“Tôi đọc bảng quảng cáo rồi.”

“Bên PR viết ra đấy nhưng nó chỉ cho cô ý tưởng đại khái thôi. Bước đầu tiên là chúng tôi tạo các lỗ khoan - trong trường hợp này là sâu từ 1500 tới 1600 mét - vào lòng đất. Rồi chúng tôi cắm ống vào đó. Đường nhánh mà tôi vừa nhắc đến, về cơ bản nó là hai cái ống nối lại ở một đầu - gọi là HDPE, polyethylene tỷ trọng cao - để chất lỏng di chuyển tuần hoàn. Vì địa nhiệt chỉ hoạt động khi các ống tiếp xúc với đất nên chúng tôi đổ vữa dẫn nhiệt xuống lỗ sau khi đã chôn ống. Ở Khu vực Bảy này có hai mươi lỗ khoan như vậy. Chúng tôi đã khoan xong cả nhưng chưa có lịch cắm ống trong mấy tuần tới - đến ngày mùng ba tháng Tư cơ. Nó sẽ đóng cửa đến ngày đó.”

Cô nói với giám sát viên, “Vậy là không có ai làm việc ở đây và họ có thể nói chuyện một cách bí mật. Ông mở nó ra cho tôi được không?”

Schoal hỏi Gibbs, “Hố bùn thì sao?”

“Chưa vét sạch hết.”

Ông ta quay sang Sachs, “Để ý bước chân nhé. Cách chúng tôi khoan là đẩy nước xuống bằng một mũi khoan, còn bùn đất lại được hút ngược lại và thảy vào chỗ chúng tôi gọi là hố bùn. Dần dần nó sẽ được dọn dẹp và các viên gạch đá được mang tới bãi thải nhưng bên trong khu vực Bảy thì chưa đâu. Đang bẩn thỉu lắm.”

Schoal lôi một chiếc chìa khóa trong thắt lưng ra và mở cổng. Sachs đi vào trong, nói thêm, “Ông chờ ngoài này được không?”

Ông ta gật đầu dù không hiểu tại sao, theo như biểu cảm trên mặt.

Cô giải thích, “Tôi không muốn làm sai lệch bất kỳ bằng chứng nào ở nơi có thể họ đã đứng.”

“À, phải rồi, phải rồi, chắc chắn rồi. Mấy vụ hiện trường nhỉ. Chúng tôi đều xem trên tivi rồi, vợ tôi và tôi. Rất thích. Các cô có thể bắt được một con bướm từng có mặt ở hiện trường án mạng rồi tìm được ảnh hung thủ trên đôi cánh chết tiệt của nó. Quá sức kinh ngạc. Cô làm thế bao giờ chưa?”

“Chưa từng.” Sachs nhắc mình phải kể cho Rhyme nghe chuyện này mới được.

Cô đeo găng tay và buộc thun vào giày - để phân biệt dấu giày của mình với nghi phạm - để mặc cho ông giám sát tự rút ra kết luận của riêng mình về công cụ khám nghiệm hiện trường hiện đại *đó.*

Cánh bướm…

Nhưng khi đã vào bên trong, cô mới phát hiện nơi này vô dụng - *hơn cả* vô dụng, rồi cô cười khi nghĩ về lỗi mâu thuẫn ngữ pháp mà Rhyme yêu thích đó. Kiểu “cực kỳ độc đáo”.

Hay đúng hơn là nó còn *không bằng* vô dụng?

Vấn đề về mặt hiện trường ở đây là mặt đất bên trong toàn sỏi và đá, chúng không để lại dấu chân, nên cô không biết nghi phạm và người công nhân kia có thể đã đứng ở đâu - đấy là nếu họ có đứng thật.

Tuy nhiên, cô vẫn dùng hai tay đã đi găng để nhặt lên khoảng mấy lạng đất đá từ chỗ mà theo logic họ *có thể đã* đứng - gần cánh cổng - và cho chúng vào túi đựng bằng chứng.

Trung tâm của Khu vực 7 là hố bùn: một cái mương kéo dài từ đầu này đến đầu kia hàng rào. Nó rộng khoảng bốn mét rưỡi, bao quanh là lối đi bằng đá rất hẹp. Bên trong mương y như Schoal đã mô tả: một cái hồ đầy bùn, màu nâu và xám xịt, bề mặt vẩn lên váng dầu hay các hóa chất khác. Một cái thước màu vàng chọc lên từ chính giữa, cho thấy hố này sâu hơn một mét tám. Mùi hỗn hợp đất ẩm và dầu diesel nồng nặc bốc lên.

Những thứ bẩn thỉu.

Một tá các cột địa nhiệt khác, có đường kính khoảng ba mươi xăng ti mét cũng nổi lên từ vũng bùn. Chúng được bịt bằng những túi nhựa. Cạnh hố có một chiếc máy trông giống máy trộn bê tông nhỏ, có thể là để đổ vữa vào cột địa nhiệt sau khi người ta đã cắm ống,

Lối duy nhất để băng qua hố là đi trên những cái ván bắc ngang nó, giữa các cột… và phải đi rất cẩn thận. Tấm ván chỉ rộng độ hai mươi lăm phân và vì chúng dài tới hơn năm mét, có vẻ như chúng rất bập bênh.

Sachs tự hỏi liệu tên nghi phạm có đi lên một trong những tấm ván này để sang bên kia không. Có một cửa sổ trên hàng rào ở đằng xa, cao ngang đầu người. Sẽ hợp lý nếu nghi phạm đi qua đó và nhìn ra ngoài để xem đã an toàn để đi ra chưa. Chẳng hại gì nếu cô lấy vài mẫu đất ở bên dưới cửa sổ đó về.

Cô nhìn tấm ván gỗ không chắc chắn.

Lắc đầu. Đôi khi công việc dễ dàng. Đôi khi không.

Rồi cô cười với chính mình và nghĩ: Mà chính xác thì khi nào công việc dễ dàng ấy nhỉ?

Cô bắt đầu đi qua tấm ván, bước thật cẩn thận, từng chân một, trong lúc chiếc cầu hẹp nảy lên nảy xuống. Ở đầu bên kia, cô nhặt vài viên đá và đất ngay dưới cửa sổ và bắt đầu quay lại.

Cô mới đi được nửa đường thì thế giới thay đổi.

Mặt đất quanh cô rung lắc dữ dội và cô nghe thấy một tiếng rầm rì từ sâu bên dưới. Chuyện quái gì thế này? Một cái trục bị đổ, một trong những tòa nhà đang xây sụp xuống, hay máy bay lao xuống gần đây.

Giọng Schoal đằng sau lưng cô, ở một tông cao hơn lúc nãy rất nhiều, ông ta hét lên, “Chúa toàn năng ơi.”

Trong lúc còi báo động của ô tô bắt đầu hú và mọi người gào thét, Sachs vật lộn để đứng thẳng. Tấm ván nảy dữ dội, để ngăn mình khỏi ngã cô buộc phải thụp xuống thật nhanh và mạnh trên một đầu gối, bên yếu - à, bên yếu hơn - của mình. Cơn đau thấu gan dâng từ mạng sườn lên đến cằm cô. Tấm ván võng xuống dưới sức nặng của cô nhưng lại bật lên và hất cô ra như một cầu nhảy lặn ở

bể bơi. Hai tay chới với, Amelia Sachs rơi xuống bùn. Trong một giây trước khi ngã xuống, cô điên cuồng vặn người để ngửa lên trời, hòng tìm được hơi thở sau khi ngã xuống.

Nhưng động tác xoay không hiệu quả và cô vẫn úp mặt vào đống bùn nhão màu nâu xám, nó từ từ hút chặt cô xuống.

CHƯƠNG 23

“Ông có thấy không? Cái gì rung ấy?” Ruth Phillips vừa cất thực phẩm vào tủ vừa hét lên với chồng.

Ông không trả lời.

Chuyện này vẫn thường xảy ra. Không phải là ông bị lãng tai, mà là vấn đề kỹ thuật xây dựng.

Họ đang ở trong căn nhà gỗ tại Brooklyn, bên rìa khu Heights. Ngôi nhà xây theo kiểu toa tàu mà bạn bắt gặp nhiều hơn ở miền Nam. Bà Ruth biết được điều này khi họ chuyển vào ở từ nhiều thập kỉ trước. Nó được gọi là toa tàu bởi vì có một hành lang dài chạy từ cửa trước nhà qua phòng khách, qua cả ba phòng ngủ và phòng ăn ra tới tận bếp ở sau nhà. Giống các con tàu bạn vẫn thấy trong những bộ phim kiểu cũ, với hành lang bên ngoài toa hành khách vậy. Ruth không nghĩ còn chiếc tàu nào ngày nay vẫn còn nét đặc trưng này nhưng hẳn ở đâu đó vẫn còn. Kỷ niệm duy nhất của bà với loại phương tiện này là chuyến LIRR mà họ đã lên để đi tới Vịnh Oyster thăm cô con gái đầu.

Amie đang ở trong phòng khách, căn phòng quay ra một con phố nhỏ, cách bà mười tám mét.

Ở đầu kia của con tàu.

Bà đặt hộp đậu Green Giant xuống và lặp lại câu hỏi. Lần này to hơn.

“Cái gì?” ông hỏi vọng vào.

Và thêm một lần nữa. “Ông có thấy gì không? Cái gì đó rung lắc ấy?”

“Bữa tối á? Ừ tối nay ăn gì?”

Bà quấn chặt chiếc áo len vàng quanh thân hình đẫy đà và bước ra ngoài hiên sau. Tai nạn ô tô chăng? Hay máy bay rơi? Bà và ông Amie đang đi dạo khi vụ 11 tháng Chín xảy ra và đã trông thấy chiếc máy bay thứ hai lao xuống.

Bà quay lại nhà và bước nửa đường lên sảnh thì thấy ông chồng vẫn còn đang ngồi trước tivi.

Cả hai đã chớm lục tuần và đang ngày càng tiến gần thời điểm họ có thể bắt đầu vẽ ra viễn cảnh về hưu. Amie thích một ngôi nhà di động còn Ruth lại muốn một nơi ở cạnh hồ, tốt hơn là mạn Wisconsin, để ở gần cô con gái thứ và chồng cô. Chúng là kiểu thanh niên sẽ mỉm cười với những tiếng rên vui nhộn bất kể khi nào Amie nói đùa một cách ngốc nghếch. Mà việc ấy xảy ra suốt. Cú rung lắc lúc nãy làm ký ức về vụ khủng bố quay lại và Ruth lại nghĩ: Đã đến lúc lên kế hoạch chắc chắn cho việc chuyển đi.

“Không phải ‘bữa tối’. Tôi bảo là ‘rung lắc’ cơ. Cứ có cái gì đang rung ấy. Tai nạn chăng? Ông không thấy à?”

“Có, có thấy gì đấy. Chắc là xây sửa gì đó.”

“Vào ngày Chủ nhật sao?”

Kính cửa đã rung lên, cửa sổ kêu lạch cạch. Bà cảm nhận cả chân mình cũng run lên; bà đã xỏ chân vào đôi dép ngay khi họ trở về từ cửa hàng tạp hoá và đẩy được hết túi hàng vào trong.

“Chả biết.” Ông đã bật trò chơi lên. Ông yêu thích mấy trò chơi của mình.

Amie hỏi, “Thế nhân tiện. Bữa tối *ăn* gì đấy. Vì đã nhắc đến chủ đề này rồi.”

“Tôi chưa biết.”

“Ô. Tưởng bà đang nấu rồi.”

“Rồi á? Chưa.”

Bà quay trở lại bếp. Quy trình cất trữ của bà Ruth rất logic. Đầu tiên là những món đông lạnh phải vào tủ trước. Rồi đến các loại thực phẩm dễ bị ôi thiu - một từ hay ho của Amie - như thịt, cá và sữa. Rồi đến hoa quả và rau củ tươi. Rồi đến các loại đồ hộp và cuối cùng là đồ để được lâu. Những lọ Green Giants vui tươi sẽ là thứ cuối cùng được cất đi.

“Thế bà đang nướng bánh à?” Arnie đã ra đến hành lang. Ông ra chỗ bà để cả hai có thể nói chuyện bằng giọng bình thường. “Một trong mấy loại bánh nướng nhân ấy? Tôi đang mơ về bánh rhubarb đây.”

“Tôi cũng không nướng niếc gì cả.”

“Hừm.” Giờ Arnie đã bước vào phòng ăn thông với bếp. Mắt ông không hướng về cô dâu từ bốn mươi ba năm trước của mình mà là đặt trên lò. Bà để ý thấy khuôn mặt tò mò ấy và cau mày. “Sao thế ông?”

“Lò nướng không bật à?”

Bà vẩy tay. Ý là không.

“Tôi ngửi thấy mùi ga. Tôi tưởng bà bật lên rồi. Và phải mất một lúc lửa mới bén hết.”

“Không, nhưng…” Giọng bà nhỏ đi. Ruth cũng đã ngửi thấy mùi trứng thối đó.

“Có lẽ thành phố đang làm gì đó và họ đã chọc đúng đường ga chính. Đó là cú rung của bà. Bà biết đấy, giờ nó mạnh lên rồi.”

“Ừ. Đúng thật.”

Bên trên khuôn mặt nhăn nhúm, cặp lông mày nhướn cao đã chau lại gần nhau. Ông xoa mái tóc xoăn lưa thưa và đi ra cửa trước, ngó ra ngoài. Ông quay lại bảo bà, “Không có xe tải cũng chẳng có tai nạn.” Ông nói thêm rằng bên ngoài nhà họ cũng đang có vài người nhìn ngó khắp nơi.

Ruth nghĩ, có lẽ *đã* có một vụ đâm nhau làm lật một cái xe tải chở propane. Nhưng mà, propane không có mùi khí ga. Ruth biết như vậy vì tiệc thịt nướng là một trong những thú vui yêu thích nhất của họ vào mùa hè.

Bà đi đến cửa hầm và mở nó ra. Ở đây cũng có mùi tương tự nhưng sộc hơn gấp mười lần. “Ông ơi! Ra đây này!”

Amie xuất hiện ngay lập tức. Ông để ý thấy cánh cửa mở. Hít ngửi. “Chúa ơi.”

Ông ngó xuống cầu thang và định với tay bật đèn nhưng ngừng lại khi bà định nói Không! Amie liếc sang bình dập lửa đang nằm cạnh bếp. Nó đã bảy năm tuổi.

Vợ ông nói, “Chúng ta nên ra ngoài. Phải ra ngoài ngay bây giờ.”

“Tôi sẽ gọi điện. Chúng ta phải gọi. Có số đặc biệt nào để bà gọi khi bị rò ga không? Làm sao chúng ta tìm được?” Ông vươn tay đến chỗ điện thoại treo tường.

“Công ty ga ư?” bà hỏi vẻ khó tin. “Quên đi ông ơi! Chúng ta sẽ gọi 911 từ bên ngoài.” Bà bước đến chỗ để ví. “Đi nào! Chúng ta phải ra ngoài thôi.”

“Tôi chỉ…”

Từ phía cửa tầng hầm, một đợt sóng lửa và khói nổ trùm ra ngoài, bao bọc cả Arnie. Khi ông giơ hai tay lên che mặt, ông bị thổi bay tới tận bức tường bên kia và rơi phịch xuống sàn, kêu lên đau đớn.

Không, không, không! Ruth thụp xuống bên dưới lưỡi lửa đang cuộn ra từ ngưỡng cửa, bà gào thét gọi tên chồng. Bà bò lồm cồm đến chỗ ông.

Đột nhiên, một cú giật làm bà khuỵu hai đầu gối xuống và nửa nhà bếp nơi bà đang đứng bị thụt xuống cả mét - vụ nổ đã làm gãy hết cột nhà. Trong khi khói lửa và bụi bốc lên quanh họ, bà có thể thấy Amie - vẫn đang nằm nghiêng, ra sức đập vào bộ quần áo đang cháy của mình. Ông đang nằm bên trên bà, ở phần sàn nhà chưa bị rơi xuống. Từ khoảng trống giữa hai phần sàn nhà, khói đen đặc bốc lên, những lưỡi lửa và tia lửa đỏ quạch bắn ra như lũ ong chích.

Ruth vật lộn đứng dậy trên sàn nhà dốc lên, điên cuồng nhìn quanh. Giờ họ không thể dùng cửa sau để thoát được nữa - khi sàn nhà đã sụp xuống, lối ra ở quá cao và lại đang tắm trong lưới lửa phun lên từ dưới tầng hầm.

Cửa trước. Họ phải ra qua cửa trước. Nhưng đầu tiên, Ruth cần trèo lên tầng có ông Amie đang nằm đã.

“Ông ơi, ông ơi!” bà gọi. “Cửa trước! Ra đằng cửa trước!” Nhưng tiếng bà lẫn mất trong âm thanh cuồng nộ. Bà không hề biết đám cháy có thể ồn ào đến thế.

Vừa thụp người tránh lưỡi lửa, bà vừa bắt đầu trèo lên chỗ ông Amie, lúc này vẫn đang nằm ho và rên rỉ vì đau. Bà thấy ít nhất thì ông cũng đã lột được chỗ quần áo cháy ra.

Bà bám được hai tay vào mép sàn nhà chỗ ông nằm và bắt đầu kéo người lên. “Cửa trước. Hãy…”

Nhưng đúng lúc đó phần sàn nhà mà bà đang đặt chân đã hoàn toàn sụp xuống và Ruth bị rơi xuống tầng hầm, ngã sóng soài trên đống bê tông, đầu, cánh tay và vai bị ván sàn, bàn bếp, sách nấu ăn và các hộp đậu trút như mưa xuống.

Giờ lửa đã ở khắp xung quanh bà: các hộp đựng đồ, tạp chí của Amie, đồ trang trí lễ Giáng Sinh, quần áo cũ của các con bà, đồ gỗ. Và lửa còn đang liếm đến chỗ thùng và hộp đồ dễ cháy của Amie trên bàn mộc - chất tẩy, thuốc pha sơn, nhựa thông, cồn. Chúng có thể phát nổ bất cứ lúc nào.

Ruth Phillips hiểu rằng bà sắp chết.

Nghĩ đến Claire và Sammie. Cả lũ cháu nữa. Tất nhiên là cả Amie. Tình yêu của đời bà. Trước đây, bây giờ, và mãi mãi.

Bà né người vì thêm một cột nhà khác bị đổ và đâm xuống sàn. Suýt nữa thì trúng đầu bà.

Bị ngạt thở vì khói, bà vặn vẹo né tránh những cọc gỗ nhọn hoắt như kim và bụm lửa.

Nhưng rồi bà lại nghĩ: Không.

Bà sẽ không chết như thế này. Trong đau đớn. Còn chẳng phải vì cháy nhà.

Bà nhìn quanh, gắng hết sức có thể qua làn khói ngùn ngụt. Cầu thang đã biến mất nhưng ở góc phòng, ngay dưới rìa sàn gỗ còn ở lại chỗ ông Amie đang nằm, là tủ quần áo cũ của mẹ bà. Bà bò đến chỗ đó và trèo lên nóc tủ. Bà không đủ khỏe để nâng người và cuộn tròn lăn lên sàn nhà bên trên. Nhưng bà đá đôi dép lê để bám được tốt hơn, choãi chân dài ra và đặt một bàn chân lên cái gương trên nóc tủ quần áo, cảm thấy cơ bắp ở đùi sắp bị toạc đến nơi.

Bà lờ tịt cơn đau.

Lửa bùng lên to hơn. Một thùng nhựa thông phát nổ và ngọn lửa mùi gỗ thông cuộn lên, khói tỏa ra bên cạnh bà. Ruth quay đi, cảm nhận vết rát do lửa liếm vào mắt cá và cánh tay. Nhưng quần áo bà chưa bắt cháy.

Bà thấy lửa đã bắt đầu liếm thùng thuốc pha sơn.

Ngay bây giờ. Chính lúc này. Cơ hội cuối cùng.

Tóm lấy mẩu ván sàn đã gãy phía trên mình, bà đạp mạnh chân và lúng túng đẩy người lên trong lúc tuyệt vọng, lăn tròn trên sàn bếp đến bên cạnh Amie.

“Ruth!” Arnie bò đến chỗ vợ mình. Ông chỉ còn mặc độc cái quần đùi bên trong. Nửa số tóc của ông đã ra đi, cả lông mày cũng vậy.

Trên mặt, cổ, ngực và cánh tay phải của ông đầy vết bỏng nhưng chúng chưa làm ông bất lực.

“Ra ngoài! Chúng ta phải ra ngoài! Cửa trước!”

Cả hai cúi thấp để hít nốt chút không khí còn lại trong nhà và bắt đầu đi xuôi hành lang nhưng chỉ đi được nửa đường ra cửa trước. Vì khói mù mịt họ không thể trông thấy phòng khách và vòm cửa trước đã bốc cháy rồi. Cửa sổ phòng ngủ cũng không ăn thua gì. Cả mấy phòng đó cũng đã bốc cháy.

“Gara,” bà kêu lên. Đó là hi vọng cuối cùng của họ.

Nắm chặt tay nhau, hai ông bà lao tới trước. Ngay trước khi hơi nóng và lửa đẩy họ lùi lại - với một cái chết đau đớn, thảm thiết trong hành lang hẹp - họ tới được cửa gara. Ruth chạm vào tay nắm kim loại và thả vội ra.

“Nóng lắm,” bà nói.

Ngập ngừng một chút. Cả hai phá ra cười, hơi điên điên. Bởi vì *tất nhiên* là nóng rồi. Mọi thứ trong cái nhà chết tiệt này đều đang nóng rẫy.

Bà lại cầm tay nắm cửa, xoay và đẩy cửa mở. Cả hai thụp xuống. Nhưng không có lửa ở đây, chỉ có khói và hơi nước cuộn vào trong gara từ các đường ống và từ bên dưới ván sàn. Họ lao vào trong. Rất khó để nhìn xuyên qua làn khói cay xè này nhưng gara vốn nhỏ và lại dùng để chứa đồ chứ không đỗ xe nên họ có thể lần đường dẫn ra cửa trước giữa các chồng hộp, đồ nhà bếp và dụng cụ thể thao từ những ngày xa xưa.

Vừa ho vừa gạt nước mắt giàn giụa, hai vợ chồng đi thẳng ra đằng trước nhà. Ruth thấy đầu váng vất và bị ngã thụp xuống một lần. Sau đó bà hít được một hơi không khí ở rất sát sàn nhà, rồi lại một hơi nữa, và cùng với sự trợ giúp của Amie, bà đứng dậy.

Vòng cánh tay ôm lấy nhau, hai vợ chồng cuối cùng cũng ra được đến cửa gara. Thêm một tiếng cười nữa, lần này là hoàn toàn nhẹ lòng, Ruth bấm nút mở cửa.

CHƯƠNG 24

“Hít thở đi, Thanh tra.”

Cô gật đầu với nhân viên y tế của thành phố. Và cố làm theo chỉ dẫn của anh ta. Chậm rãi. Ok… hít vào, thở ra. Cơn ho lại dâng lên dữ dội lần nữa.

Không ổn rồi.

Khạc, nhổ.

Thử lại. Kiểm soát nó… Tập trung vào hai lá phổi, những cơ bắp ở ngực. Được rồi, cô đã điều khiển được nó. Hít vào, thở ra. Chậm rãi.

Ok. Làm được rồi.

Không bị ho nữa. Tốt.

“Nghe tuyệt đấy, Thanh tra,” anh y tế nói. Anh là một người vui vẻ với mái tóc đen xoăn tít và nước da màu mocha.

“Ổn cả,” cô nói giọng the thé.

Rồi nôn.

Nôn thốc nôn tháo.

Ngồi trên hàng ghế sau xe cứu thương, cô gập người tận eo và xổ ra một đống bùn bẩn thỉu.

Rõ ràng là phần lớn số bùn đã chui vào bụng cô chứ không phải phổi.

Sau một hai phút nôn khan, cảm giác đã dịu đi.

Cô cầm chai nước nhân viên EMT* đưa cho. Súc miệng và đổ cả xuống mặt mình. Cô không thể tưởng tượng trông mình đang như thế nào từ cổ trở lên. Cô đã lột hết quần áo và mặc sang bộ đồ bảo hộ Tyvek - cô luôn cất nó trong thùng các tông ở cốp xe ô tô. Cô cảm giác tóc mình nặng tới mười ba cân. Móng tay lúc nào cũng để cụt của cô đã thành màu đen xì.

EMT là viết tắt của Emergency Medical Technician - Kỹ thuật viên y tế khẩn cấp

Bên cạnh cô là khẩu Glock mà cô đã làm vệ sinh trước khi làm bất kì việc gì khác. Cô đã tháo súng ra lau qua, bao gồm cả việc dùng miếng vải thấm dung môi Hoppe để thông nòng súng. Lúc trước nó đã bị tắc một cách nghiêm trọng.

“Cái thứ chết tiệt kia là gì đấy?” cô hỏi. “Thứ tôi nuốt vào bụng ấy?”

Cô hướng câu hỏi này sang Arthur Schoal, giám sát viên của Northeast Geo, ông ta đang đứng ngay cạnh xe cứu thương. Ông ta vẫn còn vẻ hổ thẹn vì những gì đã xảy ra với cô.

“Trong bùn à? Chỉ có nước, đất, đất sét, có lẽ dính ít dầu diesel trong ống khoan. Không có gì độc hơn thế đâu.”

Phải rồi, cô nếm được vị dầu và nghĩ lại hồi còn trẻ và hư đốn: khi bạn cần xăng cho chiếc xe Camaro và không có đồng xu nào, nhưng lại có một cái ống xi-phông và thông tin chỗ đậu Caddie của vài tay đua địa phương hoặc những cậu chàng muốn thành đầu gấu.

Thêm một cơn ho khác, một ngụm nước nữa. Có vẻ như cơn nôn ọe - tuyệt đối là hoạt động kém yêu thích nhất của cô - đã dịu đi.

Cô tự nhủ điều quan trọng là đầu gối cô vẫn ổn sau khi ngã đập xuống tấm ván bập bênh kia. Cô vẫn đi lại và thoát được - một cách tương đối - cơn đau khớp đã ám ảnh cô biết bao năm qua.

Cô chớp cho nước mắt dâng lên từ cơn buồn nôn chảy xuống và để ý thấy các vệt bùn trên quần áo Schoal.

“Ông lôi tôi lên đấy à?”

“Tôi và Gibbs. Cái cậu mà chúng ta đang nói chuyện vào lúc đó.”

“Anh ta ở đây à?”

“Không, đi gọi cho vợ rồi. Xem cô ấy có ổn không.”

Ổn à? Cô tự hỏi.

“Tôi sẽ phải trả tiền cho ông,” cô bảo với Schoal.

Người đàn ông chớp mắt và gật đầu, dù ông ta chẳng hiểu tí gì về chuyện cô đang nói.

“Cho trị liệu bùn ấy mà. Ở spa người ta tính cả trăm đô đấy.”

Ông ta cười lớn.

Sachs cũng cười. Và dồn hết mọi nguồn lực ý chí để khỏi khóc nấc lên.

Cô không nói đùa vì ông ta mà là để gạt đi cái cảm giác kinh hãi tuyệt đối khi bị bất động trong bùn, không thở nổi.

Nó đã tác động một cách rất tồi tệ đến cô. Trở nên bất lực, bị hút xuống mãi, xuống mãi. Cô gần như đã bị chôn sống - dù là đất khô

hay đất ẩm thì cũng chẳng khác gì nhau. Bị vùi kín luôn là địa ngục của riêng cô.

Cô rùng mình thêm lần nữa. Nhớ lại một kỷ niệm đã bị lãng quên từ nhiều năm về trước. Khi còn nhỏ, cô từng đọc một cuốn sách mà cô còn nhớ tên là *Kỳ lạ hơn tiểu thuyết,* về những sự việc đời thực đã từng xảy ra, và rất kỳ lạ. Một trong số đó là việc quật mộ một ai đó, vì lí do gì đó, và phát hiện những dấu vết cào bằng móng tay ở bên trong nắp quan tài. Cô đã mất ngủ hai ngày sau đó và lúc ngủ được thì không chịu đắp chăn hay bất kỳ cái gì.

“Này, Thanh tra. Cô ổn chứ?”

Cô kiểm soát cơn hoảng sợ của mình, giống như với cơn ho. Nhưng chỉ vừa suýt soát.

“Vâng, chắc chắn rồi.”

Hít thật sâu, cô tự nhủ.

Được rồi, được rồi.

Cô muốn gọi cho Rhyme. Không, cô không muốn. Cô muốn lao xe đi với tốc độ 320 cây số trên giờ dù điều đó có nghĩa là đốt cháy cả động cơ chiếc Torino. Không, cô muốn về nhà và cuộn tròn trên giường.

Đông cứng - cả tay, chân, cánh tay, bụng và cổ, tất tật đều bất động bên trong hố mộ ẩm ướt, nhầy nhụa.

Cô rùng mình. Gạt. Nó. Đi.

Nhân viên y tế nói, “Thanh tra, nhịp tim của cô…”

Ngón tay cô đang được kẹp nối vào một trong mấy chiếc máy nặng nề mà đội EMT mang theo.

Thở đi, thở đi, thở đi…

“Tốt hơn rồi.”

“Cảm ơn anh.” Cô tháo cái kẹp ra và đưa lại cho anh y tế. “Giờ tôi ổn rồi.”

Anh ta kiểm tra cô cẩn thận. Rồi gật đầu.

Đó là lúc cô để ý thấy các công nhân của Northeast Geo đang đứng nói chuyện với nhau thành từng nhóm. Khuôn mặt họ đầy lo lắng. Và thứ làm họ bận tâm không phải là trải nghiệm suýt mất mạng của Sachs.

Cô nhớ lại là mình đã thấy lạ trước lời nhận xét của giám sát viên về Gibbs. Anh công nhân cô từng nói chuyện cùng đã đi gọi cho vợ xem cô ấy có ổn không.

Có chuyện không hay rồi.

Cô cũng nhận ra có cả chục tiếng còi hiệu đang hú ở xa xa. Còi xe cứu thương và xe cảnh sát.

Cô đã nhớ ra mặt đất rung lắc. Và cô lập tức nghĩ tới một vụ tấn công khủng bố. Vụ Tháp Đôi lần thứ hai.

“Có chuyện gì vậy?” Sachs thì thầm, âm lượng yếu ớt phần vì lo lắng, phần vì dây thanh quản của cô chưa thể nói to hơn.

Một giọng đàn ông không phải của Schoal lẫn nhân viên EMT trả lời, “Tin được không: động đất đấy.”

Một người đàn ông gầy gò, nhợt nhạt trạc tứ tuần tiến lại. Anh ta mặc quần màu xám, áo sơ mi trắng và áo gió màu xanh lơ, bên dưới chiếc áo cam bảo hộ tất yếu. Chiếc cà vạt họa tiết cánh hoa của anh ta biến mất trên ngực áo giữa nút khuy thứ hai và thứ ba từ

trên xuống, chắc là để không bị mắc vào động cơ máy. Anh đeo kính gọng tròn.

Sachs nghĩ trông anh ta có vẻ trí thức.

Dự đoán hợp lí, bởi vì hóa ra anh ta *chính* là một nhà khoa học.

Schoal giới thiệu cô với Don McEllis, một giám định viên của Ban Tài nguyên Khoáng sản Tiểu bang New York, trực thuộc Bộ Bảo vệ Môi trường. Anh ta là một kỹ sư và nhà địa chất học, anh giải thích nhiệm vụ của mình là giám sát hoạt động khoan mà cơ quan của anh đã cho phép. Dự án địa nhiệt của Northeast là khoan các lỗ từ một trăm năm mươi mét đến sâu hơn, vì vậy mà DMR* phải điều khiển công việc; từ độ sâu dưới một trăm năm mươi mét thì sẽ thuộc sự quản lý của Ban quản lý Nguồn nước.

Ban Tài nguyên Khoáng sản

“Động đất à?”

“Vâng.”

Sachs nhớ vài chương trình truyền hình, hay có lẽ là bài báo nào đó, nói về động đất ở New York. Từng có vài trận.

“Có thiệt hại gì không?”

McEllis nói, “ít nhất có một vụ cháy. Đó là mối nguy lớn nhất trong các vụ động đất ở quốc gia thuộc thế giới thứ nhất. Nếu một tòa nhà không được thiết kế để chống động đất thì phần lớn vẫn sẽ trụ lại được. Nhưng các đường ống ga có thể bị gãy. Vậy là cháy. San Francisco, năm 1906, cả thành phố đã bị đốt cháy chứ không phải sập.”

“Tôi đứng lên đây,” cô nói với nhân viên y tế.

Anh ta nhìn cô khó hiểu. “Được thôi.”

Cô đã tưởng anh ta sẽ bảo không.

“Tôi đứng đây.”

“Cô có thể đứng lên.”

Cô hiểu. Cô hơi chóng mặt nhưng cũng đứng dậy không khó khăn mấy, mặc dù hơi lảo đảo - chủ yếu là vì chỗ bùn dính vào tóc.

“Nó mạnh đến độ nào?”

“Nhẹ thôi. Ba phẩy chín - theo thang Richter.” Bằng sự kết hợp giữa kiến thức và ngây thơ của một nhà khoa học, anh ta giải thích thấu đáo rằng thang biểu nổi tiếng mà ai cũng biết đó thực tế đã không còn thích hợp để đo đạc động đất nữa; ngày nay, nó chỉ còn được dùng để phân loại các chấn động nhẹ. “Bất cứ vụ nào mạnh hơn năm phẩy đều được đo bằng thang MM, tức độ lớn mô-men.”

Cô không muốn hỏi thêm thông tin vì biết anh ta sẽ bắt buộc phải trả lời.

Nhưng dù thế, anh vẫn nói tiếp. “Chấn động loại này rất phổ biến ở vùng Đông Bắc. Các nứt đoạn ở khu vực New York không hoạt động mạnh hoặc rõ rệt như ở California chẳng hạn. Hoặc như ở Mexico hay Ý hay Afghanistan. Tin tốt là: Động đất rất hiếm khi xảy ra. Nhưng tin xấu là bản chất địa chất ở đây là nếu xảy ra các vụ động đất tồi tệ thì thiệt hại sẽ nghiêm trọng hơn nhiều và phạm vi cũng trải rộng hơn. Hơn nữa, các tòa nhà của chúng ta không được xây dựng để chống chịu động đất mạnh. Ngày nay, San Francisco tương đối an toàn trước động đất. Nhưng còn ở đây? Một cơn động đất cỡ sáu độ MM ở Thành phố New York - thực ra là không mạnh

lắm - cũng đủ để giết hàng chục ngàn người, và gấp đôi con số đó bị vùi trong đống đổ nát. Toàn bộ khu vực dân cư sẽ bị đóng cửa vì các tòa nhà quá chông chênh."

Vùi trong đống đổ nát…

Một lần nữa, Sachs gạt đi cánh tay của nỗi sợ. Suýt soát thôi.

"Tâm chấn ở đâu?" cô hỏi.

"Gần đây," McEllis trả lời. "Rất gần."

Schoal đang nhìn chằm chằm vào Khu vực 7, cửa vào vẫn mở toang. Họ có thể nhìn thấy đầu ống bịt nhựa. Khuôn mặt giám sát viên u ám. Sachs nhớ lại những người phản đối đã khiếu nại về chuyện hoạt động bơm chất lỏng xuống lòng đất. Có lẽ Schoal cũng đang nghĩ rằng có khả năng chính việc khoan của họ đã gây ra chấn động, bất chấp những nhận xét của ông ta lúc trước.

Hoặc có thể chỉ là ông lo lắng các rung chấn sẽ tiếp thêm bằng chứng cho những người phản đối tấn công dự án của họ.

Sachs cầm thêm một chai nước từ tay nhân viên y tế, cảm ơn anh ta bằng một nụ cười. Cô ngửa đầu ra sau để ngắm bầu trời. Cô trút hết chai nước lên tóc. Anh ta đưa cho cô thêm bốn chai nữa và đến chai cuối cùng thì cảm giác như bùn đã trôi gần hết.

Khá hơn rồi. Cả về chuyện bùn đất lẫn nỗi sợ hãi.

Cô đã sẵn sàng. Cô gọi cho Lincoln Rhyme.

"Anh nghe chưa?"

"Chuyện gì cơ?"

"Động đất."

“Động đất nào?”

Vậy là đã có câu trả lời.

“Làm rung chuyển cả thành phố, nửa giờ trước.”

“Thật à? Hừm.” Giọng anh ám chỉ tâm trí anh đang ở nơi khác. “Em tìm được gì ở công trường không?”

“Em nghĩ là có. Em sẽ quay lại sớm. Phải tạt qua nhà tí.”

“Tại sao?”

“Muốn tắm rửa trước.”

“Không cần đâu. Ai quan tâm nào? Cứ đến luôn đi.”

Cô không nói gì một lát. Chắc anh đang tò mò về khoảng lặng đó. “Em không đi lâu đâu.”

Sachs cúp máy trước khi anh kịp phản đối thêm.

CHƯƠNG 25

Phòng ngủ từ thời thơ ấu của Vimal - cũng là phòng hiện nay - rất nhỏ, nằm trên tầng hai của ngôi nhà khiêm tốn nhất, trong khu vực cư dân khiêm tốn nhất của Queens, Jackson Heights. Vùng này gần như chỉ toàn là người Ấn Độ.

Ngôi nhà gạch cao hai tầng, chỉ cho một gia đình sinh sống, cả sân trước và sân sau đều hẹp, không đủ để chơi bóng, trừ khi tập chân.

Cậu đã sống ở đó, trong bốn bức tường ngột ngạt này cả đời. Ít nhất thì giờ cậu đã có nó cho riêng mình. Cậu đã phải chia sẻ căn phòng với em trai mình mấy năm cho đến khi Dada, ông nội cậu, qua đời và Sunny chuyển vào phòng ông cụ.

Sau khi về nhà từ chỗ ông Dev Nouri, Vimal đã tắm qua - chỉ dùng khăn lau - vì không muốn đụng chạm đến vết thương mà Adeela đã băng bó rất cẩn thận. Kiểm tra bụng mình, cậu thấy rằng cô ấy đã làm rất tốt. Không còn chảy máu, cũng không bị sưng tấy. Bây giờ, khi đã về lại phòng ngủ, cậu dùng một tay để lau khô chân và ngực trong khi tay kia chỉnh điều khiển. Cậu đang tìm kiếm thông tin trên màn hình Samsung.

Vụ án mạng là tin lớn nhưng không đủ để trở thành tin chính; bản tin nóng nhất là vụ động đất đã làm rung chuyển Brooklyn và phần lớn các khu vực còn lại của thành phố.

Khi phát thanh viên nói đến các vụ án mạng của ông Patel và đôi vợ chồng sắp cưới, anh ta nói đã có thêm vài chi tiết mới về vụ cướp "táo bạo", mặc dù Vimal không chắc phải gan cùng mình đến đâu mới đủ để đi vào một tòa nhà văn phòng gần như bỏ không, giết ba người không có vũ khí và bỏ chạy.

Cậu quấn chiếc khăn tắm quanh cái bụng gầy gò và theo dõi màn hình. Bản tin tiếp theo làm cậu chết lặng.

Saul Weintraub, người phân tích và đánh giá mà thỉnh thoảng ông Patel vẫn dùng cũng đã bị giết. Cảnh sát tin rằng có mối liên hệ nào đó giữa bốn vụ án mạng.

Vimal khẽ nhắm mắt khổ sở và ngồi phịch xuống mép giường ngủ của mình.

Vậy là tên giết người - Người hứa hẹn - tin rằng ông Weintraub đã trông thấy gì đó vào sáng thứ Bảy, rằng ông ta là một nhân chứng. Vimal nhớ lại ông Patel đã nói sẽ gặp gỡ người đó vào cuối tuần.

Làm sao tên sát nhân biết ông Weintraub sống ở đâu?

Vimal nhớ lại bản tin về cuộc họp báo chiều ngày thứ Bảy đó, phát ngôn viên của cảnh sát đã thúc giục bất kỳ ai biết về vụ án phải tới báo ngay lập tức.

Và Vimal đã hiểu được ngụ ý.

Vì sự an toàn của chính họ…

Cậu an toàn đến mức nào?

Vimal cảm thấy khá an tâm khi nghĩ lại mối liên hệ tối thiểu của cậu với ông Patel: được trả công bằng tiền mặt và không để lại đồ

đạc cá nhân nào trong cửa hàng để dẫn đến mình. Và việc cố gắng lần theo Vimal ở quận Kim Cương sẽ không đem lại hiệu quả mấy. Không như những năm trước, chỉ còn lại vài nhà buôn kim cương trong tòa nhà cũ kỹ, mốc meo ở số 58 phố 47 Tây. Chỉ có một hai thợ cắt, hai cửa tiệm kim hoàn. Và Vimal chắc chắn không có ai trong tòa nhà đó hay trên phố biết cậu là ai. Cậu luôn khép kín, thích đi về nhà và xưởng của mình vào cuối ngày hơn. Và hầu hết các nghệ nhân kim cương và những người khác trong nghề có chút hiểu biết về cậu thì đều sống ngay Jackson Heights này, cách quận Kim Cương của Manhattan hàng dặm - và cả một con sông nữa. Vimal có người quen làm việc ở các phòng trưng bày SoHo hay NoHo, hoặc đang học nghệ thuật ở nơi cậu cũng muốn đến học: Parsons, hoặc Pratt ở Brooklyn. Nhưng cậu không thân thiết với ai trong số họ.

Bạn thân nhất của cậu trong giới kim cương là một thợ cắt khác, tầm tuổi cậu: Kirtan Boshi - họ cùng ăn trưa và đi uống với nhau thường xuyên, thỉnh thoảng còn hẹn hò đôi, cùng với Adeela và bạn gái Kirtan, một cô người mẫu tham vọng. Kirtan làm việc cho một nghệ nhân kim cương ở cách phố 47 một đoạn, trong một tòa nhà trong quận Thời Trang; tên cửa hàng đó không gợi nhắc gì đến gốc gác Ấn Độ của ông chủ - hay chuyện nó là tiệm trang sức.

Không, rất ít khả năng một tên giết người, dù có quyết tâm đến đâu, có thể tìm ra cậu.

Vimal vứt khăn sang một bên, mặc áo may ô, quần bò xanh, áo thun và áo len ra ngoài, đi giày Nike.

Trên ti vi: quay lại với vụ động đất. Cậu không nghe được bình luận viên đang nói gì. Hai người có vẻ đang tranh cãi nhau. Một giọng lề mề nói rằng có nhóm vận động vì môi trường đổ lỗi cho hoạt động khoan sâu vào lòng đất thành phố đã gây ra chuyện này.

Cậu tắt tivi. Vimal Lahori có những vấn đề của riêng mình.

Chán nản vô cùng, cậu dợm bước xuống nhà. Trong phòng khách, em trai Sunny - nhỏ tuổi hơn nhưng cao hơn Vimal - nhìn lên từ màn hình tivi và dừng trò chơi điện tử của mình. “Yo, anh.”

Đôi mắt của cậu em mười tám tuổi ánh lên vẻ lo lắng, dù câu chào cụt lủn và nụ cười đánh lạc hướng của nó không phản ánh điều này. Sunny là sinh viên năm đầu trường Hunter, với hi vọng vào được trường y. Vimal thì tin rằng nó sẽ - hay nên - học ngành kỹ thuật, một ý kiến mà cậu giữ lại cho riêng mình.

“Anh, à, ổn chứ?”

“Ừ, ổn.”

Cậu em trai lúng túng đứng lên như đang cân nhắc có nên ôm Vimal không, nhưng cậu tự trả lời câu hỏi đó và lại rơi phịch xuống ghế sô pha trước khi khoảnh khắc khó chịu ấy đến. Vimal chộp điều khiển và bấm nút chơi tiếp trên trò chơi của cậu em.

“Đồ khốn,” Sunny nói, cười to - nhưng không to lắm.

“Mới level bảy á?”

“Em mới chơi được mười phút chứ mấy. Anh có chơi cả ngày cũng chả lên được level bảy.”

“Hôm thứ Năm anh lên tám rồi. Bốn tiếng.”

“Đưa đây cho em.”

Vimal cầm điều khiển xa ra khi em trai cậu cố lấy lại. Sau vài màn vật lộn nhẹ nhàng, cậu trả lại nó. Vimal cầm tay máy thứ hai lên và hai anh em cùng chơi. Hạ được vài người ngoài hành tinh nữa, một chiếc tàu vũ trụ nữa. Vimal thấy Sunny đang nhìn sát mặt mình.

“Sao nào? Làm anh mày sợ đấy.”

“Cái gì?”

“Cái trò giương mắt ếch lên ngớ ngẩn lắm. Thôi đi.”

Nhân vật của Sunny trên màn hình đã bị hạ. Dường như không để ý đến, nó hỏi, “Cảm giác thế nào?”

“Gì thế nào?”

“Bị bắn vào ấy?”

Vimal chỉnh lại, “Không phải bị *bắn vào.* Chỉ là bị bắn thôi.”

“Đùa à!”

“Ừ. Anh đi vào. Hắn ở đó. Pằng. To đùng, to lắm luôn. Không như trên tivi đâu. Ý anh là, *to cực.”*

Một giọng nói đột ngột vang lên sau lưng hai anh em. “Con bị thương à?” Cha cậu đang đứng trên ngưỡng cửa, có vẻ như vậy. Ông đi vào phòng khách.

Vimal tự hỏi có phải ông vừa trốn để nghe lỏm cuộc nói chuyện của cậu và Sunny không. Không có lí do gì để đứng trên sảnh, trừ việc nghe trộm. Cậu con trai lảng tránh ánh mắt ông bố. “Không. Con chỉ đang nói, bố biết đấy. Chúng con chỉ đang nói linh tinh.”

“Bản tin không nhắc gì đến chuyện có người bị bắn cả.”

“Bởi vì con không bị bắn. Con chỉ trêu nó thôi.” Một cái hất cằm về phía Sunny.

“Nhưng đã có chuyện xảy ra,” Papa* cậu nói nghiêm khắc.

“Viên đạn trúng phải viên đá con đang cầm trên tay. Nó bật lại con. Thế thôi.”

Papa gọi, “Divya! Lại đây. Lại đây ngay!”

Bà mẹ gầy gò có giọng nói nhẹ nhàng ở độ tuổi bốn mươi ba của Vimal xuất hiện ở cửa, bà nhìn âu yếm hai cậu con trai rồi cau mày khi thấy biểu hiện của chồng.

“Có chuyện gì vậy?”

“Vimal bị thương trong vụ cướp. Tên kia đã bắn nó. Nó không kể với tôi.”

“Ôi không! Tin tức không nói gì đến,” mẹ cậu nói và cau mày. Bà đi thẳng tới chỗ con trai.

“Viên đạn không trúng vào con. Con đang nói vậy mà. Mấy mẩu đá thôi. Không sao cả.”

“Trời ạ. Để mẹ xem.”

Trong tiếng Anh cổ, ‘papa’ nghĩa là ‘bố’

“Không cắt vào da. Chỉ có vết bầm thôi.”

“Con cho mẹ con xem. Ngay bây giờ.” Giọng Papa cậu đã nhuốm màu bực tức.

“Ở đâu?” Mẹ cậu hỏi, nắm nhẹ vai con trai bà.

“Mạn sườn con. Không có gì đâu.” Sao cậu lại đi hở ra với thằng em không biết?

“Con đi bệnh viện chưa?”

“Không, mẹ. Con ổn cả mà. Thật đấy.”

“Đủ rồi!” Papa quát. “Để mẹ mày xem đi!”

Môi mím chặt, Vimal quay sang mẹ, xoay lưng về phía cha và em trai. Bà mẹ - một y tá thuộc khoa ung thư nhi của bệnh viện Mount Sinai Queens - quỳ xuống và giở hai lần áo sơ mi của cậu lên. Chỉ có Vimal trông thấy bà chớp mắt khi bà phát hiện ra những vết bầm tím sẫm màu cà dái dê, lớp băng gạc và vệt Betadine sót lại. Bà cẩn thận xem xét vết thương do mảnh kimberlite gây ra và có lẽ đã nhận ra một bác sĩ ER* đã khâu chỗ đó. Mẹ cậu không biết gì về Adeela nhưng bà đoán được việc Vimal miễn cưỡng nói về chuyện trị thương có nghĩa là cậu đã tìm sự trợ giúp từ một người bạn không phải người Hindu (chuyện cậu đã tìm đến một người Hồi giáo vẫn chung chăn gối với cậu hoàn toàn không thâm nhập vào bất kỳ ý nghĩ nào của bà).

Bác sĩ thuộc phòng cấp cứu

Mẹ cậu nhìn lên. Mắt họ gặp nhau. Bà hạ áo con trai xuống.

“Vimal không sao. Vài vết bầm nhỏ thôi. Chỉ có thế. Bữa tối sẵn sàng rồi. Ăn thôi.”

CHƯƠNG 26

Gia đình Lahori có lẽ ăn bữa tối truyền thống khoảng ba lần một tuần, còn lại ăn theo kiểu Tây. Không có lịch trình cụ thể rằng ngày nào bà mẹ sẽ dọn ra món nào, mặc dù khi Papa cậu đi chơi bowling - ông tham gia một đội và rất giỏi - bà sẽ làm các món cho con trai kiểu như bánh mỳ kẹp thịt hay mì Ý hay pizza, đôi khi còn có xúp, salad và bánh sandwich. Tối nay bà làm gà nướng, ngô nguyên bắp, rau chân vịt nấu với kem rắc hạt hồ đào. Ẩm thực Ấn chỉ có mỗi bánh mỳ naan nhưng bữa ăn vẫn ít hương vị Nam Á hơn cả món chủ lực ở Food Bazaar và Whole Foods và bất kì một nhà hàng Hàn Quốc nào trong phạm vi đi bộ quanh nhà.

Ai mà không thích naan nào?

Mẹ cậu nấu ăn ngon, với bản năng dùng gia vị rất tốt. Vimal yêu các món ăn bà nấu.

Mặc dù vậy, tối nay cậu không ngạc nhiên rằng mình chẳng hề muốn ăn.

Điều cuối cùng cậu muốn làm là ăn uống - không, điều *áp chót* cậu muốn làm là ăn. Số một trong danh sách ấy phải là không nói về vụ cướp. May mắn là có vẻ như Papa cũng trân trọng nghi thức này. Khi mẹ bắt đầu hỏi về chị gái ông Patel và lũ trẻ và đám tang cũng như lễ tưởng niệm, chồng bà đã khoát một tay kêu bà im lặng. Với Vimal, có vẻ như tình trạng run tay của ông đã tệ đi.

Vimal trộm nghĩ mẹ cậu mới kiên nhẫn làm sao, như cậu từng nghĩ hàng trăm lần rồi. Cậu tự hỏi có phải bà đã tập được phẩm chất này nhờ công việc không. Cậu tưởng tượng bà sẽ phải luôn kiên cường và mạnh mẽ, vững vàng, nhưng vẫn tử tế với những người thân xung quanh cũng như bệnh nhân của mình nữa. Và bà sẽ phải luyện tập chúng suốt ngày dài; tất nhiên bác sĩ chỉ đi thăm bệnh có giờ; y tá thì luôn phải túc trực trong bệnh viện.

Câu chuyện trên bàn ăn trôi qua một cách ngớ ngẩn. Papa hỏi Sunny về bài kiểm tra trong lớp sinh học. Ông hỏi Vimal mấy lần liền về chuyện cậu đã cắt hình bình hành như thế nào. Sao cậu lại chọn hình dạng ấy? Cậu điều chỉnh thanh cố định như thế nào?

Vimal ậm ừ. Cậu bảo mình không nhớ được. Và điều này cũng không cách xa sự thật mấy. Cậu đã kiệt sức. Nỗi kinh hoàng của hai ngày vừa qua làm trái tim và cả tâm trí cậu kiệt quệ. Chốc chốc, hình ảnh bàn chân ông Patel chỉa lên trần nhà mờ tối trong cửa hàng lại nhá lên. Papa chuyển đề tài sang giải Ngoại hạng Anh và UEFA Champions League cứ như ông đang ra ngoài với bạn bè sau một giải bowling, đang ngồi uống bia Kingfisher ở quán Raga vậy. Ông kể với các con trai về trận Real Madrid đá rất căng. Còn trong một trận cầu khác, tiền đạo đội Man U đã bị vặn sườn và có lẽ vỡ mắt cá chân. Vì lí do gì đó mà ông đưa ra những thông tin này kèm theo một cái nháy mắt.

Rồi ông nhắc mẹ cậu ngày mai đi lấy áo sơ mi cho ông ở chỗ thợ may. Và ông khen bà vợ thật lòng vì các món tối nay. Ông nói thêm rằng kể cả nó cần thêm chút muối cũng không sao. Thà thêm vào

sau còn hơn phải nấu lại vì trót cho mặn quá. Ông cười hài lòng với sự đảm đang của bà vợ.

Vimal thở dài. Bố cậu không để ý.

Khi đã ăn xong và bà mẹ đã rửa bát đĩa, ông nở nụ cười hiếm hoi và hỏi một câu đáng kinh ngạc: “Chơi sắp chữ không?”

Vimal nhìn đăm đăm.

“Sao nào?” cha cậu hỏi.

“Con… không muốn chơi gì lắm.”

“Không à?”

“Vim?” em cậu hỏi. Bởi vì Sunny hẳn đã cảm nhận được Papa muốn nó hỏi. Sunny thường đóng vai trò như tuyến hai của một đội lính tấn công vậy.

“Không, tối nay thì không?”

Ông gật đầu chậm rãi. “Vậy con muốn làm gì?”

Nhìn vào mắt ông bố, Vimal nhận ra thời điểm đã đến. Cậu mệt, cậu cảm thấy đau, các kế hoạch của cậu đã tan tành y như những viên đá cậu mang tới chỗ ông Patel.

“Con sẽ xuống xưởng ở dưới nhà.” Sự chuyển điệu trong câu nói làm cho nó thành một câu hỏi e dè.

Rồi bố cậu từ từ gật đầu. “Bố sẽ gặp con dưới đó.”

“Chờ con một phút. Con muốn lấy áo len dày hơn.” Vimal đứng dậy và lên gác. Cậu tìm được thứ mình cần rồi đi vào trong bếp, tới cửa hầm. Cậu đi xuống bậc thang dốc và vào trong xưởng.

Ở đây, cậu thấy hồi hộp - thực ra là hơi buồn nôn - trong lúc chờ cha mình, cậu ngồi lên một cái ghế băng. Cậu nhìn sang một trong những bức tượng dang dở của mình. Hiện cậu đang làm một vài mẫu trên đá granit, ngọc bích, mắt hổ và thanh kim màu xanh da trời. Ở góc phòng là một cái bàn xoay scaife, tương tự với cái cậu dùng để đánh bóng viên kim cương hình bình hành, và trên tường là nhiều loại thanh cố định. Bản thân Papa từng là một nghệ nhân kim cương tài năng, dù không có cảm hứng, và sau khi phải nghỉ hưu từ nhà máy ông từng làm việc ở quận Kim Cương, ông vẫn tiếp tục nhận vài việc về nhà làm, ngay trong căn hầm này, trong khoảng thời gian lâu nhất ông có thể. Khi cuối cùng ông cũng phải chia tay ngành cắt kim cương hoàn toàn, Vimal thừa kế lại xưởng làm việc và dùng nó làm xưởng điêu khắc.

Đây là nơi cậu có thể dùng toàn bộ giờ giấc tỉnh táo của mình.

Những căn phòng này ban đầu vốn là phòng dành cho khách. Có một nhà tắm và một căn bếp nhỏ gồm bếp nấu và tủ lạnh bé. Trên bàn làm việc, nơi trước kia từng là phòng khách, là các dụng cụ và thùng các tông được sắp xếp cẩn thận chứa toàn đá. Ở đó có một dụng cụ khí nén D cỡ hai xăng ti mét, các loại búa, đục đầu tròn, đục có ngạnh, nêm và chèn để đập đá, dụng cụ xẻ đá, cưa máy, cưa tay. Một bộ dao lưỡi bọc kim cương để cưa xoay - giống với cái mà cậu có thể dùng để cắt hình bình hành nếu không chọn lưỡi laze. Chỉ để thấy dễ chịu, cậu cầm lên chiếc búa yêu thích nặng hai cân của mình và vuốt ve những chỗ lõm và đầu búa trầy xước.

Một bên tường là các thùng các tông chứa hàng ngàn tạo tác của gia tộc Lahori, phần nhiều là từ bên họ của cha cậu trong

chuyến bay khổ sở từ Kashmir tới Surat, Ấn Độ, và hành trình ít chông gai hơn từ đó tới Hoa Kỳ.

Mỗi khi nghỉ ngơi trong lúc đang làm một tác phẩm nào đó, Vimal lại dành thời gian lục lọi trong những chiếc thùng chất đầy lịch sử nhà Lahori ấy. Cậu nghi là cha mình đã cố ý cất chúng ở đây, để thổi bùng tình yêu thương với truyền thống gia đình nơi con trai ông. Vimal đã chẳng cần thêm chút thúc đẩy nào. Cậu luôn mê mải ngắm các bức ảnh chụp ông nội trong một nhà máy kim cương ở Surat. Mướt mải mồ hôi, cáu bẩn, đen xì, căn phòng mài cắt mà Dada* cậu ngồi trong đó dễ có đến sáu bảy chục người, mỗi bàn scaife là bốn người ngồi, cúi gằm xuống với những que cố định. Lúc bức ảnh được chụp, ông cậu chỉ mới ngoài hai mươi, và có mình ông, trong đám hai mươi người nhìn vào thợ ảnh, là đang cười. Hầu hết các thợ cắt khác đều có vẻ choáng khi ai đó muốn ghi lại những công việc nhàm chán của họ.

‘dada’ trong tiếng Anh-Ấn nghĩa là ‘ông nội’

Dada dần dần leo lên vị trí những thợ cắt giỏi nhất ở Surat và nghĩ ông thậm chí có thể làm tốt hơn thế ở New York. Ông dùng những đồng rupee cuối cùng tiết kiệm được để đưa người vợ, cậu con trai Deepro và ba anh em trai cùng hai em gái khác của Deepro tới Mỹ. Trải nghiệm của họ không sung sướng gì. Người Ấn Độ có thể thống trị ngành kim cương ở Surat nhưng ở New York thì đó là người Do Thái.

Mặc dù vậy, từng chút một, họ, cùng với những thợ cắt Hindu khác, đã dần dần có chỗ đứng trong giới kim cương ở New York.

Trước sự kiên quyết của cha cậu, Vimal đã tới cửa hàng cắt kim cương của ông nội trên tầng thượng một toà nhà tối om, ẩm thấp ở phố 45 và ngồi bên ông già hàng tiếng đồng hồ, xem bàn tay ông cuộn quanh thanh cố định, ấn một viên kim cương vào bàn xoay như thôi miên.

Chính ở đó cậu bé Vimal đã quyết định cậu sinh ra là để biến đá thành một cái gì khác.

Dù không chính xác như những gì cha cậu dự định.

Dada đã nghĩ gì về khao khát từ bỏ thế giới cắt mài kim cương để trở thành một thợ điêu khắc của Vimal? Cậu có cảm nhận là chắc ông sẽ không phiền cho lắm. Rốt cuộc, chính ông là người đã dám mạo hiểm - thực hiện một bước nhảy vọt khi mang toàn bộ gia đình mình tới một đất nước mới mẻ và có khi còn thù địch.

Tổ tiên bên phía mẹ Vimal không được truyền lại rõ ràng như vậy, không phải vì Papa không thèm ghi chép lịch sử của một người đàn bà (à, cũng không hẳn là sai) mà vì bà đã là đời thứ sáu sinh ra ở Mỹ, và tổ tiên bà tới từ New Dehli - Đại Thủ đô với hơn bốn mươi triệu dân, một nơi rất khác biệt so với Kashmir. Mẹ cậu đã hoàn toàn bị Tây hoá. Tổ tiên của bà giống một nồi lẩu thập cẩm, thứ này một chút, thứ kia một chút. Gốc gác gia đình bà bao gồm các cuộc hôn phối đa dạng, li hôn, và một hai người đồng tính nữa. Tất cả những điều này củng cố thêm trong lòng bà một niềm cảm kích - chứ không phải là sùng bái - nền văn hoá Hindu, và chủ ý đóng một vai trò im lặng, dù về cơ bản không phải là quỵ luỵ, trong cuộc hôn nhân của mình.

Vimal bật chiếc đèn làm việc của cậu bên trên ghế băng. Cậu quan sát tỉ mỉ món đồ cậu đang làm. Nó rất đơn giản, được khắc từ một mẩu đá cẩm thạch lớn, màu trắng ngà, đến từ Venezuela: một ngọn sóng ở đỉnh cao nhất của nó sắp sửa cuộn và đổ sập xuống. Gần đây, cậu trở nên ham thích với ý tưởng tái tạo lại các chất liệu và cử động không-phải-là-đá trên đá: gỗ, hơi nước, tóc, và - như với tác phẩm này - cả nước. Cậu muốn làm nước vì Michelangelo đã bỏ qua sóng khi ông tạc bức tượng Poseidon đang ngồi. Vimal hi vọng mình có thể vượt qua bậc kỳ tài.

Đó chẳng phải là ví dụ cho sự kiêu ngạo của loài người, điều đã khiến các vị thần trút mọi cơn thịnh nộ lên đầu họ hay sao?

Thôi nào, cậu nghĩ và nhìn lên trần nhà. Làm cho xong việc này đi. Tim cậu đập mạnh và đầu gối phập phồng mạch đập. Cậu thấy mình đang vân vê chuỗi vòng và choáng vì mình vẫn còn đang đeo nó. Cha có trông thấy không? Cậu lột nó ra và nhét vào túi quần.

Giờ thì cậu nghe tiếng bước chân trên cầu thang và biết đã đến lúc "có vài lời", như Dada từng nói. Một cách ẩn dụ nhẹ nhàng thay cho cãi vã. Cái nhìn lướt qua giữa cha cậu và cậu ở trên gác có hàm ý rõ ràng, khi không thể có một cuộc nói chuyện giữa đàn ông với đàn ông, thì phải là giữa cha và con… và câu chuyện đã bị trì hoãn quá mức.

Cha cậu xuất hiện trong xưởng. Ông ngồi lên một cái ghế đẩu. Vimal đặt cái búa xuống.

Papa không tốn chút thời gian nào. "Con muốn nói gì."

"Chúng ta đã vờn quanh chủ đề đó."

Bởi vì cha luôn mất bình tĩnh và không chịu nổi bất kỳ ai trái với ý mình. Tất nhiên, cậu không nói ra câu này.

“Chủ đề đó?”

“Vâng, Papa. Nhưng chúng ta cần nói về nó.”

“‘Nói về’ tức là sao?”

Cha cậu đã đến Mỹ từ năm lên hai. Ông đọc hai tờ báo Mỹ một ngày, từ trang đầu đến trang cuối, và lấy tin tức từ Truyền thông công cộng, ngoài các nguồn bằng tiếng Ấn khác. Ông biết chính xác từ đó nghĩa là gì.

Vẫy một bàn tay run run, Papa nói, “Nói đi. Muộn rồi. Bố phải giúp em con học bài. Nói xem ý con là gì.”

Câu cạnh khoé có chủ đích của ông bố làm Vimal tức giận. Vì vậy cậu nói nhanh, “Được rồi. Là thế này: Con không muốn dành cả đời cắt những mẩu các-bon chỉ có mỗi việc nảy tưng tưng giữa khe ngực đàn bà.”

Cậu lập tức hối hận vì cách dùng từ thô thiển và sợ hãi một câu đáp trả dữ tợn.

Nhưng cha cậu chỉ cười, làm cậu ngạc nhiên. “Không à? Sao lại không?”

“Việc đó không làm con vui, không làm con cảm động.”

Papa cậu chề môi dưới ra. “Đường cắt hình bình hành của con. Nó không giống bất kì thứ gì mà Nouri từng gặp. Bố cũng thế. Ông ấy đã gửi cho bố ảnh viên đá.”

Sao mình lại đồng ý cắt nó nhỉ?

Sự phản bội tồi tệ nhất ngày hôm nay không phải là việc Bassam bán đứng cậu; mà chính là lựa chọn của Vimal. Bằng việc chấp thuận cắt kim cương lấy tiền - ba mươi đồng bạc* của chính cậu - cậu đã củng cố thêm luận điểm của cha là cậu có tài năng độc đáo trong nghề cắt kim cương.

Ba mươi đồng bạc là cái giá mà Judas đã cầm để phản bội Chúa Jesus theo Kinh thánh, Tân ước.

Mình đã là Judas của chính mình, cầm cậu siết lại. Thấy không, kim cương huỷ hoại hết mọi thứ.

Papa khăng khăng, “Chẳng lẽ *việc ấy* không làm con cảm động?”

“Đó chỉ là một thử thách về mặt kỹ thuật. Con thích đường cắt đó, đúng. Vì lí do trên thôi. Chứ con không, con không biết nữa, không đam mê gì chuyện cắt mài cả.”

“Bố thì nghĩ là có đấy, con trai.”

“Dù *bố* có muốn gì, Papa à, con không muốn dành cả đời cho ngành trang sức. Chỉ đơn giản như thế thôi.” Đây là lần Vimal phản kháng mạnh nhất từ trước tới giờ.

Mắt cha cậu lại lướt tới chỗ một bức tượng khác. Tác phẩm là một tập hợp các hình khối, cái nọ hoà vào cái kia. Cậu gọi nó là *Điện thoại,* đặt theo tên một trò chơi trong đó người nọ thì thầm một cụm từ với người kế bên và cứ như vậy lan toả, trong quá trình đó từ gốc sẽ biến thành một cái gì đấy hoàn toàn khác. Bức tượng cẩm thạch đã giành giải nhất trong một cuộc thi ở Phòng trưng bày Field tại SoHo. Vimal không thể không nhớ lại là trong lúc tất cả mọi người đều ngợi khen cậu, không ai muốn mua nó cả. Nó được định giá

một ngàn đô, chỉ bằng một phần ba số tiền cậu được trả cho lần cắt kim cương ngày hôm nay.

Papa nói tiếp, “Bố không hiểu, con trai.” Một cái hất cằm về phía *Con sóng.* “Con là một nghệ sĩ. Rõ ràng con rất có tài. Con hiểu về đá. Không có nhiều người làm được. Điều đó rất là hiếm có. Nhưng sao không phải là một nghệ sĩ làm ra…”

“Tiền?” Vimal ngạc nhiên với chính mình vì đã thực sự cắt lời cha.

“… một sự khác biệt trong thế giới trang sức.”

Vimal nói, “Chẳng có sự khác biệt nào để tạo ra trong thế giới đó cả. Nó là thế giới của bề ngoài. Không có gì hơn thế.”

Cậu vừa mới sỉ nhục cha và ông nội mình, cùng với rất nhiều tổ tiên cùng huyết thống Lahori. Nhưng Papa không phản ứng gì.

“Cái… kế hoạch của con ấy. Bỏ chạy. Con định làm gì nào?”

Nghị lực của Vimal đang lên. Cậu không né tránh như mọi khi nữa. “Tới California. Kiếm bằng MFA*.” Cậu đã bắt đầu học cao đẳng từ khi mới mười bảy và tốt nghiệp sớm. Học hành cũng như điêu khắc, đến với cậu dễ dàng.

Viết tắt của ‘Master of Fine Arts’ - Bằng Thạc sĩ Nghệ thuật

“California? Ở đâu?”

“UCLA*. Bang San Francisco.”

Trường Đại học California, Los Angeles.

“Sao lại ở đó?”

Cả hai đều biết câu trả lời. Khoảng cách bốn ngàn cây số. Nhưng Vimal nói, “Nghệ thuật tạo hình. Chương trình điêu khắc rất hay.”

“Con sẽ phải làm việc. Ở đó đắt đỏ lắm.”

“Con định sẽ đi làm. Con sẽ tìm việc gì đó. Tự trả học phí.”

Cha cậu lại ngắm nghía tác phẩm dở dang.

“Tốt lắm.”

Cha thật có ý đó không? Vimal không đọc nổi từ mắt ông. Có thể. Nhưng cũng có thể đó là cách một khách hàng nhìn ngắm chiếc nhẫn hay mặt dây chuyền. Khuôn mặt người chồng hay anh bạn trai sẽ sáng lên ngưỡng mộ. Nhưng còn cô gái đi cùng họ, người nhận thì sao? Miệng cô ta sẽ cười và cô ta sẽ thì thầm. “Ôi đáng yêu quá.” Nhưng mắt cô ta lại nói khác. Cô ta đã trông đợi nhiều hơn. Đẳng cấp hơn. Nổi bật hơn.

Hoặc thường xuyên là: to hơn.

“Nghe bố này, con trai. Bố có thể thấy con đã suy nghĩ về chuyện này một thời gian dài rồi.” Ông thở dài. “Và bố cũng hiểu là mình đã không thực sự lắng nghe con. Tội ác khủng khiếp với ông Patel lần này, nó đã làm bố nhìn mọi chuyện khác đi. Bố muốn hiểu con. Con có thể ở đây vài ngày - để cảnh sát bắt được tên đó đã. Rồi, chà, chúng ta có thể nói chuyện. Bố muốn nghe thêm về việc con muốn làm gì. Chúng ta có thể bàn bạc thêm về chuyện đó. Thật đấy. Bố hứa là thế.”

Vimal chưa bao giờ nghe cha cậu nói chuyện hợp tình hợp lý như vậy; hoá ra cả ông cũng đã bị chấn động, một cách sâu sắc, vì

tội ác này. Vimal cảm thấy nước mắt đang dâng lên. Cậu đấu tranh với nó. Cậu ôm lấy cha. “Chắc chắn rồi, Papa.”

Ông già lại gật đầu lần nữa khi nhìn *Con sóng.* “Trông nó thực sự rất giống nước. Bố không biết làm sao con làm được như thế.” Ông trở ra, đóng cửa lại sau lưng.

Vimal nhìn vào bức tượng của cậu. Cậu đeo găng tay và kính bảo hộ vào, bật máy mài và tiếp tục công việc thần thánh là biến đá thành nước.

CHƯƠNG 27

Cửa hàng Henri Avelon thật hoàn hảo.

Tuyệt đẹp. Không, phải nói là đẹp đến nghẹn thở.

Lúc đầu Judith Morgan, chẳng bao lâu sẽ là Judith Whelan, không chắc chắn lắm về lựa chọn này. Cửa tiệm váy cưới trên đầu Đại lộ Madison dễ có đến năm mươi mẫu váy khác nhau nên việc đưa ra quyết định mất chút thời gian. Tất nhiên Sean không thể giúp cô việc này. Không chú rể nào được phép trông thấy chiếc váy của cô dâu trước khi bước lên lễ đường. Với mẹ cô, một người phụ nữ tin tưởng rằng tiền là thước đo chất lượng tốt nhất, bà hẳn sẽ làm cả nhà phá sản vì chiếc váy bà muốn chọn cho con gái. Chứ không phải chiếc mà Morgan muốn.

Cô gái tóc vàng nhìn vào hình ảnh chiếc váy ngọt ngào bằng sa tanh trong gương một lần nữa, dù không mỉm cười, cô vẫn hài lòng khôn tả. Cô chậm rãi xoay, để ngắm được phần sau lưng nhiều nhất có thể và quay lại vị trí đứng thẳng. Cô đã thực hiện được mục tiêu giảm sáu cân và chiếc váy ôm lượn ở đúng chỗ cần thiết, bám vào đúng chỗ cần bám, nhưng vẫn còn kha khá diềm xếp nếp và khoảng trống ở vạt sau.

Nhìn vào đường cắt vỏ sò, đuôi váy vừa phải (chỉ dài bằng nửa chiếc váy thảm hoạ của chị gái cô), lớp vải lấp lánh và vai áo vải voan, cô biết mình đã quyết định đúng.

“Chính là nó rồi, cô bạn thân mến ạ,” Frank nói, và mặc dù chắc chắn anh ta có lợi trong việc bán cho cô chiếc váy giá ba ngàn đô-la, cô biết là anh ta nói thật lòng.

Cô ôm anh ta. Đây là lần chỉnh sửa cuối cùng. Còn hai tuần mới đến ngày cưới nhưng cô có chuyến công tác tới một trong các khách hàng của công ty quảng cáo của cô sau vài ngày nữa, và cô sẽ không có nhiều thời gian sau khi quay lại để hoàn thành mọi kế hoạch cho đám cưới 257 vị khách của mình. Mục chọn váy sẽ phải kết thúc ngay bây giờ.

Và nó đã được hoàn thành.

“Khi nào đội của cô mới đến?” Frank hỏi.

Các cô phù dâu. Để chọn những chiếc váy màu xanh chim mòng két đồng bộ, với những đôi giày đồng bộ, cả quần tất và hoa gài nữa. Frank đúng là quà của thượng đế.

“Vài ngày nữa. Rita sẽ gọi, để đặt hẹn.”

“Tôi sẽ lấy sâm-panh.”

“Tôi yêu anh, anh biết không,” Morgan nói và gửi anh ta nụ hôn gió.

Lúc này đã bảy giờ tối, tới giờ đóng cửa. Khi cô mới đến một giờ trước, cả cửa hàng vẫn tưng bừng - tất cả các cô dâu trẻ tuổi còn đang đi làm ấy, bận rộn cả tuần, chỉ có mỗi ngày thứ Bảy và Chủ nhật để chọn may chiếc váy của đời người. Giờ thì nơi này đã vắng tanh trừ hai người bọn họ, và một thợ may ở phòng sau.

Frank giúp cô bước xuống khỏi chiếc bục đã đứng để chuốt váy lần cuối.

Lúc bước xuống, cô ngoái nhìn lần cuối cùng trong gương. Và vô tình liếc sang hình ảnh phản chiếu cửa sổ đằng trước chứ không phải bản thân mình. Cánh cửa đang mở ra Đại lộ Madison bận rộn. Như mọi khi, Madison luôn bị tắc nghẽn: vào lúc này là bởi những người đi ăn tối, hoặc trở về nhà từ buổi mua sắm ngày Chủ nhật, hay từ một vở kịch, bộ phim hoặc bữa tối sớm nào đó.

Mặc dù vậy, thứ thu hút sự chú ý của Morgan là một người đàn ông đang nhìn vào cửa sổ.

Cô không thể trông rõ mặt anh ta; trên phố không còn nhiều ánh sáng nữa và anh ta lại đứng ngược sáng từ các ngọn đèn trên đầu lẫn đèn đường.

Kỳ lạ, một người đàn ông mặc áo khoác đen và đội mũ len đang nhìn chằm chằm vào một cửa sổ trưng bày áo cưới.

Ông ta đi tiếp. Có lẽ đó là ông bố của một cô dâu vừa đính hôn nào đó, đang dừng bước ngó nghiêng ủ dột trước một món chi tiêu nữa mà ông phải đối mặt sau khi John hay Keith hay Robert nào đấy quyết định làm một việc trịnh trọng.

Vài phút sau, cô đã ra khỏi phòng thay đồ, quay lại với chiếc quần bò bụng rộng, mà nay đang lỏng lẻo bám quanh hông cô một cách đáng mừng. Áo thun. Một chiếc áo len tuần lộc vì cô đang có tâm trạng đó. Judith sẽ-sớm-trở-thành-Whelan đang hết sức hào hứng. Cô quấn một cái khăn quanh cổ, rồi mặc chiếc áo khoác cotton màu đen và đeo găng tay da mềm vào.

Cô tạm biệt Frank, anh ta đang tắt hết đèn đóm.

Cô bước ra ngoài, rẽ sang hướng bắc, đi về căn hộ của mình.

Vừa đi cô vừa nghĩ về chiếc váy, về tuần trăng mật. Atlantis ở Bahamas.

Ân ái trong lúc lắng nghe đại dương. Một việc mà họ chưa từng làm. Sau đó là ăn ốc chiên giòn. Morgan biết họ phục vụ món đó ở Bahamas. Cô luôn nghiên cứu trước mọi thứ tỉ mỉ.

Cô dừng ở một quán đồ ăn sẵn nơi góc phố, mua một chai Pinot Grigio và quay sang quầy salad, chọn một hộp rau diếp xoăn, cà chua và “fixens” (cô từng nghe có khách hàng phàn nàn về lỗi sai chính tả này, nhưng cô lại nghĩ: xin lỗi, có gì khó hiểu sao? Hơn nữa, bà nói được bao nhiêu tiếng Hàn Quốc đây?)

Rồi cô quay ra phố và đi về toà nhà của mình. Đúng là nó ở khu Thượng Đông, nhưng khu này cũng có nhiều địa điểm không đáng tiêu chuẩn của Trump. Toà nhà gạch nâu của cô cao bốn tầng, chỉ có cầu thang bộ, vô cùng cần được tẩy rửa toàn bộ và sơn sửa lại.

Cô bước vào cửa của sảnh chính và chỉ vừa kịp mở nó ra để đi vào trong thì nghe thấy tiếng bước chân đằng sau lưng. Gã đàn ông mặc đồ đen, là gã đã đứng ngoài cửa hàng của Frank - lúc này đầu gã đã được mặt nạ trượt tuyết che kín. Hắn đẩy cô vào trong.

Tiếng thét của cô bị chặn lại khi hắn dùng một bàn tay bịt miệng cô. Hắn thúc cô đi nhanh trên hành lang, tiến tới một hốc tường bên dưới chân cầu thang, chỗ cô cùng những người thuê tầng ba cất xe đạp. Hắn gạt đám xe sang bên và đẩy cô xuống sàn trong tư thế ngồi. Hắn lột chiếc túi xách khỏi vai cô, giật túi đồ ăn trên tay cô.

Cô nhìn chằm chằm vào khẩu súng.

“Làm ơn…” Giọng cô run rẩy.

“Suỵt.”

Có vẻ như hắn đang nghe ngóng giọng nói hoặc bước chân. Tất cả đều im lặng - trừ tiếng tim Morgan đang đập điên cuồng và hơi thở hổn hển khó nhọc của cô.

Hắn nhét khẩu súng vào túi rồi dựng thẳng mấy chiếc xe đạp và dựa chúng vào tường để bất kỳ ai nhìn qua cửa cũng không thấy chúng đang nằm nghiêng và nghĩ có chuyện gì đó không đúng. Chân cô đang thò ra ngoài sảnh và hắn đá nó - nhẹ thôi - để nó tụt vào dưới cầu thang, không lộ ra ngoài. Rồi hắn ngồi xổm xuống trước mặt cô.

“Ông muốn gì? Làm ơn… cứ việc lấy thứ gì ông muốn.”

“Găng tay,” hắn quát.

“Ông muốn găng tay của tôi.”

Hắn cười mỉa mai. Rồi trở nên giận dữ. “Sao tao lại muốn đôi găng chết tiệt hả? Tao muốn mày cởi cái đôi găng tay chết tiệt ấy *ra.”*

Cô làm theo. Và trong lúc hắn nhìn vào bàn tay trái của cô, Morgan cuộn tay phải thành nắm đấm và dộng thẳng vào cằm hắn. “Thằng khốn!” Cô đánh hắn lần nữa, nhắm vào chỗ thấp hơn và đấm trượt bộ hạ hắn vài phân.

Hắn chớp mắt vì ngạc nhiên chứ không phải vì đau. Đôi mắt xanh ánh lên vẻ hài hước.

Morgan lại giật tay ra sau nhưng cú đấm của hắn trúng đích trước - cũng là vào cằm - và nó làm đầu cô đập thẳng vào tường.

Tầm nhìn của cô đen kịt và nhòa đi một phút. Rồi cô tập trung nhìn lại được.

“Không được đâu, vẹt cái.” Hắn cúi xuống cô, tóm tóc và kéo cô lại gần. Cô ngửi thấy mùi khói thuốc lá và hành. Nước hoa sau cạo râu. Rượu. Cô phải dồn hết ý chí để không nôn mửa. Nhưng rồi cô nghĩ có khi việc đó lại làm hắn nản và cố nôn khan.

Hắn giật tóc cô lần nữa, rất mạnh. Một tiếng thì thầm: “Không, không, không. Không làm thế nhé. Ok?”

Morgan gật đầu. Cô ý thức được mắt hắn không hề quét trên bụng cô như cô đã tưởng. Mối quan tâm duy nhất của hắn là với những ngón tay cô. Thực ra, chỉ là ngón đeo nhẫn thôi.

Đó là thứ hắn muốn. Và giờ cô đã hiểu ra. Tất nhiên rồi. Một cô gái ở trong tiệm váy cưới sang trọng trên khu Thượng Đông. Cô ta hẳn đã đính hôn… và cô ta sẽ đeo một viên đá khủng.

Và cô đúng là thế.

Sean làm việc cho Harper Stanley ở bộ phận nước ngoài. Cha anh là nhà sáng lập Marsh và Royal, một quỹ đầu tư lớn. Mẹ anh là cộng sự ở Logan, Sharp và Towne, một hãng luật trên Phố Wall.

Chiếc nhẫn trên ngón tay cô có giá bốn mươi hai ngàn đô la, Nó được gắn một viên kim cương năm cara mặt tròn, mỗi bên gắn một viên hình hạt thóc một cara nữa.

“Lấy đi,” cô thì thào.

Mắt hắn nhìn xoáy vào mắt cô. “Lấy gì? Sự trong trắng của mày hả? Ha, đùa thôi. Mày có mùi của con điếm trong ký túc xá. Trước hôn phu mày đã cặp với bao nhiêu thằng rồi hả?”

Cô chớp mắt. “Tôi…”

“Nó có biết không?” Rồi hắn cau mày. “Hay ý mày là cứ lấy ví, thẻ tín dụng của mày? Hừm, hừm.” Giả vờ ngạc nhiên, hắn nói, “Ôi không, ý mày là cái nhẫn của mày hả. Mẩu đá trên ngón tay buồn thảm này ấy à? Hôn phu của mày có thích tay mày không? Tên nó là gì?”

Morgan lúc này đã bật khóc, cô nói, “Tôi không nói cho ông đâu.”

Con dao - một trong những loại có lưỡi thụt vào được - bỗng xuất hiện. Cô hét lên, cho đến khi hắn vung nó lên và cô lại rơi vào im lặng.

Kẻ tấn công nhìn vào cửa trước. Lắng nghe lần nữa. Không có phản ứng gì. Thực tế, ngay lúc này, toà nhà trống đến hai phần ba. Một cặp vợ chồng đang đi nghỉ. Anh chàng đồng tính đi nghỉ cuối tuần với bạn bè ở Hamptons. Hai phòng khác còn chưa ai thuê.

Morgan chắc chắn ông bà Kieslowski vẫn ở đây đêm nay, vừa nhai đồ ăn Trung Quốc vừa ngấu nghiến phim *Trò chơi vương quyền.* Họ sẽ chẳng giúp được gì.

Cô lại nhìn vào lưỡi dao.

Hắn không lấy được tên Sean đâu, cô tự nhủ, mặc dù cô cũng nghĩ rằng nếu hắn tới gặp Sean thì hôn phu của cô sẽ đập hắn một trận nhừ tử. Sean đi tập năm buổi một tuần.

Nhưng gã này dường như đã mất hứng thú với đời sống yêu đương của cô, hắn bị hút về phía chiếc nhẫn một cách mãnh liệt. Bằng một cú nắm tay, cô không tài nào kháng cự được hắn lôi tay cô lại gần mặt mình.

“Bao nhiêu cara, chúng có nói cho mày biết không? Bốn rưỡi hả?”

Cô đang run rẩy vì sợ. Chuyện quái quỷ gì thế không biết?

“Bao nhiêu cara chết tiệt hả?” hắn đã hơi cáu.

“Năm.”

Lắc đầu. “Và bọn chúng đã giết đi bao nhiêu?”

Cô cau mày.

“Chúng đã phải cắt đi bao nhiêu đá để làm ra *thứ* trên tay mày?”

“Tôi… tôi không biết ý ông là gì. Tôi có thể đưa tiền cho ông. Rất nhiều tiền. Một trăm ngàn. Ông có muốn một trăm ngàn đô la không? Không hỏi han gì hết.”

Thậm chí hắn còn không nghe. “Cắt xẻ kim cương làm mày vui lắm hả?”

“Xin ông?”

“Suỵt, gà con. Nhìn mày xem. Thút tha thút thít.” Rồi hắn đẩy cô ra và nói, “Mày có khóc khi bạn trai mua cho mày kim cương bị cưỡng đoạt không hả? Không khóc đâu nhỉ? Hả?”

Hắn điên rồi… Ôi Chúa ơi, giờ cô đã hiểu. Trái tim trĩu nặng, cô nhận ra đây chính là hắn, Người hứa hẹn. Kẻ căm ghét các cặp đôi đính hôn. Hắn đã giết đôi vợ chồng ở quận Kim Cương vào ngày thứ Bảy vừa rồi. Và hắn còn tần công thêm hai người nữa. Giờ cô đã biết tại sao. Vì lí do tâm thần nào đấy mà hắn đang bảo vệ những viên kim cương.

Trong một giây, cơn giận choán lấy cô. Cô lẩm bẩm, “Đồ bệnh hoạn.”

Nắm tay trên tóc cô siết lại, cơn đau tăng lên từ da đầu. Hắn dí con dao vào cổ cô. Judith Morgan rũ người ra, đầu hàng nước mắt. Cô nhắm mắt lại và bắt đầu lặng lẽ cầu nguyện, ý nghĩ quay loạn xạ trong đầu. Hắn cúi xuống, dí trán lên trán cô. “Uyên ương, uyên ương… Tao thích cái phần thề hẹn đó lắm, mày biết không? Cho đến khi cái chết chia lìa đôi ta.”

Hắn ấn con dao vào cổ họng cô.

Ôi mẹ ơi…

Rồi hắn dừng lại và một tiếng cười nhẹ thoát ra khỏi cái miệng sặc sụa mùi của hắn. Lưỡi dao hạ xuống. “Tao có ý này rất hay. Hay hơn cả cắt xẻ… Đúng rồi, tao thích thế này đấy. Mày đối xử với kim cương như cục cứt. Tốt lắm, nuốt nó đi. Đó là chỗ nó nên ở.”

“Cái gì cơ?” cô thì thào.

Hắn nhăn mặt. “Cho cái nhẫn chết tiệt vào miệng và nuốt nó đi.”

“Nhưng tôi không làm được.”

“Thế thì chết.” Hắn nhún vai lần nữa và con dao lại đưa lên cổ họng cô.

“Không, không, không! Tôi làm. Tôi sẽ nuốt. Tôi làm!”

Cô tháo cái nhẫn khỏi ngón tay và nhìn xuống nó. Chuyện gì sẽ xảy ra? Nó sẽ chui xuống khí quản và làm cô nghẹn chết? Hay nếu nó xuống được thực quả, liệu các cạnh sắc có cắt những tế bào nhạy cảm? Cô có bị chảy máu nội tạng mà chết không?

“Hay là dao cứa cổ họng?” hắn vui vẻ ra lệnh. “Tao không quan tâm lắm đâu. Chọn đi. Nhưng ngay bây giờ.”

Bằng một bàn tay run rẩy, cô đưa chiếc nhẫn lên mặt. Nó có vẻ to quá.

Cô cảm nhận con dao trên cổ mình.

“Được rồi, được rồi.”

Cô nhanh chóng nhét món đồ trang sức vào miệng. Cô bị ọe một lần và suýt nữa chiếc nhẫn rơi ra ngoài, nhưng cô lại đẩy nó trở lại cổ họng và nuốt mạnh.

Những cơn đau xuyên qua ngực, cổ và đầu cô trong lúc cô vận dụng hết cơ bắp lần này qua lần khác để đẩy thứ chết tiệt xuống dưới. Nước mắt lưng tròng. Chiếc nhẫn đã vượt qua khí quản của cô - cô thở lại được bình thường - nhưng mắc trong thực quản, hai cạnh nhọn của những viên kim cương bé đang cắt da thịt. Máu đã phun ra. Cô nếm được nó, và khi có chút máu rơi vào khí quản và phổi, cơn ho dữ dội của cô phun trào chất lỏng đỏ tươi ra ngoài.

Lúc này là những tiếng gào khàn đặc.

Hắn vẫn còn buồn cười. “A, cô bé. Mày thấy chuyện xảy ra thế nào chưa? Mày chơi đá, đá chơi lại mày.”

Judith Morgan quằn quại vì đau và cảm giác đang chết chìm - trong chính máu mình. Cô dùng cả hai tay ôm lấy cổ họng, cố điều khiển chiếc nhẫn lên hoặc xuống. Nó không đi đâu cả và cơn đau chỉ càng tăng tiến. Không có một kế hoạch nào, trong trạng thái vô thức, cô vật vã đứng dậy và lao đến chỗ cái túi. Hắn nhấc nó lên và mở ra, rồi lấy điện thoại di động của cô và đập nát nó trên sàn nhà.

Hắn cười phá lên và thản nhiên đi xuống hành lang, ra ngoài qua cửa trước.

Vừa ho sặc sụa vừa đau muốn chết từ ngực cho đến thái dương, Judith Morgan lảo đảo đi xuống hành lang, lên cầu thang, hướng đến căn hộ nhà Kieslowski trên tầng hai.

Cầu cho họ chưa ra ngoài mà đang ngồi trên cái ghế sô pha lún nhà mình, trước mặt tivi, với các món gọi về để theo dõi các tình tiết mới lắt léo giữa Gia tộc Lannister và Gia tộc Stark.

CHƯƠNG 28

Một cuộc tấn công khác.

Lúc tám giờ tối, Rhyme đang nghe chuyện từ một thanh tra ở phố 19 trên khu Thượng Đông.

“Vâng, thưa Đội trưởng.” người đàn ông kể với anh. “Vẫn là hung thủ đó trên tin tức. Nạn nhân không sao, cô ấy sẽ sống. Nhưng… anh có tin nổi chuyện này không? Hắn bắt cô ấy nuốt chiếc nhẫn đính hôn. Hiện cô ấy đang được phẫu thuật.”

“Hiện trường đã được niêm phong chưa?”

“Rồi. Chúng tôi đã gọi xe của đội CS* từ Queens đến nhưng vì đội của anh chuyên trách vụ này, nên thiết nghĩ anh có thể muốn cử một người của mình đến.”

CS là viết tắt của ‘Crime Scene” - Hiện trường vụ án

“Chúng tôi sẽ cử người. Bảo các kỹ thuật viên chờ bên ngoài hiện trường nhé. Địa chỉ?”

Rhyme ghi nhớ nó. “Đã thẩm vấn chưa?” anh hỏi.

“Khắp năm tòa nhà xung quanh rồi. Và còn tiếp. Không có gì cả. Và điều tốt nhất mà nạn nhân nói được là hắn da trắng, mắt xanh, đeo mặt nạ trượt tuyết, mang dao và súng ngắn. Đúng hơn cô ấy gật đầu đáp lại các câu hỏi của cô. Trọng âm lạ nên cô ấy không phân biệt được. Tất cả những gì tôi hỏi được đó. Chúng tôi chỉ có vài phút trước khi họ đưa cô ấy tới bệnh viện.”

Rhyme cảm ơn anh ta. Rồi anh cúp máy và gọi cho Ron Pulaski.

“Lincoln.”

“Chúng ta có một hiện trường khác. Khu Thượng Đông.”

“Tôi có nghe vài tin trên đài. Chàng trai của chúng ta hả?”

“Phải.”

“Nạn nhân không sao, tôi nghe nói vậy.”

“Còn sống. Tôi không biết có sao không.” Việc nuốt một vật trang sức sắc nhọn vào bụng sẽ gây ra chuyện gì? Rhyme đưa địa chỉ cho chàng cảnh sát trẻ. “Xe của đội hiện trường đang đến. Tôi cần cậu kiểm tra hiện trường và quay lại đây ngay lập tức với bất kể thứ gì cậu tìm được. Sẽ có các cảnh sát và một thanh tra khu Mười chín ở đó. Tìm xem nạn nhân ở bệnh viện nào và phỏng vấn cô ấy. Và nhớ mang sổ với bút cho nạn nhân viết. Cô ấy không nói được.”

“Cô ấy … sao cơ?”

“Đi đi, Lính mới.”

Họ cúp máy.

Chuông cửa dinh thự reo và Thom ra mở, một lát sau anh ta quay lại với thám tử hãng bảo hiểm Edward Ackroyd. Ông ta gật đầu gần như trịnh trọng với Rhyme và Cooper.

Viên trợ tá đỡ áo choàng dài của ông ta - không, Rhyme nghĩ bụng, một lần nữa thay đổi ý kiến về chiếc áo ấy. Nó nên được gọi là áo mưa mới đúng.

“Cappuccino nữa nhé?” Thom hỏi.

“Anh không phiền nếu tôi đồng ý chứ, thật đấy.”

“Không, không, không,” Rhyme nói nhanh. “Một ly đơn cất.”

“À… giờ anh nhắc thì tôi sẽ nhận nhé. Để dành cà phê cho lần sau vậy.”

Thom rót ra hai ly nhỏ xíu thảm thương. Cả Rhyme và Ackroyd đều thêm một chút nước vào ly rượu.

“Glenmorangie,” Ackroyd nói sau khi hớp một ngụm. Ông ta đã phát âm chuẩn, nhấn mạnh vào âm tiết thứ hai. Ông giơ ly cao lên và ngắm nghía chất lỏng ánh vàng như trong quảng cáo. “Cao nguyên. Anh biết là giữa whisky ở đồng bằng và rượu cao nguyên có một chút khác biệt chứ, rất nhỏ thôi và tôi không chắc mình nhận ra được. Tuy nhiên, có nhiều lò chưng cất rượu ở miền núi tốt hơn dưới đồng bằng. Anh biết tại sao không?”

“Tôi không.”

“Không phải là vì than ủ hay quy trình gì đâu, chỉ là do các lò nấu rượu của người Xcốt-len cứ chạy mãi lên phía bắc để trốn tránh thuế má của người Anh. Hoặc theo những gì tôi nghe được là vậy.”

Rhyme cất mẩu tin vặt ấy một chỗ, nghiêng cốc về phía người Anh và hớp một ngụm chất cồn oi khói.

Ackroyd chọn một chiếc ghế bành không xa Rhyme và ngồi xuống với phong thái hoàn hảo của mình.

Anh kể cho người Anh nghe về cuộc tấn công mới nhất.

“Ôi không! Nuốt nhẫn đính hôn? Chúa trời ơi. Cô ấy có sao không?”

“Chúng tôi chưa biết.”

“Lại còn là cách để bù lại việc đã mua một viên đá bị cắt ư? Chúa ơi, gã này thần kinh nặng rồi.” Khuôn mặt ông ta tỏ ra hoang mang. Rồi ông nói thêm, “Nào, để tôi kể cho anh biết vài điều tôi tìm được. Tôi đã nhận được tin từ người bạn ở Amsterdam. Anh nhớ không?”

Người bán lẻ đã nhận được cuộc gọi từ số nặc danh về việc bán vài viên thô. Một cái gật đầu.

“Người bán ở New York với mười lăm cara đấy? Ông ta đã gọi lại cho Willem. Ông ta làm việc hợp pháp. Một tay môi giới kim cương từ Jerusalem. Ông ta ở New York và đã mua điện thoại ở sân bay. Không muốn lãng phí số phút gọi trên điện thoại cá nhân. Nên, đằng đó là ngõ cụt rồi. Sau đó, tôi đã nói chuyện với cả tá nghệ nhân kim cương và không ai mảy may nghe một điều gì về việc bán các viên thô của Grace-Cabot, hay tin đồn gì về một hoạt động cắt mài lớn trong thế giới ngầm cả. Thật ngớ ngẩn nhưng tôi đoán là hắn thực sự tin hắn đang cứu vớt các viên đá khỏi số phận nghiệt ngã là bị cắt ra làm trang sức đấy.”

“Nhưng, vấn đề chính này: Khoảng một giờ trước tôi đang gọi cho các nhà bán lẻ và vài người tôi quen để hỏi về trợ lý của Patel? Và một trong số họ, ở Brooklyn, đã kể cho tôi nghe chuyện đáng ngờ: Một người *nào đó* đã gọi cho ông ta vào sáng sớm hôm nay, hỏi về cộng sự hoặc trợ lý làm việc cho Patel. Tên tắt là VL. Người bán lẻ đã không thể giúp ông ta và họ cúp máy.”

Rhyme hạ ly scotch xuống và nhìn sang phía Ackroyd. “Tất nhiên ông ta không tự xưng danh.”

“Không. Và, hiển nhiên cuộc gọi từ một số giờ đã bị chặn. Nhưng tin quan trọng là đây: Người bán lẻ đến từ Nga, và ông ta nhận ra

trọng âm của kẻ gọi tới. Hắn cũng là người Nga. Và gần như chắc chắn đã sinh ra tại đó và học tiếng Anh trong một trường học ở Nga. Ông ta phỏng đoán dựa vào cách đặt câu và dùng từ. Có thể người Moscow, hoặc gần đó. Và hắn mới qua đây thôi. Hắn không hiểu từ "khu" hay chuyện Brooklyn và Queens là một phần của thành phố New York. Hắn tưởng thành phố chỉ bao quanh Manhattan."

"Có ích lắm," Rhyme nói. Và anh đã nghĩ đến cách làm sao tận dụng tối đa thông tin này. Một ý tưởng xuất hiện. Anh gõ ra một dòng tin và gửi đi.

Tin trả lời đến gần như ngay lập tức, hẹn một thời điểm để gọi điện thoại.

Rhyme gõ, K, rồi nói với Cooper, "Mel, anh có thể viết lên bảng những thứ Edward đã tìm được không?"

Cooper đi đến bảng vật chứng và điền thêm thông tin mới về Nghi phạm 47 lên danh sách.

Một chiếc điện thoại rung lên và Rhyme nhìn Ackroyd khi ông ta ngó màn hình iPhone của mình và cau mày. Rồi ông gõ gì đó trả lời. Rõ ràng lại có một tin trao đổi nữa. Ông ta cau mày nhiều hơn. Ông nhìn lên, trầm tư.

Người Anh để ý thấy ánh mắt Rhyme và mỉm cười. "Không phải vụ án đâu. Chuyện này hơi ngốc một chút. Ở London, tôi đang tham gia một nhóm tranh tài giải câu đố chữ. Anh từng chơi chưa?"

Nghe có vẻ tốn thời gian vô ích nhưng Rhyme chỉ nói, "Chưa."

Ackroyd đi đến và giơ điện thoại lên cho Rhyme thấy. Một cái liếc thoáng qua cho thấy bảng kẻ ô quen thuộc. Vài ô trống đã được

điền sẵn.

“Chồng tôi và tôi…” Một thoáng ngập ngừng, rồi tiếp: “Anh ấy dạy ở Oxford. Anh ấy và tôi cùng hai giáo sư khác từ trường Cambridge cùng một đội. Chúng tôi là Oxbridge Four. Ngốc nhỉ, tôi vẫn nói thế. Nhưng Terrance - đó là tên chồng tôi - nghĩ rằng giải đó giúp ta minh mẫn. Cha anh ấy là một fan cứng. Ông chơi mỗi ngày một lần - thường là loại không có sơ đồ: tức không có cả ô vuông để cho ta biết từ đó bắt đầu và kết thúc ở đâu. Terrance tin rằng chính trò chơi đã giúp ông bố tỉnh táo đến ngày ông mất.”

“Giờ anh đang thi à?” Rhyme gật đầu về phía điện thoại.

“Ồ không, chúng tôi phải chờ tới khi tôi về nhà mới đi thi được. Các cuộc thi được tổ chức ở những địa điểm thích hợp. Giống như thi đấu cờ vậy. Được giám sát. Để không có trò gian lận nào: từ điển, Internet. Đã có nhiều vụ tai tiếng. Tôi nói anh nghe, tranh cãi ra trò đấy.” Ông ta nhìn màn hình. “Đây chỉ là một cách để chúng tôi giữ liên lạc với nhau. Chủ yếu chúng tôi chỉ thi giải ô chữ mật mã thôi. Anh có biết không?”

“Không hẳn.”

Tức là, không biết tí gì.

“Hầu hết đều là sáng tạo của người Anh và chúng đã xuất hiện trên báo của chúng tôi cả trăm năm nay. Các nhà sáng tạo - chúng tôi gọi họ là “chủ trò” trong thế giới ô chữ mật mã - có vị thế gần như là thần thánh. Họ thường dùng các danh xưng như là Scorpion hoặc Nestor - nhân tiện đó là hai cái tên khá nổi tiếng. Người nổi tiếng *nhất* và cũng là người đã viết ra những luật riêng cho ô chữ mật mã là Derrick Somerset Macnutt, mật danh Ximenes.”

“Để tôi giải thích cách hoạt động nhé - anh có thể sẽ thích đấy, Lincoln. Ô chữ mật mã có các ô vuông, cũng tương tự như ô chữ thông thường, nhưng manh mối là các câu đố chữ mà anh phải giải đáp để lấy được câu trả lời, ngược hẳn với loại manh mối rõ rành rành như là ‘vợ của George đệ Tam’. Những chủ trò giỏi nhất là người tạo ra các manh mối vừa phức tạp phát điên lại vừa đơn giản đến mức ngớ ngẩn.”

Nhiệt huyết của Achroyd tỏa ra từ khuôn mặt bình thường vẫn điềm nhiên của ông ta.

“Này nhé, anh nhớ mỗi manh mối là một câu đố chứ. Nó chứa định nghĩa của câu trả lời và các từ hay cụm từ khác để dẫn lối cho anh, bao gồm cả việc cho anh biết câu đố thuộc loại nào: Có thể anh sẽ phải giải một câu đố đảo chữ, tìm từ bị giấu hay đảo ngược, phân tích các từ đồng thanh có nghĩa là gì.” Ông ta cười. “Tôi chắc chắn nghe không có lí gì hết. Để tôi cho anh một ví dụ. Đây là một câu đố kinh điển trên tờ *the Guardian* vài năm về trước, do một chủ trò tên là Shed tạo ra. Tôi sẽ viết xuống vì đọc thì dễ tìm câu trả lời hơn là chỉ nghe.”

Ackroyd chép:

*Câu chuyện dang dở rất buồn về làn khói đang lên (8)**

“Nào, câu trả lời sẽ xuất hiện trên ô đố chữ từ ô mười lăm trở xuống. Được chưa nào? Tốt lắm. Bắt đầu vào việc thôi. Chúng ta đang tìm gì ở đây? Thấy con số tám không. Điều đó có nghĩa câu trả lời là một từ có tám chữ cái. Và hai từ đầu tiên trong manh mối là định nghĩa câu trả lời đó. Vậy, chúng ta cần viết vào bảng từ ô mười lăm trở xuống một từ có tám chữ cái mang nghĩa ‘rất buồn’.”

Rhyme đã để trôi mất sự sốt ruột và đang tập trung chú ý. Mel Cooper cũng đã quay sang lắng nghe.

Ackroyd nói tiếp, “Từ tiếp theo, ‘dang dở’ định nghĩa từ sau nó. ‘Câu chuyện dở dang’. Trong mật mã, anh luôn phải hoài nghi nghĩa đen. Nếu chủ trò nói ‘câu chuyện’, ý ông ta là một thứ gì đó khác, có thể là một *từ đồng nghĩa* với ‘câu chuyện’.” Ackroyd lại mỉm cười. “Tất nhiên, vì tôi đã biết câu trả lời rồi nên tôi đang rút ngắn tiến trình một chút. Tôi sẽ chọn một từ đồng nghĩa là ‘chuyện kể’*. Và ‘dở dang’ tức là chữ cái cuối bị mất. Điều đó cho chúng ta các chữ ‘T-A-L’. Vậy là một phần câu trả lời cho manh mối ‘rất buồn’ là những chữ cái đó. Các anh vẫn theo dõi được chứ?”

“Có,” Rhyme nói, tâm trí đã bắt đầu cố tìm manh mối còn lại.

Cooper ngập ngừng nói, “ừm, tiếp đi.”

“Hãy đi tới các từ cuối trong manh mối, làn khói đang lên’. Đó có thể là vô số sự vật nhưng - một lần nữa dùng phép loại trừ, và nhờ thông tin tôi đã biết trước - hãy chọn từ ‘xì gà’ (cigar). Và vì manh mối này ở ô mười lăm trở xuống, điều đó có nghĩa ‘đang lên’ sẽ làm chữ cái bị viết ngược lại: ‘ragic’. Vậy là một phần nữa của câu trả lời là các chữ cái ‘R-A-G-I-C’. Cuối cùng…”

Rhyme buột miệng, “Từ ‘về’ nghĩa là các chữ cái của một trong các manh mối sẽ bị tách ra và đặt ở đầu này hoặc đầu kia của manh mối khác.”

chú thích: Nguyên văn “Very sad unfinished story about rising smoke (8)”

Chú thích: Nguyên văn tác giả dùng từ “tale”

Cooper nói, “Nếu anh đã nói vậy.”

Ackroyd nói với một nụ cười, “Không không, anh ấy nhập tâm rồi kìa. Tuyệt lắm, Lincoln. Anh nghĩ sao?”

“Rõ quá còn gì: Tách T-A-L ra. Đặt T trước R-A-G-I-C và A-L sau đó. Câu trả lời là ‘tragical’, thảm kịch.”

“Chúc mừng!” Ackroyd nói một cách vui sướng. “Anh chưa chơi bao giờ đúng không?”

“Chưa.”

Người Anh ướm lời, “Vài người sẽ nghĩ là nó tốn thời gian vô bổ.”

Rhyme cố không cười.

“Nhưng tôi không đồng ý chút nào. Anh biết cỗ máy Enigma chứ?”

Cooper trả lời, “Có, thiết bị mã hóa mà các nhà toán học ở Bletchley Park đã phá giải được. Alan Turing và đồng đội.”

Câu chuyện nghe có vẻ quen nhưng trừ khi thông tin ấy giúp ích cho một cuộc điều tra hiện tại hoặc trong tương lai, còn không Rhyme thường không lưu nó trong bộ nhớ.

Rõ ràng là biểu cảm trống rỗng của anh đã nói lên điều đó. Kỹ thuật viên tiếp lời, “Thiết bị mã hóa của Đức quốc xã trong Thế chiến II. Đồng minh không thể giải mã các tin nhắn của người Đức và hàng chục ngàn quân lính lẫn thường dân đã chết.”

Ackroyd nói, “Tháng Một năm 1942, tờ *Daily Telegraph* đăng một cuộc thi giải mã tốc độ - anh phải hoàn thành một câu đố rất phức tạp trong vòng mười hai phút hoặc nhanh hơn. Họ công bố kết quả

và ủy ban Chiến tranh đã chú ý đến. Họ tuyển một vài trong số những người chơi xuất sắc nhất tới Bletchley Park và chính họ đã giúp phá giải Enigma." Ông nói thêm, "Điều tôi yêu thích trong môn giải đố mật mã là: Chúng có thể cùng lúc nói dối lẫn hoàn toàn thành thật. Tất cả là về chuyện đánh lạc hướng. Muốn chơi thêm một lần nữa không?"

"Có," Rhyme nói.

Ackroyd viết:

*Địa điểm giàu dầu mỏ trong Romania (4)**

Cooper quay lại với thiết bị của mình. "Tôi nghĩ là tôi trung thành với trò Sudoku hơn."

Chú thích: Nguyên văn "Location in Romania rich in oil (4)"

Rhyme nhìn một lát. "Một từ bốn chữ cái chỉ địa điểm."

Romania là một quốc gia anh không hề biết tới. "Có hàng ngàn thị trấn, khu vực và công viên ở Romania. Vài nơi giàu dầu mỏ. Có lẽ không phải là giếng dầu. Có thể là những cảng chứa các tàu chở dầu. Có thể là những ngân hàng chuyên cho vay trong ngành dầu lửa." Anh lắc đầu.

"Nhớ là," Ackroyd nhắc, "trong giải đố mật mã, anh thường xuyên nhìn thẳng vào câu trả lời. Vấn đề là anh không *nhìn* thấy thôi."

Đúng lúc ấy anh nhìn thấy. Rhyme cười. "Phải rồi, câu trả lời là một địa điểm trong Romania - nhưng không phải trong đất nước ấy. Nó nằm trong từ 'Romania' kìa. Câu trả lời là 'Oman': r-O-M-A-N-i-a. Một đất nước ở Trung Đông có trữ lượng dầu mỏ lớn."

"Giỏi lắm, Lincoln."

Hài lòng với chính mình, anh phải thừa nhận như vậy.

Rhyme để ý thấy có gì cử động trong màn hình theo dõi cửa trước và quan sát Sachs bước lên cầu thang, lôi chìa khóa ra khỏi túi. Cô đã về từ chỗ công trường nơi Nghi phạm 47 có khả năng đã gặp gỡ một công nhân vì những lí do chưa biết đến.

Thời gian xao lãng đã qua rồi.

CHƯƠNG 29

Rhyme quan sát Amelia Sachs cẩn thận khi cô đi vào.

Tóc ẩm - cô đã tắm; trời u ám nhưng không có cơn mưa nào.

Tôi muốn tắm rửa trước…

Mắt cô nhìn xa xăm. Ngón cái đang bấm vào một ngón tay, rồi các ngón lại đổi chỗ. Anh có thể thấy chỗ da rớm máu.

Cô gật đầu chào Ackroyd, ông ta nở nụ cười khiêm nhường nhất đáp lại.

Rhyme bảo cô, “Lại có thêm vụ nữa, em có nghe chưa?”

Sachs hỏi lại ngay, “Động đất à?”

“Cái gì? Không, vụ tấn công cơ.”

“Người hứa hẹn?”

Anh gật đầu. Và quan sát thấy cô có vẻ bị phân tâm một cách kỳ lạ. Thậm chí là lo lắng. Anh cũng tự hỏi vì sao cô lại mất thời gian lâu đến vậy để về đây.

Nhưng anh không nhắc nhở gì. “Nạn nhân sẽ sống. Hắn đã bắt cô ấy nuốt một cái nhẫn.”

“Chúa ơi. Cô ấy sao rồi?”

“Anh không biết. Ron đang xem xét hiện trường và thu thập chi tiết. Cậu ta sẽ phỏng vấn ngay khi cô ấy được mổ xong. Cảnh sát mà anh nói chuyện cùng ở bên Mười chín đã hỏi được vài câu. Không thêm thắt được gì - vẫn là câu chuyện mà em đã biết: bảo vệ

kim cương. Và cuộc thẩm vấn trong khu phố cũng không tìm ra ai. Họ vẫn đang thẩm vấn tiếp."

Rhyme liếc sang chỗ Edward Ackroyd, ông ta kể lại những điều mình tìm được - manh mối ở Amsterdam không đưa lại gì nhưng có vẻ như nghi phạm là một người Nga và mới gần đây đã tới thành phố này.

Sachs trông có vẻ trầm ngâm. "Vậy là, với cặp trai gái ở Gravesend, hắn đã cố giấu trọng âm của mình. Nga à? Có ích gì không?"

"Anh đang theo đuổi," Rhyme nói và nghĩ về tin nhắn mình đã gửi đi.

Sachs nhăn mặt. "Em chưa gặp một thủ phạm nào cố sống cố chết để trừ khử nhân chứng đến thế. Chết tiệt. Chúng ta đã có tí may mắn nào trong việc tìm hắn chưa?"

"Ron chưa có. Cũng như với Edward, không ai chịu hé điều gì với anh ta cả. Phòng Tội phạm máy tính đang lấy danh sách cuộc gọi trong máy Patel. Hãy hi vọng là Patel và VL đã nói chuyện thường xuyên." Mắt Rhyme đảo sang Sachs. "Vậy, đã có chuyện gì ở công trường?"

Sachs chớp mắt. "Chuyện gì?"

"Phải. Tên nghi phạm 47 đã làm gì ở đó?"

"Ồ." Cô kể cho họ có thể hắn đã không dùng công trường làm lối đi tắt. Phải, có rất nhiều CCTV ở các tòa nhà chính phủ kế bên khu vực công trường nhưng các lối vào giới hạn của nó cho thấy giả thiết đi tắt là không hợp lí.

Rồi cô giải thích về cuộc nói chuyện của mình với quản lí của công trình địa nhiệt. Cô nói rằng đúng là nghi phạm từng tới công trường và gặp gỡ ai đó, danh tính còn chưa biết, lí do cũng chưa biết. Cô không thu được thêm chút mô tả nào ngoài những điều họ đã có. “Hiện trường ấy không tốt - đá sỏi và đã bị can thiệp rất nhiều. Tôi tìm được cái này.” Cô đưa ra hai chiếc túi đựng đất và đá nhỏ cho Mel Cooper. “Có thể nó là từ chỗ hắn đã đứng nhưng tôi không biết chắc.”

Kỹ thuật viên cầm cái túi và tiến hành kiểm tra xem có tìm được gì không.

Rhyme để ý thấy ánh mắt cô vẫn còn mất tập trung, dáng người thì căng cứng. Cô hết giật tóc lại bấm ngón trỏ trên bàn tay phải vào ngón cái. Một thói quen cũ. Cô đã cố kiểm soát hành vi tự hại đó. Đôi khi cô không quan tâm. Amelia Sachs sống trên bờ vực, theo rất nhiều nghĩa.

Anh để ý thấy tay cô hạ xuống đầu gối. Cô nhăn mặt.

“Sachs?” Rhyme hỏi.

“Em bị ngã thôi. Không có gì đâu.”

Không, không phải là không có gì. Bất kể chuyện gì đã xảy ra, nó đã làm cô rúng động. Và giờ còn bị ho bất chợt nữa. Để hắng giọng. Anh muốn hỏi cô có sao không nhưng cô cũng sẽ chẳng thích câu hỏi đó nhiều hơn anh.

Rhyme nói, “Có manh mối gì về chuyện nghi phạm đã kiếm được vũ khí mới không?”

“Không, nhưng em đã không đi được xa lắm. Chúng ta sẽ phải thẩm vấn tiếp thôi.” Cô quay sang Cooper. “Nhắc tới vũ khí: phân tích đường đạn đến đâu rồi?”

Anh giải thích rằng khẩu súng được dùng ở Gravesend là một khẩu 0.38 đặc biệt. Có thể là loại Smittie 36 hoặc là Colt Detective. Cả hai đều là kiểu nòng ngắn cơ bản. Năm ổ đạn. Không chính xác lắm và phản lực mạnh với tay cầm. Nhưng ở khoảng cách gần vẫn ác hiểm không kém các loại súng khác.

Cooper nói thêm, “Và tôi nghe cậu kỹ thuật bên đội thu thập bằng chứng của Queens nói. Không thấy khẩu Glock - hay cái gì khác - trong các ống thoát nước hoặc thùng rác gần nhà Saul Weintraub.”

Sachs nhún vai. “Ngày mai tôi sẽ quay lại công trường để tiếp tục thẩm vấn nhưng có một vấn đề. Tôi đã gặp một thanh tra tiểu bang dưới đó. Làm việc cho Ban Tài nguyên khoáng sản. Anh ta nói rằng thành phố sẽ đóng cửa công trường địa nhiệt cho đến khi họ xác định được có phải hoạt động khoan đã gây ra động đất hay không.

Ackroyd nói, “Ồ, hóa ra họ đang xây nhà máy địa nhiệt à?”

“Đúng.”

“Sâu không?”

“Tôi nghĩ là 150 đến 180 mét.”

“Vâng, tôi đoán nó có thể là nguyên nhân. Công ty tôi từng bảo hiểm thiệt hại do hoạt động khoan và hút nước áp lực cao. Chắc chắn chúng có thể gây ra động đất và sụt lún các tòa nhà lẫn nhà dân. Nhưng chúng tôi đã bỏ cuộc với trường hợp này. Mất quá nhiều tiền. Và tôi cũng đã nghe nói đến việc khoan địa nhiệt dẫn đến động

đất. Có lần một trường học đã bị hủy hoại hoàn toàn do cháy từ đường ống ga bị vỡ. Một vụ khác, hai công nhân bị chôn sống."

Một lần nữa Sachs lại bấm móng tay vào ngón trỏ và ngón cái. Rất sâu. Thịt chỗ đó đỏ hẳn lên. Rhyme tin là giờ mình đã hiểu chuyện xảy ra ở công trường địa nhiệt.

Cô nói tiếp, "Northeast phản đối vụ đóng cửa nhưng cho đến khi việc này ngã ngũ, sẽ không còn công nhân nào đến đó nữa. Chúng ta sẽ phải phỏng vấn họ tại nhà."

"Có bao nhiêu người?"

"Khoảng chín mươi. Tôi đã báo Lon. Anh ấy sẽ tuyển thêm cảnh sát. Đau thật đấy. Nhưng không còn cách nào khác."

Cooper nhìn lên từ một màn hình máy tính. "Đã có kết quả kiểm tra ở công trường này, Amelia. Một vài khoáng chất giống ở chỗ Patel và Weintraub, vậy là chắc chắn hắn đã ở đó. Nhưng không có thêm gì mới, ngoài dầu diesel. Và bùn. Có nhiều bùn ở đó lắm hả?"

Một chút ngập ngừng. "Có một ít. Ừ."

"Không có gì khác."

Chuông cửa reo và Thom dẫn Ron Pulaski vào phòng khách.

Cảnh sát trẻ gật đầu với những người có mặt và tự giới thiệu với Edward Ackroyd; hai người này chưa bao giờ gặp nhau. Sau đó anh ta mới đưa cho Mel Cooper những chiếc túi đựng bằng chứng thu thập được ở nơi xảy ra vụ tấn công Judith Morgan, khu Thượng Đông. Kỹ thuật viên lại vào việc trong lúc Pulaski giải thích với những người còn lại chuyện gì đã xảy ra trong vụ tấn công mới nhất của Người hứa hẹn. Morgan, hai mươi sáu tuổi, đã có mặt tại một

tiệm áo cưới sang trọng để chỉnh sửa lần cuối chiếc váy cưới của cô. Một gã đàn ông đứng bên ngoài đã theo cô về căn hộ và đẩy cô vào chỗ hốc tường trên tầng trệt.

“Hắn lải nhải không ngừng về chuyện cô ấy đã làm hỏng một viên kim cương xinh đẹp bằng cách cắt xẻ nó làm nhẫn ra sao. Hắn định giết cô, cô ấy đã nghĩ vậy. Hoặc cắt rời ngón tay đeo nhẫn của cô. Nhưng rồi hắn đổi ý. Hắn bảo cô vì cô đã đối xử với chiếc nhẫn không ra gì, nên bụng cô là nơi nó thuộc về.”

Sachs hỏi, “Hắn có nói gì để lộ manh mối nơi hắn sống không? Hoặc chỗ làm chẳng hạn?”

“Không. Nhưng nhân chứng nói cô ấy có thể ngửi được mùi nước hoa sau cạo râu, cồn, khói thuốc lá, rất hôi. Và cả hành nữa. Hắn có cặp mắt xanh.”

Sachs nói, “Giống lần trước.”

“Và hắn là người nước ngoài nhưng cô ấy không nhận ra được trọng âm của hắn.”

Rhyme kể cho Pulaski họ khá chắc hắn là người Nga và mới đến thành phố.

“Cô ấy nghĩ khẩu súng thuộc loại súng lục - tôi đã cho cô ấy xem ảnh. Và con dao rọc giấy có màu xám kim loại. Chỉ có từng đó.”

Sachs viết các chi tiết này lên bảng.

Cooper quay sang và đưa cho họ kết quả kiểm tra hiện trường vụ Judith Morgan. “Không nhiều. Quá nhiều dấu chân nên không tìm thêm được điều gì về giày hắn. Một vài sợi cotton đen - tôi đoán lại

là do mặt nạ trượt tuyết. Các dấu vết chung chung nhưng đều là đặc trưng của khu vực đó. Lần này không có kimberlite.”

Sachs ngồi xuống một cái ghế bành. Một ngón trỏ của cô gõ lên đầu gối, cứ như đang kiểm tra một quả dưa hấu. Cô nhìn chằm chằm vào màn hình tivi. Trên đó đang chiếu bản tin. Mặc dù âm thanh đã bị tắt, hàng chữ tiêu đề đang kể câu chuyện bằng lối viết tiếng Anh vụng về của riêng nó.

Câu chuyện về vụ động đất.

Sachs cau mày, Rhyme để ý thấy vậy, và cô thì thào, “Ôi, không.”

Anh quay hẳn sang câu chuyện. Phát thanh viên đang tuyên bố là một trong hai vụ cháy được tin là đã khởi phát khi đường dẫn ga bị vỡ, cướp đi hai mạng sống.

Một cặp vợ chồng ngoài sáu mươi tuổi, Arnold và Ruth Phillips, sống ở khu Brooklyn, đã chết vì ngộ độc khí. Họ thoát được đám cháy và đã ra đến cửa gara nhưng không có điện trong nhà để bật cửa mở. Bị yếu đi vì khói và các vết thương, họ đã không thể tự kéo cửa lên.

Chẳng bao lâu hai khách mời đã xuất hiện trên hai màn hình riêng, cùng với người dẫn tin có mái tóc đen. Một trong hai vị khách là một người đàn ông trung niên trong bộ vest màu xanh đậm, áo sơ mi trắng, cà vạt đỏ. Anh ta hơi béo và mái tóc đen được cắt tỉa gọn gàng. Anh ta là Dennis Dwyer, CEO của Northeast Geo Industries, công ty đang xây dựng nhà máy.

Người còn lại được phỏng vấn là một ông già tầm năm mươi lăm tuổi, xộc xệch và giận dữ. Ông mặc chiếc áo sơ mi lao động màu

xanh, tay áo xắn lên. Mái tóc và bộ râu xám của ông ta xù tung. Ông ta chính là Ezekiel Shapiro. Dòng chữ trên màn hình xác định ông là *Giám đốc của chương trình vận động Một trái đất.*

“Tôi gặp ông ta dưới đó hôm nay,” Sachs nói. “Họ đã quấy rối công nhân. Ông ta hơi… Cô quay sang Ackroyd. “Ông gọi là gì nhỉ? Người điên ấy?”

“Chập mạch.”

“Từ hay đấy.”

Hai người đàn ông trên màn hình đang lao vào một cuộc đấu khẩu dữ dội. Ông Shapiro mắt mũi trợn trừng và khoa tay múa chân, khá chắc chắn vụ động đất là kết quả của hoạt động khoan địa nhiệt. Ngoài chuyện vỡ đường ống ga và nguy cơ các tòa nhà bị sụp đổ chấn động trong quá trình xây dựng, nhà máy hoàn tất còn có thể dẫn đến ô nhiễm nguồn nước ngầm và các hiểm họa môi trường khác. Ông khen ngợi thành phố vì đã ngăn chặn hoạt động khoan đất và chỉ trích thị trưởng cũng như hội đồng thành phố vì đã cho phép dự án này thực hiện ngay từ đầu.

Với vẻ bình tĩnh hơn nhiều, Dwyer nói rằng lệnh cấm là một sai lầm lớn, nhấn mạnh rằng việc khoan không thể gây ra động đất được. Khu vực New York ổn định về mặt địa chấn hơn nhiều nơi khác trên đất nước này, đặc biệt là không hề giống với California.

Và Shapiro đã hiểu sai về quy trình địa nhiệt nếu ông ta nghĩ rằng nó có nguy cơ làm ô nhiễm mạch nước ngầm; hệ thống này tự xoay vòng, và kể cả nếu có nứt vỡ trong đường ống thì nó cũng chỉ thải ra dung dịch trơ. Shapiro đáp lại rằng công nghệ này vẫn còn chưa được biết đến.

Người dẫn tin lại thêm dầu vào lửa cho cuộc tranh luận này bằng cách mời nhân vật thứ ba. Ông này thậm chí còn có vẻ doanh nhân hoàn hảo hơn cả Dwyer. Tên ông ta là C.Hanson Collier và ông ta là CEO của Algonquin Consolidated Power - nhà cung cấp điện lớn trong khu vực New York. Người ta có thể nghĩ rằng ông ta phản đối dự án địa nhiệt - dường như nó làm cho Northeast Geo trở thành một đối thủ của Algonquin. Nhưng Collier là người chuyên nghiệp. Ông ta nói rằng hoạt động khoan gần mặt đất, như dự án Brooklyn của Northeast còn an toàn hơn nhiều so với việc khoan sâu vào các khu vực núi lửa để lấy hơi nước và nhiệt năng cao cho các máy phát điện. “Chúng tôi phải tận dụng mọi nguồn năng lượng mà Trái Đất ban tặng,” ông ta nói.

Khi cuộc tranh luận ngày càng gắt gao và Rhyme nghĩ rằng nó không còn gì thú vị nữa, hình ảnh trên màn hình lại chuyển về công trường của Northeast Geo ở Brooklyn, quay cảnh vài cái hố hình chữ nhật có rào xanh bao quanh. Rõ ràng đây là nơi có các cột khoan.

Sachs chỉ nhìn lướt qua rồi đứng dậy. “Tôi nên đi thôi. Tôi cần đến thăm mẹ tôi.”

Bà Rose Sachs mới trải qua một cuộc phẫu thuật tim gần đây và vẫn đang hồi phục tốt. Rhyme biết chắc chắn vì anh và người phụ nữ hóm hỉnh, hăng hái này vừa mới có cuộc điện thoại trước đó vài giờ. Sự phản đối của bà với việc con gái hẹn hò một người bị liệt đã nhạt đi từ nhiều năm trước và giờ bà với Rhyme đã là bạn tốt. Anh không thể đòi hỏi một bà mẹ vợ nào tốt hơn thế.

Nhưng câu chuyện chưa hết. Rhyme biết rằng có thể đúng là Sachs đến nhà mẹ - ở Brooklyn - nhưng trước đó cô sẽ ra đường đã. Cô sẽ nhảy lên chiếc Torino của mình và tìm một con đường thích hợp, ở ngoại ô, để chạy xe lên tới 130 hay 140 ki-lô-mét trên giờ.

Đây là nỗ lực để cô rũ bỏ mọi cảm giác còn đọng lại từ hiện trường. Thứ mà làn nước đã không thể gột rửa được: nỗi kinh hoàng tột độ mà chắc chắn cô đã phải trải qua.

Nếu có điều gì làm cô phân tâm được thì đó sẽ là hành động giảm ga trong một nốt nhạc, từ số bốn xuống số hai, rồi lao vào một đường thẳng và đẩy động cơ máy đang gào rú cho nấc kim tốc độ trên bảng điều khiển nhảy lên tận chỗ ba con số.

Rhyme biết và chấp nhận không chút do dự rằng cô là kiểu người thích mạo hiểm. Nhưng tốc độ chỉ là một trò tiêu khiển chứ không phải phương thuốc.

“Sachs?” anh hỏi. Và anh nói bằng tông giọng chắc chắn, rất hiếm khi anh sử dụng tông giọng này. Cô sẽ hiểu: đó là một lời mời nói chuyện với anh về việc đã xảy ra ở công trường. Anh sẽ không đưa ra lời khuyên, thậm chí không cả an ủi. Anh chỉ cho cô cơ hội nói chuyện thôi.

Nhưng lời mời đã bị từ chối.

Amelia Sachs chỉ nói. “Chúc ngủ ngon. Hẹn gặp lại sáng mai.” Cô nói điều này với tất cả mọi người.

Pulaski và Cooper ra về. Ackroyd cũng mặc áo mưa vào. Rhyme nhận thấy ông ta có vẻ ngập ngừng chưa muốn về.

Bằng giọng nhẹ nhàng, người Anh nói, “Chẳng liên quan gì đến tôi. Nhưng mà… cô ấy không sao chứ?”

“Không hẳn,” Rhyme nói. “Cô ấy đang có vấn đề.” Mặt anh nhăn lại. “Thật là những lời đánh giá vô dụng nhất quả đất. Amelia cần được di chuyển, cần được tự do, mọi lúc. Tôi nghĩ cô ấy đã bị mắc kẹt, hoặc nhốt ở đâu đó. Chắc không phải là hỏa hoạn, cũng không phải là một vụ săn đuổi hay bắn nhau. Không phải tất cả những cái đó. Cô ấy sống vì những khoảnh khắc ấy. Nhưng bị kẹt, bị bắt, không được di chuyển. Đó là địa ngục đối với cô ấy.”

“Tôi có thể trông thấy ánh mắt cô ấy. Hẳn là rất tệ.”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Cô ấy sẽ kể cho anh nghe, sớm hay muộn thôi.”

“Có thể là không. Và tôi biết bởi vì tôi cũng giống như vậy.” Anh cười vì nhận ra mình vừa chia sẻ về bản thân nhiều hơn bình thường. “Phản ứng nam châm. Hai đầu ngược dấu hút nhau ư? Trong hầu hết những chuyện khác, chúng tôi trái ngược. Riêng chuyện giữ mọi thứ bên trong thì chúng tôi ở cùng một cực.”

Ackroyd cười. “Đúng là kiểu của nhà khoa học, giải thích vấn đề của con tim bằng định nghĩa điện cực… Nếu có gì tôi giúp được, làm ơn cho tôi biết.”

“Cảm ơn ông, Edward.”

Người đàn ông gật đầu và rời khỏi dinh thự. Chẳng bao lâu sau Thom xuất hiện và nói, “Đã đến giờ đi ngủ của anh rồi, Lincoln. Muộn rồi.”

Mệt mỏi và kiệt sức có thể tác động rất xấu lên người bị liệt tứ chi. Trong tình trạng bệnh tật này, căng thẳng đôi khi có thể là một thảm họa với huyết áp.

Tuy nhiên tối nay anh vẫn còn một nhiệm vụ.

“Năm phút nữa,” anh bảo Thom, chàng trợ tá đã bắt đầu phản đối. Rồi Rhyme nói, “Barry Sales.”

Trợ tá gật đầu. “Chắc chắn rồi. Tôi sẽ chuẩn bị sẵn sàng ở trên gác.”

Rhyme bảo viên trợ tá điện thoại cho Sales. Anh ta đã được ra viện và đang ở nhà. Rhyme đã có cuộc nói chuyện ngắn với vợ anh là Joan, giờ cô ấy đang nối máy cho Sales. Họ bắt đầu nói chuyện ngay lập tức và Rhyme đoán nếu có ai quan sát họ sẽ rất ngạc nhiên, ấy là còn nói nhẹ đi, khi thấy nhà tội phạm học nhiều lời như vậy. Anh không đến mức lầm lì nhưng thường là không có thời gian để chuyện gẫu.

Mặc dù vậy, tối nay, tán dóc chính là trò tiêu khiển. Câu chuyện của anh và Sales cứ lan man mãi. Anh ta đã gọi cho chuyên gia hồi phục mà Thom gợi ý. Họ chưa gặp nhưng Sales sẽ báo cho Rhyme biết về cuộc hẹn sau.

Rhyme báo với Sales rằng nguồn tin riêng của anh cho biết phiên tòa xét xử kẻ đã bắn anh ta tiến triển rất chậm. Luật sư khôn ngoan, các vấn đề về kỹ thuật, nhân chứng bị dọa dẫm.

Sau khi họ cúp máy, Rhyme quay lại với bảng vật chứng một chút và ghi nhớ vài gạch đầu dòng khó hiểu. Xong việc, anh quay xe lại và theo Thom lên thang máy. Trên giường ngủ, anh sẽ tận dụng

thế giới của linh hồn, giữa lúc quyết định sẽ đi ngủ đến khi ngủ thật, để loay hoay thêm chút nữa với những vấn đề xoắn não hiện có trong cuộc điều tra này.

Vừa mỉm cười với mình, anh vừa chợt nghĩ đến một câu nói dường như định nghĩa những manh mối trong vụ Nghi phạm 47 này, câu mà Edward Ackroyd vừa nói lúc tối về các bí ẩn ô chữ mật mã.

Chúng có thể vừa nói dối vừa hoàn toàn thành thật cùng lúc…

CHƯƠNG 30

Lắng nghe tiếng xoèn xoẹt trong phòng làm việc của con trai - tiếng dụng cụ mài dũa đang tạo hình bức tượng đá - Deepro Lahori lặng lẽ xuống nhà.

Ông đứng ở sảnh bên ngoài xưởng dưới hầm.

Lúc ấy đã muộn - tới giờ đi ngủ - nhưng thằng bé vẫn tiếp tục mài đục. Hai cha con đã kết thúc cuộc nói chuyện lúc tối theo hướng khá tích cực. Nhưng tất nhiên, Vimal giờ đây đã trở nên hăng hái một cách thụ động - tiếng mài dũa kia đang gào thét một thông điệp phản kháng với cha cậu.

Thật ngớ ngẩn, trò điêu khắc vô bổ này. Tốn thời gian vô ích. Và phí hoài tài năng của nó nữa. Giá như nó chỉ là một thú vui thì không sao. Thực tế, điêu khắc còn làm tăng kỹ năng của con trai ông với tư cách là một thợ cắt. Tốt hơn là chơi điện tử, tốt hơn là hẹn hò với lũ con gái. Nhưng ông biết Vimal muốn có một sự nghiệp làm nghệ sĩ. Thằng bé ngu ngốc. Lahori đoán tỉ lệ nghệ sĩ chuyên nghiệp kiếm đủ tiền để sống qua ngày có lẽ cũng chỉ tầm một phần trăm. Làm sao nó kiếm được một cô vợ người Ấn Độ, ai đó muốn được chồng chăm sóc, ai đó sẽ chỉ tỏ ra tôn trọng với người đàn ông duy nhất chu cấp cho cô ta?

Ngoài tính phi thực tế của việc dành cả đời cho điêu khắc, điều thực sự đáng lo ngại, thực sự đau đớn trong hành vi của con trai ông là sự phủ nhận đầy miệt thị với lịch sử cha ông - lịch sử của gia

đình Lahori - trong ngành cắt kim cương. Điều này là một tội ác, bởi Vimal là người duy nhất trong gia đình còn tiếp nối truyền thống ấy. Đáng lẽ Sunny cũng phải theo nghề - nhưng thằng bé chẳng có tí năng khiếu nào với bàn scaife; nhìn nó thôi cũng thấy xấu hổ rồi. Phải, nó sẽ nối gót mẹ vào nghề chăm sóc sức khỏe (mặc dù tất nhiên nó sẽ thành bác sĩ chứ không phải chỉ làm y tá như Divya). Nhưng đó là một truyền thống *của máu mủ ruột già.* Lahori cần một đứa con trai nối nghiệp *cha.*

Ở dưới nhà, ông tiến gần cánh cửa xưởng, dừng chân khi máy mài ngưng kêu.

Nó đã xong việc tối nay rồi à?

Không, tiếng xoẹt lại bắt đầu vang lên. Điều đó có nghĩa là Vimal không nghe được điều xảy ra tiếp theo. Lahori lấy ra chiếc chìa khóa từ trong túi và khóa cánh cửa lại bằng một bàn tay run rẩy, sau vài lần nỗ lực. Sau đó, ông đóng thêm một thanh chốt an toàn, nối từ lỗ bên trên nắm cửa xuống một cái hốc tương tự ở dưới sàn theo góc bốn mươi lăm độ. Ông cũng khóa luôn thanh chốt này. Thanh chắn làm bằng sắt nung dày hai xăng ti mét, và trong quảng cáo nhà sản xuất đã thề thốt chỉ có ngọn lửa hai ngàn độ C mới cắt được nó. (Mặc dù tất nhiên là một cái cưa linh hoạt với lưỡi phủ bột kim cương cũng có thể làm được, ông nghĩ bụng, về lí thuyết là như vậy.)

Vimal giờ đã bị cầm tù. Cửa bị khóa - và vì từ nhiều năm trước nơi này từng là xưởng cắt kim cương, cửa sổ dưới của nó đã được chắn bằng các thanh thép dày.

Lahori tự chúc mừng mình vì mánh khóe làm an lòng cậu con trai, bằng cách chấp nhận vài 'nhượng bộ'. Chỉ cần Vimal có mảy may nghi ngờ gì là nó sẽ bị nhốt ở đây, thằng bé sẽ không bao giờ đi vào phòng này. Thằng bé ngang bướng hẳn sẽ bỏ chạy ngay lập tức và đi mất, dù chẳng còn một xu dính túi nào hay cả giấy tờ tùy thân.

Đi đến California ư? Một nơi mà theo quan điểm của Lahori, danh tiếng duy nhất của nó chỉ là hàng tỉ đô la doanh thu từ kim cương bán trong các cửa hàng giống như trên phố Rodeo Drive?

Ông thả chùm chìa khóa vào trong túi.

Vimal trẻ con làm sao! Nó có thể trở thành một trong những nghệ nhân kim cương vĩ đại nhất của thế kỉ hai mươi mốt… tại sao ư, hãy nhìn vào đường cắt hình bình hành của nó! Thiên tài, thật sự là thiên tài.

Deepro Lahori không có kế hoạch nào cụ thể ngoài giữ Vimal ở đây, khóa kín dưới tầng hầm trong khoảng một tháng tới. Ông chắc chắn cảnh sát sẽ bắt được tên giết người và thằng bé sẽ tỉnh ra. Hẳn là nỗi sợ do vụ cướp, do bị bắn và nhìn thấy thầy của mình bị giết đã khiến nó quá buồn, mất cân bằng tâm lý. Ông Lahori quyết định rằng nó đã bị mất trí tạm thời. Một tháng giam cầm sẽ gạt bỏ những đứa con gái không phải người Hindu ra khỏi tâm trí yếu ớt của nó.

Một chút cảm giác tội lỗi. Nhưng Lahori nhắc nhở mình rằng ông không hề vô nhân đạo, chắc chắn không phải là với đứa con trai mà ông yêu thương sâu sắc, tất nhiên là vậy. Thằng bé sẽ tìm được một chiếc túi ngủ thoải mái trong tủ quần áo, cùng với khá nhiều đồ ăn và quà vặt, nước uống và nước có ga. Ông nghi con trai mình có

uống rượu nên còn bỏ thêm ít bia nhẹ nữa. Trong ấy có tivi. Tất nhiên không có Internet hay điện thoại. Thằng bé có thể còn bất ổn hơn nữa và gọi bạn đến phá ngục. Hoặc gọi cho cảnh sát và tuyên bố mình bị bắt cóc.

Giữa hai cha con rồi sẽ có chút căng thẳng, vì những gì Lahori đã làm. Nhưng chẳng sớm thì muộn thằng bé cũng sẽ hiểu ra cha nó biết điều gì là đúng cho nó. Nó sẽ cảm ơn ông, mặc dù Lahori thực lòng không cần cảm ơn, hay thậm chí là lời thừa nhận ông đã đúng.

Ông chỉ đơn giản muốn con trai nhận ra rằng đây là cuộc đời định mệnh dành cho nó… và phải biết chấp nhận.

Ông nắm chặt thanh chắn cửa và cố lắc nó. Thanh sắt không di chuyển lấy một li một lai nào.

Ông đã hài lòng. Và cuối cùng thì cũng vui phần nào… sau mấy ngày vừa rồi, khi cuộc sống thử thách ông quá khắc nghiệt. Và bất công.

Ông trèo lên cầu thang.

Deepro Lahori đang có tâm trạng muốn chơi trò giải Ô chữ, và ông biết vợ cùng với đứa con trai kia - đứa con *ngoan ngoãn* - của ông sẽ chiều ông.

III

XẺ

Thứ Hai, ngày 15 tháng Ba

CHƯƠNG 31

Nào nào, *kuritsa* của ta đâu rồi nhỉ?

Mày ở đâu, chú gà bé nhỏ?

Mày không mệt vì làm việc, không thèm chút cà ri, món vindaloo* tôm, ít cơm basmati* sao? Ai mà lại không yêu món raita* tuyệt vời ấy?

Tên một món cà ri của Ấn Độ

Gạo basmati, đặc sản Ấn Độ

Món rau trộn với sữa chua

Chàng trai trẻ mà Vladimir Rostov đang chờ đợi làm việc cho một cửa hàng trang sức chuyên về nhẫn cưới và nhẫn đính hôn. Đã đến giờ ăn trưa và thằng nhóc chết tiệt tốt nhất là nên nghỉ sớm. Rostov thích khoảng thời gian của hắn với lũ uyên ương - đặc biệt là vụ nuốt nhẫn! Nhưng giờ đã đến lúc làm việc. Tìm VL và cắt cổ hắn.

Đó là lí do vì sao hắn có mặt trong cái quán rượu Ai-len nhớp nháp này. Hắn đang ngồi trên một cái ghế đẩu, uống một ly bourbon và nghiên cứu tòa nhà ở bên kia đường.

Nhanh nào, *kuritsa* bé nhỏ của ta… Vladimir của mày đang sốt ruột và mày không thích anh ta như thế đâu. Con dao của anh ta đang rất nặng hề trong túi áo. Lưỡi dao đang rất cô đơn.

Kuritsa Ba Tư của hắn, không, Iran chứ, Nashim đã hỏi han và chuyển cho hắn cái tên của một thanh niên trẻ từng làm việc cho

Patel một năm trước và vẫn còn giữ liên lạc với ông già cùng những người làm việc cho ông ta. Tên của nó là Kirtan, và Nashim không biết địa chỉ nhà nó nhưng biết nó làm ở đâu: cửa hàng mà Rostov đang nhìn chằm chằm vào ngay lúc này. Hắn có chút tiếc nuối là vì gã Ba Tư đã hoàn thành công vụ, Rostov không có lí do nào để ghé thăm mấy cô gái mũm mĩm của Nashim nữa, Scheherazade và Kitten.

A, gia đình, gia đình, gia đình…

Sau khi bố mẹ hắn chia tay và bỏ chạy khỏi khu ngoại ô Moscow, thằng nhóc Vladimir mười hai tuổi bị gửi đến Mirny, một thị trấn chỉ có khoảng hai mươi ngàn dân vào lúc bấy giờ, kẹt giữa lòng Siberia. Nếu địa ngục mà có băng thay vì lửa thì hẳn Mirny chính là Cõi âm.

Ngôi làng ấy mọc lên từ thảo nguyên băng giá khoảng bảy mươi năm trước, khi một mỏ kim cương lớn được phát hiện. *Mir* có nghĩa là “hòa bình” trong tiếng Nga. Nhà địa chất học tìm được mạch ngầm đã gửi một thông điệp mã hóa về Moscow rằng ông ta sắp sửa “hút tẩu thuốc hòa bình”, có nghĩa là ông ta đã có một phát hiện kỳ vĩ. Thị trấn được đặt tên là Mirny, mỏ Mir, và vào thời hoàng kim, nó sản xuất ra hai ngàn kí lô kim cương một năm, hai mươi phần trăm trong số đó là hàng cao cấp. Vì khám phá này, Mir đã gửi những cái rùng mình hoảng sợ tới tận các đại sảnh lặng lẽ của De Beers, những kẻ biết rằng sản lượng này có thể làm cho giá kim cương sụt giảm. (Tuy nhiên, ý thức được việc kiểm soát thị trường, người Nga đã kiềm chế đầu ra này và mua hết lượng dự trữ - kể cả của De Beers - để giữ giá cao ngất ngưởng). Khu mỏ bắt đầu chỉ là

một cái hố sâu cùng lắm là 500 mét, và khi đã khai thác hết chỗ đó, công ty quốc doanh bắt đầu đào các đường hầm.

Chính ở một trong những đường hầm ác hiểm này, Gregor Rostov đã khăng khăng bắt thằng cháu làm việc, khi nó không đi học ở trường trung học và sau này, khi không đến trường cao đẳng bách khoa, Gregor tuyên bố đã phải dùng 'ảnh hưởng' để kiếm được cho thằng bé một công việc, trong khi thực tế là khu mỏ này luôn thèm khát nhân công đủ độ điên rồ để đi vào các đường hầm.

Đào lối vào đã là một thách thức về kỹ thuật - các động cơ phản lực được dùng để nung nóng và làm mềm lớp đất để đào bới được - nhưng đào hầm mới là một cơn ác mộng. Các công nhân thường bị chết đuối hoặc bị nghiền nát, bụi đá hủy hoại phổi của họ nhanh hơn cả thói quen hút ba bao thuốc lá một ngày, khí độc đốt mắt, mũi và lưỡi họ. Các loại chất nổ không ổn định thì gọn ghẽ thổi bay các phần khác của cơ thể.

Tất nhiên, phần bên dưới các đường hầm ấm nóng hơn trên bề mặt xám xịt, nứt nẻ nhiều. Nhưng điều quan trọng hơn với Vladimir là, nó chỉ chứa đá, bụi và kim cương - không có tụi thanh niên đầu đinh nhìn đểu và bắt nạt một kẻ mới đến từ Moscow, không có tụi con gái lờ tịt hắn, cũng không có ông chú bà cô u ám ghét phải chia sẻ căn hộ bé tí với nó.

Vì nó còn bé nên người ta không bắt nó phải gánh phần lao động của các công nhân trưởng thành, nó được đối xử như một linh vật. Nó an toàn ở dưới này. Cùng với viên đá của mình. Làm việc hai ca liền. Đôi khi còn ở lì nhiều ngày. Lang thang trong các đường hầm.

Có lần người ta phát hiện ra nó không mặc quần, cái quần thì bị vứt thành đống gần đó trong một đường hầm bỏ không. Một giám sát viên đã bất ngờ ghé qua công trường. Trong lúc Rostov vội vã mặc đồ, người đàn ông đã để ý thằng bé định làm gì. Ông ta không quở trách nhưng nghiêm khắc bảo nó chỉ được làm những hành vi kiểu như vậy trong phòng ngủ ở nhà; người ta sẽ không chấp nhận một lần lầm đường lạc lối nào nữa.

Vladimir thường xuyên lờ tịt lời cảnh cáo. Nó chỉ đảm bảo là lần sau tìm được những cái hốc đã bị bỏ hoang đủ lâu hay các bề mặt đá nơi không ai phát hiện ra được.

Về với những viên đá…

Nhưng ở lại trong hầm vĩnh viễn không phải là sự lựa chọn. Nó sẽ phải trồi lên và về nhà trong căn hộ ở tầng bốn.

Chú Gregor…

Bề ngoài của ông ta đúng là kẻ nhu nhược nhất trong đám đàn ông. Một người gầy gò, mỏng dính chẳng khác nào những điếu thuốc lá Belomorkanal mạnh của ông. Tên của loại thuốc được đặt theo con kênh nổi tiếng trên Biển Trắng, do các tù nhân học tập cải tạo đào những năm 1930. Hơn một trăm ngàn người đã chết trong quá trình đó. Khuôn mặt góc cạnh của Gregor rất giống mặt Vladimir, lông mày nhô ra, môi rộng và thường tím tái, vai trơ xương. Công việc của ông ta trong mỏ chỉ liên quan tới các dụng cụ và bảng biểu. Có lẽ cả đời mình ông ta chưa từng nhấc một cái xẻng nào. Vladimir nghĩ các móng tay của ông ta rất đặc biệt. Chúng vừa dài, vừa nhợt nhạt và có lẽ còn được mài sắc nữa. Ít nhất thì trông có vẻ như vậy; trong những trò chơi diễn ra gần như hàng đêm ở căn hộ

mờ tối, lộn xộn, những móng tay ấy để lại nhiều vệt dài, đỏ lòm dọc theo xương sống của Vladimir.

Cô Ro thì đối ngược với chồng về mặt hình thể. Bà ta chắc nịch như tòa nhà gạch lỗ mà họ đang sống bên trong. Khi thằng bé mới gặp bà ta lần đầu tiên, nó nghĩ ngay đến một quả địa cầu. Với chiều cao một mét năm bảy, bà ta rất ghê gớm và mỗi khi muốn cái gì, khao khát ấy là tất cả những gì tồn tại trong vũ trụ.

Bà ta cũng rất nóng tính. Nếu Vladimir không làm bà hài lòng, bà ta sẽ để lại những dấu vết giận dữ lên người cậu - dù không phải là bằng móng tay. Bà ta sẽ xoay chiếc nhẫn đính hôn lại trong lúc đánh nó. Viên kim cương, một sản phẩm từ mỏ Mir, thường xuyên nhuốm máu.

Nhiều năm trôi qua và ở tuổi hai mươi, hắn đã trở thành một giám sát viên (chỉ còn vài ông già ở mỏ thôi). Sau khi chú rồi đến cô hắn qua đời, hắn sống trong căn hộ, đi học ngoài giờ một cách hời hợt. Rốt cuộc hắn cũng kiếm được tấm bằng địa chất, dù chỉ suýt soát qua cửa.

Niềm đam mê của hắn với mỏ đá, những đường hầm đầy kích thích, hơi ấm và nước vẫn còn mạnh mẽ hơn bao giờ hết nhưng chàng trai trẻ Rostov có những khao khát mà hắn nghĩ là Mirny không thể thỏa mãn được.

Dù thế nào thì quyết định cũng đã được vạch ra cho hắn. Mỏ đá bị đóng cửa, các đường hầm gần như bị bỏ hoang.

Nước Nga là một trong những nhà sản xuất kim cương lớn nhất thế giới và hắn có thể tìm được việc ở nơi khác. Nhưng hắn quyết định không làm vậy. Hắn muốn nhiều hơn thế.

Khao khát…

Cũng vào khoảng thời gian đó, Vladimir Rostov đã đi đến bước chấp nhận rằng hắn không bình thường. Thời gian ở dưới hầm, thời gian trên sàn phòng khách - cái giường đá mà cô chú hắn đã trải ra cho hắn nằm… Tất cả những khoảng thời gian ấy đã biến hắn thành một thứ cứng như kim cương. Và cũng trơ lì như thế.

Đi đâu đây?

Đúng lúc ấy, người Chechnya nổi loạn. Sao không phải là quân đội nhỉ?

Về với đá là sự huấn luyện hoàn hảo.

Cho quân đội và cho những thứ đến sau này.

Cuộc sống mà giờ đã mang hắn tới với nước Mỹ vinh quang, chết tiệt.

Thêm một ngụm bourbon nữa trong quán rượu Ai-len…

Tới đây, Rostov tức giận nghĩ.

Rồi hắn tươi tỉnh hẳn. Bên trong cửa hàng, Kirtan đã bắt tay một khách hàng, cử chỉ tạm biệt, và mặc áo khoác vào.

Rostov uống nốt ly rượu - một nhãn hiệu lạ hoắc nhưng không tồi, và còn rẻ. Hắn lấy giấy ăn lau sạch cái ly để loại bỏ dấu vân tay. Việc này hơi hoang tưởng thái quá nhưng Vladimir Rostov còn sống và chưa bị bỏ tù trong khi đáng lẽ hắn đã bị bắt hoặc bị giết từ đời nào rồi.

Một cái nhìn âu yếm cuối cùng về phía cặp mông của cô hầu bàn, rồi hắn bước ra cửa, hòa vào bầu không khí lạnh và ẩm thấp. Một chiếc xe tải chạy bằng dầu diesel đi qua, phụt khói, làm hắn nhớ

đến quê nhà. Không có thành phố nào trên Trái Đất này xả nhiều khí thải hơn Moscow. Chắc chỉ có Bắc Kinh, nhưng hắn chưa từng đến đó.

Hắn vẫn ở phía này của con phố - có quá nhiều camera ở các cửa sổ của tòa nhà mười tầng cổ kính kia. Một phần tầng một của tòa nhà là nơi có cửa hàng Midtown Gifts của ông chủ Kirtan. Nơi này, cũng như rất nhiều cửa hàng trang sức và nhà máy kim cương khác, đều tránh đặt tên có nhắc nhở đến đá quý. Đó là một thói quen tuy hợp lí để đảm bảo an toàn, nhưng khiến việc tìm kiếm VL trở nên khó nhằn.

Tòa nhà này hẳn sẽ có một tầng hầm đẹp đẽ - đẹp và *yên tĩnh,* chính xác là vậy - nhưng hắn không thể trò chuyện với *kuritsa* dưới đó vì có camera, cũng như bảo vệ có vũ trang ngoài cửa; còn có hai cửa hàng trang sức khác trên tầng một và một nhà buôn lông thú chỉ bán buôn lông chồn vizon, sóc chinchilla và cáo. Gã bảo vệ người Mỹ gốc Phi béo ục ịch và có vẻ buồn chán, dường như là loại người không thích mang theo - chứ chưa nói đến dùng - khẩu súng của ông ta, vốn là một khẩu súng lục kiểu cũ.

Kế hoạch của hắn là đi theo thằng nhóc và tiếp cận nó ở chỗ nào đó vắng vẻ. Một con ngõ nhỏ sẽ rất tốt nhưng dường như Manhattan chẳng có lấy một cái, ít nhất là hắn không thể tìm thấy. Queens thì có, Brooklyn cũng có. Nhưng ở đây thì không. Manhattan có những phụ nữ gợi tình, rượu rẻ tiền, những viên kim cương tuyệt vời và khá nhiều quận mua sắm hoành tráng… nhưng không có lấy một con ngõ chết tiệt nào.

Hắn tự hỏi mình phải đi theo thằng nhóc đến tận đâu mới tóm được nó ở một mình. Hắn hi vọng là gần thôi và nhanh chóng xong việc. Nếu không, hắn sẽ phải đi theo nó về tận nhà, sau khi hết giờ làm. Và Rostov rất thiếu kiên nhẫn. Hắn cần VL và cần ngay bây giờ. Không có nhiều lựa chọn khác. Các nguồn tin khác của hắn không thu được thứ hắn cần. Và Nashim thì chỉ lôi ra được mỗi tên của Kirtan.

Nhưng hóa ra thằng nhóc tròn trịa, tóc đen đã không đi xa mấy. Bất chấp gốc gác Nam Á của mình, Kirtan không chọn cà ri hay gà tandoori*. Nó đi vào một quán cà phê lâu đời ở New York. Một cô hầu bàn chỉ cho nó cái bàn và nó ngồi xuống.

Món gà nướng kiểu Ấn Độ.

Thế này có tiện cho hắn không? Rostov nghĩ là không. Quá nhiều người. Nhưng hắn vẫn sẽ thử. Đây không phải là cơ hội tốt nhất. Nhưng vẫn là *một* cơ hội.

Với chiếc mặt nạ trượt tuyết đã gập lên thành một cái mũ len bình thường, Rostov bước vào trong nhà hàng. Hắn ngồi ở quầy và gọi cà phê. Trước khi họ mang ra, hắn đứng lên và đi ra cửa sau, nơi có dãy nhà vệ sinh. Hắn vào trong, ho dữ dội trong ba mươi giây, dùng khăn giấy rồi vứt nó đi và trở lại hành lang.

Hắn cũng tìm thấy một thứ khác. Một cánh cửa không khóa dẫn xuống hầm rượu. Hắn đoán thực phẩm cho nhà hàng được cất dưới đó và bất kì lúc nào nhân viên cũng có thể đi xuống. Mặc dù vậy, dường như ai nấy đều đang bận trong bếp.

Câu hỏi duy nhất là: Liệu thằng nhóc có đi tè sau khi ăn trưa không?

Không thể làm gì khác ngoài chờ thử xem.

Hắn quay lại quầy và uống nốt cà phê trong lúc thằng nhóc ăn sandwich và nhìn chòng chọc vào màn hình điện thoại - có thể là nhắn tin, hoặc tốn thời gian lướt Facebook hay những thứ nhảm nhí tương tự. Kirtan ra hiệu cho bồi bàn. Ôi làm ơn, đừng có mà ăn tráng miệng.

Nhưng không, nó muốn thanh toán. Nó trả tiền.

Rostov uống cạn cốc cà phê và một lần nữa dùng khăn giấy để lau sạch cái cốc một cách kín đáo. Hắn đẩy nó sang bên và cô bồi bàn dọn ngay cái cốc sứ mẻ. Hắn để lại cho cô ta tờ năm đô.

Sao nào, Kirtan? Cơ quan đoàn thể vẫy gọi chưa?

Có, chúng đã gọi! *Kuritsa* mặc áo khoác vào và đi xuống hành lang dẫn vào nhà vệ sinh.

Đây đúng là một cuộc mạo hiểm. Nhưng đôi khi tâm trí bạn bật lên cái tách và nó sập và bạn sẽ làm những việc mà một người tỉnh táo - kể cả một tên sát nhân tỉnh táo - sẽ không làm.

Về với đá…

Sự điên rồ của hắn lại thường mang về lợi ích hơn là điều có hại. Đôi khi Rostov nghĩ điều đó nên trở thành bài học cho tất cả mọi người.

Trong lúc thằng bé đi vào phòng vệ sinh, Rostov chờ ở ngoài hành lang gần cửa hầm.

Hắn quay lưng lại nhà vệ sinh nam. Sau khoảng ba đến bốn phút, hắn nghe được cửa mở ra và liếc thấy Kirtan đang ra. Thằng bé nói, “Xin thứ lỗi, thưa ông,” và Rostov quay lại, mỉm cười, liếc quanh để đảm bảo không có ai trông thấy và chỉ cần một cú đấm nhanh nhưng mạnh, hắn giáng thẳng vào cổ họng thằng bé. Trong lúc nó đổ người xuống, Rostov tóm được nó, kéo mở cửa hầm rượu và dúi nó xuống bậc cầu thang bọc cao su, đầu đi trước.

Cú ngã để lại âm thanh khá ồn và Rostov quay lại xem có ai nghe thấy không.

Không. Người ta vẫn đang ăn, đang nói, cúi mặt vào điện thoại.

Gã người Nga lẻn vào trong, bước lên đỉnh cầu thang, đóng cánh cửa sau hắn và lôi con dao ra, bắt đầu đi vào tầng hầm mát lạnh, mờ tối.

Sachs đang ra khỏi nhà mẹ cô, nơi cô đã nghỉ lại qua đêm - trong phòng ngủ hồi bé - thì điện thoại reo vang.

Cô thả người xuống ghế lái trong chiếc Torino và bấm nút Nghe máy.

“Rodney.”

Thanh tra cao cấp của phòng Tội phạm máy tính NYPD, Rodney Szamek là một người kỳ lạ. Người đàn ông có độ tuổi bí ẩn nhưng chắc vào khoảng ba mươi này yêu thích lập trình, bẻ khóa, các thuật toán, những chiếc hộp *(từ lóng* chỉ máy tính) và mọi thứ liên quan đến kỹ thuật số. Anh ta cũng nghiện nghe nhạc rock ở mức độ đề-xi-

ben không được phép. Cô đã nghe Led Zeppelin gào ầm ĩ trong văn phòng anh ta.

“Amelia. Tôi đã gọi Lincoln và bảo anh ấy là chúng ta có phát hiện rồi. Anh ấy bảo gọi cô ngay. Cô ở gần chỗ phải có mặt hơn.”

“Và tôi phải có mặt ở đâu?”

“Queens.”

“Và tại sao?”

“Cô nhớ chúng ta đã có trát của tòa và nhà mạng phải nhả ra danh sách cuộc gọi của Patel chưa?”

“Đúng rồi.”

“Rốt cuộc tôi cũng vạch ra được thói quen gọi điện của ông ta: bà chị gái, hai nhà buôn kim cương khác, các số ở nước ngoài - Nam Phi và Boswana - có thể là để nhận đơn hàng kim cương. Không có cuộc gọi nào cho ai có tên tắt là VL. Nhưng trong tháng qua lại có cả tá cuộc gọi đi và đến cho một ông Deepro Lahori.”

“Ok.”

“Tôi đã kiểm tra một chút. Thực ra là nhiều chút. Họ của ông ta - chữ L làm tôi tò mò. Đó có phải chữ L của VL? Tôi nghĩ vậy. Con trai của Deepro - rõ ràng cũng là một thợ cắt - tên là Vimal. Chờ đã, Amelia. Tôi yêu đoạn nhạc dạo này quá.”

Cô nghe tiếng một chiếc ghi ta điện ré lên. Cô ngáp.

“Cô nghe được không? Có muốn tôi bật lại không?”

“Rodney.”

“Ok. Đùa thôi mà. Tôi tìm được ảnh bên DMV* này. Đang gửi đây. Kiểm tra tin nhắn đi.”

DMV là viết tắt của ‘Department of Motor Vehicles’ - Nha lộ vận Hoa Kỳ.

Điện thoại của cô kêu lên và cô đang nhìn vào ảnh bằng lái xe của Vimal Lahori. Hình ảnh này rất có thể là của chàng trai đã bỏ chạy khỏi hiện trường vụ án mạng qua lối cổng nhận hàng vào ngày thứ Bảy.

Địa chỉ trên bằng lái ghi là 4388 phố Monroe ở Jackson Heights. Cách đây nửa giờ.

“Cảm ơn, Rodney.”

“Cảnh báo trước: Không thể nói trước rằng đây là chàng trai của chúng ta, không chắc.”

Chỉ có một cách để tìm ra…

CHƯƠNG 32

Phố Monroe ở Jackson Heights, Queens là một trong những địa điểm không thể quyết định nó muốn được học làm sang hay cứ việc để mặc như cũ.

Để được thoải mái, yên tĩnh, tồn tại theo cách nó đã tồn tại cả nửa thế kỷ, hay thậm chí là một trăm năm nay. Ai mà biết được? Công nhân của các nhà máy, nhà kho hay công trường nhỏ sống ở đây. Một vài nhân viên cổ cồn trắng mới toe trong ngành quảng cáo, môi giới nhà đất, xuất bản và thời trang cũng ở đây. Và cả các nghệ sĩ.

Hiện tại, trên con phố gần nơi Vimal Lahori sinh sống chỉ có vài người ra ngoài đi bộ. Một người phụ nữ quấn quanh người chiếc áo choàng chần bông màu đen và đội mũ bê rê đang chạy sau chú chó nhỏ gắn sợi dây buộc có thể co rút được. Bà ta được một phen luyện tập ra trò vì cả đống sóc muốn tự tử đã chờ đến tận phút chót mới chạy vụt qua chỗ chú chó nhiều năng lượng.

Một thằng bé đi xe đạp, chắc đang trốn học. Hôm nay là ngày thường và giờ mới đầu giờ chiều.

Một nữ doanh nhân trong chiếc áo mưa và mũ che mưa ngớ ngẩn bằng nhựa trong, giống một cái mũ em bé, có in hình mấy bông hoa cúc vàng.

Ai cũng vội vàng, chắc vì cái lạnh ẩm thấp và bẩn thỉu.

Nhưng lũ khốn này nào đã biết gì.

Moscow vào thời điểm này trong năm còn tệ hơn cả trăm lần.

Nghĩ về thành phố quê nhà, Vladimir Rostov nhận định rằng khu vực này của New York rất giống vùng Barrikadnaya ở tây bắc Moscow; khác chăng chỉ là những ngôi nhà dành cho một gia đình duy nhất xếp dọc trên phố này. Ở Moscow - à, *ở mọi* thành phố tại Nga - người ta sống trong các căn hộ cao tầng, lừng lững, lừ đừ và suốt đời u ám, màu sắc trên bộ quân phục của Stalin.

Rostov đã đậu chiếc Toyota của hắn trên phố và đang đứng cạnh một cái cây - hắn hi vọng thân cây đen xì sẽ che bớt cho áo khoác đen của hắn - và quan sát ngôi nhà khiêm tốn nhất thuộc về Vimal Lahori và gia đình cậu.

Rostov tự hào vì công tác điều tra của mình. Kirtan đã phun ra - thằng bé với dây thanh quản bị đứt và hóa ra là cả một cổ tay bị gãy do cú ngã trên cầu thang, xin lỗi nhiều nhé, *kuritsa.* Sau cú nã, Rostov đã lôi thằng bé vẫn đang ho nghẹn vào góc tầng hầm, đằng sau một thùng dầu hăng nồng mùi hóa chất đốt lò cay xè mắt. Chiếc lò sưởi cổ lỗ sĩ khẽ rù rì, trong lúc ngọn lửa cuộn bên trong và hai người đàn ông, một trên sàn, một ngồi xổm bên trên người kia - tắm trong hơi ấm.

Tất nhiên thằng bé không thể nói được, việc đó làm tiến trình thu thập thông tin thêm phức tạp đôi chút. Nhưng may thay nó cũng không thể hét lên đau đớn và vào lúc đó thì chi tiết này quan trọng hơn.

Rostov đã ấn lưỡi con dao dọc giấy vào sâu, và nước mắt Kirtan bắt đầu chảy giàn giụa, để lại những vệt lấp lánh trên làn da màu ô liu của thằng bé. Nó lắc đầu không, không, không. Miệng nó há ra nói điều gì đó khác nữa, có lẽ là giải thích - *cố gắng* giải thích - với Rostov rằng nó chỉ có rất ít tiền để đưa cho hắn. Khi ấy, Rostov mới để ý là thằng bé có đeo chiếc nhẫn ở ngón út, bằng vàng và gắn một viên kim cương. Nó chỉ là một trong những món đồ khoa trương, vô tích sự. Kim cương chỉ sống động khi ánh sáng dội xuống nó từ mọi phía và xuyên qua tất cả các mặt cắt ở cạnh, đáy và đỉnh. Trong một chiếc nhẫn ngón út, sản xuất cho các doanh nhân thấp kém, viên kim cương bị cắt rất nông và bọc kim loại, không có cả cơ hội để thở. Gần như nhẫn nào loại này cũng chỉ có các viên đá thấp cấp.

Một sự hoang phí với kim cương cao quý.

Rostov mỉm cười và quay lại, chú ý đến ngón tay thằng bé lần nữa, vuốt ve nó. Kirtan cố tránh xa. Vô ích. Thêm nhiều vuốt ve nữa bằng con dao.

“Không, không, *kuritsa* bé nhỏ, vô ích thôi, không.”

Chỉ mất hai vết cắt nhanh trên ngón tay bên trái là thằng nhóc đã viết vội tên Vimal Lahori lẫn địa chỉ bằng bàn tay phải. Thêm vài thông tin nữa là giờ ăn trưa của Kirtan - và cả mạng sống của nó - đã nhanh chóng kết thúc.

Giờ là lúc vào việc.

Vẫn dựa người vào cái cây, Rostov chờ đến khi các khách bộ hành, con chó và thằng bé đạp xe đã đi khuất, đảm bảo không có ai khác quanh đó. Hắn bắt đầu đi về phía nhà Lahori.

Khu dân cư này khác Barrikadnaya ở một điểm nữa: Ở đây có nhiều cây cối hơn. Rostov tận dụng các loại hàng rào và cây để che chắn cho mình và tiến lại gần ngôi nhà mà không bị hàng xóm nào trông thấy.

Hắn chú ý thấy đèn trong nhà vẫn sáng và qua lớp rèm đăng ten che gần hết các cửa sổ, hắn thấy rõ bên trong có người. Kirtan đã kể cho hắn Vimal sống cùng cha mẹ và một cậu em trai. Ông bố về hưu do mất khả năng lao động còn bà mẹ là y tá làm việc ngoài giờ, thằng em thì mới năm nhất đại học. Bất kì ai hoặc tất cả họ đều có thể đang ở nhà.

Tất nhiên Rostov sẽ giết tất, nhưng để làm vậy hắn phải lên kế hoạch tỉ mỉ. Những người ở trong nhà có thể ở các căn phòng khác nhau và điều đó có nghĩa là có nguy cơ ai đó sẽ nghe tiếng đột nhập, gọi 911 và thả một chiếc điện thoại ra sau sô pha. Trong những thành phố như New York, cảnh sát chỉ mất vài phút là đến. Hắn sẽ phải rình mò một chút, chờ đến khi họ tụ lại, lẻn vào thật nhanh, giương khẩu súng ra. Trói hoặc dán băng dính lên họ. Rồi đến con dao. Sẽ phải là con dao. Các căn nhà ở đây sát nhau đến nỗi cả một tiếng súng thôi cũng có cả tá người nghe được.

Trong tư thế ngồi xổm, trốn đằng sau một hàng cây xanh rì, hắn nhìn khắp lượt ngôi nhà. Nó được sơn màu xanh nhạt và đang cần phải sơn lại. Ở cửa sổ hướng ra sau vườn, nơi hắn trông thấy bóng người cử động, hắn đứng lên hết tầm cao. Việc này cho phép hắn nhìn lén vào trong bếp. Một người phụ nữ khoảng bốn mươi lăm tuổi đang đứng trước bếp. Bà ta rõ ràng là dân Ấn Độ. Khá xinh nhưng không hấp dẫn với Rostov. Bà có nước da nâu xám và mái tóc đen

ngắn, lượn sóng, bóng nhẫy như tóc giả trên đầu búp bê. Hắn có thể thấy khuôn mặt bà ta đang lo lắng. Trong lúc bà lơ đãng đảo một cái chảo, bà ta nghiêng đầu và Rostov tin rằng bà đang lắng nghe thứ gì đó làm bà buồn bực: những giọng nói. Hắn cũng nghe kỹ và nhận ra. Giọng hai người đàn ông đang tranh cãi, nghe có vẻ như vậy, mặc dù Rostov không rõ lời. Tiếng của họ bị chặn lại. Hắn nghe những tiếng đùng đục giống như đầu búa đập ở xa xa.

Một lát sau, người phụ nữ quay lại và một người đàn ông trạc năm mươi, da xám và bụng phệ xuất hiện từ chỗ trông giống cầu thang xuống tầng hầm. Ông ta đang bị kích động. Rostov thụp xuống nhưng vẫn ghé tai về phía cửa sổ.

Người phụ nữ tránh ánh mắt ông ta và nói, “Đáng lẽ anh không nên làm thế.”

“Vì lợi ích của chính nó thôi. Đầu nó toàn ý tưởng ngu ngốc. Ngu ngốc! Cô cũng quá nuông chiều khi nó còn nhỏ.”

Điều này có thể là thật, Rostov nghĩ.

Đàn bà.

Chỉ có mỗi một công dụng. À, cái đó và nấu nướng nữa.

Giờ hắn lại nghe thấy tiếng vẳng lại của một dụng cụ ở đâu đó trong nhà. Nghe như máy mài, loại chạy điện. Ai đó đang xây sửa gì đấy.

Một giọng nói khác hỏi điều gì đó. Giọng nam, trẻ hơn. Rostov không phân biệt được câu hỏi.

Người đàn ông vừa đi từ tầng hầm lên, chắc chắn là cha của Vimal, quát, “Sunny, con đi vào phòng. Đừng lo chuyện này. Không

phải việc của con.”

Một câu trả lời cũng chẳng nghe ra đâu vào đâu.

“Nó ở trong xưởng làm tượng. Nó ổn. Giờ thì đi đi.”

Sunny. Em trai Vimal. Điều này có nghĩa Vimal chính là người vừa cãi nhau với ông bố trong tầng hầm.

Đáng lẽ anh không nên làm thế…

Có nghĩa là gì nhỉ?

Vậy là: có bốn người bên trong: bà mẹ, ông bố, hai thằng con trai.

Quả thực là một thách thức. Nhưng hắn quyết định rằng đơn giản có khi lại tốt hơn. Nếu Vimal đang ở dưới tầng hầm, hắn sẽ lẻn vào nhà và làm người đầu tiên bắt gặp bị bất ngờ, cứa cổ họng kẻ đó, rồi khi ai đó khác tới để xem có chuyện gì, giết luôn người đó. Và cứ thế. Vimal sẽ không thể nghe thấy với chừng đó tiếng ồn từ máy mài. Sau đó, hắn sẽ đi xuống hầm và ghé thăm thằng nhóc.

Được rồi, lũ *kur.* Tới đây.

Hắn quay về phía cửa chính ngôi nhà và tìm đường sang bụi cây cạnh hiên, vẫn trong tư thế khom lưng. Hắn thò tay vào một túi quần để nắm lấy con dao. Hắn suýt đến được đó thì nghe tiếng của một chiếc ô tô đang gấp gáp tiến lại. Hắn vội lùi lại, ánh sáng đèn đỏ nhá lên trong tầm mắt hắn. Một chiếc ô tô Mỹ kiểu cổ phanh kít lại trước nhà của tụi *kuritsa.*

Cứt thật. Hắn thụp xuống sau một bụi cây rậm rạp thoảng mùi nước đái chó.

Một người phụ nữ bước ra khỏi xe. Cô ta gọn gàng và cao ráo, mái tóc đỏ nâu buộc đuôi ngựa phía sau.

Không, không, không!

Kuritsa chết tiệt này là cớm. Hắn trông thấy phù hiệu của cô ta trên hông, lấp ló bên dưới chiếc áo khoác thể thao màu đen. Và hắn cũng để ý cái cách bàn tay cô ta lơ đãng luồn ra sau như thế nào để định vị chỗ tay cầm khẩu Glock nòng dài. Hắn biết rằng *kuritsa* này biết rút súng và ngắm bắn như thế nào.

Rostov tức điên.

Giá mà hắn hành động sớm hơn chỉ nửa giờ thôi, việc này hẳn đã kết thúc rồi.

Ít nhất cô ta đã không gọi hỗ trợ. Thằng bé không phải là nghi phạm, chỉ là một nhân chứng. Cô ta chỉ muốn hỏi nó vài câu. Và cảnh báo nó đang gặp nguy hiểm. Có thể còn mang nó đến chỗ bảo vệ nhân chứng.

Rồi Rostov nheo mắt. Hắn chỉ ở cách đó có bốn mét rưỡi và chú ý thấy một điều khác ở cô ta. Một chút lấp lánh: cô ta đang đeo trên bàn tay trái, đúng ngón đeo nhẫn, một chiếc có gắn đá ánh xanh. Đó có phải là kim cương không? Nhẫn đính hôn của cô ta, vậy thì chắc là phải.

Một viên kim cương xanh…

Hắn nghĩ về viên Winston Blue. Viên này bé xíu. Chắc chắn là khiếm khuyết.

Tất nhiên Winston sẽ không bao giờ là của hắn.

Nhưng còn viên này?

Lúc này, nữ cảnh sát đã đứng ở cửa bấm chuông. Hắn nghe thấy tiếng đinh đoong bên trong dù đã bị chặn.

Hắn điều chỉnh kế hoạch chút ít. Hắn quyết định rằng đây có thể là một món quà trời ban. Người phụ nữ này sẽ gom tất cả mọi người trong nhà vào một phòng để nói chuyện với họ và phỏng vấn Vimal.

Lũ gà mái sẽ tụ vào một chỗ, không thể ngờ là con cáo sắp sửa xông vào cùng khẩu súng và móng vuốt sắc như dao.

CHƯƠNG 33

“Vậy ông đang nói là Vimal không có ở đây?” Amelia Sachs đang hỏi.

“Tôi e là không.”

Cô đang nói chuyện với Deepro Lahori. Bất chấp nụ cười dễ tính, ông ta vẫn toát ra vẻ không thoải mái, nếu cô đã đọc đúng ngôn ngữ cơ thể ông.

“Cậu ta đã nói gì khi ông nói chuyện với cậu ta?”

Mớm mồi.

“À, thì, đó là ngày hôm qua. Nó bảo mọi chuyện ổn cả. Nó sẽ đi xa.”

“Tôi hiểu. Con trai ông liên hệ thế nào với nạn nhân? Jatin Patel?”

“Không, không, không hề.”

Đó không phải câu trả lời.

“Mối liên hệ ấy?” cô kiên trì.

“Không, chẳng có liên hệ gì cả, thật đấy. Nó chỉ làm vài việc vặt cho ông ấy thôi.” Lahori thấp người nhưng mập mạp, cặp mắt trũng và có quầng thâm bên dưới. Nước da tối màu, xám xịt. Mái tóc đen dày đã điểm sợi bạc. Vợ ông ta, Divya có khuôn mặt đẹp và đôi mắt sắc sảo. Sachs trông thấy một cái móc treo quần áo trong sảnh, trên

đó là bộ quần áo xanh của bệnh viện bên trong lớp vỏ bọc ni lông. Rõ ràng bà ta là bác sĩ hoặc y tá.

Và bà ta cũng không hề thoải mái với những lời nói của ông chồng. Bà ta khoanh tay và bắn cho ông chồng cái nhìn đen tối.

“Việc *vặt* à?” Sachs hỏi.

“Một vài việc cắt kim cương thôi.” Lahori dường như khó chịu vì ngôn ngữ cơ thể bà vợ đã tố cáo lời nói dối của mình. Ông ta lừ mắt. Bà ta lờ tịt và nói, “Vimal là thợ học việc của ông Patel.”

Ông ta quát, “Không phải thợ học việc. Nói thế nghĩa là nó làm việc suốt với ông Patel. Nó không làm. Nó không học việc chỗ ông ấy.”

Sachs tự hỏi tại sao Lahori có vẻ như đang cảm thấy bản chất công việc của thằng bé ở chỗ ông Patel cũng đồng nghĩa với chuyện Vimal biết hay không biết về vụ cướp và án mạng.

Tiếng công cụ đang vang to lên. Đâu đó trong nhà, ai đó đang xây sửa gì đấy. Có vẻ như là máy mài điện.

“Có người khác trong nhà à?” Có lẽ một thành viên khác trong gia đình có biết về nơi chốn của cậu bé.

Nhưng Lahori nói vội, “Chỉ có thợ thôi.”

“Cậu ta đã nói gì về vụ giết người? Cậu ta đã ở đó.”

“Không, nó không ở đó. Nó *đang* đi đến đó thì chuyện xảy ra trước khi nó đến và nó đã bỏ đi.”

“Thưa ông, bằng chứng cho thấy ai đó khớp với mô tả nhân dạng của con trai ông đã hiện diện và bị thương khi nghi phạm bắn vào cậu ta.”

“Cái gì? Ôi trời ơi.”

Lahori rõ là một diễn viên tồi.

Một thanh niên trẻ xuất hiện ở ngưỡng cửa mái vòm dẫn vào phòng khách. Đầu tiên cô tưởng đó là Vimal nhưng cô để ý thấy cậu ta trẻ hơn vài tuổi, chỉ là thiếu niên.

Sachs sắp sửa trưng lá bài cản trở công lý với ông bố, thay vào đó cô mỉm cười với cậu bé kia và hỏi, “Em là em trai Vimal hả?”

“Vâng, đúng ạ.” Nó nhìn xuống, nhìn lên, nhìn sang hai bên.

“Tôi là thanh tra Sachs.”

“Em là Sunny.”

“Về phòng đi,” Lahori quát. “Việc này không liên quan đến con.”

Nhưng Sunny lại hỏi, “Cô đã tìm được người đó chưa? Kẻ đã bắn Vimal ấy?”

Lahori nhắm mắt và nhăn mặt. Bị tố cáo bởi chính con trai mình.

“Giờ chúng tôi đang điều tra đây.”

Cha cậu quát lên, “Về phòng.”

Thằng bé do dự rồi quay người bỏ đi. Sunny sẽ là phương án dự phòng - nếu ông bố không chịu hợp tác sớm. Cô cảm thấy bà vợ sẽ không trực tiếp đối đầu với chồng mình, mặc dù Sachs biết rằng bà ta cũng có thông tin về con trai.

Tiếng mài xát ở dưới nhà dừng lại. Sachs rất mừng. Âm thanh ấy chói tai quá.

“Tôi cần biết cậu ấy đang ở đâu. Tôi cần biết ngay bây giờ.”

“Nó quá buồn về chuyện đã xảy ra nên đi xa rồi,” Lahori nói. “Với mấy người bạn. Có lẽ là đi trượt tuyết. Gần đây trời lạnh. Các khu nghỉ dưỡng vẫn còn mở cửa. Cô có nghe không?”

Vợ ông ta nhìn trừng trừng - với cặp mắt của một người mà cả gia đình bà thậm chí còn chưa trông thấy một khu nghỉ dưỡng trượt tuyết bao giờ.

“Việc này nghiêm trọng đấy, ông Lahori. Ông theo dõi tin tức chứ, về kẻ mà họ gọi là Người hứa hẹn? Đó chính là kẻ đang lùng kiếm con trai ông.”

“Hắn sẽ không quan tâm đến thằng bé. Nó có trông thấy gì đâu!”

“Hắn vừa mới giết nhân chứng kia rồi.”

“Nhưng Vimal không thể trông thấy hắn. Có một cái mặt nạ. Ý tôi là tôi *nghe nói* có một cái mặt nạ. Trên tin tức. Nên hắn không có lí do gì để…”

“Đủ rồi!” Câu này là từ Divya Lahori.

“Không,” Lahori rú lên.

“Có đấy, Deepro. Chuyện này đã kéo dài đủ rồi,” người vợ bình tĩnh nói. Rồi bà nhìn xoáy vào Sachs. “Cô phải bảo vệ nó.”

“Chúng tôi sẽ làm. Đó là lí do tôi ở đây.”

Vậy là cô đã nghĩ sai về Divya. Bà ta có thể đứng lên chống đối chồng.

Có lườm nguýt ông Lahori cũng không ích gì. Nhưng Amelia Sachs vẫn lườm ông ta. Rồi cô hỏi, “Cậu ấy đâu?”

“Dưới nhà. Trong hầm. Xưởng điêu khắc của nó ở đấy,” mẹ cậu trả lời.

Cô nhớ lại chuyện họ tin thằng bé là một thợ điêu khắc. Tiếng mài đá kia có thể là Vimal đang làm việc với tác phẩm của cậu. Đáng lẽ cô phải nhận ra chi tiết đó.

Không sao cả. Cô sẽ nhanh chóng đưa cậu ta vào nơi bảo vệ nhân chứng. Cô sẽ sắp xếp một nhà an toàn, và đặt thêm một bảo vệ ở đây để giữ an toàn cho cả gia đình.

“Vậy là ông đã nói dối tôi.”

Ông bố ương bướng đáp lại, “Tôi chỉ đang cố bảo vệ nó.”

Mặc dù vậy, Sachs đánh giá chuyện này không chỉ là việc một ông bố muốn bảo vệ con trai. Hầu hết cha mẹ sẽ gọi cho cảnh sát ngay khi có thể.

Nhưng cô chỉ nói, “Làm ơn, đưa cậu ấy ra đây đi.”

Vợ ông ta giơ một bàn tay ra, lòng bàn tay ngửa lên. Mặt Lahori đanh lại. Ông ta đang giận điên người. Ông ta thò tay vào túi và giận dữ giao ra một chùm chìa khóa bằng bàn tay run rẩy.

Cha cậu ta đã *khóa* cậu ta dưới hầm sao?

Divya Lahori phải trả giá cho sự chống đối của bà bằng một cái nhìn lạnh buốt từ ông chồng. Bà nhìn mặt ông ta một lần rồi đánh mắt đi và đi về phía sau ngôi nhà.

CHƯƠNG 34

Bằng một bàn tay đi găng, Vladimir Rostov kiểm tra cửa trước của nhà Lahori.

Á à, chú *kur* hữu ích đã để nó không khóa.

Việc này giúp hắn khỏi phải phá cửa sổ xông vào một cách kịch tính - và cũng tiềm tàng mạo hiểm. Khống chế những người bên trong có thể sẽ phải dùng đến khẩu súng ồn ào của hắn.

Cố nén một tiếng ho - thời điểm cực kỳ không thích hợp để phát tiếng động - hắn nhìn qua rèm đăng ten vào bên trong cửa. Hình dáng của hắn sẽ lồ lộ ra nếu có ai đó nhìn ra, nhưng rõ ràng là không có ai. Tấm rèm khá dày và chỉ có rất ít ánh sáng đèn để làm hắt bóng lên lối vào.

Kuritsa cảnh sát và ông chồng đang ở trong phòng khách, phía tay trái. Có vẻ như bà vợ đã đi đón Vimal ở chỗ nào đó khác trong nhà. Còn thằng bé kia - có thể là em trai - thì không thấy đâu. Theo logic, cô cảnh sát sẽ mang cả Vimal vào phòng khách. Cô ta sẽ muốn hỏi chuyện tất cả bọn họ.

Tất cả lũ *kur* bé nhỏ cùng chui vào một rọ.

Rostov chỉ có thể trông thấy lưng của tóc đỏ từ ngưỡng cửa. Cô ta còn cách hắn năm sải chân. Rostov có một ý tưởng. Hắn nhìn quanh và cầm lên một viên gạch to từ trong vườn. Hắn quay lại cửa và nhìn ghé vào lần nữa. Phải rồi, phải rồi, cách này hay. Rostov sẽ

bước vào thật nhanh, đập viên gạch vào đầu cô ta và giữ ông bố tránh xa bằng khẩu súng. Hắn sẽ tước súng của cảnh sát và còng tay cô ta. Rồi chăm sóc Vimal và phần còn lại của gia đình họ.

Còn cô ta? Nữ cảnh sát? Rostov lại bắt được một thoáng viên kim cương xanh trên ngón tay trắng ngần của cô ta. Thật quyến rũ làm sao.

Về với đá…

Rostov kéo mặt nạ trượt tuyết xuống, cầm khẩu súng bằng tay trái và kẹp viên gạch dưới cánh tay. Hắn tóm tay nắm cửa.

Ta tới đây, lũ *kur* bé nhỏ. Tới đây.

Tiếp theo là một tiếng hét từ đằng sau nhà. “Không!” Giọng phụ nữ. Mẹ của Vimal. Bà ta đâm bổ ra từ một cánh cửa sau nhà, trong bếp. Cánh cửa đó vài phút trước Rostov đã trông thấy, nó dẫn xuống hầm. Bà ta dừng ở hành lang. Rostov thụp người xuống, vẫn đang đứng trên hiên trước. Nhưng hắn không cần phải trông thấy hoạt cảnh. Nghe cũng đủ rõ rồi.

“Nó đi rồi! Vimal đi mất rồi!”

“Làm sao nó đi được?” Lahori gầm lên như thể đó là lỗi của bà mẹ.

“Cái cưa? Cái nó vẫn dùng để tạc tượng ấy? Thằng bé đã dùng nó để cắt mấy thanh chấn song.”

Vậy là ông bố đã nhốt chính cậu con trai của mình trong một nhà tù dưới tầng hầm.

Và giờ thì thằng *kuritsa* chết tiệt đã trốn thoát?

Rostov mạo hiểm nhìn vào để xem họ có đi ra bằng cửa trước không. Nhưng không, cả ba người lớn đều vội vã chạy ra sau nhà và xuống cầu thang dẫn vào hầm.

Hắn lùi lại từ cửa trước và xuống bậc tam cấp. Hắn đi sang đất nhà hàng xóm và chạy lại sân sau.

Trốn đằng sau hàng rào, hắn nhìn lén vào sân nhà Lahori. Không thấy thằng bé đâu. Nhưng hắn có trông thấy những thanh chấn song dày trên cỏ phía trước mặt một cửa sổ sát đất.

Hắn thở dài và quay đi, chạy thật nhanh ra vỉa hè. Hắn vào xe. Mười phút sau hắn đã đi khắp các con phố trong khu dân cư yên bình, nhưng không thành công. Mặc dù vậy hắn chỉ tìm trong chốc lát vì đoán là *kuritsa* tóc đỏ sẽ gọi thêm các cảnh sát khác tới càn quét cả khu vực này.

Liếc sang ghế ngồi bên cạnh, hắn thấy vài mẩu khoai Roll N Roaster lạnh ngắt. Hắn tọng chúng vào mồm, nhai hờ rồi nuốt ực. Hắn châm một điếu thuốc và tận hưởng hơi đầu. Một bước lùi, đúng. Nhưng Vladimir Rostov không buồn như hắn nên buồn.

Người hứa hẹn rất khôn ngoan, Người hứa hẹn rất xảo quyệt.

Và kể cả khi hắn đã hoàn toàn về với đá, hắn vẫn luôn có một kế hoạch dự phòng.

CHƯƠNG 35

Ba giờ chiều.

Đây là giờ hẹn của Lincoln Rhyme và người đàn ông đã nhắn tin với anh ngày hôm qua sau cuộc gặp với Edward Ackcroyd. Cả hai đã hẹn sẽ gọi điện thoại.

Và cuộc gọi này là với một điệp viên thật, chứ không phải hạng xoàng.

Lincoln Rhyme có quan hệ với giới tình báo Hoa Kỳ. Đây là mối quan hệ qua lại, không thường xuyên nhưng không thể chối cãi được.

Lí do anh không thể tham dự vào vụ El Halcón - trùm ma túy Mexico bị xét xử ở tòa liên bang vì tội hành hung, giết người và tấn công - là vì một cuộc gặp ở Washington, D.C., để hỗ trợ cho một cơ quan an ninh mới của Hoa Kỳ.

Rhyme và Sachs mới tiếp xúc với tổ chức này trong một vụ gần đây. Họ và Cục Tình báo Thay thế (AIS) đã đụng độ nhau trong một chiến dịch bí mật mà AIS tiến hành ở Naples, Ý. Kết quả là, Rhyme và Sachs đã cứu vãn danh tiếng của họ - cùng với vài nhân mạng trong quá trình làm việc đó. Giám đốc của Cục đã ấn tượng với công tác khám nghiệm hiện trường đến mức ông ta đã cố chiêu dụ họ.

Nhưng làm việc cho AIS sẽ liên quan dính dáng đến kha khá chuyến công cán nước ngoài. Xét đến những hạn chế về sức khỏe

của Rhyme, anh không thể cam kết với họ, bất chấp những nhiệm vụ hấp dẫn mà tổ chức hứa hẹn. Bên cạnh đó, thành phố New York cũng không thiếu các vụ án đầy thách thức. Tại sao phải đi câu cá nơi khác? Đây cũng là nhà của anh và của Sachs. Tuy nhiên, anh đã rất sung sướng khi được đến DC, giúp AIS thành lập một bộ phận mới dùng khám nghiệm hiện trường và các bằng chứng vật thể làm nguồn lực tình báo.

Trong cuộc họp đầu tiên ở DC, một trong các nghị sĩ liên quan đến việc hình thành và tài trợ cho AIS đã nói, “Rất mừng vì hai người ở đây, Đội trưởng Rhyme, Thanh tra Sachs. Chúng tôi biết các vị có thể giúp chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ định tham số cho một nguồn động lực mới trong phân tích tình báo và vũ khí hóa dựa trên bằng chứng.”

Nếu là lúc khác, Rhyme hẳn sẽ lao vào một màn ứng khẩu về chuyện dùng từ dông dài và biến “tham số” thành một động từ, nhưng lúc này anh tự nhủ mình đang ở trong Beltway và chỉ việc lờ đi mấy câu nhảm nhí. Ý tưởng rất thông minh: Bộ phận mới này sẽ thu nạp các kỹ năng khám nghiệm hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm để thu thập và phân tích tình báo… và đúng là để “vũ khí hóa” bằng chứng.

Cần phải xác định danh tính một gián điệp bên trong lãnh sự quán Hoa Kỳ ở Frankfurt, trong khi tất cả mọi người đều đã vượt qua được máy phát hiện nói dối ư? Chỉ cần tìm ra tay nhân viên có mang một phân tử dấu vết bằng chứng dư chất ở cấp độ phân tử khớp với phân tử dấu vết bằng chứng dư chất trong Generalkonsulat der Volksrepublik China* là được.

Trung tâm tiếp nhận đơn xin cấp thị thực vào Trung Quốc

Cần hạ một đội sát thủ Bắc Triều Tiên ở Tokyo? Chỉ cần mang đến chỗ Keiji-kyoku* của Nhật các dấu vết bằng chứng dư chất và dấu giày cho thấy chúng mang theo vũ khí bất hợp pháp, vậy là xong, chúng sẽ vào tù - một thời gian rất, rất dài. Như vậy nhân văn hơn nhiều là dùng bắn tỉa. Và quan trọng hơn, ai đó chứ không phải chính phủ Hoa Kỳ sẽ thực hiện công việc bẩn thỉu.

Cục tội phạm hình sự của Nhật Bản

Tên của bộ phận này là EVIDINT thuộc AIS, một từ do chính Rhyme ghép lại. Viết tắt của “tình báo vật chứng” (evidence intelligence). Nói theo kiểu tình báo. Giống như HUMINT, tình báo con người. Hay ELINT, tình báo điện tử.

Chính Daryl Mulbry, giám đốc AIS, là người Rhyme gửi tin nhắn cho khi Ackcroyd bảo anh rằng Nghi phạm 47 là người gốc Nga. Mulbry đã hẹn gọi điện lúc ba giờ chiều.

Rõ ràng là tình báo gắn liền với sự mau lẹ, lúc 3 giờ 0 phút 2 giây, điện thoại của anh đổ chuông.

“Lincoln, chào!” Rhyme nhớ lại người đàn ông da trắng, nhẹ nhàng với mái tóc thưa có màu nâu nhạt. Căn cứ vào giọng địa phương, gốc gác ông ta là từ vùng Carolina hoặc Tennessee. Khi Rhyme mới gặp lần đầu, anh đã nghĩ Mulbry chỉ là một nhà ngoại giao xoàng xoàng cấp thấp, vẻ ngoài và dáng vẻ tự thu mình lại của ông ta không hề hé lộ gì về chuyện ông đang điều hành một tổ chức tình báo trị giá một trăm triệu đô-la, bao gồm cả các đội tác chiến mà

nếu họ muốn bạn biến mất, công việc sẽ được hoàn thành mà ít có phiền phức nào xảy ra.

“Xin lỗi vì mất thời gian lâu đến thế mới gọi lại được. Có một vụ ồn ào ở Châu Âu. Be bét cả. Phần lớn - mặc dù không phải toàn bộ - đã được dọn dẹp rồi. Nhưng chuyện ấy để sau. Tôi giúp gì được cho anh nhỉ? Anh muốn biết đứa con của chúng ta, EVIDINT đang làm ăn thế nào không? Thuận buồm xuôi gió lắm. Mặc dù tôi không thực sự hiểu từ ấy. Đâu phải dễ mà bơi được đâu. Ai cũng *có thể* chìm, tất nhiên rồi.”

“Là chuyện khác và khẩn cấp đấy.”

Mulbry đã quen với sự sốt ruột của Rhyme. “Tất nhiên.”

“Chúng tôi có một tên tội phạm, mới gần đây thôi, tôi nghĩ vậy. Dự đoán của tôi: hắn hơi điên. Bị ám ảnh với kim cương. Đã trốn thoát với mấy viên đá mà người ta gọi là viên thô, giá vài triệu. Là những viên đá chưa cắt ấy. Hắn đã giết vài người vô tội. Tra tấn, trong một số trường hợp.”

“Tra tấn à? Mục đích là gì thế?”

“Chủ yếu để lần theo dấu vết các nhân chứng. Nhưng cũng có thể là thú vui riêng của hắn nữa.”

“Chi tiết?”

“Không nhiều. Gốc Nga, người Moscow, khá thành thạo tiếng Anh. Da trắng. Mắt xanh. Chiều cao và khổ người trung bình. Lựa chọn quần áo thiên về các loại thường phục tối màu - hàng may sẵn - và mặt nạ trượt tuyết.”

“Kỳ quái đấy, Lincoln. Tại sao lại đi cướp? Tài trợ khủng bố à? Hay rửa tiền?”

“Phần kì lạ nhất là đây. Hắn muốn cứu những viên kim cương khỏi việc bị cắt xẻ. Cố vấn người Anh của chúng tôi đã mô tả hắn như một gã ‘chập mạch’.”

“Hắn đang nghĩ đến chuyện trở về quê hương để ăn món borscht của đất mẹ hay còn muốn làm thêm trò gì nữa?”

“Đang nằm yên, ít nhất là trong lúc này, chúng tôi đoán vậy.”

“Anh nói là mới gần đây thôi. Nhưng mới là khoảng bao lâu?”

“Chưa biết. Nhưng chúng tôi đã kiểm tra phương pháp hành động (MO) tương tự trong cơ sở dữ liệu và không phát hiện được gì. Vậy nên tạm thời phỏng đoán là mới tuần trước, trong vòng mười ngày. Mặc dù đó chỉ là một phỏng đoán vô căn cứ.”

“Phương tiện giết người?”

“Glock, khẩu nòng ngắn, đạn ba mươi tám và dao rọc giấy.”

“Chà. Có tín hiệu nào là đã qua đào tạo quân sự không?”

“Đó cũng chỉ là phỏng đoán. Nhưng hắn thông minh lắm. Rất cẩn thận với CCTV và các bằng chứng.”

“Được rồi, và anh muốn biết liệu tôi có thể tìm được cái tên nào trong đám Nga ngố vừa sang Mỹ trong khoảng thời gian đó không chứ gì. Với tiểu sử hoặc hoàn cảnh đáng nghi tương tự.”

“Chính xác.”

“Ok, người Nga, kim cương, tâm thần, có tiếp xúc với vũ khí. Tôi sẽ xem mình tìm được gì. Tôi sẽ bảo bọn trẻ và các chương trình

tìm kiếm.” Rhyme nghe tiếng gõ bàn phím. Nhanh như bánh tàu lăn trên đường ray cũ vậy.

Mulbry quay lại. “Có thể mất một lúc… và danh sách có thể khá dài. Chúng tôi không ngăn họ ở biên giới, đám người Nga ấy, anh hiểu không? Chiến tranh lạnh đã qua rồi, anh đã nghe thấy điều này chưa?”

Rhyme phải cười phá lên.

“Nào, Lincoln, chừng nào anh còn ở đây, hãy để tôi hỏi một câu nhé.”

Rhyme nhớ lại điều ông ta đã nói lúc nãy.

Chuyện ấy để sau…

“Hửm?”

“Về vụ tôi nói khi nãy ấy. Chúng tôi đã vô hiệu hoá một thiết bị phát sóng ở vùng ngoại ô Paris. Mọi chuyện đều ổn. Nhưng trong quá trình đó, đội của tôi lại thu được một luồng tin số, không liên quan nhưng khiến chúng tôi chú ý. Nó là lưu lượng trao đổi giữa Paris, Trung Mỹ và thành phố New York. Mối quan hệ tam giác ấy làm rung lên những hồi chuông cảnh báo về hồ sơ khủng bố.”

Rhyme nói, “Hẳn phải có đến cả triệu email mỗi ngày được trao đổi qua lại thông qua những tuyến đường này.”

“Anh đoán đúng. Nhưng những cái này rất khác. Chúng được mã hoá bằng thuật toán thập nhị phân. Gần như không thể bẻ khoá. Điều đó làm chúng tôi hơi lo lắng.”

Xuất thân từ chuyên ngành khoa học, Rhyme biết hệ đếm số thập nhị phân, còn gọi là hệ gốc 12 hay một tá. Hệ nhị phân chỉ có

hai con số là 0 và 1. Hệ thập phân có mười số: 0 đến 9. Hệ thập nhị phân có mười hai số, từ 0 đến 9 cộng thêm hai kí tự ngoài khác, thường là 2 và E.

Mulbry nói tiếp, “Gói mã hoá ‘đúng đắn’ - từ bọn quái dị hay dùng ấy - tới mức chúng tôi coi phần mềm ấy như một loại vũ khí. Nó được coi là đạn dược theo Quy định quốc tế về buôn bán vũ khí của Bộ Ngoại giao. Vì New York là một trong những điểm xuất phát của các tin nhắn này, tôi tò mò muốn biết liệu có ai ở NYPD từng gặp phải những email hay tin nhắn được mã hoá thập nhị phân hay chưa.”

“Không. Chưa bao giờ nghe nói.” Anh nhìn lên Cooper. “Mel, có mã hoá thập nhị phân nào trong các vụ chúng ta đã làm không?”

“Không.”

“Gọi cho Rodney xem anh ta có nghe được gì không.” Quay lại với điện thoại. “Chúng tôi sẽ nói chuyện với chuyên gia của chúng tôi ở đây. Để xem.”

“Cảm ơn. Nó làm chúng tôi lo ngại. Chúng tôi đang kiểm tra các địa điểm anh ta hoặc cô ta hoặc nó đã ở khi gửi tin nhắn đi. Cả những chỗ đó cũng rất khó tìm. Tất nhiên là dùng nhiều máy chủ rồi.” Một tiếng cười khác. “Những cái *đúng đắn.”*

“Tôi sẽ cho anh biết nếu chúng tôi tìm được gì đấy.”

Hai người đàn ông tạm biệt nhau và cúp máy.

Hừm, một ý tưởng thú vị, dùng hệ đếm thập nhị phân để mã hoá. Mặc dù Rhyme xuất thân là dân hoá học, anh vẫn dành nhiều quan tâm cho toán học và anh biết rằng có nhiều nhà toán học tin rằng hệ

thập nhị phân dễ học và dễ dùng để tính toán hơn nhiều. Thậm chí anh đã từng đọc về một chiếc đồng hồ hệ thập nhị phân, trong đó mỗi phút tương đương với năm mươi giây của thời gian hiện tại. Chẳng hạn, chiếc đồng hồ chỉ 7:33.4 3 theo hệ thập nhị phân sẽ tương đương với 2:32.50 theo giờ tiêu chuẩn.

Thú vị thật.

Nhưng tất nhiên, nó không liên quan gì. Và Rhyme đẩy những ý nghĩ về nó ra khỏi đầu. Anh hi vọng có thể giúp được Mulbry nhưng Nghi phạm 47 mới là ưu tiên hàng đầu. Điện thoại của anh đổ chuông. Số máy lạ.

Vì lợi ích của người gọi đến, hi vọng đó không phải là bán hàng qua điện thoại. Anh bắt máy, “Xin chào?”

“Ông Rhyme? Đội trưởng Rhyme?” Giọng Tây Ban Nha, rất nhẹ.

“Vâng?”

“Tên tôi là Antonia Carreras-López. Tôi là luật sư đến từ Mexico. Hiện tôi đang ở New York, tôi tự hỏi liệu tôi có thể xin vài phút của anh không.”

“Tôi rất bận. Mục đích của cuộc gọi này là gì?”

“Một trong các khách hàng của tôi hiện đang được xử ở đây.” Giọng người đàn ông này trầm bổng và nhịp nhàng. “Tôi muốn bàn về một vấn đề vừa phát sinh. Nó có liên quan đến anh.”

“Khách hàng của anh là ai?”

“Ông ấy có quốc tịch Mexico. Nếu anh có theo dõi tin tức, có thể anh đã nghe nói đến ông ấy. Eduardo Capilla. Được biết đến nhiều hơn với cái tên El Halcón.”

Lincoln Rhyme hiếm khi bị sốc. Nhưng luồng điện trong cơ thể vô tri giác của anh là bằng chứng cho thấy não bộ của anh đang phập phồng rung lên từng đợt. Đây chính là vụ án mà anh đã vô cùng muốn tham gia, nhưng lại không thể tham gia do lời hứa với Daryl Mulbry và AIS ở Washington.

“Tôi có biết ông ta. Làm ơn nói tiếp.”

Carreras-López nói tiếp, “Tôi biết anh hiểu các nghi thức trong những phiên toà hình sự. Công tố viên buộc phải cung cấp cho bên bị các hồ sơ bằng chứng trước khi đưa ra tòa. Trong những tài liệu chúng tôi nhận được từ công tố viên Hoa Kỳ, chúng tôi phát hiện ra tên anh được xếp vào mục nhà phân tích pháp y và nhân chứng tiềm năng. Nhưng có một ghi chú nói rằng anh không dự được.”

“Tôi đã đăng ký tư vấn cho tòa nhưng lại phải đi vắng.”

“Tôi đã tìm kiếm thông tin về anh, đội trưởng ạ, và tôi phải nói rằng mình rất ấn tượng với tiểu sử và chuyên môn của anh. Cực kì ấn tượng.” Anh ta ngừng lời. “Tôi hiểu là công việc tư vấn của anh chỉ làm riêng cho bên khởi tố.”

“Cũng có làm với dân sự - bên nguyên đơn và bị đơn - nhưng trong các vụ hình sự thì đúng là tôi chỉ làm cho các cơ quan hành pháp.”

Và thi thoảng là các điệp viên trong danh sách khách hàng.

“À, vâng, xin mạn phép tiêu tốn vài phút của anh để tôi giải thích. Phiên tòa đang diễn ra và bên công tố đang trình bày vụ án này. Trong lúc nghiên cứu các bằng chứng, chuyên gia của chúng tôi tin rằng họ đã tìm được một điều khá lạ. Đó là việc bằng chứng, hay

một phần của bằng chứng, đã bị cảnh sát hoặc phía FBI can thiệp. Khách hàng của tôi không được yêu thích gì cho cam - và nói thẳng ra ông ta cũng chẳng phải người tốt lắm. Ông ta đã làm vài việc tồi tệ trong đời. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ta có tội trước các cáo buộc mà ông ta đang phải chịu."

"Và anh muốn thuê tôi để xem tôi có tìm được bằng chứng nào chứng tỏ vật chứng đã bị can thiệp không?"

"Tôi nghĩ anh không phải một người quá bận tâm đến tiền, mặc dù chúng tôi sẽ trả một mức phí cao. Tuy nhiên, tôi nghĩ anh là người quan tâm đến lẽ phải. Và vì có điều gì đó rất sai trái trong vụ án này. Nhưng tôi không thể tìm được ai muốn giúp mình cả. Trong số bốn cựu công tố viên và chuyên gia pháp y đã nghỉ hưu, cộng với hai chuyên gia khác mà tôi đã tiếp cận để nhờ giúp đỡ, tất cả đều từ chối."

"Anh đã đệ đơn xin loại bỏ bằng chứng hoặc khiếu nại oan sai chưa?"

"Chưa. Chúng tôi không muốn làm vậy khi chưa có bằng chứng chắc chắn."

Rhyme suy nghĩ mông lung. "Từ những gì đọc được, tôi thấy họ có nhiều cáo buộc khác nhau."

Anh nghe tiếng cười khùng khục. "Ồ vâng. Vì anh và tôi không có mối quan hệ giữa luật sư và thân chủ, tôi sẽ không thể nói gì cụ thể cho anh nghe được. Nhưng để tôi cho anh một giả thuyết nhé. Một nghi phạm bị cáo buộc năm tội. Chắc chắn ông ta đã mắc một trong năm tội ấy - giả sử là nhập cảnh bất hợp pháp đi. Và có kha khá bằng chứng cho vụ đó. Bồi thẩm đoàn chắc chắn sẽ phán có tội.

Nhưng còn các cáo buộc kia, tấn công bằng vũ khí chết người và mưu đồ giết người, chắc chắn ông ta *không* có tội. Ai đó khác đã thực hiện những tội ác này và thân chủ của tôi, giả sử là thân chủ của tôi, thậm chí còn không có mặt khi vụ án xảy ra."

"Công lý," Rhyme thì thầm.

Luật sư nói, "Vâng. Chính xác là vấn đề này. Anh Rhyme, khi đọc về anh tôi đã thấy anh từng làm chứng ở một phiên toà kháng cáo cho một người xin bãi bỏ bản án với lí lẽ là kĩ thuật viên phòng thí nghiệm đã cố ý thay đổi kết quả ADN. Anh đã nói với tòa rằng dù là vô tình hay cố ý, sai lầm của một nhà khoa học pháp y trong quá trình xử lý bằng chứng là không thể bào chữa được. Sự thật là chân lý tối cao, anh đã nói vậy."

Anh nhớ lại vụ đó, dễ dàng tưởng tượng ra khuôn mặt người đàn ông đã phải chịu ngồi tù 8 năm vì một vụ cưỡng hiếp ông ta không làm. Đôi mắt của tù nhân nhìn xoáy vào mắt Rhyme với cả niềm hi vọng và tuyệt vọng. Nữ nhân viên đã cố ý viết bản báo cáo láo kia, vì cô ta tin rằng ông ta có tội, đã chỉ dám cúi mặt nhìn xuống sàn nhà.

Rhyme nói, "Tôi không bao giờ phán xét bản chất đạo đức của các bị đơn trong những phiên tòa mà tôi dự. Tôi hiện đang làm một vụ lớn nhưng nếu anh muốn tới nhà tôi, chúng ta có thể nói chuyện."

"Thật sao, anh Rhyme? Tôi rất biết ơn."

"Tôi không thể hứa hẹn điều gì nhưng tôi muốn nghe kể chi tiết."

Họ chọn một thời điểm và Rhyme đọc địa chỉ. Họ cúp máy.

Rhyme đẩy xe tới bảng bằng chứng. Cooper đang viết lên đó vài thông tin mới nhận được từ phòng thí nghiệm ở Queens: ADN và mẫu dấu vân tay tìm được trên chiếc áo khoác trong ống cống đã không cho ra kết quả gì. Cả tóc và các miếng gạc thấm ở vụ tấn công Gravesend cũng vậy.

Rhyme ghi nhớ vài dòng trên bảng trắng. Anh cất chúng sang một bên và lại nghĩ về những điều vị luật sư người Mexico đã nói với anh. Anh cũng nghĩ về Sachs, Sellitto, Cooper và những người khác, vẫn đang làm việc hăng say trong vụ Nghi phạm 47 và tự hỏi. Họ sẽ nghĩ gì nếu họ biết rằng mình sắp sửa về cùng một đội với một tên buôn bán ma túy?

Không có câu trả lời tử tế nào cho câu hỏi ấy, nên anh lờ nó đi và quay lại với bằng chứng.

CHƯƠNG 36

Từ ‘ốm liệt giường’ không thực sự phù hợp với thời đại ngày nay. Nó chỉ hợp với ngày xưa.

Xưa xửa xừa xưa.

Thời của Jane Austen. Của chị em nhà Bronte. Những cuốn tiểu thuyết mà Claire Porter vẫn thường đọc đi đọc lại - hồi học đại học và cả sau đó. Gần đây, chỉ còn vài cuốn như vậy thôi.

Ốm liệt giường.

Thông thường, trong những cuốn sách đó, một nhân vật sẽ nằm bên dưới lớp chăn gối thật dày dặn, với một miếng đắp lạnh trên vầng trán nóng hầm hập, bởi một căn bệnh kì bí chưa biết đến nào đấy. Hoặc kiệt sức. Thời đó kiệt sức là loại bệnh thường gặp. Khi đọc về cuộc sống của thế kỷ mười tám, mười chín, Porter luôn tự hỏi thời ấy có gì căng thẳng đến mức bạn phải hồi sức bằng cách nằm ì trên giường tới mấy tuần. Hoặc là phải đi nghỉ dưỡng trên tàu (nếu bạn thuộc giới thượng lưu).

Thượng lưu. Lại một từ hay của thời bấy giờ.

Đời sống liệt giường liệt chiếu của *mình* chả có gì là thượng lưu cả, người phụ nữ ba mươi tư tuổi nghĩ.

Nằm trên đệm Sealy Posturepedic* trong phòng ngủ tại căn hộ tầng trệt của họ ở Brooklyn, Porter nhìn ra Công viên Cadman xa xa

bên ngoài cửa sổ. Hôm nay công viên ảm đạm, ẩm ướt và lạnh ngắt, khá hợp với tâm trạng của cô.

Cô barista* tóc nâu và thon thả không bị ốm vì kiệt sức hay vì một căn bệnh lạ nào như trong tiểu thuyết, mà bởi cô đã vấp ngã vì một con chó. Thậm chí còn không phải chó của cô, mà là một chú lông xù bé nhỏ đã thoát ra khỏi dây buộc trong lúc cô và chồng đang chạy bộ, rồi lao vụt đến trước mặt cô. Cô xoay người theo phản xạ và nghe thấy một tiếng rắc ở cổ chân. Và rồi cô ngã xuống.

Một loại đệm hơi điều chỉnh tư thế nằm của Mỹ

Người chuyên pha chế đồ uống liên quan đến cà phê

Chết tiệt, bong gân, cô nghĩ.

Sai rồi. Nó chỉ là cơn ác mộng chết tiệt đầu tiên của cú ngã mà thôi. Bắt đầu với hai lần phẫu thuật, rồi đến cuộc chiến chống viêm nhiễm, rồi lại phải mổ xẻ - để đặt đinh cố định. Người máy sinh học, như chồng cô vẫn đùa cợt, mặc dù rõ ràng anh cũng bị chấn động vì nỗi đau của cô - và buồn bực vì các trách nhiệm mới của mình, một điều dễ hiểu. Hai vợ chồng họ đã có một bé gái mười tám tháng tuổi. Ông bố - một nhà thiết kế đồ họa ở Midtown - nay phải sống cuộc đời làm ca đôi. Và cô thậm chí không thể nghĩ đến cái gật đầu vui vẻ miễn cưỡng của anh khi bác sĩ khuyên tốt nhất nên tránh “các mối quan hệ thân mật” có thể gây nguy hiểm cho cái cổ chân trong ít nhất sáu tháng tới. (Nghĩ đến đây thì thấy ngay cả cụm từ của bác sĩ phẫu thuật dùng cũng mang dáng dấp thời Victoria đấy.)

Với một cây nạng, Porter chỉ có thể đi loanh quanh làm các việc cơ bản kiểu như: Vào nhà tắm. Đi tới chỗ tủ lạnh mini mà Sam đã đặt trong phòng ngủ dành cho khách này. Cô có thể lấy bình sữa và

các loại thức ăn cứng để cho Erin ăn, giường nhỏ của con bé đặt ngay bên cạnh giường cô. Nhưng đó là toàn bộ giới hạn hoạt động của cô cho đến khi vết thương lành hẳn. Cô đã yêu thích việc nấu nướng, chạy nhảy và nghề barista biết mấy - những câu đùa qua lại, những con người tinh quái và kỳ lạ mà cô được gặp.

Nhưng cô còn phải chịu cảnh liệt giường này một tháng nữa.

Claire Porter quyết tâm ngoan ngoãn và nghe theo các chỉ dẫn. Bác sĩ đã cảnh báo chỉ một lần ngã nữa thôi, vết thương sẽ còn tệ hơn thế này nhiều. Nhiễm trùng, hoại tử. Eo. Và mặc dù ông ta không nhắc đến cưa chân, Google thì có. Một khi đã lẻn vào tâm trí cô, ý nghĩ đó cứ bám chặt như đỉa và sẽ không chịu rời ra.

Ít nhất cô có thể tiếp tục theo đuổi việc học online của mình. Giờ cô là barista, hai năm nữa sẽ là chủ của một công ty nho nhỏ chuyên tư vấn mở nhà hàng. Cô đặt chiếc máy tính Mac lên bụng, liếc nhìn cái cũi. Cảm ơn con vì đã ngủ say, búp bê cưng! Chết tiệt, cô muốn hôn lên mái tóc vàng màu kẹo sữa của con gái quá. Nhưng chuyện ấy cũng lằng nhằng phết.

Ốm liệt giường.

Cô bật máy và làm việc vài phút, ôi chết tiệt thật. Nhu cầu. Cô cần dùng nhà vệ sinh.

Thật buồn cười khi chúng ta có thể đoán trước được chính xác nơi và cách mà cơn đau sẽ ập đến với chúng ta. Porter theo bản năng di chuyển một chân, sau đó đến chân kia, bụng và cánh tay theo một kiểu phức tạp để cô có thể ngồi dậy mà không đau đến chảy nước mắt.

Hay nôn mửa.

Cô đã vượt qua được việc ngồi dậy mà ít gây khó chịu nhất. Và khá thành công khi cầm được cặp nạng.

Giờ đến phần đứng lên.

Một hơi thở sâu, mọi thứ đã sắp thành hàng. Ok, tiến lên thôi.

Rồi… chậm thôi… rồi đứng dậy.

Porter chỉ nặng có 55 cân, nhưng cô vẫn cảm thấy lực hút đang kéo cô xuống mãi. Hai chiếc nạng đã khiến cô thành một cỗ người gạch. Nhưng cô vẫn làm được. Vài bước thôi. Cô dừng lại khi tầm nhìn kém đi một chút. Cô bị chóng mặt. Cúi đầu xuống, hít thở sâu, cô tự nhắc mình lần tới phải đứng dậy chậm hơn. Xỉu ư? Thậm chí cô còn không tưởng tượng được cú ngã sẽ gây ra ảnh hưởng gì cho những cái xương mong manh của mình.

Rồi đầu cô đã tỉnh táo lại và cô đi về phía hành lang. Cô dừng bước để nhìn xuống Erin, con bé vẫn ngủ say với những giấc mơ con trẻ, đơn giản và tử tế, nếu nó có mơ.

Claire Porter tập tễnh đi vào nhà tắm. Sam đã sửa lại nó - anh đặt một ghế ngồi tắm trong bồn và thay vòi gắn tường bằng bộ vòi cầm tay. Anh cũng đã thêm một cái ghế cao trên bồn cầu để cô không cần phải dồn trọng lượng nhiều xuống chân.

Điều tốt duy nhất mà vụ tai nạn mang lại. Cô không cần phải lựa chọn quần áo. Chỉ có bộ nỉ, nỉ và nỉ… Chỉ cần tụt quần ngoài và quần trong xuống và ngồi. Xong việc.

Đứng lên khó hơn một chút nhưng cô đã biết cách làm.

Đoán xem…

Đứng dậy không đau đớn. Chết tiệt, chân phải của mình sẽ cứng như gỗ khi quãng thời gian này qua đi mất.

Trong lúc Claire Porter đang rửa tay, cô cảm nhận được một chút rung lắc khắp căn hộ. Cửa sổ lay động và một cái cốc thủy tinh trên giá bật ra khỏi mép ván, vỡ tan tành thành hàng chục mảnh vụn trên sàn nhà lát gạch.

Porter há hốc miệng.

Chúa ơi. Cái gì vậy? Lại thêm một trận động đất nữa ư? Cô có xem thời sự. Chuyện gì đó về việc khoan đất - người ta quy trách nhiệm cho một công trường xây dựng cách đây 800 mét. Có rất nhiều người phản đối. Những người bảo vệ môi trường đấu lại tập đoàn lớn. Cô không nhớ chính xác.

Woa, một vụ động đất ở New York! Chuyện nghiêm trọng đây. Cô sẽ phải kể cho mẹ khi họ nói chuyện lần tới. Nó chỉ là một rung chấn nhỏ - không gây hại gì đến tường và cửa sổ.

Nhưng đó *chính là* vấn đề.

Khá nghiêm trọng.

Chân trần. Thủy tinh vỡ.

Ngốc thật, cô nghĩ. Cô có đôi dép (à, *một chiếc dép,* vì không thể đi được cái gì bên chân gãy) nhưng lại không buồn xỏ vào. Và giờ thì phải vượt qua rào cản dài mét rưỡi trên đường ra hành lang.

Cô nhìn xuống. Khi cái cốc rơi xuống, nó đã rơi mạnh.

Cứt thật. Cô không thể dọn dẹp đống lộn xộn này được. Cúi xuống là ngoài vùng phủ sóng rồi. Cô có thể dùng nạng để đẩy

những mảnh to ra khỏi đường đi nhưng lại không thấy những mảnh vụn trên nền gạch trắng.

Khăn tắm. Cô có thể phủ khăn tắm lên sàn nhà và đặt bàn chân lành lặn của mình ở chỗ không bị gồ lên. Những mảnh nhỏ hơn thì không xuyên qua khăn được - cô hi vọng như vậy.

Cô kéo mấy chiếc khăn tắm dày nhất từ trên giá xuống và trải chúng trên đường ra cửa.

Một bước. Tốt.

Cô dừng lại để tìm điểm đặt cái tiếp theo và đông cứng.

Cái gì vậy? Cô ngửi thấy mùi khí ga.

“Chúa ơi, Chúa ơi…”

Porter nhớ lại bản tin khủng khiếp về câu chuyện đã xảy ra sau động đất. Tác hại của rung chấn không tệ lắm. Chỉ làm vỡ vài cái cửa sổ. Nhưng vài đường ống ga đã bị vỡ. Các vụ nổ và cháy tiếp theo đã giết chết mấy người: một cặp vợ chồng bị kẹt lại trong ngôi nhà cháy của họ.

Cô và con gái cô sẽ không trở thành nạn nhân.

Họ đang ở tầng một. Cô sẽ bế Erin và ôm chặt con bé nhảy lò cò ra ngoài, gào thủng phổi cho những người thuê nhà khác cũng chạy ra.

Chạy, chạy, chạy!

Thêm một bước nữa.

Bước nữa. Rồi một mảnh dằm thủy tinh lẩn được qua lớp khăn như đuôi bọ cạp và đâm vào gót chân cô.

Porter hét lên và ngã ngửa. Cô thả rơi cái nạng và lấy tay ôm sau đầu đúng lúc để cứu nó khỏi đập vào cạnh sứ của bồn tắm. Cơn đau truyền khắp cơ thể. Tầm nhìn của cô lại mờ đi - vì đau. Sau đó cô nhìn lại được, dù nhòe đi vì nước mắt.

Mùi ga càng nồng hơn: Mặt cô đang đặt cạnh hộp kỹ thuật dẫn vào các đường ống cho nhà tắm, các đường ống này dẫn xuống hầm, nơi đường ga bị rò rỉ.

Đi thôi! Bằng cách nào đó cô phải quay vào phòng và cứu con mình.

Bò qua đám thủy tinh chết tiệt kia nếu mày phải làm!

Một hình ảnh bật ra trong cô: Bản tin về những ngôi nhà bốc cháy sau vụ động đất vừa rồi - quầng lửa màu cam khủng khiếp kia và đám khói đen xì nhơ nhớp.

Cứu con gái mày.

“Erin!” cô bất giác kêu lên.

Hẳn con bé đã nghe được - hoặc có lẽ nó đã thức dậy vì mùi ga - và nó bắt đầu khóc.

“Không, cưng ơi, không! Mẹ đây!” Cô vật lộn nằm úp bụng xuống để có thể bắt đầu cuộc trườn bò điên khùng tới chỗ con gái.

Nhưng cô đã không nhận ra cổ chân bị gãy của mình vừa bị kẹt dưới cái tủ gỗ nặng nề trong phòng tắm. Trong lúc lăn người, cô cảm thấy, và nghe thấy tiếng gãy của phần xương đã bị tổn thương. Cơn đau xé ruột gan bùng lên trong cơ thể cô.

Thét cùng với đứa con sơ sinh của mình, Claire Porter nhìn xuống chân. Những chiếc đinh kim loại mà bác sĩ phẫu thuật chỉ vừa

cắm vào ngày hôm kia đã đâm toạc da, máu me đầm đìa, và giờ đang chọc ra ngoài chân cô. Cô nôn ọe và cảm thấy đầu đập mạnh vào sàn nhà khi bóng tối bao trùm lên cô như lớp khói đen mù mịt.

CHƯƠNG 37

Vimal Lahori lại quay về với trạm xe buýt yêu thích của cậu, bến Cảng Vụ.

Lần này khá hơn. Ít đau hơn. Nỗi kinh hoàng vì bị truy sát đã lùi xa. Và cậu có tiền.

Đêm qua, lúc ở nhà, trước khi xuống dưới xưởng để "có vài lời" với cha cậu, cậu đã đi lên gác giả vờ để lấy áo len. Cậu có lấy chiếc áo… nhưng cũng mang luôn cả ba ngàn đô-la - ba ngàn *của cậu* - mà ông Nouri đã trả, cộng với ví tiền của cậu. Cậu đã nẫng luôn hai trăm đô nữa của ông bố vì ông nợ cậu chừng ấy, và nhiều tiền hơn nữa, vì những phi vụ cắt kim cương mà cha cậu đã đẩy cậu làm. Cậu cũng lấy được điện thoại. Một con dao cạo, một bàn chải đánh răng và kem đánh răng, thuốc kháng khuẩn Adeela đã cho cậu nữa. Một ít băng gạc. Và tất nhiên là cả cuốn Sách, tài sản quý giá nhất của cậu.

Vimal đã lên kế hoạch trốn thoát đâu vào đấy từ đêm qua, lúc cha mẹ cậu bận chơi hoặc đã đi ngủ. Cậu đã đồng ý với thỏa ước hòa bình mơ hồ của ông bố, dù chẳng hề thật lòng lấy một lời. Nhưng hóa ra chính cha cậu cũng không hề thật lòng với cậu. Đáng lẽ cậu phải đoán ra Papa đang nói dối - và định nhốt cậu vào nhà tù dưới tầng hầm; những chồng chai nước, thức ăn trong tủ lạnh, lại còn túi ngủ. Bia nhẹ chết tiệt nữa chứ?

Quỷ tha ma bắt.

Cậu run lên vì tức giận.

Bây giờ Vimal đang đi bộ khỏi cửa Greyhound*. Chiếc vé một chiều ngốn mất của cậu 317,50 đô la. Hành trình từ New York tới trạm dừng ở 1716 phố số 7, Los Angeles sẽ kéo dài sáu mươi lăm giờ.

Cửa bán vé xe buýt đường dài

Nghĩ về những chuyện sắp tới, Vimal Lahori buồn rười rượi, cậu sợ hãi.

Nhưng những cảm xúc này vẫn nhẹ hơn niềm vui sướng trong cậu, và cậu biết mình đang làm điều đúng đắn. Cậu bật điện thoại lên và nhắn cho mẹ là cậu yêu bà. Và cậu nhắn cho em trai là cậu cũng yêu nó, cậu sẽ liên lạc lại từ một nơi bên ngoài thành phố.

Sau đó, cậu mua một lon soda - Coca vị Anh đào cỡ lớn, một niềm vui bí mật (cha cậu không bao giờ cho phép cậu dùng bất cứ loại đồ uống có caffeine nào vì ông tin nó sẽ khiến bàn tay con trai ông bị run, dẫn đến các lỗi trên mặt giác kim cương). Vimal cũng mua một miếng pizza nữa. Cậu đứng cạnh một cái bàn bẩn thỉu, vừa ăn vừa uống. Ở đây không có ghế cho khách. Cậu đoán là để tăng doanh thu trong “phòng ăn”.

Cậu nhìn vào thứ tóm gọn toàn bộ hành lý của cậu - một cái túi vải mà cậu mua với giá một đô la ở cửa hàng tạp hóa. Và cậu lấy ra thứ mang lại niềm an ủi cho cậu gần bằng bến Cảng Vụ này.

Cuốn Sách. Một cuốn sách thần thánh. Nó là thứ cậu tìm đến nhiều nhất, một thứ an ủi cậu, không bao giờ thôi làm cậu ngạc nhiên.

Tuyển tập các phác thảo của Michelangelo được in từ nhiều năm trước, vào nửa đầu thế kỷ trước. Vimal coi nghệ sĩ bậc thầy này là thợ điêu khắc vĩ đại nhất từng sống, vì niềm đam mê của chính cậu, chuyện Vimal bị hút về phía ông và nghệ thuật của ông là điều dễ hiểu. Người nghệ sĩ này là vị thần của Vimal. Ồ, cậu vẫn yêu nhạc pop, manga và hẳn sẽ yêu thích cả những chương trình truyền hình dài tập, nếu cha cậu cho phép cậu xem nhiều hơn. Nhưng cậu *yêu* Michelangelo, và trong những giây phút hiếm hoi (thường là sau một chầu rượu) mà di sản văn hóa tín ngưỡng của tổ tiên cậu trở nên hợp tình hợp lí, Vimal mường tượng rằng linh hồn của nhà điêu khắc thời cổ này - hay ít nhất là một phần của nó - đang trú ngụ chính bên trong con người cậu.

Tất nhiên, Michelangelo là một con người phi thường. Ông mới chưa đầy ba mươi khi tạc bức *David* (Vua David) và *Pietà* (Đức Mẹ sầu bi). Vimal còn chưa vươn tới trình độ ấy, mặc dù các tác phẩm của chính cậu, tạc trên cẩm thạch, granit và lapis, cũng thường xếp thứ nhất thứ nhì trong các cuộc thi quanh khu vực New York.

Nhưng mới gần đây, Vimal đã bị sốc khi nhận ra rằng có thể có một lí do tinh tế hơn, từ trong tiềm thức đã khiến cho cậu bị ám ảnh với người đàn ông này. Có lần, trong lúc lật giở những trang sách này giữa giờ nghỉ ở cửa hàng ông Patel, cậu nhận ra phần lớn các phác thảo của Michelangelo được trình bày trong cuốn sách, dù tuyệt đỉnh khéo léo, nhưng vẫn chưa hoàn thiện.

Dường như ông không thể hoàn thành nổi các bức vẽ của mình.

Nghiên cứu năm 1508 của ông cho *Adam* chỉ là một cái đầu và một bờ ngực, hai cánh tay lơ lửng, tách rời nhau. Phác họa của

Risen Christ (Sự hồi sinh của Chúa Jesus) mới chỉ có khuôn mặt trống trơn của Chúa.

Chưa hoàn thiện…

Những phác thảo này rất giống mình, Vimal kết luận, dù vẫn nhận thức được rằng lý thuyết 'linh hồn vất vưởng' này nghe giống mấy trò tâm linh dở òm của một chương trình tivi tệ hại.

Giữa hai người đàn ông còn có một điều tương tự khác. Vimal đã chia sẻ điều này với Adeela và cô đã cười mỉa với cậu. Ý là, thật sao? Chẳng phải anh đang suy diễn hơi xa à?

Không đâu, cậu không suy diễn.

Sự giống nhau là thế này: Michelangelo trên hết tự coi mình là một thợ điêu khắc và chỉ miễn cưỡng nhận tiền công cho các bức họa. Tất nhiên ông cũng chẳng phải là tay mơ trong lĩnh vực này, khi đã hoàn thành bích họa trần Nhà nguyện Sistine trong chưa đầy bốn năm, cũng như *The Last Judgement* (Sự phán xét cuối cùng) và hàng chục danh phẩm khác. Nhưng niềm đam mê của Michelangelo nằm ở chỗ khác, nơi cẩm thạch chứ không phải vải vẽ. Với Vimal, đó là cẩm thạch chứ không phải đá quý.

Vẽ tranh hay cắt kim cương, theo thứ tự của hai người, đơn giản không thể tạo nên ngọn lửa bùng cháy không thể chối từ được bên trong bạn khi bạn làm một điều mà Chúa, hay các vị thần, hay bất kể là ai đi nữa, đã tạo ra bạn trên đời để bạn làm việc đó.

Trong lúc cậu ăn nốt miếng bánh béo ngậy và uống nốt ngụm coca cuối cùng, nỗi tức giận với cha lại bùng lên lần nữa. Cậu cố

dần nó xuống, với cái nhìn cuối vào bức tượng *Thần Poseidon,* gập sách lại và để nó lại vào túi.

Đi bộ với cái đầu cúi gằm xuống - cậu đang đội một chiếc mũ lưỡi trai màu đen - cậu rời nhà hàng pizza và tránh đám cảnh sát trên đường tới nhà chờ. Chiếc xe buýt sẽ nhanh chóng rời đi.

Cậu ngồi xuống một chiếc ghế nhựa, bên cạnh cô gái gần ba mươi tuổi trông có vẻ lịch sự. Từ vé của cô ta, cậu thấy là ít nhất trong chặng đầu của hành trình, cô sẽ ở cùng một tuyến xe với cậu. Chiếc nhãn ghi địa chỉ dán trên hộp đàn ghi ta của cô ta ghi Springfield, Illinois. Trông vẻ ngoài cô không giống dân miền Trung Tây lắm, ít nhất là từ hiểu biết hạn chế của Vimal với vùng này. Tóc cô có hai màu xanh lục và xanh lam, cô có ba chiếc khuyên mũi và một cái khuyên trên lông mày. Vimal đoán là những giấc mơ dành cho sân khấu, quán rượu và nhà hát ở New York của cô đã đến hồi kết. Khuôn mặt chịu đựng của cô cho thấy rõ điều này. Tiếc nuối, cứ như cô đã để mất điều gì đó quan trọng và đã từ bỏ việc tìm kiếm vậy. Điều này dường như còn buồn hơn cả buồn.

Sau đó Vimal nghĩ lại, có khi đây chỉ là tưởng tượng của cậu còn cô ta sắp đi nghỉ vài ngày với một người bạn cùng phòng cũ từ thời đại học, uống cơ số rượu trong thùng, ngủ với anh chàng trông quầy rượu ở địa phương và tận hưởng một lần chơi trong đời thì sao.

Sự thật là gì?

Vimal Lahori đã quyết định rằng càng nhiều tuổi thì cậu càng nên biết ít đi.

Một giọng nói trên máy - không xác định được giới tính - thông báo rằng chiếc xe buýt đã sẵn sàng xuất phát. Cậu cúi xuống, cầm

túi và đứng dậy.

“Có biết thằng bé bỏ đi đâu không?”

“Không,” Sachs giải thích với Rhyme, anh đã hỏi thăm về Vimal Lahori sau khi chàng trai trẻ vượt ngục khỏi chính nhà mình. Thông minh lắm, giả vờ đang đục đẽo một bức tượng, trong khi đó thực ra là cắt chấn song.

Tất nhiên, chuyện ông bố quyết định làm cai ngục cũng bệnh thật.

Sachs nói tiếp, “Cậu ta đã lấy khoảng ba ngàn đô của ông bố - mặc dù mẹ cậu bảo đó rõ ràng là tiền của cậu ta. Lahori thu hết tất cả chỗ tiền cậu con trai kiếm được nhờ cắt kim cương và gửi tiết kiệm. Ông ta chỉ đưa lại thằng bé chút tiền tiêu vặt.”

“Ở tuổi của nó à? Hừm.”

Chuông cửa reo và Thom ra mở. Vài phút sau, anh ta trở lại cùng Edward Ackrovd, ăn vận trong bộ vest hai hàng khuy, sọc xám nhạt, là phẳng phiu hoàn hảo. Áo sơ mi trắng và cà vạt sọc xanh đỏ nữa. Rhyme tưởng tượng ông ta đang khoác một bộ đồ cho cuộc họp ở số 10 phố Downing* lên người.

“Lincoln. Amelia.”

Cuối cùng ông ta cũng đã bỏ kính ngữ “anh” và “cô” đi rồi. Rhyme mường tượng đến việc các nghi thức của Scotland Yard* đã bám rễ sâu vào người đàn ông này như thế nào.

Phủ Thủ tướng Anh

Trụ sở cảnh sát London

Nhân viên công ty bảo hiểm cũng nói xin chào với Cooper.

“Có đầu mối nào mới không?” ông ta hỏi.

Rhyme kể các tiến triển mới nhất cho ông ta nghe.

“Vimal Lahori.” Ackroyd gật đầu. “Thêm một chút để đi tiếp được rồi. Nhưng mà bị nhốt trong tầng hầm nhà mình ư?” Một cái cau mày khẽ trước tin này. “Giờ thì biến mất. Chẳng lẽ cậu ta không biết mình đang gặp nguy hiểm? À, câu hỏi vô ích. Tất nhiên là có. Nhưng tại sao cậu ta lại không muốn giúp?”

Sachs nói, “Tầng hầm là một manh mối. Phỏng đoán của tôi là cậu ta đang trốn tránh cha mình cũng y như trốn tên Bốn mươi bảy vậy. Nếu chúng ta mang cậu ta về thì cậu sẽ không thoát được ông Bố.”

Thom đề nghị cầm áo khoác nhưng Ackroyd nói ông ta không thể ở lại; ông ta có hẹn với một khách hàng khác.

Người Anh nói với Sachs, “Vậy là cô đã gặp gia đình cậu ta. Chắc chắn họ phải có chút ý niệm gì về nơi cậu ta đã bỏ đi chứ. Bạn bè, hoặc người thân nào khác.”

“Họ cho tôi vài cái tên nhưng không có gì giúp ích cả. Vimal không chia sẻ nhiều với bất kỳ ai trong nhà. Ông bố đã treo thưởng năm trăm đô-la và con trai của một thợ cắt mà Vimal đang làm thuê đã tố giác cậu.” Một cái nhún vai. “Tôi đoán ông bố sẽ lại làm việc này một lần nữa. Có khi như thế lại cho chúng ta manh mối. Và họ sẽ liên lạc với tôi, nếu họ nghe nói gì.”

“Em chắc không?” Rhyme hỏi. “Họ sẽ không cố nhốt thằng bé lần nữa chứ?”

Ackroyd nói với họ chính ông cũng đang bế tắc. “Những viên thô mà nghi phạm của các vị, Người hứa hẹn, ăn cắp ở chỗ Patel ấy, chúng chỉ biến mất thôi, điều này càng chứng tỏ hắn bị điên và đang giấu những viên đá. Không có ai báo về một cuộc gọi nào từ hắn để hỏi thăm người thợ học việc cả. Và người ta thậm chí càng miễn cưỡng nói ra hơn cả trước. Hắn làm ai nấy đều sợ hãi. Tôi còn nghe đồn là doanh số nhẫn đính hôn đã giảm mất hai mươi phần trăm.”

Chà, Nghi phạm 47 có thể là một kẻ tâm thần, nhưng mục đích của hắn là muốn tuyên ngôn về tính thần thánh của kim cương thì đã gần như hiệu quả.

“Nào, tất nhiên tôi đã có thể gọi điện đến báo. Nhưng tôi muốn ghé qua. Mang cho anh một món quà.” Ông ta nói với Rhyme. Ông thò tay vào chiếc túi nhựa đang cầm và lấy ra một cái hộp cỡ 15 x 22 xăng-ti-mét, bóng loáng, có ảnh vài sản phẩm điện tử ở mặt trên. Ông ta lột bỏ lớp ni lông bọc ngoài và lấy ra một thứ trông giống như một chiếc máy tính bảng. Ông đặt nó cạnh ghế của Rhyme và bấm một nút bên cạnh. Nó bật lên và một bảng điều khiển xuất hiện. “Các ô chữ điện tử. Mã hóa đấy nhé. Có hơn mười ngàn ô chữ, mức độ khó khác nhau.”

Rhyme giải thích với Sachs là Ackroyd và chồng ông ta đang tranh tài trong các cuộc thi giải ô chữ. Và anh mô tả tóm tắt trò giải ô chữ mã hóa.

Sachs thậm chí còn ít hào hứng chơi hơn cả Rhyme nhưng thừa nhận là cô thấy ý tưởng này đáng tò mò.

Ackroyd nói, “Còn thiết bị này? Nó được khởi động bằng giọng nói. Sản xuất cho…”

“Ông có thể nói ‘què cụt’ hoặc ‘liệt’ như tôi vẫn nói.”

“Tôi đang định bảo là ‘người tàn tật’. Tuy nhiên, tôi không nghĩ từ ấy chính xác.”

“Câu trả lời của tôi là từ nào có bốn chữ cái bắt đầu bằng “đ*” và điền vào câu “tôi đ… quan tâm?”

Ackroyd cười sảng khoái.

Nguyên tác: “s” và có bốn chữ cái, người dịch tìm một câu tục tương đương trong tiếng Việt.

“Cảm ơn ông, Edward.” Rhyme thực sự hài lòng. Anh có chơi cờ vua - và đã thử cờ vây, một loại cờ Châu Á thậm chí còn phức tạp hơn thế. Có vẻ trò giải mật mã này hợp với anh. Anh yêu thích ngôn ngữ và cách chúng khớp với nhau. Giải đố cũng là một cách hay để trí não anh luôn hoạt động, một lá chắn chống lại kẻ thù tồi tệ nhất: sự buồn chán.

Sau khi Ackroyd ra về, cả đội nhận được một cuộc gọi của Rodney Szarnek. Anh ta thông báo đã phát hiện được điện thoại của Vimal. “Cậu ta đã ra khỏi thành phố. GPS xác định cậu ta đang trên một tuyến đường cao tốc ở Pennsylvania. Hướng về phía tây. Đang di chuyển khoảng 96 cây số trên giờ. Cậu ta đang lái xe hoặc ngồi xe buýt.”

“Có lẽ là xe buýt,” Sachs nói. “Cả nhà họ chỉ có một cái xe và đội an ninh của tôi đã phát hiện ra nếu cậu ta mò về lấy nó.”

“Có thể một người bạn lái xe thì sao,” Cooper gợi ý.

“Ngày thứ Bảy, cậu ta đã gọi điện từ bến xe Cảng Vụ,” Rhyme chỉ ra. “Có lẽ lúc đó cậu ta đang kiểm tra lịch trình xe buýt. Tôi nghiêng về phía xe buýt. Cậu và Lon Sellitto lên chiến dịch theo dõi đi. Liên hệ với cảnh sát bang Pennsylvania.”

Tắt máy xong, Rhyme gọi cho Lon Sellitto để sắp xếp việc chặn xe.

Chuông cửa lại reo và Rhyme liếc sang màn hình an ninh. Một người đàn ông thấp bé, hói đầu đang đứng ở đó. Anh không nhận ra ông ta nhưng dự đoán khá chắc chắn đó là ai.

Thom liếc Rhyme một cái, anh nói, “Ra cho anh ta vào đi.”

Một lát sau người đàn ông đã đứng ở ngưỡng cửa. Ông ta liếc quanh phòng thí nghiệm. Có vẻ như ông bị ấn tượng - và hài lòng - nhiều hơn là ngạc nhiên.

“Đội trưởng Rhyme.”

Rhyme không giới thiệu ông ta với những người khác. Anh nói “Mời vào phòng làm việc. Bên kia hành lang.”

Nếu Sachs hay Cooper có tò mò về vị khách, họ cũng sẽ không để lộ ra, họ quay lại với công việc của mình. Thế cũng tốt.

Họ sẽ nghĩ gì nếu biết… ?

CHƯƠNG 38

Antonio Carreras-López không béo tốt như hình ảnh trong video an ninh, mặc dù ông ta cũng là người cứng cáp. Rhyme tự hỏi hồi còn trẻ ông ta là tay cử tạ hay đô vật. Bây giờ rõ ràng ông đã ở cuối độ tuổi năm mươi nhưng trông vẫn khá khoẻ mạnh, mặc dù một vài chỗ cơ đã biến thành mỡ.

Mái tóc đen của ông, hay phần còn lại của nó, được chải ngược ra sau và cố định bằng keo xịt hay kem vuốt. Ông ta đeo kính gọng sừng dày cộp, đặt hờ trên cánh mũi to. Đôi mắt ông hóm hỉnh. Và nhanh lẹ.

Hai người đàn ông đang ở trong phòng khách nhỏ bên kia tiền sảnh, đối diện phòng khách. Ba bức tường của nó được lấp đầy bởi những giá sách, trên bức tường còn lại thì treo bốn bức tranh được vẽ bằng bút mực tông màu trầm về thành phố New York thế kỷ mười chín. Vị khách nói, “Như tôi đã nói chuyện với anh trên điện thoại, tôi đại diện cho ông Eduardo Capilla - El Halcón - mặc dù tôi không được nhận vào hiệp hội luật sư ở Hoa Kỳ này. Tuy nhiên, tôi vẫn giám sát việc biện hộ cho ông ấy.”

“Ai là các luật sư đại diện cho ông ta ở đây?”

Carreras-López nhắc đến ba cái tên - tất cả đều là các luật sư từ Manhattan, mặc dù phiên toà diễn ra ở quận Đông của New York, bao gồm Long Island, Staten Island, Brooklyn và Queens. Rhyme biết luật sư trưởng, một luật sư biện hộ tội hình sự có tiếng tăm và

được coi trọng. Rhyme chưa bao giờ làm chứng trong một vụ án có liên quan đến bất kỳ thân chủ nào của ông ta.

Anh không chắc việc này có thể trở thành một sự xung đột hay không, nhưng tình huống này chắc chắn là đầy bất cập nên anh nghĩ tốt nhất, nếu vẫn tiến hành làm, không nên có một mối liên hệ nào với đội quân pháp lý của El Halcón.

Ở phía kia, công tố viên là Henry Bishop, và Rhyme biết mình chưa từng dính líu đến một vụ nào do anh ta khởi tố.

“Nào, Đội trưởng Rhyme, về vấn đề đầu tiên..

“Tôi mệt rồi và làm ơn, ‘Lincoln’ là đủ rồi.”

“Còn tôi là Tony. Giờ là việc đầu tiên. Tôi sẽ đưa anh cái này.” Ông ta đẩy một chiếc phong bì về phía Rhyme. “Đây là một ngàn đô la tiền phí. Nó sẽ khiến anh trở thành người tư vấn cho đội biện hộ. Giờ thì đặc quyền luật sư - thân chủ sẽ bao gồm luôn cả anh nữa.”

Vậy là họ sẽ không phải nói chuyện kiểu giả sử nữa.

Carreras-López ngần ngừ khi giơ ra một tờ biên lai, mắt ông nhìn vào cánh tay Rhyme.

“Tôi ký được,” Rhyme nói và nhận lấy chiếc bút mà vị luật sư đưa cho, ký vào tờ giấy. “Nào. Chi tiết thì sao?”

“Vâng. Cơ bản thế này: Thân chủ của tôi đã vào nước Mỹ bất hợp pháp. Chúng tôi thừa nhận điều đó. Ông ta bay tới Canada trên một chuyến bay thương mại và nhập cảnh hợp pháp vào quốc gia này. Nhưng rồi ông ta bay bằng trực thăng tới Long Island, nhập cảnh *bất hợp pháp.* Đúng, máy bay di chuyển mà không ai biết, nhưng việc đó không tính là bất hợp pháp khi dùng trực thăng.

Không có quy định nào về độ cao tối thiểu cho nó cả. Vậy nên nó cũng không vi phạm luật của FAA. El Halcón được một vệ sĩ làm việc cho ông chủ nhà kho mà ông ta định mua đến đón. Trong lúc phi công đậu chờ, họ lái xe đến một khu tích hợp để ông Capilla xem xét và đánh giá việc mua bán với người đàn ông này."

"Có chất cấm nào xuất hiện trong hoàn cảnh đó không?"

"Không. Tuyệt đối không. Nhà kho này chỉ để dùng cho một công ty vận chuyển mà thân chủ của tôi muốn mở ở Mỹ thôi."

"Ngoài chuyện này, còn lệnh bắt nào với thân chủ ông không?"

"Không hề."

"Thế sao phải nhập cảnh bất hợp pháp?"

"Câu trả lời là nghề nghiệp của thân chủ tôi tại Mexico rất nổi tiếng. Người ta nghi ngờ ông ấy có dính líu đến dòng ma túy lớn đổ vào Mỹ. Ông ấy lo ngại sẽ bị giữ lại ở phòng Kiểm tra Hộ chiếu vì các lí do vụn vặt. Có khi còn bị bỏ tù và cáo buộc oan sai."

"Tiếp đi."

"Tại nhà kho, thân chủ tôi gặp gỡ chủ nhân của cơ sở đó…"

"Tên ông ta?"

"Christopher Cody. Họ bàn bạc các điều khoản của thỏa thuận và thân chủ tôi đi xem xét một vòng. Vô tình Cody lại đang bị điều tra về buôn bán vũ khí. Hoàn toàn không liên quan đến thân chủ tôi. El Halcón không biết điều này. Một cảnh sát địa phương đang theo dõi ông ta. Khi thân chủ tôi và vệ sĩ xuất hiện, anh ta trở nên nghi ngờ. Anh ta tưởng họ là những tay buôn vũ khí. Anh ta gửi một bức ảnh của thân chủ tôi về văn phòng, điều này đánh động FBI. Họ xác định

thân chủ tôi là ai, kiểm tra với Biên phòng và biết là ông ấy đã vào Mỹ bất hợp pháp. Một đội FBI và vài cảnh sát địa phương nhanh chóng đến nhà kho. Vụ nổ súng diễn ra. Ông Cody và vệ sĩ bị giết, một đặc vụ FBI và một cảnh sát địa phương, người chụp các bức ảnh, bị thương nặng."

Những sự kiện này Rhyme đều đã biết.

"Công tố viên nói sao?"

Ông ta nhún vai. "Nói điều mà họ luôn nói. Rằng cảnh sát và các đặc vụ đã tiếp cận, kêu gọi đầu hàng, và những người bên trong nổ súng trước."

"Còn câu chuyện của thân chủ ông?"

"Cảnh sát bắn trước mà không tiết lộ danh tính và người trong nhà kho buộc phải đáp trả. Họ tin rằng đó là một vụ cướp hoặc đoạt hàng. Dù sao thì thân chủ tôi cũng đã không tham dự. Ông ta ở trong nhà vệ sinh vào thời điểm đó. Nằm trốn dưới sàn nhà, để không bị dính phải đạn lạc. Và thú thật là ông ta cũng sợ chết khiếp. Ông ta ở đó đến tận khi súng ngừng nổ. Ông ta bước ra, trông thấy điều gì đã xảy ra và bị bắt."

"Có người nào khác trong kho cùng ông ta để làm chứng không?"

"Ông Cody bị giết ngay lập tức, một phát đạn vào đầu. Vệ sĩ sống được một ngày nữa nhưng không tỉnh lại lần nào."

"Kể cho tôi nghe về bằng chứng bị làm giả đi."

"Anh thấy đấy, khi thân chủ tôi bị bắt, ông ta đã úp mặt xuống sàn nhà kho. Một lúc sau, một đặc vụ hoặc cảnh sát - ông ta không

biết là ai - tiến lại và lục soát ông ta. Nhưng rồi thân chủ tôi cảm thấy có gì đó bị ấn vào tay và quần áo ông ta. Đó là một miếng vải. Ông ta chắc chắn cảnh sát đang chuyển dư lượng thuốc súng lấy được từ bàn tay Cody. Khi hỏi người kia đang làm gì đấy, thân chủ tôi được trả lời, 'Câm miệng mày lại. Hai người của chúng tao đã bị bắn chết. Mày sẽ đi tù rục xương'."

Rhyme nói, "Vậy là công tố viên kết tội sau khi Cody bị giết, thân chủ ông đã nhặt súng của ông ta lên và bắn vào cảnh sát?"

"Chính xác."

"Các dấu rãnh - dấu vân tay - có trên khẩu súng không?"

"Chỉ có của Cody, không có của thân chủ tôi. Không có chiếc găng tay hay giẻ lau nào gần đó để ông ấy có thể dùng khi cầm súng nhưng quan điểm của công tố viên là ông ta đã cởi khuy cài tay áo sơ mi và cầm khẩu súng qua tay áo. Điều đó giải thích dư lượng thuốc súng và việc thiếu dấu vân tay."

"Giả thiết thông minh đó. Chính xác cáo buộc gồm những gì?"

"Nhập cảnh vào Hoa Kỳ bất hợp pháp - nó được gọi là "nhập cảnh vào thời gian và địa điểm không thích hợp" theo luật. Cáo buộc này sẽ đòi một khoản tiền phạt và phạt tù tới sáu tháng. Một tội nhẹ cấp liên bang. Anh cũng đoán được các cáo buộc khác rồi đấy: vũ khí, tấn công lực lượng hành pháp, cố ý giết một nhân viên hành pháp, cái chết của Cody - trọng tội giết người. Chúng tôi thừa nhận ông ta đã vào Mỹ bất hợp pháp và ông ta sẵn sàng nhận tội đó. Vậy đó, tình huống của chúng tôi là như vậy." Ông ta nhìn xoáy vào Rhyme. "Anh nói anh đang bận. Đang làm một vụ lớn."

“Đúng vậy.”

“Tôi đang yêu cầu anh bớt chút thời gian để xem xét vật chứng, xem anh có thể tìm ra được bằng chứng về chuyện các cảnh sát ở hiện trường đã cài cắm dư lượng thuốc súng đó không?”

Đầu Rhyme ngửa ra sau. Anh nhìn lên trần nhà một lát. Ý nghĩ quay cuồng.

Cuối cùng anh nói, “Tôi sẽ cần tất cả các hồ sơ khám nghiệm. Cả phía bên ông lẫn công tố viên.”

Carreras-Lospez nói, “Tôi sẽ cho người gửi bản sao qua. Nửa tiếng nữa. *Gracias,* anh Rhyme. Chúa phù hộ cho anh.” Ông ta mặc áo khoác vào và ra về.

Rhyme gọi cho Ron Pulaski. Dù muốn theo đuổi vụ bị ngụy tạo bằng chứng của El Halcón một mình hơn nhưng anh không thể. vẫn cần người làm việc đi lại.

“Lincoln.”

“Tôi cần cậu làm giúp tôi chút việc.”

“Được thôi. Vụ Nghi phạm 47 à?”

“Không. Một vụ khác. Nửa giờ nữa sẽ có một thùng hồ sơ được chuyển đến đây. Tôi cần anh tới lấy và mang nó về nhà.”

“Nhà ư?” viên cảnh sát hỏi. “Ý là nhà tôi?”

“Chính xác. Tôi cần bản phân tích hoàn chỉnh mọi loại vũ khí, quần áo, tĩnh điện và các dấu vết trên bề mặt ở hiện trường.”

“Được, Lincoln.”

“Rồi tôi cần cậu làm một việc nữa.”

“Đó là?”

“Giữ bí mật. Không hé ra một lời về chuyện này với bất kỳ ai. Cậu hiểu chưa?”

Im lặng.

“Cậu *hiểu* chưa, Lính mới?”

“Vâng.” Pulaski thì thào, cứ như nói điều đó to hơn đã là một sự vi phạm quy định rồi vậy.

CHƯƠNG 39

Lại một vụ động đất nữa.”

Rhyme liếc về phía Mel Cooper, anh là người vừa loan báo tin tức này. Đôi mắt của kĩ thuật viên vẫn dán vào tivi.

Anh nhìn theo ánh mắt ấy. Trên màn hình, các camera đưa tin đang quay một căn hộ ở Brooklyn, nó chìm trong khói và những cuộn lửa. Nguyên nhân vụ này cũng như các vụ khác, do một đoạn ống ga bị vỡ, hậu quả của vụ động đất thứ hai.

Lúc này cảnh trên tivi chuyển sang một buổi họp báo trong Tòa thị chính. Rhyme đọc dòng phụ đề tóm gọn lời ông thị trưởng: “Trước tình hình của vụ động đất thứ hai, thành phố đã quyết định từ chối yêu cầu của công ty Northeast Geo về hoạt động khoan địa nhiệt trở lại, kể cả ở mức hạn chế. Một lần nữa, những đại diện tranh luận lại xuất hiện: Ezekiel Shapiro - nhà hoạt động môi trường râu ria, lãnh đạo nhóm Một Trái Đất; Dwyer, chủ tịch Northeast Geo và C.Hanson Collier, CEO của Algonquin Power.

Trong lúc họ tranh luận, màn hình chuyển sang hình ảnh tòa nhà chung cư đang bốc cháy, bao quanh là những chiếc xe cứu hỏa và cứu thương.

Dòng chữ ở cuối màn hình báo cáo đã có ba người tử nạn. Các nạn nhân đã bị nhấn chìm trong lửa.

Chuông cửa reo. Thom đã ra ngoài đi mua đồ; Rhyme nhìn vào màn hình an ninh. Là Lon Sellitto. Chẳng lẽ anh ta còn chưa có cái chìa khóa chết tiệt hay sao? Sau từng ấy năm? Đáng lẽ họ phải làm một bộ cho anh ta. Rhyme bấm nút cho anh vào.

“Được rồi, các anh đã sẵn sàng nghe chưa?”

Rhyme thở dài và nhướn một bên lông mày.

Sellitto gật đầu với màn hình, trên đó là những hình ảnh sắc nét của ngọn lửa mạnh mẽ, uốn éo, một cột khói đen kịt.

Dòng chữ dưới cùng trên màn hình ghi: *Nhiều người chết.*

Viên thanh tra nói, “Line, không phải do động đất đâu. Tất cả các vụ cháy đều do phóng hỏa - chỉ có điều chúng được dàn dựng để trông như thể động đất đã gây ra chúng thôi.”

“Cái gì?” Mel Cooper hỏi.

“Vụ mới nhất, lần động đất thứ hai này ư? Ngay sau đó, một phụ nữ đang ở nhà tại Cadman Plaza - nó rất gần tâm chấn - ngửi thấy mùi ga rất nồng. Cô ta nghĩ động đất đã làm vỡ một ống ga và nó sắp nổ. Cô ta ở nhà cùng con nhỏ. Nhưng tin tốt là cô ta bị gãy một bên cổ chân. Ý tôi là, một bên mắt cá đã hoàn toàn vô dụng. Cô ấy ngã, làm gãy nó lần thứ hai và ngất xỉu.”

Tin tốt…?

“Nhưng vài giây sau cô ấy tỉnh lại và bị mắc kẹt. Vậy cô ấy đã làm gì?”

“Kể tiếp đi, Lon.”

“Cô ấy phân tích. Cô không thể ra ngoài, không đi lại được, nhưng có thể ngăn khí ga không nổ. Cô ấy mở cánh cửa trong nhà

tắm, cái cửa tiếp cận với các loại đường ống ấy? Và cô ấy bật vòi tắm to hết cỡ để xịt nước xuống tầng hầm, hi vọng xịt trúng đèn điều khiển của bình nóng lạnh và tắt nó đi. Vừa xịt cô ấy vừa gào to hết cỡ nên ai đó đã nghe được, gọi cho đội cứu hỏa và cảnh sát dưới đó. Họ tắt ống ga từ bên ngoài và giải cứu cô ấy cùng đứa con cùng những người thuê nhà khác."

Rhyme liếc màn hình tivi, nhìn vào ngọn lửa ngùn ngụt. "Vậy đám cháy kia là vụ thứ hai."

"Đúng." Sellitto nói thêm với một cái nhăn mặt, "Ba người tử nạn. Chỗ đó cách nhà Claire vài dãy nhà."

"Ai cơ?"

"Claire Porter. Vòi hoa sen ấy. Cô ấy thực sự nhanh tay lẹ chân." Sellitto nhăn mặt. "Chọn từ không hay lắm. Ngay bây giờ cô ấy đang được mổ cấp cứu vì cổ chân. Dù sao. Một lính cứu hỏa đã đi xuống hầm để kiểm tra đoạn rò rỉ. Đoán xem anh ta tìm được gì?"

Rhyme lại nhướng một bên lông mày.

"Giá mà cái nhìn biết nói," Sellitto nói.

"Chúng biết nói. Mắt tôi nói đây. Kể tiếp đi."

"IED* trên đường ống ga."

IED là viết tắt của Improvised Explosive Device-Thiết bị nổ tự chế

Giờ thì Rhyme đã hoàn toàn chú ý đến câu chuyện. Một thiết bị nổ tự chế. Anh nói, "Được thiết lập để cắt đường ống cho ga rò rỉ trong khoảng năm phút? Rồi kích nổ?"

"Mười phút."

"Và dòng nước cô ấy xịt xuống đã vô hiệu hóa nó."

“Bingo, Line. Đôi khi ta cũng trúng mánh. Thiết bị này làm bằng nhựa và nhét trong vỏ của một cái máy điều nhiệt. Nếu nó hoạt động được và kích nổ chỗ đó, gần như sẽ không còn gì ở lại và thậm chí nếu lính cứu hỏa có tìm được gì đó thì trông nó cũng sẽ giống một thiết bị điều chỉnh nhiệt độ đã bị tan chảy, cháy rụi nằm trên đống đổ nát. Một vụ phóng hỏa hoàn hảo. Không bằng chứng. Không có chất xúc tác.”

Chuông cửa lại reo lần nữa. Một người đàn ông chắc nịch trong bộ vest đen đang ôm theo chiếc thùng lớn. Rhyme bấm nút liên lạc nội bộ. “Có phải từ Tony đó không?”

Carreras-Lospez: luật sư của El Hacón.

Người đàn ông cúi gần micro. “Đúng vậy, thưa ông.”

Tập hồ sơ mà anh đòi, liên quan đến vụ giả mạo tang chứng. Anh liếc sang Sellitto xem anh ta có chú ý không. Nhưng không. Viên thanh tra và Cooper đang nhìn đăm đăm vào hiện trường vụ hỏa hoạn trên tivi.

“Cứ bỏ nó bên trong cửa. Đặt lên bàn.”

“Vâng thưa ông.”

Rhyme bấm nút mở cửa, người đàn ông đặt chiếc hộp chứa hồ sơ vụ El Halcón xuống và rời đi.

Anh quay sang Sellitto. “Lính cứu hỏa có quay lại kiểm tra các vụ hỏa hoạn trước không?”

“Có, tất cả các vụ bắt đầu sau vụ động đất thứ nhất và thứ hai? Chỗ nào cũng có một cái vỏ thiết bị điều nhiệt rởm. Y như ở nhà Claire.”

Phóng hỏa hàng loạt với những chiếc IED phức tạp. Chuyện gì thế nhỉ?

“Cứ như là chuyện còn chưa đủ thú vị, thêm phần hấp dẫn đây này. Ngay khi vụ án được xác định là cố ý phóng hỏa, cảnh sát cứu hỏa đã gọi cho RTCC để lấy các đoạn băng an ninh khu vực gần đó trong vài tuần qua.”

Trung tâm giám sát máy tính ở trụ sở One Police Plaza.

Anh giơ điện thoại lên. “Và nhìn xem ai bị quay phim trong lúc lẻn vào và ra khỏi tòa nhà của Claire Porter tuần trước này. Tầng hầm.”

Đó là ảnh chụp một người đàn ông mặc quần áo đen và đội mũ len, mang theo áo khoác da cam và đội mũ cứng màu vàng. Một cái túi lẳng trên vai hắn. Nó có vẻ nặng.

Giống hệt hình ảnh Nghi phạm 47 khi hắn rời khỏi công trường địa nhiệt cùng ngày hôm đó, trên đường ra tàu điện ngầm - chỉ trừ mỗi cái túi.

Sellitto nói, “Tôi đã bảo RTCC tải về tất cả hình ảnh từ căn hộ của cô ấy tới chỗ công trường. Hắn đi thẳng tới công trường xây dựng, đội mũ, mặc áo và biến mất bên trong. Đó là một giờ trước khi hắn quay ra và đi bộ tới chỗ tàu điện ngầm. Rồi tôi lại yêu cầu lấy đoạn video từ các công trường ở tất cả những vụ cháy do khí ga khác. Chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ, Nghi phạm 47 đã đột nhập vào toàn bộ những chỗ đó.”

Chúa ơi. Nghi phạm đã đặt bom các đường dẫn ga nhằm làm giả các vụ cháy do động đất? Chuyện này là sao? Rhyme nói, “Tôi muốn xem thiết bị đó. Mang nó tới đây luôn nhé.”

“Đã yêu cầu rồi. Tôi cũng nghĩ là anh muốn xem. Nó sẽ về đây sớm thôi.”

“Và cử một đội ECT kiểm tra hiện trường quanh chỗ tìm được nó ở tòa nhà của cô Porter nhé. Có thể đã bị làm hỏng hết rồi nhưng chúng ta vẫn sẽ cố gắng.”

“Được. Sẽ làm luôn. Cảm ơn anh. Tôi phải đi. Thị trưởng muốn được nghe báo cáo tóm tắt. Báo tôi nghe mọi ý kiến thông thái của anh nữa nhé?”

Rhyme ậm ừ.

Sellitto lấy áo khoác từ trên mắc và ra về. Ngay khi anh ta bước qua cửa, Ron Pulaski đến, gật đầu với trung úy và tiếp tục đi vào sảnh. Rhyme lăn xe ra hành lang gặp cậu ta.

Cảnh sát trẻ hít ngửi không khí và nói, “Tôi ngửi thấy mùi ga.”

Rhyme cũng nhận ra, dù rất nhẹ. “Là Lon đấy.” Anh giải thích thiết bị IED đã cắt các đường ống ở căn hộ của Claire Porter như thế nào. “Bị vô hiệu hóa trước khi nó kịp kích nổ. Nhưng bất cứ ai ở gần cũng sẽ lưu lại mùi ga.” Vì khí ga tự nhiên dễ phát nổ - và có thể gây chết ngạt nhưng lại không có mùi, người ta đã thêm vào đó các hợp chất gốc sulfur, có mùi như trứng thối, để cảnh báo cho những chỗ bị rò rỉ.

Anh giải thích việc họ đã biết các vụ cháy sau động đất thật ra là cố ý phóng hỏa.

Cảnh sát trẻ cau mày khi nghe thấy điều này. “Ai đã đặt chúng vậy?”

“Có vẻ như… chú ý từ đó nhé. Có vẻ như đó chính là Nghi phạm 47.”

“Không đời nào,” Pulaski lẩm bẩm.

“Để xem.” Rhyme gật đầu về phía chồng hộp mà tài xế của Carreras-López đang mang đến. “Kia là những hồ sơ trong vụ El Halcón. Cậu phân tích luôn tối nay được không?”

Thực ra đây không phải là một câu hỏi.

“Được.”

“Và tôi sẽ cần cậu giúp tôi kiểm tra một hiện trường.”

“Hiện trường nào?”

“Long Island. Nhà kho đã diễn ra vụ đấu súng của El Halcón. Và nhớ là…”

Lính mới thì thầm, “Không hé một lời với ai.”

Rhyme nháy mắt. Pulaski chớp mắt trước cử chỉ xa lạ.

Cảnh sát trẻ nhận lấy chiếc hộp dành cho nhiệm vụ bí mật của mình và ra về.

Quay lại phòng khách - nơi dường như chưa ai để ý chuyện Pulaski vừa đến, chuyện chiếc hộp *biến mất,* hay chuyện cậu ta mang nó về cùng.

Chuông cửa lại reo một lần nữa và Rhyme nhận ra người gọi. Anh ra lệnh cho hệ thống an ninh mở cửa.

Một cảnh sát từ Đội phá bom đi vào phòng. Căn cứ của anh ta là ở Phân khu số 6, Làng Greenwich.

“Brad.”

“Lincoln.” Trung úy Bradley Geffen là một người đàn ông gọn ghẽ, tóc xám. Anh đi thẳng tới và không hề do dự bắt bàn tay phải còn ít nhiều hoạt động của Rhyme. Thông thường, mọi người sẽ ngần ngại do bệnh trạng của Rhyme, nhưng đây là một người sẽ nằm úp bụng cùng với cái nhíp và cái tua vít trong tay để tháo rời các thiết bị kích nổ tự chế có thể biến anh thành một đám hơi nước đỏ lòe. Không mấy thứ có thể làm anh nao núng. Nếu nói anh ta giống ai đó, thì ấy sẽ là một sĩ quan huấn luyện, với khuôn mặt gân guốc khắc khổ, mái tóc cắt cua và đôi mắt xuyên thấu.

Anh ta gật đầu chào những người khác và bước tới một cái bàn khám nghiệm trong phòng.

“Chúng ta có gì?” Rhyme hỏi.

“Người của chúng tôi đã kiểm tra qua.” Anh ta lấy ra túi vật chứng từ trong cặp táp mang theo. “Chưa từng trông thấy bất kỳ thứ gì như thế này. Nhưng nó khá thông minh đấy.”

Anh giơ nó ra cho Rhyme nhìn. Bên trong cái túi là thứ thoạt trông giống một thiết bị điều nhiệt bằng nhựa màu trắng bình thường, cùng với vài bộ phận bằng kim loại và nhựa mà anh không nhận ra là cái gì.

Geffen lật nó lại và nói, “Đây, anh thấy cái lỗ không? Một thiết bị bấm giờ mở ra đầu vòi nhỏ. Axit chảy xuống và làm ống ga bị tan chảy. Khoảng mười phút sau, chỗ này…” Anh ta chạm vào một cái hộp xám nhỏ có hai điện cực bên trên. “Nó sẽ đánh tia lửa. Kích nổ cả khí ga lẫn dung môi - nó rất dễ cháy. Khoảng thời gian trì hoãn này rất thông minh. Nó làm căn phòng chứa đầy ga nhưng lại không đẩy hết không khí ra ngoài.”

Một căn phòng chỉ có đầy khí ga đôi khi sẽ không phát nổ. Cũng như tất cả những ngọn lửa khác, nó cần tới cả không khí lẫn nhiên liệu.

“Chúng tôi sẽ tiếp quản, Bradley. Cảm ơn anh.”

Geffen gật đầu và bước ra khỏi phòng. Anh ta di chuyển cứng ngắc, hậu quả từ thiết bị kích nổ ở một phòng khám nữ trong lúc phá bom. (Có một điều trớ trêu đáng sợ trong chiến thuật của những kẻ cuồng tín: Bọn họ đặt quả bom ở giữa hai tòa nhà - phòng khám và một nơi họ không nhận ra là nhà trẻ của giáo hội. Nếu cả hai bên không được sơ tán kịp lúc, bên nhà trẻ sẽ còn gánh chịu thiệt hại và nhiều thương vong hơn cả bên phòng khám.)

Cooper điền thông tin vào thẻ vật chứng và bắt đầu phân tích. Anh không thấy dấu vân tay nào và gửi đi các miếng gạc để kiểm tra ADN. Anh lấy mẫu chất axit và cho chạy qua sắc ký khí. Mất vài phút nữa mới có kết quả.

“Kích nổ bằng đồng hồ điện tử,” Cooper nói khi anh khám xét các bộ phận còn lại bằng một cái nhíp và que thăm. “Pin chạy được khoảng hai tháng.”

“Trông không giống đồ tự làm lắm,” Rhyme quan sát.

“Không. Được lắp đặt chuyên nghiệp. Bán trên chợ buôn vũ khí, tôi đoán vậy.”

“Có ý tưởng nào về gốc tích của nó không?”

“Không. Chưa gặp thứ như này bao giờ.” Cooper nhìn qua máy sắc ký khí/quang phổ kế. “Đã tìm ra loại axit làm chảy đường ống. À, nó không phải axit. Mà là trichlorobenzene. Thường thường các ống

ga làm bằng polyethylene và miễn nhiễm với hầu hết các loại axit. Nhưng các dẫn xuất từ benzene sẽ làm chúng bị chảy. Và…”

“Không. Không thể nào.” Rhyme đang nhìn chằm chằm vào bảng vật chứng.

“Sao, Lincoln?”

Điều anh đang nghĩ là bất khả thi. Hay đáng lẽ là thế, nếu anh không biết được chuyện rất có khả năng Nghi phạm 47 đã đặt các thiết bị IED trên ống ga.

“Bảo Lon quay lại đây. Và anh có số của Edward Ackroyd chưa?”

“Ở đâu đó.”

“Tìm đi. Tôi muốn ông ấy đến đây. Ngay lập tức.”

“Chắc rồi.”

“Gọi Sachs,” anh ra lệnh trên điện thoại.

Cô trả lời sau một phút. “Rhyme.”

“Anh cần em khám nghiệm một hiện trường nữa, Sachs. Nói đúng hơn là làm lại một hiện trường em đã từng làm nhưng tìm một thứ khác.”

“Ở đâu?”

“Là công trường địa nhiệt. Lại chỗ giàn khoan.”

Nơi mà anh đoán cô đã suýt bị chôn sống, mặc dù cô không nói ra.

Sachs im lặng.

Có khá nhiều kĩ thuật viên thu thập bằng chứng tài năng có thể điều tra hiện trường và có khi còn tìm được thứ anh cần. Nhưng

không ai có thể giỏi hơn Amelia Sachs. Anh cần cô, và chỉ cô mà thôi.

“Sachs?”

“Em sẽ làm,” cô nói bằng giọng thẳng tuột. “Hãy cho em biết cần tìm gì.”

CHƯƠNG 40

Bốn mươi phút sau, Sellitto và Ackroyd đã ở trong phòng khách, cùng với Mel Cooper. Amelia Sachs đã gia nhập với họ, đang bước qua mái vòm duyên dáng ngăn cách sảnh với phòng khách.

Rhyme để ý thấy dường như cô không có vẻ khó chịu khi phải ghé thăm lại nơi mình suýt bị chôn vùi. Cái nhìn sợ hãi trên mặt cô đã hoàn toàn biến mất và cô đang mang biểu cảm của một thợ săn. Anh để ý thấy bùn vẫn còn lốm đốm trên quần bò của cô.

Sellitto hỏi, "Chuyện này là gì thế, Line?"

"Để tôi thử giải thích nhé. Chỉ là giả thuyết thôi. Nhưng hãy xem. Dù mối quan tâm của nghi phạm này với kim cương có là gì, hắn có một nhiệm vụ khác. Hắn là kẻ đứng sau các vụ động đất."

Edward Ackroyd cười nhẹ. "Đứng đằng sau các vụ động đất ư? Ý anh là… bằng cách nào đó hắn *đã gây* ra chúng?"

"Chính xác."

Sellitto nói, "Tốt hơn là anh nên nói tiếp đi, Line. Điền vào các chỗ trống. Tôi thấy có kha khá đấy."

Rhyme đang nhìn lên trần. Mặt anh nhăn nhó. "Chúng ta… đáng lẽ *tôi* đã phải suy nghĩ thấu đáo hơn. Tại sao tên 47 lại phải mất công kiếm một cái mũ cứng, vào trong một công trường chỉ để mua vũ khí của ai đó? Họ gặp nhau ở một quán rượu hoặc đâu đó trên phố cũng được. Không, hắn cần *tiếp cận* với chính công trường cơ."

“Tại sao?” thanh tra hỏi.

Rhyme nhìn sang Sachs, cô nói, “Em vừa mới xuống đó lần nữa. Em tìm được dấu vết của RDX ở gần vài cột khoan.”

Thành phần chính trong chất nổ C4.

“Ở một công trường xây dựng ư?” Sellitto hỏi. “C4 chưa bao giờ được dùng cho mục đích thương mại.”

Nó là một chất nổ quân sự.

“Và quản lý ở đó kể với em là một trong các công nhân đã biến mất. Ngay sau khi Nghi phạm 47 có mặt ở công trường. Và có nửa tấn vữa biến mất khỏi các pallet trong Khu vực Bảy.”

“Vữa ư?” Cooper hỏi.

Rhyme giải thích, “Đó là kế hoạch của tên Bốn mươi Bảy. Đó là lí do vì sao hắn ở đó: đặt các quả bom trên ống ga và chất nổ C4 để làm giả các vụ động đất. Tuần trước, hắn đã đặt IED trên đường ống trong các tòa nhà gần công trường địa nhiệt. Rồi hắn đến công trường, trong chiếc mũ cứng và áo khoác, gặp gỡ người công nhân giờ đã mất tích, chính người này dẫn hắn tới Khu vực Bảy. Hắn thả những gói thuốc nổ C4 xuống một vài hoặc tất cả các cột khoan, rồi gã công nhân kia đổ vữa xuống để khi thuốc nổ phát nổ, người ta không thể nghe được tiếng của nó. Rồi hắn vứt bỏ chiếc túi đeo chéo rỗng không và bỏ đi - tới nơi chúng ta thấy hắn ở tàu điện ngầm. Tối muộn hôm đó, tôi đang đoán, hắn đã giết người công nhân và rũ bỏ cái xác.”

“Bí hiểm kỳ quặc quá, Line. Nhưng việc ấy có xảy ra được không chứ, các vụ nổ gây ra động đất ấy?”

“Đó là lí do vì sao tôi phải hỏi chuyên gia của chúng ta ở đây.” Anh nhìn sang Edward Ackroyd. “Anh có biết đã bao giờ có vụ khiếu nại bảo hiểm nào vì các vụ nổ trong hầm mỏ gây ra động đất chưa?”

Người Anh nhắc họ nhớ đến những ý kiến lúc trước của ông, về chuyện khoan xuống lòng đất và địa nhiệt có khả năng dẫn đến động đất. “Nhưng còn về các vụ nổ? Tôi chưa bao giờ nghe nói đến. Nhưng tôi sẽ hỏi lại cộng tác viên nghiên cứu. Ai đó ở đây hoặc ở London có thể kiểm tra xem, tôi chắc chắn như vậy.”

“Làm ơn.”

Ackroyd bước vào góc phòng và lôi điện thoại ra. Sau cuộc nói chuyện ngắn, ông ta quay lại. “Rất tiếc phải báo cáo, nhà nghiên cứu trưởng của chúng tôi chưa bao giờ nghe thấy chuyện động đất do nổ bom gây ra cả. Cô ấy sẽ hỏi trụ sở ở London và các văn phòng khác của chúng tôi khi họ mở cửa. Ý tưởng lúc đầu của tôi là việc này khó có khả năng.”

Rhyme để ý thấy Sachs đang mở túi. Cô lấy ra một cái danh thiếp, đọc số điện thoại và gọi đi.

Trong lúc chờ kết nối, cô nói với cả phòng, “Don McEllis, thanh tra viên khai mỏ của tiểu bang.”

Một giọng nói trả lời, “Chào Amelia. Cô thấy sao rồi?”

“Ổn,” cô nói cụt lủn. “Nghe này, anh đang nói chuyện trên loa ngoài cùng với Lincoln Rhyme, cố vấn của NYPD, và vài người khác.”

“Ồ vâng.”

“Dan, tôi là Lincoln.”

“Don,” Sachs sửa lại.

“Chúng tôi cần biết liệu một người có thể gây ra động đất bằng các vụ nổ hay không.”

Có một khoảng lặng. “Anh nghĩ những vụ động đất vài ngày qua không phải là do thiên nhiên ư?”

“Chúng tôi không chắc. Liệu chất nổ có thể gây ra động đất không?”

“Về lí thuyết là có, nhưng anh cần một thiết bị hạt nhân, ở đúng nơi, với đúng hàm lượng. Nếu thiếu các thứ đó thì không thể.”

“C4 không thể làm được sao? Anh biết C4 chứ?”

“Chất nổ nhiệt dẻo, chắc chắn rồi. Nhưng không, đó là chuyện bất khả thi. Kể cả một hai tấn đặt ở đúng chỗ khe nứt cũng không thể. Động đất không hoạt động như vậy. Nhưng…”

Im lặng.

“A lô?” Rhyme hỏi.

Họ nghe tiếng gõ bàn phím vội. “Được rồi, được rồi. Cho tôi một địa chỉ email. Tôi muốn anh xem cái này.”

Cooper cho và một lát sau chuông báo email đến đã vang lên.

McEllis nói, “Tôi đã gửi hai biểu đồ địa chấn.”

Những ngón tay khéo léo của Cooper gõ lên bàn phím, và hai biểu đồ - với những đường lượn sóng quen thuộc mà bất cứ ai có tivi và niềm yêu thích với các bom tấn về thảm họa thiên nhiên cũng nhận ra - xuất hiện trên màn hình. “Nhận được rồi.”

Thanh tra viên nói tiếp, “Cái ở trên cùng là từ vụ chấn động gần nhất ở đây.”

Ở mé trái, vạch đen của cây kim chỉ lên xuống rất nhẹ trong lúc đi sang bên phải trên một đoạn kéo dài vài phút. Đến đoạn nửa đường trên biểu đồ, đường kẻ nảy lên nảy xuống mấy lần thành những bước sóng rộng, nhọn hoắt. Thời gian trôi đi, chúng dịu dần và ngày càng nhỏ lại, cho đến khi đường kẻ trở về giống như lúc trước khi có rung chấn.

“Nào, giờ nhìn vào biểu đồ thứ hai. Nó ghi lại một trận động đất thật, ở California. Nó có vẻ giống nhưng vẫn còn vài khác biệt nho nhỏ. Trong trận động đất thật, chúng ta thấy được một chút xíu biến động trước động đất kéo dài vài giây trước đoạn rung động chính. Không hề có điều đó trong các rung chấn ở đây.”

Rhyme nói, “Vậy là các vụ nổ không gây ra động đất; chúng chỉ nhái lại được thôi.”

“Chính xác.” Một lát sau, McEllis nói, “Nhưng rồi làm sao anh giải thích được các vụ hỏa hoạn… À, chờ đã: Trừ khi chúng cũng được kích nổ - những ngòi nổ khác, để người ta càng tin hơn rằng đây là động đất.”

Khi không có ai trả lời, anh ta hỏi bằng giọng không chắc chắn, “Chính xác thì tất cả những chuyện này là thế nào, Amelia?”

“Chúng tôi chưa chắc chắn, Don ạ. Nhưng nếu có thể - làm ơn giữ kín chuyện này.”

“Tất nhiên. Chắc chắn rồi.”

Cô nhìn sang Rhyme, hàm ý: Còn gì không?

Anh lắc đầu. Cô cảm ơn McEllis và họ cúp máy.

Rhyme nhắc lại, “Và tất cả những chuyện này là sao nhỉ? Nghi phạm của chúng ta định làm gì?”

“Khủng bố chăng,” Sachs gợi ý, nhưng lại lắc đầu. “Nhưng có ai đứng ra nhận đâu. Mà tại sao phải làm một vụ tấn công giả danh thảm họa thiên nhiên chứ? Như thế không giống cách của bọn khủng bố.”

Sellitto nói, “Có ý này: Hắn đã dàn dựng các vụ động đất để che giấu hành vi phóng hỏa. Có thể hắn làm việc cho một chủ đất muốn đốt tòa nhà của mình để kiếm tiền bảo hiểm.”

Ackroyd nói, “Với tất cả sự tôn trọng, Trung úy ạ, đó sẽ là trò lừa bảo hiểm công phu nhất trong lịch sử đấy. Hơn nữa, tội phạm phóng hỏa chuyên nghiệp không bao giờ mạo hiểm với án mạng hay các vụ tấn công. Chúng chỉ đốt các tòa nhà vắng người thôi.”

“Công nhận.”

Rhyme nói, “Có một cách khác để nhìn nhận vấn đề. Như McEllis vừa gợi ý: Các vụ hỏa hoạn chỉ là chi tiết trang trí. Để củng cố độ tin cậy của các vụ động đất - sao cho không ai chú ý kỹ đến các biểu đồ địa chấn đáng nghi kia. Hắn muốn cho chúng thật hơn… Thế này thì sao: Hắn muốn ngừng hoạt động khai thác địa nhiệt.”

Sellitto thêm vào, “Có ai trong danh sách đó? Các công ty năng lượng sẽ coi địa nhiệt là một mối đe dọa. Ai đó muốn mảnh đất của công trường. Nó là đất vàng mà.”

“Các nhà hoạt động môi trường,” Cooper gợi ý. “Đám Một Trái Đất kia? Mặc dù tôi không nghĩ những người yêu thiên nhiên lại

dùng C4 nhiều đâu… hoặc đốt trụi cả các tòa nhà có người bên trong.”

Sachs nói, “Mục đích của hắn ư, với tôi tên này giống một dạng sát thủ hoặc lính đánh thuê. Tiếp cận được với chợ buôn bán vũ khí để mua C4 và các thiết bị nổ ga. Hiểu biết về súng đạn. Không ngại giết người. Ai đó đã thuê hắn, tôi cá đấy.”

Rhyme cũng thiên về hướng này. Sau đó anh nói, “Còn một điều nữa: Chúng ta cần phải quyết định một việc.”

Sachs gật đầu. “Nói hay không nói.”

“Tuyên bố sự thật chúng là động đất giả ư?” Cooper hỏi.

“Đúng. Có khi hắn còn cả tá IED đang đặt trong các lỗ khoan.”

Sellitto nói, “Nhiều người sẽ hoảng loạn. Tất cả mọi người sẽ nghĩ đến khủng bố.”

“Họ nghĩ đến khủng bố thì sao,” Rhyme đáp lại. “Tôi nghĩ chúng ta phải nói thôi. Và thông báo cho những người ở khu vực xung quanh giàn khoan rằng có thể có một quả bom trong đường ống ga nhà họ. Họ nên tìm kiếm nó. Và thông báo nếu có một rung chấn khác xuất hiện, họ phải sơ tán và kiểm tra đường ga ngay lập tức.

“Đây sẽ là quyết định của hội đồng thành phố và Tòa thị chính, nhưng nếu chúng ta công khai việc này, tức là đã để lộ mình,” Sellitto nói. “Thủ phạm có thể chuồn ra khỏi thành phố. Bằng chứng sẽ biến mất.”

Về phần lo ngại cuối, Rhyme thấy buồn cười: Việc làm cho bằng chứng biến mất khỏi anh là điều vô cùng khó khăn.

“Tôi xin phép có ý kiến được không?” Ackroyd nói.

“Ồ chắc chắn rồi,” Sellitto mời.

“Tôi không nghi ngờ gì chuyện kẻ này bị tâm thần và có nỗi ám ảnh bệnh hoạn với kim cương. Nhưng nếu về cơ bản hắn là một lính đánh thuê, được trả tiền để phá hoại giàn khoan, thì ngay khi hắn phát hiện ra chúng ta đang theo dấu hắn, hắn có thể sẽ bán vội những viên thô của khách hàng tôi sớm nhất có thể để rời thành phố. Tôi nghĩ tôi nên gọi lại cho những người môi giới lần nữa và kiểm tra khả năng đó.”

Sellitto và Rhyme đồng ý. Ackroyd lại mặc áo choàng vào, lúc này trông ông ta càng giống một vị thám tử điều tra người Anh lãnh đạm hơn nữa, và ra về để lần theo đầu mối kia.

Cả Sellitto cũng mặc áo khoác. “Tôi sẽ nói chuyện với hội đồng và thị trưởng, khuyên họ tuyên bố toàn bộ chuyện này có thể là giả. Và tôi sẽ cử ESU lẫn Đội Phá bom khoanh vùng khu vực đó. Họ sẽ gửi robot xuống các lỗ khoan xem có tìm thêm được IED nào không và đảm bảo an toàn.”

Về phần mình, Rhyme cũng có nhiệm vụ. Anh lại gọi thêm một cuộc nữa cho ngài điệp vụ ở thủ đô.

CHƯƠNG 41

Trong sự nghiệp mười bốn năm ở Sở cảnh sát bang Pennsylvania của mình, cảnh sát J.T. Boyle đã từng nhận nhiều nhiệm vụ kỳ quái. Đuổi theo cỗ xe độc mã của người Amish bị một thằng nhóc sinh viên say xỉn ăn trộm. Những vụ mèo leo cây điển hình ("Không phải việc của chúng tôi, thưa bà, nhưng tôi sẽ làm hết sức có thể.") Đỡ đẻ cho các em bé.

Nhưng anh chưa bao giờ phải gọi cả một chiếc xe buýt tấp vào lề.

Đây là việc do NYPD nhờ vả, Boyle từng làm việc với họ trước đây và nhìn chung anh thích họ, dù anh không ủng hộ cách dùng từ của vài cảnh sát ở đó. Trên chuyến xe Greyhound mà anh đang gọi vào lúc này, có một nhân chứng bỏ trốn - và lại là nhân chứng trong vụ án lên bản tin truyền hình nữa chứ. Ít nhất là đã lên kênh WKPK. Người hứa hẹn - thủ phạm của vụ án mạng kép sát hại một cặp đôi trẻ vừa mới mua nhẫn đính hôn. Đúng là một thằng bệnh hoạn.

Một thanh tra ở New York tin chắc rằng nhân chứng đang ở trên chiếc xe buýt này. Phòng máy tính của họ đã tìm được điện thoại của cậu ta và làm vài động tác công nghệ cao gì đấy để GPS trên đó vẫn tiếp tục hoạt động, và định vị chỗ này trong lúc chặn cả đầu gọi đi và đến, nên không ai có thể cảnh báo cậu ta là cảnh sát đang đuổi theo cậu, nếu có ai muốn làm vậy thật. Màn hình hiển thị *Không có sóng.* Sau một thời gian cậu ta sẽ nghi ngờ, nhưng một khoảng thời

gian không phải vấn đề lớn; Boyle đã tóm được cậu ta ngay bây giờ rồi.

Anh ra đèn hiệu với chiếc Greyhound đang trên đường đến Indianapolis. Theo chiếc vé mà nhân chứng tên Vimal Lahori đã mua, tại đó cậu ta sẽ đổi sang chuyến đi St. Louis. Chuyến xe một chiều đến Los Angeles. Họ biết lịch trình của cậu ta nhờ lần theo dấu chiếc điện thoại đến bến xe Cảng Vụ ở New York và kiểm tra CCTV ở quầy bán vé, ghi lại một chàng trai trẻ khớp với mô tả về Vimal đã mua một chiếc vé như vậy.

Chỉ có điều cậu ta sẽ không đi được đâu quá trạm kiểm soát của hạt cách đây mười sáu cây số. Chỉ là vì an toàn của chính cậu. Người hứa hẹn đã biết về cậu và đã giết chết một nhân chứng khác. Mặc dù cảnh sát Boyle phải thừa nhận rằng khả năng nghi phạm lần được tới tận đây khá thấp.

Chiếc xe buýt từ từ tấp vào lề đường và Boyle bước ra khỏi xe. Anh đang mặc bộ đồ tiêu chuẩn của cảnh sát PSP*: quần đen, áo xám, cà vạt đen. Anh đội thêm chiếc mũ Smokey-Bear màu xám với dây buộc dưới cằm và đi lại gần chiếc xe buýt.

PSP là viết tắt của Pennsylvania State Police - cảnh sát bang Pennsylvania

Cánh cửa từ từ mở ra.

Mắt quét qua hành khách. Không có nguy cơ nào rõ ràng. Dù anh cũng không mong đợi điều đó. “Tôi đang tìm một người có trên chuyến xe này,” anh nói khẽ với tài xế, một người Mỹ gốc Phi gầy gò có khuôn mặt lo lắng. Quyết định đã được đưa ra từ NYPD là không điện báo hay gọi cho ông ta từ trước; họ không chắc liệu ông ta có

biết diễn xuất gì không và lo lắng cậu bé sẽ để ý được bất kỳ hành vi dè dặt nào, nhảy ra khỏi xe và bỏ chạy. “Cậu ta không có vũ khí. Sẽ không có vấn đề gì đâu.”

“Được. Cứ tự nhiên.”

Ít nhất thì viên thanh tra ở New York, một gã nói năng cụt lủn, *đã bảo* là cậu ta không có vũ khí. Các nhân chứng nhìn chung đều không có nhưng đôi khi họ cũng có. Cậu bé này có vẻ nằm ở mục không mang vũ khí. Hơn nữa, cậu ta là người Ấn Độ, để phân biệt với từ Anh-điêng, và trong kinh nghiệm có phần giới hạn của Boyle, có vẻ dân tộc này không dính dáng nhiều tới súng ống cho lắm.

Boyle đã ghi nhớ bức ảnh chụp Vimal, và trong lúc đi dọc chiếc xe buýt tìm kiếm với biểu cảm trung lập, anh nhìn vào những khuôn mặt hành khách lướt qua. Tất nhiên ai nấy sẽ đều nghĩ đến khủng bố. Một quả bom trên xe buýt. Kẻ nào đó mang súng sẵn sàng xả cả băng đạn nhân danh Thánh Allah hoặc chẳng vì lí do gì cụ thể cả.

Anh gật đầu khi mỉm cười và trả lời những câu hỏi đại loại như “Có chuyện gì à?” và “Có vấn đề gì không?” bằng một câu vô thưởng vô phạt, “Sẽ không mất nhiều thời gian của mọi người đâu.”

Nhưng chết tiệt. Anh không thấy thằng bé đâu. Có vài người da màu nhưng tất cả họ đều già hơn và có vẻ là người Mỹ Latinh chứ không phải Ấn Độ.

Anh quay lại đầu xe và gọi viên thanh tra ở New York.

“Lo?” Lon Sellitto hỏi.

Không chuyên nghiệp gì cả. Nhưng một lần nữa anh đang phải giao tiếp với những người New York, một nhóm người hoàn toàn

khác những đối tượng anh thường làm việc cùng.

Nhưng để thể hiện phản đối anh vẫn nói, “Thưa ngài, lại là Cảnh sát J.T. Boyle đây. Tôi đang ở trên xe buýt và đã nhìn mặt tất cả hành khách. Tôi không trông thấy cậu ta.”

“Anh có…”

“Đã kiểm tra cả nhà vệ sinh rồi, thưa ngài.”

“… hỏi người lái xe xem có ai xuống ở trạm nào không?”

Boyle do dự. Anh quay sang tài xế và hỏi đã có ai xuống ở các trạm trước chưa.

“Chưa, thưa ông.”

“Chưa, Thanh tra ạ, không có ai rời xe cả,” Boyle nói, rồi bảo thêm, “Thanh tra. Anh có thể gọi được không?”

“Sao cơ?”

“Anh có thể gọi vào số điện thoại của cậu ta được không?”

“Ồ. Hừm. Kế hoạch hay đấy. Chờ tí.”

Có vài tiếng nhấp chuột vang lên, rồi Sellitto nói, “Tôi đã nhờ thanh tra ở phòng Tội phạm Máy tính lần theo dấu nó đây. Cảnh sát? Anh đang nói chuyện với Thanh tra Szarnek.”

“Chào,” một giọng nói vang lên. Boyle nghe tiếng nhạc rock-and-roll đằng sau.

Mấy người New York này đúng là không thể tin nổi.

“Thanh tra…” Anh không thử gọi tên. “Tôi là Cảnh sát J.T. Boyle, cảnh sát tiểu bang.”

“Chào, anh cảnh sát.”

“Ừm, chào anh. Anh có thể gọi cho số điện thoại đó không?”

“Chắc chắn rồi. Tôi sẽ khởi động nó.”

Một lát sau, nhạc chuông mặc định của một chiếc iPhone reo lên. Âm thanh tới từ hàng ghế thứ ba từ trên xuống. Boyle đi đến và thấy một hành khách đang thò tay vào ngăn ngoài túi của mình, một cái cau mày trên mặt cô ta, rồi cô lôi điện thoại ra và nhìn chằm chằm vào nó.

“Thưa cô, kia không phải là điện thoại của cô, đúng không?”

Cô ta nhìn lên anh. Khuôn mặt xinh đẹp của cô viền quanh bằng mái tóc xanh dương và xanh lá, mặc dù theo quan điểm của anh cảnh sát thì nó đã bị đám khuyên mũi và khuyên lông mày làm hỏng. Cô ta nói, “Không thưa anh. Và tôi không hề biết làm thế nào mà nó lại ở đây.”

Ron Pulaski đi vào phòng thí nghiệm và Rhyme lập tức biết hai điều: Cậu ta đã có chút thành công và vô cùng băn khoăn vì điều đó.

“Lính mới?”

Cậu ta gật đầu, vừa chào chung lại vừa có vẻ lén lút, nếu ai đó có thể làm cả hai việc cùng lúc. Cậu ta hẳn sẽ là một gián điệp siêu tệ hại.

“Phòng khách,” Rhyme nói. Anh liếc ra sau.

Họ sẽ nói gì nếu biết… ?

Hai người đàn ông băng qua sảnh và vào trong phòng, người bước, kẻ lăn xe qua.

“Cậu có gì?”

“Tôi thấy chuyện này không ổn tí nào, Lincoln.”

“À, mọi chuyện đều ổn cả.”

“‘Ổn cả’. Anh biết không, cái kiểu nói ấy với mấy câu đại loại khác như ‘Đừng lo’, anh có để ý là người ta chỉ nói thế khi chuyện *chẳng* ổn gì hết và khi có điều gì đó đáng lo ngại không. Ý tôi là, *anh* không chỉ phá luật thôi đâu.”

Pulaski đã đến tận nhà kho nơi xảy ra vụ đấu súng có liên quan đến Eduardo Capilla - El Halcón.

“Tôi cũng không nghĩ là cậu phá luật đâu.”

“Không nghĩ? Chỗ ấy bị niêm phong. Anh biết nó bị niêm phong rồi mà.”

“Nó là một hiện trường phạm tội. Tôi cho là nó đã bị niêm phong. Mặc dù vậy, không còn ai ở đó chứ?”

“Không. Chỉ có băng dán thôi. Và bảng cảnh báo không được bước vào. Ôi, nó còn nói xâm nhập vào đó là tội liên bang đấy.”

“Ồ, cậu không coi mấy chuyện như thế là nghiêm trọng đấy chứ, Lính mới?”

“Mấy *chuyện* như thế? Tội liên bang đấy. Trong tất cả những thứ tôi cho là nghiêm trọng, tội liên bang nằm gần tốp đầu.”

Rhyme buồn cười. Cậu ta ngày càng nói giống mình.

“Tiếp đi. Chúng ta đang nói đến đâu nhỉ?”

Pulaski lôi từ trong túi ra một tập giấy 21,6 x 27,9 xăng-ti-mét. “Phân tích đường đạn và dấu vết từ các bản báo cáo của bên công

tố và bên bào chữa. Ảnh chụp hiện trường, các biểu đồ."

"Tốt lắm. Trải chúng ra."

Cậu ta trải ra trên chiếc bàn cà phê cũ bằng gỗ óc chó, chân bàn được chạm khắc hình móng vuốt. Rhyme nghiên cứu chúng. Rồi anh nói, "Còn mẫu từ Long Island thì sao?"

Để giữ bí mật nhiệm vụ El Halcón, Rhyme đã thuê một phòng thí nghiệm tư nhân phân tích các dấu vết mới mà Pulaski thu được từ nhà kho và đã gửi thẳng đến đó. Pulaski mở chiếc phong bì từ phòng thí nghiệm và trải các kết quả ra.

"Vui lòng lật hộ trang, Lính mới."

"Ồ, xin lỗi."

Rhyme đọc tài liệu kín đặc chữ.

"Giờ đến các hồ sơ của PERT*."

"Bảo tôi đột nhập vào hiện trường vụ án còn chưa đủ. Anh lại còn bắt tôi ăn trộm tài liệu từ trụ sở FBI nữa."

PERT là viết tắt của 'Physical Evidence Response Team' - Đội phản ứng với bằng chứng vật thể của FRI

"Cậu chẳng ăn trộm gì cả, Pulaski. Đừng có nói quá. Cậu chỉ chụp ảnh. Thế thôi."

"Nghe giống một anh chàng nói rằng anh ta chỉ *mượn* cái đồng hồ ở quầy trang sức của Macy vậy. Là tôi nói vậy thôi."

Chiếc hộp do tài xế của ông luật sư mang đến cửa nhà anh không chứa tất cả các báo cáo hiện trường và báo cáo của đặc vụ được, mà chỉ có những thứ đang được trình bày tại tòa án. Rhyme cần phải xem xét tất cả.

Pulaski lôi ra từ trong một chiếc phong bì khác khoảng hơn chục tờ giấy nữa. Cậu ta đã in những bức ảnh chụp ở phòng vật chứng của FBI trên điện thoại mình ra. Cậu ta cũng trải chúng trước mặt Rhyme và giống như cách lật trang cho một nhạc sĩ piano, cậu ta nhấc từng trang giấy lên khi Rhyme đã đọc xong, để lộ trang bên dưới.

Được rồi. Tốt lắm. Khi ghép lại với nhau, toàn bộ giấy tờ mô tả chi tiết nhiều vấn đề mà anh quan tâm đến: dư lượng thuốc súng và các dấu vết khác tìm được trên bàn tay và quần áo El Halcón, dấu vết trên sàn nhà kho, vị trí rất nhiều viên đạn đã được bắn ra - trong tường và trần và sàn, cũng như trong xác các nạn nhân. Dữ liệu xác nhận rằng dấu vân tay El Halcón không xuất hiện trên vũ khí bị nghi ngờ, đúng như Carreras-López đã nói, mặc dù cổ tay áo ông ta lại có lượng tồn dư thuốc súng - ở đúng nơi mà tay trùm buôn ma túy đã mô tả là bị viên cảnh sát bắt giữ mình chạm giẻ hay một mẩu vải có chứa GSR vào.

Rhyme đọc lại tất cả lần nữa.

“Có chuyện gì vậy, Lincoln?”

Chẳng lẽ anh lại dễ thấy *đến thế?* Anh đang khó chịu vì điều vừa tìm ra.

Một sai lầm như thế này ư? Ít nhất anh cũng nên thấy biết ơn tay luật sư của El Halcón - vì đã tìm đến anh và đặt ra nghi vấn về chứng cứ giả mạo. Nếu không nhờ người Mexico tròn trịa, ăn nói nhẹ nhàng đó, thiệt hại này sẽ không bao giờ được mang ra ánh sáng.

Pulaski khăng khăng, “Có vấn đề gì ư?”

“Không, không. Cậu đúng là quà của Thượng đế đấy, Lính mới.”

“Anh đang nói mỉa.”

“Không, tôi nói thật. Cách tôi nói không phải lúc nào cũng đúng với ý định của tôi. Đó là một cá tính mà tất cả chúng ta nên cảnh giác.”

“Được rồi. Đã hiểu. Nhưng mà nói tôi biết đi. Tôi có gặp rắc rối vì chuyện này không?”

“Cậu có thể gặp bao nhiêu rắc rối khi mà nhiệm vụ của cậu là vì một điều lớn lao hơn?”

Pulaski nhăn nhó. “Anh biết không, Lincoln, cha tôi luôn nói là chúng ta không thể tin kẻ nào trả lời câu hỏi bằng một câu hỏi.”

CHƯƠNG 42

“Hank, có vấn đề rồi.”

Người đàn ông nói những lời này là một trợ lý công tố viên trẻ có dáng người gầy gò và khuôn mặt trẻ thơ. Khi nói ra chữ “vấn đề”, anh ta có vẻ không lo lắng lắm. Henry Bishop, công tố viên liên bang cao cấp của quận Đông, New York vẫn còn đang rất cao hứng. Vụ án El Halcón đang tiến triển tốt. Công tác chuẩn bị đã đâu vào đó, và họ đang sắp trình bày những bằng chứng pháp y chắc như đinh đóng cột do chuyên gia đưa ra.

Bản thân Bishop cũng là người gầy nhẳng, dù với chiều cao một mét chín mươi tư của mình, trông anh ta có vẻ còn gầy hơn cả thực tế. Người đàn ông tóc vàng, mày râu nhẵn nhụi này tập thể dục hàng ngày, và bên dưới bộ vest Brook Brothers của anh ta là các cơ bắp chắc khỏe. Anh ta tích thêm một mục nữa trong danh sách - trên đó còn rất nhiều mục đòi hỏi phải được tích nữa - và nhìn lên. “Sao?”

Larry Dobbs - người mà Bishop thường nghĩ đến với cái tên Trợ lý Thứ nhất - tiếp tục, “Tôi vừa nhận được một cuộc gọi của ai đó ở PERT.”

Đội phản ứng với bằng chứng vật thể của FBI.

Quay sang Dobbs, Bishop nói giọng lạnh lùng, “Nói rõ ràng hơn nhé. Cậu làm được chứ?”

“Vâng.”

“Tốt. Nào. Cụ thể.” Bishop đang ngồi trong văn phòng nhìn ra khu Brooklyn của mình. Anh ta để ý thấy làn khói nhẹ ở đường chân trời. Từ đám cháy sau vụ động đất cách đó không xa. Từ văn phòng mình anh đã cảm nhận được rung chấn.

Trợ lý công tố viên trẻ kín đáo nói, “Một cảnh sát NYPD đã dò hỏi về vụ này.”

“Vụ của chúng ta á?”

“Vâng,” Dobbs xác nhận.

“Cậu phải nói là vụ El Halcón.”

“Xin lỗi Hank. Vụ El Halcón.”

“Không phải ‘vụ này’. Có quá nhiều ‘vụ này’.”

Dobbs vẫn đứng bên kia cái bàn rộng, anh ta nói, “El Halcón.”

Bishop lẩm bẩm. “Vậy là một cảnh sát New York. Hỏi han hử. Hừm.”

Cuộc điều tra El Halcón có liên quan đến tội phạm liên bang và tiểu bang, nhưng New York phải nhường đất lại cho đặc vụ liên bang. Phải, sau khi Bishop đã buộc tội được El Halcón thì gã sẽ còn bị cáo buộc theo luật của tiểu bang nữa. Nhưng vụ phán xử đó sẽ chỉ là một tin mừng phụ thêm và gần như không liên quan, vì gã Mexico sẽ không bao giờ thoát được nhà tù liên bang để mà thụ án trong nhà tù tiểu bang. Vậy thì tại sao NYPD phải can thiệp vào? El Halcón có liên hệ gì với thành phố này đâu.

Dobbs nói, “Tay cảnh sát đã vào trong PERT. Anh ta biết tất cả các mật khẩu, biết cả số vụ án, biết mọi người, biết hệ thống lưu trữ.

Anh ta đòi xem danh mục vật chứng. Người trông kho đã để anh ta xem tất cả. Bởi anh ta mặc đồng phục và biết rõ mọi thứ về vụ án này."

"Có phải cậu nói 'người trông kho' không. Cái cách cậu nói, dùng từ đó. Chúng ta có đang đổ lỗi cho ai không?"

Dobbs chậm chạp lắc lư. Gầy nhẳng như một sợi dây điện sống động. "Tôi thấy vậy. Những người giám sát phòng vật chứng đã để cho một cảnh sát tuần tra không có tên trên danh sách chính thức vào đó và đưa họ xem hồ sơ." Dobbs nói thêm, "Chậc chậc."

Anh ta thực sự đã nói thế sao? Bishop lại hỏi, "Ai quản lý cái phòng đó? Một đặc vụ à?"

"Không. Dân thường, làm việc cho Bộ Tư pháp."

"Ồ, tốt lắm. Có thể, và sẽ phải chịu phạt. Nhưng làm ơn. Tiếp tục câu chuyện đi."

"Dù sao thì tay cảnh sát đã nói đây là một vụ án có liên quan."

"Vụ án có liên quan, NYPD á? Vớ vẩn. Với Hạt Nassau còn có thể. Nhưng không phải với thành phố New York. NYPD chẳng có tí tính pháp lý nào ở đây cả, chấm hết. Anh ta bảo sao?"

Dobbs giải thích, "Anh ta không nói gì cả. Chỉ đòi xem hồ sơ. Đòi in bản sao nhưng người trông kho không chịu. Mặc dù vậy có nhiều khả năng anh ta đã chụp ảnh bằng điện thoại."

"Cái chết tiệt gì đấy, cậu nói lại xem," Bishop quát.

"Sau khi anh ta đã gọi điện xong. Và người trông…"

"Được rồi, chỉ cần nói gọn là 'thường dân'. Ít chữ hơn."

Dobbs có vẻ vui khi được cung cấp chút thông tin tiếp theo. “Thường dân, cô ta nghe lỏm tay cảnh sát nói, “Lincoln, tôi đã có mọi thứ anh cần. Còn gì nữa không?”

Ồ, thường dân trông kho là một người phụ nữ. Sẽ khó trừng phạt phụ nữ hơn, dù việc ấy vẫn làm được.

Sau đó, anh tập trung lại.

Trợ lý nói tiếp, “‘Lincoln’. Chắc là Lincoln Rhyme, tôi nghĩ vậy. Rhyme làm việc với NYPD rất nhiều và biết rõ về PERT. Anh ta là người giúp thành lập nó. Anh ta đã viết một cuốn sách về tội phạm học và khám nghiệm hiện trường. Anh ta đang ngồi xe lăn, anh biết đấy.”

“Xe lăn,” Bishop lẩm bẩm. “Thế anh ta muốn cái quái gì với bằng chứng của chúng ta? Một bản sao không hợp pháp nữa chứ?” Anh ta cố hiểu chuyện này. Anh ta không thể nghĩ ra manh mối nào. Anh vẫy tay bảo Dobbs ngồi xuống ghế - cậu ta đang lượn qua lượn lại - và gọi cho một người bạn, phó chánh thanh tra của NYPD, và hỏi xem anh này có biết gì không. Nhưng anh phát hiện là không, NYPD không theo đuổi vụ án liên quan đến El Halcón. Họ nghĩ gã Mexico là một kẻ đê tiện, ai mà không nghĩ vậy chứ? Nhưng ở thành phố New York này, hắn chỉ gây ra mỗi một tội ác là reo rắc cái chết do sốc thuốc từ sản phẩm của hắn thôi; vụ bắn nhau xảy ra ngoài phạm vi thành phố.

Anh gác máy và nhìn ra ngoài cửa sổ. Khói xám đen vẫn đang bốc lên. Vụ hỏa hoạn có vẻ rất tệ.

Anh nhẩm trong đầu vài giả thuyết về sự liên đới của Rhyme. Nếu thực sự anh ta có liên đới.

“Rhyme đã rời ngành phải không? Cậu có nhắc đến vụ ngồi xe lăn ấy?”

“Ồ vâng, Hank. Nhiều năm rồi. Anh ta chỉ tư vấn.” Dobbs đúng là luôn háo hức làm việc.

“Cho NYPD, và cả cho chúng ta nữa, đúng không?”

“Vâng.”

“Anh ta đã bao giờ làm việc cho đội bào chữa chưa?”

“Tôi không biết. Anh ta có thể. Nhiều người vẫn làm mà.”

“Chúng ta đã cử một đội theo dõi luật sư của El Halcón cùng đám tùy tùng của ông ta đúng không?”

Dobbs nói, “Tới chừng nào chúng ta có thể, Hank. Có cả đống. Một chục người tới từ thành phố Mexico.”

“Tìm xem có bất kỳ ai trong số họ từng tới nhà hay văn phòng của Rhyme hay không.”

“Vâng.”

“Ngay bây giờ.”

“Vâng.” Trợ lý gọi một cuộc điện thoại, nói chuyện vài phút sau đó cúp máy. “Ái chà, thử nghe xem này, Hank.”

Ôi trời. Nhưng anh chỉ nhướn một bên lông mày dò hỏi.

Càng sốt sắng hơn bao giờ hết. “Tony Carreras-Lospez, luật sư chính của El Halcón từ Mexico - chúng ta theo dõi ông ta suốt 24/7. Ông ta đã ở nhà Rhyme, Tây Central Park, ngày hôm nay. Trước đó,

vừa trước đó thôi, ông ta đã đến ngân hàng. Ông ta ở trong đó mười lăm phút. Sau đó quay lại nhà Rhyme, và quay về khách sạn."

"Tiền thì sao? Rút tiền hay chuyển khoản?"

"Không biết. Tất nhiên, chúng ta không có lí do hợp lý để xin lệnh khám xét, nên không thể biết chi tiết được."

Phải chăng Carreras-Lospez đã thuê Rhyme làm cố vấn cho bên bào chữa để tìm kiếm những lỗ hổng trong vụ án?

Vụ của chúng ta.

Vụ của ta.

Bishop dừng lại và nhắm mắt một lát. Anh không thể tưởng tượng ra lỗ hổng nào. Tất nhiên, không có cảnh sát khám nghiệm hiện trường nào là hoàn hảo, không có nhà phân tích nào là hoàn hảo. Và một người như Rhyme rất có thể sẽ tìm được điều gì đó làm toàn bộ cuộc điều tra đi chệch hướng.

Và giúp tên sát nhân khốn nạn kinh khủng kia, El Halcón, thoát khỏi công lý.

Sau một vài phút suy nghĩ, Bishop quyết định anh có một cách đảm bảo chuyện đó không thể xảy ra.

Anh nhấc điện thoại và gọi một số.

"Vâng, công tố viên?"

"Vào văn phòng tôi."

"Ngay đây ạ."

Một lát sau, một người đàn ông sáng sủa, khoảng ba mươi lăm tuổi, mặc bộ vest xám đi vào văn phòng Bishop. Anh ta gật đầu với

Bishop và Dobbs.

“Ngồi đi.”

Người đàn ông làm theo và Bishop nói tiếp, “Tôi cần anh bắt đầu một cuộc điều tra hình sự. Ngay lập tức. Ngay tối nay.”

“Vâng, thưa công tố viên,” đặc vụ FBI Eric Fallow nói trong lúc rút một cuốn sổ từ trong túi và tháo nắp bút.

CHƯƠNG 43

Daryl Mulbry của Cục Tình báo Thay thế đang gọi lại.

“Chào Lincoln, việc này càng lúc càng thú vị đây! Đầu tiên, nghi phạm của anh - các anh gọi hắn là gì ấy nhỉ?”

“Nghi phạm 47.”

“Đầu tiên, ngài Bốn mươi Bảy là một tên trộm kim cương phi thường, rồi có vẻ như hắn là một sát nhân hàng loạt điên loạn tự nhận mình là Người hứa hẹn, và giờ chúng ta lại thấy thực ra hắn là một lính đánh thuê được trả tiền để thực hiện vài vụ bẩn thỉu ở Brooklyn. Dù bề ngoài thì có vẻ vẫn là một tên điên loạn. Không có lấy một phút nhàm chán nhỉ.”

“Daryl?”

Anh cười khùng khục. “Tôi biết anh muốn vào việc luôn. Đầu tiên, đây là những gì tôi thu thập được về tên người Nga của anh. Hoặc *một* người Nga. Hay là người Nga *nào đó.* Có lẽ là của anh. Trước tiên là vài thông tin bối cảnh nhé. Có những tuyến đường mà chúng ta đã biết, dành cho các gián điệp hoặc tài sản vượt biên giới của vài quốc gia cụ thể, như Nga chẳng hạn, vào nước Mỹ. Chúng tôi gọi nó là ‘thanh tẩy’, trong ngữ nghĩa là họ tẩy sạch quá khứ của mình bằng cách bay tới ba hoặc bốn địa danh đã được chọn sẵn. Một mô tip rất quen ở đây là: Moscow tới Tbilisi tới Dubai tới Barcelona tới Newark. Bốn chiếc vé khác nhau, bốn nhân dạng khác nhau. Và chúng tôi nghĩ gã người Nga này đã chọn cách đó. Không

tìm được một người nào đi trên cả bốn chuyến bay - những chiếc vé riêng biệt, những cái tên riêng biệt. Nhưng chúng tôi đã ngó nghiêng một chút bảng kê khai hàng hóa trên mỗi chuyến - suỵt, đó là bí mật của chúng tôi - và phát hiện ra có một thứ xuyên suốt cả bốn chặng."

"Hành lý," Rhyme cắt lời.

Sachs gật đầu. "Hắn đã làm thủ tục cho từng túi một trên mỗi chuyến bay nhưng chúng nặng như nhau."

Mulbry cười vui vẻ. "Thấy không, Lincoln, Amelia, tôi *đã bảo* là cả hai người *đúng* là thứ chúng tôi cần ở AIS mà! Đúng là thế đấy. Xác suất để bốn người đàn ông khác nhau trên bốn chuyến bay khác nhau mà lại ký gửi hành lý nặng chính xác 12,6 kí lô giống hệt nhau là bao nhiêu? Không phần trăm. Các bức ảnh sẽ chứng minh điều đó, và tôi chắc chắn anh sẽ rất thích nếu có được bức ảnh chụp mặt hắn, nhưng chúng tôi không thể lấy được nó từ bên Kiểm soát Hộ chiếu. Việc đó sẽ lôi cả NSA vào và, à thì, lấy cho anh dữ liệu đó để phục vụ một vụ án trong nội địa thì có hơi… 'bất hợp pháp' là từ nảy ra trong đầu tôi. Nhưng chúng tôi tin rằng đây đúng là anh chàng của chúng ta."

"Hộ chiếu cho chặng cuối cùng, khi hắn hạ cánh xuống Newark, là của Georgian. Josef Dobyns. Không nằm trong danh sách theo dõi. Và địa chỉ là một nơi không có thật ở Paterson, New Jersey. Tôi sẽ gửi cho anh tất cả những cái tên hắn dùng trên những chuyến bay khác. Anh có thể kiểm tra các đăng ký ở khách sạn. Mặc dù tôi cá là hắn sẽ lại dùng một nhân dạng khác mà hắn chưa từng dùng trước đó."

"Năm cuốn hộ chiếu ư?" Sachs hỏi.

Mulbry chỉ cười.

Rhyme đọc cho ông ta địa chỉ email của Mel Cooper và yêu cầu ông gửi những cái tên trên hộ chiếu qua đó.

“Giờ,” Mulbry nói tiếp, “anh còn hỏi về chất nổ nữa nhỉ. Một tuần trước, chúng tôi nhận được cảnh báo về một gói vũ khí đã được tuồn lậu vào Bờ Đông: ba gói C4 loại một cân và một thùng mười hai *lehabah.”*

“Thùng gì cơ?”

“Bom đặt vào ống ga. *Lehabahs.* Từ tiếng Hebrew. Nó có hai nghĩa: ‘lửa’ và ‘mũi giáo hoặc mũi gươm’.”

Rhyme nghĩ từ đó mô tả thứ nhỏ bé gớm ghiếc ấy khá chính xác. Anh hỏi, “Một phát minh của Mossad*?”

Tên gọi tắt của tổ chức Tình báo Israel.

Khi đã tiếp xúc với thế giới gián điệp, Rhyme có tìm hiểu một chút về các tổ chức tình báo khác nhau trên thế giới. Không có nơi nào chế tạo vũ khí tài tình hơn, hay tiến hành hoạt động gián điệp khéo léo hơn Mossad.

“Đúng. Cho đúng mục đích các anh đang nói tới: khiến cho nó giống một vụ rò rỉ khí ga hoặc vụ nổ. Ai mà biết được đã có bao nhiêu ngôi nhà của Hamas hay những tên khủng bố Hezbollah bị thiêu rụi dưới danh nghĩa ‘tai nạn’ chứ?”

Ba gói C4. Họ không biết nghi phạm đã dùng bao nhiêu cho các thiết bị IED trong lỗ khoan ở Northeast Geo. Họ sẽ phải giả sử hắn còn lại một ít cho ít nhất một vụ “động đất” nữa. Hắn còn có cả các *lehabahs* khác. Hắn định gây ra bao nhiêu vụ thảm sát nữa đây?

Mulbry hỏi tiếp, “Vậy, Lincoln, làm ơn giải thích. Tất cả những chuyện này là thế nào?”

“Ông có theo dõi các vụ động đất ở New York không? Và cả hỏa hoạn?”

“Có, chắc chắn rồi. Tin chấn động ở mọi nơi mà.”

Sachs giải thích rằng thủ phạm đã tạo ra các vụ động đất giả đi kèm với hỏa hoạn.

“Vậy là hắn đã dùng các thiết bị kia cho mục đích đó. Hừm. Thông minh thật.” Với tư cách là người đứng đầu AIS, nhiệm vụ của ông ta là nghĩ ra những cách thay thế để tiêu diệt kẻ thù. Động đất giả làm hỏa mù cho việc phóng hỏa chính xác là công cụ thích hợp cho AIS. Mulbry thực sự bị ấn tượng. “Tại sao?”

Rhyme nói, “Điều đó thì chúng tôi chưa rõ. Ước đoán tốt nhất là để ngăn chặn việc khoan địa chất. Ai đó không muốn hoạt động khai thác địa nhiệt được diễn ra. Chúng tôi không nghĩ đó là một dạng khủng bố liên quan đến chính trị.”

Mulbry nói, “Tôi đồng ý. Việc vận chuyển C4 và các quả bom khí làm ta phải nghi ngại - bất kỳ thứ gì tương tự luôn gây nghi ngờ, tất nhiên rồi - nhưng các thuật toán của chúng tôi đã sàng lọc thông tin tình báo và không thể định vị chỗ chất nổ với một tên khủng bố nào đã biết. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn sẽ để mắt đến khả năng đó.”

“Làm ơn,” Sachs nói.

“Nhân tiện, tôi đang nói chuyện với anh?”

“Vâng, Daryl?”

“Tôi đã nhận được email về mật mã hệ thập nhị phân - rằng không có ai ở NYPD hay FBI New York biết có kẻ từng dùng nó. Nhân tiện, cảm ơn anh lần nữa vì đã kiểm tra. Thực ra, ta lại có thêm thông tin về vấn đề này. Chúng tôi không bao giờ có thể giải mã tin nhắn nhưng đã truy ra được mô hình di chuyển của vài tin trong số đó. Nó dẫn tới một khách sạn - một cơ sở lưu trú dài hạn - gần sông Seine ở Paris. Tả ngạn. Anh tới đó chưa?”

“Chưa. Nói tiếp đi.”

“Đáng kinh ngạc - mùi và cảm giác hoàn toàn khác hẳn. Và lịch sử văn hóa nơi đó nữa chứ. Hemingway, Simone de Beauvoir, Jean-Paul Sartre, các nhà hiện sinh. Tôi lạc đề mất rồi.”

Đúng thật.

“Mấy nhân viên EVIDINT của tôi đã vào trong và, trời ơi, cứ như chỗ đó đã bị chà sạch sẽ vậy. Và tôi nói theo nghĩa đen đấy: *Beaucoup de** thuốc tẩy và *le* Windex cho ADN lẫn dấu vân tay. Có nhiều dấu vết giấy ráp đã xóa sạch cái gì đó khỏi sàn nhà và Keo Gorilla nhồi xuống những chỗ dấu vết có thể còn bị lưu lại, rồi kéo chúng ra. Ý tôi là, thực sự, dù kẻ này hoặc tổ chức này là ai, họ cũng cực kỳ, cực kỳ giỏi. Nhưng họ đã bỏ qua một thứ, một mẩu kim loại rất nhỏ. Không xuất hiện trong cơ sở dữ liệu nào về các bộ phận kim loại. Tự làm. Chúng tôi đã quét nó. Dính phóng xạ. Không đến mức bom nguyên tử nhưng có thể là một phần của một quả bom bự. Tất cả chúng tôi đều lo ngại. Anh ngó qua xem có được không?”

Tiếng Pháp, nghĩa là “rất nhiều”

“Chắc chắn rồi, Daryl. Nói cho tôi biết: Trông nó thế nào?”

“Co giãn, đàn hồi, màu bạc. Thường thấy trong các ngòi nổ cơ học. Đang có xu hướng tránh khỏi những thứ điện tử. Anh biết đấy, EMP - xung điện từ - có thể vô hiệu các kíp nổ điện tử.”

“Gửi qua đây ngay nhé.” Anh đọc cho ông ta địa chỉ.

Ngay khi họ vừa cúp máy, điện thoại của Rhyme lại reo. Đó là đội Hiện trường ở Queens. Anh nghe điện và nói chuyện qua loa ngoài với một nhà phân tích ở đó. Người này báo cáo rằng cuộc kiểm tra dưới tầng hầm căn hộ nhà Claire Porter gần Cadman Plaza cho thấy các dấu vân tay trên và quanh đường ống ga là của sĩ quan cảnh sát hoặc đã có từ rất lâu rồi. Và dù sao cũng không cho ra kết quả nào trên dữ liệu IAFIS cả. Khóa hầm ở đó có thể dễ dàng bị bẻ gãy bằng các dụng cụ đơn giản, và dù kẻ nào đã gây ra thì rõ ràng hắn đã mang đi mọi thứ của hắn khi bỏ đi. Cảnh sát khu vực cho anh biết cuộc thẩm vấn các cư dân lẫn người thuê nhà ở các tòa nhà gần đó cũng không tìm được người nào đã từng trông thấy một người đàn ông đội mũ cứng, mặc áo bảo hộ cả.

Trong lúc anh đang nói chuyện với viên thanh tra ở Brooklyn, Lon Sellitto đã gọi đến.

Rhyme gọi lại cho anh ta ở trụ sở One Police Plaza và bấm nút loa ngoài.

“Có tin đây. Vimal đã giấu điện thoại của cậu ta lên chiếc xe buýt. Cảnh sát tuần tra tìm được nó ở tận Pennsylvania. Nó được nhét vào túi của một cô gái nào đấy. Vậy là cậu ta đã lại biến mất lần nữa. Thằng bé thông minh thật đấy.”

“Chà.” Rhyme thở dài. Đúng là thông minh thật.

Sachs nói, “Cậu ta đã đi trước chúng ta hai tiếng, dù đang nhắm đến đâu. Cậu ta sẽ chọn tàu Amtrak hoặc một phương tiện công cộng để tới Jersey, tới một bến xe Greyhound nhỏ hơn ở đó. Hoặc Westchester.”

Rhyme kể cho anh ta nghe cuộc nói chuyện với Mulbry. Anh bảo Cooper gửi danh sách những cái tên trên bốn cuốn hộ chiếu mà họ nghi là nghi phạm đã sử dụng để đi tới đây.

“Được rồi, Line. Tôi sẽ ra lệnh thẩm vấn các khách sạn.”

Rhyme nhắc anh ta là dù thế, điệp viên của họ vẫn nghĩ nghi phạm sẽ dùng thêm một nhận dạng khác.

Sellitto nói, “ừ, tôi cũng đoán vậy. Nhưng ta vẫn phải làm thôi.”

“Giờ anh sẽ thấy việc này khá thú vị, Lon ạ.” Rhyme báo cáo về chất nổ mà Mulbry đã tìm hiểu được.

“Bom khí ga của tình báo Israel cơ à? Chết tiệt.”

“Daryl vẫn đang kiểm tra.”

Sellitto nói, “Có chuyện anh nên biết nà, Line: ESU và Đội phá bom đã nói chuyện với văn phòng thị trưởng. Họ quyết định không gửi robot xuống các lỗ khoan ở công trường địa nhiệt để rà phá, mà thay vào đó chỉ chặn đầu ở miệng hố thôi. Họ nghĩ rằng một vụ nổ khác ít nhất sẽ cho những người nằm trong bán kính của nó mười phút cảnh báo để sơ tán. Và sở cứu hỏa cũng cử thêm xe tải và nhân lực tới nằm vùng quanh công trường - vì nó là trung tâm của các cuộc tấn công. Nếu có một kíp nổ khác, họ sẽ sẵn sàng đi ngay đến nơi báo hỏa hoạn đầu tiên. Và…”

Im lặng.

“Lon?”

“Quỷ tha ma bắt,” trung úy lẩm bẩm.

“Sao thế?”

“Vừa thấy trên điện tín: Nghi phạm 47 lại có một nạn nhân khác.”

Sachs hỏi, “Cặp đôi đã đính hôn à?”

“Không.” Một khoảng dừng, chắc trong lúc Sellitto đọc. “Nhưng có liên quan. Theo kiểu gì đấy. Hẳn là thế. Nạn nhân là Kirtan Boshi. Trạc tuổi Vimal, người Ấn Độ. Làm việc trong ngành kim cương. Một thợ cắt học việc. Y như Vimal. Không thể là trùng hợp được.”

“Tình huống thế nào?” Sachs hỏi.

“Tầng hầm của một quán cà phê ở quận Thời trang. Cách nơi cậu ta làm việc một dãy nhà.” Sellitto ngừng lời. “Vài nhân viên vừa mới phát hiện thi thể nhưng có vẻ như cậu ta bị giết quãng giờ nghỉ trưa ngày hôm nay. Thằng khốn đã chọc vỡ khí quản của cậu ta. Giết cậu ta bằng một con dao rọc giấy.”

“Kirtan có thể là một người bạn của Vimal và biết chỗ cậu ta sống. Rất có thể cậu ta đã khai ra địa chỉ.”

“Phải. Cậu ta đã bị tra tấn. Kinh khủng lắm. Nghi phạm còn cắt ngón tay đeo nhẫn của Kirtan và nhét nó vào miệng cậu ta. Sau khi chết, nhưng vẫn kinh.”

“Khốn nạn thật,” Sachs lẩm bẩm.

Rhyme nhìn sang cô.

“Chúng ta đã cố tìm kiếm người biết về Vimal trong mọi cửa hàng ở quận Kim Cương, Jackson Heights, các nơi ở Queens và

Brooklyn. Nhưng em chưa bao giờ nghĩ đến việc đi tìm thợ cắt kim cương ở quận Thời trang cả. Vậy mà hắn lại nghĩ ra. Hắn chơi trên cơ em."

Chúng ta mới đúng, Rhyme lặng lẽ chỉnh lại. Hắn đã chơi trên cơ chúng ta. Nhưng anh biết những lời ấy có rất ít ý nghĩa với cô. Bất kể thất bại nào có dính dáng tới cô, cho dù phần của cô nhỏ bé cỡ nào, cô cũng vơ vào mình.

Sellitto nói, "Hắn đã có địa chỉ nhà Lahori và không biết thằng bé đang bỏ trốn. Amelia, báo đội bảo vệ của cô ở nhà họ phải tránh khỏi tầm nhìn và đề phòng tên Bốn mươi Bảy xuất hiện."

"Tôi sẽ báo," Sachs nói. "Mặc dù tôi nghĩ hắn quá thông minh nên sẽ không rơi vào một cái bẫy như thế." Cô thở dài. "Tôi sẽ kiểm tra hiện trường ở cửa hàng cà phê."

Sellitto cho cô địa chỉ và cô vội vã rời khỏi phòng khách, lơ đãng mặc áo khoác. Một lát sau, Rhyme nghe tiếng động cơ chiếc xe to lớn của cô nổ và tiếng bộ lốp nghiến khi cô lao mình vào dòng xe.

Mắt anh hướng về phía tiếng động ngoài cửa sổ, nhìn ra bầu trời hoàng hôn mờ mịt.

Vậy là tuần trước, Nghi phạm 47 đã dành trọn một ngày đặt các quả bom để nhái các vụ hỏa hoạn sau động đất. Có thể còn vài quả nữa tồn tại, và dù có tuyên bố các nhà chức trách đã biết vụ động đất là giả thì cũng không thể thay đổi thực tế là chúng được định giờ phát nổ.

Và thậm chí nếu kế hoạch của hắn có bị bại lộ ngay bây giờ, Nghi phạm 47 cũng chẳng có động cơ gì để phải tháo các thiết bị

hay cho cảnh sát biết chúng ở đâu.

CHƯƠNG 44

Kế hoạch dự phòng của Người hứa hẹn.

Vladimir Rostov cẩn thận lái chiếc xe Toyota mà hắn ăn cắp được dọc theo các con phố ở Queens. Nói chính xác là Đông Elmhurst.

Tương đối cẩn thận. Hắn đã quen lái xe ở Moscow, nơi người ta không cần phải cẩn thận cho lắm; nạn ách tắc đã giảm thiểu nguy cơ va chạm do tốc độ cao rất nhiều.

Mặc dù vậy, kiểu lái vòng vèo ở đây là do hắn đang vươn tay hết cỡ để lục lọi bên dưới ghế hành khách. Một cú rẽ ngoặt đã hất đổ chiếc bánh sandwich kẹp thịt bò hiệu Roll N Roaster của hắn vào khoảng trống giữa ghế trước và cửa xe.

Ở đâu, ở chỗ quỷ quái nào mới được?

A, hắn đã tóm được góc túi và kéo nó ra, xé chiếc túi giấy bằng răng và bắt đầu nhóp nhép nhai chiếc bánh đã nguội lạnh nhưng vẫn còn ngon.

Vì lí do chết tiệt gì mà chúng ta không có món này ở Moscow chứ?

Chỉ ba phút, chiếc bánh và chỗ khoai tây đã được ngốn sạch. Hắn ợ và đốt một điếu thuốc lá. Hắn để ý thấy ở Mỹ chỉ còn rất ít người hút thuốc trong xe, không như ở Nga. Tất nhiên, khi nào hắn tìm ra Vimal, con *kuritsa* bé nhỏ, và đã xong việc với chiếc xe này,

hắn sẽ đảm bảo nó cho nó thả ra thật nhiều khói. Đó chỉ là nói đùa thôi: Cách duy nhất để rũ bỏ bằng chứng trong một chiếc xe là đốt trụi nó đến tận vành - thực tế, điều này chính là nguồn gốc của một câu nói trong giới tội phạm Nga. 'Làm đến vành,' một ông trùm có thể nói vậy. Thông thường, một cỗ *xe flambe**sẽ chỉ chứa các bằng chứng. Nhưng đôi khi cũng có một cái xác. Đôi khi, tùy vào tâm trạng vui đùa của bạn, kẻ đó có khi chưa phải là một cái xác khi bạn trói họ ở bên trong và châm lửa bình xăng.

Trong nghệ thuật nấu ăn, có nghĩa là châm lửa đốt trực tiếp món ăn trong rượu mạnh

Lúc này, Rostov lại nghĩ đến *kuritsa* cảnh sát tóc đỏ. Một ảo tưởng bừng lên trong đầu hắn: cô gái là một nữ cao bồi. Vladimir Rostov vô tình lại rất yêu thích các tiểu thuyết về miền Viễn tây của Louis L'Amour. Hắn nghĩ chúng là những viên đá quý được chế tác tuyệt hảo, là những câu chuyện phiêu lưu cho bạn thoáng hiểu biết về cuộc sống của thời đại ấy. Nước Nga thì có người Cossack, và người Tartar từ Mông Cổ. Nhưng chẳng có gì lãng mạn ở những tên cướp say xỉn và bọn cưỡng hiếp ấy cả. Miền Viễn Tây của Mỹ thì… à, đó là thời đại của những anh hùng! Hắn sở hữu toàn bộ các tập phim của Sergio Leone. Cả phim của John Ford do John Wayne đóng nữa. Và không có bộ phim miền Tây nào hay hơn *The Wild Bunch* của Sam Peckingpah.

Đôi nghĩ hắn mơ được sống ở thời ấy. Người Đức ở Mexico. Người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ở Trung và Nam Mỹ. Người Pháp ở Canada và Caribe.

Hẳn phải có *vài* người Nga ở Tân thế giới trong thế kỷ mười chín chứ.

Ồ, hắn thèm được là một trong số họ biết bao nhiêu.

Với khẩu súng lục và con ngựa của mình. Và tất nhiên cả rượu whisky ngô nữa.

Và lũ điếm.

Ý nghĩ của hắn lại trở về với nữ cao bồi *kuritsa,* cô gái có mái tóc đỏ và viên kim cương xanh trên ngón tay trắng ngần.

Kim cương xanh *của hắn,* ngón tay trắng ngần *của hắn.*

Hắn rẽ ở góc phố và đi chậm lại. Vladimir Rostov cảm thấy tự hào với bản thân vì đã khôn ngoan hơn nữ cao bồi cảnh sát kia.

Bởi vì hắn biết Vimal Lahori đang đi đâu.

Kế hoạch dự phòng của hắn.

Khi Rostov trò chuyện với Kirtan trong tầng hầm nhà hàng ở quận Thời Trang, hắn đã biết nhiều hơn về Vimal chứ không chỉ có tên và địa chỉ nhà và gia đình cậu. Cắt một chút chỗ này, một chút chỗ kia. Hắn đã phát hiện ra Vimal có một cô bạn gái.

Tôi kể cho ông nhưng đừng làm hại cô ấy! Kirtan đã viết (lại vấn đề cổ họng bị hỏng).

“Không đâu, không, *kuritsa.* Tao sẽ không đụng đến một cọng tóc của con bé. Tao chỉ cần nói chuyện với Vimal thôi. Tao cũng không làm hại nó đâu. Hứa nước tiểu đấy.”

Rostov đã phải đọc câu trả lời đến hai lần mới hiểu - tay thằng nhóc ấy run quá. Thông điệp là: *Thà chết còn hơn nói cho ông biết*

nếu ông làm hại cô ấy.

Nghe chả có lí gì cả.

“Một cọng tóc cũng không. Thật đấy.”

Hứa nước tiểu. Rostov đã bịa ra cụm từ đó và hắn thích nó. Hắn lại dùng nó.

Hắn cúi xuống và cứa con dao dọc theo móng tay thằng bé.

Trong vòng ba phút, pụp. Bạn gái của Vimal tên là Adeela Badour. và nó sống ở Đông Elmhurst, Queens, cách nhà Vimal khoảng hai, ba cây số gì đó.

Kiểm tra trên Google cho thấy có một Mohammad Badour sống ở địa chỉ này. À phải, ông ta có hai con gái, Adeela và Taalia, hai mươi hai và mười tuổi. Mặc dù thật buồn vì không có bức ảnh nào của chúng trên mạng. Vài ông bố bà mẹ bảo vệ con *thái quá.*

“Còn ai khác không,” Rostov đã hỏi. “Gần gũi với thằng Vimal ấy?”

Kirtan đã lắc đầu quầy quậy. Cử chỉ cuối cùng của cậu. Lúc ấy Rostov đã cứa cổ cậu. Hắn cho rằng đó là một ân huệ. Thằng nhóc sẽ sống hết phần đời còn lại trong mặc cảm tội lỗi vì đã bán đứng Vimal và bạn của cậu ta.

Sau khi cậu ta chết - cũng mất một lúc khá bung bét - Rostov đã cắt ngón tay út của cậu và đặt cả ngón tay còn đeo nguyên chiếc nhẫn bôi bác vào cái miệng đã há hốc của Kirtan. Người hứa hẹn không cần phải tự giới hạn các tuyên ngôn của mình về kim cương ở chỗ mấy ngón tay của lũ cô dâu đàng điếm.

Adeela Badour…

Hắn sẽ ở nhà con bé sớm thôi.

Khi đến cột đèn giao thông, hắn lấy tờ giấy ăn trong túi ra và ho vào đó một lát. Khốn thật, hắn tức giận nghĩ. Vấn đề bám theo hắn cả đời. Tất nhiên là vì thuốc lá. Ngày nào đó, hắn sẽ cai thuốc. Tình trạng này sẽ chấm dứt thôi.

Hắn thắc mắc Adeela có gợi cảm hay không. Nhìn chung hắn vẫn thích phụ nữ da trắng hơn. Nhưng kể từ khi hắn nghĩ đến mấy *kur* bé nhỏ người Ba Tư, Kitten và Scheherazade, hắn đã định sẽ dành chút thời gian với một cô gái da tối màu hơn, một cô Ả rập. Chết tiệt, có gợi tình hay không cũng chẳng sao. Hắn đang đói khát. Hắn cần một con đàn bà. Ngay bây giờ.

Ồ, và Người hứa hẹn sẽ giữ lời hứa nước tiểu với Kirtan. Chuyện sắp xảy ra sẽ không làm tổn hại đến một sợi tóc trên đầu con bé.

CHƯƠNG 45

“Đây sẽ là một chuyến phiêu lưu.”

“Phiêu lưu,” Adeela Badour đáp lại Vimal, rõ ràng cô thấy bực bội vì cách dùng từ của cậu. “Đây là gì? Cuộc chinh phục chắc? *The Hobbit.”*

Cả hai đang ở trong sân sau nhà cô. Gia đình Badour có một ngôi nhà xinh xắn, xây bằng gạch và viền bằng gỗ đỏ. Nó nằm ở Đông Elmhurst, Queens, cách nhà Vimal khoảng hai cây rưỡi. Khu vực này bao quanh sân bay LaGuardia và vào những ngày gió không thuận, cư dân ở đây sẽ phải chịu đựng tiếng gầm rú của những chiếc phi cơ lao trên đầu họ để hạ cánh xuống Đường băng số 4. Hôm nay, không khí tương đối bình lặng.

Nhà của gia đình Badour to hơn nhà Lahori; cha của Adeela có công việc tốt tại một công ty công nghệ cỡ lớn, mẹ cô - cũng giống như mẹ Vimal - là một y tá. Ngôi nhà có một mảnh vườn được chăm sóc tốt, cả nhà lẫn vườn đều là thứ hiếm thấy ở đây.

Mặc dù vậy, với Vimal, một trong những đặc điểm tốt hơn của nơi này lại là gara tách biệt, nằm sau nhà, mở ra một con ngõ nhỏ là lối đi chung của cả khu.

Tốt hơn là vì chính ở bên trong khối kiến trúc rỉ sét ấy, Vimal và Adeela đã trao nhau nụ hôn đầu - mạo hiểm thực hiện ở ghế sau trên chiếc Subaru của mẹ Adeela - tất nhiên là sau khi bố mẹ cô đã say giấc nồng - và cũng là nơi họ đã khám phá, đụng chạm, liếm

láp, trở nên nóng bừng, nghịch ngợm với mấy chiếc khuy và cuối cùng là một vài cái khóa kéo.

Mặc dù vậy, ngay bây giờ, tâm trạng của họ rất khác. Mục duy nhất trong chương trình của cậu là bỏ trốn.

Cậu đã dẫn cô vào gara chỉ để khuất khỏi tầm nhìn, mặc dù cậu không lo lắm chuyện gã đàn ông đeo mặt nạ trượt tuyết tìm được đường đến đây - đó là điều không thể xảy ra. Nhưng cậu không muốn hàng xóm trông thấy cậu và gọi cho cha cậu.

Cô dựa người lên ô tô của mình, một chiếc Mazda cũ màu xanh đậm (trên đó cũng có nhiều kỷ niệm đáng yêu, mặc dù ghế sau bé đến mức nực cười). Không còn đủ chỗ cho chiếc xe thứ hai trong gara nữa. Hầu hết khoảng trống còn lại đã bị một cái ghế băng xộc xệch và các thùng hộp các tông mềm rũ chiếm dụng. Trên thùng vẫn còn các nhãn dán mờ tịt ghi nội dung bên trong: *Bát đĩa của mẹ. Quần áo từ thiện. Sách vở/giấy.*

Cậu nói, “Em biết đấy, anh không phải đang làm chuyện bớt nghiêm trọng hay gì. Ý anh là, với em, đó sẽ là một sự thay đổi.”

“California ư?” cô hỏi. “Sao lại là Canifornia?”

“Em đã bao giờ đến đấy chưa?”

Adeela bắn cho cậu cái nhìn suy tư, hếch đầu lên. “Trên một vùng đất mà từ lâu lắm rồi, ở cách đây rất xa, đã có một nơi chốn kỳ diệu mãi tận miền Viễn tây, vượt ra ngoài tầm với của con người.”

Vimal thở dài. Giờ thì đến lượt cô châm biếm. “Anh chỉ…”

“Disney, Legoland, San Francisco, Yosemite. Em đã trượt tuyết trong tháng Bảy ở Mamoth đấy.”

“Ý anh không định nói kiểu như em là… từ đó là gì nhỉ?”

“Trẻ ranh, tỉnh lẻ, ngây ngô?”

Cậu thở dài, nhưng chỉ rất nhẹ thôi. Rồi cậu hồi phục ngay. “Thế sao? Em có thích nó không?”

“Vim! Tất nhiên rồi. Nhưng việc ấy chẳng liên quan gì ở đây cả. Làm sao anh có thể cứ chọn bừa một nơi và đi… và trông đợi em..

“Không phải trông đợi.”

“… đi cùng anh được?”

“UCLA có một khóa nghệ thuật với môn điêu khắc. Và cả một trường y vĩ đại nữa. Anh kiểm tra rồi.” Rồi cậu nắm tay cô.

“Giờ không phải lúc nghĩ về chuyện đó.” Cặp mắt nâu của cô nheo lại. “Anh là nhân chứng của một vụ án mạng. Anh có hiểu không, rằng giờ không phải lúc bình thường? Anh đã nghĩ ra chưa? Anh lại còn nói đùa về chuyện phiêu lưu mạo hiểm. Đây là việc nghiêm trọng mà!”

“Anh không bảo chúng mình nhảy lên tàu ngay hôm nay. Anh sẽ đi và tìm một nơi nào đấy và…”

“Đi tàu đến California?” Cặp lông mày xinh đẹp của cô nhăn lại. “Ôi, vì anh *không thể* bay được do nằm trong danh sách theo dõi. Người ta không đi tàu xuyên qua đất nước Vim ơi. Như thế có nói lên điều gì với anh không?”

Cậu rơi vào im lặng. “Em có thể cân nhắc không?”

“Vim, chỉ cần bảo ông ấy là anh không muốn cắt nữa.”

Cậu thả tay Adeela ra, bước lùi lại và đi đến một cửa sổ nhỏ trên tường gara, cáu bẩn và bị cỏ dại che mất một nửa. Cậu khẽ cười trước câu nói của cô. Nghe thì có vẻ bất hợp lý, nhưng đó là toàn bộ những điều cậu đang đấu tranh.

Cha cậu, người mà đến cảnh sát cũng không thể bảo vệ cậu khỏi được.

Cũng là người cậu phải cật lực né tránh không khác gì với tên sát nhân.

Vimal yêu Adeela Badour. Cậu đã phải lòng cô ngay từ lần đầu tiên để mắt đến cô. Đó là bên trong một quán cà phê ở làng Greenwich - một trong những cái quán kiểu cũ, từ rất rất rất lâu trước khi có Starbucks. Cô đang gò lưng bên trên một biểu đồ trái tim trong cuốn sách giải phẫu học và thì thầm học thuộc tên của những mạch máu, động mạch và cơ - hay cái gì đó mà sinh viên y khoa cần phải biết về cỗ máy bơm máu. Cái gì đó ở đây chắc là mọi điều về nó mất.

Cậu đã ngồi xuống và mở cuốn sách Michelangelo của mình ra.

Tất nhiên, câu chuyện mở màn là về giải phẫu học. Một bên nói về máu và thịt. Còn bên kia nói về cẩm thạch.

Họ bắt đầu hẹn hò không lâu sau đó và tiếp tục mối quan hệ thủy chung suốt từ lúc ấy. Kể từ những ngày đầu, chủ đề hôn nhân đã thường xuyên hiện lên trong suy nghĩ của cậu. Có lúc, cậu coi việc kết hôn với Adeela là một mục tiêu có thể đạt được bằng việc lên kế hoạch thực tế, giống như hầu hết các cặp đôi khác. Nhưng thường

xuyên hơn là những ngày mà việc họ được nói “con đồng ý” lại xa vời như là dùng cánh tay để bay vậy.

Vấn đề nằm ở tình thế *Romeo và Juliet.*

Nhà Lahori là những người Kashmiri Hindu. Kashmir là một vùng đất xinh đẹp nằm ở phía bắc của Nam Á, nhưng lại là trung tâm xung đột từ nhiều đời nay. Cả Ấn Độ lẫn Pakistan lẫn Trung Quốc, dù hời hợt, đều tuyên bố chủ quyền với nó. Trong hơn một ngàn năm nay, quyền cai trị vùng đất này, hoặc một phần của nó, đã trao tay đổi chủ từ người Hindu qua người Hồi giáo và cả các lãnh chúa Sikh - tất nhiên còn có cả người Anh. Chính họ đã nghĩ ra một trong những cái tên đáng tò mò nhất cho một quốc gia: Princely State. Những năm gần đây, cộng đồng Hindu của Kashmir, chủ yếu là người Saraswat Brahmin, sống ở thung lũng Kashmir. Đại diện cho khoảng 20 phần trăm dân số ở vùng này, họ là tộc người thực hành tôn giáo hòa nhã, có đời sống tâm linh và thế tục trộn lẫn một cách thoải mái, và né tránh hết mức có thể các bất ổn trong khu vực.

Thực tế khó tránh khỏi, nền hòa bình và sự tách biệt không duy trì được mãi. Trong những năm 80, một tổ chức quân sự độc lập của người Kashmir nổi lên, chủ yếu bao gồm người Hồi giáo cực đoan. Nhiệm vụ của tổ chức này là thanh lọc sắc tộc, dẫn đến sự kiện Di dân tai tiếng năm 1990, trong đó hơn 150.000 người Kashmiri Hindu đã phải bỏ chạy. Những người không ra đi chịu cảnh chết chóc. Cuối cùng, chỉ còn vài ngàn người Hindu là còn lưu lại thung lũng này.

Vimal được sinh ra ở Mỹ và không có chút hiểu biết cá nhân nào với các sự kiện này - tất nhiên, những chủ đề này hiếm khi nào được đề cập trong các cuốn sách lịch sử thế giới ở trường học Hoa

Kỳ. Nhưng cậu đã thành chuyên gia về cuộc vận động đòi độc lập, những vụ cưỡng hiếp và giết người, và cuộc Di dân bởi Papa thường xuyên thuyết giáo cho cậu và Sunny về chúng. Papa đã ở Mỹ khi Di dân xảy ra nhưng nhiều người thân của ông đã phải bỏ nhà bỏ cửa, vứt lại tất cả phía sau để tái định cư ở Ấn Độ - trong khu đô thị chen chúc, ô nhiễm ngoài rìa thủ đô Delhi. Vài ông chú bà cô lớn tuổi đã phải chết sớm bởi việc tái định cư này, Papa chắc chắn như vậy.

Papa cậu nuôi dưỡng một nỗi hiềm thù sâu sắc, không ngừng nghỉ với toàn bộ người Hồi giáo nói chung.

Với cả Adeela Badour chẳng hạn - nếu ông biết về cô.

Việc gia đình Badour đã sống ở đây qua nhiều thế hệ hơn cả gia đình Papa không thành vấn đề, cả chuyện tổ tiên họ không dính líu gì đến đám người cực đoan ở thung lũng cũng vậy, hay chuyện tín ngưỡng của họ ôn hòa và thế giới quan cũng trần tục. Cha của Vimal cũng không bận tâm đến chuyện chính người Hồi giáo ở Ấn Độ đang phải chịu sự đàn áp dưới bàn tay của người Hindu chiếm đa số.

Không, không thành vấn đề gì hết.

Điều nực cười ở chỗ: Rốt cuộc cha cậu cũng đã phải miễn cưỡng từ bỏ quyết tâm áp đặt hôn nhân cho hai người con trai; Vimal có thể kết hôn với bất kỳ cô gái Hindu nào mà cậu chọn (dù Papa thường nhắc nhở cậu rằng Akbar Vĩ đại, vị vua nổi tiếng nhất của Đế chế Mughal và các cận thần của ngài gần như đều ưa chuộng phụ nữ Kashmir làm vợ và người tình hơn - phải, cha cậu thực sự đã nói vậy - bởi vẻ đẹp của họ.)

Có thể, về lâu về dài, cùng với thật nhiều sự vận động của mẹ cậu, cha Vimal sẽ chấp nhận ai đó không phải người Hindu.

Nhưng người Hồi giáo ư?

Không bao giờ.

Nhưng người đã chiếm trọn trái tim của Vimal lại chính là một cô gái đạo Hồi, người vừa nhấp nháp trà ở làng Greenwich vừa xem bức tranh vẽ trái tim ấy.

Lúc này, cậu quay sang cô, khi cô vẫn đang dựa người vào chiếc ô tô, hai tay khoanh lại.

Adeela lặp lại, “Nói với ông ấy đi. Anh phải nói.”

Anh đã thử, Vimal Lahori nghĩ. Và rốt cuộc biến thành tù nhân trong chính căn hầm nhà mình.

Cậu bảo Adeela, “Em không hiểu ông ấy đâu.”

“Em là người đạo Hồi, Vim. Em biết về các vị phụ huynh chứ.”

Sự im lặng lấp đầy gara, rồi đột nhiên nó bị phá vỡ bởi tiếng mưa rơi, rất to, vì mái nhà không được cách âm. Vimal nhìn lên và trông thấy một tổ chim bị bỏ không.

Với ánh mắt hơi cam chịu, cô nói, “Cứ làm việc gì anh cho là mình phải làm. Em có ba năm ở New York. Sau đó, việc sống ở đâu sẽ linh hoạt hơn. Có thể là California. Có khi sẽ được. Nhưng em cần ba năm ở đây.”

Thông điệp của cô không phải một lời đe dọa, chắc chắn không phải. Adeela không bao giờ đe dọa. Cô chỉ đưa ra sự thật không thể chối cãi bằng một cách đơn giản và lãnh đạm: Rất nhiều điều có thể xảy ra trong ba năm.

“Anh sẽ ra đi, đúng không?”

Cậu gật đầu.

Mắt cô nhắm lại. Và cô ôm cậu thật chặt. “Anh có tiền chưa?”

“Một ít.”

“Em có…”

“Không.”

“Anh có thể vay. Và em có người quen ở Glendale.”

“Đấy là đâu?”

Cô cười. “Los Angeles. Phải tìm hiểu đi chứ. Chị ấy đã dạy ở NYU* được một năm. Chị ấy và chồng chị, họ là những người tốt. Chờ tí. Taalia đang ở nhà.”

NYU là viết tắt của New York University - trường Đại học New York

Cha mẹ Adeela không biết cô đang hẹn hò cùng Vimal nhưng cô rất thân với em gái, và hai cô đã cùng Vimal xem vài bộ phim, có vài bữa ăn nhanh đơn giản. Còn tốt hơn là không có nhân chứng nào.

Vimal để ý thấy trên ghế băng có điện thoại, chìa khóa xe và túi xách của cô. Cậu nảy ra một ý tưởng. Cậu sẽ mượn xe cô và lái tới một thị trấn ngoại ô có ga tàu, Westchester hoặc đâu đó. Cậu sẽ bỏ lại nó ở đây. Cô có thể đi tàu tới lấy nó về. Và cậu có thể mua một vé tới ga tàu khác, Amtrak, và hướng tới Albany, rồi tìm một chuyến tàu về miền Tây.

Cậu thả chùm chìa khóa vào túi. Cô sẽ hiểu.

Rồi cậu đứng yên. Có tiếng một chiếc ô tô lăn bánh vào phố nhánh và tiếng phanh nghiến khi cỗ xe dừng lại. Động cơ im lặng.

Cậu nhìn ra ngoài và không thấy xe đâu.

Không có gì đâu, cậu chắc vậy. Một người hàng xóm. Cậu lại nghĩ xác suất để tên sát nhân tìm được nhà Adeela gần như bằng không.

Cậu dựa người vào cái ghế băng và chờ nàng Juliet của mình quay lại.

CHƯƠNG 46

Thời đại này là thời đại gì.

Trong lúc đi bộ lên cầu thang dẫn từ sân sau vào nhà, Adeela nghĩ cô có thể hiểu được tâm trạng muốn trốn chạy khỏi ông bố của Vimal. Chính cha cô - như cô đã nói - cũng là một người độc đoán. Kỳ lạ ở chỗ, trong một nền văn hóa gia trưởng, chính mẹ của Adeela mới là người cầm trịch trong cuộc hôn nhân này. (Điều này ngược lại với gia đình Hindu của Vimal). Sau khi tốt nghiệp, Adeela sẽ xin một chân thực tập và tìm nơi sinh sống tránh xa khỏi tầm kiểm soát của mẹ cô.

Nhưng không quá xa. Có lẽ ở Connecticut (Adeela Badour yêu tán lá mùa thu *cực kỳ).* Có thể là ở Long Island.

Đó là nơi xa nhất cô sẵn sàng đi.

California ư? Tất nhiên là không.

Và nơi đó cũng không phải dành cho Vimal. Nhưng cô cho rằng đó cũng là một ý hay. Rời khỏi Bờ Tây ngay bây giờ cũng tốt cho cậu. Cho đến khi họ tóm được tên điên kia.

Cô liếc sang phòng khách và thấy Taalia đang ngồi trên ghế sô pha. Cô bé mười tuổi đang mặc chiếc áo thun *Phineas and Ferb** và quần bò. Adeela phải mỉm cười. Trẻ con thời nay! Con bé đang nhắn tin trên chiếc điện thoại vẫn đang phát nhạc lên cặp tai nghe màu

hồng to đùng ở hai bên tai nó, đồng thời lơ đãng theo dõi bộ phim hoạt hình đã bị cắt tiếng trên Disney Channel.

Tên một bộ phim hoạt hình trên Disney Channel

Trèo cầu thang bộ lên tầng hai, Adeela bước vào phòng cô, liếc sang tấm poster trên tường: một bảng tuần hoàn các nguyên tố, mỗi nguyên tố do một nhân vật hoạt hình Nhật đại diện - từ Thủy thủ Mặt trăng làm hydro đến Vegata làm Ununoctium. Cô đã tự làm ra nó, với cảm hứng từ một bảng tương tự thấy trên mạng. Adeela thấy buồn cười khi nghĩ lại trận chiến giữa cô với mẹ về việc treo các tấm poster khác trên tường của cô hồi học trung học: các ban nhạc nam. Cô chẳng có chút hứng thú nào với những anh chàng trong ảnh cũng chưa từng nghe nhạc của họ. Cô làm việc đó chẳng qua là để phản kháng.

Mình mới trưởng thành *làm sao* chứ, giờ cô nghĩ lại.

Cô lôi cuốn sổ séc từ một tập tài liệu ra và ngồi lại một lúc. Adeela có một tài khoản ngân hàng tương đối khá. Cô đã làm khá nhiều việc kể từ hồi trung học và dù trường y đắt đến chảy máu mắt, cô đã nhận được khoản vay cho sinh viên để trang trải phần lớn học phí (hạn thanh toán vẫn còn cách vài năm nữa). Cô nhìn vào số dư. Một tiếng thở dài. Cô viết cho Vimal một tờ séc hai ngàn đô la.

Cô xé nó ra; tiếng động ấy dường như rất kỳ lạ và đáng ngại, giống trong phòng mổ. Cô nghĩ về vết thương của Vimal và việc cậu từ chối đi khám.

Thêm một tiếng thở dài nữa.

Cô đi xuống cầu thang vào bếp, định quay ra cửa sau thì nghe thấy một tiếng kịch quen thuộc.

Cửa trước đang mở.

Ôi không! Mẹ cô chắc vừa về sớm. Nhưng sao lại là cửa trước? Đáng lẽ bà phải đỗ xe trong ngõ ở bên cạnh gara chứ.

Adeela ra ngưỡng cửa để nhìn lén qua góc nhà vào phòng khách. Cô đông cứng người và khẽ thở dốc.

Một gã đàn ông mặc áo choàng đen và đeo mặt nạ trượt tuyết, tay phải lăm lăm con dao rọc giấy đang nhìn quanh. Hắn đã trông thấy Taalia và đang lặng lẽ tiến đến sau lưng con bé.

Không, không, không!

Adeela lùi lại, nhìn quanh bếp và chạy đến đảo bếp. Một giây sau, nắm chắc con dao thái thịt dài hai mươi lăm phân trong tay, cô bước ra sảnh trước. Anh mắt cô nhìn vào hắn sắc lạnh.

Gã đàn ông chớp mắt, liếc con dao và cười. “À, con chim nhỏ. Nhìn xem mày có gì này. Mày là đứa con gái lớn, Adeela.”

Đây chắc là tên sát nhân.

“Và con bé dễ thương Taalia, hai chú chim nhỏ.”

Làm thế quái nào hắn biết tên các cô?

“Mày muốn gì?” Giọng cô cứng rắn. Thực ra cô không cảm nhận thấy một gram sợ hãi nào. Cô đã tự nhủ với mình gã này là một căn bệnh viêm nhiễm, một tế bào máu yếu, một cái xương bị gãy. Đây chỉ là một căn bệnh cần phải được điều trị mà thôi.

Hắn bước lại gần. Cô giơ con dao lên ngang eo. Mặt lưỡi sắc bén hướng lên trên. Cô học được điều này trong một bộ phim về gián điệp.

Hắn chớp mắt và dừng lại.

Một khẩu súng xuất hiện trên bàn tay kia, được lôi ra từ túi quần hắn.

Quyết tâm của cô lung lay trong một phần trăm giây. Nhưng trở lại ngay. Bằng cách nào đó, Adeela mỉm cười. “Một tiếng súng à. Hàng xóm đều ở nhà đấy. Họ sẽ nghe thấy. Mày sẽ bị bắt.”

Hắn hất cằm về phía cô em, vẫn còn đang mải miết với màn hình điện thoại và âm thanh kỹ thuật số. Hắn hỏi bằng giọng có trọng âm kỳ lạ, “Con bé nghe cái gì đấy? Âm nhạc lũ trẻ nghe bây giờ. Một đống rác rưởi, mày có nghĩ vậy không? Tao thích các loại đàn dây, tao thích tiếng kèn trơn mượt, mày biết đó là gì chứ.”

“Ông cần tiền à? Ông có muốn tivi không?”

Hắn liếc sang. “Sony sáu mươi inch? À, có có. Mày giúp tao mang ra xe nhé? Cảm ơn, chim nhỏ. Không, không. Mày biết tao muốn gì. Và mày sẽ cho tao biết.”

Hắn chĩa khẩu súng vào sau đầu Taalia.

“Không.” Adeela gầm gừ và bước tới. vẫn còn cầm con dao. “Đừng chĩa vào nó. Quay khẩu súng ra chỗ khác.”

“À, nhưng mày chắc là tao không bắn cơ mà. Vì sợ tiếng động. Thế sao mày phải lo?”

“Ngay bây giờ.”

Hắn do dự, không chắc phải hiểu cô như thế nào, và chĩa khẩu súng xuống sàn.

“Nếu tao nói cho mày biết điều mày muốn biết, mày sẽ đi chứ?”

“Khi nào bố mẹ mày về nhà?”

“Sớm thôi,” cô nói.

“Còn ông bố, ông ta là cớm hoặc lính tráng gì đấy với khẩu súng to đùng mang kè kè theo người suốt. Đúng không nào? Lại còn biết karate như Bruce Lee.”

“Không. Nhưng càng nhiều người thì mày càng gặp rắc rối.”

“Ha! Không, không, tao đang nghĩ sẽ không có ai về trong một thời gian lâu nữa. Mày có con dao đẹp, tao cũng có dao. Có lẽ chúng ta vật lộn một chút để xem đứa nào bị đâm trước nhé.” Một nụ cười bệnh hoạn.

Taalia vẫn không hay biết gì về tấn kịch sau lưng. Mái đầu nhỏ bé, hoàn hảo của nó đang gật theo nhịp một bài hát.

Giờ hắn chĩa súng vào Adeela. “Tao không có thời gian cho trò chết tiệt này.” Nụ cười mỉa biến mất. “Vimal. Nó đâu?”

“Tao không biết.”

“Có.”

Hắn nhét khẩu súng vào túi và dùng ngón cái đẩy lưỡi dao dài ra. Hắn bước lại gần Taalia hơn.

Adeela lại tiến đến, ngực phập phồng vì những hơi thở sâu, tim đập thình thịch, huyết áp tăng kịch trần, cô suy nghĩ bằng sự mạch lạc gần như điên rồ, mức adrenaline đang bừng bừng.

Cặp mắt xanh của hắn lạnh lẽo y như đá cẩm thạch. Hắn sẽ giết một đứa trẻ dễ dàng như đang nói chuyện với cô.

Nhưng rồi hắn cau mày. Nghiêng đầu.

Tiếng còi hụ chỉ vừa mới xuất hiện.

Cuối cùng cũng tới!

Hắn nhìn vào trong bếp qua Adeela - trên bức tường, chỗ đặt đường dây báo hiệu trung tâm, cánh cửa đã mở ra để lộ nút cảnh báo khẩn cấp gọi cảnh sát mà Adeela vừa bấm trước khi nhặt con dao lên.

Hai vai của hắn nhô lên và cặp mắt cuồng dại. Hắn lao tới chỗ Taalia, có lẽ đang nghĩ sẽ bắt cóc con bé và bằng cách nào đó đổi nó lấy Vimal.

Việc ấy sẽ không xảy ra. Adeela vừa lao vào hắn vừa múa con dao. Không có phương thức hay chiến thuật nào hết, chỉ lia loạn lưỡi dao về phía mặt hắn, nhanh đến mức không còn trông thấy miếng kim loại đâu nữa.

Hắn to lớn hơn cô nhiều, chắc chắn là khỏe hơn hẳn - và không nghi ngờ gì chuyện hắn có kinh nghiệm dùng dao hơn cô. Nhưng hắn không ngờ được cuộc tấn công của cô và phải lảo đảo lùi lại. Adeela đã đặt được mình vào giữa Taalia và hắn.

Hắn đứng yên một lát, cô dự đoán chắc hẳn hắn sẽ lôi khẩu súng ra và giết chết cả hai. Không vì một lí do cụ thể nào cả - hắn đã đeo mặt nạ; cô không thể nhận diện hắn. Nhưng hắn sẽ vẫn giết người chỉ vì hắn bị điên.

Giờ thì tiếng còi hụ đã to hơn.

Hắn nhăn mặt. “Con chim chết tiệt. Tao nhớ mặt mày rồi. Tao sẽ quay lại ghé thăm.” Hắn chạy ra cửa trước. Adeela lao theo và chạy ra hiên. Cô trông thấy hắn nhảy lên một chiếc Toyota đỏ và lái đi. Cô không đọc kịp biển số.

Adeela chạy đến chỗ em gái và kéo con bé đứng dậy. Cặp tai nghe rơi khỏi đầu cô bé, nó ré lên một tiếng ngạc nhiên và sợ hãi.

“Sao?”

“Đi với chị.”

“Tại sao? Em…”

“Ngay bây giờ!” cô chị ra lệnh.

Khuôn mặt tròn trịa của nó - da sẫm màu hơn Adeela - gật chậm rãi, ánh mắt sợ sệt. Nó đang nhìn vào con dao.

Cầm một tay em, Adeela chạy ra ngoài qua cửa trước và lao vào gara.

Trong đó, Vimal đang nhìn qua cửa sổ. Cậu nói, “Anh nghe tiếng còi. Có chuyện..” Cậu ngừng lời khi quay lại và trông thấy con dao và nước mắt của Taalia.

Adeela rít lên giận dữ. “Hắn ở đây. Gã đàn ông đã ở đây.”

“Gã đàn ông?”

Cô quát, “Anh biết ý em là ai!”

“Không! Hắn đâu?”

“Lái xe đi rồi. Em đã gọi cảnh sát.”

“Em có sao không?”

Bằng giọng còn nhẹ hơn, thậm chí giận dữ hơn, cô nói, “Sau một vụ đấu dao, vâng. Em ổn.”

“Cái gì?” Cậu nhìn chằm chằm.

Cô liếc ra ngoài cửa sổ - để chắc chắn là kẻ đột nhập đã không vòng lại.

“Chúng ta phải đi. Chạy trốn. Ngay bây giờ. Chúng ta sẽ lái đến Westchester. Giờ em đi cùng anh, thả anh ở một nhà ga nào đấy.”

“Không,” cô nói.

“Có, lên xe đi. Làm ơn. Này, Taal, muốn đi chơi không em?” Cậu ép mình cười.

Taalia bước ra sau lưng chị gái và gạt nước mắt. “Có chuyện gì vậy ạ?”

“Không sao đâu,” Vimal nói dịu dàng.

“Không, có sao,” Adeela thì thào.

Vimal mở cửa gara, nhìn ra.

“Không có ai,” cậu nói rồi ngồi phịch xuống ghế tài xế trong ô tô. “Vào đi. Cầm theo điện thoại và túi xách của em.” Hất cằm về phía cái ghế. “Chúng ta sẽ gọi cho cảnh sát và bố mẹ em trên đường.”

“Không,” cô thì thầm.

“Anh phải đi! Anh không muốn để em lại đây.”

Cô khẽ cười với cậu. Cô bước đến cửa xe. Và cúi xuống.

Cậu nói, “Em không đi à?”

“Không.”

Cô cúi xuống và hôn cậu.

“Anh yêu em,” cậu thì thầm.

“Em cũng yêu anh,” cô nói.

Cô chọc con dao vào bánh trước xe, làm nó rung nhẹ rồi rít lên và từ từ xẹp xuống tận vành.

CHƯƠNG 47

Cuối cùng, Vimal Lahori đã được cách ly để bảo vệ.

Người hứa hẹn, tức Nghi phạm 47, đã biết được địa chỉ nhà bạn gái cậu và tới đó, rõ ràng là để tra tấn cô hòng bắt cô khai ra nơi ở của chàng trai. Nhưng cô gái trẻ đã có đủ trí khôn - và lòng can đảm - để gọi cho cảnh sát và đấu lại hắn.

Trong phòng khách nhà mình, Rhyme đang nghe báo cáo chi tiết từ Amelia Sachs. Cô kể lại cuộc nói chuyện của mình với chàng trai ở một ngôi nhà an toàn của NYPD trên đảo Staten.

Sachs nói thêm rằng các cảnh sát tới hiện trường vài phút sau đó đã đánh điện xin trợ giúp định vị xe của hung thủ - một chiếc Toyota đỏ, mẫu mã chưa biết - rồi đưa Vimal đi.

Chàng trai vẫn hợp tác dù có rầu rĩ, Sachs báo cáo. Cô đã phỏng vấn cậu ta trong căn nhà an toàn tại đảo Staten, nơi cô giấu cậu ta. Tuy nhiên, cậu ta không thể cung cấp bất cứ một thông tin hữu ích nào. Cậu giải thích rằng việc mình không đi trình báo là vì sợ, mặc dù Rhyme nghi ngờ nó còn liên quan đến bi kịch ở gia đình cậu nữa, như Sachs đã gợi ý. Sachs cũng báo cáo rằng trong túi áo cậu còn vài mẩu đá - có vẻ là kimberlite. Trong đó có những chấm kết tinh, có thể là kim cương, và Rhyme tự hỏi phải chăng cậu ta đã giữ lại đôi phần hàng hóa của Patel cho riêng mình. Việc cậu đã chiếm giữ những viên đá không thuộc về mình cũng có thể là lí do khiến cậu do dự không tới gặp cảnh sát.

Quay lại với ngày diễn ra vụ án trên phố 47, cậu đang về cửa hàng sau khi làm việc vặt cho ông Patel thì bước vào giữa hiện trường khủng khiếp. Cậu đã gọi 911 và kể cho họ điều mình trông thấy.

Cô nói thêm rằng Vimal không biết gì về những viên thô đã bị đánh cắp, cũng như không có bất kỳ cuộc bàn luận nào với thầy của mình, ông Patel về vấn đề an ninh gần đây. Ông già chưa bao giờ nhắc với học trò là mình lo ngại kẻ nào đó theo dõi cửa hàng hay có cuộc gọi bất thường nào. Trước đấy cũng không có khách hàng nào tới để hỏi về kim cương nhưng thực ra lại quan tâm nhiều hơn đến camera và bảo vệ. Theo chỗ Vimal được biết, Patel chưa bao giờ có đối thủ nào trong việc kinh doanh có thể gây ra một trò bạo lực khủng khiếp như vậy. Tuy Vimal không biết chắc, nhưng cậu thấy thật vớ vẩn khi nghĩ ông Patel có mối liên hệ với tội phạm có tổ chức hoặc đã vay mượn tiền bạc từ hội cho vay lãi.

Để trả lời câu hỏi của Sachs, Vimal khẳng định điều mà họ đã loại suy ra được: Cậu là một thợ điêu khắc nghiệp dư, hi vọng làm nên tên tuổi trong giới nghệ thuật. Điều này giải thích cho những dấu vết khác tìm được tại hiện trường: ngọc bích và lapis.

Cuộc kiểm tra nhà Adeela để tìm bằng chứng Nghi phạm 47 để lại trong cuộc tấn công đã không thu được điều gì. Họ cũng không tìm được bóng dáng chiếc xe Toyota đỏ.

Các yêu cầu hỏi thăm khác, dùng đúng từ kiểu Scotland Yard duyên dáng của Edward Ackroyd, cũng không mang lại thành công nào. Kiểm tra một loạt các đăng ký khách sạn không tìm ra vị khách

nào mang tên Dobyns, hay bất cứ cái tên giả nào mà AIS đã khám phá ra là của Nghi phạm 47.

An ninh Nội địa và Cục điều tra vẫn tiếp tục tìm kiếm trong các lời đe dọa khủng bố - có khá nhiều nhưng không cái nào dính dáng đến C4 hay thiết bị *lehabahs* bị tuồn vào nội địa, các vụ động đất giả ở trung tâm Brooklyn hay hỏa hoạn gần đó cả.

Người ta cũng đã lục soát có hệ thống các mục tiêu tiềm tàng - những ngôi nhà gỗ hoặc tòa nhà nằm trong bán kính tám trăm mét quanh công trường - nhưng không thấy *lehabahs* nào trên các đường ống ga.

Edward Ackroyd không tìm được ai đang cố đẩy những viên thô trên thị trường chợ đen.

Rhyme đẩy xe đến cửa sổ và nhìn ra ngoài bầu trời xám xịt, lặng gió. Dường như cả những cây xanh cũng đang bất động, màu sắc của chúng nhạt nhòa đi. Bên kia đường, một người đàn ông đi bộ qua, chú ý tránh các vũng nước lạnh buốt. Con chó của ông ta - một loại lông xù nhỏ - nhảy qua chúng mà không mảy may ưu tư gì trên đời.

Rhyme nhắm mắt lại trong lúc nản lòng.

Và rồi như mọi khi - không thường xuyên lắm nhưng thỉnh thoảng cũng có - vẫn xảy ra, một cú đột phá cho vụ án đến thật bất ngờ.

Đột phá đến trong hình hài của Ron Pulaski, anh ta vừa bước vào phòng khách vừa gật đầu chào Rhyme và Sachs vừa nói, “Có thể có gì đó ở đây này, Lincoln, về tên Bốn mươi Bảy.”

Để phân biệt mẩu thông tin này với nhiệm vụ bí mật khác của họ, làm việc cho luật sư bào chữa nhân danh El Halcón.

“Chà, *tôi* thì chẳng có lấy một đầu mối chết tiệt nào cả. Vậy thì, sao nào?”

“Tôi tự hỏi ai là người có động cơ để ngăn hoạt động khoan này. Chúng ta đã nói chuyện về các nhà bảo vệ môi trường. Nhưng dường như điều đó quá hiển nhiên. Vì thế, tôi bắt đầu nhìn ngó các đối thủ cạnh tranh trong ngành năng lượng.”

Rhyme nói với giọng vừa phải hơn, “Tốt lắm. Sáng kiến. Cậu tìm được gì rồi?”

“Khiếu nại lên FTC* về hoạt động thương mại không công bằng của Algonquin Power.”

FTC là viết tắt của ‘Federal Trade Commission’ - ủy ban Thương mại Liên Bang

Chà, việc này thú vị đây.

“Rõ ràng là công ty này đã thuê một hãng vận động đối kháng…”

“Một cái gì?”

“Hãng vận động đối kháng. Họ đào bới - hay *giả mạo* - thông tin để nói xấu đối thủ cạnh tranh hoặc các ứng cử viên chính trị mà anh phải đối đầu.”

“Đối kháng. Có lí đấy. Mặc dù không hiểu sao tôi lại chẳng thích thuật ngữ này. Tiếp đi.”

“Hãng này được thuê để hạ tín nhiệm các nguồn năng lượng thay thế - bất cứ một công nghệ nào có thể làm giảm thu nhập của ngành sản xuất điện từ nguồn dầu và ga truyền thống. Chẳng hạn

họ phát tán các lời đồn về những trạm điện gió giết chết hải âu. Rồi các tấm pin năng lượng Mặt Trời làm mái nhà nặng hơn và dễ sụp hơn trong hỏa hoạn - và làm bị thương các lính cứu hỏa. Thực ra nhân viên của họ đã bỏ xác hải âu gần trạm điện gió - dù chúng bị giết ở chỗ khác - và đăng tải những bức ảnh chụp hỏa hoạn ở những tòa nhà có trang bị pin Mặt Trời, mặc dù những tấm pin ấy chẳng liên quan gì đến việc mái nhà bị sụp cả." Anh ta mỉm cười. "Và họ còn săm soi các nghiên cứu về việc liệu…"

"Việc khai thác địa nhiệt có tạo ra động đất không."

"Chính xác."

"Algonquin," Sachs lẩm bẩm. "Chính là người chúng ta thấy trên tivi đó à?"

Thom là người nhớ lại. "C. Hanson Collier. Chủ tịch hay CEO gì đấy." Trợ tá cau mày. "Nhưng chẳng phải ông ta đã nói mình ủng hộ địa nhiệt sao?"

Sachs nói, "Ông ta buộc phải làm vậy, không đúng sao? Tỏ ra vô tội. Và giờ khi nghĩ lại, có phải ông ta đã nói cái gì đó đại loại như là *ít có khả năng* xảy ra động đất? Hoặc *nhìn chung* thì nó an toàn. Toàn lời khen kiểu nửa vời."

Rhyme đánh mắt sang phía cô.

Cô gật đầu và nói với Pulaski, "Lái xe một chuyến nào."

Amelia Sachs đã từng có mặt ở đây.

Không lâu trước đây, vài người ở công ty Năng lượng hợp nhất và Chiếu sáng Algonquin ở Astoria, Queens đã bị tình nghi trong một loạt vi phạm liên quan đến mạng lưới điện của thành phố New York.

Sachs và Rhyme đã nhận vụ án.

Công ty chịu trách nhiệm cung cấp điện và năng lượng sưởi trên phần lớn khu vực New York này có các cơ sở chính và trụ sở trên Sông Đông - bên kia khu Midtown, Manhattan. Công ty có vài dãy nhà, với tòa nhà chính - mặt tiền là những tấm kính to đùng màu đỏ và xám - cao hơn mặt phố tới sáu mươi mét. Tòa nhà có các tuốc-bin này chính là trái tim của khu liên hợp, và những đường ống cũng như dây điện - vừa dày vừa cứng - chạy khắp nơi.

Vươn cao bên trên đường phố là bốn ống khói lừng lững, cũng được sơn màu đỏ và xám, trên cùng gắn đèn đỏ nhấp nháy để báo hiệu cho các máy bay tầm thấp, nơi mà lúc này Sachs và Pulaski đang lái xe đến gần. Vào mùa hè, dường như những ống khói này không tỏa ra thứ gì nhưng ngày hôm nay, với cái lạnh tháng Ba không chịu buông tay, từng cụm hơi vẫn len lỏi lên trên rồi hòa vào bầu trời màu trắng đục.

Cô đỗ chiếc Torino Cobra lại và giơ phù hiệu với bảo vệ ở cổng chính, nói với anh ta rằng cô có hẹn với CEO. Người đàn ông to lớn, nước da trắng nhợt như bầu trời bên trên, liếc nhìn cả cô lẫn Pulaski, người vẫn đang mặc đồng phục. Anh ta gọi một cuộc và gật đầu không với ai cả, bảo cô chỗ đỗ xe.

Bảo vệ thứ hai gặp họ ở sảnh và đưa họ tới cùng chỗ Sachs đã đến vài năm trước, trong vụ án lần trước: khu văn phòng. Sàn nhà

như bước ra từ thập kỷ 50, các đồ gỗ 'hiện đại' được bọc nệm màu nâu, trắng và nâu vàng, thiết kế theo hình khối.

Các bức tường được trang trí bằng những bức ảnh đen trắng chụp nhà máy điện qua các thời kỳ.

Nhân viên ở đây - hầu hết là đàn ông - cũng ăn mặc như thể họ đã bị đóng băng trong thời gian của bảy mươi năm trước. Áo sơ mi trắng, cà vạt tối màu, bộ vest tối màu với phần áo thường được cài khuy đầy đủ. Tóc tai gọn ghẽ. Sachs tưởng tượng cô có thể ngửi thấy cả mùi Brylcreem như của cha mình, mặc dù chắc chắn đây chỉ là một cảm giác tâm lý chứ không phải từ khứu giác.

Bảo vệ đưa họ đến một phòng chờ bên ngoài văn phòng CEO, C. Hanson Collier. Khi cô và Rhyme thụ lý vụ án trước, ông ta còn chưa phải là người đứng đầu công ty, nhưng cô tự hỏi liệu mình có vô tình đi qua ông ta trên các hành lang ở nơi này từ hồi đó không.

Cô nhìn xuống bàn cà phê hình quả thận, trên đó là các tập tạp chí thương mại. *Electricity Transmission Monthly. Power Age. The Grid.*

Một tờ *Time* mềm rũ, ghi ngày cách đây cả sáu tháng.

"Chúng ta sẽ xử lý thế nào?" Pulaski hỏi.

"Rung chuông dọa khỉ," Sachs nói. "Cho ông ta biết cậu đã tìm được bản ghi nhớ. Xem phản ứng."

Đôi khi bạn kết thúc một vụ án nhờ ADN và các bằng chứng từ dấu vết hiện trường. Đôi khi nhờ một cái nháy mắt và một giọt mồ hôi. Một người bạn và đồng nghiệp của Sachs và Rhyme là thanh tra cảnh sát bang California. Kathryn Dance. Chuyên môn của cô là

ngôn ngữ cơ thể. Dù không rành rẽ về chuyên ngành cử chỉ như Dance, một cựu cảnh sát đường phố như Sachs cũng có chút tài năng trong kỹ năng đọc vị con người này.

Dù sao họ cũng chẳng có nhiều lựa chọn. Không có bằng chứng pháp y nào kết nối vị CEO với các vụ động đất hay với Nghi phạm 47. Thực ra, cô đã biết trước nếu ông ta thực sự là chủ mưu, ông ta sẽ không có mối liên hệ cá nhân nào - trừ việc sắp xếp tiền nong trả cho thủ phạm. Và ngay cả việc đó cũng không chắc chắn. Có khi chính hãng đối kháng đã thuê hắn và chỉ gửi Collier hóa đơn cho "phân tích báo chí và áp đặt câu chuyện".

Một cô gái trẻ chỉn chu trong bộ vest nâu bước vào ngưỡng cửa và yêu cầu Sachs cùng Pulaski đi theo cô ta. Họ đi qua một hành lang dài khác, cuối cùng cũng tới được văn phòng CEO. Cô trợ lý ra hiệu cho họ bước vào.

Collier trông giống như đã từng là một người khai mỏ than đá - dự đoán nghề nghiệp này không hẳn là vô lý, khi giờ đây ông ta đang là người đứng đầu một công ty năng lượng. Nhưng Sachs đã tìm hiểu một chút và biết được rằng trước khi chèo lái con thuyền này ông ta từng là CEO của một nhà sản xuất quần áo. Cô cho là các quy tắc trong kinh doanh được áp dụng như nhau cho dù bạn có bán áo lót hay là volt.

"Mời vào, thanh tra. Sĩ quan."

Họ bắt tay và Collier ra hiệu cho họ ngồi xuống, vẫn những chiếc ghế, sô pha và bàn uống nước như vài năm về trước.

"Nào, tôi có thể làm gì cho hai vị?"

Sachs nhận trọng trách. “Ông Collier, ông rành rẽ câu chuyện về những vụ động đất ở Brooklyn chứ?”

“Tất nhiên. Rất kỳ lạ.” Ông ta cởi khuy áo vest màu xám đậm. Lá cờ Mỹ được gài vào lỗ khuyết trên ve áo ông ta đang bị ngược. “Dự đoán là ai đó đã dùng chất nổ để làm giả động đất. Không ai biết tại sao. Có lẽ là để làm cho nhà máy địa nhiệt phải đóng cửa. Đó là điều các nhà báo đang nói. Một vụ phá hoại trong ngành công nghiệp.” Thêm nhiều nếp nhăn nữa hằn lên trên gương mặt đã nhăn nheo và nhợt nhạt của ông ta; nó là những nếp nhăn tự nhiên chứ không phải do ánh Mặt Trời. Cứ như là ông ta vẫn còn đang làm việc - hay thậm chí là sống - sâu dưới lòng đất. “Và chính xác thì tại sao hai vị lại có mặt ở đây, Thanh tra? Có phải như tôi nghĩ không?”

“Bản ghi nhớ. Khiếu nại của FTC chống lại Algonquin.”

Collier đang gật đầu. “Cô biết không, những con chim bị chết ấy? Chẳng có ai giết chúng cả. Công ty tôi lại đi thuê ai đó lái xe vòng quanh và tìm những con hải âu chết ư. Cô có tưởng tượng được một nhân viên thực tập nào đấy, trong ngày đầu tiên đi làm không? ‘Cần mấy con chim đã chết, nhóc ạ.’ Mặc dù thực tế đúng là những chiếc quạt gió *đã* giết chúng. Công ty chỉ thêm vào vài con - để gây hiệu ứng thôi. Còn các vụ cháy với tấm pin Mặt Trời? Đó là một thực tế đã được nhiều người biết đến. Những bức ảnh ấy không phải là chụp chính xác những trần nhà đã sụp vì tấm pin. Nhưng thế nào là một chút lộn xộn giữa các nhà tư bản? Các vị đang nghĩ chúng tôi đã bày ra các vụ nổ để làm cho nó giống như giàn khoan đã gây ra động đất ư.”

“Có đúng vậy không? Hãng đối kháng của các ông đã nghiên cứu nó mà. Nó nằm trong bản ghi nhớ.”

“Nó nằm trong bản ghi nhớ. Nhưng nếu cô có nghe tôi nói trên truyền hình, mà tôi đoán là cô đã xem, cô sẽ nhớ lại là tôi đang *biện hộ* cho Northeast và giàn khoan địa nhiệt.”

“Đó không phải câu trả lời cho câu hỏi của tôi. Ông có đang phá hoại công trường đó không?”

“Không. Nó đã đủ là câu trả lời cho cô chưa?”

“Thế còn hãng đối kháng?”

“Đã sa thải họ từ một năm trước. Tai tiếng với công chúng không đáng để chúng tôi làm thế. Một vài con hải âu chết. Những cái chết vì lí do tự nhiên. Cô phải đọc những bức thư căm giận mà chúng tôi nhận được.”

“Việc đó,” Pulaski chen vào, “có lẽ đã dạy ông phải cẩn trọng hơn.”

“Không, anh cảnh sát, nó dạy chúng tôi phải thông minh hơn - trong cách xử lý với nguồn năng lượng thay thế. Chúng tôi không cố đẩy họ đến chỗ đóng cửa nữa.”

Ông ta lôi ra tờ quảng cáo của công ty từ trong ngăn kéo bàn làm việc và thả nó trước mặt họ. Mở ra trang đầu tiên ông ta chỉ vào một đoạn. Các công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Algonquin gồm có ba trạm điện gió ở Maine và một nhà máy sản xuất pin mặt trời.

“Chúng tôi *mua lại* họ.” Ông ta mở thêm một ngăn kéo, lấy ra một tập tài liệu pháp lý rất dày và thả nó xuống với một tiếng bộp to.

“Chúng tôi sẽ giữ bí mật chuyện này, cô không phiền chứ. Nó còn chưa được công khai.”

Sachs nhìn vào trang bìa của tài liệu.

THOẢ THUẬN MUA

TRONG ĐÓ, Algonquin Consolidated Power and Light, Inc. (“Algonquin”), mong muốn mua lại hai mươi phần trăm (20%) cổ phiếu phổ thông (“Cổ phần”) của Northeast Geo Industries, Inc. (“Northeast”), và Northeast mong muốn bán lại Cổ phần cho Algonquin,

DO ĐÓ, xem xét đến các nghĩa vụ của cả hai phía được liệt kê sau đây, hai bên đồng ý với các điều sau:

Cô không buồn lật sang trang. “Ông đang mua lại cổ phiếu của công ty ấy?”

“Dần dần, nếu nó có lợi nhuận, chúng tôi sẽ mua nốt. Nó cần phải tự chứng tỏ mình. Khai thác địa nhiệt sâu trong lòng đất - trích năng lượng từ các nguồn núi lửa - để tạo ra điện là một hoạt động có thể sinh lời. Còn khoan trên bề mặt ở quy mô lớn ư? Bồi thẩm đoàn vẫn còn chưa chấp nhận chuyện đó. Ở nhà cô có lò sưởi hay là máy bơm nhiệt tổng không?”

“Lò sưởi.”

“Đúng đắn đấy. Chỉ những người yếu đuối mới dùng máy bơm nhiệt. Địa nhiệt là một loại bơm nhiệt. Nhưng ngoài kia có cả đống

những kẻ yếu đuối đòi bảo vệ hệ sinh thái. Nên tôi hi vọng là khoản đầu tư của chúng tôi sẽ hiệu quả. Để xem."

Điện thoại của Sachs rung lên báo tin nhắn. Cô nhìn xuống.

Cô đứng dậy. Pulaski liếc sang phía cô và cũng đứng lên.

"Cảm ơn vì ông đã dành thời gian, ông Collier."

"Cô Evans sẽ dẫn hai vị ra." Ông ta không nói gì thêm, không đứng dậy. Ông ta mở một tập tài liệu và bắt đầu đọc.

Cô trợ lý xuất hiện và hộ tống họ đi xuống sảnh.

Khi họ đi vào bãi đỗ xe, ra khỏi tầm nghe của các nhân viên công ty, cảnh sát trẻ thì thầm, "Chúng ta cứ thế bỏ qua hay sao? Ông ta chỉ cho chúng ta xem một tờ hợp đồng. Có thể là ông ta chỉ in nó ra phòng khi ai đó đến hỏi về âm mưu làm động đất thôi chứ. Làm sao ta biết ông ta không phải kẻ đứng sau?"

"Vì cái này."

Sachs cho anh ta xem điện thoại của mình, tin nhắn cô vừa nhận được từ Lon Sellitto.

"Ồ. Thế à. Chúng ta có sang New Jersey không?"

"Chúng ta sẽ sang New Jersey."

CHƯƠNG 48

Đây là nơi đất gặp nước trong cảnh sắc đẹp bình dị mà choáng ngợp.

Đây là nơi đá khoác lên mình bố cục, sự lấp lánh và tương phản của nghệ thuật.

Đây là nơi mà bụi rậm và cây cối chìa ra dọc theo các mỏm đá với vẻ duyên dáng của làn khói.

Đây chính là nơi thích hợp để chết cho một người đã dành toàn tâm toàn ý cho đất mẹ.

Lúc này, thi thể của Ezekiel Shapiro, bên trong một cái cáng của sở cứu hoả, đang được kéo lên đỉnh của gờ đá cao ba mươi mét nằm trong Công viên Palisades.

Trong cái lạnh của buổi đầu tối, hơi thở từ miệng của họ tạo thành làn sương mờ. Sachs, Pulaski và một số cảnh sát bang New Jersey đang đứng nhìn đội cứu hoả và giải cứu làm việc. Họ đang đứng bên cạnh xe ô tô của Shapiro, đã được quây bằng băng dính vàng để bảo vệ.

Rốt cuộc, tự sát cũng là một tội.

Không phải cảnh sát mà chính là nhân viên bảo hiểm Edward Ackroy đã khám phá ra Shapiro đã thuê Nghi phạm 47.

Khi Ackroyd kể với Sellitto điều ông tìm được, trung uý cảnh sát đã cử ngay các xe tuần tra đến văn phòng và nhà của Shapiro

nhưng rõ ràng nhà hoạt động vì môi trường đã trông thấy họ và nhận ra các nhà chức trách đã khám phá ra mưu đồ.

Ông ta đăng một bức thư tuyệt mệnh lên mạng, lái xe đến đây và tự sát.

Shapiro đã thuê Nghi phạm 47 làm hai vụ. Vụ thứ nhất là làm đóng cửa giàn khoan địa nhiệt vì không thân thiện với môi trường. Vụ thứ hai là loại bỏ Jatin vì tội tấn công và cướp bóc. Người thợ cắt kim cương kia được cho là đang làm việc với những viên đá lấy lên từ các khu mỏ, nơi từng là nhà của người bản xứ cho đến khi họ bị xua đuổi và làm ô nhiễm làng mạc, sông ngòi. Ackroyd được biết rằng viên đá thô bị đánh cắp sẽ bị tên Bốn mươi Bảy bán đi và tiền lời đưa cho Shapiro, gã này sau đó sẽ phân chia nó cho các tổ chức bảo vệ môi trường để giúp đỡ người không may mắn.

Tôi không nghĩ mấy tay ôm cây lại dùng C4 nhiều đâu… hay là đốt trụi những toà nhà có người bên trong…

Mel Cooper đã sai.

Mặc dù vậy, thư tuyệt mệnh của Shapiro nói rõ rằng ông ta đã tính toán sai lầm. Ông ta muốn hăm doạ thành phố, đúng vậy. Những cái chết do hoả hoạn không phải ý của ông ta, mà là tác phẩm của gã điên mà ông ta đã thuê - kẻ nào đó cũng cùng chia sẻ mối hận trước sự huỷ hoại Trái Đất với ông ta, nhưng lại tự mình quyết định việc đặt các thiết bị đốt nhà để giết chóc và làm người khác bị thương.

Có lẽ chính những cái chết đó, dù là không cố ý, đã thúc đẩy ông ta tự kết liễu đời mình.

“Chào Amelia.”

Cô quay sang và thấy một viên cảnh sát cao lớn, tóc vàng trạc tuổi mình. Anh đang mặc đồng phục - quần đen với một sọc cam chạy dọc chiều dài ống quần và chiếc áo sơ mi xanh lơ cùng cà vạt. Cả găng tay và ủng cao su nữa. Ed Bolton là trung uý cảnh sát trong Đội điều tra Khám nghiệm hiện trường của Ban trọng án thuộc Sở cảnh sát New Jersey. Lúc này anh đang lột các phụ kiện màu xanh hoa ngô ra và nhét chúng vào túi quần.

Thật nhẹ cả lòng khi biết Bolton là người làm hiện trường. Anh hẳn đã làm việc tỉ mỉ không kém gì cô tự làm.

Cô giới thiệu anh với Pulaski, anh này hỏi, “Làm thế nào các anh phát hiện ra nó?”

“Cảnh sát tuần tra trông thấy cái xe ở đây và cho chạy biển số. Đã có một bản tin trên toàn khu vực này sau khi các anh phát hiện ra ông ta đứng sau những vụ động đất và giết người ngày thứ Bảy và Chủ nhật.”

“Nhận diện chính xác chứ? Đó là Shapiro à?”

“Ừ. Một trong những người ở đội tác chiến của chúng tôi đã xuống tận nơi. Kiểm tra tại chỗ. Đúng là ông ta. Dấu vân tay vẫn còn lưu trong hồ sơ sau một lần bị bắt tại cuộc biểu tình phản đối mấy năm trước. Điên thật đấy, lại còn giả cả động đất.”

Cô hỏi, “Vậy hiện trường trông như thế nào?”

“Không có gì ám chỉ nguyên nhân khác ngoài tự tử. Không nhân chứng. Và ông ta lái xe lên đây từ thành phố nên không qua trạm thu phí nào.”

Tất cả cầu và đường hầm đi vào New Jersey đều được miễn phí. Không có đoạn video nào ở trạm phí ghi lại cảnh có ai đó khác lái xe của Shapiro, chẳng hạn như trong lúc nhét ông ta vào cốp. Tất nhiên việc ấy cũng khó xảy ra. Không một ai có động cơ giết ông ta - cô cho là chỉ trừ có Nghi phạm 47, nếu hắn quyết định giữ những viên kim cương cho riêng mình. Nhưng kể cả khi ấy, tại sao phải giết Shapiro, sao không mang kim cương đi và quay lại nước Nga?

Và nếu hắn thực sự muốn giết Shapiro, hắn sẽ không cần phải dựng cảnh. Hắn chỉ cần đơn giản bắn chết ông ta, ở thời gian và địa điểm thuận tiện cho hắn. Người Nga rất thông minh nhưng rõ ràng là không quan tâm đến sự khác biệt.

Sachs hỏi, “Vật chứng đã gửi đến Hamilton à?”

Trụ sở phòng khám nghiệm hiện trường của cảnh sát bang.

“Đúng vậy. Chúng tôi sẽ gửi bản sao cho cô ngay khi có thể, cả báo cáo khám nghiệm tử thi nữa.”

Sachs và Pulaski nhìn chiếc cáng chứa thi thể chạm đỉnh gờ đá. Hai lính cứu hỏa lực lưỡng, một nam một nữ kéo nó lại gần hơn, tháo sợi dây và mang cái xác tới một chiếc xe cứu thương đang chờ sẵn.

Phong cảnh Manhattan nhìn từ đây rất tráng lệ khi tiết trời trong trẻo. Lúc này, làn sương mù đã khiến cho thành phố như chốn phản địa đàng. Không có nhiều ánh sáng chiếu xuyên qua được màn sương xám, mặc dù bạn vẫn nhìn thấy viền các tòa nhà lớn nhỏ. Cảm giác như một thành phố ma vậy.

“Hãy chạy qua nhà ông ta,” Sachs nói, “xem chúng ta tìm được gì.”

CHƯƠNG 49

Văn phòng công tố viên Hoa Kỳ im ắng.

Đầu giờ tối, một ngày trong tuần là một trong những thời khắc mà Henry Bishop yêu thích. Hầu hết các khu vực khác trong tòa nhà đã vắng vẻ, đa số nhân viên hỗ trợ đã ra về.

Nhưng những ai còn ở lại là người trung thành và siêng năng, tập trung một cách mù quáng.

Đúng kiểu người mà vị công tố viên gầy gò và có phần cứng ngắc cảm mến.

Nơi này mang lại sự an ủi mà căn hộ ở Thượng Tây của anh ta không tài nào có được. Anh đã sống một mình ở căn hộ đó suốt mười ba tháng rưỡi qua.

Bishop nhìn ra bầu trời đen kịt, và trong đầu anh ta là cả tá - không, phải đến hai tá - vấn đề về vụ El Halcón. Tất cả các vụ án đều quan trọng nhưng vụ này thì quan trọng hơn các vụ gần đây. Tội ác mà gã người Mexico đã phạm - tấn công các đặc vụ liên bang và cảnh sát địa phương - rất kinh khủng. Nhưng cái tội mà hắn sẽ phạm phải - nếu được tự do tiếp tục mở rộng hoạt động của mình sang Hoa Kỳ - đòi hỏi hắn phải bị chặn đứng ngay lập tức.

Trong ngành này có một câu châm ngôn là bạn không thể phạt ai đó vì các tội lỗi trong tương lai được. Nhưng Hank Bishop cảm thấy có một con đường để bạn làm việc đó: Kết án kẻ đó vì tội ác hiện tại,

nhốt hắn trong tù càng lâu càng tốt, và bạn sẽ "giải quyết" được bất kể một tội ác nào trong tương lai mà kẻ đó có khả năng phạm phải.

Bishop sẽ đảm bảo gã El Halcón kia bị cầm chân trong một thời gian rất, rất dài. Anh ta sẽ trì hoãn hoạt động chuyển mình sang Mỹ của gã Mexico một thời gian đáng kể, hạn chế rất nhiều cơn lũ ma túy đang tràn vào đất nước này. Và cũng sẽ giảm được những cái chết của lực lượng hành pháp, những vụ giết người vô tội, nạn mại dâm trẻ vị thành niên, buôn bán vũ khí và rửa tiền. Tất cả những nhánh con đi kèm trong đế chế của El Halcón.

Nghĩ đến mục tiêu của mình, Bishop lại vấp phải suy nghĩ về một điểm tiếc nuối trong toàn bộ quá trình tố tụng: anh ta vẫn không thể biết danh tính kẻ cấu kết với El Halcón ở Mỹ, gã đàn ông sẽ điều hành hoạt động sau khi người Mexico trở về. Chủ nhân đích thực của nhà kho kia (Chris Cody, kẻ bị giết trong vụ bắn nhau chỉ là kẻ ngụy trang bên ngoài, Bishop biết như vậy).

Henry Bishop muốn cả gã đồng phạm này biết bao.

Nhưng ít nhất bỏ tù được El Halcón cũng đã làm chậm lại sự bành trướng của tập đoàn tội phạm Mexico vào nước Mỹ.

Một tiếng gõ vang lên ở cửa phòng.

Đặc vụ Fallow đứng ở đó.

"Mời vào."

Người đàn ông bước vào căn phòng và ngồi cứng đơ trên trên chiếc ghế đối diện bàn làm việc lớn của Bishop, bên trên chất đống cả trăm tập tài liệu.

"Và?"

Fallow mở tập tài liệu của mình ra và đọc vài ghi chú. “Tôi nghĩ chúng ta ổn. Chúng ta có một người chỉ điểm ở Mexico City. Anh ta biết một người trong đội tùy tùng của Carreras-López hiện đang ở đây.”

Bishop rất thích các nguồn tin bí mật - những kẻ chỉ điểm. Bọn họ hoặc quá nhát gan hoặc vô lương tâm. Một trong hai đã đủ để khiến nguồn tin là vô giá.

Đặc vụ nói tiếp, “Đúng là Lincoln Rhyme đã được thuê để phân tích các bằng chứng và tìm ra những chỗ khuất tất. Khoản tiền rút từ Chase? Đó là khoản trả trước hiện đang nằm trong tay Rhyme. Và một món hậu - nửa triệu, nếu anh ta cho ra kết quả? Nó sẽ được chuyển vào tài khoản. Ông ta đã có ngân hàng và số tài khoản của Rhyme. Ồ, và anh ta sẽ có hai trăm năm mươi ngàn, kể cả nếu không tìm ra vấn đề gì với vụ án của chúng ta.” Đặc vụ nhún vai. “Nhưng không có việc gì anh ta làm là bất hợp pháp. Tôi đã cố tìm xung đột lợi ích ở đây nhưng anh ta chưa từng có bất kỳ mối liên hệ nào với ai bên công tố cũng như các đặc vụ liên quan. Không có gì hết.”

Bishop cười mỉa. “Và anh ta nghĩ mình sẽ tìm được gì? Chúng ta đã cực kỳ kín kẽ, đúng chưa? Hoàn toàn kín kẽ.”

Fallow không nói gì mà chỉ gật đầu.

“Tại sao Rhyme lại chơi xấu với chúng ta nhỉ? Chẳng lẽ anh ta không biết El Halcón đại diện cho những thứ quỷ quái gì sao?”

Được rồi, nói thế có hơi thái quá. Nhưng Bishop vẫn thường thuyết giảng với mọi người - và với chính mình - cứ như anh ta đang

nói lời cuối trước bồi thẩm đoàn vậy.

“Bước tiếp theo, thưa ngài?”

“Anh đã tìm được tay cảnh sát đột nhập vào văn phòng PERT chưa?”

“Rồi. Anh ta là Ronald Pulaski. Chính xác thì anh ta là nhân sự của bên Đội Tuần tra nhưng nhìn chung thường làm các vụ Trọng án. Chưa từng bị kỷ luật. Được biểu dương vì lòng dũng cảm.”

Trong các trường hợp khác, Henry Bishop sẽ cảm thấy day dứt ít nhiều khi phải cho một cảnh sát đã từng có huân chương vào tù. Nhưng việc Pulaski hợp tác với Rhyme là một vi phạm rõ ràng - và lại còn ngu ngốc. Đáng lẽ anh ta phải hiểu biết hơn. Hơn nữa, Pulaski là đàn ông - và chắc là dân da trắng. Huỷ hoại sự nghiệp của một người như vậy thì an toàn hơn.

“Có gửi trát cho Pulaski không?” Fallow hỏi. “Chúng ta cần làm thật mạnh tay với họ, tôi nghĩ vậy. Dập triệt để.”

Dập triệt để? Một cách chọn từ kỳ lạ. Nhưng về nguyên tắc thì Bishop đồng tình.

Đặc vụ nói tiếp, “Tội cản trở. Cấu kết.”

“Ăn trộm tài liệu của chính phủ nữa.”

“Tốt lắm.”

“Chắc cũng có vài nguyên tắc bí mật và nghi thức của NYPD mà anh ta đã bỏ qua. Nhưng đó không phải vấn đề của chúng ta. Chúng ta sẽ để ban Kiểm soát nội bộ của họ xử lý việc đó. Tôi sẽ cho anh ta vào nhà tù liên bang. Tiểu bang có thể làm gì họ muốn với anh ta

sau khi anh ta ra tù. Trong mười năm nữa. Gửi cáo buộc đi - Pulaski. Tóm anh ta sớm nhất có thể."

Trước khi anh ta và Rhyme tìm ra những *điểm khuất tất* mà họ đã được thuê để săn lùng.

Fallow hỏi, "Anh định cứ để mặc cho Rhyme…" Rõ ràng Fallow định nói từ "bước qua," nhưng anh ta đã đổi ý. "Để anh ta thoát à?"

"Không. Chúng ta sẽ buộc anh ta tội tiếp nhận các hồ sơ bị đánh cắp của chính phủ. Có cơ sở nào nhận anh ta được không?"

"Phòng y tế bị cách ly trong trại cải huấn."

"Tốt lắm."

"Anh ta có một người chăm sóc."

"Một cái gì cơ?"

"Trợ tá. Ai đó chăm lo cho anh ta."

Bishop cau có. "Người đó sẽ không vào tù cùng anh ta. Sẽ có hộ lý hay y tá nào đó làm được việc họ phải làm chứ."

Fallow nói, "Tôi sẽ báo cho phòng y tế biết."

Bishop nhìn ra ngoài cửa sổ. "Còn một điều nữa. Tôi sẽ đảm bảo chắc chắn để mọi cơ quan hành pháp trên cả nước biết việc Rhyme đã làm. Anh ta sẽ không bao giờ còn làm cố vấn cho ai được nữa. Tôi hi vọng anh ta đã có một kế hoạch hưu trí tử tế. Sau khi ra tù, anh ta sẽ dành phần đời còn lại ngồi ở nhà mà theo dõi phim truyền hình dài tập."

IV
CỌ XÁT

Thứ Ba, ngày 16 tháng Ba

CHƯƠNG 50

“Em nghĩ chúng ta đã có tất cả,” Sachs nói. Rhyme đẩy xe lại gần chỗ cô trong phòng khách nhà anh.

Cô giải thích với anh, Ackroyd và Sellitto về các bằng chứng mà họ khám phá được, rồi thêm vào các phân tích của cô và Cooper.

“Chỗ đội bảo vệ môi trường - Một Trái Đất ấy? Không tìm được gì ở đó, ngoài một số manh mối kết nối Shapiro với chỗ ấy, nhưng ông ta là giám đốc, tất nhiên ông ta phải ở đó hàng ngày. Báo cáo phân tích hiện trường của Sở cảnh sát bang New Jersey tại địa điểm tự sát ở Palisades cũng không phát hiện được gì về người Nga hay các quả bom ga. Mặc dù vậy, trên xe ô tô của Shapiro, chúng tôi tìm được dấu vết của kimberlite.”

Rhyme nói, “Điều đó kết nối Shapiro với công trường khoan địa nhiệt hoặc Nghi phạm 47 hoặc cả hai.”

“Đúng vậy,” Sellitto nói và thêm vào rằng khám phá này hỗ trợ điều họ đã dự đoán nhưng lại không cho biết được thông tin gì mới.

Sachs nói tiếp, kể cho những người hiện diện nghe rằng việc lục soát căn hộ nhỏ của Shapiro ở thượng Manhattan, nơi ông ta sống một mình, cũng không đưa lại đầu mối nào. Nhưng họ rút ra được vài lời giải thích.

Ở bên dưới một cái đệm, cô phát hiện ra tấm bản đồ công trường địa nhiệt, với vị trí Khu vực Bảy được khoanh tròn, năm trăm

ngàn đồng rúp của Nga - khoảng tám tám ngàn năm trăm đô-la Mỹ, chắc là khoản thưởng cho Nghi phạm 47 khi công việc hoàn thành - và hai chiếc điện thoại ẩn danh, hiện tại đã không còn hoạt động. Lịch sử cuộc gọi của chúng đã bị xoá.

“Tôi đã lấy dấu vân tay trên hai điện thoại - không có kết quả gì - và gửi chúng tới chỗ Rodney. Chúng ta sẽ xem các thiên tài máy tính có lấy được thông tin gì không. Còn gã ông ta đã thuê? Người Nga? Chắc chắn hắn là lính đánh thuê. Nhưng tôi cá là hắn cũng cùng chung tư tưởng. Cứu Trái Đất, đòi lại công lý bởi những thiệt hại chúng ta đã gây ra. Hắn chỉ làm thêm vài việc cho Shapiro: các vụ tra tấn, những quả bom trên ống ga.”

Sachs nói thêm cô đã phát hiện nhiều bằng chứng dấu vết trong căn hộ của Shapiro, một số trong đó cho thấy nhà hoạt động môi trường đã có mặt ở nhiều nơi khác nhau quanh khu vực trung tâm: mẫu khoáng chất và đất cát và dầu diesel và vật liệu từ cây cối. Có thể chúng đã bị mang vào căn hộ của Shapiro theo vết giày của Nghi phạm 47, nhưng nếu không có thêm bằng chứng nào để khoanh vùng nhỏ hơn các vị trí ấy, chúng cũng chẳng giúp được gì cho họ trong việc tìm ra hắn.

Rhyme để ý thấy Sachs đang nhìn vào biểu đồ, trên đó cô đã ghi lại các phát hiện của họ. Khuôn mặt cô có vẻ bâng khuâng. Cô quay lại và thấy ánh mắt anh. Cô nói, “Thật đáng buồn, anh biết đấy.”

“Buồn ư?” Sellitto lẩm bẩm. “Thằng khốn ấy đã giết cả mấy mạng người đấy.”

“Ồ, tôi biết. Ông ta đã quá sốt sắng, lầm đường lạc lối. Nhưng anh phải thấy căn hộ của ông ta.” Cô giải thích rằng trong nhà chất

đầy cả ngàn cuốn sách, phần lớn là về môi trường. Có hàng chục tấm poster phản đối và các bức ảnh ông ta đã dán lên các mặt tường tróc lở: chụp Shapiro và đồng đội bị bỏ tù hay bị bắt - có lần còn bị xịt hơi cay - hậu quả của các đợt biểu tình khác nhau. Cô tưởng tượng ông ta đã treo chúng lên với niềm tự hào và rất yêu thích những kỷ niệm ấy.

“Nó giống như một điện thờ với lý tưởng của ông ta vậy. Ông ta đã làm nhiều việc tốt. Tính tới lúc này.”

Tất nhiên, giết người vẫn là giết người.

Rhyme để ý thấy Sachs đã chụp một bức ảnh khác trong căn hộ của Shapiro: một chiếc bình đựng tro bằng sứ màu đen và vàng, bên trên là một tấm thẻ bằng đồng. Nó chứa tro cốt của vợ ông ta. Ông ta đã chú thích lên đó. Sachs nói, “Em đã tìm kiếm thông tin về bà ấy. Bà ấy chết vì bệnh ung thư, có thể là do một vụ tràn chất thải độc hại từ hồi bà còn niên thiếu.”

Lúc này, Rhyme quay đi và di chuyển đến chỗ chuyên gia bảo hiểm, Edward Ackroyd, người hùng của giây phút hiện tại - bởi chính ông ta là người đóng vai trò then chốt trong việc phá vụ án này. Ông ta đang cố liên lạc lại với người bán kim cương ở Manhattan, người đã hé lộ tên Ezekiel Shapiro. Nhà hoạt động môi trường đã gọi đến chỗ người bán kim cương để hỏi về nguồn cung cấp viên thô cho Jatin Patel. Có đúng là ông ta đã mua kim cương từ các khu mỏ đàn áp người bản địa không?

Ackroyd đã hi vọng là người bán lẻ có thêm thông tin gì - thậm chí là một đầu mối về người Nga mà Shapiro đã thuê.

Rhyme nhìn mãi ra ngoài cửa sổ. Một cơn bão tuyết nhẹ trong đêm đã bao phủ đám rau trồng trước dinh thự nhà anh. Anh tự hỏi những tinh thể băng sắc lạnh kia có giết chết đám cây không, hay là chúng chẳng có tác dụng gì ngoài việc nhất thời bao bọc lấy lá và nụ trong một cái kén trong suốt. Chiếc kén sẽ hắt ra ánh sáng cầu vồng, như kim cương, dưới ánh Mặt Trời.

Ackroyd vừa cúp máy điện thoại. “Được rồi. Tôi đã gọi được cho người bán lẻ. Ông ta vẫn còn hoảng hốt nhưng tôi nghĩ là ông ta thấy mặc cảm - vì Patel đã bị giết sau khi ông ta kể cho Shapiro nghe về ông ấy. Tôi sẽ đi nói chuyện với quý ông này.”

Rhyme nhìn người đàn ông mặc áo khoác vào bằng những động tác chính xác.

Ackroyd nói thêm, “Hãy cùng vòng ngón tay cầu nguyện nào.”

Giọng ông ngập ngừng khi liếc sang chỗ Rhyme, như đột nhiên nhớ ra rằng Lincold Rhyme đâu phải là người có thể vòng bất kỳ ngón tay nào.

Mắt họ chạm nhau và cả hai cùng cười.

Từ một điểm nhìn lợi thế trong một bụi cây bốc mùi chua lòm ở Central Park - rõ ràng nơi đó rất nổi tiếng với lũ chó thành phố - Vladimir Rostov theo dõi người đàn ông có thể hình trung bình, mái tóc vàng cát trong chiếc áo choàng màu be đang bước ra khỏi dinh thự mà hắn vừa tìm hiểu được là của một người tên Lincoln Rhyme. Người đàn ông kéo sát chiếc áo choàng quanh người, chống lại cái lạnh.

Lạnh, lạnh ư? Ha. Thế này đã là gì, *kuritsa.* Mời đến Moscow vào tháng Một.

Ông ta bước xuống một lối đi dành cho người tàn tật rồi đi lên vỉa hè trong lúc tránh vài vũng băng. Ông ta rẽ lên hướng bắc và băng qua phố bên kia, rồi rẽ hướng tây, đi khỏi công viên.

Rostov rẽ bụi cây ra và nhanh chóng bước theo ông ta, đi qua giữa hai chiếc taxi. Vừa thu hẹp khoảng cách, Rostov vừa cúi đầu xuống. Bạn phải giả sử là CCTV có mặt ở mọi nơi và được tích hợp các ống kính độ phân giải cao. Hắn cũng cho là vài cái có chạy phần mềm nhận diện khuôn mặt, mặc dù theo chỗ hắn được biết thì mặt hắn không có trong bất kỳ một cơ sở dữ liệu nào. Ít nhất là không có ở Hoa Kỳ.

A, *kuritsa,* chậm lại nào, chậm lại. Mày đang đi quá nhanh so với một con gà mái đĩ điếm.

Tâm trạng của Rostov đã cải thiện và hắn đã vượt qua cơn giận dữ trước bước lùi mới nhất - ở nhà Adeela, đứa con gái Ả-rập tóc đen. Mọi chuyện còn tệ hơn, trong lúc hắn bỏ chạy và cảnh sát đang tới, hắn đã thoáng trông thấy chính thằng nhóc Vimal trong gara! Nó *đang ở* trong nhà đó. Và giờ thì nó đã được bảo vệ với tư cách là một nhân chứng.

Lúc ấy thì giận thật, nhưng giờ thì khá hơn rồi.

Tập trung vào nhiệm vụ trước mắt hắn.

Phải, Người hứa hẹn có một kế hoạch dự phòng thứ hai, *kuritsa!* Mày không biết sao?

Rostov trông thấy người đàn ông mà hắn đang lần theo tiếp cận một chiếc Ford màu xám và bấm vào nút điều khiển. Đèn khẽ nhá lên. Rostov chỉ còn cách ông ta sáu mét và hắn tăng tốc, đầu vẫn cúi. Khi ông ta kéo mở cánh cửa bên ghế lái và thả người vào ghế, Rostov cũng làm việc tương tự bên ghế cho khách.

“Kuritsa!”

Người tài xế giật mình lùi lại kinh ngạc, mắt chớp chớp. Rồi ông ta và Rostov nhìn nhau.

Người Nga mỉm cười. Và giơ một bàn tay ra. Người lái xe lắc đầu với nụ cười nhăn nhở, nắm lấy lòng bàn tay dày thịt của Rostov và dùng tay trái ấn vào bắp tay hắn, một cử chỉ truyền tải sự nồng ấm dè dặt. Nó là một dạng chào hỏi có thể diễn ra giữa hai người lính trước kia từng là kẻ thù - và trong tương lai vẫn có thể - nhưng ít nhất ngay lúc này, họ là các đồng minh chung chí hướng.

CHƯƠNG 51

“Sao, *kuritsa,* tôi gọi ông là gì đây? Tên gì? Chắc chắn không phải ông Andrew Krueger chứ?”

“Dùng tên thật của tôi ư? Nào, anh nghĩ sao, Vladimir? Không, tôi là Edward Ackroyd.”

“Phải, phải, tôi thích thế. Thằng khốn xuất sắc. Có phải người thật không?”

Krueger không giải thích rằng danh tính mà lão đã ăn cắp, Edward Ackroyd, đích thực là một nhân viên của Milbank Assurance - công ty nhận bảo hiểm cho hàng trăm viên kim cương, những mỏ kim loại quý và các nhà bán buôn. Như lão đã kể với Rhyme, Ackroyd là cựu thanh tra của Scotland Yard và hiện đang làm thám tử điều tra khiếu nại cấp cao ở Milbank. Ngoài chuyện đó ra, Krueger không biết gì về Ackroyd thật; lão đã bịa ra tất cả mọi chuyện, như là về xu hướng tình dục của nhân vật: Lão đã sắm vai đồng tính tưởng tượng của mình - một lựa chọn nhân cách cố tình để len lỏi qua rào phòng ngự của Rhyme một cách tinh vi; anh chàng cố vấn có vẻ như kiểu người đề cao giá trị sự chịu đựng. (Krueger đã kể với cộng sự trong công ty mình, Terrance DeVoer, người đàn ông thẳng nhất mà bạn có thể gặp, rằng giờ đây Terry và Krueger đã là vợ chồng - gã Nam Phi chết cười vì chuyện này.)

Những câu đố ô chữ mật mã - một thú vui của Krueger - cũng là để lấy lòng nhà tội phạm học. Nhiều khách hàng của Krueger là

người Anh nên lão có thể dễ dàng đóng giả thành một người Anh.

Trên ghế lái xe trong chiếc xe thuê, Krueger lùi lại một chút khỏi người Nga. Rostov có mùi thuốc lá cay, hành tây và quá nhiều nước hoa sau cạo râu rẻ tiền. “Còn anh? Anh cũng không phải Vladimir Rostov, tôi cho là vậy.”

“Không, không.” Người Nga cười lớn. “Quá nhiều tên tuổi chết tiệt trong tuần vừa rồi… Giờ tôi là Alexander Petrovich. Tôi đã là Josef Dobyns khi hạ cánh. Giờ là Petrovich. Tôi thích tên đó hơn. Dobyns nghe như Do Thái. Ông có thích Alexander không? Tôi thích. Đó là cái hộ chiếu duy nhất mà thằng khốn ở bãi biển Brighton có. Chém tôi cả đống tiền. Tôi thích bãi biển Brighton. Ông tới đó bao giờ chưa?”

Trong giới an ninh của ngành kim cương, Rostov được biết đến như một gã hoang dại, và cũng hơi điên điên. Vụ lảm nhảm này là điển hình.

“Anh biết đấy, Via…”

“Alexander.”

“.. .Tôi không đến đây để thăm quan.”

“Ha, không, chúng ta không phải khách du lịch, ông và tôi.”

Krueger đã cảm thấy thoải mái hơn. Lão đã vượt qua cơn sốc của việc bị Rostov lén lút theo dõi, mặc dù lão đã biết chẳng sớm thì muộn hắn cũng xuất hiện. Lão cũng thấy dễ chịu hơn vì không phải dùng đến giọng Anh nữa. Việc đó mỗi lúc mỗi mệt mỏi. Thực ra, lão là người Nam Phi, và tông giọng tự nhiên của lão là của một người Châu Phi nói tiếng Anh. Lão đã phải hết sức cẩn thận mỗi lần nói

chuyện với Lincoln Rhyme, Amelia Sachs và những người khác, vật lộn để giữ đúng giọng Anh trịch thượng.

Hết lớp mặt nạ này đến lớp mặt nạ khác… tuần vừa qua thật đáng nhớ.

Chính Andrew Krueger mới là thủ phạm thật sự chứ không phải Vladimir Rostov, kẻ mà cảnh sát đặt biệt danh Nghi phạm 47: lão là người đã giết chết Jatin Patel và Saul Weintraub, cũng là kẻ đã lươn lẹo len được vào cuộc điều tra của cảnh sát dưới danh nghĩa Edward Ackroyd.

Krueger đã chết điếng khi "Người hứa hẹn" xuất hiện, nhái lại vai diễn của Krueger, từ mặt nạ trượt tuyết, găng tay cho đến con dao rọc giấy. Không mất nhiều thời gian, lão đã nhận ra kẻ đó có thể là Rostov. Hắn, hoặc ông chủ của hắn ở Moscow chắc đã bẻ khoá máy tính, điện thoại của Krueger và thu lấy những thông tin thời gian thực từ tiến trình của người Nam Phi trong lúc lão liên lạc với công ty và ông chủ của chính mình về nhiệm vụ này. Rostov biết mọi thứ về các tội ác của Krueger trước cả khi cảnh sát biết.

Krueger đã đổi điện thoại và cài đặt các máy chủ mới, nhưng rốt cuộc lại gửi một tin nhắn trên chiếc điện thoại mà lão biết là đã bị bẻ khoá. "Rostov. Liên lạc với tôi." Mặc dù lão chờ một cuộc gọi, chứ không phải là chính người thật thình lình xuất hiện trên ghế trước, trong xe mình. Người Nga đã biết lão đang ở đâu và theo dõi lão đến tận đây.

Krueger khởi động xe. "Hãy nói chuyện ở một nơi nào đó. Tránh tầm nhìn. Chúng ta có một vấn đề, Vlad ạ, và cần phải xử lý."

“Đúng, đúng. Chúng ta đến nhà hàng nào được không? Và nhớ nhé. *Nyet** “Vladimir”. Tôi là Alexander. Alexander Đại đế!”

Tiếng Nga, nghĩa là “không”

Nửa tiếng sau, hai người đàn ông đã có mặt ở một nhà hàng tại Harlem.

Andrew Krueger không rành rẽ New York lắm. Lão mới tới thành phố được một tuần, để tiến hành kế hoạch. Nhưng lão tin rằng Harlem phần lớn là người da đen và giai cấp lao động, nên sẽ ít có khả năng chạm mặt ai đó liên quan đến cuộc điều tra của cảnh sát ở một nơi như thế này. Krueger hơi ngạc nhiên khi thấy nhà hàng khiêm tốn này lại có đầy khách da trắng - phần đông là dân hipster - cũng nhiều như da màu.

Cũng khá dễ chịu.

Nhưng đó là thiên đường với Vladimir Rostov. Hắn yêu thịt nướng chuẩn Martha. Krueger chỉ uống Sprite. Lão đã giả vờ yêu thích loại rượu scotch đơn cất để chen sâu hơn vào thế giới của Rhyme và Amelia. Thực tế, lão ít khi uống rượu, đa số chỉ có rượu vang đỏ Pinotage, loại đặc sản quê hương lão.

Người Nga đã gọi đến ly whisky ngô thứ hai. Hắn lên cơn ho. “Thuốc lá chết tiệt.” Hắn giơ cốc của mình lên. “Cái này có ích. Tốt cho ông.”

Krueger biết Rostov đã làm việc trong các mỏ kim cương ở Siberia từ hồi còn trẻ. Không, cặp lá phổi tả tơi của hắn chẳng phải là do thuốc lá gây ra, không hoàn toàn.

Krueger và người Nga đã chạm mặt nhau, và đối đầu từ nhiều năm nay và Krueger biết quá rõ gã người Nga là một kẻ huênh hoang, một con sâu rượu (dù hắn ghét quốc tửu vodka của mình). Và còn là kẻ nghiện đồ ăn nữa. Hiện giờ hắn đang hào hứng tấn công những món ăn hắn đã gọi: sườn non nguyên tảng, dễ phải đến cả cân thịt, cùng với hàng đống món ăn truyền thống của người Mỹ-Phi.

Krueger thì gẩy gót món salad lão đã gọi. Lão đang trong cơn khủng hoảng và chẳng hề đói chút nào.

Lão để ý thấy mắt Rostov đã lần theo cặp mông của cô hầu bàn. Cô ta cao ráo, chắc nịch với nước da mang màu bánh mỳ nướng giòn hoàn hảo. Lão biết người Nga là một tay phàm phu tục tử trong mọi khía cạnh.

“Anh đã gọi tôi là gì đấy?”

“Gọi ông?”

“Khi vào trong xe ấy?”

Rostov cười phá lên - rất to. “Tôi bảo là *‘kuritsa’.* Chú *kuritsa* nhỏ của tôi. Nó là gà mái. Một con chim. Với tôi ai cũng là *kuritsa* hà! Thậm chí tôi cũng là *kuritsa* của ai đó. Tôi yêu ông, ông biết đấy Andrew. Ông là anh, là cha mẹ của tôi!”

Mắt đảo khắp nhà hàng, Krueger thở dài. “Như họ vẫn nói ở đây, hạ giọng xuống một nấc đi.”

“Ha! Vâng, vâng.” Rostov dùng hàm răng vàng khè xé thịt từ miếng sườn và nhai ngồm ngoàm. Một nụ cười đáng sợ nở trên mặt hắn. “Đầu tiên!” Hắn chạm cốc vào cốc Krueger. “Uống vì ông, bạn

tôi. Vì ông. Ông là một thiên tài. Cái kế hoạch vĩ đại chết tiệt mà ông đã nghĩ ra ấy! Thiên tài.”

Môi Krueger mím lại. “Chỉ có điều nó không diễn ra như cách tôi hi vọng.”

Chúng ta có một vấn đề…

“Vậy là,” Rostov hỏi bằng giọng nhỏ hơn, “ông đang làm cho Nuevo Mundo - Mỏ Tân thế giới - Thành phố Guatemala.”

Hắn biết được điều này từ vụ bẻ khoá… Lũ người Nga chết tiệt.

Krueger nói, “Đúng. Khách hàng mới. Trước đây chưa từng làm việc với họ. Anh biết họ à?”

“Tôi có nghe nói, có, có.”

“Và đương nhiên anh ở đây vì Dobprom nhỉ?”

Đó là một công ty độc quyền khai thác mỏ kim cương gần-như-của-nhà-nước của Nga đặt trụ sở tại Moscow. *Dobychy:* khai mỏ. *Promyshlenmost:* ngành công nghiệp. Nó là nhà khai thác và phân phối kim cương lớn nhất trên thế giới. Rostov là người giải quyết sự vụ cho họ thường xuyên.

“Thì tôi còn làm cho thằng chết tiệt nào được? Nhìn vào chỗ quần áo mắc dịch của tôi, cái bụng béo vì ăn lắm đồ ăn rẻ tiền này. Nói xem, *kuritsa.* Tân Thế giới trả trước cho ông không?”

“Tất nhiên. Một nửa.”

“Ặc. Với tôi, không bao giờ!” Hắn nháy mắt và xúc một miệng đầy thịt sườn bằng một ngụm whisky ngô.

Krueger thở dài.

“Kế hoạch vĩ đại chết tiệt.” - và tình huống làm hai gã đàn ông vô tình vấp phải nhau ở New York này - đã bắt đầu từ vài tuần trước, nhờ một sự kiện kỳ lạ.

Một nhà thầu - đúng ra là một tay súng đánh thuê - làm việc cho Mỏ Tân Thế giới đã liên lạc với Krueger và thông báo rằng một nghệ nhân kim cương nổi tiếng ở Manhattan là Jatin Patel đã sở hữu vài viên kimberlite, do Northeast Geo Industries đào được trong công trường địa nhiệt của họ ở Brooklyn. Phân tích cho thấy các viên đá rất giàu hàm lượng kim cương, với một viên thô chất lượng cao. Nào, chắc chắn việc tìm thấy kimberlite đã là một sự kiện quái lạ - serpentinite, một loại đá họ hàng, rất phổ biến ở New York, nhưng người anh em có mang kim cương của nó thì không.

Nhưng nếu mạch ngầm đủ lớn và chất lượng tốt như thông tin ban đầu, và người chủ đất biết được khám phá này, chắc ông ta sẽ nhượng quyền khai thác khoáng sản cho một công ty khai khoáng Mỹ. Sản phẩm của nó có thể làm giảm giá kim cương trên toàn thế giới. Tệ hơn nữa, một cái mỏ kim cương ở Mỹ sẽ có lợi thế tiếp thị to lớn hơn so với các mỏ nước ngoài. Tại sao người tiêu dùng lại phải mua bán những viên kim cương có khả năng thuộc về thế giới thứ ba, trong khi mỏ ở Mỹ thì chẳng có gì phải nghi ngại về mặt đạo đức? Điều này có thể trở thành thảm hoạ cho các mỏ ở nước ngoài; Hoa Kỳ chiếm đến hơn một nửa lượng mua lẻ kim cương trên thế giới, giá trị khoảng bốn mươi tỉ đô la mỗi năm.

Khi ấy nhà thầu đã gợi ý là Tân thế giới sẽ trả cho công ty của Andrew Krueger một triệu đô la để họ làm việc chuyên môn của mình: “điều chỉnh làm giảm sản lượng đầu ra”.

Nói cách khác là: phá hoại, đe doạ và đưa hối lộ, thi thoảng tệ hơn nữa, là đảm bảo rằng khám phá về các loại kim loại quý, uranium và những loại quặng hay đá quý khác sẽ không bao giờ trông thấy ánh sáng. Ngành kim cương vốn đã có một lịch sử lâu dài - và đẫm máu - trong việc kìm nén sản xuất và cạnh tranh.

Kế hoạch cụ thể mà nhà thầu kia nghĩ ra rất tuyệt: Krueger chỉ phải giết Patel, sau khi đã tra khảo được tên của tất cả những người biết về việc phát hiện kimberlite kia. Và giết luôn những cá nhân đó. Lão đã hối lộ được một công nhân của Northeast Geo giúp lão tiếp cận công trường, nơi lão có thể thu thập và tống khứ càng nhiều kimberlite càng tốt. Rồi lão sẽ thả các cục chất nổ xuống hố khoan và bịt chúng bằng vữa, và đặt bom trên những đường ống ga ở các toà nhà gần đó. Mỗi cục C4 được hẹn giờ để phát nổ chỉ ngay trước khi một đường ống ga nổ. Việc này sẽ nhái lại một vụ động đất và đám cháy kèm theo.

Thành phố sẽ đóng cửa công trường do lo ngại sẽ có thêm động đất. Điều đó sẽ đặt dấu chấm hết cho việc đào bới kimberlite.

Lão đã lắp đặt các thiết bị đâu vào đấy rồi quay sang loại bỏ tất cả những người biết về chỗ kimberlite ấy.

Dưới lưỡi dao của Krueger, Jatin Patel đã phải khai tên Saul Weintraub. Nhưng Patel đã thề là không còn ai khác biết về kimberlite. Mặc dù vậy sau khi lão già chết, lại có một chàng trai trẻ bước vào cửa hàng - Vimal Lahori, hoá ra vậy. Rõ ràng cậu ta là một nhân viên, vì cậu biết mã mở cửa. Krueger đã bắn cậu nhưng cậu trốn thoát. Và rõ ràng là cậu ta biết về kimberlite, bởi vì viên đạn đã bắn trúng một cái túi có chứa chúng.

Biết rằng cậu thanh niên kia sẽ gọi 911 bất kỳ lúc nào, Krueger đã cố nghĩ xem phải làm gì. Lão không có thời gian lục lọi toàn bộ giấy tờ của Patel để biết danh tính cậu ta - một cuộc kiểm tra nhanh không cho biết điều gì. Rồi sau khi nhìn vào những chiếc phong bì vuông trắng đựng kim cương mà lão đã vãi ra sàn, để khiến cảnh sát tin đây chỉ là một vụ cướp, lão nảy ra một ý.

Lão sẽ lừa chính lũ cảnh sát phải giúp lão tìm thằng bé và bất cứ ai có thể biết về việc phát hiện ra kimberlite.

Trong lúc hành nghề sát thủ đánh thuê cho ngành công nghiệp kim cương và các kim loại quý, Krueger thường dùng các danh tính ăn cắp được như một công cụ (y như Rostov đã làm). Giờ lão cũng sẽ làm tương tự.

Trong cửa hàng Patel, lão tìm được một phong bì kim cương rỗng và đã viết lên đó tên cũng như các đặc điểm của những viên kim cương trị giá bốn triệu đô-la, cùng với tên Grace-Cabot, một công ty khai mỏ thật sự ở Nam Phi. Tuy nhiên số điện thoại mà lão ghi xuống là đường dây bí mật của Terry DeVoer, cộng sự của lão ở Nam Phi.

Krueger bỏ chiếc phong bì tại một bàn làm việc và mang theo mình ổ cứng cùng đoạn băng an ninh tố giác sự thật, rồi bỏ chạy.

Sau đó lão gọi cho DeVoer ở Cape Town để bảo gã đổi đoạn ghi âm trả lời cuộc gọi tự động trên số điện thoại đó sang Grace-Cabot và sẵn sàng chờ một cuộc điện thoại từ cảnh sát, hỏi về những viên thô bị đánh cắp. Gã phải đóng vai Llewellyn Croft - một giám đốc thật của công ty kia. “Croft” sẽ tỏ ra bị sốc về tổn thất này rồi gửi cảnh sát tới chỗ một thám tử của công ty bảo hiểm, một người có

kinh nghiệm trong việc truy tìm kim cương, một người có thể giúp đỡ họ.

Krueger đã tự sắm vai diễn *đó:* Edward Ackroyd, làm việc tại công ty bảo hiểm Milbank Assurance thật sự, cái tên này đã bị lão "mượn" trong quá khứ. Trạc tuổi Krueger, Ackroyd là người Anh và từng làm cho Scotland Yard. Và không có bức ảnh nào của ông ta trên website của Milbank cả. Krueger đã cho in danh thiếp Milbank với tên Ackroyd và công ty nhưng lại cho số của một trong những chiếc điện thoại ẩn danh.

Ngớ ngẩn, thực vậy. Kế hoạch có thể đổ bể bất kỳ lúc nào. Chỉ có một cơ hội mong manh là nó thành công. Krueger phải chấp nhận mạo hiểm.

Vận may của lão đã kéo dài… được khá lâu rồi. Cảnh sát tin danh tính giả của lão, các cục C4 phát nổ đúng kế hoạch, ngọn lửa đã nướng vài mạng người, thành phố đình chỉ giàn khoan, lão đã tìm ra và giết Saul Weintraub và đã có chút tiến triển trong việc tìm kiếm thợ học nghề của Patel.

Nhưng lúc ấy lão lại va phải một bức tường gạch: Lincoln Rhyme và Amelia Sachs, hai người đã kết nối hai phần của một kế hoạch mà tuyệt đối không nên bị kết nối: Kẻ đã giết Patel cũng từng hiện diện tại công trường địa nhiệt. Và tệ hơn nữa, đó cũng là kẻ đứng sau dàn dựng vụ động đất. Lão vẫn còn đau khổ khi nhớ lại Rhyme đã gọi mình vào phòng khác để mô tả chi tiết, nhờ có các đoạn băng CCTV, việc nghi phạm của họ thực sự định làm gì, dàn dựng các vụ động đất và cháy nổ.

Đó là kế hoạch của Nghi phạm 47. Lí do vì sao hắn ở đây: cài các quả bom trên đường ống ga và C4 để nhái lại vụ động đất…

Krueger đã phải dùng mọi nguồn lực ý chí để giữ bình tĩnh. Lão chắc chắn Rhyme sẽ quay sang mình và nói, “Tôi biết ông chính là thủ phạm! Bắt lấy lão ta, Amelia!”

Nhưng, không. Màn diễn Ackroyd vẫn vững. Và, tạ ơn Chúa, Rhyme và Amelia chưa nhảy được đến kết luận là lí do của màn kịch này chính là để phá hoại mạch kim cương dưới công trường địa nhiệt. Họ cũng xác định được kimberlite, nhưng may thay với họ, chúng không có gì quan trọng.

Tất nhiên, sau đó, vượt lên tất cả là gã người Nga bất ổn chọc gậy bánh xe. Vladimir Rostov đã thô bạo xen vào hành động.

“Được rồi. Vậy là anh đã quyết định sẽ trở thành người song trùng của tôi và…”

“Cái chó gì cơ?”

“Một người đóng thế, anh biết đấy. Anh bắt chước tôi. Anh nghe thấy tôi nói trên điện thoại, kể về những nhân chứng tôi phải truy tìm rồi anh quyết định giúp tôi.”

“Ừ, ừ. Tôi tìm thấy thằng khốn Iran này - Nashim - và hắn cho tôi tên bạn của Vimal, Kirtan. Và *thằng nhóc* lại bán đứng Vimal và bạn gái nó, Adeela. Tôi làm thám tử cũng giỏi quá chứ hả? Columbo!” Một cái nhún vai. “Tôi suýt soát tóm được. Nhưng không thành. Chết tiệt.”

Giờ Krueger hỏi thẳng, vì sao hắn lại làm vậy. Mục tiêu của Dobprom cũng giống Tân Thế giới: giữ bí mật mạch kim cương. Tại

sao không để một mình Krueger xử lý vấn đề?

Rostov ngửa cổ uống cạn ly rượu ngô và chọc một cái tăm về phía Krueger. “Nghe này, ông bạn. Hi vọng ông không tự ái khi tôi nói: Nhưng đây là một vụ làm ăn to đùng. Chuyện gì sẽ xảy ra, nếu ông thất bại? Cái mỏ kimberlite kia, ôi ngon. Tôi đã đọc báo cáo hàm lượng. Ông thấy lượng cara trên tấn chưa?” Hắn hất cằm về phía cửa sổ, đoán là về hướng công trường địa nhiệt ở Brooklyn. Hắn thì thầm nhiệt huyết, “Nó bằng trữ lượng với Botswana đấy.”

Mặc dù các con số khác nhau đáng kể, quy tắc trong ngành là trung bình một mỏ phải xử lý từ một trăm tới hai trăm tấn đá mới sản xuất ra được một cara kim cương chất lượng. Ở quốc gia Botswana thuộc Châu Phi, mật độ kim cương trong quặng cao hơn gấp mười lần. Mỏ tốt nhất thế giới.

Mạch ở New York cũng tương tự.

“Tôi cũng rất *prosti,* rất rất xin lỗi, *kuritsa,* nếu ông buồn. Nhưng chúng ta không thể mạo hiểm. Vậy nên, vui lên nào! Tôi ở đây để giúp ông. Ông là Batman còn tôi là Robin! Tán dương tôi đi xem nào!”

CHƯƠNG 52

“Tôi đang không gọi điện cho cô. Cô chưa từng nghe cuộc gọi này. Và cô cũng không phản ứng với nó. Theo bất kỳ cách nào, bất kỳ hành động gì. Hiểu chứ?”

Amelia Sachs đang đứng ở góc phòng thí nghiệm nhà Rhyme, lắng nghe người gọi đến. Fred Dellray, đặc vụ FBI ở văn phòng New York.

“Okay.”

“Lincoln có gần đó không?”

Chuyện quỷ quái gì thế này? Cô tự hỏi.

“Có.”

Rhyme đang ở bên kia phòng khách, nói chuyện với Ron Pulaski.

“Anh ấy có nghe được cô không?”

“Không. Giải thích đi.”

“Được rồi, thế này nhé, và chuyện này không hay ho đâu, Amelia. Tôi nghe đồn Lincoln đang bị điều tra. Cả Ron nữa. Bên tôi. FBI, quận Đông.”

Cô không nhúc nhích, cảm nhận làn sóng kinh ngạc đang tràn lên mình. “Tôi hiểu. Và vì sao lại thế?”

Dellray là chuyên gia của cục trong các hoạt động ngầm. Anh chàng người Mỹ gốc Phi cao dong dỏng là hình ảnh mẫu mực của

sự thờ ơ. Với người phải sắm vai kẻ buôn bán vũ khí đang chào hàng đạn dược cho một tên quốc xã mới, kẻ vẫn chĩa khẩu Glock về hướng anh để hỗ trợ cho quá trình đàm phán thì đó là chuyện đương nhiên. Nhưng lúc này cô lại nghe thấy vẻ lo lắng trong giọng anh - một tông giọng cô chưa từng nghe trước đây.

“Họ đang giúp bên biện hộ trong vụ El Halcón.”

Cô cố không hở ra một lời nào kinh ngạc hay thất vọng. “Chuyện đó đã được xác minh chưa?”

“Rồi. Anh chàng đẹp trai Hank Bishop, công tố viên đang theo vụ El Halcón, anh ta đã có đủ hết bằng chứng cần thiết để bắt giữ. Cả hai người. Ron và Lincoln.”

Cô choáng váng. “Tôi hiểu.”

Sachs nhớ lại rằng gần đây Ron cư xử bí ẩn. Cậu ta đã ra ngoài làm vài nhiệm vụ dường như không dính dáng đến vụ Nghi phạm 47. Và ngày hôm trước còn có một vị khách, một người đàn ông có bề ngoài giống gốc La-tinh, đến nhà Rhyme. Có thể đó là một trong các trợ lý hoặc luật sư của El Halcón.

“Tôi đang nghĩ anh ấy đã nhận vì có trò hề gì đấy với bằng chứng. Có thể một đặc vụ hay kỹ thuật viên nào đấy muốn chơi đi tắt đón đầu, chỉ để đảm bảo là El Halcón bị tống vào tù thật lâu. Ý tôi là, hắn *đích thực* là thằng khốn hạng A rồi. Tôi có thể hiểu Lincoln bị vướng vào chuyện đó. Nhưng…” Giọng anh ta hạ xuống. “Anh ấy lại không liên hệ với Bishop hay bất kỳ ai mà lại tự đứng ra nhận lời với bên bào chữa, và… chết tiệt, lại còn được trả tiền để làm việc đó. Cả đống tiền. Tới con số ngàn. Làm cho sự việc có vẻ tệ.”

Chúa ơi, Rhyme. Anh làm cái quái quỷ gì thế?

“Chuyện sắp đến rồi, Amelia. Họ sẽ bị đưa vào trại tạm giam của liên bang một thời gian. Bảo lãnh sẽ khó khăn vì phiên tòa của El Halcón đang diễn ra nóng hổi ngay lúc này, và Bishop không muốn bất cứ điều gì đảo lộn vụ án cho đến sau khi có phán quyết cuối cùng.”

“Kể cả…” Cô ngừng lời để nghĩ ra từ cần nói. “Kể cả với tình trạng của anh ấy sao?”

“Phải. Phòng y tế trong trại tạm giam. Thom sẽ không được vào. Các y tá sẽ chăm sóc cho anh ấy.”

Cô liếc về phía Rhyme. Cô có thể tưởng tượng họ sẽ đối xử với anh như thế nào.

Không, việc này không thể xảy ra được… Một cơn ác mộng.

“Nên là,” Dellray nói tiếp, “Tôi kể cho cô rồi nhưng thực ra tôi không kể gì cả. Tìm ngay một luật sư đi. Có thể giúp ích được một chút. Và cô cùng Lon sẽ phải gánh vác vụ Nghi phạm 47. Tôi phải cúp máy đây. Chúc may mắn, Amelia.”

Đường dây tắt ngóm.

Sachs cố ý nhìn tránh khỏi Rhyme. Mắt cô rõ ràng đang hiện lên những lo lắng trong lòng cô.

“Lon?” cô gọi.

Sellitto nhìn sang cô. Cô hất cằm về phía sảnh trước và anh ta đi theo cô ra đó.

“Sao đấy?”

Cô thở dài, hít một hơi và kể với anh ta về cuộc gọi của Dellray bằng giọng thì thào - hay đúng hơn là cuộc - gọi - như - không - gọi.

Viên thanh tra luộm thuộm hiếm khi tỏ thái độ gì. Giờ mắt anh ta mở lớn và nhất thời anh không nói được câu gì.

“Không thể nào. Đây là một sai lầm.”

“Với Bishop ư?” Sachs hỏi một cách châm biếm. “Anh ta không mắc lỗi.”

“Không,” Sellitto lẩm bẩm. “Lại còn lấy tiền ư? Chúa ơi. Tôi biết anh ấy có tính phí cho công việc của mình, nhưng mà tiền của một thằng khốn như El Halcón? Chuyện này tệ quá. Thậm chí nếu anh ấy có thắng vụ đó thì công việc tư vấn cho chúng ta cũng xong béng. Có khi là cho tất cả mọi người.”

Rồi Sellitto nói, “Được rồi. Thôi. Vô tội cho đến khi được chứng minh có tội.”

Mặc dù anh thực sự đã phạm một tội rồi, không có gì cần tranh luận: Rhyme đã không kể cho cô biết công việc anh làm cho đội bào chữa của El Halcón. Việc đó làm cô tổn thương sâu sắc.

Chào mừng đến cuộc sống hôn nhân, cô nghĩ - thậm chí giờ còn giễu cợt hơn.

Nhưng Sellitto đã đúng trong một khía cạnh: Rhyme - và cả Ron Pulaski nữa - sẽ cần tìm một luật sư. Và từ giọng nói khẩn trương của Dellray, họ sẽ cần ngay lập tức.

Anh ta nói, “Tôi có vài cái tên đây. Những chuyên gia giải cứu từng đại diện cho vài tên tội phạm cỡ bự mà tôi từng bắt. Tôi không thích họ, nhưng họ nằm ở tốp đầu. Tôi sẽ bắt đầu gọi ngay đây.”

Sachs nghe thấy tiếng động ở đằng sau nhà. Nồi niêu xoong chảo. Tiếng nước chảy.

Cô thở dài. “Còn tôi sẽ báo cho Thom.”

Andrew Krueger uống ngụm nước ngọt của lão.

Lão đang lườm Rostov. “Được rồi. Cứ cho là Dobprom muốn đảm bảo không ai biết về mạch đá quý. Nhưng cái vụ “Người hứa hẹn” là thế quái nào? Sao, anh nghe thấy tôi dùng một con dao cạo và đeo mặt nạ trượt tuyết trong vụ Patel, thế là ra ngoài mua mấy thứ tương tự chắc?”

Rostov tự hào nói, “Tất nhiên! Tôi thông minh quá mà! Không à?”

“Lại còn nhai đi nhai lại, không ai đối xử với kim cương đúng mực nữa? Chúng là linh hồn của Trái Đất? Anh bắt đứa con gái kia nuốt nhẫn của nó? Cắt rời các ngón tay? Mấy trò vớ vẩn đấy là thế nào?”

Mắt Rostov trở nên xảo quyệt. “Vớ vẩn gì à? Hừm. Trò vớ vẩn mà *cả thế giới* tin đấy! Sau khi có Người hứa hẹn, *không còn ai* nghĩ Patel bị giết vì kimberlite hay kim cương có ở Brooklyn nữa. CNN nói rằng một kẻ điên tấn công những cô dâu nhỏ bé xinh đẹp, nên phải là sự thật rồi.”

Krueger không cãi được gì.

Rồi người Nga sán lại, hắn nói bằng giọng trầm, rõ ràng. “Nhưng, *kuritsa,* nói với tôi sự thật đi. Ông biết điều mà hầu hết các công ty kim cương làm: cắt xẻ những viên đá xinh đẹp thành mấy cục phân

phù hợp với trung tâm thương mại. Hủy hoại những viên thô đáng yêu để tạo ra đám kim cương khốn kiếp cho những ngón tay ú nần của tụi con gái." Mắt hắn càng tối và giận dữ hơn. "Một tội ác khốn nạn." Hắn vẫy tay đòi một cốc rượu nữa và ngồi im cho đến khi nó tới. Một ngụm lớn, "Đúng, đúng, Dobprom, ông chủ *tuyệt vời* của tôi, họ bán cho các lái buôn dạng đó. Họ trả khoản lương đốn mạt cho tôi. Nhưng tôi vẫn chê họ đấy. Còn ông, bạn tôi? Tôi biết ông đang nghĩ, tận sâu trong tim, đúng, đúng, Người hứa hẹn nói *đúng.* Hãy làm lũ *kur* không phân biệt được đâu là kim cương đâu là kính bị đau, làm chúng khóc."

Thêm một cốc rượu nữa. "Được rồi, được rồi. Tôi loạn óc rồi. Về với đá đây. Nhưng có lẽ một phần nhỏ trong ông cũng điên y như tôi?"

Andrew Krueger muốn cãi. Nhưng lão phải thừa nhận Rostov nói đúng cả điểm này. Kim cương là thứ hoàn hảo nhất quả đất. Làm sao bạn có thể không cảm thấy chút căm ghét với những kẻ đối xử tệ bạc với chúng?

Nhưng lão cũng là người làm công ăn lương. Có những việc cần làm. Lão đẩy cốc soda của mình sang bên và nói thầm, "Giờ đến vấn đề của chúng ta."

Đến lượt Rostov cau mày. "Đúng, đúng, chúng đã biết động đất của ông là giả. Nhưng ông đã cài cắm để thành ra tên khốn Hòa Bình Xanh đứng ra làm tất."

Krueger nói, "Không phải Hòa Bình Xanh. Một Trái Đất."

"Ái dà. Chúng đều là lũ khốn."

Một khi Rhyme và Amelia đã biết các vụ động đất thực ra là phá hoại, Krueger cần một con tốt để thí mạng. Lão đã gặp Shapiro lải nhải chỗ công trường và quyết định chọn ông ta. Lão đột nhập vào nhà của người đàn ông này, cài vào một ít vật tố giác và khi Shapiro về nhà thì đập vỡ sọ ông ta. Sau đó lão gọi cho Rhyme và Amelia, bảo rằng mình đã biết Shapiro nhắm tới Jatin Patel vì đã cắt những viên kim cương bẩn.

Rồi lão lái xe đến Công viên Palisades bằng xe của Shapiro. Sau khi đẩy ông ta qua rìa đá, Krueger lên một chuyến xe buýt tới trạm trung chuyển Cầu George Washington, để bắt một chuyến tàu điện ngầm về chỗ ở của mình.

“Vậy, thiên tài kế hoạch? Chúng ta sẽ làm gì tiếp?”

Krueger nói, “Sự việc chưa tệ lắm. Người làm việc ở công trường đã giúp tôi cài đống thuốc nổ ấy?”

“Ừ, tôi đọc email của ông rồi.”

Krueger bắn cho hắn cái nhìn chua chát.

“Vậy gã này, hắn ở đâu?”

“Chết rồi. Hắn kể với tôi rằng hầu hết các cột đều đã được khoan. Sẽ không còn đào được nhiều kimberlite ở đấy nữa. Tôi có thể tìm và vứt bỏ nó. Vấn đề lớn là thằng bé Vimal cơ. Vào ngày thứ Bảy, những món hàng mà nó đang mang theo ấy? Nó không lấy chúng ở chỗ công trường - tôi đã dọn sạch chỗ đó rồi. Hoặc ai đó khác đã đưa cho nó - có thể là một người đánh giá khác, như Weintraub - hoặc nó lấy chúng ở một địa điểm khác. Chúng ta phải

tìm nó, bắt nó nói cho chúng ta biết các mẫu hàng đấy lấy ở đâu và còn có ai khác biết không.”

Chút cảm giác thèm ăn cuối cùng của Krueger biến mất trước hình ảnh Rostov hì hục dùng móng tay cạy giữa hai cái răng để lấy thức ăn thừa. “Rồi sao?”

Krueger vươn người đến. “Ý tôi thế này. Amelia ấy? Cô ta biết Vimal đang ở đâu. Chúng ta sẽ bắt cô ta nói cho ta biết. Chúng ta không thể giết cô ta - cô ta là cảnh sát. Như thế thì liều quá.”

Rostov hỏi, “Nhưng làm đau thì được?”

“Đau thì được.”

Mặt Rostov sáng lên. “Đúng, đúng, tôi sẽ nói. Tôi cũng không vui với cô ta lắm đâu. Tôi đã suýt soát tóm được *kuritsa* Vimal. Và cô ta phá hỏng chuyện. Ta bắt cô ta như thế nào?”

“Tôi sẽ bảo cô ta và các cảnh sát khác là có một người bán lẻ ở Manhattan có thông tin tốt. Tôi sẽ bảo với Amelia rằng anh ta đồng ý gặp cô ta, chỉ mình cô ta thôi, chỗ kín đáo. Chúng ta sẽ tìm một cửa hàng yên tĩnh ở đâu đó - không phải quận Kim Cương. Chúng ta tới đó trước, anh và tôi, giết người chủ. Anh thế chỗ hắn, và khi cô ta bước vào, anh làm việc anh muốn để tìm xem Vimal đang ở đâu và làm sao để chúng ta bắt được nó. Chúng ta giải quyết xong vấn đề và anh và tôi được về nhà, lãnh tiền thưởng.”

Rostov cau mày cường điệu. “Thưởng ư? Khốn nạn, mấy thằng khốn Guatemala trả thưởng à?”

“Dobprom không trả ư?”

Rostov cười chua chát. Rồi hắn cúi xuống và đặt một bàn tay đáng sợ lên cánh tay Krueger. “Cái con Amelia này, *kuritsa* ấy… Ông có thấy chiếc nhẫn cô ta đeo không? Kim cương đúng không?” Mắt hắn nheo lại và giọng nói gợi ý đây là một câu hỏi rất quan trọng. “Không phải một viên sa phia khốn kiếp?”

Lão trả lời, “Đúng. Kim cương đấy.”

Rostov hỏi, “Loại mấy?”

Viện giám định đá quý Hoa Kỳ phân loại kim cương theo bốn chữ C: trọng lượng cara, màu (color), giác cắt (cut) và độ trong (clarity). Krueger kể với Rostov, “Tôi chưa nhìn kỹ nhưng đoán là hai cara, màu xanh, sáng và tôi đoán là loại W1 hoặc -2.”

Điều đó có nghĩa là nó không phải vô khuyết nhưng chỉ có những lỗi rất nhỏ, không thấy được bằng mắt thường. Một viên đá đáng kính trọng.

“Sao anh lại hỏi?” Krueger thắc mắc dù đoán là mình cũng đã biết điều gã điên đang nghĩ trong đầu.

“Chúng ta cần làm cô ta đau và tôi cần một món quà lưu niệm.” Hắn nhìn Krueger thật gần. “Ông không phiền đấy chứ?”

“Tôi chỉ quan tâm đến chuyện anh tìm ra Vimal thôi. Anh muốn làm gì cũng được, nhưng không được giết cô ta.”

CHƯƠNG 53

Rhyme đang nhìn quanh dinh thự, biết rằng Sellitto và Sachs đang ở đâu đó khác. Việc này kỳ lạ thật. Họ vẫn chưa ra về - áo khoác vẫn còn treo ở mắc áo gần đó.

Anh muốn họ ở lại để tiếp tục nghiên cứu biểu đồ bằng chứng, để xem các ghi chú này có hé lộ thêm đầu mối nào về vị trí của nghi phạm người Nga hay quả bom tiếp theo không. Tấm bảng trắng, trang trí bằng nét chữ cẩn thận, vẫn tiếp tục im lặng và còn bí ẩn, lẩn lút hơn cả mọi khi.

Khi anh sắp sửa gọi vợ mình và viên thanh tra quay lại phòng khách thì có tiếng gõ cửa.

Rhyme và Ron Pulaski nhìn vào màn hình an ninh: bốn người đàn ông, mặc vest. Một trong số họ đang giơ thứ gì đó lên camera. Có vẻ là thẻ chứng minh gì đấy.

Rhyme nheo mắt.

FBI.

À, hiểu rồi.

Sachs, Sellitto và Thom đều nhanh nhẹn xuất hiện từ phía sau nhà. Rhyme để ý biểu cảm của họ. Và anh nghĩ: họ biết về El Halcón rồi.

“Có chuyện quái quỷ gì thế này, Lincoln?” Mel Cooper hỏi.

“Tôi không hoàn toàn chắc nhưng tôi nghĩ Lính mới và tôi sắp bị bắt.”

“Cái gì?” Pulaski gắt lên.

“Nào, mở cửa đi Thom. Chúng ta đâu có muốn họ phải đạp cửa xông vào, đúng không?”

Bốn người nhanh nhẹn bước vào tiền sảnh rồi vào phòng khách. Ba người là đặc vụ FBI và họ được phân bổ rất đúng đắn, như các diễn viên trong một quảng cáo cho công ty tư vấn vậy: một phụ nữ da trắng, một người đàn ông da đen và một người gốc Á. Họ không hài hước một tẹo nào nhưng đó là phẩm chất được đề cao trong rất nhiều ngành nghề, lực lượng hành pháp xếp hàng đầu trong số đó. Họ chắc đã biết gần như không có nguy cơ nào từ phía những người ở nhà này nhưng cặp mắt nhanh nhẹn của họ vẫn quét qua tất cả, đánh giá rủi ro.

Người cuối cùng trong bộ tứ là Henry Bishop, công tố viên liên bang gầy guộc đến từ quận Đông. Anh ta cao lớn hơn tất cả mọi người trong phòng.

“Lincoln Rhyme.” Đặc vụ đang nói với anh là một chàng trai trẻ dáng vẻ khỏe khoắn tên là Eric Fallow.

Quay sang anh ta, Rhyme nói, “Không thể giơ tay được. Xin lỗi cậu.”

Cả đặc vụ lẫn tất cả những người khác trong phòng đều không phản ứng gì với câu đùa.

Bishop nói với Fallow, “Tôi sẽ nói chuyện với ông Rhyme. Cậu trông chừng Cảnh sát Pulaski.”

Fallow quay sang chỗ người trẻ hơn. “Sĩ quan, để nguyên tay ở chỗ chúng tôi có thể trông thấy. Tôi sẽ tước vũ khí của cậu.”

Pulaski đối đầu với anh ta. “Còn lâu. Chuyện này là sao?”

Mặc dù vậy biểu cảm bối rối của anh ta đã tố cáo. Anh ta biết chính xác chuyện này là gì.

“Line,” Sellitto nói, rồi rơi vào im lặng. Anh ta và Sachs có thể đã được Dellray dặn trước phải giả câm - nếu Dellray đích thực là người đã thông báo cái tin Rhyme làm việc cho El Halcón. Rhyme nhìn sang Sachs nhưng cô tránh ánh mắt anh.

Có thể hiểu được.

Hai đặc vụ khác bước tới. Một người cầm khẩu Glock của Pulaski.

Fallow nói, “Mời đưa tay ra sau.”

“Việc ấy thực sự không cần thiết đâu,” Rhyme nói bằng giọng có lẽ hơi ngân nga quá đà. Tạo ấn tượng giễu cợt. Mà như vậy là không công bằng.

Fallow vẫn còng tay Pulaski.

“Trả lời tôi, Bishop. Có chuyện gì thế này?” Sellitto đã hồi phục và đang trình diễn một màn ngạc nhiên đáng tin cậy.

“Thật đấy,” Rhyme nói. “Không cần thiết đâu.”

Bishop nói, “Anh Rhyme, anh và cảnh sát Pulaski đang gặp rắc rối lớn. Chúng tôi bắt cả hai người vì tội cản trở công lý và cấu kết nghiêm trọng, sử dụng thông tin có tính chất làm bằng chứng mà không được phép.”

Mắt Lính mới từ từ quay sang Rhyme.

Cậu có thể gặp rắc rối đến chừng nào khi nhiệm vụ của cậu là vì một mục đích cao cả hơn…?

Công tố viên nói tiếp, “Trước đây anh đã rất có ích, Lincoln. Tôi thừa nhận.”

Chỉ có ích thôi à? Rhyme nghĩ chua chát.

“Và điều đó sẽ được cân nhắc trong tương lai, khi chúng ta tiến hành thảo luận xin giảm tội. Nhưng giờ, đặc vụ Fallow, mời đọc quyền của cảnh sát Pulaski và anh Rhyme cho họ nghe.”

Sellitto từ bỏ. “Có đúng vậy không, Line?” Một thoáng tuyệt vọng trên mặt anh ta.

Rhyme cũng thấy cả đôi môi mím chặt của Sachs. Cái nhìn trong mắt cô.

Và anh quyết định đã đến lúc.

“Được rồi, tất cả mọi người. Được rồi. Henry - tôi gọi anh là Henry được không?” Rhyme hỏi.

Bishop ngạc nhiên, “ừm. Thường là Hank.”

“Được rồi, Hank. Sự thật là, tôi vừa định gửi cho anh một bản báo cáo về tình thế của chúng tôi. Nó sắp xong rồi.”

Cặp mắt của công tố viên không hề nao núng nhưng Rhyme tin là đã có một tia ngạc nhiên trong đó. Anh gật đầu với màn hình máy tính, trên đó quả thực là một bức thư điện tử rất dài đề địa chỉ gửi văn phòng Bishop. Bishop không nhìn theo mà vẫn chăm chú vào Rhyme. Anh lại nói, “Viên thanh tra đội trưởng của Hạt Nassau, người đã bị bắn trong vụ hạ El Halcón ở Long Island ấy?”

Bishop nói, “Chắc chắn rồi. Barry Sales. Anh ta sẽ là một nhân chứng cho chúng tôi trong vài ngày tới.”

“Barry từng là đồng nghiệp của tôi nhiều năm trước. Một trong những cảnh sát hiện trường tốt nhất mà tôi từng làm việc cùng.” Rhyme ngừng một lát. “Khi tôi nghe nói về vụ bắn nhau, tôi đã muốn tình nguyện làm cố vấn cho bên công tố, xử lý vật chứng. Tôi muốn đảm bảo là dù có ai ở đằng sau, chúng ta cũng có một cáo trạng chắc chắn bất di bất dịch chống lại hắn. Và tôi đã muốn được phân tích vật chứng trong vụ án.”

“Có, tôi nhớ,” Bishop nói. “Anh nằm ở hàng đầu trong danh sách nhân chứng là chuyên gia khám nghiệm.”

“Nhưng tôi lại phải có mặt ở DC trong một nhiệm vụ khác. Rất tiếc, nhưng không làm gì được. Rồi vài ngày trước, luật sư của El Halcón gọi cho tôi. Ông ta muốn thuê tôi chứng minh rằng ai đó trong đội bắt giữ đã cài cắm vật chứng để đổ tội cho El Halcón.”

Bishop buột miệng, “Chuyện vớ…”

“Hank. Làm ơn?”

Với một cái nhăn mặt, anh ta giơ một lòng bàn tay ra hiệu nói tiếp về phía Rhyme.

Rhyme tiếp, “Anh cũng ý thức được những điểm yếu trong vụ của mình chứ?”

Người đàn ông cao lớn đổi chân không thoải mái. “Nó không phải là một vụ rõ như ban ngày, không hề.”

“Đầu tiên, họ tuyên bố là El Halcón trốn trong nhà tắm suốt thời gian ấy. Thứ hai là tàn dư lượng thuốc súng đã bị bôi lên tay ông ta.

Ông ta không hề bắn khẩu súng của Cody.” Rhyme gật đầu với máy tính. “Tôi chỉ vừa mới chứng minh rằng cả hai điều đó đều là sai. Tôi đã bác bỏ giả thuyết của họ hoàn toàn. Nhà tắm ư? Trên sàn nhà mà El Halcón khai mình đã nằm úp bụng suốt có một lượng dư chất của một loại thuốc tẩy đặc biệt. Cảnh sát Pulaski đã phân tích hiện trường ở đó và lấy mẫu. Tôi biết tính chất kết dính của thành phần chlorine trong loại thuốc tẩy cụ thể đó. Nếu El Halcón có mặt ở nhà tắm, các phân tử tương ứng sẽ xuất hiện trong quần áo hoặc giày của ông ta. Nhưng không có.”

Mắt Bishop lướt sang chỗ Fallow, với tư cách là tổ trưởng tổ điều tra, đáng lẽ chính anh ta phải là người phát hiện ra điều này. Khuôn mặt của đặc vụ vẫn hoàn toàn vô cảm.

“Còn về việc chứng minh ông ta đã bắn khẩu súng đó vào cảnh sát, đúng là dấu vân tay của El Halcón không có trên vũ khí. Nhưng luận điểm của anh là El Halcón đã cởi khuy tay áo sơ mi, kéo ống tay xuống và cầm súng qua làn vải áo? Điều đó giải thích việc không có dấu vân tay trên súng nhưng lại có dư chất thuốc súng.”

Bishop gật đầu. “Giả thuyết, đúng vậy. Nhưng tôi hi vọng bồi thẩm đoàn sẽ suy luận đó là cách lão ta cầm khẩu súng khi bắn.”

Rhyme kiềm chế một cái cau mày. “Họ không cần phải suy luận. Tôi *đã chứng minh* là ông ta đã cầm súng qua ống tay áo.”

Bishop chớp mắt. “Bằng cách nào?”

“Đó là một khẩu Glock 22, bắn đạn Luger chín mili. Vận tốc giật lại sẽ là năm phẩy ba mươi tư mét trên giây và lực giật là bốn phẩy năm chín mét trên ki-lô-gam. Chừng đó lực đẩy là khá lớn đối với các sợi vải của chiếc áo sơ mi dệt lỏng mà El Halcón đã mặc. Phòng

thí nghiệm đã chụp các bức ảnh qua kính hiển vi để cho thấy dấu vết trực quan của thuốc súng. Tôi chỉ nhìn vào chúng và thấy lực đẩy của súng đã làm gì với các sợi vải. Chỉ có hành động bắn một khẩu súng mới tạo ra các hình xô lệch như vậy. Tất cả đều nằm trong bản báo cáo mà tôi đã viết. Bồi thẩm đoàn sẽ phải suy luận chính viên đạn mà El Halcón bắn ra đã trúng phải Barry, nhưng đó là một kết luận hợp logic, vì ở thời điểm Barry bị bắn, rõ ràng Cody đã chết."

Bishop nhất thời không nói được lời nào.

"Tôi, à, tốt lắm, Lincoln. Cảm ơn anh." Rồi anh ta cau mày. "Nhưng tại sao anh lại không kể cho tôi nghe trước?"

"Lỡ như trong lời buộc tội của họ có một phần sự thật?" Rhyme đốp lại. "Lỡ có ai đó *đã* làm sai lệch bằng chứng thì sao? Nếu vậy, tôi sẽ phải tìm ra ai và sai phạm đến đâu để cho anh biết. Hay, nói thật, có phải chính anh là người đã có hành vi giả mạo, tôi sẽ phải gọi cho tổng chưởng lý ở Washington."

Câu đó làm Sellitto cười.

"Vậy là anh đã giả vờ đồng ý giúp El Halcón để củng cố vụ án của chúng tôi?"

"Không hẳn. Chỉ là cầu may thôi. Hiển nhiên là còn một lí do khác."

"Đó là?"

"Để tìm ngài X, tất nhiên rồi." Rhyme càu nhàu. "Về việc này thì tôi đã không thành công lắm."

“Ngài X?” Bishop nheo mắt. Môi anh ta mím lại một giây. “Ồ. Ý anh là đồng bọn người Mỹ của El Halcón.”

Hiển nhiên…

“Có thể hắn không có mặt ở vụ bắn nhau nhưng là người đứng đằng sau toàn bộ tổ chức.”

Fallow gật đầu. “Chúng tôi chắc chắn rằng công ty của hắn sở hữu khu liên hợp nhà kho, nhưng không lần theo được.”

“Và hắn cũng phải chịu trách nhiệm cho vết thương của Barry Sales y như El Halcón. Nhưng tôi không tìm được bất kỳ mối liên hệ nào.”

Bishop thở dài. Sự thất vọng rành rành hiện trên mặt lúc anh ta nói, “Chúng tôi đã làm tất cả. Chúng tôi đã tìm khắp mọi nơi. Mọi tài liệu, theo mọi đầu mối. Không có gì hết.”

Fallow nói thêm, “Các đội CI*, theo dõi. Thậm chí tôi còn gọi vào cả CIA* và NSA* để tìm các cuộc liên lạc với nước ngoài. Dù gã này là ai, hắn như một con ma vậy.”

Rhyme nói, “Tôi đã hi vọng có một mẩu bằng chứng nào đó, hoặc vài lời gợi nhắc nào trong các ghi chú dẫn tôi tới chỗ tên đồng bọn người Mỹ.” Một cái nhún vai. “Nhưng không có gì.”

CI là viết tắt của ‘Criminal Investigation’ - Đội điều tra Hình sự

CIA là viết tắt của ‘Central Intelligence Agency’ - Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ

NSA là viết tắt của ‘National Security Agency’ - Cơ quan An ninh Quốc gia Hoa Kỳ

“Nhưng anh đã củng cố vụ án chống lại El Halcón, Lincoln. Cảm ơn anh vì điều đó.”

Bishop dành cho Rhyme thứ mà anh đoán là một nụ cười khác hẳn cá tính anh ta. Anh nói, “Vậy anh sẽ xử lý đống tiền phí mà ông ta trả anh như thế nào?”

Rhyme nói, “Ồ, tôi bỏ vào một quỹ ủy thác không thể hủy bỏ cho Barry. Không nêu danh tính. Cậu ấy sẽ không biết nó tới từ đâu cả.”

Sellitto cười. “Anh có nghĩ là Carreras-López sẽ không vui vẻ gì về chuyện đó không? Anh nghĩ ông ta sẽ làm gì?”

Rhyme nhún vai. “Ông ta là luật sư. Cứ để ông ta kiện tôi.”

Bishop gật đầu với Fallow và liếc vào cổ tay Pulaski. Đặc vụ tháo còng cho anh ta, và không nói thêm lời nào, cả bốn cùng ra về.

Rhyme theo dõi họ đi ra. Pulaski và Cooper nói gì đó. Anh không nghe thấy. Anh đang mải mê với một ý nghĩ duy nhất. Một hình ảnh thì đúng hơn. Của Barry Sales, bạn anh.

Một lần nữa anh nghĩ đến từ mà mình đã thốt ra khi Carreras-López mới tới tìm anh lần đầu tiên, một từ mà không nghi ngờ gì là tay luật sư bào chữa đã hiểu theo nghĩa trái ngược với ý định của Rhyme: Công lý.

Rhyme liếc sang Sachs, cô vẫn đang lảng tránh ánh mắt anh. Rồi anh nghe thấy điện thoại cô rung lên.

Cô liếc nó. “Edward Ackroyd.” Cô nghe máy và nói chuyện một lát. Anh có thể đoán từ cách mắt cô nheo lại - dù rất nhẹ - rằng tin tức này quan trọng.

Khi cúp máy, cô nói, “Người bán lẻ ấy? Người đã đem Edward tới chỗ Shapiro? Anh ta đồng ý nói chuyện với chúng ta. Nhưng chỉ thường phục thôi, không được kéo cảnh sát tới. Anh ta lo khách hàng trông thấy họ. Edward đã đề cử tôi và anh ta đồng ý.”

Rồi cô đi đến bên Rhyme và cúi lại gần. Chỉ có anh nghe được điều cô nói, “Chưa hoàn toàn sẵn sàng, nhỉ?”

Cô đang nhắc tới hoạt động âm thầm liên quan đến luật sư của El Halcón. Nghĩ đến đó, anh không hoàn toàn chắc tại sao mình lại không đề cập với cô về chuyện này một chút nào. Có thể là anh muốn giữ cô ở một khoảng cách nhất định phòng khi có chuyện không hay. Lối cư xử bề trên của anh, giờ thì anh đã hiểu.

Môi anh mím lại. Anh nhìn vào mắt cô. “Chưa, anh chưa làm được. Đáng lẽ phải thế.”

Cô cười. “Ý em là cả hai ta. Em đã không kể cho anh nghe chuyện ở giàn khoan. Anh không kể em nghe cuộc điều tra nho nhỏ của anh.”

Anh nói, “Sau chừng ấy năm, chúng ta vẫn còn mới mẻ với việc này, Sachs. Anh sẽ không lặp lại sai lầm đó nữa.”

“Em cũng vậy.” Cô hôn anh thật sâu rồi đi ra cửa. “Em sẽ gọi từ trong thành phố.”

CHƯƠNG 54

Amelia Sachs cảm nhận từng viên sỏi bằng lưng mình khi chiếc Ford cũ xóc nảy trên những con phố gập ghềnh ở khu Hạ Đông. Cú ngã ở công trường xây dựng - đoạn lảo đảo đầu tiên trên tấm ván chứ không phải lớp bùn dù đáng sợ nhưng còn êm ái - đã làm vặn xương sống cô theo một cách tinh vi nào đấy.

Một tiếng thịch nữa.

A, cú đó đau thật.

Cũng có chỗ có nhựa đường nhưng hầu hết là đá, gạch và các miếng sắt vá đường.

Chiếc Torino Cobra được làm ra để đi trên đường bằng phẳng.

Sachs vẫn luôn có chút mủi lòng với khu vực này. Vài kẻ gọi tắt nó là LES*, cái tên cô không bao giờ chấp nhận. Cái tên lóng phóng túng quá đà, đối lập với bản chất nơi này. Nó có một lịch sử đa dạng và đầy màu sắc hơn bất kỳ phần nào khác của Manhattan: Hồi cuối thế kỷ mười chín, nơi này đã trở thành nhà của người Đức, người Nga, người Ba Lan, người Ukraina và các dân nhập cư khác đến từ Châu Âu. Khu dân cư đông đúc, toàn những căn hộ tối mù và chật chội cùng những con phố đầy xe đẩy tay lộn xộn ấy đã sản sinh ra các nghệ sĩ như James Cagney, Edward G.Robinson và nhà Gershwin. Các hãng phim như Paramount, Metro-Goldwyn-Mayer và 20th Century Fox đều có thể lần theo tổ tiên của họ tới khu Hạ Đông này.

LES là viết tắt của Lower East Side - khu Hạ Đông

Khu vực này đã trở thành một vùng đất hợp chủng quốc thực sự đầu tiên ở thành phố New York sau Đại chiến II, khi những người da đen và Puerto Rico gia nhập với đám dân da trắng lâu đời ở đây và mọi người cùng chung sống khá hòa hợp.

Khu Hạ Đông cũng là nơi diễn ra thảm kịch tồi tệ nhất của thành phố trước vụ 11 tháng Chín. Tàu *General Slocum,* một chiếc tàu được thuê để chở 1300 người Mỹ gốc Đức tới sự kiện của một nhà thờ, đã bốc cháy trên Sông Đông. Hơn một ngàn hành khách đã chết, và nỗi buồn quét qua cộng đồng này như một bệnh dịch, gây ra một cuộc di cư. Gần như toàn bộ cư dân trong khu Little Germany ở khu Hạ Đông đã di chuyển vài cây số lên phía bắc và tái định cư ở Yorkville.

Bỏ qua các chi tiết kiểu Discovery Channel, Amelia Sachs có mối liên hệ đặc biệt với khu vực này. Chính ở đây, nhiều năm về trước, cô đã giải quyết vụ trọng án đầu tiên - ngăn chặn một vụ cướp có vũ trang trong giờ nghỉ. Cô đang trong một buổi hẹn hò sáng Chủ nhật, và cô cùng với - tên anh ta là gì nhỉ? Fred. Không, *Frank.* Cô và Frank đang đi bộ về nhà sau khi ăn một bữa no ê càng ở Katz's Deli thì người bạn đồng hành của cô bất ngờ đứng lại. Anh ta run rẩy, chỉ bằng một ngón tay. "Này. Gã kia, thấy không? Gã có súng đấy à?"

Thế là chiếc túi đựng đồ ăn thừa của cô bị vứt lên vỉa hè, khẩu Glock đã nằm trong tay và Frank bị đẩy một cách thô bạo ra sau một thùng rác lớn. Cô lao lên trước, kêu gọi người qua đường, "Nằm xuống, nằm xuống, cảnh sát đây!" Rồi sự việc tồi tệ hơn. Cô đấu súng qua lại vài vòng với kẻ thủ ác ngốc nghếch. Hắn quả là có trí

xét đoán tồi tệ khi tấn công vào một cửa hàng bán buôn đèn (biển gắn trên cửa sổ còn ghi, *Chỉ chấp nhận thẻ tín dụng)* và lại còn chĩa súng vào cô. Quy định của NYPD ghi rằng nếu một cảnh sát phải bắn, anh ta hay cô ta nên bắn gục đối phương, nhưng Sachs chưa chuẩn bị kịp để đưa ra một quyết định sinh tử vào tình huống đó. Cô bắn một viên đạn vào bàn tay hắn, tước vũ khí và mọi nguy cơ có thể xảy ra. Một phát súng dễ dàng với cô và phần việc giấy tờ đơn giản gọn nhẹ hơn nhiều so với một vụ bắn chết người. Frank đã đưa cô ra tàu điện ngầm trong lúc buôn chuyện điên cuồng và không bao giờ mời cô đi chơi lần nữa.

Giờ cô lại rẽ vào đúng con phố *High Noon* ấy - phố Bowery - và tìm đường trong mê cung đến khi thấy một hẻm tối. Những tòa nhà năm tầng đó, những căn hộ đã tồn tại được 150 năm, vẫn vươn lên khoảng trời hình chữ nhật màu xám, cho đến tận ngày nay. Các tòa nhà cao đều có cầu thang thoát hiểm chìa ra ngoài. Một tòa nhà có đường dây phơi đồ kiểu cũ, trên đó là những chiếc áo, quần và váy phất phơ như những con ma. Có lẽ là để làm ít dần, theo một cách rất nhỏ bé, dấu chân carbon*.

Chỉ số này càng lớn thì mức tác động xấu đến môi trường càng nhiều. Lượng khí CO2 này không nhất thiết là chúng ta trực tiếp thải vào môi trường. Mà chúng có thể được thải loại khi chúng ta sử dụng một thứ gì đó phải dùng năng lượng để có thể sản xuất. Chẳng hạn như là quần áo, đồ ăn.

Cả con phố gần như đều là nhà dân, nhưng cũng có vài cửa hàng bán lẻ ở tầng trệt. Một tiệm giặt khô. Một cửa hàng quần áo

“vintage” (ý là đã qua sử dụng). Một hiệu sách cũ, chuyên thể loại huyền bí.

Và tiệm trang sức của Blaustein.

Cô đỗ nửa xe trên vỉa hè, ném biển NYPD lên bảng điều khiển và bước ra ngoài. Không khí mát lạnh giữ mọi người ở lại trong nhà và việc thiếu vắng hoạt động trên phố khiến khách tham quan cũng đi nơi khác. Vỉa hè không có người qua lại.

Cô đi đến cửa trước. Có một tấm biển *Đóng cửa* trên cửa ra vào, nhưng Edward Ackroy đã bảo cô là Abe Blaustein đang chờ cô đến. Cô nhìn ghé vào trong. Phòng trưng bày trống vắng và tối dù có đầy các hộp bày hàng. Nhưng có ánh đèn ở phía sau và cô trông thấy vài chuyển động ở đó. Một người đàn ông mặc bộ vest đen bụi bặm, đội mũ yarmulke* nhìn lên và vẫy tay gọi cô vào.

Loại mũ che đỉnh đầu của người Do Thái.

Cánh cửa không khóa và cô đẩy vào trong.

Sachs đi chưa được một mét. Cô vấp phải thứ gì đó không nhìn rõ và ngã bổ nhào, dập mạnh xuống sàn nhà gỗ sồi cũ với một tiếng rên đau đớn.

Ngay khi cô kinh ngạc phát hiện ra một sợi dây thép dày được mắc ở tầm cổ chân thì gã đàn ông đã lao tới và nện lên lưng cô, đầu gối hắn đạp hết không khí ra khỏi phổi cô, làm cô buồn nôn. Cơn đau nuốt trọn lấy cô và cô hét lên. Chiếc mũ yarmulke đã bay mất còn hắn thì đang đội mặt nạ trượt tuyết quen thuộc.

Lúc cô với tay lấy vũ khí, hắn đã lôi nó ra khỏi bao súng của cô và nhét vào túi, cùng với điện thoại của cô. Hai bàn tay hắn đều đi

găng vải. Rồi hắn chụp chính còng tay của cô lên hai cổ tay cô, đã bị vặn ra sau. Hắn còn nện một cú vào phần dưới lưng cô một cách không cần thiết. Cô kêu lên khi cơn đau mới tỏa khắp cơ thể, giống hệt như cơn đau từ cú ngã xuống tấm ván ở công trường.

Gã đàn ông dừng lại vì bị lên cơn ho. Cô cảm thấy hơi thở và nước bọt của hắn bắn vào cổ mình. Mùi rượu, tỏi và quá nhiều nước hoa cạo râu.

Cô cảm nhận được kẻ tấn công đang cúi xuống. Cô căng người, chờ đợi cú đấm một lần nữa. Nhưng không, việc này rất lạ. Hắn chi xoa ngón tay thứ ba trên bàn tay trái của cô, cứ như đang nghiên cứu chiếc nhẫn cưới hay nhẫn đính hôn của cô vậy.

Cô định nói, “Có người biết tôi ở đây. Đây là một ý rất tồi..”

“Suỵt, *kuritsa* bé nhỏ,” trọng âm Nga vang lên. “Suỵt.”

Lúc đó cô nửa bị bê, nửa bị kéo vào trong căn phòng phía sau cửa hàng. Hắn thả mạnh cô lên sàn văn phòng lót thảm, ngay bên cạnh thi thể bất động, nhợt nhạt của một người đàn ông, chắc chắn là Abraham Blaustein, ông chủ. Từ trong túi quần, người Nga lôi ra một con dao rọc giấy và dùng ngón cái đẩy lưỡi dao bóng loáng trồi lên.

Và rồi, cô nhớ lại điều Lincoln Rhyme vừa nói.

Anh sẽ không bao giờ phạm sai lầm đó nữa…

Những lời cuối cùng anh sẽ nói với cô.

CHƯƠNG 55

“Tội nghiệp Abe,” người Nga lẩm bẩm.

Hắn đang lục lọi trong ví, túi đeo vai của cô, lóng ngóng vì tay đeo găng. Dường như không có gì trong ấy làm hắn quan tâm. Hắn ném mọi thứ sang bên.

“Tội nghiệp *kuritsa.* Abe-ra-ham. Tội nghiệp thằng Do Thái. Làm những việc ngu xuẩn, nói về Ezekiel Shapiro và tao.” Hắn tặc lưỡi. “Tao trông thấy hắn nói chuyện với thằng bảo hiểm khốn nạn. Ngu thật đấy, mày có nghĩ hắn ngu lắm không?”

Hắn ngồi xổm bên cạnh cô. “Nào, nào. Tao đang cần một thứ. Tao cần biết chỗ tìm ra thằng bé, Vimal? Mày biết nó, đúng, mày biết. Và lão bán bảo hiểm. Abraham đã kể với tao - sau khi chúng ta chơi vài trò.” Một cái gật đầu với con dao. “Hắn kể với tao hắn đang nói chuyện với tay Edward này. Mày cho tao biết Vimal ở đâu và họ của Edward và chỗ tìm bọn họ… và mọi chuyện đều tốt. Tốt cho mày.”

Tất nhiên là một cái bẫy. Nghi phạm đã buộc Blaustein gọi cho Ackroyd và sắp xếp một cuộc hẹn với cảnh sát. Nhưng không phải là bất kỳ cảnh sát nào. Nghi phạm muốn *cô.* Cô mới biết Vimal Lahori ở đâu.

Cơn đau tấn công từ mọi hướng, xương sườn, đầu - và cổ tay cô. Cô nhận ra trước đây mình chưa từng bị còng tay và cục sắt này đang siết vào cả da lẫn xương. Sachs đang bất lực. Vẫn còn bị

choáng và đau thấu ruột gan vì cú thúc đầu gối vào lưng của hắn. Nó đã làm phổi cô cạn sạch không khí. Cô vẫn phải vật lộn để thở.

Lịm dần…

Không, không lịm đi được.

Không chấp nhận được.

Có vẻ như ngay lúc ấy hắn mới nhận ra là mình vẫn còn đang cải trang. Hắn thô bạo lột áo khoác của Blaustein ra và ném nó sang bên.

“Áo khoác Do Thái.” Hắn khẽ ho. Chùi miệng và nhìn vào giấy. “Tốt, tốt. Tốt cả.”

Cô vượt lên trên sự ghê tởm và cố phân tích tình huống của mình. Cô có thể ngửi được mùi rượu nặng nhưng hắn không say. Không say đến mức bất cẩn. Cô cần phải trì hoãn bao nhiêu thời gian? Đủ lâu để Rhyme gọi đến điện thoại của cô hỏi xem cô đã tìm được gì? Không có câu trả lời, anh sẽ cử cảnh sát tới đây trong ba hoặc bốn phút. Đồn cảnh sát đâu có xa đến thế.

Nhưng đó sẽ là ba hay bốn phút rất dài.

Hắn cúi xuống. “Nào, mày…”

Hắn lại nhìn vào thẻ của cô.

“Mày, Nữ cảnh sát A-melia. Mày là cô gái có ích mà. Mày có thể giúp tao. Tốt cho mày. Mày giúp tao và mày sẽ tự do.”

“Tên anh là gì?” cô mạo hiểm.

“Suỵt, *kuritsa.”*

“Có một quả bom ga khác, chúng tôi biết. Có thể còn hơn. Nói cho tôi biết chúng ở đâu.”

Câu này làm hắn ngập ngừng. Cặp mắt xanh liên tục đảo lúc tỉnh lúc mê. Mặc dù vậy, không phải vì thuốc. Tâm trí hắn loạn rồi. Đúng, hắn là lính đánh thuê và sát thủ thật. Nhưng Người hứa hẹn và nhiệm vụ điên rồ của hắn cũng không hoàn toàn là tưởng tượng. Phán đoán ban đầu của cô vẫn đúng.

Hắn chỉ đơn giản là bị điên…

Cô nói tiếp, “Chúng tôi sẽ làm việc với DA*. Và cả Bộ Ngoại giao. Chúng tôi sẽ xin tội cho anh một kiểu gì đấy.”

DA là viết tắt của ‘District attorney’ - Công tố viên quận

“Bộ Ngoại giao. Sao, nhìn mày xem! Một con *kuritsa* nhỏ bị trói quặt, sẵn sàng lên thớt, thế mà vẫn giãy giụa những cái chân gà nhỏ, tìm kiếm *những thứ* có ích. Tao có phải nhà yêu nước không? Tao có phải người Nga không? An ninh Nội địa thì biết gì về tao? Thông minh nhỉ. Nào, tao thích mày đấy, *kuritsa.* Mọi chuyện sẽ không đau đớn đâu, nếu mày giúp tao.”

Hơi thở dần đều đặn hơn, cô đã nhận thức được cơn đau từ cú ngã và những cú đánh của hắn sắp tan.

Nghĩ đi: Vững vàng. Một kế hoạch. Cần phải trì hoãn.

Trì hoãn…

“Chúng tôi có thông tin về anh. Anh là người Moscow. Hộ chiếu họ Dobyns. Những cái tên khác, từ Barcelona và Dubai.”

Hắn cứng người. Cứ như hắn vừa bị tát vậy.

Cô nói đều đều, “Việc họ tìm được anh chỉ còn là vấn đề thời gian thôi. Mô tả nhân dạng của anh đã được gửi lên danh sách theo dõi rồi. Anh sẽ không bao giờ ra khỏi đất nước này được đâu.”

Hắn hồi tỉnh và gật đầu khoa trương. “Đúng, đúng, nhưng có lẽ tao có cách riêng để thoát ra. Hoặc tao sẽ ở lại đất nước xinh đẹp này và lái Uber! Giờ câu hỏi của tao. Có một thằng bé tao cần tìm. Và một thằng khốn làm bảo hiểm. Edward. Mày sẽ nói cho tao.”

“Chúng tôi có thể làm việc với…”

Đột nhiên hắn đứng lên, mắt hoàn toàn điên cuồng. Hắn rút chân ra sau và đá mạnh chiếc giày oxford vào mạng sườn cô. Cú đá không làm gãy xương sườn nhưng nó kích hoạt cơn đau trên mọi mặt trận. Cô lại kêu lên và nước mắt chảy ra. Một lần nữa hắn ngồi xổm xuống và hạ môi sát tai cô. Khi nói, giọng hắn tức giận thấy rõ. “Không nói chuyện nữa, trả lời câu hỏi đi.”

Cô im lặng.

“Đã rõ chưa?”

Cô gật đầu.

Không còn làm được gì nữa. Sachs nhắm mắt lại. Ý nghĩ của cô là: ít nhất hắn cũng để lại một vệt bằng chứng.

Amelia Sachs biết mình sắp chết.

Đầu tiên cô nghĩ về cha mình, Herman Sachs, một cảnh sát NYPD đã được thưởng huân chương.

Rồi đến Rhyme, hiển nhiên. Cuộc đời họ đã song hành biết bao nhiêu năm.

Anh sẽ không lặp lại sai lầm ấy lần nữa…

Rồi đến mẹ cô, đến Pam - một cô gái trẻ đã được cô cứu và giờ không khác gì con gái ruột của cô. Hiện đang học ở San Francisco.

Giờ người Nga lăn cô úp mặt xuống, đá chân cô dạng ra. Má cô cọ vào sàn nhà đầy sạn. Hắn tóm bàn tay trái bị còng của cô, kéo nó lên một cách đau đớn và một lần nữa vuốt ve ngón tay đeo nhẫn của cô. Rõ ràng hắn đang ngắm viên kim cương xanh trong chiếc nhẫn đính hôn mà Rhyme đã mua cho cô.

Cô có thể mặc cả mối quan tâm của hắn lấy một chút thời gian được không? Cô dợm nói. “Nghe này…”

“Suỵt, suỵt. Tao bảo mày thế nào?” Hắn cọ lưỡi dao lên ngón tay đeo nhẫn của cô. “Okay, *kuritsa.* Nào. Tao đang nói là câu hỏi. Thằng bé đó. Nhóc Vimal. Con *kuritsa* ngu ngốc. Tao cần nói chuyện với nó. Vài chuyện thôi. Mày cần cho tao biết nó ở đâu. Và gã bảo hiểm nữa.”

“Không đời nào.”

“Tao sẽ không làm nó đau. Không, không! Không muốn làm nó đau. Chỉ nói chuyện thôi. Tán gẫu.”

“Đầu hàng đi. Sẽ tốt hơn cho anh rất nhiều.”

Hắn cười. “Mày đúng là một thứ khác biệt đấy! Giờ Vimal. Nói cho tao cách đến thăm nó.”

Một tay hắn kéo thẳng ngón tay đeo nhẫn của cô, đưa lưỡi dao lại gần hơn, cô có thể cảm nhận được.

Cô vật lộn bằng tất cả sức mạnh để gập ngón tay lại nhưng hắn quá khỏe. Hắn trèo lên người cô, ấn toàn bộ trọng lượng xuống hông cô. Cô bị đóng đinh tại chỗ.

Một cơn nhói ở ngón tay.

Chúa ơi, hắn đang cắt nó! Hắn sẽ cắt cụt nó!

Cô nghiến chặt răng, suy nghĩ, Thật trớ trêu làm sao? Hắn sắp sửa cắt ngón tay đeo nhẫn bên trái của mình - cũng chính là ngón tay duy nhất mà Lincoln có thể nhúc nhích được sau vụ tai nạn.

“Vimal?”

“Không.”

Cô cảm thấy hắn căng người và chuẩn bị cắt.

Sachs hít vào. Nhắm chặt mắt. Cơn đau có thể tệ đến đâu chứ?

Rồi gã người Nga cứng đờ lại. Bàn tay hắn thả lỏng. Dường như hắn đang nhìn lên. Hắn bắt đầu đứng dậy, con dao đã rời khỏi ngón tay cô. Hắn hổn hển.

Áp lực không khí từ phát súng, gần đến đau đớn, quét vào người cô. Người Nga gục xuống ngay lập tức, đổ nhào lên hai chân cô.

Rồi hắn bị kéo ra khỏi người cô và cô lăn lại nằm ngửa, nhìn lên khuôn mặt hoảng hốt của Edward Ackroyd. Ông ta đang nhìn chằm chằm vào tay mình, vẫn đang cầm khẩu Glock. Không phải của cô. Ông ta thả rơi khẩu súng trên bàn như thể nó nóng rẫy và đỡ cô ra khỏi cái xác của người Nga.

Môi ông ta mấp máy. Cô tự hỏi trong giây lát tại sao ông ta lại mất tiếng. Rồi nhận ra là cô đã bị điếc tạm thời do phát súng.

Cô đoán ông ta đang hỏi cô có sao không.

Nên đây là câu trả lời, “Có, có, ổn cả.”

Mặc dù khả năng nghe của ông ta cũng đã bất lực và ông ta đáp lại rối rít, với những từ như là, “Cái gì, cái gì, cái gì?”

CHƯƠNG 56

Bên ngoài cửa hàng trang sức, dưới bóng của những tòa nhà đã đứng vững suốt hai thế kỷ nay, Sachs ngồi ở rìa một cái xe cứu thương. Cô không chịu nằm cáng.

Nhân viên y tế tuyên bố không có thiệt hại nào nghiêm trọng; cô không bị gãy xương sườn nào - từ đầu gối và chiếc giày của gã người Nga - nhưng sẽ có vết sưng phồng. Một vết cắt nhỏ do dao ở gốc ngón tay bên bàn tay trái - ngón đeo nhẫn - nơi suýt nữa thì đã bị cắt cụt. Một chút Betadine và bông băng vết thương là tất cả những thứ nó cần.

Edward Ackroyd đứng bên cạnh cô, co rúm. Nụ cười nhạt của ông ta đã trở lại nhưng dễ hiểu là rất hời hợt. Điều này cũng đúng với cặp mắt nâu. Ông ta giải thích là mình đã quyết định đến cửa hàng để gặp cô và Abraham Blaustein xem có giúp ích gì được không. Ông ta nhìn hé vào và không thấy ai nên tự đi vào. Rồi ông ta bị sốc khi trông thấy một người đàn ông đang ngồi lên người cô và cúi xuống cô với một con dao. Ông ta cũng để ý thấy khẩu súng trong túi áo khoác đen đặt trên quầy - của người Nga; hắn đã cởi nó ra để mặc bộ quần áo của Blaustein.

Khi gã kia trông thấy ông ta và đứng lên, giơ con dao ra, ông ta đã bóp cò.

“Tôi đã không nghĩ gì. Chỉ bắn. Đó là tất cả. Chỉ… Từng ấy năm trong đội Cảnh sát Thành phố. Chưa từng bắn một lần. Chưa bao

giờ *mang* súng.” Hai vai ông ta sụp xuống. Ông liên tục gẩy ngón trỏ vào ngón cái.

“Không sao đâu,” cô nói.

Mặc dù cô biết là không phải. Lần đầu tiên luôn ám ảnh bạn. Mãi mãi. Dù có cần thiết bao nhiêu, dù là bản năng thế nào, phát đạn giết người lần đầu tiên sẽ khắc sâu mãi mãi vào tâm trí, trái tim và linh hồn bạn.

Vài lần Ackroyd hỏi đội y tế và các cảnh sát có mặt là người Nga đã chết thật chưa, rõ ràng ông ta hi vọng mình mới làm bị thương người kia. Mặc dù vậy, chỉ nhìn liếc qua vỏ đạn rỗng là không còn nghi ngờ gì nữa.

Sachs nói, “Edward, cảm ơn ông.” Tất nhiên là cách thể hiện không thích hợp. Nhưng nói thế nào *mới* đúng được đây?

Tuy nhiên, Sachs vẫn có cảm xúc hỗn độn về vụ việc. Ngón tay cô còn nguyên vẹn, mạng sống đã được cứu. Nhưng Nghi phạm 47 không những đã chết mà cả cơ hội dễ dàng nhất - và có lẽ là duy nhất - để tìm ra quả bom ga cuối cùng được đặt ở đâu cũng bị đánh mất. Sau khi bác sĩ của đội y tế kết thúc việc khám nghiệm ban dầu, Sachs đã mặc bộ áo liền quần của CSU và cúi xuống cái xác để xem khi chết, nó có gì để nói với cô không.

“Tôi biết là chuyện này hơi phiền, thưa ông. Nhưng nói riêng với ông nhé, tôi sẽ không quá lo ngại về nó đâu.”

Andrew Krueger gật đầu và cố tỏ ra một chút lo lắng bất an cho đúng. “Tôi… chỉ không biết phải nói gì.”

Viên thanh tra là một người Mỹ gốc Phi to lớn, đang lái chiếc xe cảnh sát không biển hiệu của mình tới một đồn cảnh sát mà Krueger đoán là không còn xa lắm. Krueger đang ngồi ở ghế trước trên chiếc Chrysler. Lão không bị bắt. Chính miệng viên thanh tra đã kết luận rằng phát súng là chính đáng và anh ta sẽ "đấu tranh đến cùng cho ông, ông Ackroyd".

Tuy nhiên vẫn còn vấn đề thủ tục. Lão sẽ phải đến lấy lời khai, sẽ có một cuộc điều tra, và tất cả tang chứng sẽ được gửi đến chỗ công tố viên quận, người sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về số phận của lão.

"Chỉ có một phần triệu cơ hội rằng vụ án sẽ ra tòa thôi. Tôi đánh cược bằng tất cả tiền lương hưu của mình là sẽ không có chuyện đó đâu. Không có ADA* nào lại hất bỏ danh tiếng của mình bằng cách cáo buộc vụ này. Hơn nữa, ông còn có thẻ bài."

"Thẻ gì?"

"Ồ, ý tôi là giống tấm thẻ miễn-vào-tù ấy."

Krueger vẫn không hiểu. "Xin lỗi?"

"Ở Anh, các ông không chơi trò Độc quyền* à?"

ADA là viết tắt của 'Assistant District Attorney' - Trợ lý công tố viên quận

Tương tự trò cờ tỷ phú ở Việt Nam

"Thỏa thuận thương mại không công bằng ư?"

Viên thanh tra buồn cười. "Thôi bỏ đi. Chỉ có điều cô Amelia ấy - thanh tra Amelia - ông đã cứu mạng cô ấy? Cô ấy là nhân vật lớn trong Sở. Như thế ông càng được thuận lợi."

Họ lái xe trong im lặng một lát.

Anh ta nói tiếp, “Tôi từng gặp rồi. Tôi cũng làm vậy. Một lần. Hai mươi tư năm trong ngành tôi chưa từng nổ súng lần nào. Rồi, mới mười tám tháng trước…” Giọng anh ta nhỏ lại. “Bạo lực gia đình. Người con trai phát điên, ông biết đấy, thiếu thuốc. Cậu ta định bắn luôn cả bà mẹ, đồng sự của tôi và tôi khống chế cậu ta. Nhưng rồi cậu ta quay khẩu súng sang Jerry. Không còn lựa chọn nào khác.” Một đoạn im lặng kéo dài cả dãy nhà. “Súng không có đạn. Vũ khí của cậu ta ấy. Nhưng… chà, rồi ông sẽ vượt qua chuyện đó thôi. Tôi đã làm được.”

Hay là không.

“Cảm ơn vì câu chuyện,” Krueger nói với vẻ thành khẩn nhất mà lão nặn ra được. “Tôi không chắc là mình còn có thể như cũ được không.”

Câu này, thốt ra từ một kẻ đã giết ít nhất mười ba người - mặc dù chỉ có ba người trong số đó là mang súng.

Lão nhớ lại vẻ mặt của Rostov khi hắn trông thấy khẩu súng chĩa vào đầu mình. Bị sốc, rồi một giây thấu hiểu, biết rằng mình đã bị cài bẫy. Krueger đã bắn rất nhanh, trước khi người Nga kịp gọi tên lão và mách nước cho Sachs là họ đã biết nhau. Nhắm thẳng vào thái dương.

Cái chết của Vladimir Rostov là không thể tránh khỏi.

Và đã được lên kế hoạch từ lâu. Krueger đã quyết định giết hắn ngay từ khi lão phát hiện ra người Nga đã bẻ khoá điện thoại của lão và đang ở New York, đóng vai Người hứa hẹn. Đến lúc ấy, lão đã

biết rằng Rhyme và Amelia rất giỏi. Lão cần đưa cho cả hai một kẻ chủ mưu - Ezekiel Shapiro cuồng tín - cùng tên khủng bố sinh thái là tay sai của ông ta, Vladimir Rostov.

Kế hoạch của Krueger là vào cửa hàng Blaustein và giết Rostov bằng chính khẩu Glock không đăng ký của lão - khẩu súng lão đã dùng để bắn Vimal và giết Saul Weintraub. Trong lúc lộn xộn sau vụ bắn nhau ở cửa hàng Blaustein, lão đã đặt vài băng đạn 9mm vào túi áo Rostov để liên kết hắn chặt chẽ hơn nữa với các vụ nổ súng ở cửa hàng Patel và nhà Weintraub. Krueger cũng đã bỏ túi điện thoại, chìa khoá phòng khách sạn và chìa khoá xe Toyota của Rostov.

Ngay khi cuộc thẩm vấn của Krueger với cảnh sát kết thúc, và lão không nghĩ nó sẽ mất nhiều thời gian, lão sẽ nhanh chóng tới phòng Rostov, chà rửa mọi bằng chứng, rồi vứt hết những chiếc điện thoại ẩn danh của Rostov, máy tính và ô tô.

Xe cảnh sát đã về đến đồn và Krueger bước ra. Viên thanh tra chỉ lão đi về phía cửa trước.

“Lối này, ông Ackroyd. Giờ để ông biết trước nhé. Ông không bị bắt. Không cần lấy dấu vân tay hay chụp ảnh. Không làm gì như vậy cả. Chỉ là một cuộc phỏng vấn thôi.”

“Cảm ơn, anh cảnh sát. Tôi thực sự biết ơn những lời trấn an của anh. Điều vừa xảy ra, quả thật, làm tôi khá đau khổ.” Lão nghĩ đến chuyện gạt những giọt nước mắt cá sấu nhung quyết định làm như vậy thì không hợp tính cách nhân vật.

CHƯƠNG 57

Amelia Sachs quay lại dinh thự của Rhyme cùng vài thứ. Đầu tiên là bộ sưu tập vật chứng ở khách sạn của Vladimir Rostov tại bãi biển Brighton và tại cửa hàng của người bán lẻ trang sức. Tại đó, suýt chút nữa cô đã mất một ngón tay dưới lưỡi dao của tên điên người Nga.

Thứ hai là viên thanh tra của ban quản lý khai khoáng New York.

Rhyme liếc nhìn người đàn ông từng nói chuyện cùng họ trước đây, Don McEllis, nhưng không mấy quan tâm và tập trung vào những thùng vật chứng mà Sachs đang đẩy vào. Cô chú ý ánh mắt anh và nói, “Không dễ ăn đâu, Rhyme.”

Ấy là nhắc tới nhiệm vụ cấp bách của họ: tìm xem những quả bom ga tiếp theo đặt ở đâu.

“Em hi vọng McEllis giúp được.”

Anh ta gầy gò, nhìn có vẻ đứng đắn - thực ra từ “lạc mốt” hiện ra trong đầu anh mới đúng. Sachs đã giải thích anh ta có mặt ở đây là để xem qua các bản đồ và chi tiết về những vụ hoả hoạn trước để xem có thể khoanh vùng cuộc tìm kiếm thiết bị nổ được không.

Sachs nói, “Tôi nghĩ hắn cài đặt chúng gần các đường ống bị hỏng trong khu vực, nếu hắn muốn vụ động đất trông có vẻ thật. Nếu vậy, có lẽ Don có thể chỉ ra chúng được.”

Viên thanh tra nhún vai. Anh có vẻ không hào hứng lắm. Điện thoại của anh rung lên. “Toà thị chính. Trời ơi.” Anh nhận cuộc gọi và bước sang một bên.

McEllis yêu cầu được dùng máy tính để tải vài tấm bản đồ địa chất của khu vực. Cooper chỉ cho anh ta một cái. Anh ta cũng muốn biết các quả bom trước đấy đã được đặt ở đâu, và Sachs đẩy anh ta về phía tấm bảng trắng có gắn một bản đồ thành phố. Các vụ cháy được đánh dấu X đỏ và chúng tạo thành một hình ê-líp không liền mạch quanh một điểm trung tâm: công trường địa nhiệt gần Cadman Plaza. McEllis mở ra một biểu đồ địa chất của khu vực và bắt đầu mải mê nghiên cứu.

Cooper và Sachs đều đang mặc đồ bảo hộ và đeo mặt nạ để bắt đầu làm việc với các vật chứng đã thu được tại cửa hàng trang sức của Blaustein và khách sạn của Rostov trên bãi biển Brighton.

Rhyme cũng có vài thông tin. Sau khi Sachs gửi cho anh tên tuổi của nghi phạm, anh đã liên lạc lại với Daryl Mulbry của AIS, yêu cầu chi tiết về tên giết người. Ông ta đã gửi tới một bản báo cáo tổng hợp những thứ tìm được trong khoảng thời gian hạn chế đó. Vladimir Ivanovich Rostov. Quá khứ của người đàn ông Nga, bốn mươi bốn tuổi, là cựu quân nhân rồi sang làm việc cho FSB* - một trong những đơn vị kế thừa của KGB* - rồi trong mười năm vừa qua hắn là “cố vấn” cho những khách hàng là các tổ chức lớn gần như thuộc về chính phủ Nga, chẳng hạn Gazprom, một công ty dầu và khí ga, Nizhy Novgorod Shipping, chuyên sản xuất các giàn khoan dầu và tàu chở dầu và - đáng kể nhất - Dozprom, công ty khai thác kim cương lớn nhất nước Nga.

FSB là viết tắt của ‘Federalnaya Sluzhba Bezopasnosti’ - Tổng cục An ninh Liên bang của Liên bang Nga

KGB là viết tắt của ‘Komitet Gosudarstvennoi Bezopasnosti’ - ủy ban An ninh Quốc gia Xô Viết

Mulbry đã biết được Rostov từng làm việc ở mỏ Mir, ở Siberia, từ tuổi mười hai đến tận hai mươi. “Anh chàng này hơi điên, từ những gì chúng tôi tìm được. Có tin đồn hắn ta đã giết chính ông chú mình, trong khi ông ta ở cùng một đường hầm khai mỏ với hắn. Đầu bị đá đập vỡ, nhưng ở đó lại không có vụ sạt lở nào. Cảnh sát thường lờ đi khi có việc liên quan đến công ty to nhất trong khu vực đó. Cả dì của hắn cũng chết không lâu sau đó. Rõ ràng là một đêm nọ bà ta bị kẹt trên mái nhà, cửa bị khoá bên ngoài. Không ai biết được bà ta làm gì ở đó. Bà ta chỉ mặc có một bộ áo ngủ mỏng tang và không mang giày. Hôm đó là vào tháng Mười Hai. Nhiệt độ bên ngoài là âm hai mươi. Các nhà chức trách cũng mắt nhắm mắt mở với cả vụ đó. Đã có vài khiếu nại là bà ta *ne podkhodit,* không đứng đắn với vài thanh niên trong khu nhà.”

Tiểu sử thú vị đấy, Rhyme nghĩ.

Hầm mỏ. Chà, điều đó giải thích nỗi ám ảnh với kim cương… và mối quan tâm của Rostov trong việc làm giả các vụ động đất ở công trường địa nhiệt.

Điệp viên còn nói thêm rằng Rostov bị các chính phủ Đức, Pháp, Thuỵ Điển, Cộng hoà Séc và Đài Loan từ chối cho nhập cảnh, vì bị nghi đã tấn công, tra tấn và thực hiện các hành vi kinh doanh bất hợp pháp, cũng như nhiều tội tài chính khác. Các nhân chứng không đứng ra tố cáo, nên hắn chưa bao giờ bị đưa ra toà; hắn chỉ bị trục

xuất và thông báo đừng bao giờ trở lại. Ở Krakow, nhà chức trách Ba Lan đã giam giữ hắn sau cáo buộc tấn công tình dục một phụ nữ và đánh bạn trai cô ta. Hắn đã được lặng lẽ thả ra do vài can thiệp từ Moscow.

Ở cửa hàng trang sức, cô đã tìm được hộ chiếu Nga thật của hắn - với cái tên Rostov - cộng với một hộ chiếu giả tên Alexander Petrovich, một khẩu Smith & Wesson .38, những viên đạn .38 và 9mm Finocchi rời - loại sau là cho khẩu Glock - mặt nạ trượt tuyết, găng tay vải, con dao rọc giấy còn vấy máu, thuốc lá và bật lửa, tiền mặt (đô-la, rúp và euro). Không có chìa khoá chiếc Toyota, mặc dù không có gì đảm bảo rằng chiếc xe đỏ bên ngoài nhà Adeela từng thuộc về Rostov. Hắn cũng không mang theo điện thoại di động.

Hắn không cầm theo chìa khoá phòng nhưng một cuộc kiểm tra nhanh với các khách sạn và nhà nghỉ trong khu vực đã phát hiện ra một Alexander Petrovitch đang ở tại Nhà trọ Beach View Residence ở bãi biển Brighton, Brooklyn. Sau đó, Sachs đã khám phòng thật kỹ lưỡng. Nhưng cô không tìm được gì nhiều. Thêm những băng đạn .38, thức ăn nhanh, mấy chai Jack Daniels, các hộ chiếu thật của những danh tính khác mà Mulbry đã biết. Không có máy tính hay điện thoại, chìa khoá xe lẫn manh mối gì liên quan đến *lehabahs,* các thiết bị IED ở đường ống ga, hay nơi chúng được cài đặt.

Và cũng không có cả những viên thô trị giá năm triệu đô-la nữa.

Những viên đá ở đâu? Đồ điện tử của Rostov đâu? Cô đoán hắn giữ tất cả, bao gồm cả chìa khoá khách sạn, bên trong chiếc Toyota, phòng khi hắn cần tẩu thoát nhanh chóng. Chìa khoá xe chắc chắn

được giấu bên trong khoang bánh xe. Sau bộ phim *Breaking Bad,* một seri truyền hình dài tập, có cả đống tội phạm đã làm cách này.

Việc thiếu đầu mối đã thúc đẩy cô kêu gọi sự giúp đỡ từ nhà địa chất học, cô giải thích với Rhyme như vậy. Đó là một bước đi có phần tuyệt vọng, cô giải thích. Mặc dù theo quan điểm của Rhyme việc ấy cũng hợp lý.

Sachs viết lại các phát hiện ít ỏi trong vật chứng lên tấm bảng trắng và lùi lại, chống tay lên hông, lại dùng ngón trỏ cào ngón cái. Nhìn đăm đăm, đăm đăm.

Rhyme cũng đang làm việc tương tự. “Còn gì nữa không?” anh gọi sang Cooper.

“Chỉ còn kiểm tra những dấu vết cuối cùng từ phòng khách sạn thôi. Một phút nữa là có.”

Nhưng nó sẽ cho thấy điều gì? Có thể là vài chất sót lại trên dấu giày từ nơi hắn đặt quả bom. Nhưng trông chờ như vậy thì xa xôi quá.

Anh nhăn mặt thất vọng, rồi liếc sang McEllis. “Có gì chưa, Don?”

Anh kĩ sư vẫn đang gò lưng trên bàn, nghiên cứu cả bản đồ địa chất trên mạng lẫn bản cứng đã đánh dấu các vụ hoả hoạn trước đó. Anh ta nói, “Tôi nghĩ là có. Dường như hắn đã đặt bom dọc theo đường nứt Canarsie. Thấy không? Nó chạy xuyên qua trung tâm Brooklyn, gần Cadman Plaza, rồi vào trong cảng. Nó dài khoảng hơn ba cây số thôi nhưng phần lớn bị chìm dưới nước. Chỉ có

khoảng tám trăm mét trên bờ.” McEllis chỉ một trục đi xuyên qua khu vực đô thị đông đúc.

Quỷ thật, Rhyme nghĩ, có quá nhiều tầng hầm để lùng sục. “Chúng ta phải khoanh vùng nhỏ hơn nữa.”

Mel Cooper gọi, “Đã có ba manh mối cuối cùng. Không có gì xác định được vị trí cụ thể của Rostov cả. Tàn thuốc lá, sốt cà chua, mỡ bò, đất cát tương thích với địa chất bãi biển Brighton. Thêm kimberlite nữa.”

Không ngước lên khỏi bản đồ, McEllis hỏi, “Kimberlite à?”

Rhyme nói, “Đúng vậy. Nghi phạm của chúng ta đã dính phải một ít cái đó ở hiện trường giết người đầu tiên. Nó có trên quần áo và giày của hắn. Hắn đã bỏ lại một ít ở vài hiện trường.”

“Vậy ý anh là serpentinite. Không phải kimberlite. Chúng cùng một họ đá.”

“Không, đó là kimberlite. Chúng có các tinh thể kim cương lẫn bên trong,” Cooper nói và nhìn lên. “Tôi nghĩ điều đó khiến một viên serpentinite biến thành kimberlite.”

“Đúng thế,” McEllis thì thầm. “Nhưng… tôi có thể xem một mẫu vật được không?”

Cooper nhìn sang Rhyme, anh gật đầu.

Kĩ thuật viên chuẩn bị một mẫu vật và đặt nó lên bệ kính hiển vi.

McEllis ngồi lên một cái ghế, gập người về phía trước và bắt đầu điều chỉnh đèn bên trên cái bệ. Anh ta tập trung. Ngồi lùi lại, nhìn đi chỗ khác. Rồi quay lại với ống kính. Anh ta dùng một cây kim để chọc qua lớp bụi và đá. Mắt anh ta vẫn còn đặt trên ống kính viền

cao su nhưng hai vai lại nhô lên và gót chân kiễng nhẹ. Ngôn ngữ cơ thể cho thấy rằng anh ta đang nhìn vào một thứ gì đấy khác thường. Anh ta lùi lại và khẽ cười.

“Sao thế?” Sellitto hỏi.

“Chà, nếu các anh tìm thấy những viên đá này ở thành phố New York thì các anh vừa mới viết lại lịch sử địa chất đấy.”

CHƯƠNG 58

“Kimberlite,” Don McEllis đang nói với những người bên trong phòng khách. “Các bạn có thể gọi nó là thang máy mang kim cương lên bề mặt trái đất từ lớp manti - phần nằm ngay bên dưới lớp vỏ. Nơi kim cương được hình thành.”

Điều tra viên quay lại với kính hiển vi, cứ như anh ta không cưỡng lại được, và quan sát các khoáng chất trên bệ của dụng cụ lần nữa. Anh ta tiếp tục đổi các mẫu vật. “Hừm. Chà.” McEllis ngồi lại lần nữa và xoay chiếc ghế để đối mặt với những người khác. “Kimberlite giàu kim cương - như mẫu này - chưa từng được tìm thấy ở bất kì đâu trong tiểu bang New York. Địa chất khu vực này không thích hợp để hình thành kim cương. New York là khu vực ‘rìa thụ động*‘. Chúng ta có những thềm kiến tạo ổn định.”

Rìa lục địa hình thành do sự rạn nứt của lục địa và sự tách dãn của đáy đại dương, về mặt kiến tạo thì rìa thụ động tương đối yên tĩnh.

“Không thể tìm thấy kimberlite có kim cương ở đây à?” Rhyme hỏi.

Người đàn ông nhún vai. “Đúng hơn phải nói là rất ít khả năng. Có khoảng sáu ngàn mỏ kimberlite trên thế giới nhưng chỉ có chín trăm mỏ là chứa kim cương… và vài chục mỏ đủ viên thô để việc khai thác đem lại lợi nhuận. Và ở Mỹ không có mỏ nào. Ồ, nhiều năm trước cũng có một vài nơi sản xuất nhỏ - ở miền Nam. Giờ chúng đều là các mỏ mở cho du khách. Anh trả hai mươi đô hoặc

khoảng đó, để tìm kim cương với lũ trẻ. Còn ở Canada, mãi đến gần đây các nhà khai mỏ mới tìm được kimberlite hay kim cương, và giờ họ đã là một trong những nhà sản xuất chính. Vì thế, tôi đoán chuyện đó cũng có thể xảy ra ở đây."

Điều tra viên lại nhìn qua kính hiển vi lần nữa. "Các anh vừa bảo tìm được cái này ở đâu ấy nhỉ?"

Rhyme trả lời, "Vài nơi. Ở cửa hàng nơi nghệ nhân kim cương Patel bị giết. Vimal - thợ học việc của ông ta - có mang theo một cái túi đựng nó. Chúng tôi đã không nghĩ gì nhiều về nó. Chúng tôi tưởng cậu ta sẽ cắt nó thành một món trang sức. Hoặc là tạc tượng. Đó là sở thích của cậu ta."

"Anh không thể tạc kimberlite như vậy được. Kim cương làm cho việc đó thành bất khả thi. Quá cứng."

Rhyme cau mày, "Chỉ là giả định thôi."

"Còn các nguồn khác?" McEllis hỏi.

Sachs nói, "Có một chút dấu vết ở nhà Saul Weintraub - nhân chứng đã bị giết. Có thể nó rơi ra từ giày của kẻ sát nhân hoặc quần áo." Cô nhún vai. "Đó là chúng tôi nghĩ vậy. Tôi đoán nó cũng có thể rơi ra từ chính Weintraub."

Giả định…

Rhyme hỏi, "Giả sử có vài mẩu đá lớn loại này. Chúng có đáng giá lắm không? Có đáng để giết người vì nó không?"

"Xác suất tìm được kim cương đáng tiền trong những mẫu kimberlite nhỏ tương đương với xác suất anh trúng độc đắc vậy." Rồi anh ta cau mày. "Nhưng…"

“Sao?” Sachs hỏi.

“Không ai lại đi giết người vì một viên đá như thế này cả. Nhưng họ có thể làm việc đó vì thứ mà nó đại diện.”

“Ý anh là gì?”

“Nếu mẫu vật này tới từ một mạch lớn thì sao? Tôi có thể thấy người ta giết người để chiếm quyền khai mỏ hoặc để phá hủy nguồn cung, đảm bảo không ai tìm ra nó.”

“Phá hủy ư?” Sachs hỏi.

McEllis nói, “Trong lịch sử có hai ngành công nghiệp mà những công ty trong đó sẽ làm bất cứ điều gì để phá hoại các phát hiện tiềm năng, hòng giữ giá cao. Dầu mỏ và kim cương. Và khi tôi nói bất cứ điều gì, ý tôi là nghĩa đen ấy. Giết người, phá hoại, đe doạ. Những điều này sẽ không xảy ra với những viên kim cương sản xuất hàng loạt - những loại rẻ tiền, dành để xay tán, mài giũa, cơ khí nhưng sẽ xảy ra với những viên đá quý, giống như thế này.” Anh hất cằm về phía kính hiển vi. “Ồ phải. Chắc chắn rồi.”

Sellitto nói, “Line, anh có nghĩ một công ty kim cương nào đó đã nghe nói đến mạch đá này và cử nghi phạm tới đây để giết tất cả những ai biết về nó không.”

Rhyme gật đầu. “Northeast Geo, họ đã đào nó lên nên Rostov làm giả các vụ động đất để thành phố cấm việc khoan khai thác.”

McEllis, “Chuyện này cũng không hiếm thấy như anh nghĩ đâu. Thậm chí anh còn có thể thuê những công ty ‘an ninh’ để đảm bảo các mỏ tiềm năng không bao giờ được khai quật hoặc đóng cửa những mỏ đang có sẵn. Những con đập bị nổ tung, quan chức chính

phủ ăn hối lộ để quốc hữu hoá mỏ và phá huỷ chúng. Người Nga đặc biệt có tiếng trong việc này."

Rhyme nói, "Rostov trước đây đã làm việc cho Dobprom, công ty độc quyền khai thác kim cương của Nga."

"Ồ, chắc chắn họ là một trong những tay chơi chuyên phá hoại. Nhiều nhà sản xuất khác cũng chơi không đẹp như vậy lắm."

Sachs nói, "Weintraub. Ông ta là người đánh giá. Có lẽ ông ta không bị giết vì là nhân chứng. Có lẽ ông bị giết vì đã phân tích kimberlite và phát hiện ra kim cương."

Sellitto lẩm bẩm, "Chúng ta đã không nghĩ kỹ. Ở chỗ Patel: Weintraub rời đi trước khi nghi phạm đến. Ông ta thì giúp được gì với tư cách là nhân chứng? Không nhiều. Nghi phạm của chúng ta muốn ông ta chết vì ông ta biết về kimberlite."

Sachs nói, "Tội ác được thực hiện ở chỗ Patel không phải là để ăn cắp viên thô. Chúng định giết ông ấy và tất cả những người biết về phát hiện này. Đó là lí do hắn tra tấn Patel - và dùng súng đánh Weintraub. Hắn muốn biết họ có giữ thêm kimberlite nào khác hoặc ai khác biết về nó không."

Rhyme cúi đầu xuống tấm đỡ trên ghế của mình, mắt nhắm nghiền. Rồi anh mở mắt. "Ai đó đã tìm được một mẫu vật ở công trường khoan, mang nó đến chỗ Jatin Patel và ông ta thuê Weintraub phân tích nó. Tin tức tới tai Dobprom. Họ cử Rostov tới ngăn chặn giàn khoan và giết bất kì ai đã biết về nó."

McEllis nói, "Dobprom sẽ không muốn có một hoạt động khai thác lớn diễn ra ở Mỹ đâu. Quỷ thật, *không có* một công ty mỏ nước

ngoài nào muốn. Nó sẽ làm giảm bớt một nửa doanh thu của họ.”

Mel Cooper hỏi, “Nhưng nguy cơ ảnh hưởng tới các công ty đó có thật sự tồn tại không? Ý tôi là, việc khai thác kim cương ở Brooklyn thực tế đến đâu chứ?”

McEllis trả lời, “Ồ, việc đó không khó khăn gì đâu. Thực ra là dễ hơn nhiều so với đào đường tàu điện ngầm hoặc hầm dẫn nước, mà mấy việc đó thì thành phố vẫn làm suốt. Sẽ có vài rào cản pháp lý nhưng không phải là không vượt qua được. Cơ quan tôi sẽ phải chấp thuận các kế hoạch và có vài loại giấy tờ chính thức nữa cần phải xin được. Chẳng hạn, chúng tôi sẽ không chấp nhận việc khai thác mỏ lộ thiên. Nhưng anh có thể dễ dàng thiết lập một hệ thống đường hầm hẹp tự động hoá. Từ quan điểm kỹ thuật, việc ấy dễ như ăn kẹo.”

Nhưng, Rhyme nghĩ, nếu mục đích là ngăn chặn việc khai thác, điều đó có nghĩa là…

Sellitto là người thốt ra lời những gì anh định nói, “Vậy Ezekiel Shapiro, ông ta không tự sát. Rostov đã giết ông ta và dàn dựng mọi chuyện như vậy. Bắt cóc, tra tấn để lấy mật mã Facebook của ông ta, để lại bức thư tuyệt mệnh.”

Mặt Rhyme u ám khi anh nói, “Hắn cần một kẻ để đổ tội vì chúng ta đã phát hiện ra các vụ động đất là giả và hoả hoạn là do thiết bị kích nổ ống ga.”

Rồi anh chợt nghĩ ra. Như một cú sốc điện.

“Đồng rúp,” anh thì thầm.

“Chết tiệt.” Sachs đã hiểu ý anh. “Rostov sẽ không để lại *đồng rúp* vào chỗ của Shapiro. Chúng là bằng chứng tố cáo hắn. *Kẻ nào khác* đã đột nhập vào căn hộ của Shapiro, giết ông ta - một kẻ muốn giả như chính *Rostov* đứng sau vụ này. Chắc chắn, người Nga có dính dáng: Hắn đã tất công cặp đôi ở Gravesend và cô gái ở cửa hàng váy cưới. Và Kirtan - bạn Vimal nữa. Tấn công cả tôi. Nhưng hắn không phải là kẻ chủ mưu.”

Và kết luận là không thể tránh khỏi.

Bằng một giọng lặng lẽ, mắt vẫn nhìn vào Rhyme, cô nói, “Và chủ mưu chính là kẻ đã bắn hắn ta.”

Rhyme biết điều đó đúng. “Edward Ackroyd.”

“Nhưng,” Sellitto nói, “chúng ta đã kiểm tra lí lịch của ông ta. Và ông ta biết tất tần tật về Patel, về những viên thô đã bị đánh cắp.”

“Kim cương thô nào kia?” Rhyme hỏi bằng giọng giễu cợt. “Chúng ta có bao giờ tìm được nó không? Đã bao giờ trông thấy một chút dấu vết nào của nó chưa?”

Tất nhiên là chưa.

“Bởi vì nó chưa bao giờ tồn tại,” Sachs nói

Rhyme gật đầu. “Hắn đã giả mạo những phong bì đựng chúng ở chỗ Patel. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến! Sao phải bỏ lại nó! Kẻ cắp đáng lẽ chỉ cần vơ mấy viên đá *trong* phong bì mà. Hắn làm vậy là để len vào cuộc điều tra… để tìm ra ai là VL. Và chúng ta đã để hắn vào hẳn chuồng gà. Chết tiệt.”

“Sao lại thế được, Line?” Sellitto hỏi. “Amelia đã gọi đến Mỏ Grace-Cabot ở Nam Phi mà.”

Sachs thở hắt ra. Mặt cô đanh lại và thốt lên giận dữ. “Không, tôi đã không gọi. Tôi gọi vào số trên phong bì chứa những viên thô. Tôi đã không tìm số của công ty trên mạng. Nó có phải công ty thật không?”

“Chà…” Rhyme sốt ruột liếc sang Pulaski. Anh ta gật đầu và đi tìm hoá đơn của Grace-Cabot, rồi lên Google.

Anh gật gù. “Nó là một mỏ kim cương thật. Nhưng số văn phòng không phải là số trên hoá đơn.” Anh ta thử gọi vào. “Nó chỉ nói là hãy để lại lời nhắn.”

“Llewellyn Croft?” Rhyme hỏi.

Pulaski lướt một dọc trang web. “Ông ta *đúng* là giám đốc điều hành Grace-Cabot.”

“Nếu cậu tìm được ông ta thì Ackroyd - ý tôi là nghi phạm thực sự - cũng tìm được.”

Sachs nói tiếp bằng giọng thì thầm, ghê tởm, “Kẻ chúng ta đã nói chuyện cùng, dưới danh nghĩa là Croft, chắc là đồng phạm của Ackroyd. Có thể là một trong những công ty an ninh mà Don đã kể cho chúng ta. Hắn đã đưa chúng ta tới Milbank Assurance, vẫn thế, một công ty thật nhưng hắn làm giả mối quan hệ với họ.”

Rhyme quát, “Tôi muốn tìm ra hắn ngay bây giờ.”

Các cuộc gọi tiếp theo đến Grace-Cabot và Milbank Assurance đã xác nhận trò lừa đảo như họ nghĩ. Llewellyn Croft là giám đốc điều hành của công ty Grace-Cabot nhưng ông ta đảm bảo với họ là chưa từng gửi bất kì viên thô nào cho Patel cắt. Bản thân ông ta

cũng chưa từng đi Mỹ trong mấy năm qua. Và Milbank cũng không phải là công ty bảo hiểm của họ.

Theo yêu cầu của Rhyme, đặc vụ FBI Fred Dellray đã gọi cho người bên Bộ Ngoại giao. Họ xác nhận là theo Cục Hải quan và Biên phòng, Croft không đến Mỹ gần đây. Các cuộc gọi đến Milbank cũng xác nhận công ty bảo hiểm này không dính dáng gì đến Grace-Cabot. Đúng là công ty có một thám tử cao cấp tên là Edward Ackroyd, và ông ta cũng đúng là cựu cảnh sát của Scotland Yard. Nhưng trong tuần vừa qua, ông ta ở London, ngay tại trụ sở công ty.

Với khuôn mặt mang vẻ nhạo báng, Lon Sellitto nói, "Được rồi, giải thích cho người chậm hiểu cái: Tôi lạc lối mất rồi. Có chuyện quái quỷ gì thế này, Line?"

"Một công ty khai thác kim cương nào đấy biết về việc phát hiện kimberlite và lo ngại đối thủ cạnh tranh sẽ bắt đầu sản xuất. Ackroyd được thuê để dàn dựng các vụ động đất và ngăn chặn việc khai thác địa nhiệt, cũng như tìm ra ai biết về kimberlite này đề giết luôn cả họ: Patel, Weintraub và Vimal. Hắn đã giết hai người đầu tiên còn thằng bé trốn thoát được. Thế nên, Ackroyd đã tuyên bố rằng viên thô của khách hàng hắn bị đánh cắp, để len lỏi vào cuộc điều tra của chúng ta hòng tìm ra Vimal ở đâu."

Sellitto hỏi, "Rostov xuất hiện ở đoạn nào? Chúng làm việc cùng nhau, cho người Nga à?"

Rhyme nói chua chát, "Chúng ta thường không bắn vào đầu cộng sự của mình."

Sachs nói, "Không. Hai công ty khác nhau cùng nghe nói về sự việc kimberlite này. Một cử Ackroyd tới đây và Dobprom cử Rostov.

Ackroyd đã cài cắm để Rostov phải nhận hết tội, nếu sự việc bất thành.”

Rhyme lẩm bẩm, “Đáng lẽ tôi phải nhìn ra! Sợi polyester màu đen được tìm thấy ở hiện trường vụ Patel và Weintraub. Chỉ có sợi cotton đen ở các nơi khác. Điều đó có nghĩa là có hai loại mặt nạ trượt tuyết khác nhau. Hai vũ khí khác nhau. Glock và Smittie. Nhìn này.” Anh chỉ vào biểu đồ vật chứng gần đây. “Rostov mang theo mấy băng đạn chín mili trên người ở cửa hàng Blaustein nhưng Ackroyd có thể đã tuồn nó vào túi áo hắn.”

“Rhyme!” Sachs có vẻ thảng thốt.

Đột nhiên anh hiểu ra. “Trời đất. Có một lí do khác để giết Rostov.”

“Tại sao?” Sellitto hỏi.

Sachs nói, “Để giả như Nghi phạm 47 đã chết - và Vimal an toàn. Để chúng ta thả cậu ấy ra khỏi nơi bảo vệ nhân chứng.”

“Cậu ta ra chưa?” trung uý thanh tra hỏi.

Sachs nhăn mặt. “Rồi. Tôi đã gọi cho đội bảo vệ ở Staten Island và họ đang lái xe đưa cậu ta đến bến phà. Và Vimal không có điện thoại nữa. Không có cách nào liên lạc với cậu ấy. Tôi sẽ gọi cho gia đình cậu.” Cô lôi điện thoại di động ra.

Rhyme nói với Sellitto, “Và gọi luôn đồn cảnh sát Brooklyn nơi đang tạm giữ Ackroyd. Bảo họ giam hắn luôn.”

“Tôi làm đây.” Thanh tra gọi một cuộc. Anh nói chuyện nhanh rồi cúp máy với một cái nhăn mặt. “Ackroyd, hay tên quỷ quái gì ấy, đã

được thả luôn tại đồn. Điện thoại hắn tắt rồi. Và địa chỉ hắn đưa cho bên thẩm vấn là giả. Không ai biết hắn đang ở đâu.”

CHƯƠNG 59

Giờ thì sao?

Vimal Lahori trèo lên phố, bước ra khỏi bầu không khí ngột ngạt, đậm mùi muối của tàu điện ngầm. Bên trong đường hầm còn lẩn khuất một chút - chỉ một chút - mùi nước tiểu.

Cậu hít vào thật sâu. Không khí lạnh và ẩm, bầu trời xám xịt. Cậu đang đi bộ qua những ngôi nhà đơn hộ, khiêm tốn với khoảng sân được cắt tỉa gọn gàng. Trong đó là những ông chồng, bà vợ và lũ trẻ, cậu biết - dù không có một bằng chứng hiện hữu nào của bọn trẻ cả. Trong vùng ngoại ô, những cái sân như thế này sẽ có cả xe ba bánh lẫn đồ chơi. Ở thành phố thì không.

Ở đây không có nhiều người đi trên phố - một phụ nữ trong chiếc áo mưa màu vàng đang đẩy túi mua hàng tạp hoá. Một doanh nhân. Cả hai đều cúi gằm mặt và co vai lại dưới cơn gió lạnh buốt. Họ trở về với những tổ ấm kiểu nào nhỉ? Vimal tự hỏi. Ấm cúng, dễ chịu, cậu cá là thế. Chuyện đây chỉ là ước đoán của cậu không phải là điều quan trọng; cậu ghen tị với họ là vì muốn ghen tị với họ mà thôi.

Cậu dừng bước và đọc một tờ báo bay vụt qua trong gió. Nó nằm ngay dưới chân cậu trên vỉa hè.

Cậu khẽ cười và nghĩ: Giấy bọc đá.

Cậu ngồi xổm và nghiên cứu cục đá dưới chân. Trên đoạn phố này, lối đi bộ làm bằng đá xanh - đã được lát từ cả trăm năm trước,

có khi hơn. Tên gọi bắt nguồn từ tuổi tác của nó chứ không phải màu gốc của loại đá này - nó màu xám cơ. Theo thời gian, viên đá đã biến chuyển để lộ ra những sắc xanh da trời và đôi khi còn có màu xanh lục hay đỏ nữa. Cậu ấn một bàn tay lên đá, tự hỏi nó sẽ thích được tạc thành gì. Ở mẩu đá đặc biệt này, cậu tưởng tượng ra một bức phù điêu - một bức tượng ba chiều nông mang dáng hình một con cá. Nó sẽ trở thành vật trang trí nền cho bức tượng *Con sóng* của cậu. Tạc nó rất dễ dàng. Cậu sẽ chỉ đơn giản loại bỏ những phần thừa không thuộc về một con cá koi, như Michelangelo.

Cậu lại đứng lên và tiếp tục đi về phía nhà mình.

Những ý nghĩ vui vẻ về con cá và các dụng cụ điêu khắc đang chờ cậu ở nhà bất chợt bị thay thế bằng một hình ảnh khác, không thể tránh khỏi: bàn chân bất động của ông Patel trên sàn xưởng, hướng lên trần nhà. Ký ức này không ngừng quay lại. Hết giờ này đến giờ khác. Rồi hình ảnh này lại bị thay thế bằng những ký ức về chuyện cha cậu nhốt cậu trong xưởng, sự phản bội của con trai ông Nouri, cái chết của ông Weintraub, cảnh sát.

Kim cương. Tất cả là tại kim cương.

Cậu khẽ rùng mình vì tức giận.

Câu hỏi lại hiện lên một lần nữa. Giờ thì sao?

Trong vài phút tới, Vimal sẽ gặp cha cậu. Ông già sẽ nói gì? Mong muốn của Vimal muốn rời khỏi thành phố này không hề lay chuyển. Nhưng giờ cậu chẳng có cái cớ gì để thoát thân nữa - lí do là một kẻ giết người đang đuổi theo cậu… và cả lí do cậu sẽ bị bắt vì đã “ăn cắp” kimberlite của ông Patel nữa, rốt cuộc rõ ràng nó chẳng

có giá trị gì. Nỗi sợ đã qua rồi. Và cha cậu sẽ lại ép buộc cậu ở lại. Liệu Vimal có đủ can đảm nói ra không?

Đã an toàn thoát khỏi tên giết người. Vậy mà vẫn chẳng được an ủi chút nào. Tàn nhẫn làm sao?

Chà, cậu sẽ nói không. Bụng dạ cậu thắt lại trước ý nghĩ ấy. Nhưng cậu sẽ làm. Cậu sẽ làm.

Cậu thấy mình đang bước ngày càng chậm. Việc phanh lại trong vô thức này làm cậu buồn cười.

Khi còn cách nhà cậu khoảng hai dãy nhà, cậu đi qua một lối lái xe - lối chạy vòng ra sau một căn nhà gỗ. Cậu nghe tiếng một người đàn ông kêu thất thanh. “Ai đó, làm ơn giúp tôi? Tôi bị ngã.”

Vimal liếc sang lối ấy. Đó là doanh nhân mà cậu vừa trông thấy lúc nãy. Ông ta đang nằm trên mặt đất cạnh ô tô của mình.

Hôm qua thì cậu sẽ thấy nghi ngờ. Nhưng giờ, khi gã người Nga đã chết, cậu không còn lo ngại cho sự an toàn của mình nữa. Không phải ở đây. Tại Manhattan, trong quận Kim Cương, cậu luôn cảnh giác. Nhưng ở khu này của Queens thì không.

Bọn trộm cắp hiếm khi có vẻ ngoài như kế toán và mặc những chiếc áo choàng đẹp.

Người đàn ông đã bị trượt ngã. Chân ông ta cong vòng và ông ta vừa ôm chân vừa rên rỉ. Ông ta nhìn về phía Vimal và nói, “Ôi, tạ ơn Chúa. Làm ơn, cậu lấy điện thoại dùm tôi được không? Tôi làm rơi nó bên dưới gầm xe.” Ông ta nhăn mặt.

“Chắc chắn rồi. Đừng lo. Có bị gãy không? Chân ông ấy?”

“Tôi không biết. Tôi không nghĩ vậy. Nhưng khi di chuyển thì rất đau.”

Vimal đến gần người đàn ông thì trông thấy một thứ trong bụi cây. Nó có hình vuông, màu trắng.

Một tấm biển kim loại. Cậu dừng lại và cúi nhìn. Cậu đọc:

RAO BÁN ĐANG LÀM HỢP ĐỒNG

Tên của công ty môi giới ghi bên dưới nó.

Cậu liếc về phía cửa sổ ngôi nhà. Chúng tối om.

Trong một giây cậu đã hiểu ra người này không hề sống ở đây! Đó là một cái bẫy! Hắn đã giật tấm biển ở sân trước ra và giấu nó để lừa Vimal vào đây.

Khỉ thật. Vimal quay người thật nhanh nhưng gã kia đã đứng dậy và kéo giật cậu quay lại. Hắn không to con lắm và cặp mắt màu vàng mã não rất điềm tĩnh. Tuy nhiên, khi hắn giộng người Vimal vào cạnh xe, cú đánh làm cậu choáng. Kẻ tấn công dễ dàng né được cú đấm ngượng nghịu yếu xìu của Vimal và làm hai đầu gối của cậu ngã gục xuống bằng một cú thụi vào giữa bụng. Vimal giơ một bàn tay báo hiệu lên và nôn mửa.

Gã đàn ông nhìn quanh để đảm bảo họ chỉ có một mình. Hắn nói, “Cậu có nôn nữa không đấy?” Một giọng có trọng âm lạ.

Vimal lắc đầu.

“Chắc chưa?”

Ai đây? Một người bạn của người Nga ư?

“Ông định…”

“Cậu chắc chắn không nôn nữa chứ?”

“Không.”

Người đàn ông trói hai tay cậu bằng băng dính bạc và lôi cậu vào trong cốp. Dường như hắn cân nhắc cả việc dán miệng cậu luôn nhưng có lẽ hắn lo ngại cậu có thể nôn mửa lần nữa và bị sặc chết. Hắn chọn cách không bịt miệng cậu.

Rõ ràng kẻ tấn công này quyết tâm giữ mạng cho cậu.

Ít nhất là trong lúc này.

CHƯƠNG 60

Lái xe qua một đoạn gập ghềnh trong khu công nghiệp ở Queens, tìm kiếm nơi thích hợp để tiến hành bước tiếp theo trong kế hoạch.

Andrew Krueger biết là họ đã không nghi ngờ lão, vì lão đã được cảnh sát thả ra. Và tuy gã đã nghĩ Rhyme và Amelia khá giỏi khi phát hiện ra toàn bộ mưu đồ trong khoảng thời gian ngắn ngủi, lão biết họ còn chưa mảy may nghĩ đến mình, bởi lão vẫn đang còn điên cuồng đi tìm nơi đặt quả bom ga tiếp theo. Lão đã đặt nó trong một toà nhà cũ bằng gỗ - chính xác là một hộp mồi lửa. Vụ động đất giả sắp làm rung các cửa sổ và không lâu sau đó đường ống ga sẽ bắt đầu xì ra chất khí thú vị của nó. Rồi đến vụ nổ.

Nhưng Krueger không còn quan tâm đến miếng thịt cháy nữa; mối bận tâm duy nhất của lão là câu hỏi cuối cùng: Vimal đã tìm được viên kimberlite mà cậu ta mang theo mình vào ngày thứ Bảy ở đâu?

Krueger lái chiếc Ford đi thuê vào một khu công nghiệp và tìm được chỗ đỗ xe bỏ hoang đầy nhựa đường nứt nẻ và cỏ dại. Lão nhìn quanh. Không có ai ở gần đây. Không ô tô, không xe tải. Không CCTV, mặc dù lão cũng chẳng mong có cái nào: mái của nhà kho này đã sụp xuống từ lâu.

Thằng nhóc đã thôi không đạp vào cốp xe và Krueger thoáng có ý nghĩ lo ngại rằng nó có thể đã chết. Người ta có thể bị chết ngạt

trong thùng xe vào thời đại này không nhỉ? Có vẻ khó. Liệu cú xóc nảy nào đó trên đường hoặc ở đây có làm gãy cổ nó không, một tai nạn quái gở nào đó?

Tốt hơn hết là không có.

Lão mở nắp và nhìn xuống Vimal Patel. Cậu ta vẫn ổn - nếu từ đó có thể dùng để mô tả ai đó đang sợ chết khiếp.

Không giống như Vladimir Rostov quá cố, chết không ai thương, Krueger không phải là một kẻ man rợ. Lão không vui gì với cái chết của thằng bé cả. Ồ, lão sẽ giết bất cứ ai cần phải giết - chẳng hạn như cài bom trong đường ống ga ở các chung cư, hay giết Patel và Weintraub - đó là chưa nói tới chính Rostov. Nhưng lão không tra tấn người ta, ít nhất không phải để thỏa mãn thú vui. Chết chóc và đau đớn chỉ đơn giản là công cụ như một cái que cố định, một bàn xoay scaife hay dầu ô liu trộn kim cương để đánh bóng thôi.

Nhưng nếu lão có không sung sướng gì trước nỗi khổ của thằng nhóc, lão cũng chẳng cảm thấy thương tâm chút nào. Nhiệm vụ của lão. Đó là tất cả những gì quan trọng. Giữ cho giá kim cương luôn ở mức cao, suýt chạm tới thiên đường.

Lão kéo thằng nhóc ra khỏi cốp xe.

“Làm ơn, ông định…?”

“Im lặng. Nghe ta cho kỹ đây. Ngày thứ Bảy, cậu đã bước vào cửa hàng của Patel với một cái túi chứa kimberlite.”

Vimal cau mày. “Ông đã ở đó? Ông đã giết ông Patel?” Cơn giận thay thế nỗi sợ trong mắt cậu.

Krueger vung con dao lên và thằng bé im lặng. “Ta hỏi cậu một câu. Nói cho ta biết chỗ kimberlite. Làm sao Patel có được nó? Nghe này, ta có thể làm cậu đau đớn vô cùng đấy. Nào, nói ta nghe đi.”

“Tất cả những gì tôi biết là ai đó đã tìm được một mẩu ở Brooklyn, chỗ họ đang khoan cái gì ấy. Trong một đống rác.”

“Ai?”

“Tôi không biết. Một người dọn rác hay ai đó, tôi đoán vậy. Tôi là thợ điêu khắc. Tôi đã làm việc tương tự ở các công trường xây dựng. Tôi đi tìm các viên đá. Có thể ông ta đã trông thấy tình thể và nghĩ nó có thể có giá trị. Ông ta bán cho ông Patel một cách ngẫu nhiên mà thôi.”

“Và làm thế nào cậu có cái túi đấy?”

“Ông Patel muốn có thêm. Nên tôi đi tìm chúng nhưng công ty ấy? Bên đang tiến hành khoan? Họ đã kéo tất cả ra bãi rác rồi.”

Vimal nói tiếp. “Ông Patel bảo tôi tìm ngoài bãi rác. Tôi đã đi bốn, năm lần rồi. Cuối cùng, tôi tìm được một mẩu. Đó là hôm thứ Bảy. Tôi đang mang nó quay lại để cho ông ấy xem.”

Krueger hỏi, “Có bao nhiêu kimberlite ở đó?”

“Không nhiều lắm.”

“Ý cậu không nhiều là thế nào?”

“Một tá viên lớn - khoảng bằng nắm tay. Hầu hết chỉ có đá và đất.”

“Bãi rác đó ở đâu?”

“Gần Cobble Hill. Trạm chuyển hoá Rác thải XD và PD số Bốn.”

Xây dựng và Phá dỡ, Krueger đoán vậy.

“Cobble Hill là cái gì?”

“Một khu dân cư. Trong Brooklyn.”

Krueger hỏi, “Ở đâu?” Lão lấy điện thoại ra và mở bản đồ lên, và chàng trai nhìn xuống nhưng rồi lại nhìn đi.

Krueger nói, “Nghe này. Đừng lo. Giết cậu không phù hợp với các kế hoạch của ta. Kẻ phải chịu trách nhiệm cho tất cả chuyện này, một đồng nghiệp người Nga, đã chết rồi. Nếu cậu chết bây giờ, điều đó có nghĩa là cảnh sát sẽ bắt đầu truy tìm một nghi phạm *khác.* Cậu an toàn rồi.”

Cậu gật đầu. Cậu đang khổ sở và giận dữ nhưng vẫn nhìn ra logic.

Dù là như vậy: Tất nhiên thằng bé *phải* chết sớm thôi… và tên sát nhân được xác định là một đồng phạm của Rostov, một người Nga - nhân vật hư cấu - khác. Sau khi giết Vimal, Krueger sẽ xé áo quần của Vimal như thể thằng bé đã chiến đấu với kẻ tấn công. Rồi lão sẽ đặt ít bằng chứng ở đây, gần thi thể, những thứ đã lấy từ phòng Rostov - thuốc lá Nga, vài đồng xu rúp - sẽ có vẻ như đã bị rơi ra trong cuộc ẩu đả. Và lão sẽ vứt cả một chiếc điện thoại trả trước ở đâu đó quanh đây nữa. Điện thoại không có dấu tay của ai, đã có khoảng hơn một tá cuộc gọi tới Dobprom và nhiều số ngẫu nhiên khác ở Nga như trong danh bạ. Chính Krueger đã gọi những cuộc ấy sau khi bắn Rostov.

Gọn gàng tuyệt đối? Không. Nhưng cũng là một lời giải thích hợp lí cho cái chết của thằng bé.

“Sao nào?”

Vimal do dự rồi chỉ vào một điểm trên bản đồ. Nó không xa đây lắm.

Krueger giúp cậu ta trèo lại vào cốp xe, đậy nắp rồi lái ra khỏi bãi đỗ xe vắng tanh. Trong hai mươi phút họ đã có mặt ở bãi rác thải.

TRẠM CHUYỂN ĐỔI XD & PD #4

Lão lái xe qua cái cổng rộng, mấy công nhân ở đó tảng lờ lão, và chiếc xe từ từ xóc nảy trên con đường rộng, hằn sâu những dấu lốp xe. Bãi rác dễ phải to bằng năm sáu sân bóng đá. Hàng trăm đống rác cao đến sáu mét, chín mét nổi lên như những quả núi mô hình, một hỗn hợp của đá, tường thạch cao, kim loại, gỗ, bê tông… mọi vật liệu xây dựng mà bạn có thể tưởng tượng ra. Lão đoán các công ty rác, khi trả một khoản phí, sẽ được phép đào bới qua đống này và chọn những gì có thể có giá trị. Lão cười với chính mình khi nghĩ rằng những công ty này sẽ vui sướng biết mấy khi tìm thấy ống và dây cáp đồng, và lờ đi những mẩu kimberlite giàu kim cương, bằng chứng cho thấy đâu đó trong mặt đất cách đây không xa lẩn khuất một thứ vật liệu đáng giá hơn thế gấp triệu lần.

Lão đỗ lại đằng sau một núi rác khuất tầm nhìn từ đường cao tốc, lối vào và các công nhân.

Lão bước ra khỏi chiếc xe Ford và lôi Vimal từ trong cốp xe ra.

Krueger giơ con dao lên. Vimal co rúm lại. “Cắt băng dính ấy mà,” lão bảo cậu. Lão cắt đứt băng dính và trả tự do cho hai bàn tay

cậu. Lão cất con dao đi và trưng ra khẩu súng ở thắt lưng. “Chạy là ta dùng nó đấy nhé.”

“Không. Tôi không chạy đâu.”

“Đi tiếp đi.”

Họ tiếp tục đi qua các thung lũng nâu và xám, đi song song với mặt nước, nơi các xà lan chất nặng những mẩu vôi gạch và rác thải từ máy ủi và xe tải chở rác. Âm thanh choáng ngợp.

“Ở đâu?”

Chàng trai trẻ nhìn quanh, định hướng bản thân. “Lối này.” Cậu ta hất cằm về phía mép nước. Hai người đi ngang qua bãi rác, thi thoảng Vimal lại dừng và nhìn quanh, rồi đi tiếp, hết rẽ trái lại rẽ phải. Cậu lẩm bẩm, “Lại có thêm núi rác rồi. Rất nhiều. Trông nó không giống như cũ nữa.”

Krueger không có cảm giác thằng nhóc đang câu giờ. Dường như nó thực sự bối rối.

Rồi cậu ta nheo mắt. “Lối này. Tôi chắc đấy.” Cậu ta lại gật đầu lần nữa.

Họ tìm kiếm trong mười phút. Rồi Krueger dừng lại. Lão nhìn xuống và trông thấy một mẩu kimberlite trong một cái rãnh do lốp xe tải lớn tạo ra. Lão bỏ nó vào túi.

Họ đang đi đúng đường.

Nơi này đúng là một chốn ảm đạm. Thời tiết tháng Ba đã phủ một màn xám xịt lên khắp vùng đất, biến nó thành màu của tử thi. Độ ẩm và cái lạnh len lỏi bên trong xương sống bạn, chạy dọc chân và đùi tới tận háng của bạn. Nó nhắc Krueger nhớ đến mỏ kim

cương lộ thiên khổng lồ ở Nga mà lão từng tới nhiều năm trước. Một ý nghĩ nảy ra: Tất nhiên nghề của lão là đảm bảo mạch có chứa kimberlite không bao giờ được khám phá, và không có hoạt động khai thác kim cương nào được mở ra tại đó. Nhưng lão nghĩ, các công nhân có thể tìm thấy gì nếu mỏ *thực sự* được khai thác? Đánh giá của lão là mạch đá này chứa những viên đá quý chất lượng cao.

Phải chăng bên dưới mặt đất, ở công trường Northeast Geo Industries vẫn có kim cương tồn tại từng ấy năm? Krueger nghĩ về hai viên đá của đất nước mình: The Cullman, khi mới được đào lên nặng tới hơn 3100 cara, khiến nó trở thành viên kim cương có chất lượng khủng nhất từng được tìm thấy. Viên đá đã được cắt thành hơn một trăm viên kim cương nhỏ hơn, bao gồm cả viên Ngôi sao Châu Phi lớn, nặng hơn năm trăm cara, và Ngôi sao Châu Phi nhỏ, nặng hơn ba trăm cara. Hai viên đá quý thành phẩm này là một phần của Vương miện Hoàng Gia Anh. Viên đá Nam Phi yêu thích của Krueger là Kim cương Bách niên. Trọng lượng viên thô là 599 cara. Nó đã được cắt còn hơn 270 cara. Một viên kim cương hình trái tim có điều chỉnh, nó là viên kim cương không màu, vô khuyết lớn nhất trên thế giới.

Vai trò của Krueger trong việc giữ cho một viên như vậy bị chôn vùi thật nhức nhối.

Nhưng đó là công việc và lão sẽ đảm bảo nó thành công.

“Tiếp đi,” lão lẩm bẩm với Vimal. “Càng xong nhanh thì cậu càng được về nhà sớm.”

CHƯƠNG 61

Amelia Sachs vừa mới đi hết cây cầu Brooklyn, nơi cách Northeast Geo, điểm đến của cô vài phút nữa. Động cơ chiếc Torino rít ở âm vực cao.

Rhyme nghĩ rằng Ackroyd - hay tên thật của hắn là gì đi nữa - không chỉ đơn giản muốn giết Vimal Lahori. Chưa đâu. Hắn cần tìm ra hôm sáng thứ Bảy cậu ta đã nhặt được mẩu kimberlite ở đâu, trước khi bước vào chứng kiến màn thảm sát trong cửa hàng ông Patel. Nhiệm vụ của Ackroyd là huỷ hoại và vứt hết mọi mẩu kimberlite hắn có thể tìm được, trước khi bỏ trốn, và nơi hợp lí để làm việc đó sẽ là công trường khoan.

Công trường vẫn đóng cửa, Ackroyd và Vimal có thể lang thang trong đó mà không bị bắt gặp, trong lúc thằng bé chỉ ra những chỗ tìm được mẫu kimberlite.

Cô sắp sửa rẽ khỏi đường cao tốc thì điện thoại đổ chuông. Cô gõ nút trả lời, mở *Loa ngoài,* và đặt điện thoại lên ghế hành khách để chuyển từ số bốn sang số ba. Chiếc xe lượn vòng qua một chiếc xe tải đi chậm.

“Tôi đây.”

Lon Sellitto nói, “Amelia. Có người muốn nói chuyện với cô. Tôi sẽ nối máy cho cô bé.”

Cô bé?

“Được.” Cô nhẹ chân ga.

Một tiếng gõ phím và thêm một tiếng nữa. Rồi một giọng phụ nữ vang lên. “Thanh tra Sachs?”

“Vâng, ai đấy?”

“Em là Adeela Badour.”

“Bạn của Vimal.”

“Vâng, đúng vậy.” Giọng cô gái có vẻ lo lắng nhưng vững vàng. “Thanh tra Sellitto đã gọi và báo với em là Vimal đã biến mất. Chị đang cố tìm anh ấy.”

“Em có biết cậu ta có thể đang ở đâu không?”

“Em không biết chắc. Nhưng Thanh tra Sellitto đã cho em biết về kim cương và giàn khoan. Và một gã đàn ông có thể đã bắt cóc anh ấy rất quan tâm đến những viên đá Vimal đã có. Vào hôm thứ Bảy, buổi sáng anh ấy bị bắn, anh ấy đã gọi cho em từ chỗ tàu điện ngầm. Anh ấy tức giận. Ông Patel sai anh ấy làm một việc - tới một bãi rác đâu đó và đào bới để tìm một thứ. Một loại đá đặc biệt nào đó.”

Viên kimberlite, Sachs hiểu ngay.

“Và khi em gặp lại anh ấy vào tối hôm đó, anh ấy bị mấy mảnh dằm đá bắn vào dưới da.”

“Phải, viên đạn đã bắn trúng túi đựng mấy viên đá cậu ta đang cầm. Lon, anh có đó không?”

“Có, Amelia.”

Sachs nói, “Đó là chỗ họ đang tới. Hắn sẽ đưa Vimal tới bãi rác. Để tìm kimberlite. Chứ không phải là giàn khoan.”

“Hiểu rồi. Tôi sẽ tìm xem Northeast Geo đổ chất thải ở đâu.”

“Liên lạc với quản lý công trường ấy. Một người tên là Schoal. Hoặc nếu anh không gặp được ông ta thì gọi luôn CEO. Tên ông ta là gì nhỉ? Người trên tivi ấy. Dwyer, tôi nghĩa vậy.”

“Tôi sẽ gọi lại cho cô.”

Sachs hỏi, “Adeela, Vimal có nói gì thêm về chỗ cậu ấy đã đến hôm ngày thứ Bảy không?”

“Không ạ.”

“À, cảm ơn em. Chuyện này quan trọng đấy.”

“Em đã cho thanh tra Sellitto số của em. Nếu chị nghe thấy gì…” Giờ giọng Adeela đã vỡ ra. Cô ngay lập tức kiểm soát nó. “Nếu chị nghe tin gì về anh ấy, làm ơn gọi em.”

“Chị sẽ gọi. Được.”

Cô gái trẻ cúp máy.

Sachs rẽ vào lề đường để chờ, nhận được hai hồi còi và một ngón tay thối. Lờ tịt tất cả bọn họ.

“Nhanh nào, nhanh nào,” cô thì thầm, một lời cầu xin đến Lon Sellitto. Chân cô nhấp nhổm sốt ruột và cô đã quyết tâm không nhìn vào điện thoại.

Cô vẫn nhìn.

Rồi úp mặt nó xuống ghế hành khách bên cạnh mình.

Ba phút đằng đẵng trôi qua Sellitto mới gọi lại. Schoal đã cho anh biết tất cả những đất đá và chất thải do đào bới của công trường Northeast Geo ở Brooklyn đều được kéo đến Trạm chuyển đổi XD và PD #4. Trên sông, phía đông Cobble Hill. Ông ta giải thích, “Hằng trăm công ty dùng nó, từ khắp nơi trong thành phố.”

“Hiểu rồi,” cô nói. Cô dậm chân vào cần số để lên số một và thả chân phanh, lao vào dòng xe cộ chỉ trong ba giây và đã đẩy lên số năm.

Cô biết chỗ bãi rác và cầu cảng sà lan đó. Chúng ở phía nam Bến tàu Công viên Brooklyn Bridge, cách đây năm phút - ít nhất với chiếc Torino là như vậy - nếu giao thông chịu hợp tác. Điều này rõ ràng là không được rồi. Cô đặt đèn hiệu màu xanh lên bảng điều khiển, hạ số và quay lại lề đường. Cô lại tăng tốc lần nữa, hi vọng nhiệt thành là không ai bị xịt lốp xe và mất lái trước mặt cô.

“Lon, dự kiến năm phút nữa tôi có mặt, hi vọng thế. Gọi cho cảnh sát và ESU đến bãi rác ngay. Lặng lẽ tiếp cận.”

“Được rồi, Amelia.”

Cô không buồn tắt điện thoại mà để Sellitto tự cúp máy. Sachs không dám rời tay khỏi bánh lái trong lúc tăng tốc trên lề đường gập ghềnh, gương cạnh của cô chỉ cách trụ bê tông bên phải và làn xe bên trái có vài phân.

Cô nghĩ: Mình đã muộn quá chưa?

Cô đã tăng tốc từ chín mươi sáu lên một trăm hai tám ki-lô-mét trên giờ.

CHƯƠNG 62

Sachs đã thắng cuộc đua đến trạm chuyển đổi rác thải trước những chiếc xe xanh trắng và xe của đội ESU.

Cô phanh kít vào trong bãi rác - một khu đất rộng mênh mông, trong trí nhớ của cô là bụi bặm và lấp lánh trong nắng hè, nhưng giờ thì nó chỉ còn vẻ đáng sợ và xám xịt. Cánh cổng lớn vẫn mở và cô không thấy bảo vệ nào. Cũng chẳng có bãi đỗ xe nào hết, nhưng sau một hồi lái xe vòng vòng, chiếc Torino xóc nảy trên mặt đất gồ ghề, cô cũng tới được một chỗ bằng phẳng, không rác, nằm giữa hai chồng lớn các mẩu bê tông vỡ, gỗ mục và thạch cao. Một chiếc Ford đỗ ở đó một mình; các xe khác đều là xe tải chở rác và máy ủi. Vài chiếc xe cá nhân là xe bán tải và SUV.

Cô phanh lại và lao ra ngoài. Amelia rút súng và cẩn trọng tiến gần tới chiếc xe Ford. Không có ai bên trong.

Cô thò tay vào trong, kéo mở cốp xe.

Nhẹ cả người khi thấy nó trống không.

Có thể Vimal Lahori vẫn còn sống.

Một thoáng cử động lướt qua mắt cô. Hai chiếc xe tuần tra từ đồn cảnh sát địa phương đang tăng tốc và dừng lại gần đó. Bốn cảnh sát mặc đồng phục bước ra.

“Thanh tra,” một người nói, giọng thì thào. Cô biết cảnh sát gầy nhẳng tóc vàng đó. Jerry Jones, một cựu binh chừng mười năm gì

đó.

“Jones, gọi đích danh.”

Anh ta nhét một bên tai nghe - để giữ yên lặng bộ đàm Motorola - và đề đạt yêu cầu. Anh nói thêm, “Cần ngay. Chúng tôi đang trong một tình huống tác chiến. K.”

Cô gật đầu với anh ta và những người khác - hai người da trắng và một phụ nữ Mỹ gốc Phi. “Các anh chị đã có mô tả thủ phạm rồi chứ?”

Họ đều có.

Sachs nói, “Chúng tôi đã có một trong các khẩu súng của hắn nhưng chắc là hắn lại có cái mới. Glock chín có thể là vũ khí hắn lựa chọn. Không có bằng chứng nào cho thấy súng dài. Hắn cũng có một con dao nữa. Dao rọc giấy. Nhớ là chàng trai trẻ đi cùng hắn là con tin. Người Ấn, tóc đen, hai mươi hai tuổi. Tôi không biết cậu ta mặc gì. Nghi phạm được trông thấy lần cuối trong chiếc áo khoác màu nâu vàng nhưng hắn cũng mặc cả quần áo ngoài màu đen nữa. Chúng tôi muốn bắt sống hung thủ, nếu có thể. Hắn có thông tin chúng tôi cần.”

Jones nói, “Hắn là người đã đặt những quả bom ga ấy, đúng không?”

“Đúng, chính hắn.”

“Hắn muốn gì ở đây?” nữ cảnh sát hỏi.

“Một đống đá.”

Các cảnh sát nhìn nhau.

Không còn thời gian để giải thích thêm.

“Jones, anh và tôi đi hướng tây, sang cầu cảng. Ba người theo hướng nam. Các bạn sẽ dễ bị phát hiện vì bộ đồng phục nổi bật so với nền cảnh ở đây…” Nơi này toàn màu be và xám. “… Nên phải để ý các vị trí núp bắn tỉa. Hắn sẽ giết người để loại nhân chứng. Không có lí do gì để nghĩ là hắn không nhắm vào chúng ta cả.”

“Chắc chắn rồi, Thanh tra,” một trong các cảnh sát nói và bộ ba bắt đầu đi.

Cô và Jones đi vuông góc với hướng của họ, về phía dòng nước.

Điện đàm của Jones khẽ lạch xạch. Anh nghe máy. Cô không nghe được thông tin. Một lát sau anh nói với cô, “ESU, còn cách mười phút.”

Hai người nhanh chóng di chuyển qua các thung lũng nằm giữa những đống đá và chất thải rắn. Jones nghiêng đầu - anh lại nhận được một cuộc gọi qua tai nghe. Và thì thầm, “K.” Anh quay sang Sachs. “Chiếc xe thuê thời hạn một tháng từ một cửa hàng ở Queens. Tên người thuê là Andrew Krueger. Bằng lái xe của Nam Phi. Địa chỉ Cape Town. Đã cho địa chỉ ở New York nhưng nó chỉ là đất trống.”

Cảnh sát giơ điện thoại lên và cho cô xem ảnh chụp bằng lái xe. “Hắn đấy à?”

Xác nhận đúng là Krueger đã đóng giả làm Ackroyd ngay từ đầu, cô gật đầu.

Giống như Rostov, Krueger là một trong những nhân viên an ninh của ngành kim cương, làm việc cho một đối thủ của Dobprom.

Chúng ta thường không bắn vào đầu cộng sự của mình…

Giờ Sachs phải căng hết mọi giác quan lên. Trong một vụ gần đây, nghi phạm - hơi điên điên dù khá quyến rũ - đã quyết định rằng Sachs là hiện thân của Diana, nữ thần săn bắn của người La Mã.

Một trong những lời khen hay nhất cô nhận được, ngay cả khi nó tới từ một gã điên.

Họ di chuyển nhanh hết sức trong giới hạn mạo hiểm. Sachs và Jones đều cúi người, liên tục nhìn trái nhìn phải và các đỉnh núi rác, nơi đích thực là điểm bắn tỉa hoàn hảo. Thở hồng hộc, cơ bắp căng lên.

Ồ, Amelia Sachs mới yêu thích việc này làm sao.

Cô lờ đi cơn đau ở sườn trái vì cú ngã lên vũng bùn tại công trường xây dựng, lờ đi cơn đau từ vụ đụng độ với người Nga. Trong đầu cô không còn gì ngoài con mồi.

Cô dùng cử chỉ tay bảo Jones phải nhìn vào đâu, khi nào đi nhanh, khi nào đi chậm. Thỉnh thoảng anh cũng làm tương tự. Cô nghĩ anh ta chưa từng thực chiến. Bất an, căng thẳng nhưng sẵn sàng… và được việc: anh cầm khẩu Glock cũng tự tin và khéo léo.

Họ đi chậm lại. Cô không muốn lao vào Krueger và buộc phải nổ súng, cô cần tìm hắn lúc hắn không biết gì, để bắt giữ không đổ máu.

Còn sống…

Cô cũng không muốn hắn vờn quanh cô và Jones. Cách họ sáu mươi mét, một chiếc xe ủi đang san rác vào sà lan. Động cơ gầm rú và những tiếng cạch bùm của đá rơi vào bên trong lòng tàu đã chặn

mọi âm thanh khác. Krueger có thể dễ dàng lại gần họ mà họ không hề nghe thấy gì.

Vì thế, cô nhìn khắp lượt phía trước, hai bên và đằng sau lưng. Liên tục.

Thêm bốn mét rưỡi nữa. Ở đâu, ở đâu, ở đâu?

Cô và Jones đến gần mép nước thì cô trông thấy họ.

Giữa hai chồng đá và vụn gỗ cùng những đoạn kim loại xiên xẹo, Krueger đang kéo Vimal theo sau mình. Bàn tay trái đi găng của hắn đang tóm cổ áo chàng trai; tay phải thì thọc bên dưới túi áo khoác tối màu. Hắn đang cầm vũ khí.

Jones chỉ vào chính mình, rồi vào đỉnh đống rác gần Krueger và Vimal. Nó nằm bên tay phải của anh cảnh sát, cao khoảng sáu mét. Rồi anh chỉ sang Sachs và làm động tác nửa vòng tròn, ám chỉ đống bên trái.

Kế hoạch hay đấy. Jones sẽ bao quát Krueger từ trên cao còn Sachs từ bên sườn. Cô chỉ vào khu vực diễn ra kế hoạch và giơ ba ngón tay lên - có nghĩa là ba sĩ quan khác - và giơ lòng bàn tay về phía anh ta. Tức là bảo họ giữ nguyên vị trí. Sachs không muốn những người khác vấp vào hiện trường và cô không có cách nào giải thích với họ chính xác mục tiêu là ai.

Jones bước sang bên cạnh, lặng lẽ gọi những người còn lại. Anh ta nhét súng vào bao và bắt đầu trèo lên đống gạch. Sachs đi sang trái, vòng qua chân đống rác sang bên phải và bắt đầu tiến lại nơi cô trông thấy Krueger và Vimal lần cuối.

Trong lúc cô lén lút đi vòng đống rác, cô phát hiện mình có thể thành công nếu lại gần thêm chút nữa. Jones đã ở trên đỉnh núi rác bên phải và chĩa súng vào Krueger. Sachs chỉ cần rút ngắn khoảng cách thêm một chút để yêu cầu hắn đầu hàng - giữa tiếng động cơ từ chiếc máy ủi và máy xúc.

Jones nhìn sang cô và gật đầu.

Cô đáp lại và tiếp tục tiến gần hơn nữa nghi phạm và Vimal, lúc này cậu ta đã đứng lại. Khuôn mặt lạnh lùng của Krueger - quá khác với người đàn ông mà hắn đóng giả - cúi xuống và thì thầm gì đó vào tai Vimal. Đang vừa khóc vừa gạt nước mắt, cậu ta gật và nhìn quanh. Rồi cậu ta chỉ tay và cả hai đột ngột quay đi, vội vã xuống một thung lũng khác, tránh xa khỏi Sachs và Jones. Rõ ràng Vimal đã để ý thấy đống kimberlite.

Cô liếc sang Jones, anh lắc đầu và chỉ vào mắt mình. Anh đã mất tầm nhìn. Sachs vòng lại đống rác gần Krueger nhất và bắt đầu đi theo. Rồi cô nhìn vượt lên họ.

Ôi, không…

Cách đó không xa một nam cảnh sát NYPD đang ngồi xổm, quay lưng lại với Krueger, chỉ cách hắn không đầy sáu mét. Không do dự, Krueger lôi súng từ trong túi áo ra và bắn một loạt về phía lưng của cảnh sát nọ. Anh ta ngã chúi xuống, thả rơi vũ khí của mình. Sachs đã để ý thấy họ có mặc áo giáp nhưng ở khoảng cách này, kể cả bộ giáp có cản được viên đạn thì nó cũng vô hiệu hoá được anh ta. Anh vật lộn đứng lên.

Krueger quàng cánh tay trái quanh cổ Vimal, để cậu ta không bỏ chạy, và kéo cậu ta lại gần. Hai người cùng nhau đi về phía cảnh sát đã bị thương.

Sachs tiến lại cảnh sát đã bị hạ từ đằng sau lưng họ, nhắm bắn. “Krueger!” cô hét. “Bỏ vũ khí xuống.”

Hắn không nghe tiếng của cô và lại bước tiếp, vừa đi vừa nhắm bắn, chuẩn bị phát đạn chí mạng.

Bất kỳ phát súng vô hiệu hoá nào của cô cũng có thể trúng Vimal.

Vì thế, cùng với ý nghĩ trong đầu rằng chỉ có Krueger mới biết những quả bom ga chết chóc được cài ở đâu, Amelia Sachs hạ trọng tâm của mình, chĩa mục tiêu trên ống ngắm vào sau đầu Krueger và nhẹ nhàng gia tăng áp lực lên cò súng, cho đến khi vũ khí của cô khai hoả.

CHƯƠNG 63

Khi đã biết đến cái tên Andrew Krueger, họ có thể thu thập được hồ sơ chính xác về hắn.

Trong khi Sachs lục soát phòng trọ của kẻ đã chết ở Brooklyn Heights, Rhyme, Fred Dellray từ FBI, cảnh sát Nam Phi và Cục tình báo Thay thế luôn giúp ích đã bắt đầu lên thông tin chi tiết.

Nơi ở của kẻ sát nhân là một căn hộ ở Cape Town, không xa biển, ở khu vực Victoria & Alfred Waterfront. Theo cảnh sát Nam Phi, đó là một khu dân cư khá cao cấp. Người đàn ông này không có tiền án tiền sự, nhưng từ sau khi xuất ngũ hắn đã liên kết với vài doanh nhân "tai tiếng" trong ngành kim cương. Mặc dù cha hắn từng là một người lớn tiếng ủng hộ chủ nghĩa a-pác-thai, bản thân Krueger không mang các định kiến này, có thể vì hắn ghê tởm chúng hoặc nhiều khả năng hơn là chúng không có lợi về mặt kinh tế. Hắn sẽ làm việc cho bất kỳ ai trong ngành có thể trả tiền cho hắn, bao gồm vài doanh nhân "kim cương đen" nguy hiểm hơn, có gốc gác từ những làng quê nghèo đói nhưng giờ bọn họ đã thành dân giàu có. Hồi còn trong quân đội Krueger làm bên bộ phận phá dỡ. Khi chưa nhập ngũ, hồi còn trẻ hơn, hắn cũng làm khai mỏ và đã học kỹ thuật, điều này giải thích cách hắn có thể đặt chất nổ để nhái lại những vụ động đất. Tất nhiên chính những mối quan hệ bên quân đội đã cho phép hắn tiếp cận với cả C4 lẫn các quả bom ga.

Công ty của Krueger là AK Associates. Hắn là giám đốc điều hành; cộng sự của hắn là một cựu đốc công ở mỏ, Terrance DeVoer. Công ty này chuyên về các "hoạt động an ninh" cho ngành đá quý, kim loại và các vật liệu quý.

Một thanh tra của cảnh sát Nam Phi đã nói với họ, mô tả mơ hồ này dịch ra là "công ty đánh thuê". Các nỗ lực thẩm vấn DeVoer đã không thành công; hắn cùng vợ đã biến mất.

Khi còn ở cùng với Rhyme, Sachs và những người khác, Krueger trong vai Ackroyd đã tỏ ra rất hiểu biết về thế giới kim cương và điều này không hề là giả. Một cuộc khám nhà của hắn ở Cape Town do cảnh sát Nam Phi tiến hành đã phát hiện ra một nỗi ám ảnh thực sự với đá quý: Hàng trăm cuốn sách về đề tài này, các bức ảnh và tài liệu về kim cương, cả khía cạnh khoa học, tới văn hoá và nghệ thuật. Một thanh tra còn nói chính hắn từng làm thơ về đá quý.

"Vần điệu lủng cà lủng củng, tôi nói cho các anh nghe."

Họ cũng tìm được những viên kim cương thật. Cả thô và thành phẩm. Trị giá gần hai triệu đô-la, một thanh tra khác nói. Người nữa lại thêm vào, một bộ sưu tập kỳ lạ nằm trên bàn cạnh giường của Krueger. Một ngọn đèn rọi từ bên dưới mặt kính trong, trên đó Krueger để một tá viên kim cương. Ánh sáng hắt những tia lấp lánh từ các viên đá lên trần nhà, như những chòm sao, rìa của mỗi viên kim cương đều chiếu toả cầu vồng.

Rhyme nhớ lại cái tên cho sự khúc xạ này là "lửa".

Cuộc lục soát cũng cho biết tên của người thuê. Các giao dịch ngân hàng cho thấy có hai món tiền, mỗi món 250K đô được chuyển cho công ty của Krueger. Chúng xuất phát từ một tài khoản số ở Thành phố Guatemala. Hai giao dịch này được thực hiện chỉ trong vòng hai tuần qua. Nội dung chuyển khoản là “Trả trước 1” và “Trả trước 2.”

Cảnh sát cũng tìm được các tài liệu về một công ty tên là Nuevo Mundo Minería - Mỏ Tân Thế giới - một nhà sản xuất kim cương ở thành phố Guatemala.

Nhưng trong khi lục soát hay kiểm tra tất cả hồ sơ của cảnh sát, bao gồm Interpol và Europol, họ vẫn không tìm được thông tin tha thiết cần: địa điểm đặt quả bom ga IED cuối cùng.

Có lẽ vật chứng từ nhà trọ của Krueger sẽ có câu trả lời đó. Anh sắp sửa biết. Anh có thể nói điều này từ tiếng gầm động cơ của một chiếc xe thể thao và những tiếng kít của má phanh trên phố bên ngoài dinh thự.

Sachs đã điều tra hiện trường - những hai lần - ở khách sạn dài ngày của Krueger trong Brooklyn Heights.

Lincoln Rhyme và cô đang nghiên cứu các kết quả từ nỗ lực của cô. Mel Cooper cũng đang xử lý vài phát hiện khác. McEllis vẫn ở lại, chờ để giúp họ khoanh vùng các địa điểm khả dĩ có thể đặt bom, dựa trên kiến thức của anh ta về đường đứt gãy địa chất dài tám trăm mét.

Trong nhà trọ của Krueger có các biểu đồ của công trường địa nhiệt, ảnh chụp hoạt động khoan, bản đồ khu vực xung quanh công trường, các bài báo về chất nổ mà rung chấn của nó đã bị nhầm lẫn là động đất, các bức email từ những tài khoản không truy ra được kèm file đính kèm về hàm lượng kim cương trong các mẫu vật, lặp lại những gì mà Don McEllis đã kể cho họ. Krueger đã nghiên cứu Ezekiel Shapiro và cả hoạt động của nhóm Một Trái Đất nữa. Địa chỉ nhà hoạt động môi trường đã chết được ghi trong một tờ giấy ghi chú.

Sachs đã tìm được chiếc cặp táp khớp với thứ Krueger mang tới cửa hàng ông Patel. Nó có chứa một cái kính hiển vi nhỏ nhưng tỉ lệ phóng to lớn, vài công cụ và những mẩu kimberlite. Hắn đã mang theo nó tới cửa hàng Patel để phân tích viên đá, Rhyme cho là vậy. Nếu kimberlite được chứng minh là có hàm lượng kim cương lớn, hắn sẽ ăn cắp nó và tra tấn Patel để tìm thêm thông tin. Ở đây cũng có một thùng các tông có chứa dấu vết RDX, thành phần chính của C4, và một cái hộp khác dán nhãn ở bên cạnh: תרמוסטטורם, tiếng Hebrew có nghĩa là “bộ điều nhiệt” - tức là thứ các thiết bị IED trên ống ga giả dạng.

Sachs dán các bức ảnh chụp căn phòng lên. Cô nói, “Một thứ có thật? Đó chính là tình yêu dành cho các câu đố ô chữ. Hắn có cả chục cuốn sách về ô chữ.”

Điều này nhắc Rhyme nhớ lại.

Anh liếc nhìn món quà - thiết bị ô chữ mật mã điện tử mà tên sát nhân đã cho Rhyme.

Edward Ackroy - kẻ mà anh đã nghĩ có thể trở thành bạn bè.

Một từ năm chữ cái bắt đầu bằng J, nghĩa là “kẻ phản bội”. Rồi anh bắn gục luôn giây phút cường điệu *đó.*

Anh bảo Mel Cooper, “Xem bên trong có thiết bị phát sóng nào không.”

“A…”

“Xem hắn có nghe lén chúng ta không.”

“À.” Dùng một bộ dụng cụ máy tính nhỏ, Cooper lấy phần sau thiết bị ra. Anh ta nhìn một lượt và dùng gậy phát hiện bước sóng quét qua nó.

“Không có gì. Nó an toàn.”

Anh ta định lắp nó lại. Nhưng Rhyme nói khẽ, “Không, vứt nó đi.”

“Anh không muốn…”

“Ném nó đi.”

Cooper làm theo, Rhyme và Sachs quay lại với bằng chứng.

Quả bom ga chết tiệt ở đâu nhỉ?

Không có bản đồ hay ghi chú nào gợi ý câu trả lời. Máy tính của Krueger đã bị khoá và được gửi tới chỗ Rodney Szamek trong thành phố, cùng với hai chiếc điện thoại ẩn danh, một cái hắn mang theo người ở chỗ bãi rác thải ở Brooklyn - chiếc điện thoại đó chưa bị khoá và có một cuộc gọi đến Moscow. Các số được gọi sau khi Rostov đã chết, và Rhyme tin rằng chính Krueger đã làm vậy để giả vờ như kẻ giết Vimal là một đồng phạm bí mật của Rostov. Chuyện đó gần như không có thật - đặc biệt là khi Sachs còn tìm thấy thuốc lá Nga và đồng rúp trong túi Krueger, rõ ràng hắn có ý định ném nó xung quanh thi thể Vimal. Một màn dàn dựng.

Tuy là ít khả năng, nhưng cho đến khi Rodney xác nhận những cuộc gọi ấy được thực hiện từ cùng một chỗ để điện thoại của Krueger, Vimal vẫn phải ở lại trong một đồn cảnh sát địa phương để đảm bảo an toàn.

Sachs cũng tìm thấy chìa khoá của chiếc Toyota giờ đã nổi danh - mặc dù nó đang ở đâu thì chưa ai biết - và chìa khoá phòng của Rostov.

Mel Cooper nói, “Tôi tìm được vài điều về công ty khai mỏ ở Guatemala. Tân Thế giới. Cỡ bự với vài mỏ kim cương trên khắp Nam Mỹ, chủ yếu sản xuất loại công nghiệp. Không phải những người tử tế nhất Trái Đất. Họ đã bị các nhà hoạt động môi trường và các chính phủ buộc tội huỷ hoại rừng nhiệt đới do khai thác cạn kiệt, chặt phá rừng, những thứ đại loại như vậy. Họ trả tiền cho các chủ khai mỏ nhỏ, *garimpeiros,* để cướp bóc đất đai của người bản địa. Đã có những cuộc chiến - chiến đấu thật sự. Hàng chục thợ mỏ và người Anh-điêng đã bị giết.”

Rhyme gọi cho Fred Dellray ở FBI một lần nữa và hỏi liệu anh có thể nhờ người quen của mình bên Bộ Ngoại giao để đảm bảo an ninh, và liệu đại sứ quán Mỹ hoặc lãnh sự quán tại thành phố Guatemala có thể nói chuyện với các ông chủ của công ty khai mỏ này không.

Và liệu họ có chịu hợp tác không nữa, anh nghĩ một cách châm biếm.

“Hãy xem qua manh mối nào,” Rhyme nói.

Trong số những thứ Sachs tìm được có mật ong tươi, vài tấm nỉ mục nát, đất sét, những mảnh vụn của dây điện cũ, vài mẩu cánh côn trùng, có lẽ là từ chỉ *Apis* (ong - mật ong ở đây cũng củng cố thêm giả định này, mặc dù chúng có thể không liên quan). Và trên đôi ủng được tìm thấy trong nhà trọ, cô tìm thấy dấu vết của một loại đất nông nghiệp loại nhẹ khác thường, đá phiến có tính thấm hút và đất sét, một hỗn hợp chứa vụn rơm, cỏ khô - và phân hữu cơ.

“À.”

“Sao, Lincoln?”

Anh không trả lời câu hỏi của Cooper mà lên mạng và ra lệnh bằng giọng nói cho Google. “Hợp chất Rooflite.” Đôi khi bạn cần tới các dữ liệu chuyên ngành, đôi khi không cần.

Câu trả lời hiện ra chỉ trong một phần ngàn giây.

“Đúng rồi!”

Sachs, Cooper và McEllis quay sang anh.

Rhyme nói, “Hơi võ đoán nhưng chúng ta không có nhiều thứ để mà lần theo. Tôi nghĩ hắn đã đặt một thiết bị, ít nhất là thế, ở phía bắc các toà nhà chính phủ trên Cadman Plaza. Ở Vinegar Hill.”

Đây là khu phố cổ của Brooklyn, gần kề khu Navy Yard cổ kính. Được đặt tên theo trận chiến ở Ireland năm 1798 giữa những người Ireland nổi dậy và quân lính Anh, khu dân cư này là một tập hợp kỳ lạ: những căn biệt thự cổ từ thời Victoria được bao quanh bằng các kiến trúc công nghiệp nghiêm trang, đường bệ.

“Sao anh biết?” Cooper hỏi.

Anh biết là vì, dù anh không thể lượn quanh các con phố như hồi còn đi lại được, Lincoln Rhyme vẫn nghiên cứu mọi khu đô thị, mọi khu dân cư, mọi toà nhà trong thành phố của mình. “Một người có thể trở thành nhà tội phạm học đích thực chỉ khi kiến thức của anh ta hay cô ta về địa phương, nơi tội ác diễn ra phải rất tốt,” anh đã viết điều này trong cuốn sách về tội phạm học của mình.

Câu trả lời cụ thể cho câu hỏi này là một hỗn hợp của cánh ong, mật ong, đất Rooflite, phân bón và nỉ. Anh tin rằng những vật liệu này tới từ Brooklyn Grange ở Navy Yard cổ kính. Nó là trang trại trên cao rộng nhất thế giới, hơn mười ngàn mét vuông chỉ để trồng các loại cây ăn quả và rau củ hữu cơ. Rooflite là một hỗn hợp đất giúp cây rau tăng trưởng khá tốt nhưng lại nhẹ hơn loại đất thường rất nhiều, đất thường sẽ quá nặng đối với những khu vườn trên mái. The Grange cũng là nhà sản xuất mật ong lớn nữa.

Khu dân cư gần nhất với nó là Vinegar Hill, nơi có nhiều các kiến trúc bằng gỗ cổ xưa. Mục tiêu hoàn hảo cho Krueger, nếu mục đích của hắn là dồn thành phố và tiểu bang đến chỗ cấm hẳn hoạt động khoan. Các trận “động đất” càng gây ra nhiều vụ hoả hoạn chết chóc thì càng tốt.

Don McEllis cúi mình trên bản đồ thành phố và dùng một cái bút đánh dấu mực đỏ để vẽ chính xác nơi đường đứt gãy chạy bên dưới Vinegar Hill. Nó hướng về tây bắc rồi chạy lên phía bắc vào trong cảng.

“Đây. Tôi sẽ tìm kiếm trong khoảng ba dãy nhà ở mỗi bên của đường này.”

Đó sẽ là một cuộc lục soát chính xác hơn nhiều so với lần theo toàn bộ đường đứt gãy, nhưng vẫn còn cả chục toà nhà có thể chứa các thiết bị nổ ống ga dưới tầng hầm.

“Quét bản đồ đi, Mel, và gửi một bản sao cho các bên giám sát - sở cứu hoả và cảnh sát - trong khu vực đó. Làm ngay đi.”

“Được.”

“Sachs, em và Pulaski xuống dưới đó.”

Trong lúc họ vội vã lao ra cửa, Rhyme nói, “Mel, gọi sở Cứu hoả… và đồn cảnh sát. Gọi được càng nhiều người của họ càng tốt, kiểm tra các tầng hầm. À, gọi cả Cục thanh tra nữa. Larcency. Xem có ai tiếp nhận những vụ đột nhập gần đây nhưng không bị mất thứ gì không.”

Cooper gật đầu và nhấc điện thoại lên.

Rhyme gọi, “Và không chỉ gọi cảnh sát tuần tra đâu. Tôi muốn có tất cả những ai đeo phù hiệu. *Bất kỳ ai!”*

CHƯƠNG 64

Gần như bất khả thi.

Đó là ấn tượng của Sachs khi cô tăng tốc chiếc Torino, một vệt màu đỏ đậm, trên cầu Manhattan tiến vào Brooklyn. Cô liếc sang trái - về phía Vinegar Hill. Ron Pulaski có lẽ cũng cảm thấy tương tự.

Làm sao ai đó có thể tìm thấy thiết bị được? Bị áp đảo bởi một cột ống khói duy nhất cao chót vót từ một trạm biến áp của Algonquin Power, khu dân cư này rộng lớn hơn cô tưởng. Sáu dãy nhà vuông vức, cảnh sát trưởng ở đó đã nói cho cô biết. Nhưng chúng không phải là sáu dãy nhà bé nhỏ gì.

Cô chuyển số và rẽ ra khỏi làn nhánh, phanh kít trên phố Jay, làm Ron Pulaski phải thở hắt ra khe khẽ, dù sau chừng ấy năm anh ta đã khá miễn nhiễm với cách lái xe kiểu Danica Patrick của cô. Đèn hiệu màu xanh lặng lẽ nhưng khẩn cấp cắt qua con phố mờ tối, dọc hai bên là các toà nhà công nghiệp, nhà ở, căn hộ và nhà liền kề. Các bức tường gạch, gạch stucco và đá đã xước xác, bị bào mòn, nhưng gần như không có hình vẽ graffiti. Các thùng rác đã móp méo và nứt vỡ nhưng rác vẫn còn nguyên bên trong.

Chiếc xe nhiều mã lực có hệ thống giảm xóc kém và cô cảm nhận được con đường nhờ lưng và đầu gối mình, vẫn còn đau vì bị bầm dập trong vài ngày qua. Và các con phố trên Vinegar Hill không phải chỗ nào cũng phẳng phiu. Loại gạch Belgian ban đầu, đôi khi còn bị gọi sai là sỏi, đã bị mòn hết ở rất nhiều đoạn. Ở những đoạn

khác, các viên đá granit hình chữ nhật đã bị mài phẳng qua hàng thế kỷ do vó ngựa, chân người và bánh xe các loại, chưa bao giờ được phủ nhựa đường lên trên và lại là con đường đi lại duy nhất.

Sachs lao con xe về phố John, điểm tập kết hành động đã được hẹn trước. Nó nằm đối diện trạm biến áp, khoảng sân rộng trông như một phim trường khoa học viễn tưởng. Những chiếc hộp kim loại màu xám, dây nhợ, máy biến thế. Cô dừng xe lại trước mặt một toà nhà công nghiệp gạch đỏ. Có thể hồi xưa là nhà máy, nhưng giờ là văn phòng của khoảng sáu công ty quảng cáo, hãng thiết kế và các nhà sản xuất đồ cao cấp. “Monti’s Gourmet Chocolates” nằm ở tầng trệt, và mũi cô cho biết công ty này làm các sản phẩm hấp dẫn của họ tại chỗ. Cô tự hỏi mình ăn nó lần cuối là khi nào. Không thể nhớ nổi. Rồi cô quên luôn cả câu hỏi ấy.

Ngoài bốn xe cứu hoả và một chiếc chỉ huy của FDNY*, còn có năm sáu chiếc xe tuần tra xanh trắng và một chiếc không có biển hiệu gì đậu rải rác bên phía trạm biến áp phố John. Có tám cảnh sát mặc đồng phục, hai thanh tra mặc thường phục và một đội trưởng đồn cảnh sát địa phương mặc áo vest. Ông là người Mỹ gốc Phi, gân guốc, da rất tối màu và mái đầu hói đến hoàn hảo. Archie Williams. Cô từng làm việc với ông ta. Thích tính hài hước của ông. Ông đã từng an ủi một nạn nhân bị tấn công đang rất sốc bằng câu nói, Không, không, tên ông rất dễ nhớ: Archibald. Và ông chỉ vào cái đầu bóng loáng của mình.

Sở cứu hoả New York

Williams nói, “Thanh tra.” Rồi ông liếc sang Pulaski, anh ta tự giới thiệu. Một cái gật đầu.

Bên cạnh ông đội trưởng là sếp của FDNY, mặc đồng phục. Người đàn ông có làn da nhợt nhạt nhưng thân hình chắc nịch đã ở tầm năm mươi lăm tuổi. Vincent Stanello. Khi ông ta bắt tay, Sachs để ý thấy ông ta có một vết sẹo rất lớn, từ một vết bỏng nhiều năm trước.

Ông ta giải thích rằng các lính cứu hoả đã toả đi khắp khu vực này cùng với khoá ga - những cái gậy dài dùng để đóng đường ống ga dưới lòng đất, các van đóng mở của chúng có thể tiếp cận được thông qua những ô cửa nhỏ hình vuông đặt trên phố, các vỉa hè và trong sân nhà. “Chúng tôi đã có khoảng sáu đội tắt ga đang làm việc. Đội trưởng Rhyme đã nói phải bám lấy đường cắt ngang khu trung tâm của Vinegar Hill. Văn phòng anh ấy gửi cho chúng tôi cái này.” Ông ta giơ điện thoại lên, trên đó là bản đồ của Don McEllis.

“Đó là đường đứt gãy. Chúng tôi cần lục soát khoảng hai dãy nhà ở cả hai bên đường.”

Stanello thở dài. “Cô biết đấy, chúng tôi có hàng ki-lô-mét ống ở đây. Và cô phải nhớ, chúng tôi chỉ có thể tắt các đường ống ga tự nhiên do nhà nước cấp. Rất nhiều khách hàng sử dụng khí propane do các công ty tư nhân cung cấp. Không thể nào tắt được chúng trừ khi tắt hẳn bình trong nhà hoặc văn phòng.”

Williams nói, “Tôi đã bảo phòng Các vụ cướp ở Trung tâm bỏ ngang mọi việc và bắt đầu kiểm tra giấy tờ. Và chúng tôi cũng lập một trạm để nhận các cuộc gọi 911 từ Vinegar Hill.” Ông ta nhún vai. “Nhưng trừ khi ai đó trông thấy hắn hành động, tôi đoán là thậm chí còn chẳng có cuộc gọi nào tới.”

Williams hỏi, “Hắn đã cài đặt thiết bị khi nào?”

Pulaski trả lời, “Đâu đó trong tuần trước, chúng tôi nghĩ vậy. Mười ngày đổ lại. Chúng tôi không chắc lắm.”

“Vậy là CCTV cũng không giúp ích được nhiều,” Sachs nói. Nhìn quanh vào hàng trăm ngôi nhà - tất cả đều đã cũ và gần như được xây bằng gỗ hết.

Sachs nói, “Sơ tán.”

“Sơ tán cái gì?” Stanello hỏi.

“Mọi thứ. Mọi toà nhà trong vòng hai dãy nhà ở cả hai bên đường đứt gãy đó.”

“Như vậy sẽ gây hỗn loạn,” Stanello nói không chắc chắn. “Sẽ có người bị thương. Những người già, em nhỏ.”

Williams nói, “Và báo chí sẽ có một ngày tập trận nếu không có quả bom nào.”

“Và họ sẽ nói gì nếu đúng là có bom và chúng ta không đưa mọi người ra?” Amelia Sachs ghét phải nói ra điều hiển nhiên.

Hai vị lãnh đạo, Williams và Stanello nhìn nhau.

Đội trưởng cứu hoả nói, “Cô có chắc là có một thiết bị nổ ở Vinegar Hill không?”

Sachs nghĩ: Chắc ư? Chính xác thì chắc nghĩa là gì?

Cô nói, “Chắn chắn.” Rồi thêm vào một phần sự thật: “Và hắn đã đặt mỗi ngày một quả trong hai ngày qua. Không có lí do gì để bây giờ lại nghĩ rằng hắn thay đổi phương thức cả. Và nếu các thiết bị trước có gợi ý điều gì, thì vào thời điểm này chúng ta đã muộn rồi. Tôi nghĩ nó sẽ phát nổ bất kì lúc nào.”

Một khoảng im lặng. Rồi Williams nói, “Được rồi, chúng tôi sẽ làm. Sơ tán càng nhiều người càng tốt, kiểm tra các đường ống ga dưới tầng hầm, đánh dấu an toàn và dân chúng có thể quay lại.”

Stanello gật đầu. Ông ta cầm bộ đàm lên môi và ra lệnh cho quân của mình bắt đầu sơ tán dân cư.

“Và có một trường học ở đây phải không?” Pulaski hỏi.

“PS* Ba Không Bảy. Cách đây vài dãy nhà.”

PS là viết tắt của ‘Primary School’ - Trường Tiểu học.

“Sơ tán hết đi,” cảnh sát trẻ nói.

“Nó không nằm dọc đường trung tâm,” Stanello nói, hất cằm về phía tấm bản đồ trên điện thoại của mình.

Sachs đang định can thiệp nhưng Pulaski đã cứng rắn nói, “Hôm nay là ngày đi học. Sơ tán nó đi.”

Stanello do dự một lát. “Được rồi. Tôi sẽ làm.”

Williams nói với lính của mình. “Tất cả mọi người, vào xe. Bật loa ngoài. Chỉ cần nói có thể có vụ rò rỉ ga, và tất cả mọi người nên rời các toà nhà ngay lập tức. Đừng mang theo đồ đạc gì hết, chỉ việc đi ra thôi.”

“Nào,” Sachs nói với Pulaski. “Chúng ta cũng bắt đầu gõ cửa từng nhà thôi.” Cô gọi sang Williams và Stanello, “Chúng tôi sẽ bắt đầu từ hướng nam, đi sang phía đông rồi lên phía bắc.”

Họ leo vào trong chiếc Torino và lao lên phố York. Pulaski đang nhìn quanh, khuôn mặt lo lắng. “Cô nghĩ có bao nhiêu người sống ở đây? Điểm mục tiêu của hắn là đâu?”

Cô đoán dân số Vinegar Hill vào khoảng năm mươi ngàn. Ở khu vực quanh đường đứt gãy có ít hơn hẳn nhưng cô đoán con số vẫn khá lớn. “Vào giờ này trong ngày, chắc là tám ngàn.”

“Cô nghĩ chúng ta thực sự sơ tán được bao nhiêu?”

Câu trả lời của Sachs là một nụ cười quyết tâm.

CHƯƠNG 65

Carmella Romero thường nói một cách trang trọng rằng bà là điệp viên.

Người phụ nữ năm mươi tám tuổi đã chia sẻ lời nhận xét đó với bốn đứa con và mười một đứa cháu của mình. Cơ sở của tuyên bố là bà làm việc cho chính phủ với tư cách là một đặc vụ.

Dù trong trường hợp của bà, ông chủ không phải là CIA hay Cơ quan Tối mật của James Bonds. Mà là ở Sở Trật tự giao thông của Thành phố New York.

Hai năm trước, người phụ nữ to béo, tóc xám, trọn đời sinh sống tại Brooklyn đã quyết định rằng bà cần tìm một việc làm, sau khi cô con gái út đã rời khỏi tổ ấm. Vốn là người hâm mộ của các chương trình truyền hình về cảnh sát, như *Blue Bloods,* bà nghĩ sự nghiệp trong một cơ quan hành pháp có vẻ hay ho (và Tom Selleck có thể là sếp của bà *bất cứ* ngày nào!).

Nhưng làm một cảnh sát mang súng không thể là tương lai của bà, với độ tuổi của bà (giới hạn tuổi của NYPD là ba mươi lăm), nhưng không có giới hạn nào cho các nhân viên của TEA* cả. Hơn nữa, bà lúc nào cũng tức điên khi ông Prill, một người hàng xóm, cứ đỗ xe bất kể chỗ quái nào ông ta thích - trước cột nước, trên vỉa hè, ở ngay vạch qua đường. Và ông ta còn thô lỗ khi bị nhắc nhở! Tưởng tượng mà xem. Thế là bà quyết định bà sẽ xin việc đó. Ông ta cùng những kẻ như ông ta sẽ không thoát được tội nữa. Carmella

Romero cũng có khiếu hài hước, và bà trân trọng phẩm chất đó ở những người khác. Bà rất thích khi Sở Trật tự giao thông đặt các tấm biển: *Đừng có nghĩ bạn có thể đỗ xe ở đây.* Sao bà lại không muốn làm việc cho một cơ quan như vậy kia chứ?

TEA là viết tắt của 'Traffic Enforcement Agency' - Cơ quan Trật tự giao thông

Không, bà không ở trong thế giới thực thi pháp luật của *Blue Bloods* nhưng giờ bà đã có cơ hội làm một việc gì đó gần gũi hơn với công việc của các cảnh sát thực thụ. Bà và tất cả các TEA khác (không bao giờ là "brownies", đừng *bao giờ* gọi như vậy), cũng như mọi viên chức thành phố trong phần này của Brooklyn, đã được gọi để sơ tán các toà nhà và vào các tầng hầm của Vinegar Hill để xem dưới đó có một thiết bị nhỏ màu trắng, trông như bộ điều nhiệt gắn vào một ống ga hay không.

Một IED!

Thiết bị nổ tuỳ biến. (Bà biết cụm từ này là nhờ, ta-da, một vụ mà con trai của Tom Selleck đã phá; nó không xuất hiện nhiều lắm trong các buổi huấn luyện của Trật tự giao thông).

Carmella Rosina Romero đã là người của Đội phá bom trong một ngày.

Dãy nhà mà bà phụ trách gồm các ngôi nhà có ba, bốn và năm tầng. Giống nhiều nhà khác ở Brooklyn, có khoảng cách dễ tiếp cận với Manhattan, chúng sẽ đầy người thuê. Và toà nhà lại còn cũ. Ồ, chắc cũng có những cải tạo gần đây để nâng cấp chúng - có thể, nếu chủ cho thuê là người thật thà - nhưng những ngôi nhà này vẫn chẳng khác gì hộp mồi lửa, nếu so với các kiến trúc mới.

Bà đang đi bộ đến ngôi đầu tiên trong “danh sách” của mình, ở góc dãy nhà, thì đông cứng.

Mặt đất bên dưới chân bà bỗng rung rinh.

Có phải nó không? Cơn động đất giả mà bà và các nhân viên khác của thành phố đã được cảnh báo?

Điện đàm của bà lên tiếng, “Thông báo. Tất cả các nhân sự phụ trách sơ tán. Vừa xác nhận một vụ phát nổ do IED ở gần Cadman Plaza. Sơ tán lúc này là cực kỳ cấp bách. Các bạn có khoảng mười phút cho đến vụ nổ thứ hai và hoả hoạn.”

Romero lao nhanh bằng cặp chân ngắn ngủn, hai bàn chân bè ra ngoài, tới toà nhà ở góc, dự định bấm vào nút gọi nội bộ và yêu cầu sơ tán.

Lỗi: Không có điện thoại nội bộ. Thậm chí chẳng có một cái chuông cửa nào. Rõ ràng là bạn phải cho ai đó biết trước rằng bạn sắp đến. Hoặc có thể sẽ phải hét lên thông báo.

Bà hét.

Không có tiếng trả lời.

Nghĩ đi, bà già. Nghĩ đi, đặc vụ! Quỷ gì chứ? Kéo một viên gạch rời trên phố, bà đập vào cửa kính và giật lùi lại tránh mảnh vỡ. Bà mở cửa từ bên trong và lao vào toà nhà, vừa đi vừa gọi, “Cảnh sát đây. Nổ ga khẩn cấp, sơ tán cả toà nhà!” Gõ vào từng cánh cửa và lặp lại lời cảnh báo.

Một cánh cửa ở đằng sau mở ra và một người đàn ông gốc Latinh mặc quần bò áo phông bước ra ngoài, ngáp dài. Hoá ra đó là

người quản lý toà nhà. Bà kể cho anh ta nghe về mối nguy hiểm, với cặp mắt mở lớn, anh ta hứa sẽ thông báo cho người thuê.

Điện đàm của bà lại vang lên, “TEA Romero, xin nghe. K”

Với một trái tim nhảy nhót - bà chưa từng được tổng đài gọi tên trước đó - bà trả lời. “Romero đây. K”

“Bà ở phố Front à?”

“Xác nhận. K.”

“Ngoài vụ sơ tán, phòng Các vụ cướp Trung tâm ở Brooklyn đã báo cáo một vụ đột nhập một tuần trước. Tám Không Bốn Front. Kẻ nào đó đội mũ cứng và mặc áo bảo hộ đã dùng kéo cắt khoá để vào qua cửa sổ tầng hầm. Không có gì bị mất. Đó là hồ sơ của kẻ tình nghi. Chúng tôi nghĩ có thể hắn đã đặt thiết bị ở đó.”

“Nó còn cách chỗ tôi ba cánh cửa nữa!” Rồi bà nhắc mình nhớ đến nghi thức và nói, “K.”

Bà nói thật là ngầu. Nhưng lại nghĩ, *Dios mío!* Chết tiệt!

“Chúng tôi đang gọi đội phá bom rồi, Romero. Cố gọi càng nhiều người ra ngoài càng tốt. Bà còn chín phút nữa. Nhớ đấy.”

Từ xa đã có tiếng còi hụ.

“Roger. K.”

Bà lao tới toà nhà đó, một khu nhà cũ, cao bốn tầng. Nó không phải cái to nhất trên phố nhưng là cái yếu nhất, nhìn vào tất cả khung gỗ kia kìa. Nó sẽ cháy phừng phừng như một miếng giẻ tẩm xăng. Các cửa sổ đóng lại trong tiết tháng Ba lạnh giá nhưng bà có thể thấy ánh đèn bên trong vài cái cửa hướng ra mặt tiền.

Lại không có điện thoại nội bộ.

Và toà nhà này còn chả có một cái cửa kính nào; toàn là gỗ cứng.

Quỷ thật.

Tám phút nữa, bà nhẩm.

Bà nhìn vào cửa sổ tầng hầm, được bảo vệ bằng thanh kim loại, với những cái khoá to đùng.

“Ra ngoài!” Romero bắt đầu hét. “Rò ga. Ra ngoài!”

Không ai phản ứng. Bà nhặt một hòn đá lên và quăng nó lên cửa sổ tầng hai - cửa tầng một cũng được bảo vệ bằng chấn song kim loại như tầng hầm. Viên đá đập vỡ một tấm trên cửa. Nếu có người bên trong, họ không chú ý hoặc cố tình không phản ứng.

Đúng, đây chính là mục tiêu. Giờ bà đã ngửi thấy mùi ga.

“Sơ tán!”

Không phản ứng.

Nhìn quanh, bà để ý thấy một hàng ô tô đỗ song song ở phía đối diện toà nhà. Bà chú ý đến một chiếc Lexus và những cái xe đắt tiền khác, thêm vào đó là vài chiếc khiêm tốn hơn. Nếu đặc vụ Carmella Romero có biết điều gì thì đó là về ô tô. Bà đi đến chiếc Lexus và tì mạnh đầu gối vào tấm chắn phía trước, làm lõm miếng kim loại. Còi báo động bắt đầu kêu vang.

Bà bỏ qua chiếc Taurus và Subaru, nhưng đập mạnh vào một chiếc Mercedes và một chiếc Infiniti. Còi báo động kêu inh ỏi.

Các cửa sổ bắt đầu mở ra. Trên tầng thượng của toà nhà, Romero thấy một người phụ nữ và hai đứa con nhỏ ló đầu nhìn ra.

“Ra ngoài! Rò ga rồi!”

Rõ ràng bộ đồng phục của bà đã thêm uy quyền cho mệnh lệnh đó. Người phụ nữ biến mất nhanh chóng. Vài người khác xuất hiện trên cửa sổ cũng vậy và bà lặp lại mệnh lệnh bằng cả tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha.

Romero nhìn khắp phố. Chưa thấy đội phá bom đâu. Cũng chưa có cảnh sát nào.

Còn sáu phút nữa.

Cửa trước mở ra và mọi người bỏ chạy. Mùi ga rất nồng. Bà giữ cửa và khuyến khích họ chạy, trong lúc bà hét thật to vào hành lang tối, “Rò ga, rò ga! Sơ tán. Toà nhà này sắp nổ!”

Dù cho chỉ ba phần tư các căn hộ ở đây có người ở, thì chừng ấy cũng là hai mươi tới ba mươi người còn bên trong. Có thể vài người còn đang ngủ, hoặc bị tàn tật.

Không cách nào lôi được hết ra ngoài.

Bà thở sâu. Carmella Romero vừa nghĩ lại về Chỉ huy Selleck vừa chạy tới cánh cửa tầng hầm. Bà đi xuống bậc cầu thang cọt kẹt bằng cặp chân mập mạp, chắc nịch. Mũi bà hít phải mùi trứng thối của khí ga. Một cơn buồn nôn dâng lên.

Tâng hầm rất ẩm thấp và tối om, ánh sáng duy nhất là từ cửa sổ có chấn song ở đằng trước, chúng rất nhỏ, nằm trên tầm mắt. Rất khó để nhìn được gì, chứ đừng nói đến thiết bị nhỏ xíu trên ống ga, lại còn rất có thể đã bị cố tình che giấu. Nhưng không đời nào bà bật đèn lên.

Nghĩ đi: Chúng ta đang tìm các quả bom trong tầng hầm; đáng lẽ họ phải trang bị đèn pin cho chúng ta mới đúng.

Còn bốn hoặc năm phút nữa, bà đoán.

Có ba phòng ở dưới này, các phòng rộng. Căn phòng phía trước nơi bà đang đứng, hầu hết là cất đồ dự trữ. Một cuộc kiểm tra nhanh cho thấy các sợi dây trên đầu và ống nước thải nhưng không có vẻ chứa ga. Căn phòng thứ hai chứa lò sưởi và máy nước nóng, một chục đường ống, trụ và dây dợ. Mùi ga ở đây mạnh hơn. Romero đã bắt đầu choáng váng và cảm thấy mình sắp xỉu. Bà đi đến cửa sổ, đập tấm kính ngang tầm khuỷu tay mình, hít một hơi thật sâu và trở lại căn phòng thứ hai, tìm trong đám mê cung ống và trụ ấy một thiết bị.

Bà liếc sang máy đun nước nhưng lại phát hiện nó chạy điện. Bà tìm chỗ lò sưởi. Nó còn nóng nhưng ngay lúc này đang không hoạt động. Tất nhiên sẽ có một ngọn đèn phụ hay thiết bị kích cháy nào đấy. Ngoài quả bom mà gã kia đã đặt, bản thân thiết bị làm nóng cũng sẽ bị bật lên bất kỳ lúc nào, kích nổ cho khí ga. Bà tìm và ấn vào nút tắt khẩn cấp.

Lại bị choáng nữa, bà ngã khuỵu xuống. Rõ ràng khí ga tự nhiên nhẹ hơn không khí và đã dâng lên trần nhà hết; bên dưới nhiều không khí thở được hơn. Bà lại hít đầy hai lá phổi, chiến đấu với cơn buồn nôn, và đứng dậy. Bà định vị được ống cung cấp ga cho lò sưởi và lần theo nó tới phòng thứ ba. Bà nhanh chóng qua đó và sau khi cân nhắc liền bật đèn pin trên điện thoại lên.

Không có vụ nổ nào.

Bà cho ánh sáng soi dọc cái ống, tới nơi biến mất đằng sau một chục cái hộp và các vật dụng khác do người thuê cất dưới này: những tấm thảm cuộn, bàn và ghế hỏng.

Còn một phút, bà đoán.

Bà nghe giọng nói gọi với từ bên ngoài chiếc cửa sổ mở, đằng sau lưng. Lờ họ đi.

Không thể quay lại bây giờ được.

Blue Bloods…

Bà lia ngọn đèn từ phải qua trái, phải rồi! Nó đây rồi! Một cái hộp nhỏ màu trắng gắn lên đường ống ga. Bên dưới nó là một cái lỗ hở chừng một phân rưỡi và ga đang rít ra ngoài từ chỗ đó.

Bà lao tới, quờ quạng qua đống đồ đạc và hộp. Bà không có kế hoạch nào thực sự, ngoài việc giật cái hộp ra khỏi đường ống. Có lẽ sau đó là thổi vào đường dẫn. Lôi pin ra nếu nó có pin. Bà sẽ lao ra cửa sổ, ném nó ra ngoài.

Lúc này, cùng với hình ảnh những khuôn mặt khác trong đầu - người chồng quá cố của bà và hai thành viên mới nhất: hai đứa cháu sinh đôi - Carmella Romero giật thiết bị khỏi đường ống và lao ra cầu thang.

Chỉ vài giây sau, khi bà đang nhìn xuống thiết bị, để ý thấy nó không có công tắc, nó vang lên một tiếng bép, gần như câm lặng, và một ngọn lửa xanh nhá lên trước mắt bà.

CHƯƠNG 66

Amelia Sachs tăng tốc chiếc Torino Cobra vòng qua góc phố vào phố Front.

Cô đạp phanh thắng gấp, khi toàn bộ đại lộ đã đầy xe của đội cứu hoả và cứu thương.

Bước ra ngoài, cô vội đi tới chiếc xe cứu thương nơi một người phụ nữ rắn chắc, gốc Latinh, mặc đồng phục, đang ngồi trên cáng.

“Đặc vụ Romero?” Sachs hỏi.

Người phụ nữ đang được nhân viên y tế của NYC chăm sóc nheo mắt lại.

“Vâng?”

Sachs tự giới thiệu và hỏi, “Bà sao rồi?”

Đặc vụ của Sở Trật tự Giao thông Carmella Romero cũng quay sang hỏi nhân viên y tế, “Tôi sao rồi?”

Người đàn ông dẻo dai, có tên là Spiros nói, “Về cơ bản là ổn. Lông mày? Chà, bà sẽ cần trang điểm. Và vài chỗ phỏng do nhiệt, bà có thể gọi là vậy. Bactine. Nhưng đó là tất cả những gì bà cần. Hai bàn tay hả? Đó là vấn đề khác. Không có gì nghiêm trọng và bà chưa cảm nhận được nó đâu - tôi đã cho thuốc tê rồi. Nếu là đàn ông thì bà sẽ mất một ít hoặc toàn bộ lông tóc và cái mùi ấy sẽ ám bà một thời gian. Nhìn tôi xem. Lông Đười ươi. Vợ tôi bảo đấy.”

Romero quay sang Sachs. “Tôi đoán là tôi như thế đấy.” Spiros nói, “Nhưng phải nói rằng bà đã gặp may mắn.”

“Đúng vậy, anh ạ.”

Mặc dù Sachs đã biết là chẳng có chuyện may gì ở đây.

Khi thiết bị *lehabahs* phát nổ, cả toà nhà cùng những người bên trong đã được bà Romero cứu. Bà đã lấy thiết bị ra khỏi tầng hầm, lúc ấy đã đầy khí ga, và lao lên cầu thang trước khi nó phát nổ. Vụ nổ mạnh làm bà bị thương là do thiết bị kích lửa, một loại tạo ra tia lửa điện cơ học, đốt cháy nốt chỗ hoá chất còn lại vốn dành cho đường ống ga. Nó rất dễ cháy. Bà đã ở đủ xa để chỗ ga trong hầm không phát nổ.

“Tôi sẽ nói với sếp của bà, đặc vụ Romero. Sẽ có huân chương.”

Bà chớp mắt, rõ ràng là khổ sở.

Nghĩa kép. Sachs cười, “Ồ không, không phải *trát* của bà đâu. Vé phạt đỗ xe. Ý tôi là bà sẽ được tặng thưởng huân chương. Đích danh chỉ huy sẽ tặng.”

Mắt bà sáng lên và có vẻ như ở đây có một câu đùa nội bộ nào đó về chỉ huy trưởng của cảnh sát NYPD mà Sachs không hiểu.

Xe của đội hiện trường tấp đến và Sachs đứng dậy - hơi khó nhọc.

Cô vẫy chiếc xe tải và tài xế, một kỹ thuật viên thu thập bằng chứng gốc Á mà Sachs từng làm việc cùng trước đây. Anh ta gật đầu với cô và lái đến.

“Ô, Thanh tra?”

Cô quay sang bà Romero.

“Có một vấn đề nhỏ,” đặc vụ trật tự giao thông nói.

“Sao thế?”

“Chỉ có một cách để mọi người phải chú ý? Tôi đã phải đá vào vài cái xe. Để còi báo động kêu.”

“Thông minh quá.”

“Tôi cho là vậy. Nhưng tôi đã đá một chiếc Lexus. Và ông chủ của nó sẽ không vui vẻ lắm đâu. Anh ta sẽ kiện tôi. Đích thân anh ta đã nói vậy. Tôi có nên kiếm một luật sư không? Anh ta có thể làm vậy không?”

“Ông ta đâu?”

Bà Romero chỉ một người đàn ông tầm ba mươi tuổi, trong bộ vest doanh nhân, mái tóc cắt kiểu phố Wall và đeo kính tròn. Khuôn mặt dài của anh ta có một nụ cười tự mãn bề trên và dường như anh ta đang hạ cố rao giảng cho một cảnh sát tuần tra, dùng một ngón tay chỉ vào ngực anh cảnh sát.

Amelia Sachs cười. “Đừng lo. Tôi sẽ đi nói chuyện với anh ta.”

“Cô có chắc không, thanh tra?”

“Ồ, vinh hạnh của tôi mà.”

Vimal Lahori nghĩ chiếc xe cổ mà cậu đang ngồi có mùi xăng, khí thải và dầu nồng hơn nhiều so với các loại phương tiện hiện đại. Tất nhiên, các loại mùi ấy cũng có thể là do thực tế nó đang được một người phụ nữ hoang dã lái ở tốc độ kịch kim.

“Cậu ổn chứ?” Thanh tra Sachs hỏi.

“Tôi ổn. Vâng.” Một tay cậu tóm chặt dây an toàn của chiếc xe cổ, tay kia bám vào móc chống tay.

Cô mỉm cười và đi chậm lại.

“Thói quen khó bỏ,” cô lẩm bẩm.

Sau khi cô cứu mạng cậu và bắn gã kinh khủng kia, kẻ đã giết ông Patel, thanh tra Sachs nói cho cậu biết họ đã tìm được một chiếc điện thoại trên người hắn. Nó rất đáng nghi. Nó đã được dùng để gọi về Nga *sau khi* sát thủ người Nga đã chết. Còn có ai liên quan không? Cô và Rhyme không nghĩ vậy, nhưng tốt hơn nên cẩn thận, vì thế Vimal đã phải ở lại đồn cảnh sát ở Brooklyn đến khi một chuyên gia máy tính nào đó ở NYPD phát hiện ra chiếc điện thoại chỉ là mánh lừa, đánh lạc hướng nghi ngờ khỏi Andrew Krueger. Vimal đã được ra về thoải mái và cậu hỏi liệu thanh tra Sachs có thể đưa mình về nhà không.

Cô nói cô rất vui lòng.

Giờ cô đang rẽ và tấp lại trước mặt ngôi nhà của chàng trai trẻ ở Queens. Thậm chí trước khi cậu bước ra, cửa trước nhà đã mở toang và mẹ cậu cùng Sunny đang vội vã chạy qua không khí mờ sương về phía cậu.

Cậu nói với thanh tra, “Cô chờ đây một phút được không?”

“Chắc chắn rồi.”

Cậu gặp gia đình mình giữa chừng lối đi và họ ôm nhau. Hai anh em lúc đầu còn lúng túng, rồi Vimal vò tóc Sunny và họ bắt đầu xô đẩy, vật lộn nhau, cười vang.

“Con không bị thương chứ?” mẹ cậu hỏi, nhìn khắp người cậu bằng cặp mắt của một bác sĩ.

“Không, con ổn ạ.”

“Anh, lại một vụ đấu súng nữa à? Đi gần anh nguy hiểm phết. Lên cả tivi đấy.”

Không đầy mười phút sau khi thanh tra Sachs bắn kẻ sát nhân, một tá xe tin tức đã xuất hiện một cách thần kỳ ở bãi rác.

Sunny nói, “Kakima gọi - mãi từ NCR*! Anh cũng lên cả bản tin ở đó!”

Thủ đô - New Delhi. Có nghĩa là hàng chục triệu người có thể đã trông thấy cậu.

NCR là viết tắt của ‘National Capital Region’ - Thủ đô

Bà dì bảy mươi tám tuổi của cậu dành nhiều thời gian trên mạng hơn bất kỳ thằng nhóc mới lớn nào mà Vimal biết.

Mẹ cậu lại ôm cậu lần nữa và đi đến chỗ chiếc xe Ford màu nâu. Bà cúi xuống nói chuyện với Thanh tra Sachs, chắc chắn là để cảm ơn cô đã cứu mạng con trai bà.

Sunny đang hỏi cậu có trông thấy cảnh người đàn ông bị bắn không. Rồi “Có phải ngay trước mặt anh không?”

“Để sau, nhóc. Anh phải lấy một thứ trong nhà.”

Vimal để ý thấy xe của nhà đã đi mất. Cha cậu đang ở nơi khác. Tạ ơn trời đất. Cậu không mong nhìn thấy ông già. Ngay bây giờ. Hoặc không bao giờ luôn.

Cậu đi vào trong và xuống xưởng. Để ý thấy các thanh chắn đã được thay thế, điều này là hợp lí vì đây là thành phố New York, một nơi không hề quá an toàn. Nhưng khoá và chốt đã được bỏ đi, cả thanh sắt cố định cũng vậy. Các thùng thực phẩm và đồ uống cũng biến mất.

Xưởng điêu khắc đã không còn là Alcatraz nữa.

Vimal đi tới tủ quần áo và tìm được thứ cậu tìm, quấn nó trong một mẩu giấy báo. Và quay lại sân trước.

Cậu bảo với mẹ và em trai là cậu sẽ vào nhà ngay rồi đi đến cửa hành khách trên chiếc xe của thanh tra, ngồi lại vào đó. “Tôi có thứ cho cô. Và người mà cô làm việc cùng, ông Rhyme.”

“Vimal. Cậu không cần làm vậy.”

“Không, tôi muốn mà. Một trong những bức tượng của tôi.”

Cậu dỡ vật đó ra và đặt nó lên bảng điều khiển. Nó là một hình kim tự tháp bốn mặt mà cậu tạc năm ngoái, cũng là thứ cậu đã nghĩ đến trước giây phút mà cậu tin là mình sắp chết. Bức tượng cao mười bảy xăng ti mét và đế cũng rộng mười bảy phân. Sachs cúi người nhìn vào nó, rồi vuốt bề mặt đá granite màu xanh đậm. “Trơn nhẵn.”

“Vâng. Trơn nhẵn. Và thẳng tắp.”

“Đúng vậy.”

Michelangelo tin rằng bạn cần phải thành thục các hình khối cứng ngắc cơ bản trước khi có thể thổi hồn vào đá.

Vimal nói, “Nó lấy cảm hứng từ kim cương. Hầu hết kim cương trong tự nhiên đều được tìm thấy ở dạng bát giác. Hai kim tự tháp

nối với nhau ở đáy.”

Cô nói, “Rồi chúng bị tách thành hai viên để mài giác. Thường là thành các hình tròn.”

Cậu cười lớn. “À, cô cũng được chỉ bảo kha khá về nghề của chúng tôi rồi.” Cả cậu cũng cúi người và chạm một ngón tay vào nó. “Nó đã giành giải nhất trong cuộc thi nghệ thuật ở Brooklyn năm ngoái, giải nhất trong một cuộc thi ở Manhattan và giải nhì Buổi trưng bày Điêu khắc New England.”

Cậu nhớ lại, cha cậu đã không cho phép cậu dự thi những lần đó. Một người bạn đã đăng ký hộ cho cậu.

“Quán quân,” cô nói, rõ ràng là đang cố tỏ ra ấn tượng - trong lúc quan sát vật thể có hình dáng rất tầm thường.

Vimal nói đùa, “Không tệ để làm một cái chặn giấy, đúng không?”

Nhìn cậu với nụ cười nhăn nhó, Sachs nói, “Tôi cảm thấy còn có nhiều thứ dành cho nó hơn chứ. Tôi có phải ấn một nút bí mật nào cho nó mở ra không?”

“Không hẳn, nhung cô cũng đoán gần đúng. Nhìn mặt dưới xem.”

Cô giơ bức tượng lên và lật ngược. Cô há hốc. Bên trong nó là một khoang khắc hình trái tim - không phải phiên bản in lên thiệp của Hallmark mà là một trái tim đúng đắn về mặt giải phẫu học, tái tạo chính xác các mạch, động mạch và khoang.

Cậu đã mất tới mười tám tháng để khắc nó, làm việc cùng những dụng cụ nhỏ bé nhất. Bạn có thể nói, nó là một bức tượng âm: phần khoảng trống, chứ không phải phần đá, mới là trung tâm.

Tôi làm có được không, Signore Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni?

“Nó được gọi là *Ẩn giấu.”*

“Vimal, tôi không biết phải nói gì. Nó thật đáng kinh ngạc. Tài năng của cậu…” Cô đặt lại nó trên bảng điều khiển rồi vươn người tới ôm cậu. Khuôn mặt cậu đỏ bừng và cậu lúng túng đặt hai bàn tay lên lưng cô.

Rồi cậu bước ra khỏi ô tô và đi bộ trở lại nhà, nơi một vài thành viên, chứ không phải tất cả gia đình cậu đang chờ.

CHƯƠNG 67

Chín giờ tối. Lincoln Rhyme quyết định: Đã đến giờ làm một ly.

Bằng một bàn tay không vững nhưng kiên quyết, anh rót một chút rượu Glenmorangie ra cốc thủy tinh Waterford có chứa vài giọt nước. Đây là một biến thể từ rượu whisky ngô. Anh tin là chính nước sẽ tăng vị của whisky.

Đối với anh, chiếc cốc Waterford là đại diện của chiến thắng. Mặc dù từ trước đến giờ, anh chưa bao giờ thích các thứ xa xỉ như vậy, anh đã quyết tâm ngừng sử dụng các bình đựng nước bằng nhựa để chuyển sang một thứ sang chảnh hơn. Vì là người bị liệt, anh đã phải dùng loại bình nhựa này nhiều năm trời. Nếu anh tuột tay, 137 đô-la sẽ tan tành dưới sàn nhà.

Nhưng anh đã khéo léo cầm được cái cốc. Và được thuyết phục rằng whisky có vị ngon hơn trong cốc pha lê, cho dù không có chút bằng chứng cụ thể nào.

Sachs đang tắm trên gác. Thom ở trong bếp, nấu món gì đó cho bữa tối. Rhyme đoán nó có dính dáng đến tỏi và một loại thảo dược hay gia vị gì đấy liên quan đến cam thảo phương đông. Có thể là hạt thì là. Anh không phải người ham ăn, thậm chí là không ăn mấy, nhưng Rhyme vẫn thấy hiểu biết của anh về nấu nướng là có ích. Vài năm trước anh đã truy đuổi một sát thủ đánh thuê có sở thích nấu ăn, và những nguyên liệu cho món ăn đa dạng của hắn đã cung cấp các manh mối quan trọng để bắt giữ hắn. (Thú tiêu khiển này

không chỉ là nguồn vui bất tận mà còn cho hắn cơ hội để dùng những con dao cực kỳ đắt tiền - và sắc bén - để làm việc. Các nhân chứng thường sẽ kể tuốt tuột những gì hắn cần biết khi họ phải đối mặt với một con dao phi lê Nhật sắc như dao cạo.)

Một tay cầm chiếc cốc thủy tinh nặng, Rhyme dùng ngón tay trên bàn tay còn lại để điều khiển xe lăn tới trước tấm bảng vật chứng của Nghi phạm 47.

Anh chắc chắn rất biết ơn vì cả Rostov lẫn Krueger đã bị hạ và không có cảnh sát nào trong vụ việc này bị thương nghiêm trọng. Thị trưởng đã gọi tới cảm ơn anh. Dwyer, người đứng đầu công ty địa nhiệt, cũng gọi. Nhưng vụ án vẫn chưa hoàn toàn đóng lại, theo quan điểm của anh. Vẫn còn những đầu mối lỏng lẻo. Chẳng hạn: sự biến mất của một công nhân Northeast Geo, kẻ giúp Krueger cài những quả mìn C4 xuống lỗ khoan. Chắc chắn anh ta đã chết nhưng Rhyme sẽ bỏ hết thời gian và công sức cần thiết để tìm ra thi thể, chỉ vì lợi ích của gia đình anh ta.

Công lý…

Cảnh sát Nam Phi rõ ràng đã hơn cả nhiệt tình theo đuổi các nhân viên trong công ty "an ninh" của Krueger. Họ đã thẩm vấn vài nhân viên hành chính cấp thấp và xác định Terrance DeVoer và vợ hắn ở Lesotho, quốc gia nằm lọt thỏm bên trong Nam Phi. Chạy trốn không phải một lựa chọn khôn ngoan đối với một tên đào tẩu, bởi hắn đã nằm trong danh sách theo dõi của các hãng hàng không, nếu muốn lái xe, hắn lại phải quay trở về chính đất nước mà hắn đang bị truy nã.

DeVoer sẽ bị trao trả cho SAP* trong vài ngày nữa.

SAP là viết tắt của ‘South African Police’ - cảnh sát Nam Phi

Còn về các công ty khai mỏ kim cương đứng sau vụ này, bộ phận đối ngoại của NYPD và FBI, kết hợp với Bộ Ngoại giao, đã liên lạc với cả hai. Dobprom chưa trả lời và Rhyme nghe nói không nên trông chờ một phản hồi nào từ phía họ. Công ty Guatemala đã thuê Krueger, Mỏ Tân Thế giới, ít nhất cũng trả lời điện thoại nhưng cực lực chối cãi việc có liên quan tới vụ việc.

Phần này của cuộc điều tra - bên phía Nga và Nam Mỹ - đang dậm chân tại chỗ.

Tuy nhiên, Rhyme quyết tâm tháo gỡ phần đó bằng được.

Một vấn đề cấp bách hơn là liệu có còn sót lại một thiết bị nổ thật không. Chỉ vì có ba cân C4 đã được tìm thấy không có nghĩa là chỉ có ba quả bom ở các lỗ khoan tại công trường Northeast Geo. Có thể Krueger đã chia chỗ chất dẻo thành bốn hoặc năm phần và đặt các quả bom ga ở những nơi khác. Cảnh sát vẫn còn đang lùng sục những mục tiêu khả dĩ dọc theo đường đứt gãy ở quanh Northeast Geo, còn FDNY thì vẫn trực chiến ở khu vực, chờ một rung chấn khác, thứ báo hiệu một vụ hỏa hoạn. Đội phá bom và ESU, kết hợp với Northeast Geo cuối cùng đã bắt đầu tiến hành đào các lỗ khoan một cách thận trọng.

Những đầu mối còn để ngỏ.

Khi nhìn lên tấm bảng lúc này, trong tâm trí anh lại hiện lên một câu hỏi khác và anh ra lệnh cho điện thoại thực hiện cuộc gọi.

“Chào Line. Sao đấy?” Lon Sellitto có vẻ sốt ruột.

“Vài chi tiết hậu kỳ cho vụ án thôi. Hôm anh tới gặp tôi kể về thiết bị không phát nổ, cái đặt trong hầm nhà người phụ nữ ấy? Claire Porter?”

“Ừ. Rồi sao?”

“Anh có tới hiện trường đó trước khi qua đây không? Nghĩ kĩ nhé. Chuyện này quan trọng đấy.”

“Có gì để nghĩ. Câu trả lời là không. Tôi đang ở trong trung tâm và ai đó đã gọi tôi. Tôi chưa từng đến hiện trường. Sao?”

“Đầu mối còn bỏ ngỏ thôi.”

“Sao cũng được. Còn gì không? Chúng tôi đang xem *Walking Dead.”*

“Cái gì?”

“Chúc ngủ ngon, Line.”

Những câu hỏi khác lại nổi lên bề mặt.

Nhưng rồi anh quay ra cửa phòng khách và ý nghĩ cố giải quyết chúng tạm thời bị gạt đi, trong lúc anh tập trung vào những việc ngay trước mắt của tối hôm nay.

Ăn tối với cô dâu của anh.

Amelia Sachs đang đi vào trong phòng. Cô mặc một chiếc váy dài màu xanh, cổ cắt sâu và không có tay.

“Trông em đẹp lắm,” anh nói.

Cô mỉm cười. Rồi có vẻ như không nhịn được, cô trả lời, “Còn anh thì đăm chiêu quá.”

“Không có gì không thể chờ đợi được. Thom! Đến giờ ăn tối rồi! Chúng ta mở rượu được không, làm ơn và cảm ơn?”

Mắt anh lại lướt về chỗ Sachs. Anh thực sự thích cái váy đó.

V
ĐÁNH BÓNG RỰC RỠ

Thứ Tư, ngày 17 tháng Ba

CHƯƠNG 68

Vẫn điềm tĩnh như mọi khi, luật sư người Mexico, Antonio Carreras-López kéo áo vest và nhìn qua thân chủ của mình, đang ngồi đối diện với ông ta.

Eduardo Capilla - El Halcón, Diều hâu - là tên tội phạm ít giống chim nhất từng tồn tại. (Bí danh thích hợp hơn với hắn phải là La Tortuga.) Béo, hói, mắt híp, với cái mũi hếch to đùng. Tuy nhiên, hắn vẫn là một trong những người nguy hiểm nhất trên Trái Đất. Cả chân và tay hắn đều bị cùm, và những cái cùm ấy thì gắn chặt vào các vòng sắt trên sàn.

Phòng thẩm vấn ở tòa án liên bang quận Đông của New York, Cadman Plaza. Tòa nhà hiện đại, thanh lịch và chỉ hơi trầy xước. Khá nhiều nghi phạm từ các con phố ổ chuột đã qua tay nơi này, nhưng vì vi phạm luật liên bang, nên chúng thường vệ sinh tử tế hơn những kẻ đồng cảnh ở tòa tiểu bang.

Cả hai người đàn ông ở đây đều mặc vest - kể cả bên bị, như một thông lệ, vì một tù nhân trong bộ áo tù có thể tạo ra định kiến với bồi thẩm đoàn, khiến họ nghĩ rằng người đó có tội và làm vẩn đục Tu chính án thứ Sáu về quyền được có một phiên tòa công bằng và khách quan.

Thi thoảng luật sư người Mexico vẫn nghĩ hiến pháp Hoa Kỳ quá hoài cổ, quá lịch lãm…

Bên ngoài căn phòng là hai lính gác - cả hai đều quyết tâm đảm bảo là El Halcón không rời tổ, Carreras-López không thể không dùng đến thành ngữ chế giễu này.

Bút của Carreras-López tạo ra những âm thanh nhè nhẹ trên tờ giấy vàng trước mặt. Ai đó sẽ nghĩ những ghi chú ông ta đang viết xuống hẳn có liên quan đến thông tin kinh khủng mà công tố viên liên bang Henry Bishop vừa mới công bố: một cuộc phân tích mới với các vật chứng đã chứng minh, khá chắc chắn, là thân chủ của ông ta không trốn trong nhà vệ sinh vào thời điểm vụ bắn nhau diễn ra, mà thực tế là đã ngắm và bắn vào cảnh sát.

Tên khốn nạn Lincoln Rhyme đã lừa ông.

Tất nhiên, bản thân điều này cũng có phần trớ trêu, bởi vì chính Carreras-López đã liên lạc với Rhyme với mục đích lừa *anh ta* vào tròng. Luật sư nghĩ ra trò ngớ ngẩn với bằng chứng bị làm sai lệch chẳng qua là để cho ông ta có cơ hội gặp Rhyme và nhìn thẳng vào mắt anh. Carreras-López là bậc thầy đánh giá con người, và có thể biết ngay lập tức nếu Rhyme có nghi ngờ âm mưu này không liên quan gì tới bất kỳ mỏ kim cương nào ở Brooklyn, mà là một vụ hoàn toàn khác, trực tiếp liên quan đến El Halcón. Nhưng không, nhà tội phạm học có thể rất thông minh trong việc phân tích dấu vân tay và các dấu vết bằng chứng, nhưng anh ta hoàn toàn không biết gì về những chuyện đang thực sự xảy ra.

Và chuyện ấy là chỉ khoảng một giờ nữa, El Halcón sẽ được tự do. Kế hoạch cứu hắn ra khỏi tòa án ở đây và đưa hắn trốn sang một tổ hợp biệt thự ở Venezuela, đang tiến triển hoàn hảo.

Người ta đồn rằng không có thỏa thuận dẫn độ nào giữa Hoa Kỳ và đất nước Nam Mỹ bất ổn kia. Điều đó không chính xác. Thỏa ước năm 1922 giữa hai quốc gia vẫn còn hiệu lực, mặc dù quy định về các tội có thể dẫn độ lại hơi mơ hồ - chẳng hạn tội trùng hôn. Có các luật về việc chuyển tội phạm giết người bỏ trốn và buôn lậu ma túy quay về Mỹ, nhưng tất nhiên, chúng sẽ chỉ được thực thi nếu các nhà chức trách nước ngoài muốn thực thi mà thôi. Và còn tùy vào vị trí rơi xuống của dấu chấm hệ thập phân, động lực thực thi pháp luật bên phía Venezuela có thể hơi yếu.

Kế hoạch trốn thoát đã được ấp ủ từ lâu - kể từ giây phút El Halcón bị bắt giữ sau vụ bắn nhau trong nhà kho ở Long Island.

Carreras-López đã biết trước rằng biện hộ đúng luật sẽ không hiệu quả - El Halcón quả thực đã chộp lấy khẩu súng của tay quản lý nhà kho, Chris Cody, và bắn Barry Sales, cảnh sát trong đội tác chiến. Trốn tù là lựa chọn duy nhất. Ông ta đã gọi cho một kẻ chuyên giải vây mà các các-ten ở Mexico thường sử dụng, một gã ở Geneva, Thuỵ Sĩ, tên là Francois Letemps. Carreras-López đã trả trước một triệu đô-la trong số tiền phí ba triệu để Letemps tổ chức vượt ngục cho ông chủ.

Letemps đã gợi ý dàn dựng một vụ vượt ngục ở một địa phương nào đó ngoài New York, nơi anh ta cho là rất rắc rối. Nhưng, không, như vậy không được. Không có chuyện thay đổi địa điểm nào ở đây; quận Đông New York là nơi có thẩm quyền tài phán duy nhất. Và một khi ông ta đã bị kết án, mà điều đó là chắc chắn, ông ta sẽ bị giam giữ ở chế độ bảo mật cao cho đến khi bị chính quyền chuyên

chở bằng phi cơ riêng tới siêu nhà tù trứ danh Colorado. Việc vượt ngục từ đây là bất khả thi.

Không, New York là lựa chọn duy nhất. Và vì toà án liên bang ở Brooklyn là mắt xích yếu nhất trong hệ thống, Letemps đã thảo ra một kế hoạch dàn dựng vụ sơ tán hàng loạt trong toà án đúng thời điểm El Halcón có mặt. Trong đám hỗn loạn, chúng có thể chiếm quyền kiểm soát xe bọc thép và trốn thoát.

Nhưng nếu chỉ đơn giản là gọi đến báo có bom, việc ấy sẽ gây nghi ngờ nhiều hơn và thậm chí kéo càng nhiều lực lượng hành pháp đuổi theo El Halcón, Letemps lập luận như vậy.

Vì thế, hắn đã quyết định tạo ra một vụ rò rỉ ga có thể gây ra thương vong trong toà án vì những lí do mà nhìn vào không liên quan gì đến nỗ lực trốn tù cả. Cụ thể, kế hoạch của Letemps cung cấp một lính đánh thuê, và chính hắn - được trả tiền để phá hoại giàn khoan địa nhiệt gần đó - mới là người cài đặt các quả bom ga trong khu vực dân cư.

Letemps đã sắp xếp việc chuyển một tảng kimberlite giàu kim cương từ Botswana tới New York. Carreras-López sai vài người của mình, những kẻ đi cùng ông ta từ Mexico, tới cài những viên đá này quanh công trường địa nhiệt và trong bãi rác nơi công trường đổ đất thải. Một trong những người này cũng mang vài viên kimberlite tới chỗ một thợ cắt kim cương nổi tiếng - Jatin Patel - ông này lại mang nó đi phân tích và phát hiện ra đích thực nó giàu hàm lượng kim cương. Dù Patel có nghĩ gì về viên đá thì điều đó cũng không quan trọng. Kế hoạch chỉ phụ thuộc vào việc đưa kimberlite đến tay ông ta.

Đích thân Letemps đóng giả là nhà thầu đại diện cho Mỏ Tân Thế giới ở Guatemala, một công ty không có dính dáng gì. Anh ta thuê Andrew Krueger cài những quả bom và giết Patel cùng người định giá Weintraub. Sau đó, gã điên người Nga đã xuất hiện, cũng lo ngại về việc phát hiện ra kim cương, nhưng rốt cuộc tất cả những chuyện đó không thành vấn đề. Điều quan trọng là cảnh sát bị thuyết phục rằng có một loạt những thiết bị kích nổ đường ống ga đã được cài ở khắp Brooklyn, gần toà án.

Những vụ rò rỉ ga nào khác sẽ ngay lập tức được quy kết là do Krueger và nỗ lực phá hoại giàn khoan của hắn.

Tội nghiệp Andrew Krueger - hắn chỉ là một con tốt thí; hắn tin rằng mình được công ty khai mỏ ở Guatemala thuê và không hề biết mình đã bị cài bẫy. Và cài bẫy để thất bại: Phần then chốt trong kế hoạch là đảm bảo cảnh sát tìm ra âm mưu phá hoại mạch kim cương.

Lincoln Rhyme đã vô tình ăn khớp với mục đích này.

Với một cái cau mày tập trung, Carreras-López ghi thêm mấy điều trên tờ giấy trước mặt. Ông ta lắc đầu, gạch bỏ một dòng. Thêm một dòng khác. Đây là một tài liệu quan trọng: danh sách đồ tạp hoá cho bữa tiệc tối mà ông ta định nấu ở thành phố Mexico đêm mai. Vợ ông không thích bếp núc; ông thì có.

Gà, ớt poblano, kemfaiche, rau mùi, rượu Burgundy trắng (Chablis?)

Lúc này, trong khi El Halcón giả vờ đọc vài tài liệu của toà và mường tượng về rượu tequila, cả toà nhà rùng mình với cơn rung

chấn nhẹ.

Đây là kết quả của một phần C4 được chính người của Carreras-López - chứ không phải Krueger - cài đặt ở công trường địa nhiệt. Thiết bị IED này không được hẹn giờ mà kích nổ bằng sóng radio, vì thời điểm xảy ra vụ nổ phải trùng hợp với lúc El Halcón hiện diện tại toà án.

Các bảo vệ trên hành lang bên ngoài thoáng nhìn nhau, rồi quay lại nhìn đăm đăm vào khoảng không.

Điện thoại của Carreras-López có tiếng chuông ngắn. Ông ta đọc tin nhắn.

“Dì của ông đã được ra viện.”

Điều này có nghĩa là người của luật sư đã bắt đầu thả chất tạo mùi khí ga tự nhiên - chứ không phải là khí thật - vào hệ thống HVAC* của toà án từ bên ngoài.

HVAC System là viết tắt của ‘Heating, Ventilating, and Air-Conditioning System’ - Hệ thống lò sưởi, thông gió và điều hòa không khí

Carreras-López chuyển màn hình của ông ta sang bản tin địa phương. Một bản tin mới nhất báo cáo lại có một vụ nổ khác, được cài đặt để nhái lại động đất. Các cư dân Brooklyn được khuyến khích để mắt tới các vụ rò rỉ ga và sơ tán ngay lập tức nếu họ phát hiện được bất kì vụ nào. Một tin nhắn khác.

“Xe của bà ấy đã đến.”

Chiếc trực thăng đã hạ cánh và đang chờ ở một công trường xây dựng ở Brooklyn, gần sông - chiếc máy bay sẽ chắp cánh đưa Carreras-López và El Halcón tới một đường băng ở Staten Island, nơi hai chiếc phi cơ riêng sẽ đưa thẳng họ tới thành phố Caracas và Mexico, mỗi người một hướng.

Carreras-López chuẩn bị sẵn sàng cho điều sắp tới: cuộc sơ tán khẩn cấp khỏi toà án. Đội bảo vệ sẽ đưa Carreras-López ra và thúc giục El Halcón tới chiếc xe bọc thép ở cổng nhận tù nhân dưới tầng trệt chờ được chuyển về lại trại tạm giam.

Nhưng việc sơ tán El Halcón sẽ không diễn ra theo dự định của các chiến sĩ cảnh sát tư pháp. Chiếc xe tải bọc thép sẽ không phải do các bảo vệ đã được phân nhiệm vụ này lái. Người của Carreras-López sẽ bắn họ bằng súng giảm thanh và chiếm chiếc xe. Nó sẽ được lái đến lối ra để chờ El Halcón và hai vệ sĩ của ông ta. Một khi họ đã vào trong xe tải và cửa đã đóng, các lính gác này cũng sẽ phải chết và chiếc xe sẽ tăng tốc tới chỗ trực thăng.

Bằng giờ này ngày mai, El Halcón sẽ tận hưởng cuộc sống của ông ta ở khu liên hợp bên ngoài Caracas. Còn Carreras-López - không ai có thể chứng minh bất kì mối liên hệ nào của ông ta với mưu đồ này - thì sẽ đang nấu món gà hầm rượu phiên bản Latinh, công thức riêng của ông.

Và hân hoan với kế hoạch này.

Gracias, Monsieur Francois Letemps.

Hay, *merci.*

Đi cùng với ý nghĩ này của ông ta là làn hơi ga đầu tiên.

Mắt ông ta ngước lên và bắt gặp mắt của thân chủ. Lông mày El Halcón chỉ hơi nhíu lại. Carreras-López xé danh sách mua hàng trên tập giấy vàng và cẩn thận gấp lại, thả nó vào túi áo.

Chỉ sáu mươi giây sau, cửa đã bật mở và các bảo vệ ùa vào trong.

“Tòa nhà đang được sơ tán,” Quay sang Carreras-López, một người nói, “Ra ngoài qua cửa chính. Phía trước.” Rồi quay sang El Halcón. “Ông đi cùng chúng tôi. Không nói gì hết. Cúi đầu xuống và đi đến nơi chúng tôi bảo.”

Vì lịch sự, hoặc tuân thủ theo luật, họ lặp lại mệnh lệnh bằng tiếng Tây Ban Nha. El Halcón đứng dậy và một lính gác cúi xuống tháo cùm ra khỏi các vòng tròn trên sàn.

Với vẻ lo lắng, Carreras-López hỏi, “Nhưng có chuyện gì vậy?”

“Rò ga. Thằng khốn đã đặt các quả bom ga ấy? Trên tivi? Hắn đã đặt một quả ở đây hoặc gần đây. Đi. Nào!”

“Dios miso!” Carreras-López lẩm bẩm và tự chúc mừng mình trong lúc bước ra ngưỡng cửa.

CHƯƠNG 69

Ông ta đòi hỗn loạn và hỗn loạn đã tới thật.

Antonio Carreras-López đang ở bên phía đối diện lối vào nhận tù nhân của tòa án. Ông ta đang ngồi trên tầng hai một quán cà phê, nơi đã định sẵn để theo dõi kế hoạch diễn ra.

Các con phố chật cứng nhân viên cứu nạn - thật ra là những người *chuẩn bị* cứu nạn vì chưa có vụ nổ hay đám cháy nào xảy ra. Các xe cứu hỏa, xe cảnh sát và xe cứu thương. Tất nhiên có cả báo chí. Một đám khán giả, cánh tay giơ lên như kiểu chào của Phát xít khi họ đưa điện thoại di động lên để ghi lại cảnh thảm họa đang được chờ đợi. Những chiếc loa loại lớn đang thúc giục khách bộ hành và những người đứng xem lùi lại sau rào chắn. “Ngay lập tức! Có nguy cơ hỏa hoạn lớn hoặc một vụ nổ sắp xảy ra! Lùi lại!” Giọng nói rất cứng rắn. Không ai buồn để tâm đến những lời cảnh báo.

Đằng sau quán cà phê, chiếc limo của Carreras-López đang chờ. Ông ta có lòng tin vào kế hoạch của Letemps, nhưng bản chất là kẻ thực dụng, vị luật sư luôn có dự phòng. Nếu kế hoạch vỡ lở ngay lúc này, và tất nhiên đó cũng là một khả năng, nếu lính gác nổ súng và giết chết người của ông ta và vẫn giữ được trùm ma túy Mexico trong tù, vị luật sư sẽ cao chạy xa bay khỏi đất nước này.

Ông ta có một gia đình, một khối tài sản và một buổi hẹn nấu nướng đang chờ ở nhà. Ông ta còn có cả máy bay riêng đã thanh toán xong xuôi.

Cả người ông căng lên. Ông ta đã quan sát thấy chiếc xe tải bọc thép có nhiệm vụ chở El Halcón đang tiến ra. Ông ta nhận được một tin nhắn khác.

“Dì ông đang trên đường về nhà.”

Có nghĩa là các lính gác trong xe tải đã chết và người của Carreras-López đã thay thế tài xế và bảo vệ đi kèm.

Giờ là giây phút quyết định.

Hai lính gác bên ngoài phòng thẩm vấn sẽ sớm xuất hiện, hộ tống El Halcón trong lúc ông ta ra xe tải. Carreras-López có thể đếm được ba lính gác khác, vũ trang bằng súng bán tự động, hiện đang đứng ở ngoài canh chừng đám đông. Ông thấy họ có vẻ bị phân tâm và điều đó là dễ hiểu: Đúng, họ không muốn tù nhân của mình trốn thoát, nhưng họ cũng không muốn bị thiêu đến chết khi ống ga phát nổ; đến lúc này mùi ga hẳn đã nồng nặc lắm. Và họ sẽ biết, như phần lớn người dân thành phố, rằng quả bom ga hẹn giờ đang tích tắc điểm - mười phút từ sau vụ rung chấn là phát nổ.

Đúng lúc đó El Halcón và hai lính gác - chỉ có hai người - xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Họ vội vã ra xe nhanh nhất có thể - chân của ông trùm vẫn còn bị cùm - và cánh cửa mở ra. Họ vào trong. Cửa đóng chặt.

Từ trong đó, rất khẽ, xuất hiện vài luồng sáng lóe lên.

Những khẩu súng giảm thanh bắn chết đám lính gác.

Rẽ ra làn đường đã được dẹp xe cộ, chiếc xe tải bắt đầu tăng tốc và rẽ ở góc phố.

Một tin nhắn khác.

“Bà ấy khỏe.”

Những tin nhắn mã hóa cuối cùng có nghĩa là lính gác đã chết và chiếc xe sẽ tiếp tục tới điểm hẹn.

Carreras-López quay người và nhanh chóng xuống cầu thang ở sau quán cà phê, tới chỗ chiếc limo. Ông ta bước vào trong xe. Tài xế chào ông và họ khởi hành, chiếc Caddie lượn vòng quanh các phố bị chặn. Họ sẽ nhanh chóng ra đến quốc lộ, và chỉ cách chiếc xe tải năm phút.

Xe tải an ninh sẽ có định vị GPS; lộ trình của nó sẽ bị theo dõi. Vì vậy, Letemps đã chọn một điểm hẹn ngay bên ngoài đường cao tốc, trên đường về trại tạm giam. Bất kì ai đang theo dấu chiếc xe tải cũng sẽ nghĩ rằng, khi tấp vào lề, nó đơn giản chỉ đang chệch khỏi lộ trình một chút để tránh tắc đường thôi.

Nó sẽ dừng lại thật nhanh để El Halcón và những người khác ra ngoài. Lần dừng lại này cuối cùng sẽ báo động đám an ninh ở trại giam. Nhưng đến lúc họ cử được lực lượng hỗ trợ đến đây thì El Halcón và Carreras-López đã đi từ lâu rồi.

Chiếc Cadillac chở Antonio Carreras-López đang rút ngắn khoảng cách với xe tải. Ông ta có thể thấy nó chỉ cách họ khoảng một trăm mét. Trong sáu mươi giây, họ đã tới chỗ rẽ, và chiếc xe tải, rồi đến limo của Carreras-López tấp vào một bãi đỗ xe trống, cỏ dại mọc dầy bao quanh một nhà máy đổ nát. Tấm biển to đùng chỉ ghi mỗi *H&R Fab icat s, I c.* Những chữ cái còn lại, cao tới một mét tám,

hẳn đã từng mang một màu đỏ kiêu hãnh trong quá khứ nhưng giờ xước xác và biến thành màu hồng yếu ớt.

Xe tải và xe limo dừng lại gần chiếc trực thăng vẫn đang ở chế độ chờ và một cái xe tải đỗ ở phía sau những thuộc hạ của tay luật sư.

Carreras-López liếc ra sau và không thấy xe cảnh sát nào. Hay bất kỳ chiếc trực thăng nào trên đầu hay thuyền dưới dòng Sông Đông, đoạn tiếp giáp với bến cảng.

Các nhà chức trách đã không mảy may nghi ngờ gì. Họ sẽ có tầm mười phút trước khi có người ở trại tạm giam bắt đầu nghi ngờ vì không thấy xe tải lẫn các xe hộ tống đâu.

Carreras-López bước ra khỏi limo. Ông ta nói với tài xế, “Về đi.” Ông cho anh tài năm trăm đô-la và bắt tay anh ta.

“Cảm ơn ông. Tôi rất vui khi được lái xe phục vụ ông. Hẹn gặp lại khi ông quay lại.”

Đó là điều sẽ không bao giờ xảy ra. Nhưng ông ta vẫn đáp: “Tôi rất mong chờ đến ngày đó.”

Chiếc Cadillac chậm chạp tiến ra khỏi bãi đỗ xe đổ nát, khấp khểnh.

Carreras-López vẫy xe tải, bên trong có lẽ El Halcón đang lột tiền nong và vũ khí của các lính gác đã chết. Thân chủ của ông đã từng giết người chỉ vì một cái ví - không phải vì tiền mà do ông ta thích chất da của nó… và cả bức ảnh chụp vợ và con gái nạn nhân. El Halcón kể với Carreras-López rằng hắn đã giữ bức ảnh đó bên cạnh giường ngủ suốt nhiều năm liền.

Ý nghĩ đó ngay cả lúc này cũng vẫn khiến vị luật sư rùng mình. Ta có một thân chủ mới khủng khiếp làm sao!

Cánh cửa xe tải mở ra.

"Hola!" Carreras-López gọi.

Rồi ông ta cứng đờ. Ông ta thì thầm, *"Mierda."*

Bởi vì người trèo ra khỏi xe không phải là El Halcón. Mà là một nữ cảnh sát tóc đỏ, mặc nguyên bộ giáp tác chiến và cầm súng tự động. Theo sau cô ta là ba, không, bốn, không, sáu cảnh sát khác, một nửa có chữ ESU trên bộ giáp hộ thân của họ. Một nửa có chữ *FBI.*

"Không!" Luật sư kêu lên.

Hai trong số các cảnh sát này chạy đến chỗ trực thăng và lôi phi công ra, còn những người khác bắt giữ mấy người đứng bên cạnh xe tải. Nữ cảnh sát bước nhanh đến chỗ luật sư, đi cùng là một cảnh sát nam trẻ hơn, tóc vàng. "Tay!" cô ta quát. Luật sư thở dài, liếm môi bằng cái lưỡi khô rang và giơ hai cánh tay lên. Ông ta nhớ đã gặp cô gái này ở căn hộ của Lincoln Rhyme.

Làm cách nào? Làm sao lại xảy ra chuyện này được?

Một kế hoạch hoàn hảo.

Đã bị phá một cách hoàn hảo.

Bằng cách nào? Câu hỏi lượn vòng trong tâm trí ông ta.

Trong lúc ông ta bị người phụ nữ còng tay và nam cảnh sát lục soát, ông ta cố lý giải điều này.

Những tin nhắn đều đúng mật mã.

El Halcón đã vào trong xe tải. Ta *đã* trông thấy ông ấy.

Ta đã nhìn thấy những tia sáng của các phát súng.

Hay là không?

Bản thân cũng là người lanh trí, ông ta nghĩ: Không, không, không. Bọn họ đã biết, hoặc đoán ra kế hoạch và tìm được người của Carreras-López trước khi họ có thể giết tài xế và lính gác. Cảnh sát đã đề nghị xin khoan hồng cho họ đổi lấy mật mã và chi tiết của vụ đào tẩu.

Những luồng sáng lóe lên từ bên trong xe không phải là súng mà là điện thoại di động hoặc đèn pin để thuyết phục bất cứ ai đang theo dõi là đội lính gác thứ hai đã chết. Ngay khi xe tải ra khỏi tầm nhìn, nó đã rẽ đường khác và chiếc xe này, cùng đội tác chiến bên trong, đã chiếm vị trí của nó trên đường đến nhà máy này.

Nhưng điều đó vẫn không lí giải câu hỏi bằng cách nào: Làm sao mà ai đó - chắc chắn là Lincoln Rhyme - lại nghi ngờ về âm mưu đào tẩu ngay từ đầu chứ?

Nữ cảnh sát nói, “Ngồi xuống đây. Tôi sẽ giúp ông.”

Cô ta hạ người ông xuống mặt đất. “Làm ơn. Làm thế nào các người phát hiện ra? Làm sao biết được chúng tôi đang làm gì? Tôi muốn biết. Cô nói cho tôi nghe được không?”

Cô ta lờ ông đi khi mải chú ý tới một chiếc limo đen đang tiến lại. Nó dừng lại và một người đàn ông cao, gầy gò bước ra.

Carreras-López thở dài. Đó là Henry Bishop, công tố viên Hoa Kỳ.

Nữ cảnh sát đi đến chỗ anh ta rồi cả hai cùng nói chuyện. Không có gì ngạc nhiên, trong lúc nói họ vẫn để mắt đến ông ta.

Cuối cùng, Bishop gật đầu. Cả hai bắt đầu sải những bước chậm rãi về phía luật sư.

CHƯƠNG 70

Rhyme đang ở trong chiếc xe tải dành cho người tàn tật, không xa khỏi hiện trường bắt giữ cạnh bờ sông ở Brooklyn.

Hiện giờ anh đang theo dõi qua cửa sổ và lắng nghe những giọng nói đứt quãng trong máy quét rada của cảnh sát.

Đúng là anh và Sachs đã có một bữa tối đáng yêu hôm qua.

Nhưng họ không bàn về phim ảnh hay chính trị hay ngàn lẻ một chủ đề to nhỏ khác nhau mà các cặp vợ chồng vẫn bàn trong bữa ăn; họ nói về các đầu mối còn bỏ ngỏ, vẫn còn mắc kẹt trong lòng Rhyme về vụ án ở quận Kim Cương.

“Bất thường, Sachs ạ. Những mảnh ghép không ăn khớp hẳn với nhau.”

“Chẳng hạn như?”

Cô đang thưởng thức rượu Burgundy khá ngon. Tất nhiên là hiệu Chardonay. Nhưng không bị om mùi sồi, một vẻ tinh tế mà người Pháp - không như người California - đã thành thục. Rhyme nhấp nháp rượu của mình; anh đã đổi Glenmorangie sang Cab. Nếu một người phải uống vang thì nó nên là vang đỏ và phải đậm.

Anh giải thích đầu mối lỏng lẻo nhất: “Tại sao ngay từ đầu ông Jatin Patel lại sở hữu viên kimberlite?”

Cô nghiêng đầu. “Chưa bao giờ nghĩ về chuyện đó. Một câu hỏi hay.”

Anh hỏi với vẻ chế giễu hơi lộ liễu, “Chẳng lẽ có ai đang tản bộ ngang qua công trường địa nhiệt hoặc bãi rác và *vô tình* để ý thấy một cục đá đen xì không có gì nổi bật, rồi mang nó tới gặp một nhà buôn kim cương để đánh giá chắc?”

“Không hợp lý.”

“Một vấn đề nữa: Phải chăng toàn bộ vụ động đất giả này, nó không phi lý lắm sao? Gần như ai đó muốn chúng ta phát hiện ra là nó đã được dàn dựng vậy.”

“Đúng. Anh mải miết theo một vụ án có chuyển biến nhanh, anh không lùi lại.”

Rhyme nói, “Giả sử có một ông Y này.”

“X bị lấy mất rồi à?”

Một nụ cười. “Nhớ không? Anh đã dùng chữ đó trước rồi.”

“Okay, nói tiếp đi. Ông Y.”

“Hắn cũng có một kế hoạch. Ông Y hoặc kẻ nào đó làm việc cho ông ta gọi cho Krueger - ẩn danh nhé - và tuyên bố mình làm việc cho Mỏ Tân Thế giới. Họ đang cuống hết cả lên vì một công trường khoan khai thác ở Brooklyn đã đào được kimberlite giàu hàm lượng kim cương. Họ thuê Krueger tạo ra các vụ động đất giả để đóng cửa công trường và giết Patel hay tất cả những người biết về nó.”

“Và,” Sachs nói, “Ông Y đã chuyển một ít kimberlite từ Châu Phi và đặt nó ở công trường địa nhiệt.”

“Chính xác. Nhớ các dấu vết ta tìm được không? *Coleonema pulchellum* - bụi hoa giấy - cũng tới từ Châu Phi.”

Lúc ấy, Rhyme đã thưởng thức đến miếng thịt bê chấm sốt kem hạt thì là pha thêm rượu vermouth thứ hai. Ngày xưa, suốt mấy năm liền sau vụ tai nạn, Thom đã phải đút cho anh ăn. Gần đây, miễn là có người cắt thức ăn cho anh, hoặc dạng tự nhiên của nó là những miếng vừa mồm, anh có thể tự mình xử lý khá ổn phần ăn uống.

Cô nói, “Đến đây thì vẫn hiểu. Ông Y đã lập ra mưu đồ tỉ mỉ làm giả động đất mà bề ngoài là ngăn chặn việc sản xuất kim cương… nhưng ông ta lại có một kế hoạch hoàn toàn khác. Đó là*…?”*

“Anh chưa nghĩ ra được. Đầu tiên là chưa. Nhưng rồi anh tự hỏi, tại sao lại là Brooklyn, tại sao phải là công trường Northeast Geo? Ông Y có thể chọn bất kỳ một công trường xây dựng nào trong khu vực này. Không, phải có một điều gì đặc biệt ở Cadman Plaza. Và có gì độc nhất ở đó?”

“Các tòa nhà chính phủ. Các tòa án.”

Rhyme lại cười. “Và ở đó có mảnh ghép nào để kết nối các điểm không?”

“Em có cảm giác,” Sachs nói, “rằng đó hoàn toàn là một câu hỏi tu từ.”

“Ngày hôm trước, Pulaski ngửi thấy mùi ga trong dinh thự. Anh đoán là vì Lon vừa mới từ hiện trường ở nhà Claire Porter về - nơi họ tìm được *lehababs,* quả bom ga. Nó không phát nổ nhưng đã làm chảy đường ống ga, và đã gây ra vụ rò rỉ lớn. Anh đoán anh ta đã bị ám mùi đó khi đến đấy. Nhưng anh đã gọi. Và anh ta không hề có mặt ở hiện trường.”

“Vậy mùi đó xuất hiện từ đâu?”

“Từ cái hộp tài liệu của vụ án El Halcón. Được ông Y chuyển đến cho anh.”

“Ông Y!” Mắt cô sáng lên. “Carreras-López.”

“Chính xác. Một trong những nhân viên của ông ta đã mang tài liệu tới cho anh. Dù chúng từng ở đâu thì đó cũng là nơi bọn chúng cất hương liệu. Có thể chúng đã dùng thử, hoặc nó bị rò rỉ. Nhưng mùi hương bị lẫn vào tài liệu. Thế là. Các quả bom ga có mối liên hệ nào đó với vị luật sư của El Halcón và, có thể là cả phiên tòa xét xử hắn nữa.

Sachs suy luận, “Và việc đó giải thích lí do tại sao Carreras-López lại đến gặp anh với lời buộc tội ai đó đã cài cắm dư chất thuốc súng ở nhà kho.”

“Ừ. Ông ta muốn vào bên trong đội điều tra Nghi phạm 47. Kiểm tra chúng ta, đảm bảo chúng ta không nghi ngờ âm mưu kim cương là dàn cảnh. Nếu anh không đưa cho Bishop đầu mối quan trọng buộc tội sát nhân, anh nghĩ ông ta sẽ thành khách hàng thân thiết - hay đúng hơn là gián điệp.”

Cô đặt chiếc dĩa xuống. “Nhưng, lạy Chúa, Rhyme. Ông ta sẽ cố giải thoát cho El Halcón… có thể là ngày mai. Chúng ta chỉ ngồi đây thôi sao.”

Anh nhún vai. “Từ giờ đến lúc ấy không thể có chuyện gì xảy ra đâu. Anh đã gọi cho anh bạn mới Hank Bishop của chúng ta và biết là El Halcón đến đó lúc mười giờ sáng. Hơn nữa, ta còn chưa ăn xong.”

Cô nhìn anh tinh nghịch. “Và anh cũng đã gọi cho Lon, Ron và Fred Dellray, có khi còn gọi luôn cả đội ESU chứ gì. Khi nào họ sẽ có mặt ở đây?”

“Nửa tiếng nữa. Không chen ngang bữa tráng miệng của chúng ta đâu. Thom! *Thom!* Chẳng phải cậu định thổi lửa* món gì đó đặc biệt cho Amelia à?”

Cách nấu dùng lửa món ăn đốt trực tiếp trên rượu mạnh

Vậy là sáng nay Sellitto và Dellray đã khởi động chiến dịch mà họ lên kế hoạch tối hôm trước. Họ quyết định rằng có thể Carreras-López sẽ dùng chính người của mình, giả dạng các lính gác, để cướp chiếc xe chở tù, nên các đặc vụ FBI và cảnh sát ngầm đã làm một vòng kiểm tra các lính gác trong và quanh tòa án. Họ tìm được hai người đóng giả - có mang súng giảm thanh. Dellray - bằng phong cách đe dọa không lẫn vào đâu được - đã thuyết phục họ khai ra chi tiết âm mưu để đổi lấy cáo trạng nhẹ hơn. (“Tôi khẳng định nhân ba lần với các anh, các anh sẽ không thích thú cái nhà tù *đặc* biệt đâu, chưa kể đám tù nhân ở nơi các anh sắp đến, nếu không giúp đỡ. Chúng ta đều hiểu rõ điểm này phải không?”)

Vậy là mọi chuyện đâu vào đấy.

Sau đó là cuộc tranh luận. Rhyme, Sachs, Dellray và Sellitto - và cả vài chỉ huy của NYPD, lẫn Tòa thị chính.

Họ đều biết rằng không có nguy cơ rò ga thật sự. Người của Carreras-López chỉ thả ra mùi hương, để kích hoạt việc sơ tán; chúng không dám mạo hiểm đốt luôn cả thân chủ của mình trong vụ nổ thật. Cảnh sát tòa án và NYPD có thể hoàn toàn lờ đi việc này và

rỉ tai nhau rằng không có mối nguy hiểm nào. Mở cửa sổ, bật thông gió. Và phiên tòa sẽ tiếp diễn.

Nhưng Rhyme tin rằng nếu họ có thể bắt được Carreras-López, họ có thể mặc cả việc giảm tội với tay luật sư để đổi lấy thông tin về kẻ hợp tác với El Halcón.

Điều đó có nghĩa là họ phải để cho kế hoạch giải cứu tiến triển - nhưng đổi xe chở El Halcón và dùng một chiếc xe thứ hai, chứa đầy các cảnh sát tác chiến, để chạy ra chỗ trực thăng và tóm gọn cả luật sư lẫn toàn bộ tùy tùng.

Chính xác như những gì đã xảy ra, không sai lệch một ly.

Điện thoại Rhyme rung lên với tin nhắn.

> FYI. Carreras-López đã chấp nhận đề nghị giảm án. Xác định đồng sự bên Mỹ: Roger Whitney, Thành phố Garden, Long Island, cảm ơn, Lincoln.
> -H.Bishop

Lúc này, Rhyme nghe tiếng cửa sau chiếc xe Sprinter được mở đằng sau lưng. Anh quay lại.

Sachs đang đứng ở ngưỡng cửa, khẩu súng máy quàng qua vai, mũi súng chúc xuống. Tay trái của cô đang cầm mũ bảo hiểm, Rhyme nghĩ trong bộ cánh này trông cô cũng hấp dẫn không kém trong chiếc váy màu xanh.

“Em đi nhờ được chứ?” cô hỏi.

“Anh nghĩ là em ngồi vừa.”

Sachs trèo vào và đóng cửa. Cô ngồi xuống, lôi băng đạn dự trữ ra khỏi súng và tháo băng còn trong khoang đạn. Mắt họ gặp nhau.

“Vậy là,” cô nói. “Xong nhỉ.”

“Xong rồi, Sachs.”

CHƯƠNG 71

Hôm qua Vimal Lahori đã không gặp cha cậu.

Sau bữa tối với mẹ và em trai, Vimal đi chơi cả buổi tối với Adeela. Cậu quay lại muộn và đến lúc về nhà thì thấy xe của cha cậu có trên lối đi nhưng ông đã đi ngủ.

Lúc thức dậy sáng nay, cậu nghe nói Papa đã lại ra ngoài.

Dù ông có công chuyện gì, ông cũng không chia sẻ với vợ, chứ đừng nói là cậu con trai thứ hai. Nhưng thật ra Papa không bao giờ chia sẻ bất kỳ điều gì, trừ khi nó là một tuyên bố được truyền từ trên xuống.

Vimal biết chắc chắn, dù rất sợ hãi, rằng nhiệm vụ của ông chính là: tìm cho Vimal một chỗ học việc mới. Nhưng việc ấy sẽ không dễ dàng, bất chấp kĩ năng của Vimal. Danh tiếng của chàng trai trẻ đã bị vấy bẩn. Giờ cậu có dính dáng với điều tồi tệ nhất có thể xảy ra trong giới kim cương - một vụ cướp và một vụ án mạng. Ồ, cậu không làm gì nên tội cả, và hóa ra tội ác ấy lại là một việc rất khác, nhưng các nghệ nhân kim cương sẽ không căn cứ vào các kết luận đó. Họ sẽ mãi liên hệ Vimal với cái chết của thiên tài Jatin Patel, một trong số họ.

Vimal Lahori đã trở thành một nhân chứng sống của phần đen tối và nguy hiểm của những viên đá quý kì diệu ấy, của kim cương máu từ Châu Phi, cho đến lao động nô lệ ở Siberia, và cả cướp vũ trang ở Bỉ.

Nhưng cha cậu sẽ cầu xin và năn nỉ cho đến khi ai đó chịu nhận Vimal.

Lúc này cậu đang ở trong xưởng, nhìn vào mẩu đá lam thạch nặng một cân. Vimal yêu khoáng vật màu xanh lam đậm này. Nó thường được dùng làm đồ trang sức nhưng người ta cũng có thể kiếm được những viên đủ to để điêu khắc, với một cái giá phải chăng. Loại đá biến chất này đã có một lịch sử lâu đời trong cả ngành trang sức lẫn nghệ thuật. Mặt nạ quan tài của Tutankhamun có khảm nó, các nghệ sĩ Trung Hoa cũng khảm những mô hình làng mạc núi non vào các tấm hoành phi, như họ làm với ngọc bích. Lam thạch được phát hiện lần đầu tiên ở tỉnh Badakhshan, Afghanistan và giờ được tìm thấy ở đó, cũng như các địa điểm khác như Siberia, Angola, Myanmar, Pakistan và - quê hương của chính viên đá này - Pleasant Gulch, Colorado.

Cậu vẫn đang xoay vần viên đá trong tay, chờ nó nói với mình và giải thích hình hài mà nó muốn trở thành thông qua bàn tay hào hứng của Vimal. Nhưng hiện tại thì nó vẫn im lặng.

Có tiếng bước chân trên cầu thang.

Vimal biết nhịp chân này. Cậu đặt viên đá xanh rực rỡ với những vệt pi-rít* vàng xuống, ngồi thẳng trên ghế làm việc.

Khoáng chất

“Con trai.”

Vimal gật đầu với người đàn ông có cặp mắt mệt mỏi. Cậu nghĩ: Cố dắt khách cho một con điếm không ai cần chắc là rất khó khăn.

Papa đang cầm hai chiếc phong bì, một lớn và một nhỏ. Vimal liếc chúng, đoán đó là hợp đồng cắt kim cương. Mắt cậu quay lại với cha.

Ông nói, “Tối qua bố lỡ mất dịp gặp con. Bố mệt quá. Bố đã đi ngủ. Nhưng mẹ con bảo là con khỏe. Không bị thương sau vụ việc với kẻ đó. Tên giết người.”

Vụ việc…

“Vâng.”

“Bố rất biết ơn vì điều đó,” Papa nói, rồi có vẻ nhận ra những lời ấy thật ngốc nghếch.

Ông nhìn xuống viên lam thạch. “Con cái và gia đình ông Patel đã đến thành phố. Họ cùng chị gái ông ấy đã tổ chức lễ tang và hỏa táng riêng tư.” Theo tôn giáo Hindu, hỏa táng là cách đối xử với thân xác duy nhất được chấp nhận. Ở Ấn Độ, tang lễ và hỏa thiêu được diễn ra ở cùng một chỗ - tất nhiên, theo truyền thống, xác người được đốt trên một giàn thiêu ngoài trời. Ở đây, các nghi thức chôn cất của người Hindu, lễ Antyesti, đã được điều chỉnh để tuân theo thông lệ và luật pháp phương Tây.

Cha cậu nói thêm, “Nhưng chúng ta sẽ cử hành lễ tưởng niệm ở nhà chị gái ông ấy tối nay. Đó là lí do bố đi vắng. Bố giúp họ tổ chức việc đó. Con đến chứ?”

“Vâng, chắc chắn rồi. Tất nhiên.”

“Con có thể nói gì đó nếu con muốn. Nhưng không bắt buộc phải nói.”

“Con sẽ nói.”

“Tốt lắm. Con đã làm rất tốt.”

Im lặng.

Lí do mà bố đi vắng…

Giờ là lúc biết lí do kia. Ai sẽ là ông thầy mới của cậu?

Vimal Lahori đã quyết. Không ai nữa. Đến đây là hết. Cậu sẽ nói không với ông già.

Cuối cùng, cậu cũng nói không.

Cậu hít một hơi sâu để làm vậy nhưng cha cậu đã đưa cậu phong bì nhỏ hơn trong hai cái. Bàn tay run rẩy hôm nay không run lắm. “Đây.”

Vimal kiềm lại bài diễn văn đã chuẩn bị và cầm phong bì. Cậu nhìn vào mắt cha.

Ông nhún vai nói, Mở đi.

Vimal làm theo. Cậu nhìn vào bên trong và hơi thở nghẹn lại trong một giây. Cậu lại nhìn lên cha và quay lại với nội dung phong bì.

“Đây là…” Cậu thực sự đã bị nghẹn.

“Ừ, một tờ séc từ công ty của Dev Nouri.”

Được chi trả cho Vimal Lahori. Chỉ mình cậu.

“Papa, chỗ này gần một trăm ngàn đô la.”

“Con sẽ phải trả thuế nữa. Nhưng con sẽ vẫn giữ lại khoảng hai phần ba.”

“Nhưng…”

“Viên thô mà con đã cắt cho ông ấy. Hình bình hành ấy.” Từ ấy phát ra một cách lúng túng từ miệng ông. “Dev đã bán nó trong một cuộc đấu giá riêng được ba trăm ngàn đô. Ông ấy định cho con mười phần trăm.”

Một thợ cắt kim cương lành nghề ở New York có thể trông đợi kiếm được khoảng năm mươi ngàn đô một năm. Chỗ ba mươi ngàn mà ông Nouri định trả cho một ngày công làm việc đã là rất rộng lượng so với bất kỳ một tiêu chuẩn nào trên thế giới.

“Nhưng bố bảo không. Ông ấy và bố đã bàn bạc một chút. Ông ấy đồng ý như con thấy, với khoản ba mươi ba phần trăm. Chỗ đó ít hơn một trăm ngàn, bởi vì ông ấy khăng khăng đòi trừ khoản tiền ông đã trả cho con. Bố nghĩ chúng ta không thể phản đối điều đó.”

Vimal không thể không cười.

“Mở một tài khoản, gửi chỗ tiền đó đi. Đó là tiền của con. Con có thể làm gì con muốn với nó. Giờ, bố sẽ nói một việc khác. Con sẽ nhận được nhiều cuộc gọi. Toàn khu vực New York này không có một nghệ nhân kim cương nào không muốn có con làm việc cho họ. Bố đã nghe từ một số người muốn nhận con vào học việc. Họ đều đã nghe nói về hình bình hành. Vài người còn gọi nó là Giác cắt Vimal.”

Tin tức này rất thú vị - cậu không phải là kẻ bị ruồng bỏ - nhưng điều này cũng làm cậu nản lòng. Áp lực từ cha cậu đã trở lại. Tinh vi hơn, nhưng vẫn là áp lực.

Papa lẩm bẩm nói, “Con có thể kiếm được việc làm ở bất cứ chỗ nào và họ sẽ trả con hậu hĩnh. Nhưng trước khi làm việc đó, hãy

nghĩ về cái này.” Ông đưa ra phong bì lớn hơn.

Vimal lấy từ trong đó ra một tập giới thiệu về trường đại học, cho một chương trình bốn năm đã được kiểm định chất lượng ở Long Island. Một tờ giấy nhớ màu vàng gắn ở giữa. Vimal mở trang đó ra, trong đó mô tả MFA, chương trình thạc sĩ nghệ thuật. Trong đó là một học trình điêu khắc, bao gồm một kỳ học ở nước ngoài, Florence và Rome.

Cảm thấy tim mình đang đập loạn nhịp, cậu nhìn lên cha.

Ông nói, “Vậy đó. Bố đã là người đưa tin. Phần còn lại tùy con. Tất nhiên con có thể muốn một trường khác. Mặc dù mẹ con và bố hi vọng nếu con làm vậy, bố mẹ hi vọng con sẽ trở thành Michelangelo của Jackson Heights hơn là của Los Angeles. Nhưng, như bố đã nói, tùy con, con trai ạ.”

Vimal không định quàng tay ôm cha mình, nhưng cậu không ngăn được.

Sự lúng túng tiêu tan nhanh chóng, và cái ôm kéo dài lâu hơn khá nhiều so với cậu và cả cha cậu đã trông đợi. Rồi họ bước tránh nhau.

“Chúng ta sẽ đến nhà chị gái ông Patel lúc năm giờ.” Ông quay lại và định bước lên cầu thang. “À, sao con không mời Adeela nhỉ?”

Vimal nhìn chằm chằm. “Làm sao…?”

Cái nhìn trên mặt cha cậu rất bí ẩn nhưng thông điệp rất có thể là: Đừng bao giờ đánh giá thấp tin tình báo - theo cả hai nghĩa của từ này* - của các bậc phụ huynh.

Cha cậu rời xưởng và trèo lên. Vimal cầm viên lam thạch lên và bắt đầu xoay vòng nó trong tay một lần nữa, chờ đợi viên đá cất tiếng.

Trong tiếng anh intelligence vừa mang nghĩa là “thông tin tình báo” vừa là “trí tuệ”

CHƯƠNG 72

“Barry.” Rhyme đang ở trong phòng khách, nghe điện thoại qua loa.

“Lincoln. Tôi bực anh lắm đấy, anh biết không.”

“Thế à? Vì sao?”

“Tôi đang ở đáy của đáy. Anh đã biến tôi thành một loại scotch *thực thụ* đấy. Món đắt tiền ấy. Thực ra, Joan cáu anh lắm. Tôi thì không nhiều.”

Anh hơi ngập ngừng.

Rồi Rhyme nói, “Chúng tôi buộc tội được hắn rồi, Barry. Hắn sẽ ngồi tù mãi mãi. El Halcón.”

“Chúa ơi. Tôi tưởng vụ án còn chưa biết thế nào.”

“Nó đã thành chắc chắn.”

“Và chúng tôi tóm được cả đồng bọn của hắn. Gã người Mỹ.”

“Anh có làm gì liên quan đến việc đó không thế?”

“Không nhiều. Một chút thôi.”

Sales cười lớn. “Vớ vẩn. Tôi chẳng tin.”

“À, thì cứ tin những gì cậu muốn.”

“Đó là Lincoln Rhyme tôi biết và yêu quý.” Rồi để lảng tránh chủ đề ủy mị, Sales nói, “Này. Tôi đã nói chuyện với chị gái tôi rồi? Chị ấy có một ý tưởng. Tôi sẽ có một cái tay giả tạm thời. Chỉ có móc

thôi, anh biết đấy. Chị ấy sẽ mang bọn trẻ đến và đoán xem? Chúng tôi sẽ chơi trò Wolverine. Chúng sẽ vui lắm.”

“Cái gì kia?”

“Phim ấy. Anh biết mà.”

“Có cả phim về chồn gu-lô* ấy hả?”

Wolverine trong tiếng Anh-Mỹ còn có nghĩa là chồn gu-lô.

“Anh không đi chơi nhiều cho lắm nhỉ, Lincoln?”

“Chà, tôi mừng vì việc đó có ích.”

“Chúng ta sẽ gặp nhau sớm thôi. Tôi sẽ mua whiskey.”

Họ cúp máy và Rhyme đưa xe lăn quay lại bàn vật chứng trong lúc điện thoại di động của anh lại rung lên với một cuộc gọi đến.

Anh bấm Trả lời.

“Lincoln,” giọng nói trên điện thoại vang lên, bị tạp âm từ ghi-ta điện chặn mất.

Rhyme quát lại, “Rodney, vì Chúa. Bật nhỏ nhạc xuống.”

“Anh *biết* đó là Jimmy Page không.”

Anh thở dài. Dù chuyên gia Tội phạm máy tính không thể nghe được, do những đềxiben kia.

“Được rồi. Chỉ nói thế thôi. Anh có biết Led Zeppelin giữ vị trí số hai trong những album bán chạy nhất ở Mỹ không?” Szamek vặn nhỏ tiếng. Một chút ít. Bạn sẽ trông đợi anh ta có mái tóc xoăn dài ngang vai, da tô kẻ đậm và cơ thể đầy lỗ khuyên, mặc áo sơ mi hở đến tận rốn - nếu ngày nay các tay ghi-ta của ban nhạc rock

heavymetal vẫn còn trông giống như thế. Mặc dù vậy, thực tế trông anh ta hoàn toàn phù hợp với hình ảnh của một con mọt máy tính.

Amelia Sachs đi vào phòng khách, cúi xuống hôn Rhyme.

Szamek nói, “Tìm được vài thứ mà anh sẽ quan tâm về vụ Kimberlite này.”

“Anh gọi nó là thế đấy à?” Sachs hỏi. Giọng cô có vẻ buồn cười.

“Tôi khá thích cái tên đó. Cô không thích à? Nghe hay mà. K, chuyện tôi định nói là thế này. Cô đã gửi cho tôi số điện thoại ẩn danh của tay luật sư Carreras-López ấy? Tôi kiểm tra danh sách cuộc gọi rồi. Rất nhiều cuộc gọi đến lũ người đã bị bắt ở tòa án và bãi đỗ trực thăng ở trong khám.”

“Cái gì cơ?”

“Nhà tù ấy. Giống các bộ phim Viễn tây thời xưa. Trại.”

“Rodney. Vào đề đi.”

“Nhưng cái này thú vị này. *Hầu hết* cuộc gọi và tin nhắn là trao đổi với một ai đó ở Paris. Trong Arrondissement số Sáu. Tức là ‘quận’ đấy.”

“Tôi biết rồi,” Sachs nói.

“Bên trong và xung quanh Jardin du Luxembourg. Đó là một khu vườn. Nhưng chắc cô cũng biết rồi.”

“Cái đó thì tôi không biết.”

Szamek nói thêm, “Dù đó là ai, tay luật sư cũng đã gọi và nhắn tin cho ông ta hay bà ta rất nhiều lần trong vài tuần qua. Gần như là báo cáo vậy.”

“Có thể là một cố vấn,” Sachs nói, đi đến chồng hộp bằng chứng trên bàn kiểm tra. “Anh đã nghĩ luật sư là ông Y, kẻ lên kế hoạch tất cả chuyện này. Cũng có thể là người này.”

“Có thể.”

“Rhyme,” Sachs nói và cầm một túi bằng chứng lên. Đó là cuốn sổ kế hoạch của Carreras-López. Dán bên trong trang bìa là một tờ giấy nhớ có tên *Francois Letemps.* Một loạt số bên cạnh nó. Có thể là số tài khoản.

Tên người Pháp. Có phải đó là người đàn ông phía bên kia đường dây ở Paris không?

Szamek nói, “Nào, phần kỳ lạ đây này.”

Trong một vụ án vốn đã kỳ lạ rồi ư.

“Các tin nhắn này được mã hóa bằng đúng thuật toán mà hôm nọ anh hỏi tôi. Hệ thập nhị phân. Dùng các số từ 0 đến 9 cộng với số hai và số ba ngược. Chuyện xấu luôn đến cùng với nhau.”

Chúa ơi. Mắt Rhyme từ từ chuyển sang bảng vật chứng.

“Và không cách nào bẻ khóa được nó?”

“Cũng tương đương với khả năng tôi xuất hiện trên chương trình *Nhảy cùng Ngôi sao.”*

“Cái quái quỷ gì đấy?”

“Tức là bất khả thi ấy.”

“Tôi có việc bận, thế nhé.” Rhyme cúp máy và hét lên với Mel Cooper, “Cái gói chúng ta nhận được từ Cục tình báo thay thế? Gói chuyển hàng quốc tế ấy? Nó đâu rồi?”

Nó đã đến từ đêm qua nhưng Rhyme quá bận rộn với vụ án nên chưa xem được.

Cooper mở cái hộp. Trong đó không có thư, chỉ có một lời nhắn của Daryl Mulbry.

Đây nhé. Ý tưởng nào cũng có ích.

Cooper cầm phong bì đựng vật chứng nhỏ lên. Bên trong là một miếng kim loại nhỏ hình bán nguyệt đã xác định bị nhiễm phóng xạ, dù không phải liều lượng gây nguy hiểm. Rhyme quan sát nó.

Anh nhớ lại Mulbry đã lo ngại bộ phận kim loại co giãn này có thể là chốt hẹn giờ của một quả bom bẩn thỉu - một phần của kíp nổ cơ học, hòng tránh các biện pháp can thiệp để đánh bại kíp nổ điện tử.

Bây giờ thì Rhyme đã biết là điều đó không chính xác.

Nhưng sự thật đằng sau mẩu kim loại này thậm chí còn đáng lo ngại hơn.

Rhyme gọi ngay cho Mulbry.

“Lincoln! Anh khỏe không?”

“Không còn nhiều thời gian. Có thể có một tình huống đấy. Mẩu kim loại anh gửi cho tôi ấy?”

“Vâng.” Giọng người đàn ông nghiêm trọng ngay.

“Cho tôi hỏi mấy câu nhé.”

“Tất nhiên rồi.”

“Anh có tìm được gì thêm về nghi phạm, kẻ đã làm rơi cái này không?”

“Cuối cùng chúng tôi đã tìm được quán cà phê mà hắn ngồi trong lúc gọi nhiều cuộc điện thoại. Nó ở…”

“Gần Jardin du Luxembourg.”

“Mon dieu, Lincoln. Đúng. Làm sao…”

“Và đội EVIDINT tìm được gì?”

“Không có gì. Không dấu vân tay, không có manh mối nào hữu dụng, không ADN. Chỉ có mô tả nhân dạng thôi.”

“Là?”

“Đàn ông da trắng, khoảng bốn mươi, năm mươi tuổi. Nói tiếng Pháp hoàn hảo nhưng có thể lẫn cả giọng Mỹ.”

Đầu Rhyme ngửa ra sau tấm đỡ lưng bằng da. Ý nghĩ quay cuồng. “Nó không phải bom, Daryl. Không có vấn đề khủng bố gì cả.”

“Không à?”

“Anh không phải lo về nó.” Anh ngừng lời. “Tôi mới phải lo.”

“Anh á? Nghe bí ẩn quá.”

“Tôi sẽ gửi anh bản báo cáo chi tiết sau,” Rhyme bảo ông ta. Họ cúp máy.

Giờ anh lại nhìn lên biểu đồ. Không thể nào. Nhưng mặt khác…

“Rhyme, có chuyện gì?” Sachs hỏi. Cô đã để ý cái cau mày.

Anh không trả lời mà gọi lại cho Rodney Szamek và hỏi số điện thoại mà Carreras-López liên tục gọi đến ở Paris.

“Nó là một số ẩn danh đã chết, Lincoln. Chúng tôi đã định vị nó cả tá lần rồi.”

“Chỉ cần số thôi, được không.”

Rodney đọc cho anh.

“Cảm ơn,” Rhyme lẩm bẩm và nhìn vào các con số trong lúc cúp máy.

Anh đọc lệnh cho điện thoại gửi một tin nhắn đến số điện thoại ở Pháp. Đó là một tin nhắn rất đơn giản:

“Nhắn tin hoặc gọi số này. - Lincoln Rhyme.”

Sau khi ngắt kết nối, anh nói với Sachs, “Chẳng phải chúng ta đã nói toàn bộ âm mưu này quá phức tạp ư?”

“Vâng.”

“Và em có nhớ các tính năng cộng thêm của một cái đồng hồ được gọi là gì không? Như là ngày tháng, chu kỳ mặt trăng, thủy triều, các múi giờ khác nhau.”

“Chúng ta gọi chúng là complication*. Chuyện này là sao?”

Nguyên nghĩa là “sự phức tạp”. Trong đồng hồ, nó dành để chỉ các chức năng khác ngoài xem giờ.

“Gói mã hóa mà nghi phạm của Mulbry ở Paris đang dùng - và cả Carreras-López cùng đầu mối liên lạc của lão nữa - chúng được viết dựa trên hệ thập nhị phân. Giống như số giờ trên một cái đồng hồ.”

Anh hất cằm về phía mảnh kim loại. “Nó không phải là kíp nổ. Nó là lò xo đồng hồ. Và phóng xạ không tới từ một quả bom bẩn. Nó là radium trên một mặt đồng hồ hoặc đồng hồ đeo tay. Kẻ mà AIS nghi

ngờ… và gã được thuê để lên kế hoạch đào tẩu cho El Halcón là một. Và hắn có một sở thích. Lắp đồng hồ."

"Rhyme, không!"

Nhưng câu trả lời là có, anh tin là như vậy.

Kẻ nằm trong diện tình nghi không ai khác chính là Charles Vespasian Hale, mặc dù hắn thường dùng một tên giả được yêu thích là Richard Logan, nếu hắn không muốn bị quấy rầy nhiều. Tuy nhiên, Rhyme chỉ nghĩ về hắn với biệt danh Thợ đồng hồ.

Rhyme khẽ nhắm mắt lại, nhớ đến chuyện vừa ngày hôm trước anh đã nghĩ đến Thợ đồng hồ, và suy ngẫm rằng âm mưu của Nghi phạm 47, dù thông minh, nhưng vẫn chưa đạt tới đẳng cấp của Hale. Mặc dù bây giờ, khi đã biết rằng Krueger chỉ là một con rối, anh có thể nói rằng trong kế hoạch này, dấu tích của một thiên tài đã lộ rõ.

"Rhyme," Sachs nói. "Letemps. Tiếng Pháp nghĩa là 'thời gian'."

Anh bật cười. "Hắn có liên hệ với người Mexico. Nhớ vụ mấy năm trước không? Thợ đồng hồ được một trong số những các-ten thuê ấy. Đó là một vụ ám sát, nếu anh nhớ đúng. Chắc là Carreras-López đã nghe về hắn và thuê hắn để giúp thân chủ lão ta đào tẩu."

Sachs hỏi, "Anh có nghĩ anh sẽ nghe được gì từ hắn không? Ngay khi hắn biết chiến dịch đã thất bại, em nghĩ hắn sẽ vứt cái điện thoại ấy xuống sông Seine."

Nhưng Rhyme biết điện thoại vẫn còn và dùng tốt. Thợ đồng hồ sẽ giữ lại nó chỉ vì một lí do duy nhất mà thôi.

Không đầy mười phút sau điện thoại di động của Rhyme kêu - mấy lần liền - với một loạt tin nhắn.

> “Xin chào, Lincoln. Đã lâu rồi nhỉ. Anh vẫn khoẻ, từ những gì tôi nghe được. Trời, tôi đã lo ngại chuyện này có thể xảy ra. Tôi đã cố thiết kế vụ trốn tù của El Halcón ở nơi khác ngoài New York, vì lo ngại anh sẽ nhảy vào vụ việc. Buồn một nỗi chẳng có chỗ nào khác - cả cho El Halcón lẫn kế hoạch của tôi. Brooklyn là mắt xích an ninh yếu kém duy nhất.”
>
> “Và thế là tôi đã vẽ ra một kế hoạch thông minh nhất có thể, để lừa anh, nhưng chúng ta đã thấy việc gì xảy ra rồi. Tôi đã nhận khoản trả trước nhưng anh làm tôi mất toi ba triệu đô-la phần phí còn lại đấy nhé. Cái đó tôi không quan tâm lắm. Điều làm tôi bực mình là thiệt hại với danh tiếng của tôi kìa. Rồi tin đồn sẽ bay xa và người ta có thể nghĩ: Có lẽ những chiếc đồng hồ của hắn không còn điểm chính xác như trong quá khứ. Rốt cuộc, một chiếc đồng hồ dù mất chỉ một phần ngàn giây trong một năm vẫn là đồng hồ lỗi. Thời gian là tuyệt đối.”
>
> “Điều này không thể xảy ra lần nữa. Lần tiếp theo chúng ta gặp nhau - và chúng ta sẽ gặp lại, tôi hứa với anh - sẽ là lần cuối. Giờ thì, tạm biệt, Lincoln. Tôi sẽ để cho anh một câu nói này, câu mà tôi hi vọng sẽ làm anh thao thức suốt những đêm dài mất ngủ: Quidam hostibus potest neglecta; aliis hostibus mori debent.

Thân ái, Charles Vespasian Hale.”

Rhyme không phải một học giả cổ điển nhưng anh vẫn dịch đúng dòng chữ đó:

Vài đối thủ có thể bị bỏ qua; những kẻ khác phải chết.

Anh đọc tin nhắn lần nữa - để xem trong đó có dấu vết nào về nơi chốn Thợ đồng hồ đã gửi tin đi hoặc hắn định đi về đâu hay không. Không có gì. Thực tế đến lúc này thì chiếc điện thoại đã bị huỷ thật. Anh bảo Cooper tắt nguồn điện thoại của mình, gỡ pin và ném nó ra ngoài. Rồi gọi cho nhà mạng và huỷ luôn số đó.

Rồi anh chuyển sang máy bàn và nói vào chiếc micrô gắn kèm.

“Gọi Daryl Mulbry. AIS.”

Các con số hiện lên nhanh chóng khi bàn phím tự chạy.

Hai hồi chuông vang lên. Giọng một phụ nữ nghiêm trang trả lời: “Vâng?”

“Xin gặp Daryl Mulbry.”

“Tôi xin lỗi. Giờ ông ấy không ở đây.”

“Chuyện này quan trọng.”

“Tôi đảm bảo ông ấy sẽ nhận được lời nhắn. Nếu anh..

“Làm ơn nói với ông ấy là Lincoln Rhyme đang gọi.”

Một phút ngập ngừng. “Xin đợi một phút, thưa anh. Tôi sẽ gọi ông ấy.”

LỜI CẢM ƠN

Vô vàn lời cảm tạ dành cho toàn đội: Will và Tina Anderson, Cicely Aspinall, Sophie Baker, Felicity Blunt, Penelope Burns,

Giovanna Canton, Francesca Cinelli, Luca Crovi, Jane Davis, Julie Deaver, Andy Dodd, Jenna Dolan, Cathy Gleason, Jamie Hodder-Williams, Kerry Hood, Emma Knight, Carolyn Mays, Meriam Metoui, Wes Miller, Claire Nozieres, Hazel Orme, Abby Parsons, Seba Pezzani, Michael Pietsch, Betsy Robbins, Katy Rouse, Lindsey Rose, Roberto và Cecilia Santachiara, Deborah Schneider, Vivienne Schuster, Kallie Shimek,

Louise Swannell, Ruth Tross, Madelyn Warcholik.

VỀ TÁC GIẢ

Từng là một nhà báo, ca sĩ nhạc đồng quê và luật sư, Jeffery Deaver là tác giả có sách bán chạy nhất trên trường quốc tế. Các tiểu thuyết của ông đã xuất hiện trong danh sách bán chạy trên khắp thế giới, bao gồm danh sách của *New York Times, The Times* của London, *Corriere della Sera* của Ý, tạp chí *Sydney Morning Herald* và tờ *Los Angeles Times.* Những cuốn sách của ông đã được bán ở 150 quốc gia và được dịch ra hai mươi lăm thứ tiếng.

Ông đã được bầu hai nhiệm kỳ làm chủ tịch của Hiệp hội các nhà văn trinh thám Mỹ trong hai nhiệm kỳ.

Là tác giả của bốn mươi tiểu thuyết, ba tập truyện ngắn và một cuốn sách luật phi hư cấu, người viết lời cho một album nhạc đồng quê miền tây, ông đã nhận được hay được đề cử cho hàng chục giải thưởng.

Cuốn *The Bodies Left Behind* (tạm dịch *Những thi thể bỏ lại)* của ông đã được vinh danh là Tiểu thuyết của năm do Hiệp hội các nhà văn trinh thám quốc tế bầu chọn, và tiểu thuyết về Lincoln Rhyme *The Broken Window* (tạm dịch *Khung cửa sổ vỡ)* cùng cuốn sách

độc lập, *Edge* (tạm dịch: *Bờ vực)* cũng được đề cử cho giải thưởng đó, đồng thời với một truyện ngắn mới xuất bản gần đây. Ông đã được trao giải Steel Dagger và the Short Story Dagger của Hiệp hội các nhà văn viết truyện Hình sự của nước Anh và giải Nero, ông cũng là người ba lần nhận giải Ellery Queen Readers Award cho Truyện ngắn hay nhất Năm và một lần chiến thắng giải British Thumping Good Read Award. *Solitude Creek* (Tạm dịch: Rạch đơn côi) và *The Cold Moon* (Tạm dịch: Trăng lạnh) đều được xếp hạng nhất của *Kono Misurteri Ga Sugoi* tại Nhật Bản.*Trăng lạnh* cũng được vinh danh là Cuốn sách của Năm do Hiệp hội các nhà văn Trinh thám Nhật Bản trao tặng. Thêm vào đó, Hiệp hội tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm của Nhật Bản trao tặng *Trăng lạnh* và *Carte Blanche* (tạm dịch: *Toàn quyền hành động)* giải Grand Prix thường niên của họ. Cuốn sách *The Kill Room* (tạm dịch: *Phòng chết chóc)* của ông đã được trao giải Trinh thám chính trị của Năm do Killer Nashville công bố. Và tập truyện ngắn, *Trouble in Mind* (tạm dịch: *Tâm trí vướng bận)* cũng được đề cử giải hợp tuyển hay nhất của tổ chức này.

Deaver đã vinh dự nhận được giải Cống hiến trọn đời của Hiệp hội trinh thám thế giới Bouchercon và giải Thành tựu trọn đời Raymond Chandler ở Ý. Tờ *Strand Magazine* cũng trao ông một giải Thành tựu trọn đời.

Deaver đã được đề cử bảy giải Edgar Awards Hiệp hội các nhà văn trinh thám Mỹ, một giải Anthony, một giải Shamus và một giải Gumshoe. Ông đã được đề cử vào vòng trong của giải trinh thám hình sự TTV3 dành cho Tác giả nước ngoài xuất sắc nhất. *Thánh*

giá ven đường đã vào vòng trong giải Prix Polar International 2013. Ông cũng được đề cử cho một giải Shamus. Cuốn *The Starling Project* (tạm dịch: *Dự án kinh ngạc),* được đọc bởi Alfred Molina do Audible.com sản xuất, đã giành giải Audie Award dành cho cuốn sách nói gốc của năm trong năm 2015. Một seri tiểu thuyết do ông sáng tạo và có đóng góp, *The Chopin Manuscript* (tạm dịch: Bản thảo Chopin) cũng đã giành được vinh dự này.

Ông đã đóng góp vào tuyển tập *In the Company of Sherlock and Books to Die For* (tạm dịch: *Đồng hành cùng Sherlock và Những cuốn sách đáng đánh đổi mạng sống),* đã giành giải Anthony. *Những cuốn sách đáng đánh đổi mạng sống* gần đây còn giành giải Agatha.

Những cuốn tiểu thuyết gần nhất của ông là *The Burial Hour* (tạm dịch: *Giờ chôn)* và *The Steel Kiss* (tạm dịch: *Nụ hôn thép),* cả hai đều là sách về Lincoln Rhyme; *Rạch đơn côi,* tiểu thuyết trinh thám về Kathryn Dance; và *The October List* (tạm dịch: *Danh sách tháng Mười),* một tiểu thuyết trinh thám kể ngược. Dành cho tiểu thuyết về Dance, XO Deaver đã viết một album nhạc đồng quê miền tây, có sẵn trên iTunes và dạng CD; trước đó ông viết *Toàn quyền hành động,* một tiểu thuyết tiếp nối về James Bond, cuốn sách bán chạy nhất trên trường quốc tế.

Cuốn sách A Maiden's Grave (tạm dịch: *Ngôi mộ thiếu nữ)* của ông đã được dựng thành phim trên HBO do James Gamer và Marlee Matlin đóng, và tiểu thuyết *Kẻ tầm xương* là một bộ phim nổi bật của Universal Pictures, do Denzel Washington và Angelina Jolie đóng. Lifetime đã phát sóng một biến thể từ *Giọt lệ quỷ* của ông. Và lời đồn quả đúng sự thật: Ông đã xuất hiện trong vai một phóng viên

biến chất trong kịch truyền hình yêu thích của ông, *As the World Turns* (tạm dịch: *Khi thế giới xoay).* Ông được sinh ra ở ngoại ô Chicago và có bằng cử nhân báo chí của trường Đại học Missouri và bằng luật của trường Đại học Fordham.

Độc giả có thể ghé thăm website của ông tại www.jefferydeaver.com hoặc qua Facebook và Twitter.